

Chuyện Kể Hành Trình Biển Đông

Tuyển Tập 1

Mục Lục

- Tưởng Niệm Hương Hồn Các Nạn Nhân (Trang Yến Vy)
- Qua Con Hồng Thủy (Ngọc Loan)
- Đứa Con Của Biển (Vy Vy Trần)
- Đời Tôi Không Còn Gì (Đông Đoàn)
- Bức Hoạ Bên Đời (Nguyễn Thanh Trúc)
- Đèo Cả Vất Mẹ Địu Con Vượt Chết (Mặc Đông)
- Nỗi Khổ Của Một Thuyền Nhân (Thy Thy Thảo Uyên)
- Xếp Vào Kỷ Niệm (Lê Thị Hoàng Anh)
- Thủy Táng (Hong Nhung)
- Ánh Mắt Buồn Của Biển Đông Dậy Sóng (Trần Thu Nga)
- Trời Dạt Về Đâu (Nguyễn Hoàng Hôn)
- Một Lần Đổi Hướng (Tài Công MH 153)
- Cái Chết Của Người Lính (Nguyễn Thanh Hoài)
- Truyện Cổ Tích Viết Lại (Nguyễn Hoàng)
- Ơn Đời Biển Rộng (Nguyễn Sĩ Minh)
- Cánh Bèo Biển Cả (Văn Quí)
- Một Cái Giá Của Tự Do (Trần Văn Hương)
- Lời Nguyền Dưới Trăng (Song Quân)
- Đẹp Mãi Mùa Xuân (Tư Khắc Nguyên)
- Giác Mơ Của Biển (Nguyễn Thị Mỹ Hạnh)
- Người Con Gái Không Nịt Ngực (Amy Phương Lê)
- Bà Bảy Vượt Biên (Ngọc Đẹp)
- SOS (Dạ Châu)
- Lòng Nhân Ái (Tâm Hồng)
- Biển Đông Lục Bình Trôi (Trương Ngọc Bảo Xuân)
- Những Cánh Chim Không Mối (Tony Dương)
- Trên Đường Tìm Tự Do (Nguyễn Hữu Bảo)
- Sống Sốt Trên Biển (Huy Nguyên)
- Một Chứng Nhân Của Một Dân Tộc Yêu Chuộng Tự Do (Thanh Phong)
- Đời Bông (Nguyễn Sương)
- Trước Ngưỡng Cửa Thiên Đường (Nguyễn Thị Thanh Hằng)
- Nỗi Bất Hạnh Đời Tôi (Thùy Nhiên)
- Bỏ Nước Ra Đi (Diễm Kiều)
- Một Chuyến Đi (Văn Thơ)
- Chuyến Vượt Biển Hải Hùng (Hoàng Định)
- Không Biết Mình Còn Sống (Trần Đông Thành)
- Vượt Biên (Trần Thị Huyền)
- Tự Do Hành Trình Gian Nan (Phạm Tiến Nam)
- Con Đường Tìm Tự Do (Trần Văn Khanh)
- Vượt Thoát (Phạm Kim - Đặng Phúc Hoà)
- Cưỡng Bức Hồi Hương (THV)
- Hành Trình 200 Dặm Trên Biển Đông (Jimmy Le)
- Người Ở Lại Biển Đông (Hoàng Quân Trí Nô)
- Chờ Rác Biển (Nguyễn Tiến Đức)
- Nhật Ký của T (Vũ Thị Thiên Thư)

Tưởng Niệm Hương Hồn Các Nạn Nhân

Trang Yến Vy

Thoáng chốc, câu chuyện thương tâm xảy ra trên biển Đông năm nào, nay đã trải qua 22 năm thật nhanh chóng. Thời gian dù khá lâu, nhưng cứ mỗi lần hồi tưởng lại chuyến vượt biển đầy gian lao nguy khó đi tìm tự do đó, lòng tôi lại thấy lại rất rõ ràng từng chi tiết tất cả chỉ mới xảy ra hôm qua, cùng với những cảm giác ớn lạnh, bồi hồi để rồi nước mắt tôi lại dễ dàng tuôn ra, cổ họng tôi lại dễ dàng cảm thấy như muốn nghẹn lại. Không biết tôi khóc vì thương cho thân phận lưu lạc tha hương của chính mình hay cho những linh hồn thuyền nhân năm xưa nay đã khuất ?

Câu chuyện xảy ra hồi tháng 5 năm 1981, vào thời gian mà các cơ cấu hành chánh cũng như dân sự của bạo quyền Cộng sản đang rộn ràng chuẩn bị kỷ niệm cho ngày lễ Lao Động, chuyện canh phòng nghiêm ngặt những chuyến chuyển người vượt biên có hơi lỏng lẻo thì cũng là lúc gia đình của chúng tôi đã phải vội vã và âm thầm chia tay nhau trong nước mắt. Bước chân tôi như có một sức mạnh vô tình trì kéo lại, khiến cho tôi không thể nào dễ dàng bước đi mà ngăn được những giọt nước mắt bụi ngùi, trong khi mẹ tôi cứ ghé sát bên tai tôi căn dặn đủ điều. Một lần ra đi là một lần cách biệt. Không biết rằng chuyến đi này có còn cơ hội để chúng tôi gặp lại được nhau hay là một lần chia tay là một lần cách biệt nghìn trùng. Tôi đứng tần ngần với hai hàng nước mắt trào ra làm nhoe nhoét tất cả các cánh vật chung quanh lúc đó, hai tay tôi cứ níu chặt lấy cánh tay mẹ giống y như ngày đầu tiên năm nào, mẹ dẫn tôi đến trường học. Hình như mẹ tôi cũng đang khóc. Đôi mắt mẹ như tôi lại với ngân lệ lưng tròng. Mẹ tôi căn dặn tôi đủ điều trong lúc hai cánh tay của mẹ vòng ra như muốn ôm trọn lấy người tôi mãi mãi không muốn rời, càng làm cho tôi cảm thấy thương mẹ, cần mẹ hơn bất cứ lúc nào. Cho nên giây phút chia ly đầy nước mắt này, tôi mới thấy thấm thía câu tục ngữ ca dao mà tôi đã học ngày nào :

" Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra..."

Nếu không vì những biến đổi độc tài khắt khe của nhà cầm quyền Cộng Sản nhằm đưa đẩy Miền Nam và cả nước vào con đường thụt lùi thoái hóa, đối khổ khốn cùng với một tương lai ngu dân cực kỳ đen tối, có lẽ bản thân tôi hoặc rất nhiều những gia đình khác đã không phải chua xót trải qua những giờ phút chia ly đầy nước mắt như thế này và chắc chắn sẽ không bao giờ phải liều mình nhắm mắt, lao thân vào một chuyến vượt biển rầy đầy những gian lao thử thách, một sống chín chết như chuyến đi định mệnh mà tôi đã trải qua, chắc chắn sẽ chẳng có một đấng cha mẹ đành lòng nuốt trôi niềm đau đớn, đành đoạn để cho những đứa con thân yêu nhất của mình phải ra đi mà không biết đến ngày trở về.

Trước ngày ra đi, biết bao đêm tôi đã âm thầm khóc hết nước mắt, biết ngày tôi ử rũ chẳng còn thiết tha đến mọi việc chung quanh chỉ vì trong lòng tôi không hề muốn xa rời cha mẹ thân yêu của mình, không hề muốn mất đi những tháng ngày êm đềm thần tiên trong ngôi nhà ấm áp có cha mẹ, có chúng bạn thường tung tăng vui vẻ chơi đùa, chỉ vì nỗi lo sợ cùng cực khi tôi nghĩ đến những ngày đêm lênh đênh một mình trên con thuyền vượt biên bé nhỏ mà không một ai có thể đoán chắc được số phận may rủi sẽ như thế nào. Quả là một chuyến đi đầy thử thách, rủi ro... Có nhiều đêm tôi trần trọc không tài nào ngủ được. Tôi trần trọc với những ý tưởng đầy nguy hiểm đe dọa và những xúc cảm khi nghĩ đến không có mẹ không có cha bên cạnh một chuyến đi hải hùng, đến nỗi, có lần tôi gục mặt vào lòng mẹ mà thổn thức :

- Mẹ ơi ! Con có thể không đi có được không mẹ?

Giọng nói của tôi đầy nức nở nghẹn ngào càng làm cho nỗi lòng mẹ tôi thêm tan nát. Mẹ òa lên khóc lớn hơn khiến cho bà cô của tôi hốt hoảng, cô tôi lên tiếng can thiệp :

- Không được ! Con phải ra đi vì đó là con đường tương lai của con đó !

Rồi cô tôi quay sang phía mẹ tôi, cô mắng khê :

- Chị phải bình tĩnh để cho cháu yên lòng ra đi...

Rồi tất cả mọi việc như đã an bài. Tôi không còn lòng dạ nào để yên ổn ngồi suy nghĩ vớ vẩn nữa. Chuyện gì phải đến sẽ đến. Dòng đời cứ thần nhiên đưa tôi đi tới những gì mà tôi sắp sửa phải đối diện. Ngày lên đường, tôi nghẹn ngào từ biệt cha mẹ gia đình để âm thầm bước chân cùng đi theo với những người khác.

Vào một đêm không trăng sao. Trời tối đen như mực. Tôi bước từng bước đi theo chân người đàn ông hướng dẫn, hồi hộp tận cùng bên cạnh những người thân yêu để vượt qua một cánh đồng trống. Vì lo sợ bị bại lộ, người đàn ông hướng dẫn chúng tôi dặn không ai được mang dép để nếu rủi ro có chuyện xảy ra thì mọi người có thể chạy thật nhanh. Nhóm người cùng đi với chúng tôi cùng lặng lẽ rảo bước theo nhau trong đêm tối, vụt qua những hào hổ gập ghềnh, những cành cây khô đầy gai góc.

Hai bàn chân tôi dẫm lên không biết bao nhiêu lần những chông gai đau đớn, những mảnh sành cắt đứt từng vết dưới lòng bàn chân rướm máu để cuối cùng thì nhóm người của chúng tôi cũng tới được điểm hẹn. Những đau đớn và phập phồng lúc bấy giờ tuy có ghé gớm thật nhưng cũng chưa thấm thía gì so với những lo sợ vô vàn khi trước mặt tôi là một đại dương mênh mông đang âm ỉ tiếng sóng mà tôi biết Chắc chắn rằng, rồi đây, không bao lâu nữa, số phận của chúng tôi sẽ phải giao phó cho một định mệnh không biết may rủi sẽ như thế nào sẽ như thế nào, chúng

tôi sẽ may mắn tìm đến được bến bờ Tự Do hay sẽ vùi chôn xác trong lòng đại dương giá lạnh này. Tất cả cũng vì hai chữ TỰ DO.

Chiếc ghe vượt biển với một kích cỡ dự liệu chỉ vừa đủ cho khoảng 60 người. Nhưng cuối cùng, lại phải trở thêm tới hai mươi người "căn me"(tức là những người vượt biên không trả tiền) nữa. Con số thặng dư này tạo rất nhiều xáo trộn trong lúc chuyển người lên ghe, khiến cho chủ tàu rất hoang mang và lo sợ. Trong khi đó, lại vừa có một chiếc tàu tuần tiểu duyên phòng đi kiểm soát, càng khiến cho không những chủ tàu mà tất cả chúng tôi đều rất lo sợ công việc sẽ bị bại lộ, số phận tù đầy cực khổ đã hiện ra trong đầu. Chiếc tàu tuần duyên chạy xình xịch chậm chạp và chiếu đèn rọi vào về phía chúng tôi. Tất cả mọi người đều lo sợ pháp phòng và sẵn sàng để bị bắt. Nhưng dường như có một phép lạ vô cùng nhiệm mầu, khiến cho chiếc tàu tuần duyên đã không nhìn thấy chúng tôi. " Nó" đã chạy qua chỗ chiếc ghe vượt biên của chúng tôi, để lại những vệt sóng trắng xóa nhấp nhô trên con kinh nước chảy bập bênh.

Chiếc ghe của chúng tôi nhẹ nhàng chuyển mình rời bến đậu, từ từ vượt sóng tiến vào biển khơi. Qua được một đêm một ngày, chiếc ghe đã ra tới hải phận. Tôi ngoảnh mặt nhìn lại phía sau, chỉ thấy một chân trời mênh mông xa tắp, không hề nhìn thấy bến bờ xóm làng.

Đêm thứ hai, đại dương bắt đầu nổi sóng. Từng con sóng nhấp nhô vươn cao lên tới đỉnh đầu, rồi thụt sâu xuống lòng biển cả làm cho chiếc ghe mỏng manh bé nhỏ của chúng tôi như một cánh lá trôi nổi giữa dòng. Bầu trời đêm đen kịt không một ánh sao. Không gian thính thoảng loé lên những ánh chớp cắt ngang lưng trời, tiếp theo là tiếng sấm, tiếng sét kinh hồn tởa ra trên lòng biển đêm đen tăm tối. Con bão nhiệt đới kéo tới đập vùi con thuyền bé nhỏ của chúng tôi trong đêm đen đầy đe dọa. Từng đợt sóng lớn đánh mạnh xuống, làm cho thân ghe vằn vẹo trông tránh như muốn lật úp trên mặt đại dương đang đùng đùng dậy sóng. Mọi người trên ghe thất kinh thì thào van vái Phật Trời...

Bỗng cả tàu kinh hoàng hơn nữa khi chúng tôi phát giác ra chiếc ghe bị ngập nước sắp chìm. Tất cả những người đàn ông trên ghe thay phiên nhau tát nước. Nhưng tình trạng không có dấu hiệu khá hơn. Cuối cùng, chúng tôi phải chọn giải pháp chỉ để lại trên ghe một can xăng với một can nước uống. Kỳ dư tất cả những vật dụng cá nhân đem theo đều được bỏ xuống mặt biển cho chiếc ghe nhẹ hơn, mới mong vượt qua được cơn bão thập tử nhất sinh này và mạng người mới hy vọng được bảo đảm.

Sau khi mọi thứ đã được bỏ lại trong lòng đại dương, chiếc ghe mới lướt qua được từng đợt sóng cho đến sáng ngày hôm sau, chúng tôi mới thực sự thoát khỏi nanh vuốt đầy thịnh nộ của thủy thần. Đến lúc này, biển lặng sóng êm trở lại, những người trên ghe chúng tôi mới cảm thấy vừa đói, vừa khát vừa giá lạnh vô cùng. Cái lạnh đã thấm nhập vào tận mỗi tế bào của da thịt nhưng chúng tôi có còn gì đâu để mà giúp cho thân thể được ấm áp ngoài những lời cầu kinh và những điều tha thiết khẩn vái. Phản ứng của tất cả mọi người chúng tôi là đi lục lọi tìm lại chút lương khô nào đó may ra còn sót lại. Nhưng hỡi ơi ! Tất cả gói to gói nhỏ mà chúng tôi mang theo bên mình đều đã quăng xuống biển trong đêm hết cả, để rồi giờ đây chỉ còn biết nhìn nhau ngậm ngùi chia xẻ từng con đói khát và giá lạnh. Giờ đây gia tài còn lại của tất cả chúng tôi chỉ là một ít gạo và một can nước, chỉ đủ nấu cháo để cùng chia ra mỗi người được nửa chén cầm hơi mà níu kéo sự sống qua thêm được một ngày.

Đêm thứ ba lại đến trên mặt biển đen vô tình tiếng sóng vỗ bi bạch vào thân ghe như tiếng ma quái đe dọa, khiến tôi đã sợ lại càng thêm sợ pháp phòng khi nghĩ đến những câu chuyện linh thiêng của những người đi biển trước đây kể lại. Từng cơn đói khát lạnh lẽo dậy lên hành hạ khiến cho tôi liên tưởng tới mái ấm gia đình với cha mẹ và những bữa cơm no lòng, Với những đêm ngày ấm áp trong vòng tay thương yêu bao bọc của cha mẹ, của làng xóm quê hương thân thiết. Không biết trong lúc này cha mẹ của tôi, các anh em của tôi có thể biết rằng tôi đang phải chịu đựng từng cơn đói khát lạnh lẽo cùng với biết bao lo sợ vô hình đến có thể là người đi được.

Trong cơn mê đồng thiếp đó, bên tai tôi bỗng nghe có tiếng ai đó khóc than nghe thật nào lòng ai oán ! Tôi vội lắng tâm nghe ngóng, nhận ra được có cả tiếng khóc bi thiết của trẻ thơ. Rồi những tiếng khóc đó mỗi lúc như mỗi xa dần, chỉ còn lại lẳng đặng tiếng mõ cầu kinh. Tôi cho rằng, rất có thể chiếc ghe của chúng tôi đã trôi dạt và tới được một vùng đất liền nào đó. Tôi định lên tiếng hỏi người bên cạnh thì bỗng có tiếng của một thanh niên :

- Bà con ơi ! Chúng ta đã tới được Thái Lan rồi...Có ai nghe tiếng gõ mõ tụng kinh không?

Tôi và mọi người cùng xác nhận :

- Có...!

Trả lời xong câu hỏi thì bọn con gái chúng tôi bỗng trở nên lo lắng khi liên tưởng tới thảm cảnh sẽ gặp, nếu chiếc ghe của chúng tôi trôi ngang qua hải phận Thái Lan và với lứa tuổi 17, 18 như tuổi của tôi thì chắc chắn không thoát khỏi bọn chúng. Theo phản ứng tự nhiên, tôi liền lấy nhót đặc trên ghe để trét kín lên khuôn mặt của mình để bọn hải tặc Thái Lan khó lòng nhận diện, may ra thoát được tai nạn.

Tuy nhiên với anh tài công thì mọi việc lại không phải như chúng tôi đang lo nghĩ. Anh là người nắm chiếc la bàn đi biển trong tay, cho nên anh biết chiếc ghe của chúng tôi không đi về hướng Thái Lan. Với nhiều năm kinh nghiệm đi biển, hiểu rõ các hiện tượng trên biển cả, với những oan hồn uổng tử vùi thây trong lòng biển lạnh lẽo rồi hiện linh báo mộng, cho nên anh tài công ôn tồn khẳng định :

- Bà con nên giữ bình tĩnh, ngồi yên một chỗ, đừng hoang mang di động quá rất dễ bị lật ghe. Chúng ta hiện còn xa đất liền . Ai là người Công Giáo thì hãy đọc kinh. Ai là người Phật Giáo thì cũng cầu siêu cho các oan hồn uổng tử còn đang vất vưởng trên mặt biển khơi.

Nghe đến đây, tôi muốn thét lên vì sợ. Nhưng tôi kịp trấn tĩnh, quay sang ôm cứng lấy người bên cạnh. Chúng tôi chẳng ai bảo ai cùng khóc thương cho những con người bất hạnh, những đồng bào ruột thịt của chúng mình đã vùi thân trong lòng biển lạnh cũng chỉ vì hai chữ Tự Do. Trên ghe chúng tôi phần nhiều là người Công Giáo cho nên chúng tôi cùng bảo nhau đọc kinh khấn nguyện, và cầu siêu cho các linh hồn chết oan uổng trên mặt biển này.

Vì quá chăm chú cầu nguyện, cảm lòng cảm trí khấn khứa cho các linh hồn, nên tôi không biết những tiếng khóc òi trên mặt biển vắng đã chấm dứt từ lúc nào. Chúng tôi chỉ thấy rằng, sau đó chiếc ghe trở chúng tôi đã như có một phép màu nhiệm làm cho chạy rất nhanh và rất êm ái như đang lướt đi trên sông vắng để cuối cùng, vì đói, vì khát, vì lạnh quá mọi người đều thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn nhưng đầy sự bình an một cách kỳ lạ, cho đến khi những tia nắng ấm, êm dịu chiếu xuống chiếc ghe xơ xác của chúng tôi làm mọi người lúc bấy giờ mới bừng tỉnh giấc...Nắng ấm chan hòa khiến cho lòng tôi thêm an tịnh và thân thể cảm thấy khoẻ khoắn hơn.

Mọi người đã có thể nhìn nhau với nụ cười gương gao đầy tình thân chia xẻ. Chúng tôi cùng nhìn ngắm từng bầy cá Heo như đang chia xẻ niềm vui vô tình. Chúng nhảy lên từng đợt theo hướng chiếc ghe đang chạy tới.

Cho đến giữa trưa, khi ánh nắng đã chan hòa trên mặt biển như không hề có chuyện gì thì bỗng nhiên có một chiếc tàu Anh xuất hiện. Chúng tôi đồng loạt la hét ầm ĩ cùng với dải khăn trắng có viết sẵn chữ S.O.S được giăng lên. Chiếc tàu Anh đã cập sát tới cạnh chiếc ghe mong manh bé nhỏ của chúng tôi với một chiếc thang dây thả xuống để cho tất cả chúng tôi lần lượt được đặt chân lên chiếc tàu sắt to lớn đầy vững chãi mang ký hiệu của nước Anh đầy thân ái, đã ra tay cứu vớt chúng tôi từ một chiếc ghe vượt biển bé nhỏ như một chiếc lá giữa dòng biển rộng mênh mông đầy bất trắc hãi hùng.

Chúng tôi được những người trên chiếc tàu Anh đón nhận một cách đầy tình người với những bữa ăn nóng hổi thịnh soạn mà tất cả chúng tôi, có lẽ chưa từng ai được hưởng kể từ khi Cộng sản vào chiếm Miền nam yêu dấu. Chúng tôi đứng trên boong của con tàu nhân đạo đưa mắt nhìn vào lòng biển rộng dưới kia, thấp thoáng trong ánh nắng rực rỡ chói lòa trên làn nước bạc là chiếc ghe bé nhỏ đã cứu mạng, bảo bọc sinh mạng chúng tôi trong suốt mấy ngày nguy lao gian khổ vừa qua. Chúng tôi chỉ biết ngửa mặt tạ ơn Chúa Phật đã ban cho chúng tôi có được cơ may thoát hiểm. Nếu không có chiếc tàu Anh ra tay cứu vớt, không biết rồi sẽ ra sao, số phận chúng tôi rồi sẽ đi về đâu trong lòng biển cả vô tình...

Sau bao nhiêu năm dài sống trên vùng đất tự do no ấm, của cải dư đủ thừa mứa, không biết trong chúng ta, có ai còn nhớ lại lời hứa khi chúng ta còn đang ngụp lặn trong mệnh mang mưa bão và đói khát với gian nguy, với hàng vạn nỗi kinh hoàng?

Giờ đây, chúng ta hãy thấp lên một nén hương trầm để tưởng niệm những hương hồn của các thuyền nhân đã chìm sâu thân xác trong lòng biển lạnh năm xưa. Cầu mong cho các vong linh bất hạnh khốn khổ đó sớm siêu thoát vinh thăng, sớm được yên nghỉ trên đất nước trời. Những vong linh vì hai chữ Tự Do đã nói lên đây ắp sự can trường bất khuất, chẳng khác gì các vị anh hùng hào kiệt rất xứng đáng được ghi danh vào trang sử của dân tộc Việt Nam vào thời kỳ biến động với cuộc hành trình biển Đông xảy ra có một không hai trong lịch sử của thế gian cũng như giống nòi, để cho các thế hệ sau này có thể biết được chiến sử hào hùng của những anh hùng vượt chết đi tìm Tự Do trên biển cả, với ước vọng mưu cầu nhân quyền dân chủ và cơm no áo ấm cho toàn dân mà hiện nay còn đang bị Cộng Sản Việt Nam chiếm đoạt. Cũng còn là một phương pháp ngăn chặn áp bức, những nghiệt ngã điên cuồng mà những người Cộng Sản với guồng máy độc ác đang cai trị trên quê hương yêu dấu của chúng ta.

Cầu xin các vong linh của những thuyền nhân Việt Nam đã vùi thân trong lòng Biển Đông hoang lạnh năm nào hãy về đây chứng giám cho tấm lòng của những đồng bào thân yêu đang tha thiết khấn nguyện và tưởng niệm về nỗi bất hạnh mà các hương linh này đã phải trải qua.

Cali, 4/2/03

Qua Con Hồng Thủy

Ngọc Loan

Biên cô 1975 đúng là một cơn hồng thủy. Nó cuốn trôi cả xã hội Việt Nam vào dòng nước xoáy xuống vực sâu thăm thẳm... Gia đình tôi cũng không thoát khỏi cơn hồng thủy đó nên đã phải lênh đênh trôi dạt trên biển Đông, để tìm đường sống từ cõi chết.

Chuyến hành trình biển Đông bắt đầu vào tháng 6/1980. Tôi dắt ba đứa con nhỏ, đứa lớn nhất lên 10, bé nhất lên 5, và một thằng cháu con của ông anh lớn xuống thuyền... Chủ tàu dặn trước : mỗi người chỉ được mang theo một bộ quần áo, tuyệt đối không được mang theo đồ kèn cang, ăn uống do chủ tàu lo. Cần thận tôi mang theo một ít cơm nắm thịt ruốc, sợ các con tôi đói dọc đường. Tôi còn khâu vào bộ quần áo mang theo của chúng mấy chỉ vàng, phòng hờ chẳng may bị thất lạc, chúng có vật tùy thân.

Giờ đổ người lên thuyền bất ngờ vào giữa trưa, khác với những chuyến trước thường là vào ban đêm. Việc đổ người xảy ra thật nhanh, thật gọn, khiến tôi choáng váng đến ngộp thở, không nhận biết được gì.

Phút chốc tôi thấy mình bị đẩy lên thuyền vượt biên với ba con. Cùng lúc, có tới 4 hay 5 ghe nhỏ khác đổ thêm người lên thuyền. Sau đó, chúng tôi bị đẩy xuống khoang thuyền, rồi mấy người tổ chức vượt biên phủ lưới lên trên, nguy trang thành tàu đánh cá.

Ngồi trong khoang, tôi quan sát chung quanh. Thuyền này rất nhỏ, bề ngang chỉ độ một mét, bề dài hơn mười mét, lòng khoang hẹp ghép bằng những miếng ván và có những thanh gỗ đóng ngang cạnh thuyền cách nhau nửa mét. Phía trên chỉ có một lỗ thông hơi nhỏ. Về sau tôi mới hay mấy tàu chỉ có 3/4 mã lực và có tới ba mươi người lớn nhỏ "xếp cá mồi" trong thuyền.

Mấy người khỏe mạnh bắt đầu lần áp mẹ con tôi khiến chúng tôi ngộp thở vô cùng. Đứa út còn quá nhỏ cứ đòi ngồi trên lòng mẹ, các đứa khác ngồi trên những thanh lườn thuyền than khóc không thôi. Tôi phải cố nuốt lệ, cố tìm lời dỗ dành khuyên bảo chúng. Sau một ngày vật lộn với sự chen chúc và sóng gió, các con tôi đều mệt lả thiếp đi. Còn tôi phần vì lo lắng, phần sợ hãi nên cứ trơ trơ ngồi canh chừng trong tư thế khó chịu, đau đớn vô cùng.

Đến tối thuyền bỗng nhiên ngưng chạy. Hỏi ra mới biết vì máy yếu, trơ quá nặng nên không chịu nổi. Ngặt một nỗi, thuyền chưa ra hải phận nên ai cũng sợ bị tàu Việt Cộng bắt lại thì chỉ có nước ngồi tù cả đám. Trong lúc người lái tàu sửa máy, đám thanh niên leo hết lên boong thuyền tìm chỗ nghỉ ngơi sau một ngày mệt mỏi, thay vì ở dưới khoang phủ tất nước. Họ để máy dùng tất nước chạy phun khói mịt mù.

Vợ con chủ tàu an nhiên tọa hưởng trên cabin, chỉ khổ cho trẻ con và những bà mẹ như chúng tôi phải chịu cực hình xông khói. Chị bạn tôi thấy con cái ngộp thở, ho sặc sụa, van xin chủ tàu tắt máy mãi không được, chị bèn nguyên rửa, chửi bới om xòm về sự vô nhân đạo và việc làm tắc trách của chủ tàu.

Bọn chủ tàu và thợ máy không những không nghe, họ sẵn giọng mắng xuống : "Mấy bà im mồm đi ! Trước tội tôi cần vàng nên mới đưa mấy bà đi. Bây giờ không cần nữa, con mấy bà có chết cứ việc liệng xuống dưới biển, đừng có la lối."

Tôi biết nếu để tình trạng này kéo dài vài giờ nữa lũ trẻ sẽ chết ngộp do hơi độc carbon tỏa ra. Bản năng tự vệ nổi lên, tôi vệt mọi người ra leo lên boong, đồng dục : "Tôi xin lỗi tất cả các anh đi học tập có mặt trên tàu vì việc tôi sắp làm có thể nguy hại đến các anh. Tôi đứng đây chờ tàu hải quân Việt Cộng đi qua sẽ la to cho họ đến bắt. Giải cứu các con chúng tôi trước để khỏi bị chết ngộp, việc tù đầy tính sau. Tính mạng trẻ con là trên hết ! "

Do lời nói cứng cỏi và ý trí mãnh liệt của tôi, bọn họ đành phải bàn tính lại. Rồi họ tắt máy tắt nước, cho hết các trẻ con lên boong, các bà mẹ cùng lên theo, còn các thanh niên xuống cùng thay phiên nhau tát nước. Gàn sáng máy chạy được, tàu thoát ra khỏi hải phận. Thật hủ hồn !

Song, "Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai ". Đi được hơn một ngày, chúng tôi gặp ngay một tàu hải tặc Thái Lan. Vừa thấy tàu cướp, chủ tàu vội ra lệnh tất cả đàn bà trẻ con xuống hết khoang thuyền. Bị bít bùng, chúng tôi không hay biết chuyện gì xảy ra ở trên. Chỉ biết rằng chúng tôi sợ gần chết, vì đã từng nghe chuyện kể lại thể nào là hải tặc Thái Lan : Cướp của, giết người không gớm tay, hãm hiếp phụ nữ thật dã man...đều là nghề của bọn này !

Bỗng có lệnh gọi mọi người lên boong hết. Ba, bốn tên cướp súng dắt bên sườn, tay khoa mã tấu sáng láng. Chúng xuống khoang lục soát kiểm vàng. Rồi chúng lên bắt mọi người cởi hết quần áo để chúng khám xét. Bao nhiêu nhẫn vàng và đồng hồ đeo tay đều bị chúng lột hết.

Lùng sục xong trong khoảng một tiếng đồng hồ, chúng ra lệnh chúng tôi qua tàu chúng. Trong cơn giục giã, xô đẩy hỗn loạn của bọn cướp tôi cũng bị kéo qua tàu chúng. Trẻ con thì bị đẩy qua như thủy banh.

Nhìn lại, tôi thấy bị mất sạch hành lý trong có dấu mấy chỉ vàng, nhưng thấy còn đủ ba đứa con, tôi mừng rỡ chạy lại ôm chúng khóc nức nở.

Tôi len lén nhìn bọn hải tặc. Trời ơi! Chúng dễ sợ quá : đầu quấn khăn, mình để trần nhể nhại mò hôi quần mỗi cái sà-rông, tay lăm lăm mã tấu, trông như những quái vật đầu người mình thú. Tôi lo lắng không biết chuyện gì sẽ xảy ra và nghĩ thôi đành phó mặc cho số mệnh.

Nhưng bọn hải tặc cho chúng tôi ăn. Các con tôi sung sướng lắm vì đã hai, ba ngày nay từ lúc lên tàu đã bị đói khát. Những nắm cơm đi đường ít ỏi chúng đã ngốn sạch. Từ trước khi leo lên tàu chủ tàu có hứa lo đồ ăn đồ uống, nhưng họ làm ngơ.

Tôi đến nằm trên boong tàu hải tặc, tôi ôm chặt lấy đứa út và không ngớt cầu nguyện xin ơn trên ban phước lành cho các con tôi. Chợt tôi nhìn sang đứa con gái lớn 10 tuổi đang ngủ say, tôi sợ hãi và hối tiếc đã không cho nó mặc đồ giả trai. Chưa kịp nghĩ xa hơn thì những ánh đèn pin loang loáng rơi đến chỗ chúng tôi nằm. Một cô gái bị đánh thức dậy và đưa lên phòng lái. Rồi cô thứ hai, thứ ba... Họ là những cô gái tuổi xanh mơn mớn ! Tôi rùng mình sợ ánh đèn pin chiếu đến con gái tôi. Tôi thầm khẩn xin cho tôi thay cháu làm vật tế thần nếu có chuyện gì xảy ra, đừng để con tôi phải chịu họa này. Cả đêm hồi hộp lo âu, tôi không tài nào chợp mắt. Cũng may, bọn chúng chỉ bắt những cô gái trẻ lên để hành lạc chứ không man rợ hãm hiếp phụ nữ ngay trước mặt chồng con họ khiến cho vợ phát điên, chồng tự vẫn vì phải mục kích những cảnh kinh hoàng khủng khiếp đó, như các tàu hải tặc khác.

Sau đêm thỏa mãn thú tính, sáng ra hải tặc đuổi chúng tôi về tàu cũ đã bị cướp sạch những gì có thể cướp được và bị phá nát máy tàu để tìm vàng. Thế là chúng tôi lênh đênh trên biển cả, không có chút đồ ăn nước uống.

Sáng sáng tàu theo dòng nước trôi ra khơi, tôi tôi được sóng đánh dạt vào phía bờ ! Thấp thoáng như có bóng đảo Côn Sơn. Trong tình huống tuyệt vọng này, ai cũng mong được trôi dạt trở về. Tội tôi cũng cam lòng.

Tội nghiệp các con tôi, mới ngần ấy tuổi đã chịu cực hình ngồi bó gối trên những thanh gỗ nhỏ gỗ ghè, chịu nhịn đói ngày này qua ngày khác, và chịu dọa dẫm nóng thiêu đốt ban ngày, lạnh công xương ban đêm. Mỗi khi trời mưa chúng tranh nhau ra phía cửa khoang, ngửa miệng hứng từng giọt. Nhiều lúc chúng nức nở kể lể : "Sao mẹ bắt con phải đi khổ sở như thế này. con thèm nước đá chanh quá. Con thèm bát cơm rang quá !" Rồi chúng thay nhau kể ra những món chúng ưa thích : nào xá xị, hủ tiếu, nào chè cháo, bánh bao...! Nghe chúng than khóc, kể lể chủ tàu nạt lớn : "Im mồm chúng mày đi ! kể lể làm tội tao cũng bắt thêm luôn." Tôi vừa buồn cười, vừa giận bọn chủ tàu nhưng phải cố gắng trấn an các con với viễn vọng huy hoàng ngày mai này !

Nói sao hết nỗi đói khát, cơ cực giữa lòng biển cả mênh mông ! Nước biển tràn đầy xung quanh nhưng chúng tôi vẫn khát. Cá bơi lội ê hề nhưng chúng tôi vẫn đói. Đứa con gái lớn nói : "Con không chịu nổi nữa đâu. Thôi con nhảy xuống biển chết đi cho khỏe." Tôi phải ôm nó vào lòng dỗ dành, đã hết lời mà nó cứ làm tới, tôi dọa lại : "Con thử nhảy xuống xem nào." Nó ảm ức : "Con phải được uống một ly nước cho đã thèm rồi con mới nhảy xuống được." Tôi mỉm cười : "Nếu có một ly nước, mọi chuyện thay đổi ngay. Con ráng đợi ly nước đó nghe con."

Mấy đứa con tôi lịm dần trong cơn mê vì đói khát là người. Chúng như không còn cảm giác, lúc tỉnh lúc mê và đang đi dần vào một thế giới nào khác. Nhìn chúng, niềm đau lòng làm thắt ruột gan tôi. Tôi bỗng thù hận tất cả. Hận Cộng Sản đẩy người dân vào đường cùng đến nỗi phải liều mạng với biển rộng trời cao để tìm tự do. Hận đồng hành vô tình, ích kỷ, chèn ép mẹ con tôi. Hận cả chính mình, ngu muội và bất lực, không bảo vệ được con mình. Tôi hận, hận tất cả.

Sang đến ngày thứ 14, tình trạng các con tôi tệ hại vô cùng. Chúng lơ lửng, thân hình nhợt nhạt những phân và nước tiểu, thê thảm khôn cùng ! đứa út còn tệ hại hơn, vừa đói khát vừa kiệt lực nên khô đét như nắm xương bọc da nhăn nhúm, nằm thoi thóp nửa tỉnh nửa mê...

Đang lúc quá thất vọng. Bỗng có một tàu đánh cá Thái Lan xuất hiện. Cả tàu lại xôn xao, mọi người không còn gì để mất nên không sợ hãi như lần trước nữa. Tất cả chỉ mong được thức ăn nước uống... rồi chết cũng cam tâm. Để làm mùi lòng ngư phủ tàu Thái, vài người vội bồng con gái út bé nhỏ của tôi giờ cao lên đưa hướng về họ. Tội nghiệp con bé thoi thóp thờ trong chiếc hình hài chẳng giống người.

Tàu ngừng lại, nhìn qua và có lẽ thấy cảnh tượng thương tâm đó nên cứu mọi người. Khác với bọn hải tặc lần trước, họ rất tử tế thông dẫy qua giúp từng người sang hết tàu họ, bỏ lại con tàu ọp ẹp của chúng tôi sắp chìm trong sóng biển. Kiểm được đầy đủ các con an toàn trên tàu đánh cá rộng lớn, tôi mừng như chết đi sống lại. Mọi người được cho ăn uống no nê. Trẻ con được uống cả nước ngọt và sữa nữa. Tôi xin một ly sữa, nhỏ từng giọt vào miệng con út, nhưng cháu rất yếu chỉ thều thào nuốt được vài ba giọt.

Hỏi thăm tôi được biết ông chủ tàu Thái này trước đây đi đánh cá từng bị công an Việt Cộng bắt, may gặp một bà mẹ Việt Nam cứu thoát nên nay muốn trả ơn xưa.

Tàu vào gần đất liền, ông cố gắng tìm một làng đánh cá hẻo lánh và trong đêm đó chuyển lậu chúng tôi lên bờ. Xong vội vã ra khơi để tránh liên lụy vì chính phủ Thái và nhiều nước lúc đó không nhận cho người tị nạn Việt Nam vào.

Chúng tôi nằm ngủ thiếp đi dưới những gốc dừa. Sáng dậy thấy dân địa phương khám phá ra kéo đến xem chúng tôi. Cảnh thê thảm tang thương của đoàn người lưu lạc, sa cơ thất thế làm họ thương cảm sứt sùi. Rất tử tế, họ mang cho chúng tôi từng nải chuối, trái dừa, khoai bắp luộc...đượm thấm tình người. Sau đó chúng tôi được đưa đến trại cảnh sát Thái, được ở tạm trong khu chuồng bò để chờ Hồng Thập Tự Quốc Tế đến, và được cấp gạo, cá khô...

Mọi người sung sướng ăn uống no nê. Riêng con gái út tôi kiệt sức vì kiệt lực và mất nước nên nằm thoi thóp, rúm ró trong bọc vải. Chắc nó không sống nổi ba ngày nữa chờ Hồng Thập Tự đến giúp. Tôi vội hỏi mượn đám chủ tàu ít tiền để ra ngoài mua sữa cho cháu nhưng họ làm ngơ, lén lút dúi tiền cho con cháu họ mua quà bánh ăn. Túng quá, tôi ôm cháu ra ngoài chợ, mong dân địa phương thương hại để xin một hộp sữa cứu sống cháu. Vừa đến cổng trại

gặp ông Đại Úy Thái Lan cụt chân vậy lại hỏi tôi đi đâu. Tôi nói đi ra chợ xin hộp sữa cho con và mở cái bọc vải để lộ thân hình bé tí teo. Ông ứa nước mắt, nói không có sữa, rồi cho tôi 20 Bath tiền Thái Lan mà đi mua. Nhờ có 20 Bath (vừa đúng 1 đô la Mỹ) Tôi mua một hộp sữa, ít chanh, đường về pha cho cháu uống. Cháu từ từ hồi sinh, ba ngày sau Hồng Thập Tự đến, con tôi đã thoát khỏi ách tử thần.

Chúng tôi được chuyển đến trại tị nạn Song Kha và sau đó được chồng và hai đứa con trai lớn đã vượt biên năm trước bảo lãnh sang định cư tại Mỹ.

Con hồng thủy đã tràn vào nước tôi chìm bao nhiêu người dân lành xuống biển Đông? Đã hơn hai mươi năm trôi qua, chuyện kể vượt biển Đông vẫn như vừa mới hôm qua. Phải trải qua đói khát khổ đau, ô nhục và nước mắt thấy hết sự chịu đựng bền bỉ của những con người đành bỏ lại tất cả mà ra đi. Và trong kinh hoàng tuyệt vọng có những vị cứu tinh xuất hiện như những bông hoa nhàn ái nở giữa biển khổ trần gian.

Ngọc Loan

* Sinh ngày 5/8/1941 tại Hà Nội

* Cựu nữ sinh Trưng Vương

* Cựu Giáo sư Gia Long

* Đậu cử nhân Văn Khoa Sài Gòn 1966

* Đã xuất bản 2 tập "Thơ Nguyễn Lê" và tập truyện ngắn "Chồng Con" cùng với chồng là Song Thuận



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đứa con của biển

Vy Vy Trần

Đứa con của biển, hay là câu chuyện của một hài nhi được sanh ra dưới nước, trong một đêm mưa gió bão bùng, giữa đại dương mênh mông nổi sóng điên cuồng.

Đứa con của biển cũng là câu chuyện của nàng, một thiếu phụ Việt Nam, đã sanh con trong hoàn cảnh đẫm máu, hai tay bám chặt vào một cái phao đang bị cuồng phong và sóng bạc đầu đánh tả tơi ngoài khơi Đông Hải.

Đứa con của biển còn là một câu chuyện thật của một thiếu niên 17 tuổi, em học sinh Ngô Đình Đa đã hộ sanh sản phụ trong những giờ phút kinh hoàng, trên đỉnh sóng cao vút đang gào thét cùng với gió mưa, giữa đại dương đêm tối hãi hùng...

Câu chuyện bi hùng trên đây bắt đầu vào cuối tháng 7 năm 1979 tại biển Đông Việt Nam.

Vào lúc 12 giờ khuya đêm đó, trời mờ mờ tối, gần 350 người được dồn xuống hầm một chiếc tàu đánh cá dài 17 mét rộng 3 mét, máy 6 bloc. Trong số đó có chàng ngời co ro ôm hai con nhỏ, một trai 3 tuổi và một gái 6 tuổi. Còn nàng thì đã sắp đến giờ sanh, có thể lâm bồn bất cứ lúc nào.

Tàu quá nặng, thủy thủ vất bỏ lưới và nước đá ướp cá. Tài công dùng vải bố bịt ống bơm máy cho đỡ ồn. Sáng sớm hôm sau, tàu đã ra xa bờ. Nhiều người hướng về phía Tây, cố ghi lại lần chót hình ảnh quê hương yêu dấu, lòng bỗng chùng xuống, buồn tha thiết. Núi khuất dần theo những đợt sóng nhấp nhô... Phải chăng lần này ra đi là vĩnh biệt!

Tàu càng xa, sóng càng lớn, sóng lớn như mái nhà, tài công lái tàu theo lườn sóng cho tàu khỏi lật. Ai nấy say sóng, ối mưa, mùi hôi nồng nặc, nhưng nhờ có gió biển nên dễ thở đôi chút.

Tàu quá đông và chật, không ai có thể nằm xuống nghỉ ngơi được, chỉ ngồi bó gối. Thịnh thoảng nàng lại lấy cái kéo trong cặp quần ra lau chùi sạch sẽ, rồi lại cẩn thận lần kỹ trở lại cùng với cuộn chỉ đen nhỏ. Năm nay nàng trạc 30 tuổi, trông nàng còn có vẻ khỏe hơn chồng, người gầy nhom và nét mặt hốc hác.

Đến trưa thì từ xa một tàu lớn đi tới. Tài công ra hiệu S.O.S, tàu lớn làm ngơ không ngừng. Khi trời chập tối, may quá lại thấy một tàu lớn khác, tài công bắn trái sáng lên làm hiệu, tàu lớn sợ, bỏ chạy luôn. Con tàu nhỏ lại tiếp tục phấn đấu với sóng to gió lớn. Sóng bạc đầu lúc nào cũng như muốn nhận chìm chiếc tàu bé nhỏ, mong manh như chiếc lá tre.

Bỗng bầu trời u ám, mây mưa vần vũ, sấm sét, chớp nổ vang rền. Gió ào ào từ nhiều hướng đổ lại, xoáy vào nhau tạo thành cơn bão dữ dội, kinh hoàng. Đại dương mênh mông nổi sóng, điên cuồng, thịnh nộ. Mưa như thác đổ, con tàu mong manh bị bão tố đánh tả tơi, thâm... Có những lúc cả một khối nước bỗng dội tàu lên đỉnh sóng, rồi ném ngay xuống hố sâu thẳm. Mỗi lần như thế, mọi người lại như chết đi sống lại.

Lo lắng, kinh hoàng... Mọi người bắt đầu cầu nguyện. Trong đêm tối, trong tiếng gào thét của sóng, trong tiếng rít của gió và trong tiếng mưa đổ rào rào trên mũi tàu, tiếng câu kinh xen lẫn với tiếng khóc con nít vì đói khát, nghe thật náo nùng.

Qua ngày thứ hai, sóng vẫn lớn và gió vẫn dữ dội. Lại không có tàu lớn nào. Nước bắt đầu vô tàu. Mọi người đầu tóc, quần áo vốn đã ướt nhẹp, lại càng ướt sũng hơn. Lúc đầu, nước vô còn ít, về sau mỗi lúc mỗi nhiều, tình trạng thật nguy kịch! Thanh niên phải thay nhau tát nước ra. Mặt nước gần, có thể thò tay xuống. Tài công ra lệnh vất bớt hành lý cho nhẹ tàu.

Một số người đói quá, khát quá cứ từ từ ngất xỉu. Còn nàng, lâu lâu nàng lại lau cây kéo và kiểm soát lại cuộn chỉ nhét trong cặp quần. Lần này nàng lấy một sợi dây lớn buộc chắc cây kéo vào ngang lưng, chỉ sợ tàu lắc lư rơi mất.

Đến xế chiều ngày thứ hai, máy tàu bắt đầu trục trặc. Khói bốc ra ngợp thờ. Máy tàu nóng quá, phải ngưng chạy nhiều lần. Mọi người như ngất xỉu phần vì đói khát, phần vì say sóng, vì thế khi chủ tàu và tài công quyết định cho tàu quay mũi trở lại hải phận Việt Nam tránh bão, không có ai phản ứng gì cả.

Đến 10 giờ đêm, tàu đụng phải vật gì cứng, tàu khựng lại. Tài công và thủy thủ la lớn, sang số de. Máy nóng cháy, khói mịt mù. Đang de thì sóng lớn tràn vô tàu. Bỗng như có linh tính cho biết cái chết đã gần kề, mọi người im lặng, con nít ngưng khóc.

Một thiếu niên chừng 17 tuổi, tên Ngô Đình Đa, vội lấy hai thùng nylon làm phao, đưa một thùng cho bố. Em sợ bố không biết bơi nên dặn bố ôm thùng cho thật chặt.

Sóng và nước tạt vào tàu, tàu tróc mái, tả tơi. Tàu lật nghiêng 90 độ, hất người xuống biển như sung. Tiếng la khóc, tiếng chồng gọi vợ, tiếng cha gọi con vang động cả biển trời.

Thiếu niên và bố chui ra, gặp gia đình quen, vợ chồng con cái đứng ôm nhau khóc ở lối ra. Thiếu niên và bố nhảy liêu xuống biển. Chung quanh và trên tàu, tiếng người kêu khóc, câu cứu vang rền trong đêm giông tố hãi hùng.

Hai bố con bị sóng nhận chìm nhiều lần rồi lại nổi lên. Có lúc bố bị sóng đánh văng ra xa, em phải vận dụng hết sức bơi tới, túm áo kéo bố lên. Một số người còn đứng trên tàu la khóc cầu cứu. Một làn sóng lớn đánh ập tới, em

quay lại, không thấy tàu đâu nữa. Những người đứng trên đó cũng mất tiêu luôn. Em ngó quanh không thấy ai, đồ đạc trôi lênh bênh.

Bỗng dưới chân như có vật gì đang nổi lên, em đưa tay sờ thì đoán là nắp cabin tàu. Nắp cabin cùng với giấy điện chằng chịt, từ từ nổi lên mặt nước. Em bứt giấy điện cột chặt người bỏ vào nắp cabin.

Thình thoảng em lại thấy vài cái đầu đen nổi lên. Em bơi ra túm được một bé trai chừng 13 tuổi ôm phao bằng bánh xe nhỏ. Em lôi đứa bé cột vào nắp cabin cùng với bố. Phía bên kia mấy ngọn sóng, em lại thấy hai cái đầu đen khi ẩn khi hiện, em bơi tới và túm được mái tóc dài của hai cô gái chừng 15, 16 tuổi. Vận dụng hết sức lực và sau chừng 15 phút chiến đấu với sóng to gió lớn, em đã đưa được hai cô gái tới nắp cabin. Cả 5 người cùng ôm vào nắp cabin dài chừng 4 mét, rộng chừng một mét, nhưng nắp cabin mỗi lúc mỗi thấm nước cứ chìm dần...chìm dần...

Vừa khi đó, 5 người thấy từ đằng xa một đám đen nổi lên. Thiếu niên la to hai lần. Trong tiếng gào thét của sóng, hình như có tiếng người đáp lại, phần khởi, em la to thêm nữa, lần này quả thật có tiếng người đằng kia đáp lại.

Cả năm người cùng đạp chân, khoảng cách chỉ chừng 50 mét, nhưng phải mất hơn nửa giờ mới tới. Đám đen là một cái bè kết bằng phao dài 1m, rộng chừng 8 tấc, nhưng đã có chín người bám vào đó. Tới gần, thiếu niên rất ngạc nhiên khi thấy người thiếu phụ có bầu và cùng chồng và đứa con trai 3 tuổi đang bám vào bè phao. Không thấy đứa bé gái tuổi đầu cả. Ngoài ra còn có hai vợ chồng ông bà chủ tàu và hai con gái nhỏ trên mười tuổi có buộc phao an toàn. Cuối cùng có hai thanh niên chừng 20 tuổi. Tất cả những người này không một ai biết bơi.

Khi nắp cabin thấm nước chìm hẳn thì cả năm người bám qua bè phao, số người tăng lên 14. Bè phao nổi lưng chừng, nước ngập trên gang tay.

Cuồng phong càng lúc càng gập thét dữ dội, sóng bạc đầu trùng trùng lớp lớp, ầm ầm vây bủa tứ bề, vùi dập chiếc bè cùng với 14 người ôm yếu, đói khát. Nước lạnh căm, toàn thân thiếu niên đều nổi da gà. Có tiếng hăm răng đánh vào nhau kêu lắc cắc.

Người chồng quay qua thiếu niên, giọng nói thất thanh qua tiếng sóng : " Vợ tôi sắp sanh...nhờ cậu săn sóc giùm..."

Thiếu phụ hai tay bám vào thành bè, cổ ngược mặt lên khỏi mặt nước thở, thình thoảng nằng rên nho nhỏ...Có lẽ nằng chuyển bụng sắp sanh. Hình như nằng không còn có thể khóc được nữa....

Thiếu niên hốt hoảng, yêu cầu hai cô con gái ông bà chủ tàu nhường chỗ trên bè vì lúc đó hai bé gái ngoài người nửa trên bè nửa dưới nước. Ông bà chủ từ chối, viện lý do hai con sẽ bị sóng đánh văng ra. Cực chẳng đã, thiếu niên phải dọa : " không xuống thì tôi phải kéo xuống." Lúc đó vợ chồng chủ tàu mới chịu bỏ hai con tụt xuống, trên người hai em đều có buộc phao.

Thiếu niên và một thanh niên nữa giúp đẩy thiếu phụ sắp sanh lên bè. Nằng nằm đó nhưng nửa người nằm dưới nước lạnh căm. Đại dương, đêm tối, mưa bão mịt mù, trong tiếng sóng đổ ầm ầm, trong tiếng gió gào thét ào ào có tiếng rên la, mong manh, yếu ớt của thiếu phụ Việt Nam sắp lâm bồn.

Bỗng thiếu phụ nhồm dậy và la to : "Chắc sắp đến giờ sanh rồi..." Nằng tiếp tục rên khe khẽ. Thiếu niên kêu bà chủ hộ sanh. Bà từ chối, viện lý do chưa bao giờ hộ sanh, và cũng không biết hộ sanh.

Sau một vài phút rên, thiếu phụ lại nằm xuống, ngâm bụng bầu dưới nước lạnh buốt, rồi la lớn : " Nó ra rồi ! Nó ra rồi !"

Quỳnh quá, thiếu niên kêu hai cô gái lớn ra phụ. Một cô khóc òa lên. Một cô vừa méo mào vừa đưa tay xuống nước, sờ phải đầu hải nhi, òa lên khóc, còn khóc lớn hơn cô kia.

Người chồng, một tay bám vào bè, một tay ôm chặt đứa con trai 3 tuổi, nói với thiếu niên : "Chắc số cháu không sống được đâu, thôi để nó chết !!!..."

Lúc đó là nửa đêm, trận bão đang ở thời điểm tàn phá dữ dội nhất. Tất cả đều kiệt sức, mạng sống như sợi chỉ treo mảnh. Ban ngày, khi sắp sanh thì các tàu buôn lớn làm ngơ không cứu. Hoàn cảnh này có khác nào hoàn cảnh của Thánh Maria hai ngàn năm về trước. Trong đêm đông giá lạnh, thánh Maria sắp đến giờ sanh, cùng thánh Giu-Se tới gõ cửa nhiều nhà trong thành phố, nhưng không có nhà nào chấp nhận. Chúa Giê-Su hài đồng đã được sinh ra trong máng cỏ của chiên, lừa trong hang đá lạnh lẽo.

Không biết nhờ ai hộ sanh nữa, thiếu niên đánh liều, mặc dù có cảm giác rờn rợn. Em dùng hai chân bơi để giữ thăng bằng, hai tay thò xuống nước đụng phải đầu hải nhi. Một làn sóng đánh ập tới, em bị hất văng ra xa. Tiếng thở hổn hển của thiếu phụ mỗi lúc một khó khăn, dồn dập. Thiếu niên sải tay, đạp sóng bơi trở lại, nhờ hai thanh niên giữ giùm người mình cho chắc. Em đưa tay xuống nước tìm đầu hải nhi. Cái đầu nhỏ thó đã ra ngoài, nhưng còn vướng cái vai, em không biết có nên kéo mạnh ra không, hay là cứ chờ sản phụ vận sức đẩy hải nhi ra. Đang phân vân thì bỗng sản phụ rên lớn lên một tiếng và em cảm thấy toàn bộ hải nhi đã lọt ra gần hết, chỉ còn hai bàn chân. Em đánh bạo từ từ kéo hải nhi ra luôn. Hải nhi ra ngoài cùng với nhau bầy nhầy. Em lúng túng, không biết làm gì hơn là ôm cả hải nhi lẫn đồng nhau bầy nhầy lên khỏi mặt nước.

Người mẹ ngoài người lấy cây kéo cũ lúc nào cũng buộc ngang thắt lưng. Bà nhờ em cắt cuống rốn hải nhi. Vì sóng lớn quá, lúng túng mãi em mới cắt được cuống rốn và để dài chừng một gang tay như lời người thiếu phụ căn dặn: "Cậu nhớ giữ chặt cuống rốn, kéo gió cháu chết mất !" Thiếu niên một tay ôm hải nhi và bám vào thành bè, một tay bóp cuống rốn thật chặt. Sau một hồi lâu sản phụ mới tìm thấy cuộn chỉ đen lẩn trong cặp quần nhét giữa hai cái phao. Bà nhờ em cột rốn hải nhi, nhưng em không biết cột ra sao, trời thì nhá nhem tối, sóng đánh liên tục và quá mạnh muốn văng cả em lẫn hải nhi ra xa, sợi chỉ lại quá nhỏ. Lúc đó người chồng một tay ôm con trai 3 tuổi và bám vào bè, một tay cột rốn phụ với thiếu niên.

Bây giờ hải nhi bé nhỏ nằm gọn trong khuỷu tay thiếu niên, lơ lửng giữa trời nước, có mưa buốt lạnh đan áo, có sóng bạc đầu đưa nôi, có gió gào thét đưa ngủ. Hải nhi vẫn an nhiên tiếp tục giấc ngủ thiên thần từ trong lòng mẹ. Đã gần nửa giờ qua đi mà chưa nghe hải nhi khóc oe một tiếng. Bà mẹ nhòm dậy, nhìn qua hải nhi như mừng rỡ. Dưới ánh trăng lơ lửng có những giọt nước mắt rơi trên khuôn mặt người mẹ. Thiếu niên mừng thầm, hy vọng hải nhi sẽ sống sót. Bỗng từ xa một đợt sóng lớn và dài như dãy núi đen ngòm đang ầm ầm đổ tới. Thiếu niên thầm nguyện: "Lạy Chúa, xin cứu chúng con." Em vội la lớn cho mọi người bám chặt vào bè. Cả khối nước lớn ầm ầm phủ chụp xuống. Thiếu niên vội cúi đầu che chở cho hải nhi. Hải nhi đang khóc bỗng im bật. Chắc bị ngập nước mất. E khó sống. Bà mẹ còn đau, nằm ngửa ngâm dưới nước, nửa trên bè, hai tay bám chặt hai bên thành, bà không biết bà còn đủ sức bám chặt được bao lâu nữa trước khi bị sóng đánh văng ra.

Thiếu niên ôm hải nhi đã lâu, quá mỏi tay, nhờ ông chủ tàu ôm giữ. Ông ta từ chối, viện lý do không biết bơi. Một lần nữa em phải dọa: "Ông không ẵm giữ, tôi lôi ông xuống". Ông chủ tàu đành phải ôm hải nhi, nhào một nửa người lên bè phao cho hải nhi bớt ướt. Hai thanh niên bên cạnh không biết bơi, không dám giúp gì, chỉ biết nhường hai áo nylon đắp cho em bé khỏi mưa gió lạnh.

Người mẹ muốn cho con bú, nàng lấy tay day day cặp vú một hồi, nhưng xẹp lép, không có lấy một giọt sữa. Có lẽ vì nhịn đói cả hai ngày nay nên không còn chút sữa cho con. Nhìn con mà quá xót xa. Thiếu niên cố bơi ra xa, kéo hành lý trôi lềnh bềnh để tìm thực phẩm, thiếu niên chỉ toàn thấy xác người chết bắt đầu nổi lên.

Sau ba tiếng đồng hồ bị gió đập vùi, nhóm người đắm tàu bỗng thấy có ánh đèn phía xa. Ánh đèn như tia hy vọng sống còn loé lên trong tâm tư mọi người. Tất cả cùng ráng sức đạp chân đẩy bè tiến tới. Khi đến gần chỉ thấy nhiều hàng cột đáy, trên có chòi. Mặc dù cố gắng cách mấy cũng không tới gần được.

Lúc trời vừa sáng, khi tới gần thì bị sửa điện quán rít quá, lại phải bơi ra xa. Khoảng chín giờ sáng, vẫn không thấy núi, vì thế không biết bè trôi ở vị trí nào.

Bây giờ mọi người mới biết hải nhi là bé trai. Mắt nhắm nghiền, thoi thóp thở, nhỏ thó như con mèo, nước da còn tím thẫm. Nơi đây và giờ này, sản phụ Việt Nam không nằm giường, không bác sĩ, không y tá, không bạn bè, không hoa, không quả. Hải nhi không nôi, không mền, không cả một mảnh vải bao bọc. Từ trong bụng mẹ ầm ầm, ra chào đời là bị quăng ngay vào vòng cuồng phong thịnh nộ, bị vất ngay vào vòng đại dương nổi sóng kinh hoàng. Hải nhi Việt Nam, trần truồng, đầu đội trời chân đạp sóng, an nhiên giấc ngủ thiên thần, mặc cho sóng gió gào thét, mặc cho các tàu lớn làm ngơ tiếp tục hải trình với luật quốc tế về hàng hải bên cạnh thuyền trưởng, mặc cho các nhà cách mạng trên thế giới đang nỗ lực giải phóng con người, mặc cho các lãnh tụ thế giới đang hằng say thảo luận và hô hào bảo vệ nhân quyền.

Mạng sống của sản phụ và hải nhi mong manh như ngọn đèn trước gió, thời gian là phút giây. Bà mẹ vẫn còn mệt lả, máu đỏ vẫn rỉ ra hòa lẫn với sóng biển. Em thiếu niên ái ngại, nếu máu cứ tiếp tục chảy ra, sản phụ e khó sống. Cá mập, hung thần đại dương, chúng đánh hơi mùi máu rất lẹ, xa hàng chục cây số, chúng tới tiến công rất nhanh, biết lấy gì chống đỡ! Lo như vậy, nhưng em không dám nói ra. Mọi người đều kiệt sức, phần vì đói, khát, phần vì mất ngủ, say sóng, hơn nữa lại ngâm mình dưới nước lạnh đã khá lâu. Tìm được một ít lương khô, gói nào cũng ướt sũng. Có vài trái chanh, chia nhau mỗi người vài múi.

Đến trưa bão tan dần, bỗng thấy một tàu đánh cá từ xa, vừa mừng vừa lo, nếu là tàu hải tặc Thái Lan, e khó sống. Tuy nhiên cũng đánh liều la lớn, nhưng vì xa không nghe, không thấy nên tàu bỏ đi luôn. Sau đó một tàu đánh cá khác tiến về phía bè. Tàu chạy vòng vòng chung quanh, nghe ngư phủ nói tiếng Việt, mừng quá. Thế là chắc chắn được cứu sống. Tàu đánh cá ngừng lại, kéo mọi người lên. Sau đó thêm một tàu đánh cá nữa tới. Cả hai tàu cùng đi về phía các đáy, kéo lưới lên, hàng trăm xác chết vương trong đó: Xác đàn ông, xác đàn bà, xác con nít, xác người già, xác chết thanh niên nam nữ!

Trong số gần 350 người ra đi, chỉ còn 14 người sống sót, thêm đứa con của biển mới sanh giữa những mảnh vụn của con tàu bị bão tố đánh vỡ tan tành trong đêm tối. Những người sống sót này lại trở về điểm khởi hành. Còn hơn 300 người kia, lúc ra đi họ không ngờ rằng đây là cuộc hành trình chót của đời họ. Cuộc hành trình của họ trên biển Đông đã trở thành cuộc hành trình vượt thoát ra khỏi thế giới loài người, cái thế giới có quá nhiều hận thù nhưng có quá ít tình thương, cái thế giới chìm đắm trong bóng tối tội lỗi, sống trong u mê với quá nhiều khổ đau.

Cuộc hành trình trên biển Đông đã đưa hơn 300 anh linh về cõi bất diệt, nơi không còn hận thù, không còn ước muốn, không còn bóng tối u mê, nơi chỉ có hạnh phúc toàn vẹn, vĩnh cửu.

... Vy Vy Trần ...

Bức Hoạ Bên Đồi

Nguyễn Thanh Trúc

Tôi vẽ đứa bé ngồi trên ghe
 rồi tôi vẽ đại dương
 mênh mông
 đứa bé nhìn tôi
 cầu cứu
 Tôi vẽ bến bờ bình yên.
 Tôi vẽ đứa bé đứng bơ vơ
 rồi tôi vẽ đường đời
 quanh co
 đứa bé nhìn tôi
 thăm hỏi
 tôi vẽ bước chân xoải dài.
 Tôi vẽ đứa bé mắt rung rung
 rồi tôi vẽ đời
 muôn vẻ
 đứa bé nhìn tôi
 chột hiểu
 tôi đang vẽ tôi

Có người đã từng nói một câu rất chí lý: "Cuộc đời là hành trình không bến đỗ. Mỗi gia đoạn của cuộc đời là một phần của hành trình". Chuyến đi này đã đưa dắt tôi sang một bước ngoặt lớn của cuộc hành trình trên đường đời.

Sau năm 1975, có hàng triệu người đã liều mình ra đi. Trong số ấy có biết bao người làm mồi cho cá ngoài biển Đông. Rồi không ít người bị bắt lại. Đến nỗi trong thiên hạ đã có câu vè: "Một là con nuôi má, hai là má nuôi con, ba là con nuôi cá..." Thế nhưng vẫn có vô số người lên lút tìm đường đi vượt biên. Gia đình tôi gồm có ba mẹ tôi, em gái tôi, và tôi. Chúng tôi đeo bông nhau thử mọi nơi, từ Cam Ranh ra Nha Trang, xuống Bà Rịa, qua Vũng Tàu, vào Rạch Giá, ra Rạch Sỏi, đến Cà Mau. Đi đến đâu cũng thất bại. Tiền mất mà còn bị tù tội. Tưởng chừng như hy vọng không còn. Mãi sau này, cơ hội đến thật bất ngờ. Lúc bảy giờ đi vượt biên theo đường bộ (thật ra là nửa bộ nửa biển) đang được thịnh hành vì có nhiều cơ hội đến bờ và ít gặp cướp biển. Điều duy nhất làm ba mẹ tôi khó nghĩ là chuyến đi chỉ còn một chỗ trống. Và vốn liếng còn lại của gia đình cũng chỉ đủ cho một người đi. Ai đi, ai ở? Sau hai đêm đắn đo suy nghĩ, Ba mẹ tôi hỏi tôi có dám đi một mình không? Vẫn biết nhiều trở ngại đón chờ trước mắt nhưng thật sự tôi không thể nào lưỡng lự trước những trở ngại đó lớn thế nào so với sức chịu đựng của mình. Trong khi đó nếu ở lại thì con đường vào đại học của mình đã bị đóng lại. Thế là tôi nghe lời ba mẹ ra đi.

Mùa hè năm 1987, trưa nắng vàng con người. Tôi ngồi thu lu trên chuyến xe đò Sài Gòn - Cần Thơ, ôm một cái túi đựng một bộ đồ duy nhất của mình. Một giờ xe mới chạy mà bây giờ hành khách đã nhón nháo trên xe. Phần lớn khách trên xe là các dì, các mợ đi buôn hàng. Họ hình như có vẻ quen mặt nhau. tiếng than thở lời lỏ, ế ẩm chen lấn tiếng rao bán hàng cứ xoáy vào tai tôi. Lần đầu tiên ngồi xe đò, khiếp thật! Người ta nói quả không sai "Tai nghe không bằng mắt thấy". Thêm vào tâm trạng nơm nớp lo sợ của kẻ đi vượt biên. Tất cả yếu tố trên làm chuyến đi về miền Tây đầu tiên trong đời mất phần thú vị!

Tôi tới thánh phố được mệnh danh là Tây Đô vào khoảng xế chiều. Có lẽ tôi xuống xe sớm hơn nếu chiếc xe thô tả không bị hư dọc đường. Ra khỏi bến xe hỗn độn, quẹo trái qua thêm một dãy nhà rồi quẹo phải mới đến được quán cà phê Mỹ Hương. Tại quán này tôi gặp người dẫn đường. Anh ta dắt qua không biết bao nhiêu là đường, hết đường lớn tới đường nhỏ. Hết đi bộ thì đón xe đạp lôi. Thành phố Cần Thơ ban đêm rất bình dị với những chiếc xe đạp lôi xuôi ngược. Mãi đến khi tới trời chúng tôi mới về nhà anh ta. Đến nhà anh ta thì cũng vừa kịp lúc người nhà đang chuẩn bị thức ăn cho khách. Có bốn người khách cả thầy tính luôn tôi. Chuyến đi này chỉ có năm người. Tất cả đều là phái nữ. Chị lớn tuổi nhất cỡ tuổi trung niên, là chị ruột của người dẫn đường. Chị biết nói ít tiếng Miên. Một chị người Sài Gòn. Một chị từ Cần Thơ và một chị từ Mỹ Tho cùng độ tuổi đôi mươi. Và tôi nhỏ nhất trong đoàn. Sáng hôm sau, trời vừa chạng vạng sáng anh ta dắt chúng tôi ra bến xe đó đi về thị xã Châu Đốc. Lại ngồi xe đò. Lần này đỡ hơn vì ngồi bên cạnh tôi không phải là một bà to bự như chẳng mà là một chị đi chung đoàn. Đến thị xã Châu Đốc, chúng tôi lên lỏi vô đoàn thiện nam tín nữ về viếng chùa bà. Rồi chúng tôi lên phà qua sông. Đến xế trưa thì cả đoàn tới biên giới Việt Miên

Đến biên giới Việt - Miên, người dẫn đường ra dấu cho chúng tôi lẫn vào đám bụi cây. Anh ta nói vài câu gì đó với một người Miên để bàn giao rồi bỏ đi. Người dẫn đường mới của chúng tôi bây giờ là anh chàng Miên, sáu người chia nhau lên ba chiếc xe honda ôm. Xe chạy qua đường đất đỏ mù trời. Chập tối thì chúng tôi đến trạm xe hàng.

Mấy đứa con gái được nhét vào trong thùng của một chiếc xe hàng. Người Miên dẫn đường thì ngồi cạnh tài xế. Lúc lắc bên cạnh những cái thùng không được bao lâu thì xe hàng dừng lại. Cảnh sát Miên chặn xe và bắt chúng tôi ra khỏi thùng xe. Trong lúc người dẫn đường còn đang năn nỉ mấy ông cảnh sát Miên, thấy không ai để ý, chị trong đoàn dẫn chúng tôi lên chạy trốn. Cũng may là người dẫn đường kịp thấy hướng chạy của chúng tôi. Anh ta theo kịp và tìm thấy chúng tôi trước khi chúng tôi bị lạc vào đám rừng.

Thế là chúng tôi đi bộ xuyên rừng. Cứ đi chừng hơn tiếng thì dừng lại nghỉ một chút. Đi hết đêm đến sáng trong rừng, không thức ăn, không nước uống. Hai con mắt tôi vừa cay vừa xót. Mí mắt mở không muốn lên mà đôi chân cứ phải bước. Không theo kịp đoàn thì bị lạc. Nếu mà bị lạc giữa đám rừng này thì tôi chết chắc. Trời vẫn còn chưa sáng trong khu rừng nhiệt đới. Đang đi thì bỗng dưng người dẫn đường đứng khựng lại. Chẳng biết từ đâu xuất hiện trước mặt chúng tôi một toán người. Toán người này mang họa cho những người băng rừng. Chúng tôi bị trói thúc ké vào nhau từng đôi một. Một chị trong đám chúng tôi bị kéo ra. Mặc chị kêu la khóc lóc van xin, họ vẫn điềm nhiên làm điều họ muốn làm. Chúng tôi nhìn nhau nước mắt đầm đìa. Tôi khấn thầm các đấng thần linh giúp đỡ, lòng khiếp sợ, sợ đến phiên mình. Trời dun rui, có một số người địa phương đi ngang qua khu đó. Bọn thổ phi thấy động bỏ chạy, bỏ lại chúng tôi người thì bị trói thúc ké, kẻ thì như nhộng con ro than khóc. Sau một thời gian định thần, dẫu mệt lả chúng tôi vẫn tiếp tục lên đường. Đi ra khỏi rừng thì mới mong thoát được bọn thổ phi.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng ra khỏi được đám rừng, tìm được xe về hướng Nam Vang. Nam Vang là một thành phố lớn với đèn xe như mắc cửi. Anh dẫn đường dẫn chúng tôi vô một quán. Nói là quán chứ thật ra đây là một cái động. Chúng tôi được lừa xuống một cái hầm nhỏ dưới gầm giường. Chúng tôi được ăn ít bánh nếp. Cái thứ bánh nếp chẳng có nhưn gì hết vậy mà ngon đáo để. Bữa ăn đầu tiên kể từ khi chúng tôi rời Cần Thơ. Dưới hầm tối như bưng. Mặc dù vậy tôi vẫn có thể nghe được tiếng động bên ngoài. Những gì xảy ra bên trên miệng hầm đều được nghe rõ mồn một. Tôi vừa ngủ gục thì nghe một tiếng động lớn trên đầu. Rồi như là có tiếng một ông say nhẹ nhẹ nói vài câu tiếng Miên. Sau đó là tiếng rên la, tiếng cọt kẹt của chiếc giường. Sao mà tương lai chúng tôi tối như chiếc hầm tôi đang ngồi vậy. Lạy trời cho họ đừng nổi máu gian ác bắt chúng tôi lên làm như họ. Trong lúc khiếp sợ, tôi không biết làm gì hơn, chỉ nắm tay chị ngồi kế bên mình. Chị ấy cũng run rẩy như tôi. Hai chị em nắm chặt lấy tay nhau. Hai hàng nước mắt lăn dài xuống má, xuống môi, mặn kinh khủng.

Chạng vạng sáng, người Miên dẫn đường trở lại và đưa chúng tôi rời cái quán đó. Hình ảnh của những màn cụp lạc vẫn còn ám ảnh trong đầu. Chúng tôi lên xe buýt rời khỏi thành phố Nam Vang để đi đến một tỉnh nhỏ. Mãi cho đến nay chẳng biết tỉnh này tên gì nữa. Người dẫn giao cho chúng tôi một ít tiền Miên rồi biểu chúng tôi lặng vẳng gằn rạp hát trong tỉnh. Anh ta biến mất đến tối mới trở lại. Anh ta dẫn chúng tôi len lỏi qua những đường lầy lội rồi cuối cùng lên vào cửa sau một căn nhà nhỏ. Tương khá gì, lại bị xuống hầm. Cái hầm có vẻ rộng hơn và khá yên tĩnh hơn cái hầm ở Nam Vang. Bù lại, chúng tôi được ăn uống đầy đủ. Mãi khuya hôm đó, người dẫn đường dắt chúng tôi từng người một ra cửa sau. Nghe tiếng sóng tôi mới biết căn nhà này sát mé biển. Tôi run bắn lên khi bị dắt xuống nước vì không biết bơi. Sợ bị chết đuối nên tôi định nói là tôi không biết bơi. Nhưng vừa há miệng ra nói chữ "tui" thì đã bị anh dẫn đường dùng tay bịt kín miệng tôi lại. Chỉ còn cách nín vào tay anh mà đi. Cũng may nước khoảng chừng ngang vai thì ra đến chiếc ghe nhỏ. Tôi còn tưởng đây là ghe "taxi" để đưa chúng tôi ra tàu lớn. Nhưng không đây chính là chiếc ghe đưa chúng tôi vượt biển. Anh ta lội vào bờ, để chúng tôi trên ghe với vài người tài công.

Chúng tôi bị lừa xuống hầm ghe. Vì hầm không đủ chỗ nên chúng tôi trong tư thế nửa nằm nửa ngồi. Ngồi tàu, lại thêm bị say sóng. Chưa hết, chiếc ghe bị vô nước, nước trong hầm ghe ngập đến vai. Vì sống còn, chúng tôi phải thay nhau tát nước. Thật ra chỉ tát nước mới được ngồi gần miệng hầm mà thở chút không khí. Tôi bị mùi dầu làm cho ngộp thở. Tôi ói ra đó, khóc cũng ra đó, và tiểu cũng ra đó. Ai cho lên hầm ghe mà đi đâu. Tôi cũng chẳng biết mình ngồi trong tình trạng dở sống, dở chết đó đến bao lâu nữa. Gần sắp xỉu thì mấy người tài công dẫn chúng tôi lên trên khoang ghe. Tưởng đã tới nơi tôi mừng quỳnh. Ai dè không phải. Chúng tôi được đưa lên một cái hoang đảo.

Họ biểu chúng tôi ở đó chờ họ đi lấy thức ăn. Chúng tôi cứ chờ, chờ hoài, chờ mãi. Chờ không nổi nữa, chúng tôi đi men theo bãi đá tìm xem có gì lót lòng. Hoàn toàn không! Không đồ ăn, thức uống, tôi thấy phía xa xa có đám người mặc áo đỏ, áo vàng. Nghĩ bụng ít ra mình cũng gặp may. Họ có thể có tí đồ ăn. Tôi đi về phía họ, đi mãi mà họ vẫn ở phía trước. Mệt lả, tôi ngồi phệt xuống đá. Nghĩ chắc mình bị lừa bỏ chết dục ngoài hoang đảo, nên mấy chị em cởi áo hua lên cao mỗi khi thấy bóng dáng chiếc ghe nào đó ngoài khơi xa. Thà bị bắt về ngồi tù còn hơn bỏ xác nơi đây. Mưa. Mưa như tát nước vào mặt. Tôi có nước uống rồi. Chúng tôi hái lá làm phễu, múc nước mưa đọng trên chỗ đá lõm để uống. Đám người áo vàng áo đỏ giờ không thấy đâu nữa. Tôi đến mấy người tài công trở lại và tìm được chúng tôi đang núp sau tảng đá to. Lại phải chui xuống cái hầm ghe đầy nước nhìn nhợn người. Tôi nghĩ nếu mình chết thì xong. Khỏi bị cảm giác say sóng thiệt chịu hết nổi. Gần chết thật thì ghe đến bờ Thái Lan.

Sau nhiều đêm đi bộ, xe honda ôm, xe hàng, và ở trên ghe, trên hoang đảo...Cuối cùng tôi đã đến được nơi mà tôi muốn đến trong tình trạng: Hai hàm răng bị tê cứng, quần áo nhớp nháp, chân bị đá cắt nát đang sưng tấy. Một người lính Thái đã phát hiện chúng tôi trên bãi đá. Chiếc xe cam nhông đưa chúng tôi về trại lính làm thủ tục lục soát. Chúng tôi được đưa vào một ống xi măng thật lớn, trống hai đầu. Cái ống xi măng này giống như một đoạn ống cống chờ được đặt xuống lòng đất. Tại đây chúng tôi được ăn một bữa cơm với canh chua đậu que. Và rồi xe

cam không lại đưa những người tị nạn bị bịt mắt đến Klong -yai. Đây là trại tiếp nhận tị nạn chờ ngày làm thủ tục đưa về trại tị nạn chính Panat Nikhom.

Ở Klong-yai, tôi phải đi nằm viện hết vài ngày vì chân bị đá cắt nhiễm trùng. Nằm trong bệnh viện nhìn những đứa trẻ địa phương quanh mình có thân nhân vào thăm nuôi mới thấy thấm thía nỗi cô đơn xa người thân.

Gần hai năm trong trại tị nạn, tôi nhớ nhà tê tái. Mặc dù mặt trời mùa hè Thái Lan rực rỡ, nhưng đời tị nạn của tôi bắt đầu bằng những chuỗi ngày lặn đạ, âm u.

Lá Thư Trại Tị Nạn

Mẹ yêu kính, đã gần năm xa mẹ!

Lê bước buồn, con, một kẻ lưu vong

Quanh quẩn trong trại tị nạn bít bùng

Con ao ước trở về vòng tay mẹ.

Có những đêm con ngồi nhìn lũ trẻ,

Chúng nó đùa rất vui vẻ ngoài sân,

Lệ hoen mi, ôi! nhớ mẹ muôn phần

Giọt nước mắt mặn, tủi thân quá thể.

Con xa mẹ khi tuổi còn quá trẻ

Nào biết gì đời cam bầy giăng giăng

Nhìn tương lai do cuộc sống không thành

Tay định mệnh bứt đời con khỏi Mẹ.

Mẹ nâng niu, đời dập vùi con trẻ

Nâng chén cơm dòng lệ động tim tôi

Đôi dép đứt vừa cột kềm, mang. Đau!

hàng rau muống vừa xanh là bị trộm.

Mấy hôm nay có vài cơn mưa nhẹ,

Nhẹ như bông, chẳng đủ để rửa tay,

Mười lít nước: tắm, giặt, nấu,mỗi ngày,

Trại tù lỏng giam hình hài con Mẹ.

Mới vừa sốt, buồn lo, nhưng mặc kệ,

Côi tạm tù làm sao để khác hơn,

Có người bày cơm trộn ớt,vo tròn

Ăn thay thuốc, đẩy lui cơn sốt. Khoẻ.

Con chợt nhớ lời nghe từ tám bề,

Con không mẹ được: gọi trẻ mồ côi

Con xa mẹ như đàn đứt giây rồi,

Trời cảm tú mịt mùng, vì thiếu Mẹ.

Ở quê nhà, Mẹ có mong con trẻ?

Nhớ thương con? Sức khoẻ mẹ làm đầu,

Chiếc lưng còng, hai buổi cháo với rau,

Lòng con xót, cách nào lo cho Mẹ.

Đêm trung thu trăng tròn, trời quạnh quẽ,

Gió viển du cho ta gởi mấy lời,

Nhắn gởi về quê Mẹ chốn xa xôi,

Lời kính nguyện con yêu mong mẹ khoẻ.

Viết thư rồi con lại đem ra xé,

Gửi làm gì,khi mẹ đọc sẽ đau,

Lệ thương con khô héo nát mi sầu,

Vết chân chim đã hằn sâu mắt mẹ.

Cuối cùng, may mắn hơn hàng triệu người khác, tôi đạt được cái đích của chuyến đi. Trả những giá rất đắt để đến được bến bờ tự do. Thành phố Porland, tiểu bang Oregon là nơi tôi bắt đầu cuộc sống mới của mình. Bắt đầu phân nửa cuộc hành trình trên đường đời. Tôi vẫn nghĩ là chẳng biết tôi may hay rủi khi vượt biên được. Có lẽ dừng nên suy nghĩ gì thì tốt hơn. Phải chấp nhận và xem như đó là số phận đã an bài cho tôi từ khi tôi chưa ra đời lặn kìa. Tôi vẫn phải sống và phấn đấu cho cuộc sống khá hơn. Giông bão trên đường đời rồi sẽ qua đi. Vui với hiện tại bởi lúc nào trong tôi cũng có một tiếng nói phải sống cho đúng nghĩa với đời sống, vì hành trình trước mặt tôi vẫn còn dang dở.

::: Nguyễn Thanh Trúc :::

* Nguyễn Thanh Trúc sinh năm 1969

* Sinh ra và lớn lên ở Gia Định, Sài Gòn với ba mẹ và em gái.

* Tốt nghiệp trung học trường Hoàng Hoa Thám, Gia Định.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- * Vượt biên qua Thái Lan năm 1987. Ở trại tị nạn Panat Nikhom, Thái Lan, 9 tháng. Sang trại tị nạn Bataan, Philippines 7 tháng.
- * Định cư tại thành phố Portland thuộc tiểu bang Oregon từ tháng 10 năm 1988.
- * Tốt nghiệp cử nhân Computer Science năm 1993.
- * Hiện đang sống và làm việc tại Oregon.
- * Cộng tác viên của báo liên mạng Hồn Quê (www.honque.com)
- * In chung 2 cuốn thơ với các bạn trong nhóm văn nghệ Mai Đức Vinh: " Một Thoáng Kỷ Niệm" (Suối Nguồn xuất bản năm 2001) và " Tình Thơ Áo Trắng" (2002)



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đèo Cả Vất Mẹ Địu Con Vượt Chết

Mặc Đông

Sương tay bông tay xách lạng lẽ bước theo lối mòn từ chỏm núi Đá Đen cuối cùng, bên kia khuy chỗ đường đèo là bãi tranh cao phủ cả người, muốn đi tắt tới điểm hẹn khỏi bị phát hiện của bọn lính biên phòng, ba mẹ con Sương rất vất vả, khó nhọc chui qua những bụi rậm, những dây leo chằng chịt, những ghềnh đá, gặp có đoạn lên cao thẳng tuột, có chỗ chúi vực, mà theo người hướng dẫn chỉ cách bám chặt những rễ cây, vịn những cành phụ vương sà, níu nó mà đi, mà vượt qua.

Hơi núi bốc lên, hơi người tỏa ra vì mệt nhọc, nhóp nhách mồ hôi ướt đầm áo lãnh quần thoa bắt mùi, những con vắt núi vô thần nhô đầu ra từ những đồng lá mục, những mô đất, đá trũng rêu rong đen khi bò ra bám chặt, hút sâu dưới mắt cá, có con bò duỗi vào vùng cảm địa, bắt thần vì cái hốc đầu đầu của loài vắt vô tri nên nàng phải liều lĩnh tuột xuống khạc nước miếng vào thân con vắt, nàng thò tay tóm cổ bắt nó ra vứt bừa lên phiến đá đen gần đó bụng nó hút no đầy máu chạm phải cạnh bên của đá làm vỡ bụng, máu me tung toé vương vãi lên lá, lên cây...Mùi máu và khí núi làm tăng nồng độ hiệp dâm của vắt núi, hình như chúng nó đói như, lã bã từ những đợt lá mục, những gốc cây ngổn ngang lò đầu ra hướng về nơi bãi máu người mà nàng bắt vứt quăng ra loang lổ trên tảng đá.

Chúng bu như vেম!

Sương còng lưng, áo rách, chun trần truồng nhập vào tốp bảy người đàn ông lẫn đàn bà và ba đứa con nít lam lũ đã ngồi chờ ở đó có lẽ khá lâu, nghe người tổ chức nói, phải đợi ba người nữa từ Nha Trang ra là chúng ta xuống núi vượt qua đường mòn kia rồi đến cồn cát của bãi đáp, nằm ở cuối khe suối chảy ra biển Vũng Rô là có ghe đến đón. Nam, chồng của Cô Tư chung hững mớ biết Sương có chồng vượt biên chết tìm tự do đã hai năm, Sương cùng hai con nhỏ hóm, khật khuông tay nải, tay bông vừa đến điểm hẹn giao người thì người dẫn đường kẻ tiếp chìa tay ra... Sương hiểu ý, vì nàng đã bốn năm lần vượt biên bị lộ, bị lừa, bị bắt nên nàng nhanh như một cái máy, nàng bảo khéo Sa chạy vào hốc đá bên kia "tè" đi con!

Sa là đứa con gái mới chỉ năm tuổi đầu biết gì đâu những toan tính của mẹ. Và những mưu kế, toa rập ruộng rẫy của người đời nay, mà chỉ có một điều giữa Sa và bé Nhuệ tri thức non nớt ấy làm sao hiểu nổi được những tai biến phức tạp đang xảy ra cho gia đình cha mẹ, nhất là cho đồng bào thân thuộc...Chúng chỉ có một ước mong làm sao đó gặp ba nó là một niềm vui khó tả nhất của trẻ thơ. Khi mà những ngày tháng chúng nhớ ba vơi vơi.

Sa vừa "tuột" xuống là "tè" ngay, Sương sợ con không hiểu nổi cái manh mung của sự giao dịch, chuyển, đưa người vượt biên, vì một nhẽ nàng gặp được đường dây này chỉ mới có ngày hôm qua, nên sự móc nối giữa người tổ chức cũng như người vượt biên như Sương, không ai biết ai là người thực hiện, ai là người lừa đảo, cả ngay người thân thuộc khi mà đòi tiền mãi lộ tiền mua bãi, tiền mua ghe, tráo trở như thế nào đó như là việc dựng chuyện cướp ghe, cướp thuyền để cho người ở lại nhất là chủ ghe khỏi bị liên lụy... tra hạch tù tội cho nên hình thức trao tiền như là việc cướp của giết người là việc rất thông thường xảy ra theo chiều dài thời gian hành của người vượt biên trên biên Đông. Cho nên người dẫn đường đến bãi đáp mới, đưa tay ra là nàng hiểu ý ngay...

Cái ruột tượng vải mà nàng chôm của ông già nàng nó khá dài so với vòng lưng của bé Sa, nên nàng thận trọng lắm mới bỏ vào dăm ba "cây" cùng ít lương khô vật để phòng hờ nàng buộc vào lưng của con nên khi bé Sa tuột quần tè là một việc làm rất khó khăn, Sương tần mẩn xúc ruột tượng lấy ra.

Các con còn quá nhỏ không hiểu nổi được những lời mẹ nói bây giờ đâu con!

Ngày mai kia nếu cuộc vượt thoát này thành công ra được nước ngoài các con học hành đỗ đạt thành tài, lớn khôn, thì tự nó sẽ trả lời cách hùng hồn chính đáng nhất, tại làm sao mẹ con mình vượt thoát không sống nổi nơi quê hương của chính mình.

Cố gắng lên các con, trời không phụ lòng mẹ con mình đâu!

Sau cơn mưa, cơn bão, thế nào trời cũng trở nên quang đãng, nắng ấm chan chứa tình người!

Chàng ơi! Hỡi chàng....bên kia bờ đại dương, vùng trời tự do kia có biết chăng nỗi thống khổ cuộc hành trình vượt thoát này phải trả giá bằng máu và mồ hôi khơi dòng nhỏ giọt quyết tâm, cõi sống từ chỗ chết ra đi, tìm cho mình một lẽ sống mà giá trị, vật chất nào so sánh bằng!

Cơn mưa núi thỉnh thoảng vẫn chưa dứt, gió thổi tạt nghiêng từng trận lá cây xào xạc bì bõm bay quất vù vù đập vào mặt nàng những giọt nước mưa mang mùi khí núi rét căm căm lạnh. Ba mẹ con, nước mưa, nước mắt chảy thành dòng xuống má lẫn vào môi mặn tanh rợn người thể mà nàng cương quyết bước những bước chắc nịch qua những chỏm đá, những khe suối.

Nàng và hai con nàng, hỏn hỏn bò, níu lên ghe, trời cũng bắt đầu sấm tới, thuyền lướt sóng ra khơi, xa dần, xa dần những núi đồi, những bãi cát, đồng nội óng ả đượm tình quê hương yêu dấu. Tuy nàng kiệt sức, là người qua cuộc vượt thoát từ trên đường đèo cao dốc thẳm, xuống núi đá triền sâu những con vắt, những con rít, rắn độc nàng vượt bước qua, nàng cố ngoi đầu lên khỏi mạn thuyền. Đứng dậy hướng về miền quê hương vẫy tay chào tạm biệt lần cuối!

Nàng sụt sùi ngấn lệ mắt mờ xa, xa dần quê hương chịu mến!

Nàng nghẹn ngào, âm thầm cất lên lời từ giã mẹ già yêu quý của nàng, con vượt đại dương để tìm chồng... tìm tự do!
Và con nguyện sẽ trở về thăm lại mẹ già, thăm lại làng quê, nếu chúng con còn sống!

Tự Do, hai chữ hình như trong đời nàng chưa bao giờ hiểu cái nghĩa ấy là gì? Nhưng bây giờ đầu nàng đội trời, chân nàng đạp núi băng đèo, cõi sống dữ... đói khát, cướp biển, hải tặc mọi rợ, hung hãn... nàng ngoi đầu lên, rồi hụp lặn xuống bể đời để rồi nàng trả giá quá đắt, sống còn!

Thế nhưng, nhân loại hình như chưa có ai thấu hiểu nỗi thống khổ cuộc hành trình vượt chết này của mẹ con nàng, người đàn bà Việt Nam quả cảm nhẫn nhục, chịu đựng bao nỗi khổ đau trong ba mươi năm chiến tranh Nam Bắc điều tàn chỉ vì cái ý thức hệ ngoại lai còn con.

Và, sau khi chiến tranh tạm kết thúc, để Việt Nam có được hòa bình? Để Việt Nam có được tự do? Người thì tranh nhau giải Nobel Hòa Bình, người thì tranh nhau chức tước này, quyền nọ! Để mặc cho lương dân Việt Nam sống sao đó, đói nghèo, tù tội, sống chết mặc xác chúng bay có can chi tới!

Tự do rồi sao, hòa bình rồi sao nàng phải bằng con vượt qua bao nguy hiểm, bao nhiêu gian lao để đi tìm tự do để tìm cho con nàng có cuộc sống mới!

Nàng và con nàng, ỏi mưa tới lời mật xanh, ngắt ngưỡng thiếp đi khi mà con tàu chao đảo hụp lặn qua bao con sóng dữ, qua bao trận cuồng phong bão tố, ngay cả những đêm lên đèn trên biển cả không có một giọt nước ngọt nhỏ vào miệng... mà biển là nơi chứa ba phần tư lượng nước khổng lồ của vũ trụ mênh mông, thò tay xuống ghe lồm bồm là nước tung toé trắng xóa, nhưng nước biển quá mặn, mặn đắng, làm sao con người có thể uống được, đi rừng, đi núi đôi có thể hái lá cây, moi móc bắt côn trùng, sâu bọ, để mèn mà ăn cho khỏi đói, tìm tới nơi suối độc cũng có thể uống cầm chừng qua cơn khát, qua cơn đói mà đi, mà sống, còn biển thì không, nước biển, cá biển không thể nào dùng được qua cuộc hành trình vượt biển tìm tự do này!

- Khát nước mẹ...con quá khát...nước, mẹ ơi!

- Con chết...chắc mẹ ơi!

- Cho con...nước!

Nước đâu mẹ... Việt Nam? Sa thiếp đi ba ngày đêm liền trên mạn con thuyền trôi dạt biển Đông vô tận.

Nàng cầm cự được sức sống còn của nàng thóp thoi từng giây bằng vào nước... dãi của nàng, của con nàng. Và nàng bung mặt khóc... những giọt nước mắt nàng bị bơm, rơi lặn trên má nàng là những khi nàng bằng con rá miệng của con vào mà liếm, mà mút cho qua cơn khát nước... con đòi nước... để giữ được hơi thở mong manh còn lại của con, của nàng mà ngược đầu lên, vịn ném giọt nước mắt sau cùng mà đứng dậy bước lên những bước chân trời mới, Tự Do!

Thuyền nan bị sóng dập đã toi bời nên một phần đã hư hỏng trầm trọng, nước biển lung chừng đáy ghe buông tàu, máy hết dầu, bị bão đập gãy lắp trôi dạt mông lung không định hướng, thuyền theo con sóng tấp vào vùng đá cạn, san hô, nhấp nhô bọt thủy triều xuôi ngược về đâu!

Nàng, chun hồng mảnh mai nồn đập lên ốc đảo bên nhon, máu bắn ra loang lổ từng phiến, từng tảng san hô đỏ ngầu, tay nắm ngón móc moi những con sò, con ốc lên mang lại bên ván ghe rồi hai tay yếu đuối gân guốc bóc ra từng con nhỏ xiu cho con ăn, lột bụng đoạn trường lên con đói, lên cơn khát, với tấm ván còn con ngắt ngư nằm chờ chết chín ngày, rồi mười ba ngày... rồi cả tháng trên vùng trời biển mặn.

Chiều trên ốc đảo san hô nước mặn, mặt nàng đã bao lần hướng lên bầu trời cao lòng nàng gửi trọn vào chân không, cầu nguyện nhân danh những vị tối cao nào Phật, nào Chúa, nào Thần Thánh ngự ở trời cao, biển cả bao la hãy tỏ ra lòng từ bi bác ái ban phép mầu nhiệm mà cứu muôn dân cứu mẹ con nàng đã và đang lâm nguy chờ chết!

Hỡi Chúa toàn năng!

Hỡi Phật Thích Ca mầu nhiệm vô biên!

Chúng con cần các ngài cứu chết!

Các con cần phải sống!

Dân tộc Việt Nam chúng con cần phải sống để sinh tồn như bao nhiêu dân tộc trên thế giới!

Mẹ, và nhất là hai con phải sống để gặp lại ba, một tương lai đang chờ đón, một tương lai thật sự đầy hứa hẹn con ơi!

Nàng và hai con thiếp đi như một phép lạ, ngủ ngon một giấc dài trên tấm ván chưa bao giờ có từ ngày, giờ khởi hành đã non một tháng trôi nổi quần quai, bầm trầy, nào xuống núi, nào băng rừng, vượt sóng ngàn khơi, bây giờ nàng nằm soãi trên một bãi cát trắng phau, nàng tựa mình ngời dậy tương chừng hai con nàng lia khỏi tầm tay nàng mà về dưới lòng biển sâu thẳm, nàng không ngờ còn có cả hai đứa con thơ yêu dấu của nàng nằm sóng soãi bên nàng như một phép lạ trời ban.

Nàng bò một cách chậm chạp, uể oải, đau điếng thân xác tiêu tụy như một cái xác khô da bọc xương, nàng bò dần dần lại gần... gần lại, nàng đưa tay với tới ôm hai con vào lòng... nàng hun hút khóc nỉ non, hú hồn còn sống.

Nàng ngó quanh, đây là đâu nhỉ?

Nàng khẽ gọi con... các con của mẹ!

Mẹ đây nè, mẹ của hai con đây!

Nàng, tay chống cát, tay chống đầu gối ngồi dậy đứng lên.... Mắt nàng đầy Trùng những giọt nước mắt, chan chứa lóng lánh lặn tròn trên gò má hốc hác, nám cháy... vương vãi vài ba sợi tóc bù xù, tả tủa bay vờn trước gió mới... đất trời lạ hoắc!

Trước mặt nàng xa xa là ngôi làng những túp nhà như dân...

Nàng nách hai con bước tới...tai nghe vắng vắng tiếng người trọ trọ cả đàn ông lẫn đàn bà bản xứ...

- Nước...nước...tìm nước cho con...Sa thiếu nảo đòi mẹ...nước!

Bé Nhuệ ngắt ngớt:...Con cần nước!

Nàng quá xúc động khi nghe hai con đòi nước trong cơn sốt, hốt hải kinh hoàng.

Nàng bịu hai con vào lòng ôm chặt khi mà một toán người vừa đàn bà, vừa đàn ông tiến lại gần.. hình như họ muốn nuốt chửng ba mẹ con nàng, hay dở trò cưỡng hiếp, cướp bóc thô bạo như những tên cướp biển mà nàng thường hay nghe trước khi nàng quyết định vượt biên. Nhưng nàng, trong bối cảnh này rất bình tĩnh không chút tỏ ra sợ hãi...dù là có gặp phải bọn cướp biển đi chăng, vì nàng còn gì nữa mà phải sợ, khi thân thể nàng quá tiều tụy, da bọc xương, quần áo rách rưới tả tơi, hai con nàng nằm sùi lơ như cái xác chết...ruột tượng đưng "cây" của hai mẹ con nàng cũng lìa xa nàng từ hồi nào rồi có còn đâu nữa mà cướp, vớ hiếp...

Nàng phó thác...cho số phận của mình!

Chết hay sống hình như nàng không mấy quan tâm nữa mà nàng chỉ cần có nước. Cho chính nàng và hai đứa con của mình!

- Nước....nước...con cần có nước!

- Con khát...nước...quá!

Người, người ơi! Mẹ Việt Nam ơi...! Chúng con cần...có nước!

::: Mặc Đồng :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nỗi Khổ Của Một Thuyền Nhân

Thy Vũ Thảo Uyên

Trung Quốc ngày...tháng...năm

Tôi bắt đầu viết những dòng chữ này trên một vùng đất xa lạ không phải là quê hương tôi. Những dòng chữ được kết tụ bằng đau thương và nước mắt. Giấy bút là những trang vở học trò còn trắng một mặt, và những đoạn bút chì gãy nhặt được trong thùng rác của một ngôi trường làng. Tôi đã viết bằng một bàn tay lở loét, chỉ còn ba ngón, để kể lại cho đời biết cuộc hành trình khốn khổ tìm tự do của một người con gái vượt biển, đã phải trải qua những chuỗi ngày bất hạnh, khủng khiếp nơi xứ lạ, quê người...

... Đêm hôm đó những tiếng sấm sét nổ long trời như muốn xé tan màn tối đen kịt của đại dương, cơn bão vẫn cứ dữ dội vùi dập chiếc thuyền tị nạn nhỏ bé cho đến khi nó bị những cột sóng thần đập tan ra từng mảnh. Dưới ánh chớp hình dáng chiếc ghe đã biến mất chỉ còn sót lại trên mặt biển những mảnh vụn, những cái đầu người đang sắc súa lẫn lộn, cùng những cánh tay chới với vùng vẫy tuyệt vọng trong vùng nước bao la. Những tiếng thất thanh kêu cứu, tìm mẹ, gọi con, bị át đi trong tiếng gầm thét vang trời của gió bão.

Tôi quờ quạng, ngụp lặn trong nước biển. Trong cơn sợ hãi, tôi vẫn còn đủ sáng suốt để nhớ tới Nhung, đứa em gái ruột 17 tuổi cùng vượt biển với tôi. Không biết nó còn sống hay đã chìm mất rồi.

- Chị Lua ơi! Chị đâu rồi?

Tiếng gọi của Nhung khiến tôi mừng rỡ, bơi tới hướng gọi, gào lớn:

- Nhung ơi! Chị đây nè!

Dưới ánh chớp, tôi nhìn thấy một cái đầu nhô lên khỏi mặt nước, đang bám một tấm ván nhỏ, trôi lại phía tôi. Tôi nhào tới, ôm lấy tấm ván thờ đốc. Tôi nhận ra cái đầu là em tôi. Tấm ván chịu sức nặng của hai thân người bị chìm xuống. Nhung vừa phun nước vừa nói lớn:

- Hai chị em mình cùng đạp phụ cho tấm ván nó nổi.

Chúng tôi cùng nhau đạp, người lạnh run cầm cập. Cứ đạp như thế cho đến lúc cơn bão dịu xuống. Rồi ngưng hẳn. Biển lại êm dịu với tiếng sóng lao xao. Chúng tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài màn tối ghê rợn đang bao quanh.

Hai chúng tôi đều mỏi chân, ngừng đạp nước. Tấm ván lại từ từ chìm xuống. Chúng tôi lại đạp. Hơi thở hai chị em phì phò. Tôi nói với Nhung:

- Chị nghĩ là mình nên thay phiên nhau đạp thì tốt hơn. Người đạp, người nghỉ, để miếng ván còn nổi, nếu không thì chìm hết đó em ạ!

Nhung nói trong hơi thở mệt nhọc:

- Vậy chị nghỉ đi em đạp trước cho.

Có tiếng quẫy nước bên phía Nhung, tôi buông thõng đôi chân để nghỉ ngơi. Nước biển ngập ngang vai. Thân người tôi dong đưa dưới nước.

- Chị ơi!

- Gì đó em?

- Chị nghĩ có chiếc tàu nào đi qua đây để vớt tụi mình không hả chị?

Nghe Nhung hỏi, tôi không biết trả lời sao, vì chính đầu óc tôi hiện giờ cũng rất hoang mang có khác chi nó. Tôi im lặng một lúc, rồi khẽ nói:

- Có chứ ! Nhung phải đợi tới sáng thì họ mới thấy được tụi mình.

Nhung nói đứt quãng trong hơi thở dồn dập:

- Cầu trời...cho...họ...vớt mình.

Thấy Nhung đã mệt, tôi bảo nó:

- Thôi em nghỉ đi, tới phiên chị.

Tôi bắt đầu đạp. Hai đứa chúng tôi im lặng. Trong không gian tối đen, chỉ còn nghe thấy tiếng sóng xô nhẹ, tiếng đạp nước của tôi và tiếng thở mệt nhọc của Nhung. Những ánh chớp vẫn loé lên từ phía chân trời xa. Đường như cơn bão đã di chuyển về nơi đó. Không biết ở vùng đại dương ấy sẽ lại thêm bao nhiêu chiếc ghe vượt biển nữa bị nhận chìm như chúng tôi. Trời ơi! Thế giới có ai hiểu được cái giá của tự do mà chúng tôi phải trả nó đắt như thế nào không? Vậy mà, từng có nhiều chiếc ghe với những thuyền nhân tởm toại còn sống sót sau khi trải qua những nỗi kinh hoàng: Bão tố, đói khát và hải tặc, đã bị người ta xua đuổi thậm tệ khi cập được lên đất của họ.

Gió lạnh thổi phơn phớt trên da mặt của tôi. Trong ánh chớp, tôi thấy tóc tai Nhung ướt nhẹp. Những lọn tóc ướt rũ xuống từ đỉnh đầu như những cái vôi con bạch tuộc đang bám chặt vào gương mặt tái mét của nó.

Tuy sống ở vùng sông rạch Hậu Giang, cả hai chị em tôi đều biết lội, nhưng trong hoàn cảnh sóng nước mênh mông này, chúng tôi không còn cách nào hơn là phải cố bám lấy cái mảnh ván để khỏi chết đuối. Tôi rùng mình chột nghĩ đến tới lúc hai chị em tôi không còn có thể đạp chân, hay bám lấy mảnh ván này nữa vì kiệt sức. Mảnh ván này vuông vức chỉ có thể chịu đựng sức nặng của một người nằm thu mình trên đó như một tấm phản nhỏ, nổi

lênh bênh để mặc sóng xô đẩy, nhưng bây giờ cả hai chị em bám vào thì đành phải chìm thân cả hai người xuống nước để nó không bị chìm.

Chúng tôi cứ thay phiên nhau đạp, thời gian của mỗi lần vẫy đôi chân cứ thu ngắn dần. Cho tới khi Nhung đạp được một lúc lâu, chợt nó kêu oái lên một tiếng thật to. Tôi hoảng hốt hỏi:

- Em làm sao vậy?

Nhung run rẩy cặp môi thâm tím, không nói ra hơi:

- Chân em bị vộp bẻ chị ơi!

- Vậy thì dừng cử động nữa, để mình chị đạp cho.

Tôi vận dụng sức lực còn lại của đôi chân đạp mạnh. Chung quanh chúng tôi, biển vẫn một màu đen ghê rợn. Chớp đã tắt lịm từ lâu. Tôi chẳng nhìn thấy gì trước mặt mình. Tiếng gió vi vu bên tai nghe lạnh lùng, xa vắng như từ một cõi âm nào đó vọng về. Phải chăng đó là tiếng mời gọi của những linh hồn vừa bị chìm sâu trong đại dương kêu gọi chúng tôi nhập đoàn với họ.

Một lúc sau, có tiếng của Nhung hỏi tôi:

- Chị có mệt lắm không?

Tôi cố thở thật nhẹ để Nhung đừng biết là tôi đã gần đuối sức:

- Không! Chị còn chịu được mà.

- Chị ơi! Em vô dụng quá! Ba má biểu em đi để giúp đỡ chị, bây giờ thì...

Giọng nói của em tôi nghẹn ngào, dường như nó đang khóc. Tôi cố lấy giọng thật bình tĩnh để khích lệ tinh thần nó:

- Can đảm đi cưng! Chúng mình cầu nguyện với trời, Với ông nội, bà ngoại, với những người trong ghe mình vừa mới chết chìm trong biển. Họ sẽ cứu mình đó em.

- Chị tin người chết có thể cứu được người sống à?

- Được chứ! Nếu họ nghe thấy lời mình cầu nguyện.

- Họ không quen thân với mình, lỡ họ không thêm cứu mình thì sao chị?

Tôi hơi ngạc nhiên trước những câu hỏi ngây thơ phát ra từ miệng cô gái đã trưởng thành như Nhung, nhưng tôi nghĩ có lẽ đây chỉ là phản ứng tự nhiên của con người khi lâm vào hoàn cảnh quá tuyệt vọng mà thôi. Tôi trả lời với giọng đầy tin tưởng:

- Nếu họ không cứu mình thì mình cầu ông bà của mình. Ông bà nội, ông bà ngoại khi còn sống thương chị em mình lắm, Nhung nhớ không?

- Nhớ, nhưng họ ở xa mình quá làm sao nghe thấy tiếng cầu xin của chị em mình hả chị?

Tôi im lặng, vì quá mệt, không còn hơi sức để nói nữa. Hơi thở tôi phì phò nghe thật rõ, hòa lẫn với tiếng nấc nghẹn ngào của em gái tôi. Tôi cứ để cho nó khóc, nước mắt sẽ làm vơi đi nỗi lo sợ trong lòng của nó. Có tiếng Nhung nức nở:

- Chị Lụa ơi! Chị cầm giùm em cái gói này đi.

Tôi chưa kịp trả lời, chợt có vật gì cồm cộm chạm vào lưng bàn tay khiến tôi giật mình sờ lại, rồi nhận ra tay Nhung đang đưa cho tôi cái gói nữ trang của nó. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao em không giữ lấy trong người?

- Không, em muốn đưa cho chị.

Tôi mừng nó:

- Em không biết gì cả. Ba má đã giao cho mỗi đứa một gói giữ trong người phòng hờ có lạc nhau cũng có tiền mà xài.

- Cái nịt ngực của em bị đứt giây rồi. Em sợ nó rơi xuống biển.

Tôi giờ tay nắm lấy gói giấy nhét vào trong ngực của mình, rồi mỉm cười chua chát. Tiền bạc bây giờ đối với chúng tôi có còn nghĩa lý gì nữa đâu.

Chợt Nhung nấc lên, òa khóc to hơn khiến tôi hốt hoảng:

- Bộ chân em đau lắm hả?

Nhung không trả lời thẳng câu hỏi của tôi, nó nấc lên:

- Chị Lụa, em thương chị lắm, chị biết không?...Nếu em có làm gì chị buồn chị hãy tha thứ cho em nghe chị!

Tôi cũng bật lên tiếng khóc:

- Nhung, chị thương em lắm. Chị chẳng bao giờ giận em điều gì cả. Từ nay hai chị em mình mãi mãi ở bên nhau nghe em, nếu có chết...thì...chị em mình cùng chết với nhau tại nơi đây.

- Không, mình còn ba má! Chị phải sống!

Tôi nấc lên nghẹn ngào toan mở lời an ủi em gái tôi, nhưng tôi không nghe tiếng nó khóc nữa. Miếng ván nơi tay tôi bỗng nổi nhanh lên mặt nước kéo thân người tôi nhô cao. Tôi vô cùng ngạc nhiên, rồi chợt lạnh người chồm tay qua bên phía Nhung quờ quạng tìm nó, nhưng em tôi không còn ở đó nữa.

Tôi bỗng gào to lên:

- Nhung ơi! Nhung ơi!...

Tôi quờ quạng chân tay trong nước biển để tìm em. Miệng tôi gào to nữa để gọi nó, nhưng chung quanh tôi không có tiếng đáp lời ngoài âm thanh vi vu của gió biển và tiếng sóng xô nhẹ vào tấm ván.

Tôi đau đớn tận cùng, khóc không thành tiếng. Nhưng ơi, tại sao em lại làm vậy. Em muốn chôn vùi thân xác bất hạnh của mình mang theo những ước mơ thật tầm thường của người con gái vào lòng đại dương để hy sinh cho chị sống. Nhưng ơi, tôi nghiệp đưa em gái xấu số của chị. Đầu gối những câu hỏi ngây ngô của em là để chuẩn bị cho việc làm táo bạo này. Em không nghe chị nói là nếu có chết thì chị em mình cùng chết đó sao? Em đã tự ý bỏ đi, để chị ở lại một mình trong vùng biển bao la hải hùng này. Em có biết là dù có hường trọn tấm ván thì chị cũng sẽ chết dần, chết mòn vì đói khát không em.

Tôi gục đầu xuống tấm ván tức tưởi khóc. Nhưng ơi, em lầm rồi, chị đã dối gạt em; những linh hồn đã chết chẳng bao giờ có thể giúp người sống được gì hết, Họ không thể trở về dương gian để làm những phép lạ. Chị hiểu em muốn chết đi, biến thành một linh hồn siêu phàm để đưa chị vượt đại dương, tới một bến bờ bình yên nào đó có phải không em. Em lầm, chị lầm, và cả nhân loại trên thế gian này đều lầm hết. Người chết là hết. Một khi đã dứt bỏ thế gian khổ ải này thì chẳng bao giờ họ muốn nán lại đây giây phút nào cả để mà trả thù hay báo oán những kẻ đã hại chết họ. Bởi thế, những tên bạo quyền tàn ác mới còn sống phè phỡn, ung dung trên xương máu những người dân vô tội.

Nhưng ơi, có lẽ giờ này em đã tìm thấy chốn thiên đàng, và em thấy rằng cái chết là một sự giải thoát, cởi bỏ được cái thân xác cát bụi này cho linh hồn được thanh thoi, có phải vậy không em? Nếu đúng như thế thì đừng cứu chị nữa, hãy để chị đi theo em nghe cùng...

Tôi cố trườn lên miếng ván, nằm co quắp lả người đi trong mệt mỏi, chán chường. Sóng đưa đẩy miếng ván dập dềnh. Tôi mệt mỏi thiếp đi trong giấc mộng chấp chờn.

Trời sáng dần. Tôi tỉnh lại. Tôi đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn chung quanh để tìm em tôi nhưng chẳng thấy gì ngoài vùng nước biển trong xanh bát ngát. Buổi trưa, trời nắng gắt. Đôi môi tôi khô quắt. Tôi gơ bàn tay vốc một miếng nước lên miệng nhấp thử. Nước mặn chát càng khiến cho tôi khát thêm.

Trời sẫm tối. Gió lạnh lại bắt đầu thổi. Đói, khát, tôi nằm co quắp như một con tôm trên tấm ván mặc cho sóng biển đẩy đưa. Bây giờ nếu có ngọn sóng lớn nào hất nghiêng tấm ván, tôi cũng đành buông xuôi cho tử thần mang đi mà thôi.

Bỗng bèn không biết bao lâu trong trạng thái dật dờ nửa tỉnh nửa mê, chợt có tiếng máy ghe nổ bên tai, rồi có tiếng nói lao xao. Phải rồi, chiếc ghe của tôi đó, những linh hồn bị chết oan, trong đó có em gái tôi, đang trở lại đón tôi đi. Tôi lại thiếp dần trong cơn mê sáng...

Cho đến khi có ai đó tát nước lạnh vào mặt, tôi mới mở choàng mắt ra, há miệng nuốt ừng ực dòng nước mà họ đang đổ vào mặt tôi. Nước tràn cả vào mắt. Tôi nhắm nghiền mắt lại uống no nê dòng nước ngọt mát rượi đang tưới vào từng tế bào khô héo trong cơ thể tôi.

Nước ngừng đổ. Tôi lại mở to mắt ra để giật mình nhận ra một đám đàn ông đen đui với những gương mặt hung ác đang ngồi bu quanh tôi. Họ đồng loạt cười rộ thích thú khi tôi gương chống tay ngồi dậy trong sợ hãi.

Tôi nhìn xuống thân thể mình. Trời ơi! Chẳng còn mảnh vải nào che thân tôi cả. Tôi hoảng hốt co rúm người lại, kinh hoàng đến tột độ khi thấy mình đang ngồi trên vũng máu lạnh lã lơi nơi sàn ghe.

Bọn đàn ông đưa cời trần, mặc quần đùi, có đứa chỉ mặc cái khố bản thiêu. Họ nhìn tôi như diều cợt. Rồi nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ gì đó mà tôi không hiểu được, nhưng trí thông minh cũng cho tôi biết rằng tôi đang lọt vào tay bọn hải tặc.

Tôi bỗng đứng vùng dậy toan bỏ chạy, nhưng những bàn tay thô bạo, rắn chắc đã chụp lấy chân tôi, giữ lại. Tôi vùng vẫy la hét. Bọn chúng xách tứ chi tôi lên như khiêng một con vật. Tôi bị chúng đưa xuống dưới khoang ghe, vất nằm tại đó cùng với bộ quần áo ướt của tôi, rồi chúng bỏ đi lên, đóng nắp hầm lại.

Tôi lồm cồm ngồi dậy mặc quần áo ướt. Bộ quần áo ướt, lạnh lạnh khiến tôi rùng mình. Tôi cảm thấy bụng dưới đau quặn lên. Máu vẫn ứa ra ướt đầm đũng quần. Tôi bỗng ôm mặt khóc òa lên. Gương mặt dịu hiền của mẹ tôi chợt hiện ra trong trí. Má ơi! Con đã trở thành đứa con bất hiếu của má rồi. Con chẳng cứu được mạng sống của em con, bây giờ cũng chẳng giữ được thân xác mình cho trong sạch.

Tôi lặng người đi nức nở trong tiếng rì rào của biển vang vọng từ bên ngoài như tiếng rên rỉ, khóc than. Nhưng ơi! Hồn em nếu có lần khuất nơi đại dương này hãy đến đây dắt chị đi theo em với. Chị sợ lắm, đừng cho chị phải chịu đựng thêm nữa những nỗi kinh hoàng trên chiếc ghe này.

Sóng biển nhồi chiếc ghe nghiêng ngả. Tôi gập người xuống chịu đựng cơn đau đang hành hạ nơi bụng tôi. Rồi lại ngất đi.

Những hôm sau đó, tôi đã trở thành một nô lệ, hay nói đúng hơn, một con vật cho bọn chúng hành hạ xác thân. Tôi đã ngất đi rồi tỉnh lại trong tiếng cười man rợ của lũ yêu tinh. Chúng nuôi tôi như nuôi một con chó. Ngày này chúng đùa cợt, hành hạ, đánh đập tôi để thỏa mãn những thú tính bệnh hoạn của chúng. Chẳng tên nào tỏ lòng nhân đạo để thương xót cái thân thể tàn tạ, đau đớn của tôi khi những vết thương mà chúng đã làm cho tôi bị nhiễm trùng lên cơn sốt. Chẳng tên nào cho tôi một viên thuốc uống để giảm cơn đau. Đứng quần tôi không lúc nào khô. Tôi không còn đứng dậy bước đi nổi hay ngồi lên được. Dù tôi đã nằm bẹp như một người sắp chết, người tôi hơi hám gớm ghiếc mà bọn chúng cũng không tha. Có lẽ chúng muốn hành hạ tôi cho đến chết để vất xác xuống biển.

Vào một đêm, chúng vất tôi lên ghe, chờ đến một vùng biên giới nào đó, rồi giam tôi trong một cái nhà. Người ta cho tôi ăn uống tử tế. Suốt mấy hôm liền không có tên hải tặc nào xuất hiện để hành hạ tôi nữa. Người săn sóc tôi là một người đàn bà Thái Lan. Vì ngôn ngữ bất đồng nên tôi không biết được họ đang toan tính chuyện gì.

Mấy hôm sau, khi sức khỏe tôi bình phục thì người đàn bà mang lại cho tôi mấy bộ quần áo đẹp bảo tôi thay. Sau đó tôi được chở đến một nơi khác có những phòng ngủ tươm tất. Tôi thấy có rất nhiều cô gái trẻ như tôi, son phấn loè loẹt, bên cạnh là những tên ma cô mặt mũi hung dữ luôn canh chừng chúng tôi. Họ nói ngôn ngữ gì, tôi cũng không hiểu được nhưng nhìn cách sinh hoạt đàn ông ra vào tấp nập các phòng, tôi biết mình đã rơi vào một ổ điểm. Biết được số phận của mình, tôi đành phải nhắm mắt đưa chân, mỗi ngày phải tiếp những gã đàn ông đủ mọi hạng, mọi quốc tịch, nhưng chẳng có ai nói tiếng Việt để tôi nhờ họ cứu tôi cả. Tôi sống như một người câm. Có ngày tôi tiếp cả hơn hai chục khách. Cơ thể tôi mệt mỏi, rã rời. Nhưng hôm nay gặp những khách khó tính, phàn nàn với chủ điều gì đó, tôi bị bọn ma cô đánh đập tàn nhẫn, rồi phạt tôi nhịn đói.

Tôi nhần nhục chịu đựng nuôi hy vọng tìm cách trốn khỏi nơi đây. Nhưng chưa thoát được thì tôi bị chứng bệnh giang mai. Bọn ma cô không thêm chữa chạy cho tôi. Một hôm chúng bán tôi cho một nhà giàu ở Trung Quốc. Chúng đẩy lên nhốt trong một chiếc xe vận tải bít bùng với túi bánh mì khô và can nước. Ngoài ông già lái xe, còn có một tên khác mặt mũi hung ác, đeo súng trường giải tôi đi. Xe chạy rờn rã suốt mấy ngày đêm. Mỗi ngày xe ngừng lại bìa rừng tên cầm súng mở khóa, cho tôi xuống làm vệ sinh, rồi lại nhốt tôi vào.

Trong cuộc hành trình vô địch tôi đã khóc nức nở khi nhớ đến Nhung, đến cha mẹ tôi. Ba má ơi, không biết bây giờ nơi quê nhà, ba má ra sao, khỏe mạnh hay đau yếu. Bao năm trời trôi qua không tin tức gì của chúng con, chắc là ba má nghĩ chúng con đã chết hết, nhưng ba má đâu có ngờ là chỉ có em Nhung của con mới được cái điểm phúc thoát nợ trần ai đó mà thôi. Còn con, con đang phải chịu kiếp tha hương trong đọa đày, thống khổ.

Cơ thể tôi mệt mỏi, rã rời. Tôi không biết bọn chủ chứa Thái Lan sẽ bán tôi cho ai, họ già hay trẻ, hiền lành hay hung ác. Họ mua tôi để làm gì. Làm nô lệ xác thịt cho bọn đàn ông, hay làm đầy tớ không công, bị hành hạ, đánh đập tàn nhẫn như bao nhiêu người phụ nữ Việt Nam đã xa chân vào hoàn cảnh như tôi.

Tối hôm đó xe đến nơi, chỗ tôi ở chẳng phải là khu nhà ở khang trang, giàu có như họ nói mà tôi bị nhốt trong cái kho rơm ngoài cánh đồng hoang. Tôi nằm vật trên đồng rơm, thiếp đi. Cho đến khi cảm thấy như có ai đó đè lên người tôi. Tôi giật mình thức giấc, nằm bất động trong đêm tối. Thân xác tôi còn gì nữa đâu mà phản kháng. Tôi hiện đang là một con vật để người khác mua vui. Chắc đây là người đàn ông đã bỏ tiền ra mua tôi về.

Tôi buông thõng hai tay chịu đựng, không màng đến lớp mồ hôi hay chất nước gì đó tanh tanh nhớt nhớt, từ thân người gã đàn ông dính vào da thịt tôi.

Một lúc sau xong việc, người đàn ông lặng lẽ rút lui khỏi căn phòng đen tối như mực. Tôi chỉ nghe được tiếng guốc của gã nên không đều đặn trên nền xi măng.

Hôm sau một bà cụ già mang cho tôi mấy củ khoai luộc và cái lu sành đựng nước mưa để uống. Tôi không biết nói tiếng Hoa nên không thể hỏi được bà ta điều gì. Bà cụ lại bỏ đi.

Màn đêm lại buông xuống. Ánh trăng tròn chiếu qua lỗ thủng trên mái tôn, rọi trên đồng rơm những đốm sáng lơ mơ. Tôi lại nằm suy nghĩ miên man. Chợt tiếng guốc khập khểnh của gã đàn ông hôm qua lại tới. Cửa lại mở. Dưới ánh trăng vắng vặc, tôi kinh hoàng khi nhận ra gã đàn ông là một người cùi với gương mặt lở loét. Nước nhờn nhờn trên mặt gã lấp loáng ánh trăng.

Tôi rụng rời tay chân, nằm bất động. Gã cùi bước vào lều, khép cửa lại, rồi kéo tôi ra giữa đồng rơm. Mùi tanh tươi khiến tôi lợm giọng phát nôn ọe. Tôi chợt ngồi vùng dậy, bỏ chạy. Gã Cùi giật mình vội nhào tới, ôm chặt lấy người tôi. Tôi cố vùng vẫy cố xô cái thân hình nhớp nhúa ra để chạy. Gã cùi cào cào, và cắn vào tay tôi. Tôi dùng hết sức bình sinh đẩy hấn ngã ngựa xuống đất, rồi tông cửa kho chạy thục mạng, bắt kẻ đôi bàn chân không giày dép đạp sỏi đá, gai góc bật máu tươi. Cho đến khi mệt lả người, dừng chân nghỉ, tôi đã nôn ọe không biết bao nhiêu lần với hình hài gớm ghiếc của gã cùi ám ảnh trong tâm trí tôi.

Tôi đã bị lạc ở trong rừng, đói khát nhiều ngày, phải ăn sâu bọ, ếch nhái để mà sống. Những mụn lở trên người tôi lan rộng mưng mủ và loét dần ra. Tôi ngửi thấy mùi tanh tươi từ những vết mụn lở lói nơi mặt và lỗ mũi mình.

Khi tôi được ra khỏi cánh rừng, những người tiểu phu đầu tiên nhìn thấy tôi đều hoảng sợ. Tôi bỏ chạy, soi mình dưới suối và hải hùng khi nhìn thấy gương mặt lở lói, ghê tởm của mình. Người ta báo cho công an Trung Quốc đến bắt tôi, đưa vào trại cùi chữa chạy. Một tháng sau công an lại tới hỏi cung. Họ yêu cầu trại cùi canh giữ tôi cho đến khi tạm lành bệnh sẽ trả tôi về Việt Nam.

Tôi lo sợ tìm cách trốn trại, đi thật xa, đến một làng đánh cá heo lánh. Ở đó cũng có rất nhiều ăn mày nên công an chẳng đếm xỉa gì đến tôi. Tôi đã trở thành một người ăn mày dơ bẩn nhất trong đám ăn mày ở chợ. Tôi không còn mang hình dạng con người nữa, hai lỗ mũi trống rỗng và bàn tay trái đã cụt ngón gần hết khiến người ta ghê tởm xua đuổi tôi. Người ta đã dành cơm thừa canh cặn để nuôi những con heo, con chó còn hơn là muốn cho tôi ăn để sống. Mặc cho người ta xua đuổi, đánh đập, tôi vẫn lần mò vào các chợ xin ăn. Lọc lựa những đồng rác để nhặt những rau cỏ hư thối, hay đi đến bến cá, nhặt những con cá đã uươn nằm phơi mình trên bãi cát nấu ăn để sống qua ngày.

Người ta không cho tôi ở trong xóm. Vài người từ tâm đã chỉ cho tôi một túp lều tranh tồi tàn bỏ hoang trên ngọn đồi cát, xa hẻo lánh, để trú mưa trú nắng. Nhiều đêm nằm trong túp lều dột nát nghe tiếng sóng ầm ả như lời ru của biển, tôi lại nhớ đến em gái tôi. Nhung ơi! Không biết giờ này hồn em đã về miền cực lạc hay còn quanh quẩn bên chị để cùng khóc cho cuộc đời những cô gái bất hạnh như chị em chúng mình.

Ba má ơi! Số phần con chắc kiếp trước đã gây nên nhiều tội lỗi, bây giờ trời bắt con phải đền trả. Hãy tha lỗi cho con tội bất hiếu không còn được cơ hội phụng dưỡng cha mẹ, để cho con được yên lòng chờ đợi ngày tàn của đời con, đời của một đứa con gái đau khổ đã trót sinh ra làm người dưới một ngôi sao xấu...

Tôi đã nghĩ đến chuyện tự vẫn cho xong một kiếp người bất hạnh, khổ cùng, nhưng trước khi chết, tôi muốn viết lại những dòng đầy nước mắt này bỏ vào cái chai không, thả trôi ra biển Đông, mong rằng nó may mắn được một chiếc tàu nào đó của thế giới tự do vớt lên và cho phổ biến để nhân loại hiểu và thương cho những thuyền nhân Việt Nam trên đường vượt biển đã chịu biết bao tai ương, thống khổ cũng chỉ vì muốn đổi lấy hai chữ Tự Do, để thế giới mũi lòng giang tay cứu vớt những người bỏ nước ra đi như tôi.

Xin vĩnh biệt mẹ, cha và quê hương Việt Nam yêu dấu của đời tôi.

Ký tên

Một thuyền nhân bất hạnh

Lựa

::: Thy Vũ Thảo Uyên :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Xếp Vào Kỷ Niệm

Lê Thị Hoàng Anh

Thúy đang loay hoay xếp lại chồng sách báo ngổn ngang trên giường thì nàng nghe tiếng con trai gọi:

- Mẹ ơi! Con làm bài toán đồ này không được, Mẹ chỉ cho con đi Mẹ!

- Ừ, chờ Mẹ một chút.

Cầm quyển vở của con lên tay, chỉ đọc thoáng qua, Thúy không khỏi cau mày khó chịu khi thấy lỗi tuyên truyền rề tiền của các cấp lãnh đạo ngay cả trong việc giáo dục trẻ con: " Trong một trận đánh, ngày đầu quân ta anh hùng giết được 4 tên lính Ngụy. Ngày thứ hai, giết thêm được 8 tên. Ngày thứ ba, giết được 2 tên. Vậy ba ngày đánh giặc, chiến sĩ ta diệt được bao nhiêu tên lính Ngụy cả thảy?". Thúy thờ người suy nghĩ. Bé Kiệt thấy Mẹ im lặng quá lâu, nó tựa đầu vào bắp vế Mẹ, hỏi khẽ:

- Bộ khó quá, Mẹ cũng không làm được hả mẹ?

Thúy cười buồn vì nàng cũng không biết phải giải thích thế nào với con. Từ biến động Bảy Lăm, chồng đã theo gia đình di tản, Thúy và hai con còn kẹt lại, lòng Thúy đã nhen nhúm ý nghĩ táo bạo là sẽ tìm đường để dẫn hai con vượt biên; giờ đây thêm một vấn đề con của mình với một trí óc non nớt đang bị đầu độc bởi những tư tưởng hèn hạ thế này thì chuyện lia bỏ nơi đây chỉ là sớm muộn mà thôi! Nàng chỉ giúp con bằng cách bảo nó viết ngắn gọn: $4 + 8 + 2 = 14$ và cố tình né đi chữ "Lính Ngụy" mà nàng biết chắc con mình khi nộp bài lên cho "giáo viên" chấm sẽ không đạt được điểm cao.

Những đêm thức trắng, ngồi suy nghĩ đủ phương cách hầu kiếm ra tiền để thực hiện một cuộc vượt biên, cứ mỗi ngày nghe tên một người quen ra đi, có người thoát, có người bị bắt lại, có người thì chưa nghe tin gì cả, tức là coi như mất tích, Thúy như ngồi trên lửa. Phương cách nào để tìm cho ra tiền làm lộ phí, ngày càng đi vào ngõ cụt!

Vào một đêm thanh vắng, Thúy đang vặn nhỏ chiếc radio cassette để lên nghe những lời ca ngọt ngào của những ca sĩ đã thoát ra nước ngoài mà chế độ mới có lệnh cấm. Tiếng gõ cửa nhẹ nhàng khiến Thúy vội vàng tắt máy, nhét vội cái "đài" xuống gầm giường. Tiếng gõ cửa lớn hơn. Nàng lên tiếng:

- Ai đó?

- Tui đây! Mở cửa cho tui "dò" rồi nói "chiện"!

- Nhưng bà là ai?

- Tui là A Múi!

- A Múi là ai, tui đâu có quen!

- Chờ ơi! Mở cửa đi mà! Có tin vui!

Thúy yên tâm, mở hé cửa ra nhìn. Một bà xăm không xấu, không đẹp, mặc chiếc áo hoa nhỏ li ti với quần tây màu nâu, bà nhìn Thúy một lúc lâu rồi hỏi:

- Cô có phải là Lê Thị Thúy không?

- Dạ, đúng! Mời bà vào nhà. Có gì không bà?

- Có phải cô có hai thằng "con chai"?

Thúy nghi ngờ:

- Có gì nói lẹ lên, hỏi như điều tra, nghe ghê quá!

- Mà có đúng hông đã?

- Thì đúng!

- Ờ, cô có người "dà" đưa "dàng" cho cô đây nè!

À, mà cô cho tôi coi thể chứng minh nhân dân đi!

Thúy lặng người, bán tín, bán nghi, chỉ sợ đây là một cái bẫy. Nàng dè dặt:

- Thẻ chứng minh của tôi làm rồi mà công an phường chưa phát, chỉ có giấy tạm đây thôi.

- Ờ thì giấy đó cũng được. Đưa cho tui coi có đúng tên thì tui mới giao "dàng" chứ!

Thúy vẫn cố gắng kiên nhẫn, mặc dù lòng đã tin tưởng không bị lừa gạt đến bảy tám chục phần trăm.

- Không! Tôi không nhận đâu! vì tôi đâu có biết ai gửi cho tôi?

- Chờ ơi! "dàng" mà chê! Nè, ông Đỗ ở Mỹ, chịu chưa hả bà?

Giọng của bà ta thay đổi tiếng Bà thay cho tiếng Cô, Thúy nghe và biết bà ta đang giận. Thúy hỏi hộp vào trong tủ lấy tờ giấy hộ thân đưa cho bà ta xem. Nàng không quên đưa ta chỉ hai đứa con đang nằm ngủ say trên giường như ngầm cho biết về gia đình của mình.

- Đó! Hai thằng con của tôi!

Bà xăm rút trong cái bao vải lớn ra một bao vải nhỏ, cầm sấm soi kỹ rồi mới giao cho Thúy:

- Nè, đếm cho đủ đi, mười tám cây tất cả!

Thúy run run đón nhận, đặt xuống bàn, đổ ra, hất từng lượng vàng để đếm. Bà xăm lên tiếng:

- Mở "da" coi cho kỹ đi, tui đưa toàn "dàng" tốt không đó!

Thúy lặng người một lúc mới đếm hết, nàng không dám tin đây là sự thật. Bà đưa cho Thúy quyển sổ và bảo Thúy:

- Ký "dận" vô đây đi!
- Viết gì bây giờ hả Di?
- Thì ký tên nói mình "dận" đủ mười tám cây!

Thúy răm rắp làm theo. Bà ta thấy xong công việc bèn cáo từ, lúc đó Thúy mới hoảng hốt:

- Mời Di uống miếng nước rồi đi!

Bà ta lắc đầu từ già, vội vàng bước đi khiến Thúy áy náy vì sự nghi ngờ lúc ban đầu của mình. Áp bao vàng vào lòng. Thúy nghe mắt cay cay, nằng muốn đánh thức hai con dậy để nói cho chúng nghe là ba còn thương nghĩ đến ba mẹ con mình. Nằng thì thầm với chồng ở nơi xa xôi mịt mù nào đó: "Bất chấp sống hay chết giữa biên khơi, em nhất định sẽ tìm anh! Đợi em! Chờ em, nghe anh!"

Cuối tháng ba 1979, Thúy theo lời chỉ điểm của một người bạn thân nằng móc mối được với một chuyến đi và tin chắc sẽ tới bến một cách an toàn - Đó là con đường Ra Đi Bán Chính Thức do nhà nước tổ chức.

Ngày hẹn giao nộp vàng, người anh trai của Thúy đã đi thế, anh ngụy trang trong lon nhôm Guigoz đựng cơm và để vài miếng cá kho nằm trên mặt cơm. Trong lòng Thúy lúc nào cũng run sợ, có thể nằng chỉ cần một người nào đó thét lên một câu "Có gì khai thật đi" là nằng sẽ phun ra tất cả không thiếu một chi tiết nào, nhưng lúc nào nằng cũng im lặng, không nói không cười với ai và cũng không dám bước ra khỏi nhà.

Đêm cuối, nằng và hai con tá túc trong nhà người anh để sáng hôm sau ra đi cho được an toàn. Lòng Thúy buồn rười rượi, nằng cứ cầm tay cha già áp lên má mình mà nước mắt tuôn ra, không nói được một lời từ già vì anh nằng đã dặn: "Ba già rồi, cho ba biết rủi ba lắm cầm nói lại với chòm xóm là chết cả lũ đó!" Ba mẹ con ôm nhau ngủ đêm cuối cùng trên đất Sài Gòn, nhưng Thúy không tài nào chợp mắt được. Hai mắt nằng cứ mở thao láo. Thấp thoáng bóng ông anh đứng lấp ló nhìn vào, Thúy nhoen miệng cười để anh không ngưng vì Thúy thấy mắt anh long lanh. Thúy tự dặn lòng: "Đến Mỹ, bất cứ giá nào em cũng tìm cách cho anh thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng này". Ba năm anh đi "cải tạo" về, anh đã đi mòn không biết bao nhiêu đôi dép vẫn không tìm được việc làm bởi lý lịch Sĩ Quan Chế Độ Cũ!

Tập trung tại một ngôi chùa Tàu tại Bạc Liêu, đêm đầu tiên Thúy vô cùng vui sướng và tưởng chừng mình chỉ còn gang tấc thôi là đến Mỹ vì đây cũng là nơi tập trung của đám người Hoa cùng cảnh ngộ: Muốn ra khỏi Việt Nam để có một cuộc sống khác ở nước ngoài. Thúy nghĩ chỉ tới khuya là sẽ được gọi lên xe, ra tàu vì tiền vàng đã đóng cho "chính phủ", ba mẹ con nằng mười sáu lượng. Có sự bao che của nhà nước thì cầm chắc cái thẳng trong tay! Thế mà...

Đã bốn tuần trôi qua, tiền cầm theo đi đường của ba mẹ con đã gần cạn. Hai hôm nay, hai con còn được ăn cơm để cầm hơi, còn Thúy thì ăn bánh mì không xít xi dầu, ăn để cốt cầm hơi. Đêm ấy, vừa thiêu thiêu ngủ thì tiếng la hét âm ỉ cách mừng của ba mẹ con chừng một chiếc chiếu. Đèn bật lên. Một bà xầm tay túm một thanh niên, tay còn lại đập lia lịa thật mạnh vào mặt cậu ta bà la bài bài:

- Ngộ lang ngủ mà mày dám mò ngộ hả?

Một tay bị nắm quá chặt, tay kia xá lia lịa, chàng thanh niên nói:

- Cháu không phải mò bác đâu! Cháu hết tiền rồi định ăn cắp của bác để ăn chờ ngày đi thôi. Chờ tàu lâu quá cháu hết tiền rồi!

Nghe câu giải thích rõ ràng của cậu ta, bà xầm dịu bớt, xô hẳn ngã sấp xuống nền gạch và bà la lên:

- Cái lò chó lè! Lụng tới tao lần nữa, tao quỳnh bỏ mẹ mày!

Tiếng cười xen lẫn tiếng thở dài của mọi người khi vở kịch kết thúc; nhìn mặt mũi chàng thanh niên sưng vù lên, Thúy bậm môi quay đi hướng khác không bật cười nổi. Nằng chạnh nghĩ đến mình mai một đây, trong tình trạng này, sẽ biết xoay sở làm sao? Căn phòng này, mỗi ngày bao nhiêu tấn kịch vui buồn diễn ra một cách bất đắc dĩ. Đã có lần chủ tàu cho biết là được công an báo tin rằng vì quốc tế lên án chế độ "nhà nước" phải tạm ngưng, chờ lệnh mới sẽ cho đi ngay. Ai cũng hy vọng có tin ra đi đến một cách bất ngờ, nên không người nào dám rời khỏi ngôi chùa, chỉ ra tiệm mua vài món đồ dùng vặt rồi lại về ngay điểm tập chung!

Hôm sau, mặt cậu thanh niên sưng mọng lên, cậu vừa mượn được ít tiền của bà sư cô người Hoa để làm lộ phí về lại Sài Gòn xin thêm tiền mẹ già ăn chờ ngày đi. Có lẽ ni cô cũng biết chắc chắn tiền tàu chàng ta đóng đủ rồi thì thế nào cũng phải quay trở lại nên mới yên chí mà cho mượn. Nhưng định mệnh thật trớ trêu! Ngay đêm ấy đoàn người đi cùng chuyến với mẹ con Thúy có lệnh rời chỗ đến chỗ mới sẵn sàng lên "con cá lớn". Tất cả đều vui mừng nhưng không khỏi xót xa cho cậu thanh niên bất hạnh ấy...

Ba ngày vật lộn với tử thần vì biến động bất ngờ, mọi người chen chúc ngồi trong tàu, vừa đói, vừa khát... Những cơn sóng dữ...đập vào hông tàu khiến tàu bị nứt một đường nhỏ, nước từ từ chảy vào khiến cả tàu náo loạn. Nhiều người thay phiên nhau múc nước chèo lên boong tàu đổ nước ra ngoài trong lúc tiếng cầu kinh vang lên rì rầm trong hầm tàu nhỏ bé, chật chội. Cuối cùng thì tàu của Thúy cũng may mắn gặp được tàu của Mã Lai vớt và cho vào bờ, một hòn đảo nhỏ vô danh.

Đêm đầu tiên kinh hoàng với những lính Mã Lai về việc chúng lục lọi tìm vàng và...tìm gái. Đêm thứ hai, cả hoang đảo chìm đắm trong im lặng nặng nề đến ghê sợ cả thở khi những tiếng bước chân của lính Mã nghe xào xạc trong đêm. Bỗng một tiếng thét vang dội cả khu vực. Thì ra một cậu bé bị bỏ cạp...kẹp! Những ngày đói khát, những đêm hãi hùng khiến ai cũng lơ lảo như là bị đói khát lâu năm. Ngày nóng như thiêu đốt, đêm thì lạnh buốt xương. Cuối cùng...một dịp tình cờ vì có người đói người đói quá. Trèo lèm trộm dừa, gặp lúc máy bay Hồng Thập Tự bay

ngang qua, ông ta đánh liều vẫy tay cầu cứu. Thế là người trên máy bay phát giác ra được tàu vượt biển của Thúy bị đám lính Mã Lai giam lỏng để làm tình làm tội. Chiều đó, một chiếc tàu của Hồng Thập Tự đến đảo, thương lượng với đám lính Mã Lai chúng mới chịu cho đoàn người khốn khổ rời đảo để vào đảo khác: đảo Pulau Bidong!

Đến đây rồi, một người lại trực diện với những kinh hoàng mới: Không có tiền để dựng lều thì không thể nào có chỗ trú mưa, tránh nắng. Ba mẹ con núp tạm dưới mái hiên của Trạm Y Tế, nhìn vào những căn lều có giường, ghế đóng bằng gỗ thô sơ mà thêm thường một chỗ đặt lưng! Ngày cũng như đêm, đi đâu, Thúy cũng đều ôm kè kè cái bao đựng quần áo của ba mẹ con, đó là gia tài duy nhất của mẹ con Thúy!

Đưa con trai lớn đột ngột hỏi mẹ:

- Mẹ nói tới đây gặp ba mà sao con chẳng thấy ba?

Thúy im lặng vì nàng cũng đang lo âu không biết phải tìm chồng bằng cách nào? Vì lúc Thúy còn ở Việt Nam thì chồng nàng còn có địa chỉ nàng để nhờ người đem "qua" đến, Thúy chỉ biết mù mờ rằng chồng "ở Mỹ", không rõ ở đâu trên nước Mỹ. Nhìn con thơ cứ ngược mặt lên chờ câu trả lời, Thúy đành phải trả lời bừa đi cho xong:

- Thì phải vài ba bữa nữa người ta mới cho mẹ con mình gặp ba chứ con!

Đưa con của Thúy đưa tay lên gỡ đầu và cầu nhàu:

- Sao ai cũng có nhà mà mình không có nhà hả mẹ? Con không muốn ở đây, nắng quá hà!

Nhìn tấm lưng trần đen dũi của hai đứa con ôm tong ốm teo, Thúy cố nén xúc động, bảo:

- Các con mặc áo vào để che nắng thì bớt nóng!

Danh sách tàu của Thúy đã được Cao Ủy Tị Nạn chấp thuận. Lần đầu tiên cả tàu được phát lương thực. Thúy vui thật sự khi nghe hai đứa con nói với nhau:

- Bữa nay mẹ nói mình được ăn no!

Đứng dưới cái nắng gay gắt của Mã Lai, hơi nước biển tỏa lên không đủ cho mọi người một chút mát mẻ nào, thêm chứng kiến chứng kiến chuyện một thanh niên lớn tuổi cứ trần truồng ngơ ngẩn đi lang thang, nhiều lần cảnh sát Mã Lai túm lại lôi vô lều mặc quần áo cho, vài giờ sau người vẫn y như cũ! Hỏi thăm mới biết anh ta vượt biển cùng gia đình, khi tàu ra khơi bị ngu phu Thái Lan giữ trở hải tặc xáp vào tàu anh và đàn bà, con gái trên tàu hầu như không thoát khỏi bàn tay hung bạo của chúng. Trong số đó có vợ anh, cô em gái anh! Anh đã chống lại và anh bị chúng ôm ném mạnh vào khoang tàu và đầu quá mạnh nên bây giờ ra nông nổi thế! Vợ anh, em gái anh bị bọn hải tặc hành hạ xong ném xuống biển cùng với trẻ con, trong đó có đứa con nhỏ của vợ chồng anh. Không phải chỉ có hai người đàn bà xấu số, còn nhiều nữa! Người thanh niên này khi được cứu vớt (cùng với những người khác) thì trở nên... vô hồn, khi thì nhớ, nhớ mang máng, khi thì quên, lắc đầu lia lịa và nước mắt ngập mặt! Anh ta có lúc thấy thật hiền, có lúc tự dung hung dữ, la hét om xòm! Anh điên rồi! Anh thật sự là một người điên! Cũng may cho anh, anh không biết mình cô đơn! Anh không biết mình đang ở trên đất lạ, anh vẫn tưởng mình còn ở trong trại Cải Tạo, nhiều lúc anh gào tên "Bác Hồ" và hát bài quốc ca của nhạc sĩ Văn Cao "Thề phan thân xác quân thù..."

Qua tuần lễ sau, cũng trong lúc chờ đợi để lãnh phần rau tươi, Thúy thấy hai thanh niên gầy gò đang dìu một cô bé đến trạm Y Tế với nét mặt đau đớn. Nàng tò mò hỏi han thì biết cô bé ấy mười ba tuổi, trên đường vượt biển bị đám hải tặc Thái Lan gồm năm tên thay phiên nhau hãm hiếp. Vì cô còn quá nhỏ, từ tuổi tác đến vóc dáng nên chúng đã dùng dao xẻ ra cho rộng hông thỏa mãn thú tính. Thúy chỉ biết im lặng dõi mắt nhìn theo từng bước chân của những người đồng bào mình mà lòng còn hơn bị ai xé rời ra từng mảnh!

Một buổi sáng, Thúy đang dùng sức để kéo hai đứa con lên con dốc để đến nhà một người quen hứa cho Thúy một ít sữa bột bồi dưỡng cho hai con. Bỗng một trong hai thằng bé hét toáng lên. Thúy hoảng hốt bế thốc nó đến trạm Y Tế. Thằng nhỏ út thì không biết chuyện gì, thấy mẹ bế thằng anh thì cứ cầm đầu chạy theo mẹ, vừa vấp vừa khóc, rồi lại lật bật ngồi dậy, đứng lên lao đảo chạy theo như cái bóng... đến trạm Y Tế. Bác sĩ khám, mới biết: bệnh thông ruột của nó bị tái phát.

Đời tin chồng từ hy vọng đến tuyệt vọng, Thúy mệt mỏi với bao nhiêu áp lực đè nặng. Thúy đã gửi đi ba mươi lá thư nhờ người mang đi khi họ rời đảo với địa chỉ ghi ở Pháp trên họ của người em chồng (cô ta có chồng là người Ấn Độ). Bức thư thứ ba mươi ba, câu cuối cùng, Thúy nhớ hoài nàng đã viết trong đau đớn: "Nếu anh đã có gia đình cũng xin cho em biết để em định liệu đời em và hai con - Thúy." Bức thư này Thúy nhờ hội Hồng Thập Tự chuyển hộ với địa chỉ KBC 3750 dưới họ tên cấp bậc của chồng chứ không với cái địa chỉ tại Pháp. Lá thư viết trên giấy bạc của một gói thuốc lá Thúy nhặt được trên bờ biển Bidong. Thư đi, gặp lúc phái đoàn Úc đến nhận thêm một số người di dân gọi là "Hốt Rác" (tiếng lóng có nghĩa là ai - không - có - thân - nhân, hai chữ hốt rác từng lọt vào tai phái đoàn Mỹ, họ đã giải thích nghe rất cảm động: "Chúng tôi làm việc nhân đạo và các anh chị không phải là rác rến!"). Các phái đoàn không biết có cảm thông trước tình trạng số người vượt biển phải ở trại ngày càng đông, ngày càng lâu, tự họ đã cảm thấy mình chẳng khác nào đồ bỏ rồi! Thúy nản lòng lắm, nàng xin đi Úc và được phái đoàn Úc gọi lên phỏng vấn. Chỉ hôm sau là có người tới đón số người nhập cư Úc. Thúy không còn tin tưởng ở số may của mình nữa (nàng có đi coi bói ở Việt Nam, bà thầy bói nói Thúy có số may, chao ôi!). Điều duy nhất lúc này nằm trong đầu Thúy là làm sao cho hai con lên được một lục địa văn minh, vào một bệnh viện xin chữa bệnh thông ruột cho thằng con lớn. Hai đứa con của nàng ngày một héo hắt, tiêu tụy, trông thương quá là thương.

Nhưng cái thư viết trên tờ giấy thuốc lá thế mà may mắn! Hội Hồng Thập Tự đã làm phóng ảnh nó và gửi đi các hội thiện nguyện nhờ tìm hỏi giùm người sĩ quan có họ tên đó, từng ở KBC đó và trời ơi... chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa thì ba mẹ con Thúy lên tàu đi Úc, loa phóng thanh vang dội tên nàng gọi lên văn phòng trại nhận một điện tín

khẩn! Thúy đâm đầu chạy lên phòng thông tin! Nàng run rẩy đón nhận tờ điện tín, mở ra đọc liền: " Em vẫn là dâu nhà họ Đỗ. Anh luôn yêu và chờ em cùng hai con. Anh sẽ làm thủ tục bảo lãnh gấp ". Nàng lao đầu chạy thẳng vào chỗ phái đoàn Mỹ và Úc, may mắn gặp một người Mỹ biết nói tiếng Việt, người đó chặn Thúy lại, hỏi: "Bà cần gì?". Thúy chìa tờ điện tín và nàng nói, nói thật nhiều, bao nhiêu uẩn khúc trong lòng nàng tuôn ra hết, không cần biết người trong phái đoàn Mỹ có hiểu hay không...

Không lâu sau đó, ba mẹ con Thúy đoàn tụ với chồng, với gia đình chồng thì đúng hơn. Tới Mỹ, Thúy vỡ lẽ ra là người em bà con bên chồng nàng không ở Pháp nữa, lâu rồi, cả gia đình dọn qua Mỹ trước khi thư nàng từ đảo tị nạn gửi đi. Ba mươi hai bức thư không được phát hoàn, cũng đúng thôi vì phương tiện ở đảo thừa ấy thật khó khăn. Đi về phía mặt trời mọc, nhiều khi Thúy bồi hồi nhớ lại câu của người tài công chiếc tàu vượt biển đã nói: " Cứ nhắm hướng mặt trời mọc mà đi tới, tới đâu cũng được, càng xa Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa càng tốt ". Chiếc tàu của Thúy tấp vào Mã Lai có lẽ vì xuôi dòng nước và con sóng. Từ năm 1979 đến nay, 2002, Thúy nhớ lại, giật mình, tưởng mình vừa tỉnh một cơn mơ...

Chuyến đi của Thúy có gian nan thật đó, nhưng cũng nhiều may mắn là đã tới bến bờ, trong khi bao chuyến khác, cái may thật ít, cái rủi thì nhiều. Mấy câu thơ của ai làm ra trong thời dân mình bỏ nước, đơn sơ, mộc mạc mà thâm thúy lạ lùng: " Một là con nuôi má, hai là con nuôi cá, ba là má nuôi con! "

Ai cũng hiểu rằng nếu đến vùng đất tự do an lành thì con sẽ giữ tiền về để đền ơn công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ, nếu chẳng may gặp phong ba bão táp giữa biển khơi thì xác con làm mồi cho cá. Là nếu bất hạnh hơn cả cái chết là bị công an biên phòng bắt được thì..."Má ơi! Con đang bị tù tội đây, má hãy bán....bán máu để nuôi con!"

Những cuộc hành trình trên biển Đông là một niềm đau của dân tộc Việt. Hầu như ai cũng muốn quên đi để sống, hôm nay có người khơi lại, Thúy nghe nhức nhối như muôn vàn mũi kim châm vào tim, và Thúy viết - một lần sau cuối rồi vĩnh viễn....và vĩnh viễn nàng xếp vào kỷ niệm.

::: Lê Thị Hoàng Anh :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thủy Táng

Hồng Nhung

Chiếc nắp hầm được mở toang, ánh sáng cùng gió biển mát rượi lùa vào chiếc hầm ghe đánh cá, xua đuổi bầu không khí ngột ngạt làm số người nằm xếp lớp như cá mè dưới khoang ghe cảm thấy dễ chịu. Một cái đầu thò xuống cất tiếng:

- Tới hải phận quốc tế rồi nghe bà con!

Những tiếng reo vui, thờ phào nhẹ nhõm đồng loạt phát ra từ bảy chục cái miệng, phá tan bầu không khí nặng nề bao trùm trong hầm từ tối hôm qua. Mọi người như vừa được hồi sinh sau lời báo tin ấy. Những nụ cười tươi chột nở trên môi từng khuôn mặt mệt mỏi phờ phạc vì say sóng. Có người làm dấu thánh giá, có người niệm phật. Niềm hy vọng trên từng ánh mắt. Một chặng khởi đầu của một cuộc hành trình định mệnh đã vượt qua một cách dễ dàng. Đám thuyền nhân, đa số tinh tảo. Họ đang ngồi nói chuyện với nhau về tương lai. Bà Lòi, chủ tiệm cầm đồ ở chợ Vườn Chuối, len đến ngồi cạnh bà Thiện tâm sự:

- Chị biết không, nếu muốn mần ăn lớn thì nghe người ta nói phải qua bên Mỹ mới được. Nếu trời phù hộ tui qua đó bình an, tui sẽ ăn chay ba tháng rồi mở tiệm cầm đồ lấy lời chừng năm phân thôi.

Bà Thiện chưa kịp góp lời thì bà Lòi đã nói tiếp:

- Chị biết không, ở bên nghe đâu người ta cho vay lời tới mười mấy, hai chục phân lận. Mình cho vay lấy ít thôi còn để lại phước cho con cháu. Phải không chị?

Bà Thiện gật đầu, thật ra lòng bà vẫn còn nơm nớp lo lắng khi chiếc ghe còn lênh đênh nơi biển cả. Nhưng khi nghe bà Lòi phác họa một tương lai, bà cũng cảm thấy người ngoại nổi lo. Bà chạnh nghĩ đến mười mấy cây vàng đã gởi cho ông em rể hiện còn kẹt lại quê nhà giữ giùm mà đâm ra tiếc. Nếu biết trước là ra khỏi nước một cách quá dễ dàng như thế này thì cần chi phải lo xa chuyện bị bắt sẽ phải nhờ ông em dứt lốt vàng cho công an để chuộc tự do cho gia đình bà.

Bên kia, ông Thiện cũng đang quay sang nói chuyện với một người đàn ông đứng tuổi, dáng dấp bệ vệ, gương mặt có vẻ trí thức. Hai người nói chuyện có vẻ say sưa lắm. Người đàn ông khoa tay, rồi nói với một giọng quyết liệt:

- Ra ngoại quốc, mình phải làm một cái gì cho đất nước. Đúng vậy, phải làm một cái gì để cứu sáu mươi triệu đồng bào đang lâm than đói khổ từng ngày. Nhất định mình phải làm một cái gì, phải thực hiện một cái gì, phải ráo riết xây dựng một cái gì. Anh biết không, ước vọng của tôi sau khi thoát ra khỏi tầm tay của Việt Cộng, tôi phải tổ chức một cái gì ra trò, để đập vào mặt chúng nó.

Ông Thiện cất tiếng hỏi:

- Nói như vậy, chắc anh cũng đã có một kế hoạch để hoạt động khi ra ngoại quốc phải không?

Người đàn ông giơ ngón tay, chỉ vào đầu mình:

- Tôi có cả trăm kế hoạch chứa trong này, nhưng sẽ tùy cơ ứng biến. Tôi sẽ đi chu du khắp thế giới để vận động một cuộc tranh đấu cho lý tưởng tự do. Đúng thế, phải biểu dương một cái gì...

Ông ta ngưng lại một lúc như để lời phát biểu của mình ngấm vào tâm can người nghe, rồi hỏi ông Thiện:

- Còn anh dự tính gì khi ra ngoại quốc không?

- Tôi muốn tiếp tục làm nghề sinh nhai cũ của tôi, đó là nghề thầu khoán.

Người đàn ông trợn mắt, lắc đầu:

- Không được đâu, ra ngoại quốc muốn hành nghề gì cũng phải có bằng cấp đấy anh ơi! Rất tiếc anh không phải là quân nhân hay công chức quan trọng của chính quyền cũ nên không thuộc thành phần ưu tiên nâng đỡ của Mỹ.

- Vậy anh thuộc thành phần nào?

Người đàn ông tạo một nụ cười có vẻ bí mật:

- Nói nhỏ anh nghe, tôi là nhân viên tình báo CIA của Mỹ đấy! Mai mốt nếu anh cần làm một cái gì, tôi sẽ sẵn lòng giúp đỡ.

Bà vợ ông ta nằm mệt lả bên cạnh, trở mình ngồi dậy cầu nhàu:

- Làm cái gì! Hờ ra là làm cái gì, cái gì! Muốn làm cái gì thì bây giờ ông đi lấy giùm tôi miếng nước uống coi.

Người đàn ông liếc bà vợ, rồi vội vã đứng dậy, đi xin nước cho bà. Ở cuối khoang, một đám con gái đang nói chuyện về thời trang và son phấn ở ngoại quốc. Các bà thì đang tùm lại về đề tài gia chánh và vòng vàng, chuỗi hạt. Không khí trong chiếc khoang chật hẹp trở nên vui như ngày hội. Họ chuyện trò thân mật. Niềm tin và hy vọng hiện lên trên nét mặt mọi người.

Đêm hôm đó, mọi người đang ngủ ngon, chợt thức giấc vì chiếc ghe lắc quá mạnh. Tiếng sóng đập vào lườn nghe ỳnh ỳnh như tiếng trống. Nữ, cô gái con ông Thiện ngồi bật dậy, quay sang phía mẹ, nói:

- Hình như có bão má à!

Bà Thiện cũng lật đật ngồi nhồm lên:

- Làm gì có chuyện đó con.

Như để trả lời bà Thiện, một cơn gió mạnh hất tung chiếc nắp hầm qua một bên rồi mưa tạt xuống khoang nghe xối xả. Mọi người nghe nhón nháo. Tiếng sét nổ xé trời làm lũ trẻ con khóc ré lên. Hai đứa em của Nữ cũng ôm chặt lấy bà Thiện mếu máo làm ông Thiện cũng mất bình tĩnh. Ông qua sang bên ông bạn CIA hỏi:

- Tại sao có bão mùa này vậy anh?

Ông CIA lắc đầu, tay bám chặt lấy mấy thanh gỗ bên sườn ghe cho khỏi bị té:

- Tôi đâu có rành về cái vụ đi biển. Có thể là một cơn bão bất ngờ.

Bà vợ ông ta ôm chặt lấy thân chồng:

- Minh phải làm sao bây giờ hả ông?

Người đàn ông lắc đầu:

- Tôi cũng như bà, ngồi chịu chết trong ghe chứ biết làm cái gì bây giờ!

Chỗ gia đình Nữ ngồi ngay dưới nắp hầm nên lãnh trọn số nước mưa tạt vào. Gió mạnh rít lên từng hồi. Nữ vội nhồi dầu lên khỏi miệng hầm, đưa tay cố kéo chiếc nắp đẩy lại, nhưng sức gió mạnh quá, đè chiếc nắp hầm dính sát sàn ghe. Chớp loé lên sáng rực cả bầu trời tối đen như mực. Mưa ụt sùng cả đầu tóc, mình mẩy nằng. Những hạt nước cứ thi nhau tạt vào mặt nằng đau rát. Bà Thiện thấy con gái đang lúng túng, vội quát chồng:

- Trời ơi! Ông không đứng lên phụ nó một tay mà còn ngồi ngó chi không biết nữa!

Ông Thiện chợt lấy lại tinh thần. Ông đứng lên toan đến bên Nữ để phụ nàng thì ghe lắc mạnh làm ông mất thăng bằng té nhào xuống, đau điếng. Ông CIA bên cạnh ông Thiện cũng muốn đứng dậy để phụ cô gái, nhưng bà vợ vẫn nắm cứng lấy chân ông chồng nên không xoay sở được. Nữ cố bặm môi, cố sức dờ chiếc nắp hầm, may lúc ấy, Vũ, người con trai của ông Tư tài công, cũng đã lòn xuống từ phòng lái, tới phụ nàng đẩy chiếc nắp hầm rồi cài then lại.

Vũ nói lớn:

- Bão lớn quá!

Nữ lo ngại hỏi:

- Liệu ghe mình chịu nổi không hả anh?

- Không biết nữa. Nhưng chắc là không sao đâu.

Chiếc ghe lại lắc lư mạnh, nghiêng bên này, ngã bên kia kêu rầm rầm làm đám hành khách thì nhau ới mưa. Thịnh thoảng nó bị nhấc lên cao rồi lại rơi nhanh xuống khiến mọi người thót bụng. Mưa bão gào thét điên cuồng. Sấm sét nổ như xé trời. Từng khối nước biển thì nhau phóng lên không trung, rơi quật xuống chiếc ghe bé nhỏ.

Đoàn người vượt biển trong khoang bị nhồi như từ, đè cả lên nhau. Nhiều người bị lá đi vì bị ới quá nhiều. Tiếng mưa bão ngoài trời pha lẫn tiếng khóc của trẻ con, tiếng la hét của người yếu bóng vía, tiếng cầu kinh, niệm Phật, tiếng khóc, tiếng quát tháo của mấy người đàn ông trấn an vợ, nào loạn cả lên. Tất cả trong khoang ghe trở nên hỗn độn, kinh hoàng.

Trên phòng lái, trời tối đen như mực, những ánh chớp nổ vang trời như muốn xé tan màn đêm. Từng đợt sóng cao dâng lên rồi đổ xuống chiếc ghe với một sức mạnh kinh hồn, làm như muốn đập tan nó ra thành từng mảnh vụn.

Ông Tư tài công cột chặt thân người vào chiếc bục gỗ ngồi. Ông cố ghì chặt tay lái cho ghe lướt dọc theo triền sóng. Những cơn sóng cả và lôc đã làm chiếc ghe quay mòng mòng, ngum lặn như muốn chìm. Vợ ông Tư tài công lo lắng cho chồng nên mò lên phòng lái. Bà ôm chặt lấy cây cột chống. Ông Tư tài công quát tháo, đuổi vợ xuống khoang, nhưng bà Tư vẫn đứng ì tại chỗ. Đã mấy lần bà suýt bị sóng cuốn đi. Dù không làm được gì trong phòng lái, nhưng bà cần có mặt bên chồng để chia sẻ nỗi nguy hiểm và yểm trợ tinh thần người lèo lái con thuyền.

Một tiếng sấm nổ vang trời, tiếp theo là một cột nước khổng lồ dâng lên cao ập xuống phòng lái, nhô phăng đi chiếc cột chỗ bà Tư tài công đang nắm. Người đàn bà kêu thất thanh, rồi ngã nhào, bị khối nước kéo trượt ra khỏi phòng lái. Những ngón tay của người đàn bà cố bấu mạnh xuống sàn ghe để níu lại nhưng cũng không cưỡng lại nổi sức nước cuốn. Ông Tư vội buông tay lái, nhào ra chụp lấy cánh tay vợ, thân người bà Tư đã bị tụt xuống dưới bên hông ghe, đong đưa. Chiếc ghe không người lái quay tròn, nghiêng ngã như muốn lật úp trong tiếng gầm thét của phong ba.

Ông Tư một tay nắm lấy tay vợ, một tay níu lấy cái bệ cửa, cố ghi lại, nhưng một ngọn sóng khác kể tiếp quật lên sàn ghe, kéo người đàn bà tuột khỏi tay chồng. Ông Tư hét thất thanh:

- Trời ơi! Vợ tôi!

Nhưng tiếng sóng bão đã át đi tiếng thét thảm não của ông Tư tài công. Vũ chạy lên phòng lái. Kịp thấy cha mình sắp lộn xuống biển, chàng vội nằm rạp xuống, gắng sức kéo ông vào phòng lái. Ông Tư gào lên:

- Vũ, má mày bị nước cuốn đi rồi!

Vũ nghe nói hoảng hồn, nằm rạp xuống sàn, cố trườn tới lườn ghe nhìn xuống nước để tìm mẹ, nhưng dưới ánh chớp, bóng bà Tư mất dạng trong sóng biển. Tim Vũ se thắt lại. Chàng gào to:

- Má ơi! Má ơi!

Chiếc ghe bị sóng đẩy nghiêng hẳn về một bên như muốn lật khiến Vũ phải vội vàng bò lại phòng lái, điều khiển cho chiếc ghe nương theo sóng. Ông Tư tài công khụy xuống, ôm chặt lấy thành cửa ghe, lạng người đi. Ông chỉ muốn buông tay ra để chìm theo vợ.

Mưa bão vẫn gào thét điên cuồng. Sấm sét nổ như muốn phá tan bầu trời đen kịt. Từng khối nước biển dâng cao vẫn tiếp tục thi nhau quật mạnh xuống chiếc ghe bé nhỏ, dưới khoang ghe, bà Quốc ôm chặt lấy chồng. Cái bào

thai sáu tháng trong bụng hành hạ bà dữ dội. Bà cảm thấy bụng đau nhói lên như có ai cầm dao nhọn đâm vào. Bà quần quai đau đớn, thét lên. Ông Quốc quýnh quáng quay sang ông bác sĩ quân y Tường nằm bên cạnh toan cầu cứu, nhưng ông bác sĩ duy nhất trong ghe cũng đang ôm bụng gập người xuống, mửa tháo ra.

Tình cảnh trong ghe thật là bi đát, hỗn loạn. Chợt chiếc ghe bị hất tung lên cao rồi rơi mạnh xuống như trời giáng. Lườn ghe lại kêu rắc rắc, rồi phía hông bên trái bị một kẻ nứt, nước rỉ vào khiến mọi người hốt hoảng, ré lên:

- Ghe nứt rồi! Nước tràn vô bà con ơi!

Đám người mất tinh thần vội dồn sang một bên để tránh chỗ nước rỉ. Tiếng kêu khóc lại vang lên dữ dội. Một thanh niên bò tới chân thang hét vọng lên phòng lái báo động. Vũ phải giao tay lái cho ông Tư tài công, chạy xuống, tay cầm một bịch dầu trét ghe. Vũ hét to:

- Đừng có dồn hết sang một bên, coi chừng ghe lật đó!

Mặc chàng nói, chẳng ai thêm để ý. Vũ tới bên lườn ghe, móc dầu trét vào kẻ nứt. Mấy người đàn ông nữa tới nữa trét phụ với Vũ. Kẻ nứt ngưng rỉ nước. Đám người bấy giờ mới chia đều ra hai bên. Người nào cũng ráng bấu lấy những thanh gỗ nơi lườn ghe để khỏi bị xô vào nhau.

Trên phòng lái, ông Tư cố nén đau thương đang cố gắng điều khiển chiếc ghe lướt trên triền sóng. Từng đợt sóng cả nhô cao rồi đổ xuống đập mạnh vào lườn ghe nghe ầm ầm làm thân ghe chuyển mình kêu rầm rầm. Vũ cố gắng bò trên sàn ghe ra chỗ để thăm chừng những chiếc can nhựa hai mươi lít, chứa nước ngọt, nhưng xui xẻo, sợi giây thừng cột chúng lại với nhau bị đứt từ lúc nào, những can nước mất hết, chỉ còn sót lại ba can, nằm chênh vênh trên sàn ghe đang chờ sức sóng hất chúng xuống biển.

Vũ hốt hoảng chụp lấy ba can nhựa đựng nước ngọt kéo vào trong, rồi chuyển chúng xuống miệng hầm cho đám thanh niên ở dưới khoang chắt vào một góc. Dù sao thì trên biển cả, nước ngọt là mạng sống của con người. Nước mưa tạt xuống khoang làm những người bị ướt la ré lên, dồn tránh qua một bên, Vũ đẩy nắp hầm lại. Một khối nước khổng lồ quật xuống thân Vũ khiến lồng ngực chàng tức như búa bổ. Vũ níu lấy đám lưới trên sàn ghe bò dần về phòng lái. Chàng thấy ông Tư tài công một tay đang ôm mặt, một tay lái ghe. Vũ hốt hoảng hỏi:

- Ba bị sao thế?

- Đầu tao bị đập trúng cái tay lái, hơi ê ẩm, nhưng không sao cả.

- Liệu cơn bão này có kéo dài không hả ba?

- Không biết nữa

Trong ánh chớp, Vũ thoáng thấy trán ông Tư tài công rỉ máu. Chàng vội nói:

- Ba xuống dưới kiểm cái gì mà băng đầu đi, để con cầm lái cho.

Cơn bão vẫn nhồi chiếc ghe đáng thương cho đến khi mọi người đều nằm rạp vì say sóng, và họ thiếp đi trong một mõi, rã rời...

Cơn thịnh nộ của đại dương dịu dần cho đến tờ mờ sáng thì dứt hẳn. Bầu trời quang đãng. Trong ánh sáng của hừng đông, mặt biển lại phẳng lặng, hiền hòa như chẳng có chuyện gì đã xảy ra trong đêm qua.

Nắng ban mai rực rỡ, chan hòa trên vùng nước màu xanh thẳm. Nữ lần lên trên sàn ghe để cho thoáng khí. Tiếng máy ghe đã im bật từ lúc nào, chỉ còn tiếng sóng rì rào. Ông Tư tài công, ông Thiện và mấy người đàn ông nữa đang lui cui nơi phía sau đuôi ghe. Một người đàn ông hỏi:

- Bánh lái bị trục trặc có sửa được không hả chú Tư?

- Chưa biết rõ, còn coi cái đã.

Mấy gương mặt chăm chú nhìn xuống vùng nước xanh. Nơi bánh lái, một cái đầu chọt trồi lên khỏi mặt nước. Mọi người nhận ra là Vũ. Ông Thiện nóng ruột hỏi:

- Bị sao vậy?

Vũ đáp cho người nổi lên, rồi đưa tay vuốt nước trên mặt:

- Bánh lái gãy mất tiêu rồi!

Câu trả lời như tiếng sét đánh ngang đầu mọi người. Ông Tư tài công hỏi vọng xuống:

- Mày có coi kỹ chưa?

Vũ bơi sát lại hông ghe rồi leo lên:

- Coi kỹ rồi, vô phương!

Nữ cảm thấy tim mình se thắt lại. Một người đàn ông lên tiếng hỏi với giọng lo sợ:

- Còn cách nào cứu vãn không ông Tư?

Ông Tư tài công lặng yên không nói. Nhìn nét mặt nghiêm trọng của ông tài công, người ta đoán được câu trả lời.

Ông CIA nói lớn:

- Bây giờ chúng ta phải làm một cái gì đi chứ?

Ông Thiện quay qua hỏi ông ta:

- Vậy chứ ông muốn làm cái gì bây giờ?

Ông CIA gờ tay phác họa vào không khí:

- Chẳng hạn như làm một cái bánh lái khác!

- Lấy gỗ, sắt, cưa, bào đục đầu mà làm?

Ông CIA nhún vai:

- Cái đó là lỗi của các ông tổ chức không dự phòng trường hợp này có thể xảy ra để mà đem theo một cái bánh lái sơ cua.

Ông Tư khoát tay:

- Bây giờ không phải là lúc chúng ta tranh luận nữa. Trận bão vừa qua đã làm gãy cái bánh lái, sóng biển còn cuốn hết cả nước uống và mấy thùng đồ ăn của chúng ta rồi. Chỉ còn ba can đựng nước duy nhất may mắn sót lại đang để dưới khoang. Tất cả chúng ta sẽ phải sống cầm hơi bằng ba can nước đó cho tới khi được tàu buôn cứu. Tôi đề nghị tất cả ưu tiên cho con nít và đàn bà.

Mọi người nghe nói đều lo sợ. Cảnh biển thật đẹp, vậy mà lòng họ đang héo hon, u ám như bầu trời có giông bão.

Nữ hỏi Vũ:

- Tôi cảm thấy lo quá. Anh có nghĩ là tình trạng ghe mình trở nên nguy ngập không?

Vũ thở dài:

- Người ta có thể nhịn đói vài ngày không sao, nhưng thiếu nước chừng vài giờ thôi thì mọi người trên ghe đều xỉu cả.

Câu trả lời tuyệt vọng của Vũ khiến nữ thật buồn. Nàng đưa mắt nhìn đại dương bao la, không bờ bến. Màu xanh thẫm của biển sao lạnh lẽo quá. Hình bóng tử thần như lảng vảng quang đây. Không ngờ chuyến đi tìm một sinh lộ cho đoàn người lại là con đường chết.

Sóng vỗ nhẹ nhẹ vào lườn ghe trong tiếng gió biển vi vu, âm thanh buồn thảm. Nữ quay sang hỏi Vũ:

- Tại sao mình không đốt khói lên để làm hiệu kêu cứu những chiếc tàu đi qua đây?

Vũ trầm ngâm một chút rồi trả lời:

- Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng chỉ sợ lỡ mấy thằng hải tặc Thái Lan nó kéo tới đây thì mình lại chết sớm nữa. Cứ thủng thủng rồi tính.

Nữ im lặng ngao ngán. Lại thêm một mối lo sợ nữa mà nàng quên, không nghĩ tới. Trên chiếc ghe này, phần lớn là đàn bà, con gái, chắc chắn họ sẽ là mồi ngon cho bọn hải tặc vô lương tâm.

Ông Tư tài công bỏ ra mũi ghe đứng im lặng, nhìn xuống mặt nước, nét mặt buồn rười rượi. Cũng khung trời xanh, cũng nắng đẹp, cũng sóng biển hiền hòa này, ngày hôm qua ông và vợ con còn ngồi trong phòng lái bàn chuyện tương lai. Vợ ông mơ ước nếu gia đình ông được đến bất cứ một quốc gia nào thì ông nên tiếp tục làm nghề đánh cá như ngày xưa. Bà sẽ cố gắng cuốc xới một mảnh vườn nhỏ nhỏ đằng sau nhà để trồng thêm những loại hoa màu và nuôi vài con gà để lủ con và ông có thức ăn tươi. Bây giờ, người đàn bà hiền lành, chất phác đó đã nằm yên dưới lòng biển lạnh. Ông Tư tài công nấc lên, hai giọt lệ lăn dài trên đôi má nhăn nheo.

Vũ đến bên ông lên tiếng an ủi:

- Thôi ba cũng đừng buồn nữa. Trong hoàn cảnh khốn khổ này ai đi trước thì người đó yên phận. Những kẻ còn lại như chúng mình, nếu không có tàu vớt thì cũng chết dần mòn vì đói khát mà thôi.

Ông Tư vẫn lặng im, đôi mắt rung rung nhìn biển khơi. Vũ thở dài. Chợt có tiếng la khóc dưới khoang rồi tiếng người ồn ào vọng lên làm Vũ hốt hoảng. Chàng nói với ông Tư:

- Để con xuống dưới xem chuyện gì vậy.

Nói xong Vũ tuột xuống mấy nấc thang. Chàng thấy một đám người bu quanh lấy bà Quốc. Người đàn bà mặt xám ngắt, nằm nghèo đầu sang một bên. Ông Quốc nắm tay vợ khóc sụt sùi. Hai đứa nhỏ cũng gào thét bên mẹ. Bên cạnh, bác sĩ Tường buông cổ tay bắt mạch cho bà Quốc rồi lắc đầu:

- Tim bà ấy ngừng đập rồi!

Ông Quốc mê mẩn, nhìn bác sĩ Tường với ánh mắt van lơn:

- Bác sĩ làm ơn làm phước ráng cứu vợ tôi.

Bác sĩ Tường thở dài:

- Trong hoàn cảnh không có dụng cụ, không thuốc men, một chứng bệnh bình thường tôi cũng đành bó tay, huống chi bà ấy đang có thai, bị sóng biển hành đui sức.

Một bà lên tiếng hỏi:

- Bác sĩ coi kỹ lại đi. Có thể bà ta chỉ ngất xỉu một lúc thôi?

Bác sĩ Tường im lặng. Trong hoàn cảnh này ông cũng chẳng biết phải trả lời làm sao. Một linh mục mặc áo dòng đen, vệt mọi người ra hai bên rồi chen vào ngồi bên xác người đàn bà xem xét. Đó là cha Tụ. Ông Quốc nắm bàn tay lạnh giá của vợ, nhìn cha Tụ sụt sùi nói:

- Xin cha làm phép xác cho nhà con!

Cha Tụ quỳ gối làm dấu thánh giá rồi cất giọng đọc mấy câu kinh. Những người đi đạo cũng lên tiếng đọc kinh theo cha. Mọi người trong khoang đều cúi đầu mặc niệm.

Buổi chiều hôm ấy, khi những tia nắng cuối cùng của mặt trời còn le lói phía chân trời Tây. Mọi người lên trên sàn ghe dự đám thủy táng bà Quốc. Thi thể người đàn bà được đặt nằm ngay ngắn trên sàn, không quan tài, không vải liệm. Chiếc ghe tắt máy, bồng bồng trôi. Giọng cầu kinh trầm buồn của mọi người vang lên. Xong bài kinh, cha Tụ ngược mắt lên trời, cất giọng buồn thảm:

- Lạy Chúa! Xin Chúa hãy đón nhận linh hồn của bà Quốc và đứa hài nhi chưa chào đời, và yên nghỉ nơi nước trời.

Người chết đã yên phận, nhưng còn đám thuyền nhân khốn khổ chúng con đây, đang tiếp tục một cuộc hành trình

không bờ bến, đầy gian khổ. Xin Chúa hãy đưa chúng con thoát khỏi hiểm nguy mà bình yên đến được bến bờ tự do. A men!

Lời cầu nguyện trầm buồn của cha Tự khiến nhiều người rơi nước mắt. Cái xác bà Quốc được mấy người đàn ông khiêng lên, đi tới sườn ghe. Ông Quốc và hai đứa con khóc oà lên. Một tiếng "ùm" khô khan. Thân thể người đàn bà bất hạnh nổi dật dờ một lúc như gờ lời vĩnh biệt, rồi chìm sâu dưới làn nước xanh biếc. Nét mặt buồn thảm hiện trên gương mặt của mọi người. Bác sĩ Tường nói vài lời an ủi ông Quốc. Mấy người đàn bà đổ dành hai đứa trẻ cho chúng nín khóc. Sau đó mọi người lại lục đục kéo nhau xuống khoang ghe với tâm trạng buồn nản.

Hai ngày nữa trôi qua trong lo âu thấp thỏm. Đám thuyền nhân trên ghe bắt đầu nếm mùi cực khổ. Ba can nước trên ghe đã được hạn chế sử dụng đến mức tối đa, chỉ được dùng để nấu cháo vì họ không thể ăn gạo sống được, và ưu tiên cho những đứa bé. Người lớn phải cố chịu đựng và chỉ được tắm mỗi khi quá khát. Người ta cầu mong có được một trận bão như hôm nào để có nước uống, nhưng quái ác thay trời cứ nóng như thiêu như đốt. Ban ngày mặt trời chói chang hừng hực lửa. Ban đêm những cơn gió hầm hập mang luồng không khí nực nội thổi luồn xuống khoang khiến da thịt mọi người như bị sấy khô đi. Ai nấy đều mang một giấc mơ ước được gặp chiếc tàu buôn nào đó đi ngang vùng biển này, cứu vớt họ.

Bốn ngày nữa lại nặng nề trôi qua. Mưa vẫn không đổ xuống, và ca nước cuối cùng cũng vừa hết, khoang ghe bao trùm bầu không khí nặng nề khó thở. Người ta nằm bẹp trong khoang ghe mệt mỏi, những cặp mắt lo sợ nhìn nhau. Đường như bóng dáng Tử Thần đang lảng vảng quanh đây.

Hưng Sâm, ông thương gia vùng chợ lớn, là người gởi đầu lên chiếc túi da đựng hai trăm cây vàng, và một túi nữ trang, tài sản của vợ chồng ông mang theo trong chuyến vượt biên này. Ông nuốt nước bọt. Chiếc lưỡi khô queo, đắng ngắt của ông không còn một chút nước. Trí óc ông lúc mê, lúc tỉnh. Ông đang tưởng tượng những ly nước đá lạnh trong vắt mà hằng ngày ông vẫn hắt đổ đi sau khi uống thừa. Bây giờ nếu có được, ông sẵn lòng đổi hai trăm cây vàng này để lấy một ly nước lạnh đó cho gia đình ông. Đời thật trớ trêu. Trong cuộc sống thường nhật, ông đâu có ngờ có ngày ông lại lâm vào tình trạng đói khát trong lúc ông đang nắm trong tay bao nhiêu tiền bạc như hôm nay đâu. Hồi hận chợt dâng lên trong lòng ông, nếu biết như thế này thì ông không dám bước chân xuống ghe để mạo hiểm.

Màn đêm lại buông xuống. Đại dương lại bao trùm một màn đen ghê rợn. Những đứa trẻ con bắt đầu khóc đòi uống nước. Một đứa bé chừng một tuổi khóc ré lên trong lòng mẹ vì nó khát. Người đàn bà cố nhét vú của mình vào miệng con, nhưng vú chị không còn sữa. Đứa bé nhả vú mẹ ra, khóc lạng người đi. Người đàn bà rửa nước mắt vỗ về con. Tiếng khóc của đứa bé yếu dần, chìm trong những tiếng khóc của những đứa trẻ lớn hơn. Đám cha mẹ của chúng ôm lấy con ghen ngào. Rồi những đứa trẻ lại là người đi.

Đêm dài lại nặng nề trôi qua. Chiếc ghe lâm nạn bồng bềnh trôi. Dưới khoang ghe, cơn đói khát đã bắt đầu hành hạ mọi người. Không còn ai đủ sức ngồi dậy vì mệt lả. Một thanh niên leo lên miệng hầm, lao đảo đi tới lườn ghe. Vũ ngồi trên sàn ghe, thấy thế vội chạy ra la lớn:

- Anh kia làm gì vậy?

Thanh niên quay lại, mặt thất thần.

- Tôi khát nước quá, muốn lấy nước biển uống.

Vũ trợn mắt:

- Bộ anh điên hả? Nước biển mặn chát, làm sao mà uống?

- Tôi phải uống chứ không còn chịu nổi nữa rồi.

Gã thanh niên nói xong lao mình xuống nước. Vũ nhào tới toan giữ tay anh ta nhưng không còn kịp nữa. Gã thanh niên chới vói trong nước. Vũ vội vàng chạy đến đóng lưới lấy một sợi dây thừng, quay lại hong ghe để tiếp cứu, nhưng thân hình gã thanh niên biến mất trên mặt biển.

Vũ buồn bã đưa mắt nhìn xuống những đợt sóng biển nhấp nhô đập vào mạn ghe. Mắt anh rung rung khi nhớ đến mẹ mình. Chợt vũ đưa mắt nhìn ra khơi. Xa thật xa, có bóng dáng của hai chiếc ống khói tàu nhô lên khỏi mặt nước, với đám khói đang bay lên cao. Vũ mừng rỡ, chạy vào trong phòng lái lấy cái ống nhòm của lính, nhìn về phía hai chấm đen đang nhả những sợi khói mỏng. Ông Tư tài công đang nằm trên chiếc phản gỗ nơi phòng lái, vội ngồi nhòm dậy hỏi dồn:

- Có chuyện gì đấy Vũ?

Vũ quan sát thật kỹ, rồi nói:

- Có một chiếc tàu buôn mang cờ Pháp, nhưng nó ở quá xa.

Ông Tư tài công mừng rỡ nói:

- Vậy mình cầu cứu nó đi.

Vũ trả chiếc ống nhòm cho ông Tư tài công rồi nói nhanh:

- Để con đốt lửa làm hiệu.

Vũ cởi phăng chiếc áo thun đang mặc tới chỗ phuy dầu chạy máy được hàn dính trên sàn ghe, mở nắp nhúng chiếc áo thun vào. Một người thanh niên vừa dưới khoang chui lên, cũng cởi chiếc áo mình ra đưa cho Vũ. Hai chiếc áo được bỏ trong chiếc thau nhôm méo mó, đốt lên, nhưng ngọn lửa quá yếu, và bị gió thổi bạt nên khói không bốc nổi lên cao. Gã thanh niên chạy lại nép hầm khom người nói vọng xuống:

- Mình gặp tàu lớn rồi bà con ơi. Tôi cần thêm một ít quần áo để đốt lửa cầu cứu họ tới vớt mình.

Đám người nằm trong khoang nghe có tàu vớt như được uống thuốc hồi sinh. Họ ngồi nhồm cả dậy. Đám đàn ông vội cởi hết những cái áo đang mặc đưa cho gã thanh niên. Vài người còn sức lực vội leo lên khỏi miệng hầm để xem. Ngọn lửa nhờ có thêm quần áo bùng cháy cao hơn. Khói bay lên trời cuồn cuộn. Vũ hỏi ông Tư tài công:

- Nó tới gần mình chút nào chưa?

Ông Tư tài công nhìn xong, đưa ống nhòm cho Vũ lắc đầu buồn bã:

- Nó queo mũi chạy hướng khác rồi.

Vũ dán mắt vào chiếc ống nhòm. Tim chàng bỗng nhói lên khi thấy hai chiếc ống khói tàu mỗi lúc một nhỏ dần rồi khuất dưới mặt biển. Chàng thở dài nói với cha:

- Nếu mình nhìn thấy họ thì chắc chắn họ cũng phải nhìn thấy mình đốt khói chớ. Như vậy có thể là họ bỏ rơi mình rồi. Đám đàn ông trên sàn ghe đang cố tẩm thêm dầu vào những chiếc áo đốt tiếp tục với hy vọng được các tàu khác cứu. Ngọn lửa cháy với ngọn khói đen lại bị gió thổi tạt nằm rạp xuống. Thêm một vài chiếc đầu nứa với gương mặt phờ phạc lộ lên khỏi miệng hầm:

- Tàu vớt đâu? Tàu vớt đâu?

Đám người đốt lửa không buồn trả lời. Niềm thất vọng hiện rõ trong ánh mắt họ khi bóng dáng chiếc tàu đã biến mất nơi chân trời xa. Ông Tư tài công, Vũ và đám đàn ông, mặt buồn xo nhìn ngọn lửa bập bùng trên sàn ghe, tàn dần niềm hy vọng mong manh của họ vừa bùng lên đã lịm tắt đi. Đám đàn ông đứng ngó mông lung ngoài mặt biển một lúc, rồi lại chui xuống khoang với nỗi thất vọng. Chợt Vũ nghe có tiếng người la hoảng bên dưới khoang vọng lên:

- Trời ơi! sao miệng đứa bé toàn máu không vậy nè?

Vũ tụt xuống khoang. Một đám người bu quanh chị đàn bà có đứa con một tuổi, đứa bé nhỏ nhất trong ghe. Chị ta đang cho con bú. Thằng bé mút lấy mút để vú mẹ. Một dòng máu đỏ tràn qua mép đứa bé. Người đàn bà dựa thành khoang ghe, ôm con, đôi mắt nhắm nghiền, khuôn mặt lợt lạt. Bà Thiện vội lay mạnh chị đàn bà:

- Nè chị! Tỉnh dậy mà coi con chị nó sao rồi.

Chị đàn bà không mở mắt. Bà Thiện vội vàng kéo đứa bé ra khỏi lòng mẹ. Mũi và miệng đứa bé ngoe ngoe máu. Mọi người trợn to mắt kinh hãi khi thấy đầu vú người đàn bà có một vết cắn sâu vào thịt. Một cô gái sợ hãi quá la lên:

- Trời ơi! Bà cắn vú cho con uống máu mình nè trời!

Bác sĩ Tường vạch đám đông, chen tới, đặt người đàn bà ngay ngắn, rồi làm động tác hô hấp để cứu tình người đàn bà. Máu ở đầu vú chị ta vẫn ứa ra. Người đàn bà khẽ mở đôi mắt tròn mắt lác nhìn những khuôn mặt lơ mơ đang vây quanh chị. Bác Sĩ Tường cúi mặt hỏi chị:

- Tại sao chị làm chuyện đại đột vậy?

Chị đàn bà thều thào:

- Con...tôi nó khát....Tôi...muốn nó còn sống...Đề gặp tàu vớt.

Chị đàn bà nói xong nhắm nghiền đôi mắt lại. Bàn tay chị lạnh giá từ từ. Dòng máu đỏ trên núm vú chị đã ngưng chảy. Bác sĩ Tường bắt mạch cho nạn nhân rồi lắc đầu thở dài:

- Tim chị ấy ngừng đập rồi!

Có tiếng khóc đầu dây của vài cô gái. Cha Tư cũng có mặt. Cha vội quỳ xuống, làm dấu thánh giá đọc kinh cầu nguyện cho người qua đời. Bà Thiện bế đứa nhỏ, ngơ ngác hỏi chồng:

- Sinh mạng những người trên ghe này dành phó thác cho Trời. Bây giờ mẹ đứa bé đã chết thì trong ghe chúng mình đành phải trông coi nó, chứ biết tính sao bây giờ

Thằng bé con thấy người lạ bu quanh mình, nó khóc òa lên rồi bò tới bên xác mẹ. Bà Thiện phải kéo đứa bé ra, lau gương mặt dính ngoe ngoét máu của nó.

Vài người đàn ông khiêng xác người mẹ xấu số ra hông ghe. Thêm một thầy người nữa được trả về lòng biển. Đám thủy táng chỉ có Vũ, cha Tư, Bác sĩ Tường, ông Quốc và vài người đàn ông còn sức tham dự. Tất cả những người còn lại không đủ sức leo lên miệng hầm nữa. Hết nước, không thể nấu cơm, những nắm gạo sống được phân phát cho mọi người nhắm nháp cầm hơi, nhưng người ta cũng nuốt không nổi khi miệng ai nấy đều khô queo vì không còn nước.

Chiều xuống thật mau. Không gian chuyển sang một màu tối ám. Mặt trời đỏ ối như máu, tròn to như cái mâm, chìm một nửa xuống lòng biển xám. Những dải ánh sáng vàng cam, tím sẫm và xanh biếc còn bịn rịn, le lói ở cuối trời như muốn gọi lời chào từ biệt đám người bất hạnh. Chiếc ghe vẫn bập bênh nhấp nhô như chiếc lá khô trôi giữa dòng sông. Biển sao lặng lẽ quá. Từng đợt sóng con vỗ nhẹ vào lườn gỗ róc rách.

Trời nóng như một cái lò lửa. Những cơn gió oi ả vẫn lùa xuống khoang, hâm nóng mọi người. Ai nấy đều vã mồ hôi và khát xé cả họng. Vài đứa bé con đã ngất xỉu đi trên tay mẹ chúng. Lại thêm những tiếng khóc thảm thiết của mấy người đàn bà.

Màn đêm buông xuống bao phủ mặt biển bao la. Vài đứa trẻ con co giật thân người, chờ chết bên những cái thân rũ liệt của cha mẹ chúng. Đứa bé mất mẹ lại khóc thét lên vì đói khát, Bà Thiện cố nhai miếng gạo sống để mớm cho thằng bé, nhưng miệng bà cũng chẳng còn tí nước bọt nào. Đêm hôm đó đứa bé lả đi, nằm bất động bên cạnh thân xác rã rời của bà Thiện. Mọi người đã quá đuối sức. Chẳng ai trong ghe còn sức lực và tinh táo để quan tâm tới đứa bé còn sống hay đã chết. Lác đác trong khoang ghe, những người già không còn sức chịu đựng cũng đang nằm bẹp

trên sàn thoi thóp. Nếu không có những lồng ngực còn nhấp nhô thở nhẹ thì người ta tưởng như trong ghe toàn là xác chết, và chiếc ghe trở thành một quan tài nổi đang bồng bênh trên biển.

Trên sàn ghe, ông Tư tài công đã kiệt sức, nằm là người trên chiếc phản trong phòng lái. Vũ cố gượng ngồi trên đám lưới canh chừng mặt biển. Dù sao, còn là thanh niên, Vũ vẫn còn sức chịu đựng hơn là mọi người trên ghe. Chàng đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn lên bầu trời đen thẫm với hàng triệu vì tinh tú. Ánh sao sáng lấp lánh khi mờ khi tỏ. Chàng không hiểu ngôi sao bản mệnh của chàng và những người khốn khổ trên ghe này nằm ở góc trời nào. Chúng còn sáng hay lu mờ sắp tắt. Đầu óc Vũ như nặng trĩu bởi cơn buồn ngủ dữ dội đang kéo tới. Mắt chàng mờ dần đi và cứ phải chớp liên hồi mới có thể nhìn được cảnh vật. Vũ biết rằng bộ óc chàng thiếu nước. Có chịu đựng giỏi lắm cho tới bình minh ló rạng là chàng sẽ gục chết ở đây.

Vũ đưa lưới liềm bờ môi khô, nứt nẻ của chàng. Lưới chàng cũng không đủ ướt để làm mềm bờ môi. Con gió nóng hầm hập của biển thổi qua khiến Vũ cảm thấy như muốn ngộp thở. Tiếng lao xao của sóng biển đêm như tiếng thì thào than khóc của hàng vạn oan hồn thuyền nhân cũng chỉ vì muốn xa lánh Cộng Sản để tìm một sinh lộ cho gia đình, cho đàn con nhỏ của họ sống trong no ấm và có tương lai mà họ đã ra đi tìm tự do để rồi phải chết chìm vì bão tố hay chết lẫn mòn giữa biển khơi vì cạn hết lương thực nước uống như chiếc ghe này. Vũ không hiểu thế giới bên kia như thế nào? Thế giới bên kia có những đau khổ, bất hạnh, chiến tranh, chết chóc, và hận thù như thế giới của những người đang sống này hay không? Tự nhiên Vũ cảm thấy tinh thần mình than thở lị lợ, một sự bình tĩnh để đón nhận giờ phút cuối cuộc đời. Thôi, nếu không tìm thấy được một mảnh đất tự do để có một hạnh phúc nhỏ nhoi, thì chết nơi lòng biển, Chúa, Phật cũng sẽ dẫn dắt linh hồn đám thuyền nhân bất hạnh này tới vùng đất thiên đàng của các ngài, thế cũng được an ủi lắm rồi.

Chiếc ghe bất hạnh vẫn nổi bồng bênh trong màn đêm dày đặc. Gió rít từng hồi. Mặt đại dương đen sẫm như tương lai của biết bao thuyền nhân trong những chuyến hải hành khốn khổ, đi tìm tự do trong lòng biển đêm đầy giông tố, hãi hùng.

::: Nguyễn Thị Hồng Nhung :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ánh Mất Buồn Của Biển Đông Dậy Sóng (01)

Trần Thu Nga

Chiếc thuyền bé nhỏ chở chị em chúng tôi cùng với trên mười người khác từ từ rẽ nước, tách khỏi bến đậu trên một nhánh sông, rẽ sóng tiến dần tới một nhánh sông khác mà tôi không thể biết là đâu. Tôi ngoái cổ nhìn lại hình ảnh thân yêu bé nhỏ gầy còm đến tội nghiệp của mẹ lần cuối cùng, vẫn còn đang đứng búi ngùi trong vóc dáng hòa lẫn với làn sương mờ bao phủ ban mai đây giá lạnh, nhìn theo chiếc thuyền bé nhỏ chở chúng tôi giữa làn khói sương trong buổi bình minh hôm ấy.

Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra trên khuôn mặt giá lạnh. Tôi cảm nhận thấy rằng, đây là lần chia tay cuối cùng của hai chị em chúng tôi với mẹ, của riêng tôi với vùng đất thân quen trên quê hương đầy lao nhọc buồn phiền, mà từ bấy lâu nay, mái gia đình hiền hòa bé nhỏ của chúng tôi bỗng nhiên phải chia lìa xa cách với lần ra đi không thấy ngày trở lại của cha tôi, một sĩ quan mà họ bảo hàng ngũ của Ngụy quân Ngụy quyền, cha phải lên đường trình diện đi tập chung cải tạo. Còn lại một mình mẹ với hai đứa con nhỏ dại, mẹ xưa kia là một tiểu thư trầm anh đài các, bây giờ cha đã vắng nhà, bên tay mẹ là hai chị em chúng tôi chưa biết làm bất cứ công việc gì để có thể giúp mẹ lo mưu sinh cho cuộc sống. Nhất là sau khi mẹ con chúng tôi bị bạo quyền mới vào, nhả tâm xưa đuổi chúng tôi phải mau ra khỏi nơi đang trú ngụ trong khu cư xá sĩ quan để đất diu nhau về một vùng kinh tế mới xa xôi heo lánh, để rồi chúng tôi không biết phải xoay xở thế nào với những bàn tay nhỏ bé gầy yếu để có thể tìm kế sinh nhai.

Vùng đất cằn cỗi hoang dại ấy của quê hương bỗng nhiên trở nên xa lạ và lạnh nhạt khác thường. Tự nhiên một gia đình bé nhỏ đầy ư tư thiếu thốn và rất tội nghiệp của mẹ con chúng tôi trở nên những người hoàn toàn xa lạ, giống như chúng tôi đến nơi đây từ một nước nào khác, chứ không phải là những người con dòng cháu giống của nước Việt Nam.

Đó là những ngày tháng tủi cực vô nghĩa nhất của mẹ con chúng tôi giữa một vùng đất khô cằn sỏi đá, ngày đêm lang thang lủi thủi kiếm sống như những kẻ lưu đày, mà chúng tôi, dù cố gắng đến đâu cũng không thể nào thích ứng được với nương rẫy cằn cỗi hắt hiu ở núi rừng. Vậy mà sự đau khổ tột cùng cũng vẫn chưa chịu buông tha cho chúng tôi, đến một buổi trưa, ngay giữa thiên thanh bạch nhất, hai chị em tôi từ rẫy vác củi về nhà, chứng kiến bị kịch mẹ tôi bị tên xã đội công an tìm đến cưỡng bức.

Hắn mọi rợ làm nhục mẹ tôi và như để bù lại hắn ban phát cho chúng tôi một số thực phẩm phụ trội cùng với nhiều ưu tiên dễ dãi, mẹ tôi chẳng những không bị bắt buộc phải tham gia công tác lao động tập thể khác, mà còn được tự do đi lại buôn bán ở các thị xã quanh vùng. Chính nhờ có sự ưu tiên đặc biệt này mà chẳng bao lâu sau, mẹ đã tìm cách móc nối và chuẩn bị cho hai chị em tôi được đi vượt biên.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, chiếc ghe nhỏ đó đưa chúng tôi đến nơi đang bỏ neo của một chiếc tàu máy lớn hơn với khá đông người có mặt lố nhố trên tàu từ trước. Ngay sau đó, cuộc hành trình Biển Đông bắt đầu. Con tàu vượt biên này với cái nhìn đầu tiên của hai chị em tôi lúc đó, không phải là một chiếc tàu nhỏ bé, mà là một con tàu đánh cá có dạng khá lớn ở đại dương.

Con tàu nương theo những cơn sóng bập bênh hướng mũi ra khơi. Trọn một ngày đầu tiên, con tàu của chúng tôi bình yên nhấp nhô rẽ nước tiến sâu về phía nam xa tắp, đến trưa ngày hôm sau thì phía mặt biển đang rực sáng dưới ánh nắng chói chang giữa buổi trưa, bỗng nhiên mây xám vần vũ lan ra làm không gian tự dưng tối sầm lại, báo hiệu một cơn bão sắp sửa ập đến không bao lâu. Dưới gầm trời tối sầm là mặt biển bao la đen ngòm và cơn mưa như chút nước bắt đầu đổ xuống với từng cơn sấm chớp xé trời gào thét âm ỉ, trong khi những cơn sóng dữ nổi vùi dập con tàu một cách vô tình không thương tiếc. Hai chị em chúng tôi mặc dù vô cùng sợ hãi, nhưng nắm chặt lấy tay nhau tự trấn an và thầm cầu nguyện trời cao như lời mẹ ân cần căn dặn khi còn ở nhà, cho nên nhờ vậy mà không đến nỗi nào, nghĩa là chúng tôi không bị quá khinh hoàng hoặc ới mưa thốc tháo ra tới mặt xanh mặt vàng giống như những người đồng hành đang nằm vất vưởng chung quanh trên sàn tàu. Từng cơn sóng dữ có khi hùng hổ có khi nâng hẳn thân tàu lên, đưa phía mũi ghéch ngược lên cao, cách mặt nước biển đen ngòm cả mấy chục thước, rồi ngay sau đó, con tàu lại bị nhận chìm sâu xuống giữa hai vách nước đen ngòm như trong hai bức tường kinh hoàng đen nơi địa ngục.

Cơn giông bão gió mưa vật vã kéo dài quay cuồng cho đến xế chiều thì khoảng trời nước mênh mông dần dần êm ả trở lại. Từ cuối chân trời còn ánh lên le lói một vài tia sáng chiếu tỏa của ánh tà dương. Biển lặng sóng êm sau một cơn bão đầy thịnh nộ của trời đất, khiến cho toàn bộ con tàu chật hẹp của chúng tôi lúc này chẳng khác gì một con thú hoang dã còng kèn vừa trải qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Trên sàn tàu là những thân người nằm la liệt bên nhau với tóc tai quần áo ướt tả tơi vì trải qua những đợt sóng dữ ới mưa ra tới mặt vàng, không còn chút gì trong bao tử.

Chị em chúng tôi không hề bị ới mưa như hầu hết những người có mặt trên tàu. Có thể, nhờ sự cầu nguyện, cộng với hai chị em chúng tôi mang dòng máu di truyền di biên của cha, vốn là một sĩ quan Hải Quân ưu tú, cho nên, dù sóng biển có vô tình vùi dập tới đâu, chúng tôi vẫn giữ được thân nhiên vô cùng. Tự nhiên chị em chúng tôi liên tưởng đến người cha thân yêu giờ đây đang ngậm đắng nuốt cay nơi chốn khổ sai lao tù, có thể người chưa được

mẹ tôi đến thời kỳ thăm nuôi để thông báo kịp, để cho cha biết rằng đứa con ngoan hiền mà người rất yêu thương hiện giờ đang lênh đênh trên một con thuyền nhỏ giữa khoảng biển trời mênh mông vô định, đầy áp những bất chắc gian nguy. Bất giác, chúng tôi cảm thấy thương nhớ và biết ơn cha một cách lạ lùng, thay vì chúng tôi cầu xin sự bình yên cho mình, thì tôi thậm chí cầu cho cha tôi gìn giữ được sự bình an khoẻ mạnh ở nơi rừng sâu núi thẳm. Buổi chiều xuống từ từ với những tia nắng quái rải đều ra trên mặt đại dương như những rải quạt nan rực rỡ khủng lồ, những rải ánh sáng trải ra chầm chậm rộn ràng trên mặt nước đại dương gọn sóng. Và cho đến giây phút này, sau khi tất cả mọi người có mặt trên tàu đã định lại được thần trí, mới kịp nhìn rõ những thiệt hại nặng nề mà con tàu của chúng tôi đã gánh chịu sau trận cuồng phong giống bão. Máy tàu giờ đây đã hỏng, không thể nổ máy lại được nữa. Trên sàn tàu là ngổn ngang những gói hành trang hỗn tạp ướt sũng, những túi đựng thức ăn khô dùng cho cả tàu và những thùng can nhựa đựng dầu máy, nước ngọt để uống cho suốt cuộc hành trình đã bị sóng lớn đánh văng xuống mặt biển từ lúc nào, chỉ còn lại một hai thùng dự trữ, chắc chắn sẽ không thể cung ứng đủ cho nhiều người trong những ngày sắp tới, và bắt đầu từ bây giờ, con tàu bé nhỏ của chúng tôi trở nên vô định vì chiếc máy tàu đã bị sóng bão đánh phá gãy chân vệt mất rồi.

Trong bao la của đại dương xa vắng giữa màu hoàng hôn rực nắng, chúng tôi ngồi co ro bên nhau nhìn mông lung những vạt nắng cuối ngày với một nỗi buồn về những hiểm nguy đang rình rập qua từng giây phút ghé góm, mà chỉ biết phó thác mọi sự cho may rủi, lo lắng cho chính số phận của mình và của bao nhiêu con người đang có mặt trên con tàu mong manh bé nhỏ mỗi khi bóng đêm ập xuống trên khắp vùng biển vắng, cho đến khi tôi mệt mỏi thiếp đi trong giấc ngủ vui, trong làn gió thổi vi vu của biển...

Tôi hốt hoảng choàng thức dậy giữa những tiếng kêu gào la khóc bất chợt vô cùng huyền ảo. Trong bóng đêm mờ mờ, tôi chỉ có thể hé mắt nhìn thấy lơ lửng những bóng người man rợ và đồ sộ khác thường không biết từ đâu xuất hiện, cùng với tiếng chân người nện thình thịch trên mặt sàn gỗ con tàu, rồi những âm thanh giằng co bùng vỡ quyết liệt cùng với những tiếng rú, tiếng rên la gào thét vang lên từng chập trong đêm nghe đến rợn người.

Tôi tự hỏi mình không biết do đâu, trong cơn bán loạn xô bồ đó, trọn cả thân người của tôi trong mẩu quần áo tối sẫm và nhàu nát như một nắm giẻ rách bị hất nằm gọn lỏn trong một cái khe rãnh nhỏ ngay nơi phía mũi tàu trong đêm tối, chỉ thấy tôi như một đồng vại rách được quăng ném vào chỗ không ai có thể ngờ này. Nhưng chính nhờ sự kỳ lạ đó mà tôi đã thoát khỏi được sự lúng lúng man rợ của bọn cướp biển hung hăng, chúng lục lọi không thừa một gang tấc nào trên tàu, kể cả những nơi chốn kín đáo ở dưới hầm tàu, nhưng chỗ tôi nằm thì chúng lại không hề để ý. Và phép lạ này đã giúp tôi thoát khỏi nanh vuốt dã man tàn bạo của những tên cướp biển không còn tánh người.

Đến tờ mờ sáng ngày hôm sau, toàn cảnh của con tàu bày ra một thực trạng mà có lẽ, suốt cuộc đời, tôi sẽ không thể nào quên được hình ảnh tả ối khôn khổ của những người đàn bà con gái không may đã bị bọn cướp thay nhau liên tiếp làm nhục trong đêm với những tiếng la khóc đau đớn ghê rợn. Trong số nạn nhân bị bọn hải tặc làm nhục, có hai cô gái nhỏ cũng bằng trạc tuổi tôi. Một trong hai cô đã trút linh hồn cùng với hai người đàn ông khác vì đã chống cự quyết liệt với bọn cướp biển, nên chúng thẳng tay hạ sát hết sức dã man mà cho đến bây giờ, tôi cũng không có can đảm mô tả lại. Tôi chỉ biết nhắm nghiền đôi mắt lại để tránh không phải nhìn vào những cái xác nằm chết phơi trần thân thể đầm máu phơ bày dưới bầu trời đã bắt đầu sáng hẳn.

Năm sáu ngày đêm sau, khi những người trên tàu đã tự động bảo nhau râm ran đọc kinh cầu nguyện thủy táng cho những xác người bất hạnh, thả mây thân xác lạnh giá cứng đờ kia vào lòng biển cả, chiếc tàu nhỏ bé của chúng tôi vẫn tiếp tục bị thả trôi, mặc tình phiêu dạt trong một vùng biển hoàn toàn mang một màu hoang vắng, suốt ngày đêm chúng tôi không nhìn thấy một bóng chiếc phi cơ hay bất kỳ một chiếc tàu buôn thấp thoáng chạy qua vùng biển này giống như mấy ngày trước đó. Hầu hết những người còn lại trên thuyền mỏng manh trôi nổi giữa vùng biển khơi mênh mông đó đã kiệt lực hoàn toàn vì đói thì ít, nhưng vì khát nước thì nhiều. Sang đến ngày thứ sáu thì có thêm một anh thanh niên bị nóng sốt cùng với một em bé thơ khác rú nhau trút hơi thở qua đời, vì trên tàu không còn một giọt nước uống.

Riêng hai chị em chúng tôi, nhờ một sự may mắn rất tình cờ, khi đứa em trai của tôi, vào giữa trưa nắng cháy ban ngày, đã phải dầm mình xuống trong làn nước biển cho đỡ khát nước thì bất ngờ, nó phát hiện ra một nguồn nước thiên nhiên vô tận, vừa bổ dưỡng thay cho sự thiếu thức ăn không có đã cả một tuần lễ trôi qua, vừa không chế được cơn khát nước kinh hoàng mà cả tàu chúng tôi đang phải chịu đựng khổ sở đến cùng cực. Tất cả mọi người bị thiếu nước uống đến nỗi trong từng cơn đồng thiếp mê tỉnh, chúng tôi chỉ có một mơ ước duy nhất là mong có được một ly nước lạnh để rồi chỉ dùng một cái đầu tắm nhúng vào ly nước đó mà nhắm nháp từng giọt nước quý báu nhỏ xuống từ cái đầu tắm bé nhỏ kia. Chúng tôi khát nước đến nỗi hai hàm răng đều bị dính lại như có một chất keo dán lại, không thể nào há miệng ra được cho đến khi nguồn thực phẩm quý giá kia được cả tàu hè nhau nhanh chóng tham dự.

Đó là vô số những con hào nhỏ bé bằng ngón tay, chúng bám đầy đầy bên dưới lườn ghe từ lúc nào, để cho chúng tôi tất cả thay phiên nhau cạo lấy chúng, rồi nhanh chóng ròn vào miệng nhai nát vụn và hít lấy tinh chất ngọt lịm của những con hào cứu tinh này. Nhờ vậy mà tất cả chúng tôi có thể nhanh chóng phục lại được phần nào sức khoẻ đang dần dần bị suy kiệt mà chỉ cần kéo dài thêm một hai ngày nữa thôi chắc chắn phải thủy táng thêm một số người chết vì kiệt lực, vì quá đói, quá khát. Trong những giây phút thập tử nhất sinh này, có vài người trên tàu chấp tay lại cầu xin để mong sao gặp lại bọn cướp biển để ít nhất, cũng được chúng ban phát cho ít lương thực hay vài lon nước uống hầu cứu vớt lấy cuộc sống còn, dù cho có bị chúng tác oai tác họa thêm nhiều sự hành hạ hay cướp

bóc tàn khốc đi nữa thì cũng sẵn sàng chấp nhận như thường. Nỗi ám ảnh triền miên quay quắt của tất cả những người còn sống trên con tàu bé nhỏ mong manh của chúng tôi là được uống từng ngụm nước mát ngọt.

Vào một đêm tối tăm âm u thứ tám, trên mặt đại dương êm sóng, từ một góc trời xa xa, bỗng hiện ra một vùng ánh sáng lập loè rực chiếu sáng cả một góc trời. Vùng ánh sáng chan hòa không hề di động này càng lúc càng tiến gần thêm với tầm nhìn của tất cả chúng tôi. Nhưng con tàu bại liệt của chúng tôi thì hoàn toàn không thể điều khiển để mong tiến về phía có ánh đèn, nên đành ngậm ngùi thả trôi, phó mặc cho nó dạt đến đâu thì đến, cho đến lúc chúng tôi đã dạt đến rất gần khu phát ra ánh đèn thì nhận ra đó là một cái đèn khoan khổng lồ. Nhưng khôn thay! con tàu nhỏ của chúng tôi vì không thể điều khiển được cho nên nó lại dần dần bị những con sóng nhẹ đưa đẩy, đánh dạt ra xa thêm.

Cuối cùng, mấy người có trách nhiệm trên tàu bèn đánh liều đưa ra một ý kiến là cử hai thanh niên còn đủ sức khỏe, hãy xung phong ôm một cái can đựng dầu đã trống, cố gắng bơi lại phía có ánh đèn kia để hy vọng tìm cách báo nguy với những người nơi đèn khoan biết được sự có mặt của con tàu đang bị lâm nạn của chúng tôi, với điều kiện đền bù là những người tình nguyện này sẽ được thưởng riêng một hộp sữa đặc, để họ uống xong rồi mới thi hành nhiệm vụ. Nhưng khi gạn hỏi từng gia đình xem có ai còn sữa hộp hãy dành lại cho hai thanh niên tình nguyện này thì không ai nói còn sữa. Thế là hai thanh niên đành nhằn nại ôm hai can dầu trống bơi rời xa con tàu. Mãi cho đến sáng ngày hôm sau, con tàu nhỏ của chúng tôi tuy đã dạt đi khá xa đèn khoan, nhưng vẫn còn có thể nhìn thấy được đèn khoan dù vẫn thấp thoáng trong tầm mắt nơi cuối chân trời. Nhưng hai thanh niên tình nguyện kia thì đã mất tiêu tăm dạng, không thấy họ bơi quay trở về. Cả tàu đều cho rằng hai thanh niên này đã bị sóng nhồi đi biệt tăm dạng và bỏ xác trong lòng biển cả mất rồi.

Bình minh ngày thứ tám trên mặt biển đen ngòm. Đèn khoan kia đã không còn xuất hiện trong tầm mắt chúng tôi nữa, vì tàu đã trôi dạt đến một nơi chốn nào đó khá xa trong lúc cả con tàu vừa mới bàng hoàng báo tin cho nhau biết có thêm một phụ nữ vừa trút hơi thở sau cùng. Có lẽ vì bà đã kiệt sức hoàn toàn sau thảm họa của bọn cướp biển đã man hành hạ tàn bạo từ mấy hôm trước. Một buổi lễ thủy táng vô cùng đơn sơ diễn ra, xác của bà được gói lại sơ sài rồi thả xuống lòng biển đen vô tình. Tôi để ý thấy cái xác cứng đờ của bà trong tư thế nằm ngược mặt lên bầu trời và bập bênh trôi theo con tàu của chúng tôi cho đến khi biến mất... y như cái xác của anh thanh niên bị sốt qua đời, "nó" dường như còn cố trôi theo con tàu, nhưng lại bị nằm sấp chứ không ngửa mặt lên trời.

Qua đến sáng ngày thứ chín, trong lúc tâm trạng của đoàn tàu hoàn toàn tuyệt vọng, thì bỗng nhiên có người hô hoán lên có một chấm đen nhỏ đang từ từ hiện ra càng lúc càng rõ nơi cuối chân trời xa tít, cho đến khi tôi có thể nhìn thấy rõ ràng đó là một con tàu sắt to lớn và đen xì, chứ không sơn màu sắc sáng sủa đẹp đẽ như những chiếc tàu du lịch mà chúng tôi đã có dịp chạm mặt vào mấy ngày đầu tiên bị lênh đênh trên mặt biển. Mãi cho đến khi con tàu sắt cặp sát chiếc ghe bé nhỏ của chúng tôi, mọi người mới nhận ra đó là chiếc tàu chở dầu khá lớn. Điều ngạc nhiên hơn cả là trên chiếc tàu đó, chúng tôi trông thấy khuôn mặt quen thuộc của một trong hai thanh niên đã tự nguyện bơi đi trong đêm hôm trước. Nhưng còn một người thì đã bị bắt vô âm tín. Chúng tôi chỉ còn biết bảo nhau đọc kinh cầu hồn cho người thanh niên kém may mắn kia.

Thế là tất cả những thuyền nhân sống sót đã được chiếc tàu dầu của đèn khoan kia đến cứu vớt và được săn sóc đầy đủ thực phẩm và thuốc men, nhờ sự thông báo của anh thanh niên can đảm và may mắn kia. Chúng tôi được chiếc tàu dầu cứu tinh đó đến cứu vớt lên không sót một người. Điều mỉa mai là sau khi chúng tôi đã lên hết chiếc tàu sắt lớn. Những nhân viên cứu nạn còn cẩn thận lục lọi khắp hang hóc của chiếc ghe bé nhỏ, lúc đó mới phát hiện còn rất nhiều hộp sữa đặc không biết của ai đó đã cất giấu, nhưng nhất định không lấy ra để thêm sức cho hai thanh niên trước khi họ bơi đi để xin cấp cứu. Đến đêm hôm đó, tất cả chúng tôi được chuyển giao tạm trú trên đảo tị nạn có tên là đảo Pulua Bidong thuộc quốc gia Mã Lai Á.

Cả tàu chúng tôi được đông đảo đồng bào thuyền nhân Việt Nam đã đến đây từ trước đèn hàng chèo chung quanh khu cầu tàu Jetty đón tiếp niềm nở, hướng dẫn cho làm thủ tục nhập trại ngay tức thì.

Riêng hai chị em tôi thuộc diện không có cha mẹ hoặc người bảo hộ cho nên được một gia đình đồng bào nhanh chóng đứng ra bảo bọc, hướng dẫn đưa về một căn lều khá thơm mát và kín đáo ấm áp, là nơi tạm trú từ đây của hai chị em chúng tôi, cùng với một nồi cơm nóng hổi đã được nấu sẵn từ lúc nào. Bên cạnh nồi cơm nóng quý báu hơn vàng đó, hai chị em chúng tôi còn nhận được từ gia đình ông bà ân nhân đem đến tận chỗ cho nào mùng mền, quần áo, chăn gối và mấy chai nước mắm nhãn hiệu Nam Dương cùng khá nhiều thức ăn khô đóng hộp. Chỉ có hai chị em, chúng tôi đã vội vã ngồi xuống nghiêng ngả ăn sạch hết một nồi cơm nóng hổi khá lớn chỉ với một hộp đậu, một hộp thịt gà khui ra rồi dầm chung với nước mắm, sau đó, hai chị em khoan khoái thiếp vào một giấc ngủ dài không biết trong bao lâu, cho đến khi thức dậy, với những âm thanh sinh hoạt huyên náo của rất đông các gia đình tị nạn cư ngụ ở những căn lều cây tự lập ở sát xung quanh.

Bỗng hai chị em chúng tôi vô cùng hốt hoảng khi phát hiện ra hai ống chân của mình bỗng chốc nở to ra như người mắc bệnh phù thũng. Chúng tôi hoảng sợ quá, đứa em trai tôi vội khóc rống lên như một lời báo động với mọi người rằng chúng tôi vừa thức dậy. Mọi người khi nghe tiếng của em trai tôi khóc, vội hè nhau nhón nháo chạy đến ân cần thăm hỏi niềm nở hai chị em chúng tôi, đến khi họ nhận ra lý do sợ sệt khiến em trai tôi phải khóc thì bà con mới an ủi vỗ về, giải thích cho chúng tôi hiểu rằng có rất nhiều người tương tự, vì bị nhện đói lâu ngày, khi được ăn no quá thì phản ứng tự nhiên của cơ thể xảy ra như vậy, chứ không có gì nguy hiểm hết. Mặc dù như vậy, sau đó,

chị em chúng tôi cũng được các anh chị lớn dẫn lên bệnh xá khai bệnh để lấy thuốc uống phòng ngừa các bệnh dịch tả và các chứng bệnh khác.

Thời gian sinh hoạt trên đảo thật an lành, thật vui và đầy ắp tình người ở Bidong thấm thoát trôi nhanh. Tôi theo gương mấy chị lớn hơn tự nguyện làm việc trong ban xã hội để chuyên lo lắng phục vụ cho những đồng bào của mình mới đến, em trai tôi hăng hái giúp việc trong ban vệ sinh của trại cho đến khi rời trại. Chưa đầy một năm sau chúng tôi được Cao Ủy gọi lên thông báo đã có giấy tờ bảo lãnh của người chú ruột là em của ba từ California gửi qua cho chị em chúng tôi được định cư tại Mỹ.

Ngày rời đảo lên đường đi định cư cũng là một ngày vắn vương bao nhiêu kỷ niệm êm đềm với những tâm tình quyến luyến, ngậm ngùi trước thâm tình đùm bọc chí thiết của những gia đình đồng bào thân thương, của những người bạn đồng lứa của những tấm lòng từ thiện bác ái trong Cao Ủy đầy bao dung.

Giờ đây, trên vùng đất hứa tự do rộng mở này, chị em chúng tôi đã nghiêm nhiên trở thành những công dân thực thụ và thành đạt của quốc gia Hoa Kỳ đầy tinh thần dân chủ tự do nhân ái. Chúng tôi giờ đã không lớn, đã trưởng thành, đã chu toàn cương vị của những người con hiếu hạnh, đã đưa được cha mẹ sang đoàn tụ từ lâu để phụng dưỡng, để đáp đền lại cho cha mẹ chúng tôi vì những hy sinh vô bờ bến của mẹ, vì những oan khuất vô biên của một sĩ quan thất thế như cha. Chúng tôi đã nguyện thề rằng không bao giờ bỏ qua bất cứ cơ hội nào để góp công sức đền đáp lại phần nào ơn sâu của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ nhân đạo, của những tấm lòng đồng hương đầy vị tha nhân ái đã hết lòng bao bọc, an ủi, nâng đỡ tinh thần chị em chúng tôi nơi xứ lạ quê người vào những ngày đầu chân ướt chân ráo, khi mà từng ngày từng đêm chúng tôi đã sụt sùi khóc hết nước mắt vì thương nhớ quê cũ với những hình ảnh kỷ niệm ấu thơ, Với lòng xót xa thương nhớ mẹ cha đang còn khốn khổ nhọc nhằn ở quê nhà.

Để kết luận hồi ức vượt biển Đông này, tôi xin được một lần nữa, cảm tạ thượng đế toàn năng, cảm tạ đất nước và dân tộc Hoa Kỳ, cảm tạ những tấm lòng đầy ắp bao dung nhân ái của những cô bác, anh chị đã dang rộng vòng tay ắp ắp thân tình ra để nâng đỡ và bảo bọc cho hai chị em chúng tôi trong những ngày tháng đầu tiên lưu lạc.

::: Trần Thu Nga :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ánh Mất Buồn Của Biển Đông Dậy Sóng (02)

Nguyễn Hoàng Hôn

Nếu bây giờ có ai hỏi tôi: "Có phải bạn là một thuyền nhân Việt Nam tị nạn vượt biển không?", chắc chắn tôi sẽ trả lời người đó là: "Không! Tôi không phải!!!".

Cái quá khứ hải hùng năm xưa dù nhiều lần tôi chối bỏ, muốn quên đi, vẫn thỉnh thoảng trở lại trong tôi, qua những cơn ác mộng mà khi tỉnh dậy, đã làm cho tôi ú ớ kinh sợ, với mồ hôi toát ra ướt đầm cả thân người.

Không bao giờ tôi có thể quên được ngày thứ ba hôm đó, trời âm u với những cơn mưa như trút nước. Tôi cùng Duy tay trong tay với niềm chan chứa hy vọng sẽ được con tàu bé nhỏ mong manh, do cha mẹ chúng tôi gửi gắm, mang hai đứa con thân yêu đi tìm tự do, đến được một bến bờ nào đó, an toàn gửi một bức điện thư về báo tin mừng.

Duy hơn tôi ba tuổi, năm đó Duy hai mươi, tôi mười bảy. "tuổi bẻ gãy sừng trâu". Không biết ai đã nói câu đó, nhưng với tôi thì tôi chỉ là một cô bé yếu đuối. Duy chăm sóc cho tôi từng ly từng tí. Chúng tôi là bạn cùng xóm, ba mẹ chúng tôi đã có lời đính ước cho hai đứa khi mẹ tôi sinh ra tôi. Chúng tôi lại hợp nhau, chơi với nhau từ nhỏ. Khi tôi gần xong trung học thì Duy đã đi dậy học thêm ở một trường Trung Học, và đang là sinh viên năm thứ hai của Đại Học Luật Khoa.

Vì tương lai của hai đứa, ba mẹ chúng tôi đành phải gạt nước mắt cho chúng tôi ra nước ngoài, sau khi tổ chức lễ đính ước thật vội vàng cho chúng tôi.

Chuyến đi lúc đầu thì trơn lọt, nhưng càng lúc càng thấy rối rắm, khó khăn. Trước hết là máy tàu bị quần lưới không quay cánh quạt được. Phải sửa hết gần nửa ngày với hai người thi nhau lặn xuống dưới nước để tháo gỡ những sợi dây chằng chịt dính trong đó.

Đi thêm ba ngày nữa, khám phá ra mấy thùng nước ngọt dự trữ không hiểu sao ai đó vặn lỏng nút đây, nước chảy hết ra ngoài. Thế là người ta không còn nước uống! Khởi nổi thì ai cũng lo âu, chỉ biết chấp tay cầu Trời khấn Phật ra tay tế độ.

Trên tàu có hơn bốn mươi người, khủng hoảng đã xảy ra khi ba ngày sau có đứa con gái của bà kia rú lên những tiếng kinh dị vì khát quá. Tinh thần mọi người lúc đó bất an, bị tiếng hét của cô gái đó càng làm cho bấn loạn thêm. Duy ôm tôi thật chặt trong tay. Dù sao tôi cũng còn vài trái chanh trong túi xách có thể cầm cự được vài ngày, nhưng đây là một điều nguy hiểm, vì nếu có ai thấy, họ dám giết chúng tôi để cướp mấy trái chanh như chơi! Chắc cũng có một số người trên tàu có giấu đồ ăn riêng như chúng tôi, nhưng ai dại gì chia sẻ lúc này. Biết tình hình ngày mai sẽ ra sao?

Không ai dám ăn nhiều, vì ăn vào thì khát nước. Thức ăn thì cũng sắp cạn vì chỉ chuẩn bị chuyến đi có hai tuần. Người ta cầm cự bằng cách ăn cam, ăn chanh, ăn bưởi. Thuyền của chúng tôi gặp rất nhiều tàu lớn...nhưng những tàu đó, cuối cùng đều chạy rất xa...

Vài ngày sau nữa, ai nấy đều lừ đừ. Bây giờ thì vừa đói vừa khát. Mẹ của cô gái hét ngày hôm qua đã phải cắt tay nhỏ máu vào miệng cho cô đỡ khát. Một vài người cũng bắt chước cắt máu nhỏ vào miệng cho con mình.

Người ta cầu trời cho mưa xuống. Mưa mà xuống lúc này thì đỡ lắm vì chủ tàu đã chuẩn bị mấy tấm ván hứng nước mưa dự trữ. Nhưng mưa chưa xuống dù bầu trời đen ngịt!

Ngồi cạnh tôi, một ông bố ôm đứa con gái nhỏ lên bảy với khuôn mặt hốt hoảng thống khổ...Con bé đã nhắm nghiền hai con mắt mệt mỏi vì thiếu nước uống, nói mê sảng: "Bố ơi...con chết bố đừng ăn thịt con nghe bố"...Không biết cô bé đã nghe những điều này từ đâu, có thể từ những chiếc thuyền vượt biển khác đã xảy ra thảm trạng đau lòng này...

Tôi run lên từng cơn, không phải vì lạnh mà vì đói! Đói mà chỉ có vài giọt chanh vào miệng càng xót ruột hơn! Duy thì chịu đói giỏi hơn tôi. Duy ôm tôi thật chặt trong hai tay, cố xốc cho tôi ngồi tựa vào người duy để tỉnh táo hơn... Duy sợ tôi ngủ...ngủ rồi không thức dậy là điều mà Duy sợ lắm!

Người đàn ông nắc lên từng hồi...Ông xoay qua Duy rồi bắt chợt chấp tay vái Duy mấy cái:

- Tôi lạy cậu...Cậu làm ơn cho tôi xin một ít nước tiểu...tôi cho con tôi uống không cháu chết mất...

Duy lúng túng nhìn ông...mấy ngày rồi, có được giọt nước nào vào bụng đâu rồi làm sao mà đái! Tôi thều thào: "Ráng thử đi Duy ". Duy xoay qua một bên, cầm cái ly cúi xuống, một lát Duy quay ra, lắc đầu: "Anh không thể làm được..." người đàn ông thất vọng...Ông nói to hơn, xin những cậu con trai trên thuyền...Chẳng có nước đái mà cho...Ông khóc mà khuôn mặt méo mào, không một giọt nước mắt nào chảy ra.

Tôi chỉ còn một nửa trái chanh cuối cùng, nửa trái chanh đã vắt nước gần hết. Nếu tôi cho cô bé vài giọt thì cũng tốt, dù không biết có cứu sống được cô bé không! Rất mệt nhọc, tôi bỏ tay vào túi thì chiếc thuyền lắc nhẹ, càng lúc càng mạnh hơn... Một người ở trên lái la to:

- Có tàu...

Mọi người vui mừng như muốn đứng hết dậy để nhìn, dù sức khỏe họ không cho phép. Lát sau, một ca-nô chạy lại gần thuyền chúng tôi. Đó là một chiếc tàu của nước Nga. Khi biết chúng tôi cần thức ăn, nước uống, họ tiếp tế cho những thứ chúng tôi cần sau đó họ đi thẳng, mặc cho lời van xin cầu cứu của những người trên thuyền...

Ngày hôm sau, ai nấy đều có vẻ khỏe hơn vì được ăn cháo, uống nước từ tối hôm qua cho đến sáng. Tôi cũng đỡ hơn nhưng còn rất mệt, dù vậy tôi cũng cố ngồi lên để đón những ngọn gió biển mát mẻ giữa đại dương xanh thẳm không biết đâu là bến bờ.

Chủ ghe cho biết: "Còn vài gày nữa là đến Mã Lai, tương lai của chúng ta có vẻ tươi sáng rồi bà con ơi..." Ai nấy đều phấn khởi trong lòng. Hai bố con ngồi cạnh tôi thì da mặt cô bé đã có vẻ tươi hơn một chút. Cô gái có tiếng hét lanh lảnh ở góc kia bây giờ ngu ngơ cười một mình...Hình như có cái gì không ổn trong đầu cô rồi!

Còn bao nhiêu người trong kia mà tôi không biết mặt...Cả tôi và Duy nữa. Tội nghiệp cho Duy, cái gì cũng nhìn cho tôi mà không than thở một lời nào...

Nhìn Duy đang ngủ ngon lành tôi chợt thấy thương Duy hết sức. Mới có hơn hai tuần mà Duy ốm hẳn đi...Không chỉ mình Duy, tất cả mọi người trên thuyền hình như ai nấy đều hốc hác thấy rõ.

Qua một đêm bình yên, giờ thì mọi người gần như lại sức. Năng rực rỡ lên cao...Tôi ngược mắt tìm cho ra một cánh chim. Không có. Bầu trời xanh ở phía trên, ở dưới nước cũng xanh. Người ta nói có thấy chim thì mới mong tới gần đất bằng...Chừng nào chúng tôi mới đến được đất bằng ← i chủ ghe lại reo lên:

- Có tàu...

Mọi người vui mừng...sắp được cứu rồi...Duy ôm tôi:

- Mình sắp đến bờ tự do rồi Hoàng ơi...

Chúng tôi ngóng về chiếc tàu. Nhưng tôi thấy ông chủ ghe biến sắc, ông xua vợ con xuống hầm:

- Thuyền hải tặc, tụi nó có súng...Đi xuống mau...Trét đồ dơ lên người...

Rồi ông xoay qua chúng tôi:

- Coi chừng thuyền hải tặc đó bà con ơi !!!

Người ta nhón nháo lên. Ai nấy mặt mũi tái nhợt, người thì lo cất giấu nữ trang vàng bạc, kẻ thì la lối phải đối phó làm sao...Duy kéo tôi đến bên nồi cơm trên bếp, lấy lọ nước rửa tay, lên mặt tôi rồi chà lan trên da một cách vội vã, Duy thì thầm:

- Hoàng làm bộ bình tĩnh nghe không...nằm úp mặt xuống dùng cho tụi nó thấy...

Vài cô gái trên tàu cũng được cha mẹ làm y như Duy lo cho tôi. Mọi người run rẩy chờ đợi tai họa tiến đến.

Chiếc tàu lớn cặp sát ghe của chúng tôi. Mấy thằng hải tặc thật kinh dị, khuôn mặt chúng bóng lẩy và đen thui, đưa nào đưa nấy bắt thịt cuộn cuộn rất khỏe mạnh, như những con trâu nước! Chúng nhảy sang ghe tị nạn, tay lăm lăm khẩu súng.

Đàn ông bị lừa ra sau, đàn bà con nít một góc, con gái một góc. Mấy cô gái cỡ tôi khóc như ri...

Đợt đầu chúng thu nhặt tất cả tiền bạc vòng vàng, sau khi khám xét thật kỹ trên từng thân thể con người. Có thằng mắt dầy vừa khám vừa bóp mông ngực con gái mấy bà rồi cười hô hô khiến ai nấy bất mãn ra mặt mà không dám nói.

Tôi giả bộ đau cũng bị một tên lôi dậy. Tên này có lẽ là Chúa đảng nên thấy hấn hay ra lệnh cho tụi kia. Hấn bắt tôi đứng thẳng trước mặt hấn rồi đưa tay kéo áo tôi xuống. Bộ ngực thanh tân của tôi hiện ra, tôi xấu hổ lấy tay ghì chiếc áo lại thì hấn chìa súng vào đầu tôi. Phía sau tôi, mấy cô gái trên tàu cũng bị bắt cởi truồng tòng ngồng đứng đó không mảnh vải che thân...

Gia đình và những bà mẹ các cô khóc lóc van xin, những tên cướp mặt lạnh như tiền!

Mấy tên khốn nạn này nếu tôi đoán không lầm thì chúng bắt chúng tôi thoát y để lựa cô nào ưng ý nhất bắt đem theo đây mà...

Không, tôi không thể để cho hấn làm nhục như thế này được...Tôi cảm thấy tức tối khi bị súc phạm...Tại sao mấy cô kia lại im chịu cho hấn làm nhục chứ...

Khi hấn đưa khẩu súng hạ xuống để hất cái quần tôi đang mặc, thì tôi nhào vô người hấn đánh đấm lung tung, cùng một lúc Duy ở phía cuối ghe cũng chạy xông vào cứu tôi.

Mấy tên trong bọn nhảy vào trận. Duy bị một tên quất một báng súng ngay đầu, Duy gục xuống còn bị bọn chúng đánh đập tàn nhẫn trong lúc tôi hét lên đau đớn " Trời ơi! Duy...Duy..." sau cùng bọn cướp vắt xác Duy xuống biển.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Duy là thân xác chàng máu me cùng khắp, bồng bềnh trên mặt biển từ từ trôi xa...

Tôi gào lên muốn giết hết bọn chúng...Nhưng tôi không phải là " 17 bẻ gãy sừng trâu "...Bọn chúng lại có súng và đông quá! Chúng đè tôi xuống lột quần tôi ra dù tôi phản ứng dữ dội. Có tên giận quá vung tay tính đánh vào mặt tôi, trả thù khi tôi cắn vào tay hấn thì tên Chúa đảng ngăn lại. Bọn chúng nói với nhau bằng thứ tiếng gì tôi không hiểu...sau cùng hấn trói tôi lại bằng sợi dây dù mà chúng mang theo từ tàu của chúng qua.

Nước mắt tôi chảy dài khi nghĩ đến Duy, chàng còn sống hay đã chết...Làm sao chàng sống nổi với trận đòn chí tử của bọn khốn nạn này. Lúc đó bọn cướp vẫn tiếp tục lôi những cô gái trên ghe ra dọa dẫm. Có đứa bé mới chỉ 12 cũng bị hành hạ tận tình...Nước mắt tôi biến thành một lòng căm giận và tôi như hóa đá!

Sau đó, mười mấy đứa con gái bị bắt qua tàu bọn cướp. Trước khi rời thuyền tị nạn, bọn chúng còn đục thủng vài lỗ cho nước tràn vào, với những trận cười ha hả trước khi quay thuyền đi.

Những ngày lênh đênh theo bọn cướp trên thuyền, không nói gì thì cũng biết chúng tôi là những người mang lại niềm vui thể xác cho bọn chúng! Riêng tôi, tôi được cái may mắn là: "Người tình của Chúa đảng"!

Tên Chúa đảng dù hắn yêu thích tôi, chiều chuộng tôi...nhưng hắn đâu có biết rằng trong thâm tâm tôi thù hận tận xương tủy. Tôi nghĩ đến Duy, tôi nghĩ đến con bé 7 tuổi với khuôn mặt thiên thần của nó, tôi nghĩ đến lúc bọn chúng lột quần áo tôi...Niềm căm thù của tôi dâng cao như ngọn sóng thần.

Tôi phải giết bọn chúng nó mới hả giận...Tôi phải trả thù cho dân tộc tôi. Chúng đã ăn cướp, hãm hiếp, còn giết người không gớm tay. Con bé cạnh tôi không biết giờ ra sao??? Phải mất một tháng tôi mới biết cách bắn như thế nào. Tôi phải nhìn cách tên Chúa đảng lau súng, bỏ đạn vào, lấy đạn ra, lên nòng...tôi biết giờ ăn giấc ngủ của tụi nó...Tôi biết tôi phải làm gì...

Và tôi sẽ hành động một mình.

Tôi được tên Chúa đảng cho lên đất Thái Lan chơi vài lần. Tôi biết cách gọi taxi bằng tiếng Thái, học lồm bồm vài câu Thái Lan, quen biết vài người ngoài chợ nhờ mua thứ mình cần.

Thế rồi một ngày phải đến, khi thuyền vừa cập bến đất Thái, tôi mời chúng buổi chiều ghé lại thuyền ăn cơm do tôi đãi. Chúng vui vẻ trở lại chiều đó. Những cô gái bị bắt cùng với tôi đã bị chúng đem ra những nhà thổ bán. Tôi là người may mắn nhất trong mười cô.

Chuyện phải đến đã đến. Các tên cướp biển đã bị tôi cho thuốc mê nằm ngủ như chết. Tôi định giết chúng bằng khẩu súng có sẵn trên thuyền, nhưng rồi tôi cảm thấy tôi không nên bạo động như thế hại cho đời tôi...Ba má tôi và ba má chàng đang đợi chúng tôi ở quê nhà...

Tôi ra phố, không quên lấy theo những bằng chứng cướp của giết người của bọn chúng. Tôi đi tìm những người Việt Nam sinh sống tại đây kể đầu đuôi câu chuyện và xin giúp đỡ.

Máu chảy ruột mềm, tình đồng hương thấm thiết. Tôi đã được giúp đỡ tận tình, được cả báo chí ngoại quốc phỏng vấn, được qua Mỹ định cư vì là trường hợp đặc biệt, vì ước muốn của tôi là được đến Mỹ.

Bọn cướp đã bị bắt, chúng sẽ phải đền tội "Thiên dung bất gian" tôi rất tin tưởng điều đó.

Trong những ngày còn ở Thái Lan, tôi đã tình nguyện đi tìm những người con gái bị hải tặc đem bán cho các động mại dâm tại Thái.

Cũng không ít con gái Việt Nam trong những nơi này. Tôi cũng đi vào trại tị nạn Thái để tìm cho ra những người đi cùng tàu của tôi, hỏi thăm về Duy người yêu quý của đời tôi...

Cuối cùng thì tôi không gặp được ai...Những người đó đã đi về đâu, hay họ xuất trại, hoặc trôi dạt đi một trại tị nạn nào khác? Tôi không biết, tôi hoàn toàn không biết, và không bao giờ tôi muốn nghĩ rằng, con thuyền tị nạn nhỏ nhoi, mong manh đi tìm tự do có hai chúng tôi trên đó, chính mắt tôi thấy đã bị bọn cướp đục lỗ cho nước tràn vô, để tàu chìm giữa đại dương, dễ dàng phi tang những tội ác do chúng gây ra mà không ai biết, không hề có một bằng chứng nào để tố cáo.

Bây giờ chỉ còn mình tôi và chín cô gái bị bắt, số phận lẻ ra ở trong nhà thổ làm nô lệ tình dục Suốt đời...May mắn được cứu sống, tương lai có thể sẽ được sáng sủa...Còn tất cả những đồng bào đi chung trên ghe, mục đích tìm hai chữ tự do, trong đó có Duy và tôi, đã biến mất tăm mất tích như truyện đời xưa, như một cơn ác mộng dữ dần...

::: Nguyễn Hoàng Hôn :::

Một Lần Đồi Hướng

Tài Công MH153

Trời vừa hừng đông, chiếc xe đồ cũ kỹ chở đầy hàng hóa, nặng nhọc lăn bánh ịch ạch rời bến cảng Phú Lâm, bò từ từ ra đường lộ lớn, hòa nhập vào dòng xe cộ tập nập xuôi về miền Tây. Tôi ngồi thu mình nơi hàng ghế cuối, hai tay ôm chặt giỏ là một vật quan trọng trong quyết định sự sống còn của gần 80 sinh mạng chuẩn bị vượt biển phó thác cho may rủi, tìm cái sống trong cái chết của chuyến đi định mệnh trên một chiếc thuyền mong manh bé nhỏ. Đó là chiếc hải bàn do anh Phương, một người anh nuôi tốt bụng, sĩ quan Hải Thuyền (đã qua đời vì bạo bệnh trong trại cải tạo năm 1977), để lại cho tôi trước khi đi tập trung với một lời nhắn nhủ: " Em cất kỹ cái này, mai mốt biết đâu có khi cần ". Tôi cất giữ chiếc hải bàn suốt ba năm như một báu vật hộ thân. Phong trào vượt biển rầm rộ khắp nơi, hải bàn trở nên đắt giá. Nhiều lúc tôi đói rã ruột nhưng cố chịu đựng cầm cự qua ngày, nhất định không mang ra bán. Rồi ngày đó đã đến nhưng lời anh Phương Hải Thuyền đã nhắn nhủ.

Xe từ từ tăng tốc độ, lao nhanh làm gió lạnh buổi sáng sớm lùa vào cơ thể người. Tôi chợt rung mình hồi hộp, tim đập mạnh khi nghĩ đến các trạm công an kiểm soát dọc đường. Tôi sẽ trả lời sao khi bị xét hỏi, bị bắt với tang vật, mà bản án dành cho những người tổ chức vượt biên lúc bấy giờ là "phản quốc". Riêng tôi lại là tài công sẽ cầm lái chiếc ghe chở người vượt biển. Tôi không dám nghĩ tiếp, nhắm mắt lâm râm cầu xin Thượng Đế, khẩn nguyện vong hồn anh Phương Hải Thuyền phù hộ, tôi đã đem được chiếc hải bàn đến điểm hẹn.

Trời nhá nhem tối, sau khi vượt chặng đường dài ba trăm sáu chục cây số, qua nhiều trạm công an lục soát xét hỏi. Tạ ơn Thượng Đế ở trên cao. Cảm ơn anh Phương Hải Thuyền đã phù hộ, tôi đã đem được chiếc hải bàn xuống điểm hẹn.

Xách chiếc giỏ đem ra khỏi xe đồ, tôi ngơ ngác đưa mắt nhìn quanh tìm người chủ ghe đưa tôi đến điểm hẹn. Tất cả đều xa lạ trước cảnh ồn ào hỗn độn của bến xe Cà Mau, phần lo ngại bị bọn lưu manh giật giỏ xách. Tim tôi lại đập mạnh khi chợt thấy bóng hai người công an sắc phục đang ngồi trong quán nước gần đó. Do phản ứng tự nhiên hay do quá hồi hộp, một động lực nào đã khiến tôi mạnh dạn bước lại ngồi xuống bàn bên cạnh hai người công an, nghĩ rằng nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất. Ngồi chỗ này thì bọn lưu manh không dám đến giật giỏ xách, nhưng lại quên mất một điều, người ta đến đón tôi cũng sẽ không dám đến gặp tôi để đưa đến điểm hẹn.

Cuối cùng tôi cũng gặp được người hướng dẫn, đến điểm hẹn ngủ tạm một đêm để hôm sau xuống nghe. Trong căn nhà nhỏ bên cạnh những khuôn mặt lạ hoắc đa số là phụ nữ và trẻ con, không cần đoán cũng biết họ xuống đây chờ vượt biên như tôi. Dù họ đã cải trang, mặc áo bà ba đen theo kiểu nhà quê, nhưng chiếc áo đen thô kia lại vô tình tố cáo làn da trắng trẻo, mịn màng của dân bà đồ thị, và những bàn tay nà nà búp măng của hàng tiểu thư đài các, con gái nhà giàu Sài Gòn, những mái tóc "demigracon", làm sao qua mắt được đám nghiệp vụ công an nghiệp vụ, chuyên lùng bắt dân thành phố xuống vượt biển.

Mọi người yên lặng ngồi quạt muỗi chờ sáng, thỉnh thoảng tiếng con nít giật mình khóc ré lên vì muỗi cắn. Tôi nín thở từng cơn. Không ai dám ngủ vì pháp phòng lo sợ công an có thể ập vào khám xét bất cứ lúc nào. Thời gian trôi thật chậm chạp, nặng nề khó thở. Người chủ ghe kêu tôi tìm chỗ chợp mắt một chút để lấy sức vì mai còn phải đảm trách chuyến hải trình dài. Tôi nhắm mắt nguyện cầu Thượng Đế, xin anh Phương Hải Thuyền...

Tờ mờ sáng mọi người đã thức dậy. Theo sắp xếp của chủ ghe, từng toán vài người xuống bến tàu có xuồng nhỏ đưa ra ghe lớn. Riêng tôi ở lại với người tài cái (thợ máy) tên là Mười An để thảo luận tình hình sắp tới và những biện pháp đối phó lỡ gặp công an chặn giữa đường hay ra khỏi bị Hải tặc tấn công...

9 giờ sáng, tôi cùng Mười An với chiếc hải bàn được xuống máy đuôi tôm đưa ra Vàm Tắc Thủ để đến chiếc ghe vận mạng. Đó là chiếc ghe lưới đánh cá nhỏ đang đậu cặp vào đám lá ven bờ Vàm Tắc Thủ. Sông chia ba nhánh, nhánh vào Cà Mau, nhánh vào U Minh, nhánh ra cửa biển Ông Đốc. Trên ghe có vài tay lưới đang bung xỏ ra để ngụy trang, từ xa trông như ghe đang đậu để vá lưới, sửa chữa. Chúng tôi leo lên gặp chủ ghe dặn dò kế hoạch lộ trình.

Sau vài phút trao đổi, được biết chuyến đi còn nhiều nguy hiểm chực chờ, không đơn giản như tôi tưởng, phải qua một khúc sông dài mới qua cửa biển Ông Đốc. Dọc đường còn phải đi ngang đồn công an Rạch Ráng, phải ngưng lại vài điểm rước thêm người, lấy thêm dầu và lương thực...

Từ giây phút này, tôi hồi hộp từng cơn, cảm thấy phó thác tất cả cho chiếc ghe định mệnh mang số MH 153. Mười An trấn tĩnh tôi bằng một câu khôi hài lạc quan đồ đen bói toán: anh à, số 153 cộng lại là 9 nút. Tôi cười hỏi lại: Còn chữ MH thì sao? An trả lời không do dự: " MH là số ghe của tỉnh Minh Hải. Mấy cha nội tôi lấy tên rừng U Minh và biển Nam Hải ghép lại. Em thấy chữ EM còn có nghĩa là "Một Hơi", tức là ra tới biển thì anh lo cầm lái, em lo coi máy, chạy một hơi là tới Mã Lai liền. Em chưa biết anh tên gì nhưng anh là tài công thì em kêu anh bằng anh Tài nghe. Còn em là con thứ mười trong gia đình 11 anh em nên Mụ Bà đặt tên cho em Mười An, vậy tức em có tới mười bà mẹ sanh hộ mạng lận ". Tôi nhìn An mỉm cười, thầm hy vọng những điều người thợ máy nói sẽ là sự thật.

Tôi và An chui xuống hầm máy xem xét tình trạng máy móc, đề máy, thử bơm nước, thử số tới số de cẩn thận, rồi ra phía trước mở nắp xuống coi các khoang hầm, xem lườn ghe có bị vô nước không. Tôi thấy có gần hai mươi người toàn đàn bà con nít ngồi nín khe, sợ sệt. Họ đã ém sẵn trong đó từ lúc nào. Mở nắp hầm lên thì con nít khóc ré lên đòi về nhà. Đây lại thì ngột, thiếu không khí, nhưng không còn cách nào khác hơn vì trên ngà ba Vàm Tắc Thủ sáng sớm xuống ghe tấp nập xuôi ngược dập diu. Một chiếc vỏ lãi (loại xuống nhỏ và dài, đặt máy GMC chạy nhanh như ca nô, còn gọi là vỏ vọt) của công an tuần tiểu chạy lại gần. Tôi chỉ đủ thời gian gõ lên nắp hầm ba tiếng theo chỉ dẫn của chủ ghe để báo động cho người ở dưới khoang biết có công an tới gần xong cùng Mươi An lập tức cởi đồ, mặc xà lòn nhảy ùm xuống sông lặn hụp sau bánh lái làm bộ đang sửa chân vịt. Chiếc vỏ lãi công an tấp gần ghe tôi, họ hỏi lớn: "Ê! Ghe biển hả, dưới hầm có cá tươi hay cá muối nước đá gì nhậu được hông vậy tụi bay?" Tôi nói to: "Dạ! ghe đang bị gãy chum vịt đang sửa xếp oi!" Người công an hỏi tiếp: "Thiệt hôn mày, tao leo lên mà có cá là tao lấy hết à nghen!". Tôi mạnh dạn nói lớn: "Máy ngày nay ghe nằm ụ nên tụi em còn phải ăn cá khô đó xếp. Kỳ sau vô có cá tươi thì em sẽ để dành cho xếp nhậu." Toán công an nhìn quanh chiếc ghe, thấy mấy tay lưới bụng xỏ bữa bãi không có khả nghi gì nên quay mũi chạy luôn. Trước khi đi còn nói với một câu: "Nhớ nghen mày, tao ghi số ghe tụi bây rồi đó, kỳ sau có cá biển nhớ ghé đồn Rạch Ráng đưa cho tao nghen!" Chúng tôi qua phen hú vía. Tạ ơn thượng đế trên cao. Cảm ơn anh Phương Hải Thuyền. Không biết chúng tôi còn bao nhiêu phen đứng tim như thế này nữa.

Đúng 2 giờ chiều, tôi được tín hiệu di chuyển, cho ghe chạy về hướng sông Ông Đốc. Chiếc vỏ lãi của nhóm tổ chức dẫn đường một lúc rồi phóng nhanh về phía trước mất hút. Tôi không buồn thắc mắc. Có lẽ họ đi rước thêm người. Tôi giữ tốc độ bình thường vừa chạy vừa thả theo con nước rồng. Ba tiếng đồng hồ nặng nề trôi qua. Mươi An ngồi cạnh tay lái im lặng, thỉnh thoảng mồi cho tôi điều thuốc. Ghe gần đến đồn công an Rạch Ráng. Từ xa tôi thấy lộ nhỏ những cây ăng ten trên nóc nhà, thấy cột cờ đỏ sao vàng trên tấm bảng trước cổng đồn công an, trụ sở ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời... Chiếc vỏ lãi dẫn đường vẫn chưa trở lại. Tôi giật mình hỏi Mươi An: "Tụi mình phải làm sao đây?" Mươi An sừng sốt: "Ủa họ không có nói gì với anh sao?". Tôi lắc đầu bảo: "Em cho bớt ga lại". Ghe từ từ đến gần đồn công an Rạch Ráng, Tôi đưa mắt ra hiệu cho An gõ ba tiếng lên nắp hầm. Ghe đã đến sát bên đồn công an. Tôi lái chậm chậm cho ghe hướng mũi vào bờ giả bộ như sắp cập vào đồn. Mươi An có lẽ đoán trước được nước cờ "tương kế tựu kế" bất ngờ của tôi, nó bình tĩnh bước ra trước mũi ghe, cầm sợi dây lược cuộn tròn như chuẩn bị nhảy lên bờ cột ghe vào cọc. Phía trước sân đồn, mười mấy lính công an mặc xà lòn áo thun đang đánh bóng chuyền. Hai ba người mặc sắc phục đeo K54 cũng chăm chú vào trận đấu và vỗ tay phụ họa hò la nên không chú ý đến chiếc ghe. Tôi chỉ chờ giây phút này, trả số về "bon-noa" cho chân vịt ngưng quay, bớt ga cho tiếng máy thật nhỏ và thả ghe trôi thật chậm qua khỏi đồn. Họ vẫn không chú ý, tôi tiếp tục thả trôi tà tà, 10 thước, 20 thước, rồi 30 thước, rồi 100 thước. Mươi An vẫn đứng yên vị thế. Tôi từ từ ngoái cổ lại phía đồn, trận bóng chuyền đang hồi quyết liệt hơn. Tôi thò tay cầm cần số, nín thở vô số thật nhẹ, chum vịt quay từ từ, ghe trôi nhanh hơn, qua hết dãy hàng quán chợ búa, ra khỏi khu vực Trần Văn Thời.

Mươi An khom người chui vô cabin nói nhỏ: "Mình vọt luôn đi anh Tài!" Tôi quay mặt lại phía sau không thấy ghe xuống nào theo nên tăng ga chạy nhanh hơn. Mươi An mồi cho tôi điều, đưa tay vượt ngực thở phào: "Hồi này em tưởng anh ghé vào đồn nên muốn đứng tim luôn. Nếu em bị bắt chắc là bị tử hình chung với anh và mẹ em sẽ buồn lắm". Tôi vỗ nhẹ vai nó: "Không sao đâu em, thôi xuống hầm máy coi cái bơm nước đi".

Mươi An quay lưng, tôi chấp hai tay ngược mặt lên trời lâm râm khẩn: "Tạ ơn Thượng Đế trên cao. Cảm ơn anh Phương Hải Thuyền"...

Qua khỏi Rạch Ráng thì trời gần sụp tối. Tôi kêu An mở hé nắp hầm để gió lùa vào khoang cho những người ở dưới dễ chịu một chút. Chiếc vỏ lãi quay trở lại với bảy tám người khách, mấy can dầu, gạo, thuốc lá và đèn pin, xong vội vã đi tiếp. Ghe đến gần cửa biển Ông Đốc, dọc đường thỉnh thoảng một chiếc xuống nhỏ từ trong bờ chèo ra đưa khách lên khách ghe. Tôi tính nhắm gần tám chục người, thăm ái ngại vì ghe nhỏ quá mà chờ quá đông, ra biển liệu có vượt qua nổi sóng to gió lớn hay không. Người chủ ghe leo lên dặn dò tôi những ám hiệu để qua đồn công an biên phòng, anh đưa tôi cây "Ple-gun" cùng dây đạn sáu viên để bắn tín hiệu cầu cứu khi gặp tàu quốc tế ngoài hải phận rồi bắt tay tôi chúc thượng lộ bình an, anh xuống vỏ lãi chạy ra phía cửa biển Ông Đốc.

Ghe ra đến cửa biển thì đã gần nửa đêm. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Quay lại phía sau lần cuối, tôi nghẹn ngào nói thầm: "Quê hương ơi, vĩnh biệt. Mẹ ơi, xin tha tội bất hiếu của con". Tôi biết giờ này mẹ đang ngồi bên bàn thờ cha tôi để van vái cho thằng con vượt biển bình an.

Đêm tối đen không trăng sao, phía trước là một vùng trời nước mịt mù. Tôi lấy hải bàn ra, rọi đèn pin nhắm hướng Mã Lai. Những người trên ghe bắt đầu say sóng, ụa mửa. Một số leo lên ngồi trên sàn ghe vì dưới hầm quá đông, quá ngột. Tôi cứ nhìn kim hai bàn và cầm chặt tay lái, ghe bắt đầu vượt sóng to. Tôi cảm thấy lạnh vì gió lớn hát bọt sóng bay tung toé vào ca-bin làm ướt hết quần áo. Dù lạnh nhưng tôi vẫn đỏ mồ hôi như tắm vì lo sợ hoang mang trong bóng đêm dày đặc. Hành trình thì hoàn toàn vô định giữa biển khơi mệnh mông sóng gió. Tôi lại chấp tay trước ngực cầu nguyện, xin phù hộ...

Mươi An đến cạnh tôi, chia gói mì tôm. Hai đứa cùng nhai sộp, uống nước lạnh cho đỡ đói. Gần năm tiếng đồng hồ trôi qua, bầu trời hùng dũng dần hiện rõ những lượn sóng to trước mặt. Tôi vẫn nhìn hải bàn, xả máy tống hết ga và giữ chặt vô lăng, nương chèo theo từng lượn sóng để ghe không bị úp. Bỗng từ xa, mờ mờ bóng một chiếc tàu buôn lớn, tôi đoán ghe đã ra hải phận quốc tế. Mươi An la lên: "Tàu quốc tế kia, bắn xi nhan lên đi anh Tài". Mọi

người trên ghe ngồi nhòm dấy, mừng rỡ xôn xao chỉ về hướng tàu. Tôi định thần nhìn kỹ, lấp viên đạn đỏ nhỏ dài như viên pháo, đưa lên khỏi đầu chĩa về hướng chiếc tàu buôn. Một vệt đỏ xẹt lên cao rồi tan trong không khí. Năm phút, mười phút nặng nề trôi qua, vẫn không thấy chiếc tàu buôn đổi hướng. Bắn thêm một viên, rồi viên thứ ba, vẫn vô vọng...Không biết họ có nhận được tín hiệu cầu cứu chẳng? Chiếc tàu buôn từ từ khuất bóng giữa đại dương.

Trời đã sáng tỏ, sóng bớt to. Tôi ái ngại nhìn phía trước mênh mông, không bờ bến. Chiếc thuyền quá nhỏ bé, mong manh. Người trên ghe ngầy ngật say sóng và ụa mưa liên tục. Chỉ có tôi, Mười An, và vài ông có lẽ là cựu quân nhân là còn tỉnh táo, dù rất mệt mỏi. Tôi kêu An nổi lửa nấu nồi cháo lớn, múc cho đàn bà trẻ em mỗi người một chén, húp với chà bông để cầm hơi. Họ ăn vào lại ói ra. Trẻ con bị nước biển thấm vào người nên cảm lạnh nằm thiêm thiếp. Tôi giao tay lái cho Mười An, bò lần ra phía trước trấn tĩnh mọi người: "Cố gắng lên nghe các anh chị, mình đã đến hải phận quốc tế rồi, không bao lâu nữa sẽ tới Mã Lai"

Giữa trưa, mặt trời đứng bóng, ghe vượt sóng nặng nề, chậm chạp. Số đông đàn bà trẻ em đã ngất xỉu nằm mê man, la liệt. Mấy anh cựu quân nhân đề nghị đổi hướng vô Thái Lan vì e rằng trẻ em không chịu nổi mà chết trên ghe. Tôi cho mọi người biết nếu vào hải phận Thái Lan thì sẽ bị hải tặc cướp và hãm hiếp. Trước khi đi tôi đã nhận được thư của những người bạn đi trước hiện còn tạm cư ở Thái Lan khuyên đừng vào hải phận Thái Lan. Các anh đồng ý, rồi thay phiên nhau đốt cháo, xúc dầu cho những người ngất xỉu.

Đến xế chiều, mây đen cuộn cuộn che mờ mặt trời, gió bắt đầu thổi mạnh. Mọi người hốt hoảng bồng bế xuống khoang hầm. Trời nổi giông, sấm chớp gầm vang, gió rít từng hồi báo hiệu một cơn bão sắp đi ngang. Mưa trút nặng hạt, gió mạnh, sóng cao từng đợt chụp vào làm ghe chòng chành nghiêng ngả.

Tôi môi ghì chặt tay lái, hai chân cố đứng vững nhưng nghe lắc liên tục nên tôi bị chúi ngã theo từng cơn sóng. Khung kiếng chắn gió phía trước bị đánh bể. Đầu tôi va mạnh vào đó, tôi choáng váng, máu chảy xuống gò má. Mưa tạt mạnh tê rát mặt mũi, máu hòa nước biển thấm mặn môi. Mười An một tay xốc nách tôi, một tay cầm vô lăng, cả hai cùng nhào lộn trong ca-bin. Chiếc hải bàn văng xuống sàn long lóc. Tôi chợt nhớ tới anh Phương Hải Thuyền, sợ hải bàn lọt xuống biển. Một động lực nhiệm mầu khiến tôi bật dậy, một tay chụp hải bàn ôm chặt vào ngực, một tay nắm vô lăng gượng người đứng thẳng nhìn phía trước luồn lách qua những cơn sóng dữ hung thần... Nửa giờ đồng hồ trôi qua, biển đã bớt cơn thịnh nộ nhưng sóng vẫn chưa ngừng. Mười An dọi đèn pin, bẻ điều thuốc lá rịn vào vết kiếng cắt và xé khăn quàng ngang trán tôi. Ghe vẫn chạy ì ạch, nặng nề vì nước tràn vào khoang bơm ra không kịp. Tôi kêu An nhờ mấy anh cựu quân nhân qua hầm máy, hợp sức dùng can múc nước tát ra ngoài cho nhẹ ghe để khỏi bị chìm. Tôi nhìn hải bàn, chỉnh lại tay lái và tiếp tục chạy.

Quá nửa đêm, dưới khoang trước bỗng có tiếng la thất thanh: "Trời ơi, con tôi chết rồi!" Cảm đảm người nhón nhào la hét, chửi đồ thằng tài công khốn nạn, vô lương tâm, không chịu tập vô Thái Lan. Một thanh niên từ dưới khoang chui lên ca-bin chụp cổ cung tay thoi mạnh vào mặt tôi, do bất ngờ, tôi té lộn, máu từ vết cắt lại chảy ra. Tôi gượng dậy, cắn răng chịu đau, đứng im không chống cự vì đoán rằng anh ta là người vừa mất con.

Mười An nhào tới cả anh ra, mấy anh quân nhân xúm ôm anh ta lại. Đứa con trai một tuổi của anh ta bị say sóng, đói rét, cảm lạnh suốt một ngày một đêm không ăn uống, thuốc thang, đã trút hơi thở trên tay mẹ cháu. Tôi chết lặng, nước mắt tuôn dài hòa cùng máu thấm mặn môi, thương cho người cha vừa mất đứa con thơ vô tội.

Các anh cựu quân nhân thì có vẻ thông cảm, lập tức làm rào bảo vệ tôi trước sự phẫn nộ của đám đông trên ghe. Cuối cùng họ buộc tôi đổi hướng vào Thái Lan để thu ngắn lộ trình, vì ghe còn nhiều đứa trẻ đang thoi thóp. Tôi không nỡ nhìn những đứa trẻ khác tiếp tục chết, đành cắn răng gạt nước mắt đổi hướng hải bàn dù biết vòng vây hải tặc Thái Lan đang trực chờ.

Ba ngày lênh đênh trên vịnh Thái Lan, thỉnh thoảng gặp vài thầy người trôi rai rác trên mặt biển. Mười bốn lần tàu bị hải tặc tấn công, cướp bóc vợ vết vòng vàng nữ trang, hãm hiếp đàn bà con gái. Tôi là tài công nên bị đánh đập, tra khảo nhiều nhất, bị kẻ dao vào cổ, nhưng may là tôi không có vàng trong người nên họ chưa cắt cổ tôi quăng xuống biển. Họ lấy luôn cả mấy ghe vì nghi bên trong có dấu vàng. Cướp xong, họ bỏ mặc ghe chúng tôi, quay tàu đi với những tiếng cười man rợ.

Cuối cùng một tàu đánh cá Thái Lan thứ 15, do ông thuyền trưởng tóc bạc người Thái gốc hoa tốt bụng, thấy cảnh tang thương bị đất trên ghe nên động lòng trắc ẩn, bất chấp lệnh cấm của chính phủ Thái Lan, trong đêm tối len kéo chiếc ghe sắp chìm của chúng tôi vô bờ ven tỉnh Songkhla vào một đêm hạ tuần tháng 8 năm 1980

Đoạn kết:

Tôi, người tài công bất lực, vì tôn trọng nỗi mất mát đau thương của những nạn nhân trên chiếc ghe bất hạnh nên không dám tả lại hình ảnh hãi hùng của 14 lần cướp biển hành hạ, và thời gian trong trại tạm cư với những cái bào thai oan nghiệt. Thiết nghĩ đó cũng là nỗi đau chung của một dân tộc bé nhỏ triền miên bị dọa đầy thống khổ. Vì yêu chuộng tự do phải liều chết ra đi theo cùng vận nước. Ai đã từng là thuyền nhân hôm xưa đang sống trên miền đất tự do xin hãy nguyện cầu anh linh của những oan hồn ứ đọng đã chìm sâu dưới lòng bốn phía đại dương. Xin cho người Việt Nam lưu vong trên khắp địa cầu thương yêu nhau hơn.

Little Saigon, tháng 10/2002

::: Tài Công MH153 :::

Cái Chết Của Người Lính

Nguyễn Thanh Hoài

Nếu phân loại theo giới tính của nhóm người trên chiếc ghe này, có thể nói tôi là một người đàn ông trẻ nhất trong nhóm, mặc dù lúc vượt biên tôi chỉ tròn tròn mười bốn tuổi. Hay nói cho đúng hơn nữa, có thể gọi tôi là một thằng con nít chưa hiểu sự đời. Thật sự mà nói, tôi chẳng hiểu sự đời thay của chế độ như thế nào mà rất nhiều người bỏ nước ra đi. Với cá nhân tôi, tôi chỉ biết là tôi rất buồn khi bố mẹ gởi gắm tôi cho một người quen làm chuyến phiêu lưu này. Tôi phải bỏ quên tuổi thơ của tôi, những chiều đá banh, tắm sông, nghịch ngợm chọc phá và hái trộm xoài nhà ông Cả Đậu làng bên. Tôi chỉ có một cảm giác thích thú duy nhất là khi xuống tàu, tàu lướt sóng nhịp nhàng khi lên khi xuống mà tôi gọi là cưỡi ngựa trên biển.

Nhưng cái cảm giác thích thú này chẳng duy trì trong tôi lâu được. Hơn cả tuần vật lộn với sóng biển, giữa phong ba bão táp, ối tới mặt xanh, cái sống và cái chết chỉ cận kề trong gang tấc, tôi đã nghĩ là bố mẹ tôi đem sinh mạng tôi đùa giỡn với tử thần.

Chỉ mới ngày thứ hai trên biển, chú thím Bảy - người mà bố mẹ tôi gửi gắm tôi - đã nằm la liệt trên tàu. Chẳng ai còn ngó ngang chăm sóc đến tôi. Tôi có cảm giác lạc lõng giữa một nhóm người xa lạ. Chiếc tàu thì quá chật. Tôi lâu nay đã quen chạy nhảy, nghịch ngợm, giờ bó gối trên chiếc tàu con chật hẹp tưởng chừng như con chim bị nhốt trong lồng. Tôi chỉ có một may mắn duy nhất là tiêu chuẩn thực phẩm phân phát cho tôi đầy đủ hơn mọi người khác bởi tôi còn quá nhỏ so với những người trên tàu.

Ngày đầu tiên trên biển, cái thích thú cỡi tàu trên sông nước đã đè ép cái mệt nhọc, phiền muộn của tôi. Tôi reo mừng nhảy cộn lên theo cái nhịp nhàng lướt sóng lên xuống của con tàu. Tôi đã tạm quên đám bạn bè cùng trang lứa, những ngày thả diều, đá bóng, bắt dế... ở quê nhà. Cứ nghĩ như một cuộc du ngoạn xa. Tôi vẫn chưa ý thức được rằng sự ra đi này như đi tìm sự sống trong cái chết. Và cái lạ lẫm thú vị trong tôi đã dần mất hẳn trong hành trình của những ngày cuối cùng.

Tôi bắt đầu thấm nỗi cô đơn và sự nhớ nhung giữa gia đình. Tựa như con chim non vừa rời xa tổ ấm. Những đứa em của tôi, cu Vũ, bé Tý giờ này chắc đã ngủ yên bên mẹ. Tôi đã cảm thấy mệt mỏi và mất đi vẻ linh hoạt vốn sẵn trong tôi. Tôi chẳng còn thấy thiết tha hay thú vị trong hành trình bất buộc này khi cơn bão ập xuống trong ngày thứ ba trên biển. Mưa tầm tã như trút nước, sấm sét giông gió và cả một khoảng trời trên biển mù mịt mây xám.

Tàu phải bỏ neo giữa biển như một chấp nhận, một chịu đựng không lối thoát. Tôi tưởng chừng như cái chết đang cận kề bên mình. Bão táp làm bầm dập tôi đến tã tời. Ruột gan như lộn phèo và ối mưa tới cả mặt xanh. Tôi ngất đi trong sự khiếp hãi kinh hồn này.

Chẳng biết bao lâu thời gian đã qua, tôi tỉnh dậy. Nắng chiều chiếu trải rộng trên tàu. Tôi nhìn quanh. Mọi người trên tàu cũng tã tời, rách nát như tôi. Tựa như tất cả từ cõi chết trở về. Tôi đưa mắt tìm chú thím Bảy. Hai người còn nằm thiêm thiếp mê mết. Tôi gượng đứng dậy. Nhưng sức lực dường như tiêu tán đâu hết. tay chân run rẩy và tôi lại ngã nhào xuống.

Tôi ngã vào vòng tay một người đàn ông. Anh ta chụp lấy tôi và dìu tôi ngồi lại xuống sàn. Ánh mắt và nụ cười đầy vẻ thân thiện. Tôi nhìn lại anh ta chỉ hơn tôi độ mười mấy tuổi. Làn da rám nắng. Khuôn mặt dày dặn nét phong trần. Tôi như có cảm giác an ủi và đỡ lạc lõng. Tôi đã có người để làm bạn, chuyện trò. Rồi từ hôm ấy, tôi thường xuyên lân la bên cạnh anh ở trên tàu.

Tàu của chúng tôi đã lênh đênh trên biển sang ngày thứ bảy. Trận bão đi qua đã làm thiệt hại nặng nề con tàu. Máy hư, bánh lái gãy. Tàu hết phương cứu chữa, chỉ còn theo sức gió trôi dạt. Thức ăn đã dần dần vơi và nước uống thì gần cạn. Mọi người trên tàu bây giờ phải ăn cháo thật lỏng thay cơm và chỉ uống được một ngụm nhỏ nước mỗi ngày.

Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng có lúc cái đói và cơn khát hành hạ tôi như lúc này. Tôi đang sức lớn mà tiêu chuẩn ăn chỉ vừa nhét đủ kẽ răng và nước uống thì chưa đủ thấm giọng. Đêm ngủ lại trăn trở theo tiếng reo của bao tử, tôi tưởng chừng như điên lên được. May mà có người anh tôi mới quen trên tàu, mà trong thân mật tôi quen gọi anh là anh cả. Anh tìm cách xin thêm phần ăn và nước uống cho tôi. Lắm khi thấy tôi quá đói, anh còn nhường luôn phần ăn của anh cho tôi nữa. Bây giờ nghĩ lại tôi vẫn còn thấy thẹn thùng trong lòng. Bởi những lần như vậy tôi chưa bao giờ biết từ chối. Tuổi tôi còn quá nhỏ, tôi chưa cảm nhận được cái hy sinh của người khác dành cho mình.

Qua đi sóng gió bắt đầu cơn nắng cháy cả da. Mọi người chúng tôi được lên hết trên khoang để hưởng chút gió mát của biển. Tôi vẫn lân la theo bên cạnh anh. Anh thường đặt đầu tôi nằm trên đùi anh và kể chuyện của anh cho tôi nghe. Chuyện đời lính. Những lần đụng trận trên chiến trường. Những sự chia sẻ hy sinh của đồng đội. Tôi thấy mắt anh rực lửa và đanh lại. Rồi lần bỏ trận chiến chạy về phố thị Pleiku tìm người thân trong lửa đạn, vợ con anh đã thất lạc phương nào. Anh đã rong ruổi hàng bao năm để tìm tin tức nhưng vẫn hoài công. Nhìn gương mặt anh, nét chua xót ngậm ngùi trong tròng mắt cho tôi cảm nhận được cái đau đớn trong lòng anh. Cũng nhờ những câu chuyện ấy của anh đã đánh lừa ảo giác cho tôi vơi bớt cơn đói khát đang hành hạ.

Ngày thứ mười trôi qua. Mọi người trên tàu gần như kiệt sức. Con tàu vẫn bồng bềnh trên nước chạy theo sức gió đẩy đưa. Chẳng còn biết số mạng mình đang đi về đâu. Chỉ còn chờ đợi một may mắn nào đó xảy đến. Tôi thầm phục ý chí của anh cả. Anh vẫn tìm cách an ủi giúp đỡ mọi người. Rồi sang ngày thứ mười hai. Có vài người trên ghe đã kiệt sức không chịu đựng nổi đã bị chết. Cuối cùng một đời người không được trở về lòng đất mà phải đành gởi thân xuống biển cả.

Bây giờ thì tôi đã thực sự kinh hoàng. Sự sợ hãi đã đi theo cả trong giấc ngủ. Tôi không ngớt mê sảng, cứ mơ thấy bố mẹ và các em tôi. Họ đang vẫy tay gọi tôi. Tôi lơ lửng bay theo mà chẳng thể nào bắt kịp. Anh cả vẫn bên cạnh tôi, mớm cho tôi từng thìa cháo, từng muỗng nước. Tôi đã đến giai đoạn không còn cảm nhận sự đói khát nữa, mà chỉ còn mong cho sự chết đến sớm như là một giả thoát còn hơn cứ mãi như thế này.

Chưa hết tai ương này lại đến tai ương khác. Nhưng có lẽ cái tai ương cuối cùng này đã kết thúc cái sự không may mắn của chúng tôi.

...Giữa lúc mọi người hoàn toàn tuyệt vọng thì có tiếng ghe máy tiến lại gần. Như được uống thuốc hồi sinh, mọi người cùng bật dậy. Kể cả tôi. Đến lúc đủ tỉnh táo để nhìn mọi vật chung quanh thì tôi đã suýt rú lên vì sợ hãi. Anh cả đã ôm choàng tôi lại và vỗ nhẹ vào vai trấn an tôi. Tôi nhìn thấy khoảng chừng năm tên cầm giáo mác, mã tấu đang đứng chung quanh trên tàu.

Những khuôn mặt dữ dằn đến ghê sợ. Bọn chúng đang hò hét và ra dấu cho mọi người tháo nữ trang, tiền bạc giao nộp cho chúng. Chúng còn lục soát từng hang hốc, ngõ kẹt quanh tàu. Lúc này chẳng còn ai đủ sức lực để phản kháng. Cho đến khi chẳng còn tìm thấy được gì thêm chúng quan sát một lượt quanh tàu. Tầm nhìn của chúng chiếu vào hai cô gái chỉ hơn tôi độ mấy tuổi đang sợ hãi nép vào lòng mẹ. Chúng tiến đến và nâng mặt hai cô lên. Đầu tóc rũ rượi. Khuôn mặt còn đọng nét kinh hoàng. Nhìn hai cô gái đang sụp lạy như tể sao, chúng cười lên ha hả.

Cuối cùng chúng lôi hai cô gái đứng dậy như chuân bị đưa xuống tàu của chúng. Hai người mẹ sợ hãi nhưng vì tình thương con đã nhào tới ghì tay chúng. Có lẽ sợ mất thời gian, tên đứng cạnh tiện tay vung nhát mã tấu lên. Mọi người kinh hoàng đồng kêu rú lên. Nhát mã tấu ngọt xót hớt một mảng trên đầu người đàn bà. Máu bắn lên có vòi. Người đàn bà chẳng kịp kêu lên một tiếng nào.

Tôi run cầm cập trong vòng tay anh cả. Hình như tôi cảm thấy anh cùng độ rung như tôi. Tôi ngược nhìn anh. Khuôn mặt anh đanh lại và rực lửa. Tôi thấy lại lần thứ hai như lần anh kể chuyện lúc trạm trấn trước quân thù. Nhưng lần này trước đám cướp biển, nhìn gương mặt anh như vậy tôi có linh không may lẫn khiếp sợ thực sự.

Đúng như tôi dự đoán, khi nhìn người đàn bà giẫy giụa trước lúc xuôi tay, anh đẩy tôi ra khỏi lòng và bật dậy như chiếc lò xo. Anh lao đến bọn chúng và thuận tay giật được chiếc mã tấu trên tay đưa đứng gần nhất. Anh vung dao chém loạn xạ vào bọn chúng. Tôi cũng không tưởng tượng được đột nhiên anh lại khoẻ mạnh đến như vậy. Hai tên đứng bên cạnh anh không dự trù được trước phản ứng đột ngột của anh, lãnh trúng hai nhát vào đầu ngã nhào xuống biển. Ba tên còn lại buông tay hai cô gái và sững sờ lùi lại thủ thế đứng nhìn anh.

Lúc này anh cũng đã dùng tay lại và cầm thanh mã tấu xuống sàn tàu vịn tay thở dốc. Tôi biết rằng sức lực anh đã kiệt. Những ngày chịu đói khát trên biển đã bào mòn sức lực anh. Cái cầm hận trước bạo lực chỉ là một chút kích thích ngắn hạn tăng sức mạnh cho anh trong những nhát dao đầu tiên mà anh đã trút hết trên hai tên cướp biển. Bây giờ sức lực anh đã tiêu tán hết.

Có lẽ ba tên cướp biển đã nhìn thấy điều đó. Nhưng chúng cũng còn dè dặt và từ từ thủ thế tiến lại. Anh cũng run run rút thanh mã tấu lên cầm lại trên tay. Tên cướp đi đầu dùng lại một tích tắc rồi vung dao nhắm vào đầu anh chém tới. Anh ngã người ra sau né tránh. Vừa vịn lúc đó, có âm thanh của ghe máy nổ cách không xa lắm đang xé nước lao tới.

Bọn cướp nhìn thấy và biết không còn đủ thời gian để trả đũa, nhưng trước khi nhảy lại xuống tàu bỏ chạy, chúng còn cố ném vút những chiếc mã tấu vào người anh. Có một chiếc cắm phập vào ngy giữa ngực. Máu tuôn xối xả và anh đã ngã quỵ xuống sàn tàu.

Chiếc tàu tuần dương của cảnh sát Thái Lan đã cứu chúng tôi nhưng không cứu sống được anh. Vết thương gần ngay giữa tim ra quá nhiều máu. Tôi nắm chặt tay anh và nhìn anh thoi thóp thở. Lần đầu tiên trong đời có lẽ đây là lần tôi biết cảm nhận cái đau đớn và biết khóc thật sự. Tôi muốn nói với anh thật nhiều điều những suy nghĩ của tôi dành cho anh. Nhưng tôi chỉ biết uất nghẹn. Anh đã tắt thở trước khi vào đến đất liền. Cái cuối cùng tôi còn được nhìn thấy ở anh là cái siết tay nhẹ và nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt anh trước khi nhắm mắt.

Ngôi mộ anh được chôn trên đồi phía sau hàng rào của trại dành cho những người tị nạn. Ở nơi đây cũng có những ngôi mộ nằm san sát với nhau. Những xác người vượt biên trên biển trôi dạt vào đất liền.

Tôi đã được nhận đi định cư ở Mỹ bởi tôi thuộc diện trẻ em dưới tuổi thành niên. Những ngày nằm đợi lên đường, nhớ anh tôi thường thích thơ thẩn ra thăm mộ. Tôi thích hái những hoa tím đại trên đồi đặt lên mộ anh như một ngậm ngùi, thương tưởng.

Đã gần hai mươi năm qua. Tôi bây giờ đã thực sự trưởng thành. Chuyện vượt biển của ngày xưa chừng như nhạt nhòa. Duy chỉ còn hình ảnh của anh đọng mãi trong ký ức. Tôi có thể trả lời cho tôi được một điều đã ấp ủ mãi trong lòng. Cái giá của sự tự do mà mọi người phải đem sinh mạng mình thi gan cùng biển cả. Và với riêng cá nhân anh cả anh không nằm xuống trên chiến trường, nhưng anh đã trọn cái hy sinh đúng nghĩa cho đồng đội là những người vượt biển trên tàu, kể cả hai cô gái bé bỏng trước móng vuốt hung dữ của hải tặc.

Tôi chỉ có mỗi một ân hận duy nhất là chưa được biết tên anh. Hình ảnh anh trong tôi là một anh hùng vô danh không tên tuổi. Cuối cùng tôi đã nghiệm ra ở anh một điều mà cho đến cuối đời chưa chắc tôi đã làm được: Đời sống thì ngắn ngủi. Duy những điều có ý nghĩa để lại cho đời mới thật sự bất tận. Phải vậy không anh?
::: Nguyễn Thanh Hoài :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Truyện Cổ Tích Viết Lại

Nguyễn Hoàng

* Để nhớ thuyền nhân cự Trung Tá Nguyễn Văn Tăng

* Họa sĩ ETC Nguyễn Quang Trường, cùng những thuyền nhân trại Normol, Banthad, Panat Nikkhom, Thái Lan 10/88 - 6/90

* Ba tôi là người quyết định cho việc vượt biên, ông nói 13 năm học tập cải tạo trải dài qua những trại tù Nam Bắc...cùng 20 năm làm lính chiến đấu với Cộng Sản từng ngày, ông có đủ kinh nghiệm xương máu để phải ra đi. Ba tôi quyết định, có nghĩa là mọi việc đã xong, không cần bàn cãi, thật ra bên ngoài nhà tù ba tôi đang ở, chúng tôi cũng đang ở trong cái nhà tù hình chữ S mang tên Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Một buổi chiều Sài Gòn tháng mười vẫn còn nóng bức, ngột ngạt. chúng tôi giã từ những người thân yêu, bàn bạc thêm đôi điều với người dẫn đường vượt biển, và ra đi. Những chuyến đi xa đầy trắc trở, không có tiền đưa, hoan hỉ, mà chỉ có cái mặt buồn tẻ, dấu giếm chuyện ra đi.

Bên xe đi Hồng Ngự ngày ấy nằm trên đường Sư Vạn Hạnh, chúng tôi lên một chiếc xe "chạy dù" nhiều hơn xe trong bến. Người không hộ khẩu buôn bán không có giấy phép, v v...Được sống tự do đầy đủ hiểu theo nghĩa nào đó ở quê hương cũng chỉ là chui...

Chúng tôi ngồi trên chiếc xe khá cũ kỹ và chật trội, đầy người và hàng hóa. Điều này khá quen thuộc với mọi người, chung quanh tôi hầu hết hành khách là con buôn, và những kẻ chạy trốn. Những câu chuyện mà chúng tôi nghe được là những câu chuyện mưu sinh thoát hiểm từ những bạn hàng, họ thông báo cho nhau tin tức, mảnh khoe mới nhất để qua sông, vượt trạm...Xe chạy qua một quãng đường. Tôi cảm giác như mất đi một phần đất...Những Bình Chánh, Long An, Mỹ Tho...Những khuôn mặt người đêm nay tôi bắt gặp đã như là một bỏ lại vĩnh viễn. Biết làm sao hơn, làm người vào lúc này trên quê hương tôi không có nhiều điều để lựa chọn, tôi chọn "đi" may ra...

Xe chạy với tốc độ của chiếc xe đạp chạy nhanh bởi quá tải, những trạm gác liên tục trên một con đường, những món tiền, những gói thuốc lá được trao đổi lại sự dễ dãi, người tài xế không hề phạm lỗi vẫn phải chi trả. Mà chính ông ta cũng không hề kêu than...quen rồi..Vâng! tất cả đã quá quen thuộc trên đất nước này, những điều buồn cười nhất cũng đã xảy ra mỗi ngày. Bên tôi Ba tôi đang gật gà ngủ, những cái ổ gà trên đường đi không cho ba tôi ngủ say, người lại thức giấc, đốt thuốc lá, những vòng khói bay tan mất trong lòng xe đêm. Bên ngoài đã tối lắm, những con đường thiếu đèn chiếu sáng đã không cho tôi nhìn thấy nhiều hơn những vùng đất đã bỏ lại. Tôi nhớ đến vợ con tôi, những đứa trẻ đang lớn dần, đang ở tuổi cần sự chăm sóc hướng dẫn của tôi, thì tôi lại ra đi. tôi nhớ lại lời nói dối với con tôi " Bỏ chỉ về quê thăm nội vài ngày rồi bỏ trở về. Con phải ngoan nhé! " Tôi nghiệp những đứa trẻ, tôi đã dạy chúng nói dối. Bên cạnh tôi ba vẫn còn thức, ông trừng mắt nhìn vào đêm và đốt thuốc, tôi hiểu không dễ dàng lắm để rời bỏ một quê hương mà ba tôi đã từng sống gần 60 năm. Từ một cậu bé rồi làm người lính, và nhiều năm tù đầy, một "quê hương khó" ở lại thì khó khăn, mà đi thì vẫn không dễ...

Vẫn đêm, xe chạy chậm, rồi những trạm gác cũng bị bỏ lại, những vùng đất cũng vẫn đi qua, những con buôn chung quanh tôi đã ngủ say với những chuyến đi quen thuộc, xe dừng lại cũng ở một bến xe bất hợp pháp trên phần đất khô cháy ven sông người ta gọi là Hồng Ngự, đó là nơi tôi chưa hề đặt chân đến.

Không kịp nghỉ ngơi chốc lát, sau hơn tám giờ xe chạy, người dẫn đường lại dẫn chúng tôi chạy vào những ngôi làng ven sông tìm người chèo ghe để qua sông. Người dẫn đường là một người thành thạo nhiều năm trong nghề, bà ta thuộc lòng những ngõ ngách, những nơi chôn ở đây. Chúng tôi mau chóng tìm được một chiếc ghe nhỏ để qua sông, người tài công chiếc ghe nhỏ có gắn máy đuôi tôm cùng ba chúng tôi luồn lách qua những con sông rạch chạy băng trong đêm mịt mùng. Tiếng ghe máy quá lớn làm tôi lo sợ, tôi không hiểu tại sao những người đưa đường lên lút lại xử dụng phương tiện máy nổ. Nhưng khi đi qua một đoạn chúng tôi lại thấy rất nhiều ghe khác cũng chờ rất nhiều người, họ chào hỏi nhau hồi hã, thông tin cho nhau nghe những nơi cần tránh. Những chiếc đèn pin trong tay quét thành từng vùng sáng trên sông nước Hồng Ngự, đêm nay những chiếc ghe qwua lại vội vã vẫn không quên chào hỏi nhau thân tình, họ họp nhau thành một chợ đêm huyền ảo.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng qua sông, con sông mà chúng tôi vừa vượt qua đã là con sông ở phần cuối của quê hương, tôi cảm nhận được những cơn gió lạnh của đêm về sáng. Đốt cho mình một điếu thuốc, vĩnh biệt quê nhà, chúng tôi đang ở phần đất đầu tiên của Cam Bốt, vẫn là một quốc gia Cộng Sản, là nơi mà chúng tôi sẽ chạy thêm lần nữa. Tôi không hiểu cảm giác của những người đã rời xa đất nước như thế nào, với tôi đó là một cảm giác kỳ diệu khi vừa biết mình rời khỏi biên giới tổ quốc, băng khuâng vô tả. Nhìn lại, vẫn đêm chưa sáng, mà thôi, tôi đã chọn lựa "đi" cơ mà!

Vừa qua sông, chúng tôi lại vất vả nhiều giờ liền đi bộ, ở nơi đó không hề có một phương tiện nào để di chuyển. Những vùng đất biên giới thường giống nhau, khô cằn, ít sức sống và nghèo nàn. Lầm lũi đi, những nơi chôn đã không còn thích thú để ghi nhận là quê hương. Hết đi bộ rồi lại đi xe, rồi đi bộ. Trời đã sáng hẳn, chúng tôi đã mất nhiều giờ cho cuộc vượt thoát mà vẫn chưa đi đến đâu. Rồi thì chúng tôi lên một chiếc tàu lớn, một loại phà như Phà Bắc Mỹ Thuận ở quê nhà, lại qua sông, những hành khách trên tàu cũng như những hành khách mà chúng tôi

đã từng gặp trên quê hương. Họ cũng đều là những người tự nguyện làm người bất hợp pháp. Tôi vẫn tự hỏi nếu không có họ, có lẽ ngành giao thông vận tải nước tôi, nước bạn sẽ tê liệt, chết cứng. Đời nhiều nhường ai mà nghĩ đến chuyện du lịch, thăm viếng nhau mà làm gì? Vài giờ qua sông, qua vài trạm gác nữa chúng tôi xuống tàu và đi xe ôm vào Nam Vang. Cuộc hành trình đã đi qua phân nửa.

Chúng tôi có vài ngày nghỉ ngơi, dò hỏi, chuẩn bị thêm vài thứ. Thời gian ở Nam Vang khá lâu, mất gần nửa tháng. Người dẫn đường phải liên lạc với tài công và thu xếp nhiều thứ trước khi đưa chúng tôi đi xa. Trong thời gian này chúng tôi đi lại khá thoải mái ở Nam Vang. Phải nói Nam Vang là một thành phố lộn xộn và vô trật tự. Nhiều rác và dĩa dĩa...Chúng tôi đến các quán hủ tiếu Nam Vang để ăn những tô hủ tiếu Nam Vang chính gốc với những chén đường cát, chén bột ngọt la liệt trên bàn ăn, và tôi hiểu rằng những tô hủ tiếu Nam Vang không còn chính hiệu, đã tệ hơn trăm ngàn lần những tô hủ tiếu ở Sài Gòn quê tôi. Tôi đã đi thăm đền Vua, một vài danh lam thắng cảnh trong thành phố này, đây đó những kiến trúc hình tháp nhọn, cong vút, như là những biểu tượng độc đáo của dân chùa tháp, điều này làm chúng tôi cảm phục nét văn hóa của xứ sở này, nhưng qua chung sống, tiếp xúc với nhiều người trong thời gian ở đây, tôi nhận ra một điều người dân Cam Bốt quá thật thà, dễ mê tín, họ cam chịu bị trị hơn là được trị, và sự cuồng tín có thể dễ dàng dẫn đến sự diệt vong. Người dân Cam Bốt là một viên ngọc quý mà người ngoại quốc là những thợ mài giũa và tạo hình, họ là cục bột mà người láng giềng anh em muốn làm nên loại bánh nào tùy ý, và ở Nam Vang người ta có thể mua mọi thứ với đồng tiền...

Sau nửa tháng ở Nam Vang, chúng tôi di chuyển lần nữa đến một vùng biển khác ở cuối Cam Bốt. Ở đây có bến cảng mang tên nhà Vua còn được thần dân mến mộ là Shianook, đó là cảng Kongponsom. Lúc đến đây mọi người không còn được tự do đi lại nữa, chúng tôi bị giam lỏng trong một ngôi nhà dân. Lúc này ai ai cũng mệt mỏi, sợ hãi tăng lên và hoang mang, lo lắng, càng gần hơn đích đến. Nỗi căng thẳng càng tăng dần lên. Ba tôi hộc hác thấy rõ, người hay thờ dài dề dặt, ít nói hơn, tôi cũng chẳng khá hơn. Lo lắng, dù là nỗi lo không giải quyết được. Chúng tôi bàn bạc nhiều hơn về những khả năng phòng thủ những tình huống xấu nhất có thể đến, chúng tôi cũng dự đoán cho những tương lai rạng rỡ ngày mai, hy vọng thật ít cũng loé lên trong những ngày tuyệt vọng này. Tôi cũng thường cầu nguyện Thiên Chúa, nhưng đồng thời cũng cảm nhận ra rằng khi yên vui, hạnh phúc, tôi ít nghĩ đến Ngài. Đêm chúng tôi thường ít ngủ, một tiếng động nhỏ, tiếng chó sủa cũng là một nỗi lo bất trắc. Trong lòng chúng tôi nổi hồi hộp theo từng giờ phút. Những đêm sâu ba tôi thích hút thuốc và suy nghĩ, mắt người thường bắt động nhìn trừng vào đêm, cả một quãng đời đã qua có lẽ tái hiện ra, những ngày tháng gian nan trong quân ngũ vẫn là thời gian ba tôi trân quý nhất, quân đội chiến hữu với ông là cả một gia tài. Ông sinh ra để làm lính, ngoài lính ra ông không hề có một nghiệp nào khác, sẽ làm gì trong tương lai trong tuổi xế chiều trên một quê hương xa lạ. Đó vẫn là nỗi ưu tư không rời trong suy nghĩ của ba tôi.

Lại một buổi sáng cũng lén lút, ần ần như những buổi sáng đã qua, chúng tôi xuống môt, chiếc ghe câu có chiếc máy đuổi tôm như chiếc ghe mà tôi đã rời bỏ Hồng Ngự. Chiếc ghe có chiều dài 3m, bề ngang 1m. Một chiếc máy nổ đã cũ kỹ, một vài can nước, một vài gói mì ăn liền. Chúng tôi vượt biển. Tôi và ba tôi nằm dưới lòng thuyền, trên đầu che một tấm bạt loại Poncho, che kín bên ngoài. Người ta chỉ nhận thấy một chiếc ghe chài đang thong thả buông lưới và chạy chậm chậm. Ghe chạy được một, hai giờ ra biển mênh mông, không có ghe tàu qua lại. Chúng tôi được ngoi đầu lên để hít thở, trò chuyện, đó là những thời khắc hiếm hoi và vô cùng sung sướng đối với chúng tôi, bởi vì ba tôi và tôi đều là những người cao trên 1m75 mà phải bó gối trong khoang thuyền có bề ngang 1m thì quả là bị biệt giam. Chúng tôi nhìn bầu trời, hít thở, hút thuốc lá và trò chuyện, nhưng rồi một chiếc ghe khác chạy qua, những chiếc ghe tuần tiểu, chúng tôi lại ém kỹ ở trong khoang thuyền.

..Chiếc ghe chạy trốn với tốc độ chậm, biển êm ả, bỗng nhiên mây đen kéo tới, rồi mưa xối xả, mưa như hận thù trút nước lên đầu những thuyền nhân tội nghiệp. Bên trong khoang thuyền người tài công vẫn vững tay lái, anh không hề có chọn lựa để quay về, chúng tôi đã cách bờ quá xa, cũng không có một nơi an toàn để ẩn núp. Mưa lớn hơn, biển động mạnh hơn. Chúng tôi mở tấm poncho trùm mặt ra để mưa xối xả lên mặt, lên người, mưa lớn làm biển xanh đẹp bỗng đen ngòm đen rợn người. Thuyền lắc lư, chao đảo, chúng tôi bị xô ngã nhiều phía theo nhịp lắc lư của con thuyền với những cơn ỏi mưa, ỏi đến không còn một thứ gì trong cơ thể. Những viên thuốc say sóng đã không còn hiệu lực, bởi có lẽ những người bào chế thuốc say sóng chưa từng là người vượt biển Việt Nam. Tôi nhắm mắt lại, cái chết như đến gần hơn, sự mệt mỏi cơ thể khiến tôi như không thể di chuyển theo ý muốn được nữa. Con thuyền như người say rượu. Ba tôi trợn mắt ra, đôi mắt lạc thần, tôi bỗng sợ điều không may...

Người tài công vẫn nhìn về phía trước, anh chỉ có một con đường cùng phía chúng tôi, anh không phải là người vượt biển tìm tự do, anh vượt biển vì tiền, và anh sẽ trở về lại khi chúng tôi đến nơi an toàn, anh ta còn quá trẻ, sự liều lĩnh chính là cái vốn để anh ta đi buôn, khi mà anh ta không hề có thêm một thứ của cải nào nữa. Biển vẫn động, thỉnh thoảng những đàn cá lớn bắn mình lên khỏi mặt nước lại làm chúng tôi thêm lo sợ, xa xa không một bóng chiếc thuyền nào, bên bờ mù mịt không thấy đâu. Nỗi lo sợ tăng lên từng phút. Đêm sâu mưa lớn, chúng tôi mệt là rồi thiếp đi...Biển êm lại lúc nào tôi không biết, khi tỉnh dậy ba tôi đang hút thuốc, những vì sao trên bầu trời lại loé lên niềm hy vọng mới. Đêm vẫn âm u, chiếc ghe một mình chậm chậm trôi vào đêm. Lúc này tôi nghĩ đến hai chữ tự do, tôi nghĩ đến những năm tù đầy của Ba tôi, tôi nghĩ đến những người đã và đang mỗi một ngày tranh đấu cho tự do của con người. Tôi hiểu rằng tôi phải sống, tôi hiểu hơn cái giá phải trả cho hai tiếng tự do. Cuối cùng thì chiếc ghe đã chạm vào bờ cạn nước. Gần 24 giờ đồng hồ chiếc ghe chở tôi đến một bờ biển khác của Thái Lan.

Chúng tôi sung sướng bật khóc. Tự Do rồi ư? Chiếc ghe đã chênh vênh trên biển, trong bão, ra khỏi bão, chiếc ghe đã không thể vỡ tan được, nên chiếc ghe phải cập bến an toàn. Ba tôi và tôi xiết chặt tay người tài công tỏ dấu cảm ơn. Chúng tôi không có cùng ngôn ngữ nên không thể trò chuyện được. Tuy nhiên có những tín hiệu mà con người trao cho nhau không có rào cản ngôn ngữ. Đó là khi mà tấm lòng đã trào ra, nước mắt đã chảy xuống, mím môi, gật đầu... Tôi muốn nói cảm ơn người tài công thật nhiều nhưng không nói được. Tôi cảm phục anh ta biết bao, anh ta là người đã đưa tôi một chặng đường cho một bắt đầu khác. Ôi! cái nghề nguy hiểm của những người tài công thầm lặng như anh đã làm mới đi bao nhiêu cuộc đời, hạnh phúc thêm cho bao nhiêu người đi tìm tự do. Chia tay nhau, không cần lăm lờ trao đổi, chúng tôi trao cho anh những vật còn giá trị mang theo, cùng những đồng tiền còn sót lại, những món vật đó sẽ là tiền trả công cho anh khi anh bình an trở về...

Tôi dự định đi sâu vào một ngôi làng chài ven biển, nhưng Ba tôi ngăn lại, ông nói nên đợi trời sáng. Lúc ấy là một ngày cuối tháng 10 năm 1988, chúng tôi nằm vật ra trên bãi biển, mặc dù đêm trên bờ biển thật nhiều muỗi nhưng chúng tôi mệt lả và ngủ vùi mau chóng. Ba tôi là người thức sớm ở một ngày mới trên phần đất tự do. Chúng tôi mỉm cười hân hoan, mệt mỏi tan biến, và dự định di chuyển. Lạy Chúa! Chung quanh chúng tôi là một bãi mìn, nếu đêm hôm qua ba tôi không ngăn cản thì có lẽ... Kinh nghiệm chiến trường của ba tôi trong quá khứ đã xử dụng được việc. Đêm đến, chúng tôi nghe thấy nhiều tiếng súng nổ, rồi vài người lính mặc đồ rằn ri chạy đến, họ dẫn chúng tôi vào một đồn lính che chắn tạm bợ. Họ có vẻ giống những tên cướp bóc hơn. Chúng tôi bị trần lột hết những quần áo mang theo và một ít vàng bạc. Sau đó họ chỉ cho chúng tôi đi về một hướng khác (về sau này tôi được biết học là lính Para hay Khmer Đỏ gì đó... họ lưu ngụ trên phần đất Thái và hành động tự tiện như thổ phi)

Đi một đoạn đường ngắn, chúng tôi bị chặn lại bởi một đồn biên phòng Thái Lan. Họ là những người lính biên phòng. Họ bịt mắt chúng tôi xét hỏi, lục soát, sau vài giờ thẩm vấn, chúng tôi chứng minh được không phải là bộ đội cụ Hồ, họ mới đối xử với chúng tôi tốt hơn, cho thức ăn và thuốc lá, cho xe chở đến một trại tạm giữ khác có tên gọi là Normol. Vừa đến trại, chúng tôi bị lục xét lần nữa. Những tên lính Thái ở đây hung dữ, tàn bạo, tôi bị đánh đập tàn nhẫn khi vừa gặp mặt. Tôi không hiểu mình có tội gì, tôi lại không phải là kẻ thù của họ, món quà gặp mặt đầu tiên trên xứ sở tự do quả là thiếu công bằng với tôi, với những người Việt tị nạn đang bị giam giữ ở đó. Từ lúc đó, tôi hiểu thêm một điều là người ta có thể hành hạ nhau mà không cần là kẻ thù của nhau. Chúng tôi lục xét và lấy thêm những gì còn lại của chúng tôi được coi là tốt nhất. Chúng tôi không quan tâm lắm những gì đã mất, quá nhiều thứ chúng ta đã mất, thêm một ít có sao đâu...

Khi chúng tôi đến trại Normol đã có khoảng hơn 40 người đàn ông đang bị giam giữ ở đó. Họ lại là đàn ông, đàn bà, trẻ con, có một vài người lớn tuổi. Họ im lặng nhìn nhau, chịu đựng nỗi gian khổ từng giờ. Trại Normol lúc đó là một địa ngục trần gian cho những người kém may mắn cư ngụ. Những cái tên hung thần cai trị như anh Bao Thợ, anh Ba Một, anh Đơn... những dòng chữ vôi vàng ghi lại của những người đã đến trước, họ viết lại bằng than, bằng máu của họ trên những bờ tường. Tôi hiểu những ngày địa ngục đã bắt đầu. Mỗi ngày chúng tôi, những người trai trẻ phải vào rừng đốn củi mang về cho chúng. Đàn bà, người già ở lại làm vệ sinh chung quanh trại và nấu ăn. Những thức ăn của Cao Ủy Tị Nạn mang đến cho chúng tôi gồm gà cá, chúng tôi chỉ được ăn đầu gà, những phần ngon nhất là phần của những tên lính Thái.

Đánh đập hành hạ người tị nạn là chuyện xảy ra mỗi ngày. Mỗi đêm vào lúc cao hứng anh Bao Thợ tập hợp anh em lại và bắt hút cần sa, nửa đêm đang ngủ say, chúng dựng mọi người dậy và bắt nấu chè cho chúng ăn... Chúng là những con thú đói khát người tàn bạo, mất nhân tính, hút cần sa, ma túy nên hành động của chúng quái ác và hung hãn vô chừng. Tôi đã từng thấy chúng bắt một anh vào phòng chúng. Bắt anh ta há miệng ra để cho chúng nhổ vào miệng. Chúng bắt những thanh niên trẻ vừa hít đất vừa la lên "Việt Nam ngu". Chúng bắt họ nằm xuống hồ rau muống để cho địa hút máu. Tội nghiệp nhất vẫn là các cô gái xinh đẹp, chúng muốn ai làm gì thì phải phục tùng. Những ngày địa ngục dai dẳng, ngày lại ngày vẫn có nhiều người Việt tị nạn đến trại và chúng bắt làm công cụ cho chúng. Thủ hặn ngút ngàn, người Việt vốn thâm trầm và biết nhìn xa, nhẫn nhục nên không xảy ra sự phản kháng nào.

Trong những ngày tháng này tôi quen với một tên bạn trẻ, hần là họa sĩ, hần thích vẽ tất cả những gì hần thấy ở chung quanh, hần vẽ cả nỗi phần nộ lên giấy. Hần có cái tên đầy đủ Nguyễn Quang Trường, dễ thương, can đảm tuy hơi nhỏ con. Hần được những tên lính Thái khoái bởi cái tài vẽ của hần, lắm khi hần vẽ cả những tranh dâm ô theo yêu cầu của bọn lính Thái. Hần cũng vẽ cả hình quốc vương Thái Lan trên một tấm tôn xi măng nhân ngày sinh nhật vua Thái. Nhờ ân sủng đặc biệt này, hần giúp đỡ khá nhiều người trong trại lúc đó, kể cả tôi. Chúng tôi dễ dàng thân nhau vì có nhiều điểm chung là yêu thích văn học nghệ thuật. Những ngày khó khăn trôi qua dễ sống dễ hơn khi bạn có những người bạn thân cùng chia lửa...

Mỗi ngày vẫn có thêm người tới nhập trại làm cái bia cho bọn lính Thái hành hạ. Ba tôi có lần nói: "Chúng nó có sức mạnh bây giờ nhưng chúng ta không ở đây mãi, sẽ có lúc..." Thằng bạn trẻ họa sĩ âm thầm vẽ nhiều hơn những điều chứng tai gai mắt xảy ra, kể cả những nơi chốn chính xác, hần ghi chép cẩn thận chuyện gì, ở đâu... Thừa ấy tôi vẫn không hiểu hần làm cái quái gì với những bức vẽ đó... Tôi cũng có anh bạn thân vốn là một sĩ quan tình báo VNCH trước 1975, anh vốn là kẻ ít nói, chừng mực, vậy mà có lúc anh phải thốt lên "tao sẽ trở về giải phóng Thái Lan trước khi giải phóng Việt Nam!" Sự nhẫn nhục nào cũng có giới hạn.

Rồi ngày vui cuối cùng cũng phải đến, nỗi chịu đựng phải được đền bù, trại Normol lúc ấy đã gần 70 người đến theo nhiều đợt cách nhau một vài ngày, người ở lâu nhất là 45 ngày, người ít nhất cũng 15, 20 ngày. Chúng tôi

được Cao Ủy Tị Nạn đưa đến một trại tị nạn khác. Sau 5, 6 tiếng xe chạy chúng tôi đến trại tị nạn mới mang tên Banthad. Ở đây mọi thứ có vẻ qui củ hơn, chúng tôi được cấp phát vận dụng để làm nhà, cấp phát lương thực, đồ dùng cần thiết để ổn định cuộc sống chờ ngày định cư.

Trại Bathad vào cuối năm 1988 đã khá hoàn chỉnh, có bệnh xá, có bác sĩ, có bưu điện, có nhà thờ, chùa chiền, và các trung tâm dạy sinh ngữ. Có chợ búa mua sắm khá rộn rịp, những ngôi nhà tranh, tre sắp hàng thẳng tắp thành từng lô, từng khu, có cộng đồng, có ban đại diện, có văn phòng cao ủy...Cuộc sống của chúng tôi đã được đền bù, không còn cảnh bị hành hạ ngược đãi...Chúng tôi yên tâm vui sống, học hành sinh hoạt và chờ đợi. Ba tôi gặp lại những chiến hữu cũ, những người lính năm xưa lại đứng ra gánh vác chuyện cộng đồng, khu xóm. Những người lính cũ gặp lại nhau ồn ào ồn lại quá khứ. Họ lập những hội đoàn, giữ gìn an ninh trật tự cho mọi người. Họ lại là những người lính như năm xưa canh giữ quê nhà lần nữa.

Trại Banthad vào thời điểm đó người ta sống chờ đợi và hy vọng định cư, chúng tôi mau chóng hội nhập xã hội tị nạn mới, học sinh ngữ, hội họp sinh hoạt và thành lập một nhóm gồm những người yêu thích văn học nghệ thuật, nhóm mang tên "Hương Việt", gồm những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ...chuyên và không chuyên có chung một ngọn lửa tâm huyết, một thân phận tha hương...Chúng tôi sáng tác đều đặn, làm những tờ báo nhỏ trong trại, những tập thơ, tập nhạc...Đó là những điều bổ ích giúp chúng tôi vui sống và chờ đợi.

Thời gian này ba tôi làm việc ở cộng đồng trại, ông quen biết một vài nhân viên Cao Ủy Tị Nạn và nghĩ đến việc khởi tổ những tên lính Thái Lan ở trại Normol. Sự việc khá thuận lợi với sự ủng hộ của những nhân viên cao ủy. Các tranh vẽ, ghi chép của anh bạn Nguyễn Quang Trường đã trở thành vật chứng, tôi là người thảo đơn kiện, nhân chứng là những đồng bào tị nạn Việt Nam.

Đến một ngày giữa tháng 6 năm 1990, gần hai năm sau ngày vượt biển, qua bao nhiêu khó khăn thử thách, đến lượt tôi ra đi, bạn bè đến từ già khá nhiều, buồn vui lẫn lộn, ở thì khổ mà ra đi vẫn không nỡ. Tên họa sĩ bạn tôi ở lại, hắt gĩa đi, tóc tai rũ rượi, những cuộc tình hư hao qua những trại tị nạn khiến gương mặt hắt méo xệch đi...Hắn vẫn còn ở lại trại Panat, bởi vụ kiện đã đi vào hồi kết thúc, người ta cần hắn như một nhân chứng chủ yếu. Hắn nói với tôi rằng "Ông ráng sống cho ra trò nhé!" Sống làm sao cho ra trò đây Nguyễn Quang Trường...?

Những người lính năm xưa đến đưa tiễn ba tôi khá nhiều, bao giờ cũng ồn ào tâm sự, cũng niên trưởng, cũng chiến hữu, cũng cấp bậc gọi thưa, tôi không hiểu kỷ luật nào đã giữ lại điều đó mãi trong lòng họ, cuộc chiến đã kết thúc lâu lắm rồi mà?

Từ già Panat, xe chạy đến phi trường Bangkok đưa tôi đi qua những khu đô thị trù phú của Thái Lan, những xa lộ chồng chất ở trên cao, tôi chợt nhận ra là Bangkok đã bỏ xa Sài Gòn...quá xa rồi...! Rồi Seoul Đại Hàn, mỗi nơi chôn đi qua đều đã lại một nỗi xấu hổ về quê nhà. Quê người vẫn minh hiện đại quá! Con người họ đối xử với nhau tốt đẹp lại lịch thiệp hơn quê nhà mình. Rồi đến phi trường Los Angeles, tôi như một thằng nhà quê lần đầu ra tỉnh, chóa mắt bởi hào nhoáng quê người, tôi cúi mặt, cái vòng tròn tị nạn đã khép kín, từ quê nhà đến quê người tôi đã mất gần hai năm.

Đến Mỹ không bao lâu, tôi nhận được tin vui từ thằng bạn họa sĩ còn ở lại Panat, hắn đã cho tôi biết vụ kiện đã kết thúc. Một bản án nhiều năm tù đã chia đều cho những tên lính Thái.

Tôi bật khóc vì sung sướng, tôi không quan tâm đến bản án, nhưng quan trọng hơn cả là công lý đã được thực thi một cách công bằng với người tị nạn Việt nam...Ngày ấy tôi nhắm mắt lại, trong tâm tưởng tôi mơ thấy một đài tưởng niệm thuyền nhân, to lớn, sừng sững. Tôi đã là người may mắn, đã đi và đến, nhưng còn biết bao nhiêu đồng bào thuyền nhân quê tôi đã đi mà không bao giờ đến, họ chết trên hoang đảo, giữa biển sâu, trong rừng vắng... Họ là những nhân chứng ghê rợn cho đất nước trong một thời kỳ đen tối nhất, không ai có thể thống kê đầy đủ về họ, có lẽ chúng ta là những thuyền nhân may mắn hơn nên làm một tượng đài cho họ.

Ở Mỹ tự do, dân chủ trong một cuộc sống mới, cuộc đời tôi bước qua một chương khác không kém bi thương, tha phương, hội nhập không dễ dàng gì với tôi, với bạn... Nhưng có làm sao đâu, chúng ta đã từng sống cùng khó khăn, học từ đó những bài học kinh nghiệm và tôi tin không còn khó khăn nào có thể làm khó được những người tị nạn Việt Nam. Ngày nay, có dịp đi qua những thành phố lớn trên thế giới, nhìn thấy những thành công của những người tị nạn năm xưa tôi không hề ngạc nhiên, họ xứng đáng được nhận nhiều hơn những điều như vậy. Âu cũng là lẽ bù trừ vậy! Chúng ta đã mất khá nhiều nhưng chúng ta đã làm được không ít, ngày nay thuyền nhân đã là cái vốn lớn về tri thức của cái...

Mười lăm năm qua câu chuyện dường như đã trở thành cổ tích...Tôi viết lại những kỷ niệm của riêng tôi để chia sẻ cùng bạn đọc, mong rằng chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu đó với những kỷ niệm còn vương trong các trại tị nạn, trên biển, trong dòng đời lưu lạc quê người. Chúng ta đã là thuyền nhân của ngày hôm qua, nhưng chính chúng ta đã bắt được một nhịp cầu cho ngày mai, cho những thế hệ nối tiếp không còn làm...thuyền nhân

* Xin bạn đọc thứ lỗi cho các sai sót về những địa danh trong chuyện kể, bởi vì người viết ghi lại theo tên gọi, có thể khác biệt với phiên âm.

...:Nguyễn Hoàng...

*Họ tên: Christopher Nguyễn

* Bút hiệu thường dùng: Nguyễn Hoàng

* Tuổi: Qua 40 một chút.

* Trình độ văn hóa: Đại học (Việt, USD)

- * Công việc hiện tại: Chủ nhân cơ sở thương mại ở Salisbury, MD. Vượt biên năm 1988 đến Thái Lan. Thành lập nhóm văn bút Hương Việt ở trại tị nạn Thái Lan (Patanikhom và Banthad) từ năm 88 đến 90.
- * Đã xuất bản: Hương Việt 1, Hương Việt 2.
- * Tuyển tập thơ "Phượng"
- * Tuyển tập truyện ngắn: "Ngày Mai" (1988-1990 trong trại tị nạn)
- * Cộng tác với báo Đường Sông (từ 1989- 1992) từ trại tị nạn đến khi báo đình bản.
- Thành lập nhóm Âu Lạc (1991-1992 tại Orange Country CA) In "Tuyển tập Âu Lạc 1" năm 1992
- * Viết cho Hoa Lư (Houston), Đại Việt (Fall Church từ năm 1997 đến 2000) Hiện đang sống ở thành phố Salisbury, tiểu bang Maryland.
- **Viết lách như một sự giải tỏa, làm cân bằng cuộc sống vốn không như ý lắm.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ôn Đời Biển Rộng

Nguyễn Sĩ Minh

Tôi choàng mình thức giấc. 5 giờ sáng, 19 tháng 10, 1979. Căn phòng nhỏ vẫn còn tối mịt. Như cái tối tăm mù mịt đã theo tôi suốt 4 năm dài đại học. Những sách vở nặng tính giáo điều đến ngơ ngề. Những đêm nội trú ngủ trong lời nhồi sọ chính trị từ loa phóng thanh. Những hôm bị gọi lên phòng Tổ Chức vì bị tố "không vững lập trường giai cấp". Và còn nhiều nữa...

Tôi đã đè nén bao cảm hờn, để chuyển thành sinh lực. Học cho bằng được ngành cơ khí. Lắp đặt và sửa chữa bằng được máy tàu. Tôi đã nhìn vào biển rộng, và thề sẽ tạo dựng một cuộc đời mới. Tự do hay là chết.

Đã mấy lần vượt biển không thành. Bị bắt, và bị kỷ luật tại trường. Hôm nay có lẽ là lần vượt biển cuối cùng, vì dấu tích đã quá nhiều trong sổ bìa đen. Nghĩ đến những điều xấu nhất có thể xảy ra, miên man nhớ đến những người thân yêu tôi sắp rời xa trong chuyến hải trình đơn độc, tôi trầm ngâm sắp xếp chuyện phải làm, rồi ứa nước mắt cương quyết đứng lên. Ngày đầu cho cuộc vượt biển đã diễn.

Xếp vội một bộ quần áo, vài gói thuốc lá, vài viên thuốc cần thiết vào một ba lô rất nhỏ, tôi từ giã gia đình, ngồi ghé sau xe gắn máy của ba tôi, để trực chỉ về Hàng Xanh, Thị Nghè. Những xe lam, xe đò chở khách về miền duyên hải đã chờ sẵn. Tôi bước vào quán điểm tâm, gặp gia đình người chủ, và một người hướng dẫn vượt biển.

10 giờ xe lam bắt đầu chuyển bánh đi Vũng Tàu, xa dần bàn tay vẫy vẫy của ba tôi, xa dần Thị Nghè nơi ấp ủ bao năm tháng mỗi tình thơ mộng của một thời sinh viên. Chuyện tình thừa nợ bắt đầu bằng tia mắt trao nhau trong chân lấm tay bùn một ngày Chủ Nhật "lao động Xã Hội Chủ Nghĩa", rồi bao buổi tối đèn sách bên nhau, bao cuối tuần hẹn hò. Những dịu êm đến day dứt mở lại từ ký ức, theo cảnh bên đường hiện đến, rồi lùi vội về phía sau. Trùng trùng điệp điệp.

Đến trưa, xe đi ngang một làng nhỏ trong tỉnh Bà Rịa. Người hướng dẫn vượt biển ra dấu xuống xe. Bấy người bước theo, đi hàng một, giữ khoảng cách 5 m, cúi đầu để tránh tia nhìn của người địa phương, và không một lời nói chuyện. Ba bốn căn nhà lá đã sẵn sàng đón toán vượt biển. Tôi gia nhập vào một nhóm mười sáu người nằm ngổ la liệt trong một gian nhà. Mọi cửa được đóng kín. Trong bóng tối lờ mờ, người ta nhìn thoáng nhau trầm ngâm, yên lặng chờ đợi một bước ngoặt của cuộc đời. Thỉnh thoảng cơm nước được đem đến. Những miếng nuốt vội, và những giờ chờ đợi dài đằng dặc.

Đến 10 giờ đêm, người hướng dẫn bước nhẹ vào nhà, gọi khẽ:

- Đến giờ ra ghe rồi. Mọi người chạy hàng một. Đêm nay không trăng, tối lắm. Người sau nắm lưng áo người trước mà đi. Tuyệt đối im lặng nghe bà con. Công an đồn này dữ lắm đó. Chúng đã bắt nhiều người, và đôi khi bắn nữa. Bắt đầu đi thôi.

Người sau nắm áo người trước, tạo thành ba con rắn dài ngoằn, quần quai thoăn thoắt xuyên qua những đồng cỏ và bùn lầy mênh mông, tiến về bờ sông. Một thằng em họ 7 tuổi nắm chặt áo tôi để chạy đằng sau. Thỉnh thoảng tôi lại gọi:

- Bình! Còn chạy nổi không em?

Bỗng dưng, tôi không nghe nó trả lời nữa. Quay lại thì một người khác đang nắm áo tôi. Rời hàng, tôi tắt tả chạy ngược lại tìm nó. Hàng vẫn tiếp tục chạy về phía trước. Tôi điếng người quờ quạng tìm trong im lặng, không dám gọi lớn. Hàng mỗi lúc một cách xa.

May quá, tôi nhìn thấy Bình đang lồm cồm bò lên từ một cái hố. Trời tối như mực. Không nhìn thấy đoàn đầu nữa. Tôi kéo tay Bình cầm đầu chạy trôi chết, đuổi theo tiếng thỉnh thích xa xa phía trước. Khi bắt kịp đoàn, thì đã đến bờ sông. Khoảng mười ghe nhỏ đang chờ sẵn. Người hướng dẫn hỏi:

- Lên ghe nhanh lên. Hình như bị lộ rồi. Hồi này bà con chạy mạnh chân quá. Nhanh nhanh giùm bà con ơi. Chết hết cả đám bây giờ. Năm sáu người một ghe.

Những ghe nhỏ trông tránh dữ dội, vì chỡ nặng và hành khách nhảy lên, hồi hả rồ máy đuôi tôm, lao mình ra sông lớn. Văng vẳng từ bờ vọng đến tiếng quát tháo, như của công an tuần tra.

Trong bóng tối dày đặc, một ngọn đèn bão soi dật dờ con thuyền mẹ, đang chờ ở giữa dòng sông lớn. Đèn pin nhấp nháy tín hiệu nhận nhau giữa thuyền mẹ và 10 ghe con. Đến phiên ghe tôi cập, thuyền mẹ sừng sững hiện ra, cái biển từ thuyền đánh cá, độ 18x4m. Khoảng hơn 50 người lần lượt lên thuyền. Thuyền trưởng và phó, thợ máy đều còn rất trẻ. Biết chút ít về cơ khí, tôi bắt đầu phụ anh thợ máy chuẩn bị cho một cuộc hành trình dài trên biển.

Gần 12 giờ khuya, khi dầu và lương thực đã chuyển lên đầy đủ, việc điểm danh hành khách đã xong, thuyền bắt đầu rẽ nước chạy nhẹ nhàng ra cửa biển. Dọc đường đi, thuyền lại nhấp nháy đèn ra hiệu để đón thêm ba tốp nữa. Tổng cộng số người là 81, sau này trở thành một cái tên nhắc nhở đến nhiều trong các tài liệu quốc tế.

Một ghe khác, làm mỗi, tiến ra, đi trước dò đường. Nếu bị công an chặn, ghe chính đằng sau, sẽ lùi đường khác chạy trốn. Thuyền đang lướt nhẹ nhàng, bỗng "Rộp" thật lớn vang lên. Tài công chửi thề:

- Thuyền mắc cạn rồi. Ghe nặng quá mà. Tàu tuần tra qua thì bỏ mạng cả đám.

Từng đợt thanh niên nhảy xuống cho nhẹ ghe, và cố đẩy ra chỗ sâu. Hì hục cả nửa tiếng mới xong. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Ghe lại lướt sóng nhanh hơn, cố tiến gần hải phận quốc tế trước khi trời sáng. Mọi người phải chui rúc dưới khoang tàu để tránh tia mắt công an và các tàu bè qua lại. Khi ghe vào cửa biển, sóng bắt đầu nhồi mạnh. Hành khách bắt đầu ói mửa. Đủ thứ mùi cuộn lẫn với khói máy và dầu làm tôi cũng choáng váng.

8 giờ sáng ngày 20 tháng 10, tôi bước lên boong thuyền. Sóng biển cao và đen ngòm. Hải phận quốc tế đây rồi. Tôi hít thật sâu không khí tự do sau hơn bốn năm dài xa cách. Một phần chấn tuyệt vời không thể nào quên.

Đến tối thì một trận bão kéo đến. Gió giật mạnh và sóng cao như những tòa nhà cao tầng dồn dập đổ tới. Con thuyền mong manh lao đao giữa biển khơi điên cuồng.

Sóng bắt đầu đổ ập vào khoang ghe, cuốn bay la bàn, và một số lớn thùng uống nước. Tài công bắt đầu đánh hiệu SOS cầu cứu tàu bè ngoại quốc qua lại. Nhưng họ đều làm ngơ.

Thuyền mấy lần xuýt lật úp. Biết tiến tới là dẫn thân vào cỏi chết, tài công quay hướng thuyền trở lại Việt Nam. Khi thuyền gần đến, gặp tàu sắt đi tuần tra. Công an bắt loa nói gì không rõ. Khi thuyền đến gần, có thể nhầm với thuyền ngoại quốc đến đánh cá lậu, họ bắt đầu bắn vào chúng tôi. Thuyền lại một lần nữa quay nhanh ra ngoài khơi. Máy được rò hết ga để chạy khỏi đường đạn. Không thể tiến vào trận bão đêm qua, thuyền hướng về Nam chạy qua Thái Lan.

Chạy được một lúc thì bỏ xa tàu công an. Máy nóng quá, anh thợ máy tắt đi cho nguội bớt và sửa chữa những hư hại trong cuộc chạy quá ga vừa rồi. Hai giờ sau, tài công đề máy để tiếp tục cuộc hành trình. Hỡi ơi, cả hai bình điện bị sóng bão ngập hôm qua, không làm việc nữa. Thế là thuyền lênh đênh trên biển.

Những chiếc áo được cởi ra để làm buồm. La bàn đã bị sóng cuốn, phải dùng mặt trời để định hướng. Buồm quá thô sơ, không điều khiển được. Thuyền tiếp tục lênh đênh, không phương hướng. Thỉnh thoảng có vài tàu bè qua lại xa xa. Họ vẫn làm ngơ trước tín hiệu cầu cứu.

Nước uống đã gần cạn, mỗi người chỉ được thấm môi. Một số người đã phải uống nước tiểu của chính mình, rồi bắt đầu mê sảng la liệt trên thuyền. Những thanh niên còn sức thì luân phiên tát nước 24 giờ một ngày.

Đã 20 ngày lênh đênh trên biển. Hy vọng sóng tắt dần. Tiếng cầu kinh cứ rồi bắt đầu vang lên. Mọi người ứa nước mắt tìm chỗ nằm thanh thản trên con thuyền, mong thuyền sẽ trở thành mộ phần cho cả nhóm.

Tờ mờ sáng ngày 10 tháng 11, khi mọi người đang chờ chết, thì một tàu đánh cá từ từ tiến đến. Nhiều người mừng quá đến khóc ròng. Tàu đánh cá Thái Lan. Sóng rồi. Sóng thật rồi. Thoát Cộng Sản rồi. Thoát thật rồi.

Tàu Thái tiếp tế nước uống, thức ăn, và cho mượn bình điện để đề máy. Máy lại nổ đều. Mọi người tháo nhả vàng, đồng hồ, dây chuyền tặng cho những người Thái đã cứu mình.

Thuyền rẽ sóng nhắm hướng mặt trời trực chỉ Thái Lan. Ba bốn tàu nữa cặp vào ghe. Bây giờ không phải những người Thái nhân hậu nữa, mà là hải tặc. Chúng tra khảo tiền bạc, và dùng kềm bẻ cả răng vàng của các cụ già. Những tiếng thét thất thanh và máu bắt đầu nhỏ xuống khoang thuyền. Nhiều người muốn chống cự, nhưng sợ bọn Thái sẽ húc tàu chết cả đoàn, như những chuyện đã từng xảy ra.

Đến hoàng hôn thì nước biển bắt đầu có rác, ghe đang tiến vào bờ. Cuộc vui chưa chọn vẹn, thì một tàu Thái không tìm được gì quý giá còn lại, kéo ghe vào đảo hoang xa xôi Koh Kra ở vùng đông nam Thái Lan, gần Mã Lai. Chúng đuổi đoàn lên đảo, để lấy máu và bánh lái của ghe. Ngày hôm sau, tàu hải quân và những đất nước tự do đã rộng vòng tay chào đón thuyền nhân, Cao Ủy Tị Nạn, Hội Y Sĩ Không Biên Giới, Hội Cứu Nguy Giúp Người Vượt Biển, những người hùng như ông Schweitzer, bà Thanh Thủy, vv... Xin tạ ơn người, ơn đời, ơn thuyền và biển rộng.

San Jose, 14 tháng 2, 2003

:::Nguyễn Sĩ Minh :::

Cánh Bèo Biển Cả

Văn Qui

Mộng Chi và tôi là bạn thân từ thuở học trò, nhưng sau đó tôi nghe theo tiếng gọi non sông đi tòng quân chống giặc. Còn Mộng Chi trở thành cô giáo cấp 2 tại miền cao. Ngày di tản tôi gặp lại nàng. Cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi quá ngắn ngủi, vì lúc đó tôi đang chỉ huy một đơn vị mở đường, còn nàng thì hồi hả đi theo dòng người di tản.

Hai năm sau dù không hẹn hò nhưng chúng tôi lần nữa lại gặp nhau tại một vùng kinh tế mới. Mộng Chi không còn hoa khôi như ngày nào, thân hình ốm yếu tàn tạ đi. Còn tôi cũng không còn phong độ như ngày xưa, chỉ còn lại tấm thân tàn ma dại, ngày hai buổi lo cuộc đất trồng lang để lần hồi kiếm ăn và thực hiện đúng khẩu hiệu "lao động là vinh quang" mà đang đang hô hào. Một hôm, sau giờ giải lao, Mộng Chi đến gặp tôi, nàng lau mồ hôi, thở dài và nói: "Khổ quá anh ạ! Chẳng lẽ chúng ta cam phận giam hãm trong nhà tù lớn này cho đến lúc bị vùi thây dưới lớp cỏ hôi". Nàng còn mượn lời của Patrick Henry "Give me liberty or give me death" (Hãy cho tôi tự do hay là chết).

Thế là hai đứa tôi vứt bỏ lại cuộc, riu, nắm tay nhau đi tìm lại sự sống trong cái chết. Mộng Chi dẫn tôi đến một nhà người thân tại một xóm chài ở Nha Trang đúng lúc ông chủ chuẩn bị thuyền bè để vượt biên. Qua vài lời hỏi thăm, ông lão chủ nhà hỏi Mộng Chi:

- Ngày đó Dượng tưởng cháu đã được ra ngoại quốc rồi, té ra vẫn kẹt lại. Nay còn dạy học nữa không?
- Thừa Dượng Bảy, chúng đồn cả học trò lẫn thầy cô vào nhà tù lớn thì còn học hành gì được nữa.
- Cháu bị giam tại trại nào?
- Thì nhà tù kinh tế mới, Dượng chưa biết à?

Dịp này Mộng Chi cũng giới thiệu tôi là một anh lính thất trận đang phiêu bạt đây đó.

Ông lão đưa mắt nhìn Mộng Chi rồi lại liếc mắt nhìn tôi ra chiều thương hại. Ông nói nhỏ:

- Dượng vừa đóng chiếc tàu để vượt biên, hai hai cháu ở lại đây cùng đi với dượng.

Nửa tháng sau, người nhà ông Bảy cùng một số khách hàng trong đó có Mộng Chi và tôi được núp kín ở trong tàu.

Chiếc tàu vượt biên được nhập chung với tàu đánh cá trực chỉ ra khơi.

Khi đến gần hải phận quốc tế, tàu chúng tôi gặp trận bão, gió cấp 7. Cả bầu trời tối tăm. Những luồng sét sáng loè chạy dọc ngang như cắt mặt biển ra từng mảng. Tiếng sấm hòa lẫn tiếng biển Đông vang dội. Những đợt sóng liên tiếp nổi lên như quả đồi cao nâng chiếc tàu lên rồi lại lặn chìm như đưa con tàu chúi xuống đáy biển. Con tàu lắc lư nghiêng ngả, nước biển, nước mưa tràn vào. Tiếng khóc la cầu trời khấn Phật, tiếng tuyệt vọng giã từ chồng con, người ới mưa nhầy nhụa giữ sàn tàu. Trong lúc con ràu đang lâm nạn thì ba chiếc tàu lớn cắm cờ máu chạy dọc xung quanh. Một tên vạm vỡ lên tiếng:

- Muốn tụi này cứu không?

Trong cơn hoảng loạn mọi người như vớ được chiếc phao, họ van nài xin cứu giúp. Tên ấy nói tiếp:

- Muốn được cứu, có bao nhiêu vàng bạc đưa nộp hết lên đây.

Khi gom vàng bạc đầy túi, phần lớn đã được chuyển sang ba chiếc tàu Cộng Sản. Số thanh niên còn lại khước từ sự cứu giúp, họ cương quyết tiếp tục cuộc hành trình. Tên chỉ huy tàu hét lên:

- Tụi mày ngoan cố hử? Không lên tàu lớn, chúng tao kéo úp tàu xuống đáy biển bây giờ.

Nhìn trời cao, nhìn đất dày, nhìn biển biển rộng, không còn cách gì để thoát, số người còn lại đành khuất phục trước bọn người lòng lang dạ sói. Ba chiếc tàu đổi hướng quay mũi vào Vũng Tàu. Tàu cập bến, chúng tôi bị áp tải vào nhà giam ở Bà Rịa để làm thủ tục "tổng tiền". Họ cho phép nạn nhân được thư từ liên hệ với thân nhân để mang số vàng qui định đến chuộc mạng. Người không tiền bị di lý về địa phương để nhận lệnh tập trung hay bị truy tố về tội bỏ nước ra đi.

Tại phiên tòa xét xử tôi và Mộng Chi, người đến tham dự đông nghịt. Trên hàng ghế các ông tòa ngồi chễm trệ. Mộng Chi được gọi lên vành móng ngựa để trả lời tội trạng của mình.

Tòa hỏi:

- Động cơ nào thúc đẩy bị cáo vượt biên?

Mộng Chi trả lời:

- Thừa tòa, động cơ Ép 1

Đồng bào không nén được, phải phì cười. Còn quan tòa thì tía tai đỏ mặt, gior cao chiếc búa nện mạnh xuống bàn:

- Có tội không hối lỗi, còn ngoan cố ngạo mạn à?

Mộng Chi đáp lễ ngay:

- Tại các ông dùng từ không đúng!

Tiếng cười lại nổi lên, có tiếng xầm xì "Con bé này to gan thật, mà hần nói cũng có lý". Người khác nói tiếp "Cô giáo cấp 2 thời Ngụy đó mà, không khéo ông Tòa chỉ bằng trình độ học trò của cô ta".

Tòa không dám đối đầu với Mộng Chi sợ bị hổ, đành tuyên phạt nàng 5 năm tù về tội bỏ nước ra đi, 2 năm tù vì tội ngạo mạn quan tòa. Còn tôi thì bị hai lệnh giầy thun. Tất cả là 6 năm. Từ đó, từ ngoài đến trong trại tù, người ta đặt cho Mộng Chi một cái tên đặc biệt: Cô Ép 10.

Mãn hạn tù tôi đến gặp Ép 10 để từ giã nàng. Ép 10 nắm chặt tay tôi nhoen miệng cười:

- Ráng chờ em nghe, thua ván này mình bày ván khác.

Mùa thu năm 1984 tôi một mình với xị rượu bên chiếc bàn đã chiến lai rai để giải sầu. Từ ngoài xa có người cỡi con ngựa sắt mang tới cho tôi một cánh thư. Thoáng mắt nhìn qua góc trái bì thư, tôi thấy vón vện hai chữ "Ép 10", Bên trong bao thư có vài câu ngắn gọn: "Em trả nợ xong tù, còn chờ đợi anh ở Hải Sơn. Anh xuống gấp. Địa chỉ..." Tôi đứng dậy cuộn tròn bộ đồ trần đã xơ xác bỏ vào xách tay, tìm đến địa chỉ trong thư. Từ đó hai chúng tôi lại đi tìm lẽ sống trong cái chết, chết ười sống một. Do sự vận động của Ép 10, người bác của cô đã chấp thuận cho hai chúng tôi được bước lên con tàu định mệnh.

Bọn lãnh thầu bãi đáp vốn tham vàng, và cũng tham ăn nên đã bị chủ tàu chơi gác.

Ông chủ tàu giả tạo một lễ giỗ linh đình chủ đích mời bọn cai thầu và đệ tử chúng đến nhậu nhẹt. Chỉ mới nâng ly được vài đợt, rượu mạnh được pha vào một ít độc được tụy không chết người nhưng tất cả bọn chúng đã phải "gục". Quan lớn say trước, quan nhỏ say sau, đưa gục xuống bàn, đưa ghẹo cổ vắt ngang thành ghế... Trong khi đó bãi đáp im lặng như tờ, từng đoàn quân như những bóng ma lẹ làng vượt qua bãi đáp.

Chiếc tàu tăng vận tốc lướt sóng ra khơi. Ra đến hải phận quốc tế mọi người tràn đầy hy vọng, thì thành linh biển động, cơn bão mỗi lúc một lớn dần, từng đợt sóng nổi đuôi nhau quần thảo với con tàu cũ kỹ.

Khi biển lặng gió êm thì máy tàu bị hư hại nặng không còn hoạt động được nữa. Từ đó, con tàu trôi dạt giữa biển Đông, nước uống cạn, gạo không còn, chúng tôi ngóng chờ không thấy con tàu nào qua lại để xin tiếp cứu. Những lúc trời mưa mọi người vắt áo ướt để uống. Hai người con chủ tàu căng bạt để hứng nước mưa, bị cơn lốc cuốn chìm xuống đáy biển.

Sang tháng thứ hai, đoàn người trên tàu đã kiệt sức vì đói khát, con số chết gần phân nửa. Những người còn sống sót đã dùng dao dóc thịt người đồng chủng để ăn, dầu vậy số người chết vẫn gia tăng tốc độ. Trong lúc thần chết đang đến gần với tôi thì Ép 10 nằm bất động, đôi mắt mở to đục mờ. Hai khoé mắt rớm lệ, tôi bò lê đến bên cạnh nàng. Hai tay tôi nắm chặt tay nàng, tôi nấc lên một tiếng rồi ngất lịm đi không còn hay biết gì nữa.

Lúc tỉnh dậy tôi thấy mình đang được các bác sĩ cấp cứu tại một bệnh viện nào đó. Tôi chẳng biết ai cứu mình và cứu bằng cách nào. Con tàu định mệnh chỉ còn sống được gần phân nửa. Tôi cố thăm dò Mộng Chi nhưng biệt vô âm tín. Chẳng biết nàng có diễm phúc được người cứu thoát hay đã yên giấc dưới tuyến đài?

Mười chín năm rồi, tuy sức khỏe tôi đã có phần hồi phục nhưng cơn ác mộng vẫn còn theo đuổi hành hạ tôi. Cứ mỗi lúc nhìn, hay nghe đọc qua bản tin có người bị tai nạn, chết chóc, một con thú chết, một dòng máu chảy, thì đêm đó cơn ác mộng lại xuất hiện. Cơn ác mộng không chỉ dành riêng cho tôi, nhưng rất có thể sẽ xuất hiện với những bạn đồng hành trên nhiều tàu định mệnh trong cuộc hành trình biển Đông.

::: Văn Qui:::

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Một Cái Giá Của Tự Do

Trần Văn Hương

29 tháng 9 năm 1983

Bốn ngày trước, vùng đất mang tên Bà Rịa, một chiều định mệnh họ bỏ hết tất cả và quê hương thân yêu để đi tìm đất mới.

Bốn ngày sau, một con thuyền và sáu mươi lăm người bồng bênh trên một đại dương bao la.

Bốn ngày qua thể xác và tinh thần họ đã trải qua những giây phút cực kỳ sôi động trong đời họ. Đến lúc đó sức khoẻ thể xác và tinh thần họ đang dần dần hồi phục sau những ngày khổ nhọc ấy. Niềm vui thoát khỏi nguy hiểm của vòng vây Cộng Sản và niềm hy vọng tràn trề nơi đất mới tràn ngập tâm hồn họ.

Giờ đây họ mới có dịp làm quen nhau. Họ kể cho nhau nghe đêm vượt biên phải trải qua bao nhiêu đoạn đường lo sợ, họ núp sau những lùm cây sậy và đã bị muỗi chích những mấy chục mũi, bằng cách nào họ dành dụm tiền để có mà đi. Họ đã đi vượt biên hụt mấy lần. Họ đã biết mấy thuyền đi êm xuôi. Và những mẩu chuyện thật lý thú như thế để quên đi cái cảm giác mênh mông chơi vơi giữa biển cả. Đám "căn me" (những người biết được có thuyền vượt biên thì canh giờ mà leo lên đi chứ không trả một đồng "tiền vé" nào cả) thì không dám nhúc nhích động vì sợ bị làm khó dễ.

Mãi mê trò chuyện cho tới khi ánh nắng của những ngày cuối tháng chín mất hẳn. Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho một ít gì để ăn tối thì bầu trời như có điều gì lạ. Quả thật vậy, hồi chiều sau khi hoa tiêu bẻ lệch hướng để tránh những con tàu đánh cá Thái Lan vì họ sợ hải tặc (hải tặc Thái Lan có tiếng trên tuyến đường này) thì thời tiết đã có gì thay đổi.

Đến lúc này thì bầu trời xám xịt. Gió mạnh thổi tới. Sóng gió nổi dậy. Con thuyền bắt đầu nhào lộn với sóng gió. Nó tự do cuốn theo những khối nước khổng lồ của đợt sóng. Nước biển bắn lên văng tứ tung làm mọi người ướt như chuột lột. Trong những hầm của con thuyền dài không hơn mười hai mét và chiều ngang vền vền có ba mét, sáu mươi lăm người chen chúc nhau và la hét om xòm. Những khuôn mặt tái xanh đầy nét sợ hãi. Mọi người trấn an nhau qua những lời nói chan chứa nét lạc quan. Thêm vào đó nữa là những câu kinh nguyện với Thượng Đế. Sau mấy canh trường nhào lộn với sóng gió, thiên nhiên đã nhường phần thắng cho con thuyền. Ai nấy lại hoàn hồn với một hơi thở thả. Hú vía!

Ngày thứ năm cuộc hành trình gói ghém một ít câu hỏi với hoa tiêu về thời gian và khoảng cách còn lại trước khi thuyền cập bến. Họ đã được giải đáp thích đáng: trễ thì hai ngày nữa còn không thì sáng mai thôi. Ngoài ra là sinh hoạt bình thường. Họ tiếp tục kể cho nhau nghe những câu chuyện bỏ dờ chen thêm vài mẩu chuyện gẫu để giết thì giờ. Mọi người mong đợi...

Hai ngày sau...

Bảy ngày trôi qua. Ngày thứ tám với những bắt đầu thắc mắc: tại sao họ chưa thấy đâu là bến bờ, tại sao kể từ ngày tránh tàu đánh cá Thái Lan đến hôm nay họ không may gặp một con thuyền hay một tàu lớn nào khác nữa? Đại dương, bầu trời, con thuyền và họ mà thôi. Chẳng lẽ hoa tiêu nhầm sai tọa độ? Hoa tiêu thoái thác với lý do không vững. Đầu óc họ nhen nhúm ý nghi ngờ. Hoa tiêu vớt vát: Bà con hãy yên tâm. Thôi, đổ thêm dầu vào, thế nào rồi chiều nay cũng có dấu hiệu thôi. Can dầu cuối cùng đã trút gọn vào bình chứa.

Chiều đã đến nhưng họ cũng chưa thấy một dấu hiệu gì gọi là đảo hoặc đất liền. Chẳng những vậy mà họ còn có cảm giác đang ở một nơi nào đó thật xa xôi với bến bờ. Đêm đến...rồi gần sáng. Tiếng máy thuyền nổ đều đều đang ru họ vào những giấc ngủ chập chờn miên man bỗng sực sặc vài tiếng rồi tắt hẳn.

"Hết dầu". Tiếng nói của một người nào đó.

Hết dầu!? Mọi người chồm dậy ngỡ ngàng.

Hết dầu? Hết dầu?

Như sét đánh bên tai. Rồi làm sao thuyền chạy được? Rồi làm sao vô bờ được? Rồi...rồi

Nỗi kinh hoàng hiện rõ trên những nét mặt ngơ ngác như chưa muốn tin những gì mình vừa nghe. Làm sao có thể như vậy được? Hoa tiêu, anh có điều gì muốn nói không!?

"Bà con hãy bình tĩnh. Tuy dầu hết nhưng chúng ta chắc chắn cũng đã gần một hòn đảo hay đất liền nào đó. Thế nào rồi cũng có tàu thuyền phát hiện ra chúng ta. Hơn nữa chúng ta còn có nhau."

Vậy là hết dầu thật. Lạy Chúa. Lạy Phật, xin cứu chúng con ra khỏi cơn hoạn nạn.

Ngày thì vắng vẻ đêm thì cô quạnh

Chín ngày qua tai họ đã nghe quen với tiếng máy nổ đều đều, nay âm thanh đó không còn nữa, họ như thấy thiếu một cái gì đó. Họ thấy lẻ loi hơn. Ngày đầu họ thả neo và trông đợi tàu thuyền nào đó biết được sẽ đến cứu. Ngày thứ hai qua đi, rồi ngày thứ ba...Họ không thấy một vật gì ngoài trời và biển. Thế là họ quyết định kéo neo lên để cho con thuyền trôi. Nó trôi, trôi đi đâu? Biển cả bao la, đâu cũng là đâu. Lương thực, nước uống chẳng còn được bao nhiêu. Họ lo mạng sống của họ sẽ ra sao? Họ trôi qua từng ngày dài, đêm dài. Ngày sóng gió mịt mịt, ngày nắng gió chói chang, nhưng không một tia hy vọng. Đêm xuống, đêm làm cho không gian bao la thêm tĩnh mịch. Đêm

chơi vui, đêm vô bờ bến. Một ngày đi qua là một vết tấy lên bức tranh hy vọng của họ. Một ngày mới là một thách thức tâm trí trước mắt họ. Thế là hết, những ước vọng, những bức tranh đẹp nơi chân trời mới ấy đang dần dần nhạt phai. Họ miên nam về quá khứ, chỉ hai tuần trước thôi họ chưa thấy những gì đang xảy ra. Hôm nay họ tự đặt câu hỏi với chính họ: Cái giá phải trả cho miền đất hứa là gì đây!? Tại sao lại xui xẻo đến vậy, tại sao nhiều thuyền đã vượt qua êm xuôi vậy?...Họ quay cuồng với những thắc mắc và số mạng của họ.

Đã hơn một tuần qua con thuyền của họ cứ trôi dạt đi đâu đó. Thỉnh thoảng, xa xa trong đêm tối hay giữa ban ngày họ thấy được những con tàu buôn thật lớn. Ba chữ "SOS" và ánh lửa heo hắt trên biển cả không đủ lớn để diễn tả được hoàn cảnh hay những con tàu kia cứ dừng dừng coi như đó là một bữa tiệc vui nên không muốn tham dự. Một lần nọ, có một con tàu thật lớn chạy rất gần, gần rất độ tưởng như đâm vào mũi con thuyền bé nhỏ. Nhiều người như cố ý mừng thầm rằng nó là một trong những con tàu đi vớt người vượt biển, nhưng không, nó không giảm tốc độ mà cứ tiến thẳng. Tia hy vọng chưa kịp loé lên đã bị dập tắt. Một cú điện thoại hoặc dăm ba chục lít dầu thôi thì biết đâu họ đã vô bờ bến sau một vài ngày và đã cứu được bao nhiêu mạng sống. Họ tiếc rằng sao con tàu buôn đó không bỏ thí cho họ chừng ấy phúc đức!? Tới hôm nay họ đã mệt mỏi lắm rồi. Lửa củi cũng đã hết. Cuộc hành trình đang trôi nổi vào khoảng ngày thứ 20, 21...thì lương thực hết, nước uống hết. Vài cá nhân có mang theo được một ít nhưng cũng chỉ lâu hơn vài ngày. Cũng vì người còn người hết nên đã có nhiều chuyện ẩu đả nhau vì miếng ăn xảy ra. Mà có những chuyện thật vô duyên. Như: Ông ơi cho con miếng sữa để con đắp vô chỗ chảy máu, thằng X nó đánh làm đau con tét ra nè."

Cơn đói khát đang dần vặt họ.

Chẳng còn ai còn lại một miếng ăn hoặc một giọt nước nào. Ba bốn ngày qua họ không có gì để ăn uống. Họ cảm thấy mình thật khổ sở, vô dụng. Làn nước biển trong xanh như ngọc nhưng không uống được làm họ thêm điên dại. Họ đãi miếng cho nhau những món ăn họ đã thưởng thức ở nhà hàng này, nhà hàng kia khi còn ở Sài Gòn. Đà Lạt...Sơn hào hải vị cứ thế mà bày ra đầy dẫy trong khối óc của họ. Họ ăn uống thật ngon, họ thư giãn gân thịt để cho những hương vị đậm đà đó thấm dần vào trí tưởng tượng của họ. Họ ăn bằng tâm trí. Tâm trí họ thì no đầy còn bao tử thì trống rỗng. Xót xa. Ba ơi con đói quá, mẹ ơi con khát quá. Tiếng khóc xé trời giữa biển cả vì đói khát của những em bé chưa đầy một tuổi đời cứ vang vọng như âm thầm xé nát tâm can của những người làm cha mẹ. bao dòng nước mắt khô héo vàng vọt không e thẹn nào nề rơi trước cảnh đời đói khát của trẻ thơ. tiếng khóc tiếng than nhỏ dần, nay chỉ nghe được tiếng rên rĩ.

Ngày thứ 27

Sáng nay trời trong, biển yên, ông mặt trời đang dần trôi lên cuối chân trời biển, những cơ thể rời rạc và tâm trí mơ màng đang giằng co với đêm bao la mông mĩ. Bỗng một giọng thất thanh hét lên phá vỡ sự yên lặng tĩnh mịch đó:

"Thằng A chết rồi, thằng A chết rồi bà con ơi ". Mọi người giật tỉnh. Họ xôn xao vây quanh một thanh niên vào khoảng 25, 26 tuổi nằm dài trên bong thuyền. Tấm thân anh ta nguyên đã gầy guộc thêm vào nhiều ngày không ăn uống nên khi nhìn tưởng là bộ xương ngụy thêm lớp da mỏng. Qua mọi cách có thể được họ thử xem người kia đã chết thật chưa? sau một lúc, họ không nghi ngờ gì nữa, thế là một cái chết. Tâm trí họ không dấu nổi sự hoang mang dù biết trước sẽ có ngày này. Tuy thế, họ không ngờ cái chết đầu tiên lại sớm như vậy, vì nếu chỉ không ăn uống ba, bốn ngày thì cũng chưa đến nỗi phải chết. Họ nghĩ có lẽ vì anh ta không chịu được sóng gió nên từ bấy lâu nay anh không ăn uống được nên đã không còn sức mà chịu đựng. Lời kinh cầu vang lên giữa đại dương bao la. Họ cầu xin Thượng đế cho linh hồn anh ta được về nơi an nghỉ tốt lành. Ngày dài lê thê trôi vào đêm đen. Đêm đến, đêm đen hơi hám cõi âm tới ám ảnh tâm trí họ. Họ nghe được những âm thanh vắng vắng từ bên kia thế giới trôi lên là đà trên mặt biển. Những tiếng kêu vang thống thiết trầm bổng bi thương bao bọc lấy con thuyền. Lại có người kể rằng họ nghe được tiếng hát bi ai ở một nơi xa xôi nào đó. Những giấc ngủ chập chờn trôi vào cơn mê man.

Đêm man rợ đi qua. Xác anh "A" còn nằm đó. Họ bàn tán nên phải làm sao với xác anh ta. Giữ lại thêm vài ngày nữa hay thủy táng anh? Một lúc sau họ thì thầm thêm vài lời kinh cầu. Kính cẩn long trọng nói với anh ta mấy lời từ biệt rồi quyết định "thủy táng" anh. Họ không muốn giữ lâu vì họ sợ tinh thần bị khủng hoảng khi cái chết cứ lù lù nằm đó. Biển hôm nay cũng khá êm nên xác anh không trôi vội, cứ như muốn bám theo con thuyền. Nhưng rồi cứ từ từ xa dần. Mọi người nhìn theo. Họ nghĩ tới số phận của họ. Từ ngày đó họ như sợ đêm tối hơn.

Vài ngày nữa đi qua. Cơn đói dữ dội hơn, cơn khát lại càng làm cho họ hoang mang. Một số người gỡ gỗ thuyền ra gặm như con sóc gặm hạt trái cây, như để an ủi cái bao tử xấu số đang "thất nghiệp". Làn nước trong xanh thật quyến rũ, đã nhiều lần họ định nhắm mắt uống thử, nhưng lại thôi. Bữa nọ, một người một người thấy được trong làn nước xanh một đàn cá con cứ bám theo bên hông thuyền mà bơi như để tránh sóng. Thế là họ nghĩ cách để vớt cá. Mảnh lưới được cắt ra và làm thành những cái vợt nho nhỏ. Họ đồng ý để vớt được bao nhiêu thì chia đồng đều cho mọi người nhưng cũng có vài người tìm cách giữ lấy riêng cho họ

Những con cá nhỏ nhỏ chừng nửa ngón tay út bị họ bỏ tôm vào trong miệng nhai một cách ngon lành. Có một thanh niên nọ vừa cầm được con cá, mừng quá nên anh ta hối hả đưa ngay lên miệng. Chú cá mới bị bắt vậy vậy và chui tọt ngay vào trong họng. Vì cái đuôi vào trước nên khi nó tuột tới cổ thì hai cái vây đâm dính vào đó. Anh ta đau đớn trợn cả mắt hai tay quờ quạng cầu cứu. Một thanh niên đứng bên nhanh tay bóp miệng người bị hóc và thọc ngón tay vào cổ tìm cách móc con cá ra hoặc đẩy nó vào trong. Sau một phút, chú cá tuột hẳn vào ruột và miệng anh ta lép chếp máu.

Nhiều người không dám ăn hết nguyên phần một lần tuy một phần chỉ được hai ba con cá nhỏ. Họ cắn một nửa, nhai từ từ. Nhai đến khi miếng cá nhừ nhuyễn họ mới cắn thận nuốt. Có một gia đình nọ, dành dụm được vài ba chục con. Người cha xâu thành một giầy cột lại như một cái chuỗi đeo vào cổ cẩn thận an toàn. Có một số người hùn cá lại cũng khoảng vài ba chục con. Họ kiếm một cái lon đổ nước biển vào để muối. Họ chia giờ giấc để canh giữ cái lon quý ấy, thế mà cũng có lúc nghe phong phanh rằng có ai đó "hóp" đi một miếng, đàn cá luân quần thêm được mấy ngày rồi bỏ đi. Đã có nhiều người nghĩ rằng anh "A" dắt đàn cá đó tới với họ. Họ cầu mưa để có nước uống, nhưng mưa vẫn không rơi. Những giọt sương đêm lấm tấm dính lên mảnh kính của cabin thuyền đều được họ lè lưỡi ra liếm mỗi sáng. Tạt nước biển vào mặt, nhảy xuống tắm. Đó là cách tốt hay không nhưng họ đã làm chuyện đó. Đến hôm nay thì đã có nhiều người không chịu nổi sự quyền rũ của làn nước biển, họ đã cố nhắm mắt nuốt một hóp. Sau một lúc họ quặn quại trong cơn xót xé ruột của chất muối. Miệng họ thở ra những hơi thở thối nghẹt mũi." Bà con ơi, ai có nước cho con tôi một hóp tôi xin biếu cái nhẫn hai chỉ đây." "Ồi ông trời ơi xin cho mưa xuống, tôi nguyện sẽ đi tu suốt đời khi tới được bến bờ " Ấy là những lời cầu xin của những bậc làm cha làm mẹ.

Ngày thứ 33...

Bến bờ vẫn mịt mù. Thuyền tàu đâu chẳng thấy. Sáng hôm nay một người mẹ đang khóc nức nở. Đứa con gái chưa đầy một tuổi duy nhất của cô ta đã chết. Nó chết từ lúc nào không ai hay biết. Thân thể của đứa bé được cuộn gọn trong mảnh vải đơn sơ khiêm tốn như muốn nói lên cuộc đời bạc phước ngắn ngủi của em. Hai tay ôm chặt xác con, dòng nước mắt già rời buông, miệng cứ lẩm bẩm những gì nghe không rõ. Từ ngày đó trở về sau, cô ta vẫn thường nói chuyện với chính mình như người không hồn. Sau vài lời kinh nguyện, mấy lời chia tay thì em bé đã nằm lại trong lòng đại dương bao la. Bây giờ họ mong, họ ước, họ trông đợi phép lạ xảy ra và đưa con thuyền giạt vào một nơi nào đó. Nhưng chuyện họ mong ước không xảy đến. Những ngày dài cứ trôi qua. Hoa tiêu là người kế tiếp về với biển, và liên tục những cái chết âm thầm cô đơn. Chết ngời, chết nằm, chết dựa vào mạn thuyền." Than ôi! Thằng con thứ hai của tôi cũng chết rồi! "...Bà con ơi tôi lại mất thêm cháu nữa!..." "Trời ơi! Anh, em tôi cũng chết rồi!"

Có những dấu hiệu mà họ nghĩ họ đang ở một nơi nào đó rất gần bến bờ. Bữa nọ có con chim gì đó như chim én cứ bay lượn quanh rồi lúc sau đó đậu trên mũi thuyền. Chim lạc bầy chẳng bởi trông nó có vẻ mệt lắm? Nhiều người dè dặt bảo không nên đụng nó vì họ tin điềm xui xẻo sẽ tới. Nhưng con chim cũng chẳng tránh khỏi số mạng. Nó bị vật lỏng và đã bị họ ăn tươi nuốt sống. Rồi một lần kia họ thấy được vài khúc gỗ bám đầy con hào nho nhỏ như con ốc gạo. Họ cũng vớt lên và gỡ chúng ra bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến. Lại có lúc họ thấy mờ mờ xa xa như những rặng núi. Đã có lần có người bám theo phao và bơi về hướng đó nhưng một lúc sau anh ta bỏ cuộc.

Một ngày nọ, sau khi cơn đói khát giết đi một số người thì trời lại trở gió. Sóng gió vẫn thường đẩy ra nhưng hình như có điều gì lạ hơn những lần trước. Quả thật vậy bầu trời chuyển mình nhanh như một tay phù thủy cao phép biến thành cơn rần rộc. Từng lớp sóng cuộn cuộn đưa con thuyền lên trời cao rồi lại dập vùi nó xuống vực sâu. Có những ngọn sóng lớn đi qua như muốn nuốt gọn nó vào trong lòng của khối nước khổng lồ. Ít người tin rằng con thuyền sẽ vượt qua được cơn thịnh nộ của biển cả. Trong khi tất cả mọi người đang như từ thì trời đổ cơn mưa xuống. Mưa rơi!

Mưa trút xuống như liều thuốc tiên tiêm vô cơ thể mọi người. Họ bật dậy giữa cơn hứng những giọt nước mát ngọt ngào của thiên nhiên. Rồi từng nhóm ba bốn người kiếm một mảnh ni lông ngồi chụm lại cố bám vào mạn thuyền để hứng nước. Họ vừa hứng vừa uống. Từng giọt nước mưa mát như ngọc thấm vào làm sống lại một phần cơ thể của họ. Họ đang loay hoay với cái lọ cái bình thì bỗng một ngọn sóng lớn ập tới kể đó là một tiếng "Bùm!" Những cặp mắt lão đảo đưa và họ thấy một thiếu niên đang cười trên đầu ngọn sóng lớn. Nhiều người chưa kịp phản ứng thì một thoáng qua, một khoảng khắc thời gian rất ngắn, họ thấy một bóng người phóng theo thiếu niên kia. Một ngọn sóng nữa ập tới. Hai bóng người đã xa con thuyền với một khoảng cách không thể cứu vãn được nữa.

Nửa phút trôi qua. Xa xa thấp thoáng hai cánh tay chới với giờ lên như muốn nói lời "từ giả". Những cặp mắt bất lực trước hoàn cảnh đau thương nhìn theo ngậm ngùi cho số phận. Từ vài ngày đầu của chuyến vượt biên khi thiếu niên và thanh niên kia gặp nhau họ đã trò chuyện và mến nhau từ đó. Hai người đã kết nghĩa anh em và thề sống chết có nhau. Trong khoảng khắc không tính toán lợi hại trước tai nạn, phản ứng của anh là lao xuống cứu người em kết nghĩa, nhưng anh ta không có thì giờ để thấy được hậu quả, hay là anh đã coi thường sức mạnh của ngọn sóng. Dù sao nữa, anh đã ra đi và để lại trong lòng mọi người niềm xúc động tha thiết và sự kính nể đối với nghĩa cử của anh. Nghĩa cử đó là niềm khích lệ và cũng là cú đánh vào lương tâm cuộc sống hỗn độn của tiểu cộng đồng đó.

Ngày thứ 44...

Chiều đã xế tà. Xa xa cuối chân biển thấp thoáng những cụm mây đan thành từng dãy núi. Mặt biển lao chao sóng. Con thuyền đã trôi tới đâu? Những lời cầu kinh rời rạc vẫn thường phá vỡ sự chơi vui và cô đơn giữa biển trời tuy lòng tin và sự phó thác nơi đáng siêu nhiên như đã phai mờ trong tâm trí họ. Hình như có nhiều người không phân biệt tiếng động của vật chất hay tiếng động của ảo giác gây ra nữa. Họ nghi ngờ với chính thính giác và thị giác của họ. Lúc này bóng đêm đã xuống. Thân xác họ vẫn cứ giằng co với cõi âm, bỗng có tiếng động cơ nổ đầu đó. Quả thật vậy, tiếng động cơ cứ lớn dần và khi chẳng còn ai nghi ngờ ở tai mắt mình nữa thì một con tàu đánh cá xuất hiện. Nó đã dừng hẳn với khoảng cách mười lăm, hai chục mét. Đèn pha đã chiếu sáng. Bên tàu kia dăm bảy bóng

người nháp nhô đang thì thầm với nhau những gì đó. Còn con thuyền xấu số thì cứ lao nhao như người sắp chết đuối chụp lấy được cái phao. Họ quì gối lấy lực xin cầu cứu và những lời van xin thống thiết cứ nã nê hiện rõ và tuôn ra từ miệng họ. Họ vút ngay xuống biển một xác chết đã tắt thở từ lúc nào mà họ chưa kịp đọc vài lời kinh siêu thoát trước sự chứng kiến của con tàu nọ. Sau một lúc lao nhao với bối cảnh đó thủy thủ tàu kia quăng sang một ít gói lương thực và quơ tay như diễn tả một tín hiệu gì đó rồi rú ga quay mũi phóng đi. Sau đít tàu in chữ "Taiwan" thật rõ. Một ít mì ăn liền, dăm bầy lon nước ngọt và chừng một chục trái cam. Bốn mươi mấy người chia nhau từng ấy lương thực. Tia hy vọng mỏng manh sẽ được cứu thoát lại hé chiếu trong tâm trí họ tuy nhiều người tiếc rằng sao con tàu kia không cứu họ. Con thuyền tiếp tục lênh đênh.

Buổi sáng bắt đầu ngày thứ 49

Bốn mươi chín ngày qua con tàu không để lại một dấu vết nào trên con đường nó đã đi qua ngoài những xác chết được thả xuống biển. Không biết họ có kịp thời giờ để chìm vào lòng đại dương hay là đã làm môi cho cá biển. Chơi vui với mê man chập chờn, họ luôn tự nhủ với chính mình chớ bao giờ để cơ thể ngủ say vì có thể chẳng bao giờ thức dậy nữa. Tuy mấy ngày qua họ đã có một ít đồ ăn nhưng chừng ấy không đủ và không kịp tới sớm hơn nên cũng đã có thêm vài người nữa đi vào lòng biển cả. Họ đã mệt mỏi mong đợi bến bờ như họ đang mệt mỏi đợi chờ cái chết.

"Con tàu kia trở lại" Giọng thất thanh của một người nào đó.

Quả vậy! con tàu đánh cá họ đã gặp cách đây chừng một tuần trở lại. Ánh mặt trời đã chiếu sáng sau đêm tối. Con tàu kia trở lại là ánh đèn chiếu vào nỗi tuyệt vọng của chuỗi ngày sống trong nỗi kinh hoàng ghê sợ. Họ cho chúng tôi mấy can dầu, thêm ít lương thực như lần trước và còn thêm vài gói thuốc lá, lửa và một vài chai rượu gì đó. Họ ra dấu hiệu chỉ cho phương hướng rồi rú ga quay mũi bỏ đi. Con tàu đã chạy được một khoảng xa thì những cái vãi lậy và cử chỉ cảm tạ mới ngưng dần.

Họ bắt đầu quay. Một lần, hai lần, nhiều lần. Máy không nổ. Nguyên ngày hôm đó họ cố lau chùi và sửa máy. Một ngày nữa lại qua đi.

Ánh mặt trời nóng dần. Họ tiếp tục với việc bỏ dở từ tối qua. Xác một thiếu niên vừa tắt thở nằm kia. Có nhóm người đang xì xào điều gì đó. Một "cuộc họp" bất chợt được điều động. Mặt trời đã đứng bóng. Nét mặt nhiều người đượm vẻ đăm chiêu. Nhát dao dựa đầu tiên cắm vào người thiếu niên kia. Kế tiếp là tiếng cắt tiếng chặt vang động khắp con thuyền. Họ múc nước biển, gỡ ván thuyền và nấu. Thịt chín kèm theo một ngụm rượu. Họ nâng chén xin tha lỗi cho nhau. Làn khói thuốc mờ mờ mỏng manh như ẩn hiện cơn mang nặng trĩu sự đã man cho mọi người.

Quay, quay, và quay. Mồi lửa vào! "Bịch..bịch..bịch.."

Mọi người ngưng ngay lời cầu nguyện nhìn nhau trừng trừng không nói được lời nào. Miệng lem nhem những vết máu thâm, họ ôm nhau hôn hít như điên. Cơ thể họ như được thượng đế thổi hơi sống vào. Tiếng la hét nổi lên. Những cử chỉ và hành động của họ lúc đó là của những người điên. Họ trấn tĩnh nhau. Vài phút trôi qua. Con thuyền nhô mũi lên và phóng về hướng mà con tàu đánh cá kia đã chỉ dẫn. Tiếng máy nổ như tiếng kêu gọi đàn cá không lơ tới. Chúng xếp thành hai hàng và phóng trước mũi thuyền như dẫn dắt nó tới bờ bến. Có phải một con cá là một linh hồn đã ra đi của con thuyền (?)

Họ trông mong dấu hiệu bến bờ.

Trời đã tối. Họ nấu tiếp "phần ăn" còn lại. Con thuyền mò mẫm tìm bến bờ trong đêm tối. Nó miệt mài. Nó không tìm được bến bờ nhưng nó tìm được mười giờ và lúc này xa xa những chấm sáng hiện ra. Tọa độ được chỉnh và trực chỉ hướng đó. Sáng dần, sáng dần. Khi chẳng ai phủ nhận đó là đàn khoan thì tiếng la khóc của mọi người là lời diễn tả vui mừng đích thực nhất của họ trong lúc đó. Một số người đã được trực thăng đưa vào bệnh viện cấp cứu ngay khi thuyền vừa được vớt. Hành trang của họ còn lại là những miếng "thịt" đem qua. Họ cố chấp chứng vụn thành lan can của đàn khoan ngó ra biển khơi. Mỗi người cho nhau một cái nhìn. Hình như tất cả đều có một cảm giác nợ nần những linh hồn đã ra đi theo biển cả. Bao bóng hồn quá vắng là đã trên mặt biển. Có lẽ chúng tôi mang ơn họ nhiều lắm. Con tàu lớn đang kéo con thuyền bé con và chột dưng nó phóng nhanh. Con thuyền từ từ ngắc ngoải chìm vào lòng đại dương. Nét khổ ải kiên nhẫn miệt mài nay đã trở về với biển cả. Tuổi đời của nó chỉ vền vẹn có một năm nhưng dù sao nữa sứ mạng của nó đã hoàn thành. Xin cảm ơn một vật vô tri.

Chúng tôi đã vào đất liền và được hội Hồng Thập Tự chăm sóc. Phải hơn một tháng sau mọi người mới tạm bình phục, và một tháng sau nữa mọi người mới có mặt trên đảo Pulau Bidong, Malaysia. Chân họ đang đứng trên mảnh đất tự do những miền đất hứa thực sự đang chờ đợi họ.

Kể từ đây họ bắt đầu cuộc sống tỵ nạn.

* Tôi không muốn nêu rõ tên thật của những người tôi đã viết về họ. Nếu có ai cùng đi chung thuyền tôi đã đi, đọc được bài viết này xin hãy coi đây là một cái nhìn của một thiếu niên 15 tuổi lúc bấy giờ.

:::Trần Văn Hương :::

Lời Nguyễn Dưới Trăng

Song Quân

Những tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ có dịp nhắc lại chuyện xưa nữa, gần 14 năm trôi qua kể từ ngày bỏ nước ra đi, xa rời cố hương yêu dấu, lia bỏ cha mẹ anh chị em, lia bỏ vợ con bạn bè và cả những khung trời thân yêu xưa cũ... Đó là cả một nỗi niềm chua xót day dứt vô vàn, tôi đã cố nhiều lần không nghĩ đến, cố không dám moi trong ký ức những kỷ niệm thân yêu ngày xưa, mà để hình dung, mà để tưởng tượng, để mà sống triền miên trong niềm hạnh phúc hư vô của một thời quá khứ son trẻ. Cũng chỉ vì mỗi khi nghĩ đến ngay tự trong tôi, trong tâm khảm của chính mình luôn hằn lên nỗi đau nhức nhối, để luôn cảnh tỉnh cho tôi biết rằng cái thời điểm diệu phúc tuyệt vời của ngày xưa ấy giờ đã qua rồi, và qua đi từ lâu và hơn thế nữa đất nước giờ đây đã ngập chìm trong màu máu tanh tưởi. Quê hương thân tiên của tôi giờ đã nằm trong tay bọn vô thần, bọn tôn vinh một thứ chủ nghĩa ý thức hệ quái đản.

Đau đớn đã quá nhiều rồi, và thêm vào đó có cần phải chắc lại không? Gọi ra làm gì những chua xót của chuyện vượt biên đầy gian nan, đầy sóng gió trên biển cả mênh mông, vật vờ với thiên nhiên để cốt tìm một chân trời nào đó, nơi có tình người, có lẽ sống, một nơi mà con người có đủ thứ tự do căn bản định hướng cho cuộc đời, một nơi có đời sống văn minh nhân bản đúng nghĩa của nó. Và để có được những điều ấy mà hơn hai triệu người Việt Nam nói chung và bản thân tôi nói riêng, đã phải đem sinh mạng của chính mình ra đánh đổi như một canh bạc, được thì có tất cả, thua thì cũng đành phó mặc cho số phận vậy.

Riêng bản thân tôi may mắn nhờ ơn trên phù hộ đã đến được bến bờ bình an, dù cho cuộc hành trình này chúng tôi đã trải qua ít nhiều chua xót và đầy xúc động, tàu chúng tôi tuy không gặp những hiểm nguy kinh khủng nhưng những cơn bão tố khốn khổ khác nhau ít nhiều biến chuyển định mệnh trong chuyến đi cũng đã làm cho tôi ray rứt xót xa một thời gian dài. Gần 14 năm trôi qua rồi. Thật sự thời gian đó không đủ để cho tôi xóa đi những hồi ức cũ và có thể trong tương lai vĩnh viễn một kiếp đời tôi sẽ không thể nào quên những cảm giác bàng hoàng thảng thốt của tôi khi ấy.

Câu chuyện dưới trăng trên biển cả mênh mông đêm ấy đối với tôi không có giá trị như một kỷ niệm đẹp đầy lãng mạn trữ tình, mà thay vào đó là một lời nguyện đáng sợ báo trước một cái chết đầy tức tưởi, đau thương của một cô gái... Bao năm tháng đã trôi qua rồi, biết bao vật đổi sao dời, dòng đời cứ thân nhiên trôi nhưng lòng tôi cứ mãi quặn thắt, nỗi ray rứt luôn gặm nhấm tâm khảm không bao giờ nguôi ngoai, mỗi lần nghĩ lại, nhớ lại buổi nói chuyện đêm ấy dưới trăng vắng vặc và tôi không bao giờ ngờ rằng chính tôi là người được chọn để báo trước cho một định mệnh đầy đau thương tức tưởi... Mãi đến hôm nay dù đã quá xa, quá lâu đi rồi, cái kỷ niệm buồn xa xưa đó tôi đã luôn dẫn nó trong ký ức của mình, và mãi mãi vẫn còn trong tiềm thức và luôn hiện hữu trong cuộc đời tôi không bao giờ quên nổi.

Tình cờ lại có chương trình kể chuyện biển đông, hiểu được ý nguyện của những người tổ chức, thật sự trong tôi những cảm giác rung mình xa xưa trở về thôi thúc mãnh liệt. Cái ý tưởng của ban tổ chức thật là hay, chỉ nghĩ đến thôi là tôi đã thấy tâm tư tôi nhẹ hẳn đi. phải kể ra thôi. Tuy rằng với bạn đọc thì đây chỉ là một chuyện nhỏ thương tâm so với những hải hùng của bao chuyến tàu bạc mệnh khác, nhưng đối với tôi là người trong cuộc được nói ra, được chia sẻ về những ân ỨC về tâm lý có lẽ rồi tôi sẽ được nhẹ nhàng thanh thản cõi lòng hơn chẳng? Bài biết này tôi không mong gì hơn trước là cất đi gánh nặng trong lòng mình và hơn thế nữa là hy vọng sẽ góp thêm vào lịch sử một chút đau thương mà dân tộc mình vốn quá nhiều thiệt thòi đau khổ, mong lắm thay!

Trước tiên tôi muốn hỏi các bạn có tin vào tâm linh hay không? Các bạn có tin vào sự linh cảm huyền bí báo trước những điều sắp xảy ra không? Và sau nữa là những giấc mơ trong đó được kết thành bởi những ám ảnh nặng nề về tinh thần, về những giác quan mà hiện nay khoa học chưa giải thích được. Riêng tôi thì tôi tin lắm, tôi tin tưởng vô cùng bởi vì chính tôi là một nhân chứng được chứng kiến những điều kỳ lạ đó. Tôi muốn kể một câu chuyện xảy ra cho tôi và một chuyện nữa bí ẩn hơn, cảm động hơn và tràn đầy thương tâm đã xảy ra cho một cô gái đi chung tàu với tôi.

Trường hợp của tôi có thể là do một ám ảnh mơ hồ nào đó mà vì quá ao ước nên trong vô thức tôi đã cảm nhận được. Số là sau 30 lần đi không lọt. bị bẫy, bị rượt chạy cũng có, rồi xuống tàu nhỏ đón hớt tàu lớn cũng có, có khi lên tàu lớn rồi không ra cửa biển được, rồi nào bị gạt, bị gài. Tổng cộng tôi bị đưa đi gỡ lịch 2 lần gần 3 năm, có như vậy mới nếm được mùi đời, mới rõ được bộ mặt gian trá của lũ cướp đã làm đau thương và nhục nhã cho cả một dân tộc.

Có như vậy tôi mới rõ được quyết định bỏ nước ra đi của tôi là hoàn toàn đúng, những chuyện bị gài, bị bắt... không hề làm tôi nản trí sờn lòng, những việc đó chỉ làm tăng thêm trong tôi sự quyết tâm thực hiện cho kỳ được, vì luôn luôn tôi quan niệm rằng ở đời này muốn làm một điều gì trước hết phải có ý chí, nghị lực, cộng thêm vào đó một chút may mắn nữa thì hy vọng thành công sẽ rất lớn, vì vậy thua keo này tôi cố tìm, cố bày keo khác. Đầu năm 1989 tình cờ tôi được bạn bè giới thiệu qua Miền đi, tôi muốn nói gọn ở điểm này vì lẽ khâu tổ chức cũng chẳng

khác gì những nơi khác, quần quanh cũng chỉ bằng nấy chuyện nên dù có kể ra cũng sẽ làm bạn đọc nhàm chán thôi. Và lại bài viết có giới hạn nên tôi muốn đi vào câu chuyện chính ngay.

Vào thời điểm sau cùng được thông báo lên đường, cái chân tôi vẫn còn đau lắm. Trước đó một tuần chúng tôi đi Hồng Ngự, sau đó qua bến phà Nek Lưong để vào Miên thì rủi xe bị lật ở ngã ba An Hữu, vì là xe khách chạy lậu nên họ chỉ chở những người bị thương nặng đến bệnh viện thôi, còn sơ sơ nứt xương ngón chân như tôi thì họ bỏ mặc cho nằm đó, cổ gượng đau tôi leo lên ruộng và bao xe ôm về Sài Gòn, tôi vào ngay bệnh viện bó bột và bất chấp lời khuyên của bác sĩ phải dưỡng ba tuần, tôi đón xe đò khác đi ngay cho dù cả thân mình đau ê ẩm và xương ngón chân bị nứt hành tôi nhức nhối vô cùng. Ngay tối hôm đó tôi tới Nam Vang và gần một tuần sau thì được tin chuẩn bị đi, sau khi biết chắc chắn là đi tôi mượn cưa, cưa bỏ ngay lớp băng bột đi.

Sáng hôm sau bằng nhiều phương tiện chúng tôi được tập chung trong một nhà kho kín đáo và nằm chờ xe đến. Trời hôm ấy nắng nhẹ, gió mát thổi từng cơn làm dịu cả lòng người, lòng tôi rộn vui vì nghĩ đây là một điểm lành và yên tâm ngồi chờ xe đến. Sự háo hức và hồi hộp làm tôi đánh mất óc nhận xét và phán đoán, xe chạy ngang qua trung tâm thành phố mà hầu hết là chung cư, vì vậy ai có ngồi trên lầu tình cờ nhìn xuống sẽ thấy rõ chúng tôi mòn một vì chúng tôi chẳng có gì để che dấu cả, ai này chỉ cố thu mình cho gọn lại, chỉ ước ao mình nhỏ như kiến để chẳng ai nhìn thấy...và thế là việc gì đến phải đến, xe chúng tôi ra khỏi thành phố vừa gần đến ngã ba Svay Rieng là một đoàn xe Cup Honda rượt theo vây chúng tôi lại, nhìn những tên công an răng hô mã tấu hí hửng cười lòng tôi lại quặn thắt ngáo ngán thở dài...Ôi ông trời ơi! chúng tôi có tội lỗi gì đâu, chúng tôi có đòi hỏi gì đâu, chỉ mong được sống yên ổn tự do và cái điều ấy chúng tôi đã có được hưởng và vào một cái thời điểm đen tối mà chúng tôi đã bị cướp đi một cách đầy tức tưởi và trắng trợn...Ôi, ơn trên sớm cho chúng con thoát khỏi những trần áp bạo tàn, xin ơn trên phù hộ cho chúng con sớm được hưởng một đời sống yên ổn tự do và hạnh phúc.

Thế rồi bỗng dưng không hiểu là tôi có lòng thành tâm cầu khẩn hay là một ám ảnh ao ước về tâm lý quá lớn mà tự nhiên có chuyện lạ xảy ra, là khi chúng đem chúng tôi về đồn, gom chúng tôi lại một chỗ trong khi làm thủ tục đem nhốt thì bỗng nhiên tai tôi nghe văng vẳng một tiếng nói: "Đi đi, hãy đi về đi!"...và tự nhiên có một lực kỳ lạ hay là bản năng thôi thúc mà tôi đã bước qua những tên công an cô hồn đang canh gác gần đó và ra đường cái trốn mất. Sau này các bạn bị bắt chung có hỏi sao liệu thể và thực sự tôi đã không trả lời được.

Một tuần sau khi đã chuộc mọi người ở tù ra đồng đủ là chúng tôi lên đường ngay, kỳ này cẩn thận hơn chúng tôi...Được thoải mái ngồi trên một chiếc xe bus du lịch xuôi về hướng cảng Shihanoukville. Vài tiếng sau xe rẽ vào một cánh rừng và từ đây chúng tôi phải băng rừng mà đi, đến lúc này thân tôi mới thật khốn khổ, hai ngón chân chưa lành nhức nhối vô cùng mà đi trong rừng thì mạnh ai nấy theo bước chân người kia, họ đi gần như chạy vậy, khổ thân tôi phải cố nhịn đau ráng theo cho kịp. Tôi cứ leo đèo đi theo sau cùng, hai chân gần như mất hẳn cảm giác, cũng may ở trong rừng mau tối, mọi người phải đi chậm lại nhờ vậy tôi cũng ráng theo kịp.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đến bờ biển, nơi này khuất nẻo, như một cái vịnh nhỏ, cách xa bờ khoảng 200m đã có sẵn một chiếc tàu neo ở đó, lù lù đen đặc trong đêm tối. Cùng may lần này có chủ đi theo tiễn đưa nên mọi người được sắp xếp lên tàu đầu vào đó, sự hỗn loạn khi lên tàu không diễn ra như một vài lần trước tôi đã bị. Khi mọi người đã yên vị trí là chúng tôi khởi hành ngay, đêm ấy thời tiết mát mẻ, chung quanh đều an ổn tạo cho tôi một cảm giác sáng khoái vô cùng. Đứng trên mũi tàu nhìn trời nước một màu đen sẫm, sau lưng là núi rừng trùng điệp âm u, xa xa bên phải những bọt sóng đèn lẳng quăng hiu hắt trải dài quần quít trên mặt nước đen ngòm rọi từ cảng Shihanoukville. Những le lói vàng ảo trong bóng đêm mờ mịt bất chợt gọi cho tôi chạnh lòng nhớ quê nhà, nhớ gia đình cha mẹ vợ con và nỗi buồn ly hương man máng dâng lên đầy cảm xúc, đúng là:

Thôi thế cũng xong một đoạn đời
Giã từ cố quận, lệ đầy vơi
Sầu dâng tê tái hồn vong quốc
Khóc kiếp giang hồ phận nổi trôi

Đã ba ngày đêm rồi vẫn chỉ toàn mênh mông trời nước một màu, xa xa thỉnh thoảng xuất hiện một vài chấm đen ở chân trời xa thăm thẳm, khi ẩn khi hiện, sự thèm khát đủ thứ luôn tạo cho chúng tôi những cảm giác lạ lùng, những cơn nóng bức như thiêu như đốt dưới ánh mặt trời sáng tạo thêm nhiều ảo ảnh giả tưởng kích thích vô cùng sự đói khát mà chưa bao giờ chúng tôi gặp phải. Rồi ngày cũng qua đi, chiều đã tàn, hoàng hôn buông xuống khi mọi người đang ngầy ngật ngủ say mê mết, tôi chợt sáng khoái một chút vì khi đêm về cũng chính là lúc tôi mệt nhất vì suốt cả ngày tôi rất là bận rộn, khi thì đun đوك anh em bơm nước ra, khi thì người này sốt người kia ỏi, khi thì bận chia nước cho đều, và lại còn phải canh giữ hai thùng nước nữa, khi rảnh tay một tí lại leo lên mũi tàu quan sát khắp phương trời để mong tìm một cứu cánh nào đó, cho dù tôi vẫn biết rõ rằng điều đó khó còn có thể xảy ra nữa khi cả thế giới đều đã quá mệt mỏi với người tị nạn Việt Nam, và cũng như chúng tôi không ngờ rằng những ngày chuẩn bị xuống tàu ra đi là ngày các trại tị nạn Đông Nam Á đóng cửa vĩnh viễn.

Đêm thứ ba rạng ngày thứ tư, như thường lệ tôi ra sau lái nằm nghỉ một chút, vừa mới chợp mắt mơ màng thì nghe có tiếng động nhẹ, mở mắt nhìn thì ra là một cô gái người Hoa ngồi ở trong cabin, những ai có con nhỏ chúng tôi đều ưu tiên dành cho họ chỗ tốt. Và đây là những gì chúng tôi đã nói với nhau tôi vẫn còn nhớ được phần nào.

Cô ấy nhẹ nhàng hỏi tôi bằng tiếng Việt khá chuẩn:

" Xin phép anh cho em nằm cạnh được không?"

Ngạc nhiên tôi vội đáp:

" Không sao cô nằm đi, nhưng sao cô không ở trong cabin, ở ngoài này đêm khuya khá lạnh và gió dữ lắm."

Cô lắc đầu bảo:

" Anh cứ cho em nằm đây đi, em không hiểu sao em sợ quá! Em lạnh và cô độc quá! Em lại vừa nằm mơ thấy lạ quá nên em sợ, em run quá, em muốn nói với anh điều này..."

Cô tuân một hơi không đầu không đuôi, tôi chẳng hiểu gì cả, và tôi cũng thấy lạ lùng nữa, vì cô ở trong khoang đã ba ngày đêm rồi, suốt ngày chỉ ôm con nằm ngủ thôi...Tôi cũng khá mệt nên không còn thì giờ thắc mắc nữa, tôi nhích qua và đưa mền cho cô đắp. Cô vừa run rẩy vừa thỏ thức...

Tôi hỏi lại:

" Cô lạnh hả? Cô đau hay sao? Có cần thuốc không?"

Thì bỗng nhiên cô bật khóc, cô nói như mê sảng:

" Anh ơi em sợ quá! Em lạnh quá! Áo quần em ướt hết rồi "

Tôi thấy kỳ kỳ lại hỏi tiếp:

"Cái gì vậy? Cô làm sao vậy? "

Cô sụt sùi khóc và nói trong tiếng nấc nghẹn ngào:

"Anh ơi em mơ thấy kỳ lạ quá! Em thấy có một người đàn bà tóc xõa rũ rượi, mặc một cái áo dài trắng toát, bà ta lướt đi chậm chậm trên mặt nước, đến gần em bà chỉ ngay mặt em mà nói, ta nguyện rằng người phải đi khỏi nơi đây để lo cho con và cho mọi người. Vừa nói bà vừa vẩy nước vào mình em , lạnh quá và sợ quá nên em giật mình tỉnh dậy, em không dám ở trong đó nữa. Ôi em sợ quá!..."

Rồi cô lại thở hắt ra, đôi mày nhướn lên sáng rực trong một thoáng rồi lại mơ màng xa xăm và rồi cô bật ngồi dậy như chợt tỉnh, rồi...run giọng cô nói:

" Anh ơi em tin anh! Cho em gửi con anh chăm sóc giùm, bé Mimi nó còn nhỏ lắm, em chỉ tin anh thôi, anh nhớ nghe anh!"

Rồi cô lại lăm bầm gì đó xong lại nằm vật xuống hai tay khua nhẹ trước mặt, cô bắt đầu cất tiếng hát, giọng ca của cô nghe khàn khàn buồn não ruột và ngậm ngùi đứt quãng, tuy không hiểu lời vì cô hát bằng tiếng Hoa nhưng bản nhạc này tôi có biết. Đây là một bản nhạc hay của vùng Trung Mỹ và tôi được nghe bằng tiếng Anh do hai ca sĩ nổi tiếng thập niên 60 ca, đó là bản "El Condo Pasa" do Simon & Garfunkel hát. Tôi nghe đã nhiều lần nhưng đây là lần đầu tiên tôi được nghe bằng tiếng Hoa, lời thì tôi không hiểu nhưng tôi cũng cảm nhận được âm hưởng của cô hát như chất chứa cả một nỗi niềm tuyệt vọng đầy nỗi ưu sầu như mang cả những lời tạ từ mãi mãi đi về cõi hư vô nào...

Đêm đã về khuya lắm rồi, tôi cảm thấy hơi nhức đầu và mệt mỏi thực sự, muốn an ổn để ngủ một tí nên tôi rời cô leo lên nóc cabin nằm, và chẳng bao lâu tôi thiếp đi để rồi bật choàng dậy lúc gần sáng khi nghe có tiếng hét: " Có người rớt xuống biển "

Tôi cố mở mắt nhìn, sau đuôi tàu kéo dài hai vệt nước vẫn còn hơi mờ mờ sương sớm, tôi còn nhìn thấy một cái đầu người hai tay đang quạt nước, tạm yên tâm vì nghĩ rằng người đó biết lội, tôi cũng la hét phụ cùng mọi người, hỏi tài công quay lại. Đến khi tàu quay sát lại bên người rớt xuống, tôi vẫn không biết đó là người nhảy xuống cứu mà cứ nghĩ rằng đó là người bị rớt xuống biển, trời mới hùng sáng ai cũng còn say ngủ, nên chẳng ai biết gì, thực sự nếu tôi biết rằng cô ấy rớt xuống biển không hiểu tôi có nhảy xuống cứu không? Và xuống rồi thì số phận tôi sẽ ra sao khi đang mặc bộ đồ ẩm dầy như đang mặc? Như vậy có phải chẳng lời nguyên kia đã ứng nghiệm và cô ấy đến số phải ra đi, đi cho con cô ấy và chúng tôi được sống.

Tôi còn nhớ rằng tâm trạng tôi lúc ấy bình ổn trở lại khi trên tàu quãng giây xuống cho người ấy leo lên, và cũng chẳng bao lâu sau tôi lại bức bối vô cơ vì vòng đầu không cứu được, lý do là trên tàu quãng dây xuống nhưng lại không cột vào tàu, phải đến vòng hai mới cứu được...Sau khi thoa bóp, chà sát bằng dầu nóng, thì anh kia tỉnh lại. Bằng một giọng yếu ớt hoảng hốt anh cho hay một tin kinh hoàng rằng anh chỉ là người nhảy xuống cứu, còn người kia thì tuột tay mất rồi, chúng tôi xúc động quay lại vòng vòng tìm, riêng tôi khi biết người rớt xuống biển là cô ấy thì tôi đã run rẩy toàn thân. Một nỗi xúc cảm trào dâng ngùn ngụt, tôi đã la hét không cho tàu bỏ đi mà quay lại hai ba vòng để tìm, nhưng hơi oi chỉ là vô vọng. Đó đây chỉ là sự mệnh mông im lặng ghê rợn, không một nơi nào có dấu hiệu vừa cướp đi sinh mạng một cách phũ phàng, thật là đau đớn và nỗi đau càng tăng lên khi anh bạn đã hồi tỉnh kể lại rằng anh dậy sớm nấu cơm và kịp nhìn thấy cô ấy hụt chân rơi xuống là anh bay theo xuống và chụp kịp được, anh bảo cô bình tĩnh chờ tàu quay lại, và khi tàu quay lại sát bên anh chụp được dây từ trên tàu ném xuống anh đã bảo cô: " mình sống rồi, cô vịn vai để tôi phăng dây ", nhưng hơi oi đầu dây kia trả lại không cột vào tàu, khi anh phăng sợi dây thì tàu từ từ trôi đi, người anh bắt đầu chìm xuống và ngay khi ấy vai anh nhẹ hẫng đi, cô ấy đã buông anh ra mà đi rồi, tay chân anh lúc ấy mỏi nhừ, anh đã đuối không còn cách gì chụp lại cô ấy được...

Thế là cô ấy đã đi, đi thật sự rồi, cô đi một cách đầy đau xót, đi để ứng với lời chiêm bao cho một lời nguyện siêu nhiên không thể tránh được, cô ấy đi cho bé Mimi và chúng tôi được sống, một sự ra đi huyền bí đã được cô ấy linh cảm trước, những gì cô ấy nói với tôi đêm qua giờ trải ra rõ ràng và tôi là người đã được cô chọn để trao gởi và trở trăn cho những ước muốn sau cùng, mà vì một mối tôi không nhận ra được, mà nếu có nghĩ đến thì tôi cũng chỉ kết luận là cô ấy vì quá lo nghĩ khiến thần kinh bị căng thẳng nên nói năng hồ đồ lẫn cảm vậy thôi.

Khi đã hết cách rồi cũng đến lúc phải tiếp tục hành trình, lòng lâng lâng đau xót tôi rót dâng cô một chum nước, một ít cơm, ít cá khô và chân thành khẩn vái: "Kính xin linh hồn cô sớm được siêu thoát và xin cô phù hộ cho tàu chúng tôi đến được bờ bên bình an. Về phần cháu, chúng tôi xin hết sức chăm sóc và sẽ tìm cho cháu sớm được đoàn tụ với gia đình". Và thật kỳ diệu, tuy tai nạn vẫn còn tiếp diễn kể cả những khi tôi cận kề với cái chết khi tàu bị hư máy lênh đênh trôi dạt trên biển cho đến khi gặp được một tàu đánh cá Thái Lan. Không cần biết là loại người gì, hiền hay dữ, chúng tôi chèo chống đến sát bên rồi tôi và một người bạn uống mấy ngụm nước mắm cho ấm người xong là nhảy xuống biển lội qua tàu họ bám lưới leo lên, mặc cho họ dí búa hăm dọa, vì ở lại cũng chết thôi thì cứ lì lợm mặc may còn có cơ sống sót. Có lẽ nhờ vong hồn cô độ trì nên chúng tôi nhẹ dạ nghe lời chúng tôi, không lấy vàng bạc chỉ vét hết số tiền Miên chúng tôi còn giữ lại và sau đó họ kéo thuyền chúng tôi vào bờ, khi ấy trời đã gần sáng, xa xa tím mù là một dải đất mờ mịt, thì cũng vừa lúc họ cắt dây kéo tàu, vì họ được lệnh không được cứu người tị nạn.

Chúng tôi tranh thủ chèo bằng mọi phương tiện trước khi gió đổi hướng thổi ra khơi, nhắm hướng nơi vệt đen thăm thẳm ấy là đất liền, là cội sống, là nơi chúng tôi bắt đầu sống cho một cuộc đời mới, tươi sáng và có ý nghĩa hơn. Phông chừng hai tiếng đồng hồ sau tàu chúng tôi tiến gần sát bờ, khi ấy những tàu đánh cá Thái Lan mới hay biết, họ ào ra hơn mười chiếc vây bọc lấy chúng tôi lại.

Đến đây xin kết thúc câu chuyện, với các bạn câu chuyện này có chăng chỉ đem lại một xúc cảm nho nhỏ đáng thương thoáng qua rồi cũng sẽ vào quên lãng, nhưng với tôi, được kể ra sự thật những trần trở trong lòng tôi cũng vui đi ít nhiều. Ôi nhẹ nhõm biết bao khi tạm không cất giữ trong ký ức những hoài niệm với quá nhiều chuyện chưa xốt. Tôi xin kể nốt những điều sau cùng của câu chuyện thương tâm này.

Vì tôi là đàn ông nên không tiện giữ cháu bé của gười con gái vẫn số kể trên, vì vậy cả tàu đồng ý giao cho mẹ của chủ tàu nuôi, thỉnh thoảng chúng tôi đến vui đùa với cháu, và có một đôi lần đang nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Việt thì cháu quay lại ngay giữa trời mà nói bằng tiếng Hoa như là đang nói chuyện với ai đó, làm cho chúng tôi phải rùng mình. Cháu ở được nửa năm thì VNHCRCR cho đưa cháu về Việt Nam theo yêu cầu của bố cháu, vì anh ta không muốn bé Mimi qua Canada đoàn tụ với gia đình bà ngoại. Tôi cũng có liên lạc với người nhà ở Việt nam để thỉnh thoảng đến thăm cháu.

Thêm một điều nữa vẫn còn gây thắc mắc trong tôi là khi tôi kể lại câu chuyện thì có một anh bạn người Hoa nói: "Nghe anh kể mà tôi rùng mình" Hỏi vì sao thì anh ta đáp: "Tôi còn nhớ bản nhạc cô ấy hát có câu: xin cha mẹ tha thứ tội bất hiếu của con, con xin mượn dòng nước này đưa con về với gia đình". Lời anh ta dịch đúng hay không thật sự tôi không biết. Chỉ xin kể lại với một sự đồng cảm trong nỗi chưa xốt đến tận cùng.

Cuối cùng tôi xin được mượn những dòng chữ này để kính dâng lên cô lời khấn nguyện cho linh hồn cô sớm được siêu thoát nơi cõi vĩnh hằng, và mong cô tha thứ cho tôi đã không làm tròn được ước nguyện sau cùng của cô.

Người ta thường nói chết là hết, giữa cô và tôi mình có quen biết gì nhau đâu thế mà sao bao năm qua rồi lòng tôi sao vẫn còn nhiều cay đắng thế.

Ôi!

Ngỡ ngàng trông như một giấc chiêm bao

Thoảng không rơi rụng giữa ba đào

Thương kiếp hồng nhan đà bạc mệnh

Hồn phôi phách rụng lá nơi nào!

:::Song Quân:::

* An Trần

* Học lực: Năm thứ nhất Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.

* Nhập ngũ: 23-9 -1973 tại trường Đồng Đế, Nha Trang.

* Ra trường: 15-9-1973

* Phục vụ tại: Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang

* Chức vụ: Sĩ Quan Huấn Luyện Không Quân Phi Hành

* Vượt biên: năm 1989

* Sang Pháp năm 1991

* Sang Mỹ năm 1995

* Hiện cư ngụ tại Garden Grove, California

Đẹp Mãi Mùa Xuân

Từ Khắc Nguyên

* Nhân vật chính trong truyện " Đẹp mãi mùa xuân" chính là cô em dâu trong gia đình.
Hiện nay cô đang làm chủ nhà hàng Thanh Thảo tại Portland, Oregon

Lần đầu tiên tại thành phố Portland (Oregon), Hội Mỹ Thuật Việt Nam Hải Ngoại có tổ chức một buổi triển lãm tranh của năm họa sĩ Việt Nam, hiện nay đang định cư tại Hoa Kỳ. Riêng họa sĩ Tô Hải mới đặt chân đến đất Mỹ vài năm nay. Vì trục trặc về lý lịch, giấy tờ nên sau một đợt thanh lọc cuối cùng ở một trại trên hòn đảo tại Nam Dương, anh mới được đi. Hải đã trải qua thời gian 10 năm trong cảnh cùng cực, nhưng với túi đồ nghề anh mang theo trong lúc vượt biên, chỉ với cây cọ và một số màu sắc, anh đã ghi lại hình ảnh của biển khơi và một số màu sắc, ghi lại mây trời và núi biếc xung quanh anh như một an ủi, một niềm vui.

Hải lại là một họa sĩ thích vẽ về biển. Từ con tim và trí óc cùng với niềm say mê vẽ đẹp, tư tưởng anh trong khi vẽ hình như bay bổng và chan hòa vào cõi mệnh mang của biển cả, mây cao và núi non hùng vĩ ngút ngàn. Anh cũng muốn vẽ làm sao cho ngọn sóng dâng trào, như nghe được tiếng vỗ vào mỏm đá, vẽ làm sao cho cánh buồm no gió mà hình như nghe được tiếng gió hú, đánh bật được cả cánh chim biển ngoài khơi. Người họa sĩ khi vẽ không phải chỉ là người chỉ biết chụp lại cảnh vật mà thực sự là một "Tiểu Tạo Hóa ". Bởi vì một bức tranh có giá trị nghệ thuật phải do chính con tim và khối óc tác giả tạo nên, trong đó họa sĩ, có quyền thêm chỗ này một chút, bỏ bớt chỗ kia đi và thêm màu sắc cho cảnh trí được hoàn chỉnh và tươi đẹp hơn.

Trong phòng triển lãm, khách vào thăm mỗi lúc một vắng đi. Bỗng có một người đàn bà ăn mặc sang trọng, tóc cắt ngắn, mang gọng kính vàng, tuổi độ trung niên, nhưng còn giữ được nét đẹp và trẻ trung bước gần đến họa sĩ Hải và hỏi:

- Xin lỗi, ông có phải là họa sĩ Tô Hải không ạ?

- Dạ phải.

- Tôi muốn mua bức tranh " Thù Biển" ở đằng kia, ông tính bao nhiêu?

Hải lưỡng lự một chút rồi trả lời:

- Thưa bà bức tranh đó không bán chỉ để tặng một người. Bà có thể mua các bức họa khác về biển như: Biển Đỏ, Biển Động, Biển Giận, Khóc Biển...

Người đàn bà sau khi nghe Hải nói, hơi cau mặt, nhưng sau đó lại mỉm cười:

- Người được ông tặng bức tranh chắc phải rất đặc biệt đối với ông?

- Vâng, đó là người đã tạo nên một kỷ niệm khó quên trong cuộc đời họa sĩ của tôi.

Người đàn bà không nói về bức tranh nữa mà hỏi anh Hải:

- Sau này tôi muốn liên lạc thì địa chỉ của ông ở đâu?

- Bà có thể tiếp xúc với văn phòng Hội Mỹ Thuật ở đây.

Người đàn bà cảm ơn rồi vội bước ra cửa. Trong khi đó Hải nhìn theo và tự nghĩ không biết người đàn bà này là ai? Ngoài khung cửa, Hải nhìn thấy ánh nắng chiều sắp tắt lịm và ánh đèn đường đã bắt đầu bật sáng, khiến anh lại nhớ đến buổi chiều được đặt chân lên dàn khoan dầu trong hải phận Nam Dương vào một buổi chiều năm ấy.

Hải nhớ rõ cuộc hành trình đi tìm tự do hơn Mười năm về trước. Chiếc ghe máy trở gàn 70 người, kể cả tài công, hoa tiêu và thợ máy âm thầm rời bến thuộc ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Chuyến đi đó thật là thuận buồm, xuôi gió như ước nguyện của mọi người. Họ lênhênh trên biển cả suốt năm ngày đêm, chỉ nghe tiếng sóng vỗ vào mạn ghe và ngửi thấy mùi mặn chát của nước biển. Có lúc họ nhìn thấy tàu buôn của một vài nước, họ đánh tín hiệu cầu cứu, nhưng không một tàu nào đáp lại. Họ hiểu rằng lòng nhân đạo đối với thuyền nhân trong những năm gần đây đã bắt đầu mệt mỏi rồi. Thế mới biết yếu tố thời gian thật cay nghiệt. trước ngày 30-4-1975, chỉ vì trể mất mấy phút bận bịu với vợ con, con tàu Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đã rời bến ra đi vĩnh viễn mà anh phải trả giá quá đắt: Bị ở tù CS gần chục năm, vợ con trách móc vì cuộc sống đói khổ, nhưng chỉ bốn năm sau đó, vợ con anh đã vượt biên cùng gia đình bên ngoại và hiện nay sống tại Mỹ. Khi ở tù về, dù có bạn bè níu kéo anh vào những hội nghệ thuật này, hội nghệ sĩ kia, anh cũng quyết tâm ra đi. Một người bạn đã nói với anh:

- Anh chỉ có vẽ thôi, có làm chính trị, chính em hay làm cho nhà nước gì đâu mà sợ!

Hải Trả lời ngay:

- Không đơn giản như vậy đâu bạn. Như anh đã biết, chính sách của Đảng và Nhà Nước là tất cả đều phục vụ cho một chế độ, nhất là văn hóa và văn nghệ. trong thời gian tôi bị tù ở miền Bắc, có dịp tiếp xúc với một số phạm nhân, trước đây là những cán bộ CS. Có anh cán bộ (bị tù về tội kinh tế) khi gặp tôi đã hỏi đùa: " Kê chiến thắng và người bại sao lại gặp nhau ở đây?" Người khác lại hỏi tôi: " Anh làm gì?" - " Tôi chỉ là một họa sĩ ". Bọn họ rú lên cười và nói: " Cứ vẽ linh tinh là vào tù một gông đấy cậu ạ ". Rồi họ kể cho tôi nghe câu chuyện này: Năm 1960 - 1961, miền Bắc bị hạn hán, mất mùa, "Nhà Nước" đưa ra chiến dịch "Chống hạn " và mỗi người, mọi người đều phải tham gia. Nhà thơ thì có câu " Vất đất ra nước thay trời làm mưa " Một anh Họa sĩ ở tỉnh Hải Hưng thì vẽ một

bức tranh, hai người đàn bà xắn quần trên đầu gối, đang tát nước bằng gầu dây từ một ruộng lúa thấp lên một thửa ruộng cao, đang trồng ngô, đất thì nứt nẻ và ngô thì đang héo, sắp chết. Ông họa sĩ này phải đi cải tạo hơn 10 năm đấy!

Hải nói với họ như một câu hỏi lại:

- Đâu có dễ gì đi cải tạo như vậy?

Rồi một người trong bọn họ giải thích như sau:

- Đàng rất sáng suốt và lại đa nghi nữa. Này nhé! Ông họa sĩ vẽ như vậy làm cho " ĐỒNG khô cạn" mà lại có ý đồ " Cứu sống chế độ nhà NGÔ". Như vậy đi tù là đúng thôi!

Hải đã tranh luận với đám bạn bè và đưa ra những bằng chứng cụ thể để quyết định cuộc ra đi, nhưng lý do chính đáng nhất vẫn là được đoàn tụ với vợ con trên một đất nước tự do. Trong khi Hải còn đang miên man nghĩ tới những chuyện đầu đầu, mặt trời ở phía tây trên biển rực cháy lúc nào, nay đã ngả sang màu xám. Một ngày nữa lại qua đi, những người trên ghe đã thấm mệt và niềm thất vọng như bóng tối vây quanh đang bắt đầu ụp xuống thật nhanh trên niềm tin, niềm hy vọng của mỗi người. Lúc đó, có tiếng la của một người đàn bà làm cho những người khác chợt tỉnh dậy như từ cõi hôn mê:

- Trông kia! Có tàu ở đằng kia. Làm sao họ cứu chúng ta?

Tiếng người trong ghe bỗng nhao nhao lên nhìn theo hướng ngón tay chỉ của một người đàn bà, trẻ, mặc bộ bà ba đen. Người điều khiển chiếc ghe đã cố gắng hết sức cho ghe chạy thật nhanh về hướng có cột sắt cao và đèn điện sáng, nhưng khi đèn gần thì nó chỉ là một giàn khoan dầu trong hải phận Nam Dương. Trong lúc mọi người yên lặng, không biết xử trí ra sao, thì Hải đề nghị với những người có trách nhiệm trên ghe đánh tín hiệu S.O.S và cho một số thanh niên khỏe mạnh bơi giỏi nhảy xuống biển. Họ đã làm như vậy và từ giàn khoan đã có tàu ra cứu những người tị nạn này.

Khi những thuyền nhân may mắn này đang cảm thấy quá vui vẻ, tràn đầy những hy vọng vì được đặt chân lên một nơi an toàn, đầy đủ, không một ai bị tai nạn hoặc bị chết thì chỉ một lúc sau, người phụ nữ trẻ, mặc bộ bà ba đen, người đã nhìn thấy giàn khoan đầu tiên, lúc này mặt biển sặc, chạy tới, chạy lui và hỏi hết người này đến người khác:

- Chồng tôi đâu rồi? Ai có biết chồng tôi ở đâu không? Cả gia đình tôi đã lên hết trên này rồi mà!

Người vợ và 5 đứa con nhón nhác chạy đi tìm, cuối cùng họ đã phát hiện ra đôi dép của người mất tích nằm trên bậc thang, nơi tiếp giáp với mặt biển. Những người làm việc trên giàn khoan đã tìm đủ cách để tìm kiếm người mất tích, nhưng vô hiệu. Họ cho rằng cá mập đã mang người đàn ông vẫn số này ra biển khơi và không để lại một dấu tích gì. Niềm vui được cập bến của gia đình anh An chưa được bao lâu, thì nỗi đau khổ vì mất người chủ gia đình ập đến như một tai nạn kinh hoàng, làm sững sốt trong nỗi tiếc thương của những người cùng đi chuyến này.

Sau này hải được biết rõ, anh chị An có 5 con, cả gia đình chỉ sống bằng mấy mẫu ruộng. Chính quyền CS đã sát nhập ruộng của anh vào Hợp Tác Xã Nông Nghiệp. Nhà chỉ có hai lao động thì cuộc sống thật thê thảm. Cuộc vượt biên của anh chị An đúng là đi tìm một "Sinh Lộ" chứ anh An chỉ là một Hạ Sĩ Quan trong QLVNCH, bị đi học tập có 3 ngày thì có đáng ngại gì. Chị An như kẻ mất hồn giữa bầy con nheo nhóc mà đứa nhỏ nhất cháu Lệ chỉ chưa đầy hai tuổi. Rồi cuộc sống sẽ ra sao nơi đất khách quê người? Trước hoàn cảnh này, với tấm lòng bao dung của một nghệ sĩ, Hải thực sự thương cảm và giúp đỡ gia đình chị An những gì có thể giúp được.

Sau đó, gần 70 người đi tìm tự do đã được đưa vào một hòn đảo thuộc Nam Dương.

Trong cùng hoàn cảnh khó khăn, người ta thường dễ làm quen và dễ thân thiết với nhau. Chị An hầu như không muốn ăn uống gì và các con chị thì khóc lóc thương cha, Hải đã lại gần chị An và an ủi:

- Chị phải ăn để có sức khỏe và còn lo cho các cháu nữa.

Chị chỉ lắc đầu trong khi nước mắt tràn xuống đôi gò má:

- Tôi không muốn sống mà làm gì nữa khi mà tôi và các con không có anh ấy trên những nơi xa lạ như thế này.

- Chị còn trẻ, các con chị sẽ lớn lên và tương lai chúng nó mới là cần thiết.

Chị nói như tuyệt vọng khi ôm bé Lệ vào lòng:

- Cờ này thì bao giờ mới có tương lai...

Nói rồi chị An lại gạt nước mắt, nghẹn ngào không nói được gì nữa. Thấy vậy, Hải cũng không muốn nói gì thêm, bởi trong tâm hồn chị là cả một bầu trời đen tối, mưa bão đầy hải hùng, trong khi đó gia đình chị lúc này như một căn lều sơ sài, trơ vơ, dựng trên cát mà không có một cây cột chắc chắn để nương tựa...Cứ mỗi buổi chiều, khi mặt trời trên biển bắt đầu chìm xuống giữa lòng đại dương là chị An bế cháu Lệ ra đứng cạnh một gốc dừa nhìn ra biển. Đằng sau chị là bốn đứa con trai và gái chỉ hơn nhau một cái đầu. Chị đứng yên lặng như một tượng đá, vẻ mặt buồn bã nhưng lại hằn lên nét căm hận, suối tóc dài của chị rối tung trong gió, lộ rõ chiếc cổ trắng ngần và cao trong bộ bà ba đen hình như mỗi ngày một rộng ra.

Trước cảnh đầy xúc động như thế làm sao Hải lại không ghi lại trong một bức họa? Nhất là Hải lại là một họa sĩ thích vẽ về biển. Khi chị An phát hiện ra Hải đang vẽ mình, chị đòi xem, Hải chị trả lời:

- Chỉ khi nào bức tranh hoàn chỉnh, tôi sẽ tặng chị, chứ không được xem trước.

Chị An nói với giọng thân thiện hơn:

Anh khó quá à! Đến bao giờ mới xong? Tôi nghe người ta nói nghệ sĩ như các anh lúc nào hứng thì làm, không thích thì bỏ đấy. Chắc là đến "Tết Công Gô" mới xong! Mà quả thật trước mùa xuân năm đó Hải vẫn chưa vẽ xong

bức tranh. Bởi Hải cứ ám ảnh...cảnh chị An bế con đứng cạnh gốc dừa nhìn ra biển, tóc rối tung bay trong gió, có phần nào nùng hơn hình ảnh Khánh Ly đứng trên mỏm đá bờ biển hát bài "Hòn Vọng Phu", tóc cũng tung bay trước gió, nhưng lại mượt mà hơn...

Trước tết âm lịch năm đó, Hải được tin vì hoàn cảnh đặc biệt của chị và nhất là anh An có phục vụ trong QLVNCH trước đây, nên gia đình chị được ưu tiên cứu xét và được đi Mỹ sớm nhất. Vào buổi chiều, trước ngày gia đình chị An rời đảo, một mình chị đến nơi gốc dừa, nơi mà thường ngày chị đến đây với các con để nhìn ra biển. Chị muốn gặp Hải để nói câu từ giã và cảm ơn. Nét mặt chị có phần vui hơn, nhưng lại có phần lo lắng. Lần đầu tiên từ khi quen Hải, chị nắm lấy cánh tay anh và nói:

- Gia đình chúng tôi cảm ơn anh nhiều lắm, đã giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua...Chúng tôi không có gì để đền đáp lại...Sau này nếu mà...

Nói tới đây chị An quá xúc động, không nói lên lời, suối nước mắt lại tràn xuống đôi gò má, lúc này lại có vẻ hồng lên đôi chút. Hải nhẹ nhàng quàng cánh tay anh qua bờ vai của chị và kéo đầu chị vào ngực anh. Chị khóc sút sùi và bờ vai rung lên từng tiếng nấc. Chị khóc như chưa bao giờ được khóc với ai. Hải đứng yên lặng cho chị An khóc, nước mắt làm ướt sũng áo sơ-mi của anh. Năm ngón tay anh lùa qua mái tóc của chị và gỡ những lọn tóc còn rối vào nhau. Trong khi đó mặt trời trên biển đã tắt, nước thủy triều dâng lên và gió mạnh thổi mạnh từ ngoài khơi. Sau những giây phút yếu mềm, chị An như sức tỉnh dậy Hải ra và nói như cố lấp đi sự thẹn thùng:

- Anh cho tôi coi bức tranh được chưa?

Hải lắc đầu và nói:

- Chưa xong. Sau này dù ở đâu, tôi sẽ tìm cách trao tận tay chị bức tranh này.

Chính vì lời hứa trên mà đã không bán bức "Thù Biển" cho người đàn bà sang trọng kia.

Hải đang chìm đắm trong vùng ký ức mà quên đi thời gian phải đóng cửa phòng tranh. Anh bỗng sức tỉnh khi nghe người bạn nói:

- Thôi thu dọn mà về thôi! Hay có bà nào đẹp lại lấy mất con tim của bạn rồi?

Mà quả đúng như vậy, bao nhiêu câu hỏi, thắc mắc cứ lớn vồn trong đầu óc anh từ khi gặp người đàn bà đòi mua bức tranh đó mà chưa một giải đáp nào thích đáng. Sau cuộc triển lãm ở đây, anh và một số họa sĩ khác sẽ có những cuộc triển lãm tranh ở một số tiểu bang như Hawaii, Florida, Texas...những tiểu bang có nhiều người Việt ở, có bạn bè và một số tổ chức, đoàn thể nâng đỡ. Cuối cùng là cuộc triển lãm tại California, nơi gia đình anh sinh sống và có nhiều người Việt định cư nhất tại Mỹ.

Tất cả những cố gắng và giúp đỡ từ nhiều phía cho những cuộc triển lãm trên đã không thành công như ý muốn của những người gắn bó với hội họa. Bởi ngày nay, với kỹ thuật phim ảnh và ấn loát ngày càng hiện đại, tình hình ngành hội họa đã bị phủ trùm đi, chẳng khác nào những tòa nhà cao tầng ngày nay đã che khuất ngành kiến trúc vàng son thừa nào. Hải sống không đầy mấy năm trên đất Mỹ mà đã nhận thấy bao nhiêu bề bộn, cay đắng. Anh cảm thấy quá xa lạ và cô đơn trong chính "Gia đình Mỹ-hóa" của anh.

Có lần vợ anh đã nói với anh trong giọng tức giận:

- Những ông cái tạo như anh sao mà khùng quá à! Không lo kiếm việc đi làm, còn mơ mộng, hội hè, đình đám gì nữa?

Còn các con anh hình như không có một chút tình cảm gì với anh, bởi lúc nhỏ chúng đã không ở gần anh, chúng lại được giáo dục trong chế độ CS. Khi lớn lên một chút, chúng lại được giáo dục ở một nước mà chỉ có vật chất mới đánh giá trị con người. Bởi vậy có lúc anh đã so sánh: Dù trong hoàn cảnh khó khăn mà phải chia nhau từ mẩu khoai, củ mì - gia đình lại đoàn kết và thương yêu lẫn nhau, chắc chắn là vẫn hạnh phúc hơn khi trong gia đình có ba, bốn xe hơi đời mới, có quần áo và thức ăn thừa thãi lại cãi vã lẫn nhau, mỗi người đi một hướng và không còn tôn trọng lẫn nhau. Hải cảm thấy như một người thừa trong gia đình, như một người miền Thượng du về thành phố. Anh biết làm gì đây giữa một "Nước Mỹ lạnh lùng" này? Bạn bè thì tất bật làm ăn, những thân nhân, họ hàng thì có phần xa lánh, còn vợ con anh thì như mỗi người sống trong "Một ốc đảo" riêng, bởi thời gian đã làm thay đổi tất cả, thay đổi cả tình yêu thương, cả tình con người.

Vào một buổi sáng đầu Xuân, trong khi gia đình Hải đang đón một cái tết nữa xa quê hương thì Hải nhận được thiệp chúc tết của một số bạn bè và thân nhân xa gần. Anh cẩn thận đọc những lời chúc tốt đẹp của mỗi người với lối viết khác nhau. Bỗng anh phát hiện ra một lá thư từ Văn Phòng Hội Mỹ Thuật gửi tới, anh vội vàng mở lá thư ra đọc. Nội dung như sau:

Portland ngày... tháng...năm

Thưa anh Hải,

Chắc chắn khi đọc lá thư này anh rất ngạc nhiên. Sau khi phòng triển lãm tranh của các anh rời đi tiểu bang khác, em không biết rõ anh ở đâu, nên em đã gửi lá thư này đến Hội Mỹ Thuật để chuyển đến anh. Em xin nói ngay rằng người hỏi mua bức tranh "Thù Biển" hôm nào, chính là chị An cùng với các con trên bức tranh đó. Đọc đến đây là anh nhớ rõ và hiểu tất cả. Quả là anh đã giữ lời hứa "chỉ để tặng em mà không bán", dù giá trị của nó thật cao. Em khâm phục tài năng, lòng trung thành và sự quảng đại của những tâm hồn nghệ sĩ như anh. Dù không gian có bao la ngàn dặm, dù thời gian có dài bao năm tháng và hoàn cảnh có nhiều đổi thay chẳng nữa, em tin rằng tâm hồn anh vẫn đẹp như màu sắc của bầu trời, của lớp sóng biển và núi non mà anh vẽ trên tranh.

Em mong rằng anh sẽ tặng em tận tay bức tranh đó như anh hứa. Về phần em, không phải là một cuộc mua bán, đổi chác với anh mà thực tình em muốn gửi đến anh một cái "check" \$ 5,000 như một sự yểm trợ cho sinh hoạt Hội Họa của anh trên đất Mỹ này. Hiện nay em làm chủ nhà hàng Thanh Vị tại Downtown Portland, một trong những nhà hàng Việt Nam có tiếng ở đây, nên mức thu hoạch hàng tháng rất khá. Anh có còn nhớ buổi chiều em từ giả anh để qua Mỹ không? Em đã nói "Sau này nếu mà..." Câu nói bỏ lửng đó cũng là một lời hứa với anh. Nếu không có anh bên cạnh trong những ngày tuyệt vọng đó, thực sự em và các con chỉ muốn "nhào xuống biển để theo anh An tất cả". Gia đình em có được ngày hôm nay dĩ nhiên phải có công lao của anh.

Mùa xuân sắp đến, chúc anh và gia đình vui vẻ và gặp nhiều may mắn.

Nguyễn Thị Lan (vợ anh An)

Đọc xong lá thư, Hải thấy niềm vui hiện trên nét mặt, không phải là số tiền anh nhận được mà là lời hứa anh sẽ làm tròn, và nhất là gia đình chị An đã tìm thấy cuộc sống ấm no trên đất nước này. Bỗng anh cảm thấy hình như anh không còn lạc lõng nữa giữa một "Nước Mỹ lạnh lùng", tâm hồn anh như có một luồng gió xuân ấm áp thổi vào, có cả tiếng hót của một loài chim đánh thức anh dậy. Hải đứng lên, đi tới bên cửa sổ, anh kéo tấm màn cửa ra cho ánh sáng tràn vào phòng khách. Không có gì đẹp bằng mùa xuân. Không có gì vui hơn tết. Nhưng niềm vui của Hải sáng nay không phải mùa xuân mang đến, không phải bên ngoài mang vào tâm hồn anh, mà lại chính từ tâm hồn anh tỏa ra trên cảnh vật chung quanh. Tâm hồn anh như một cánh đào tro bụi, khẳng khiu trong sương tuyết từ lâu, chỉ chờ một tia nắng ấm Mùa Xuân rọi đến là nở tung những bông hoa màu tươi thắm. Chính cái đó mới thực sự đẹp hơn mùa xuân bên ngoài.

::: Từ Khắc Nguyên :::

* Tên và bút hiệu: Từ Khắc nguyên

* Tên hiện nay: John T. Nguyen

* Ngày sinh: 20 tháng 3 năm 1942 tại Hưng Yên

* Trình độ văn hóa: Cao Học Luật Khoa, Đại Học Sài Gòn

* Trước năm 1975: Tại Việt Nam đã từng cộng tác với một số tờ báo tại Sài Gòn và hiện đang cộng tác với tờ báo Chính Luận (Seattle, WA) Tạp Chí Văn Nghệ Tiền Phong (Arlington, VA) và các báo tại địa phương.

* Năm 1992 đến Mỹ và hiện nay cùng sống với gia đình tại thành phố Portland, Oregon

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Giấc Mơ Của Biển

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

(Tặng cho những ai cùng gánh chịu những bất hạnh trên biển. Cho tình duy nhất và vết thương đầu đời)

Hạ khép nhẹ cánh cổng và đứng nhìn lại căn nhà lần nữa. Bên góc cửa sổ phòng nằng, trận mưa đầu hôm làm rung tá to những cánh hồng vừa mới chớm nở. Hạ thả bộ trên lòng lề đường. Con mưa buổi tối còn đọng từng vũng trên những mặt đường loang lổ. Ở đầu góc phố, chiếc xe bán phở và tiếng rao lanh lảnh của chú Tàu già thường đánh thức nằng dậy vào mỗi buổi sáng vẫn thường nhật. Hạ thoáng ngậm ngùi. Những thân quen này không biết có còn trở lại với nằng không nữa.

Hôm qua, Mẹ Hải đã mời Hạ và mẹ nằng đến nhà. Bà đã chuẩn bị cho Hải một chuyến vượt biển. Hải có vẻ chán chừ. Bà biết tình cảm của Hải đối với Hạ, Hải không muốn rời xa nằng. Và mẹ Hạ đã đồng ý cho nằng ra đi cùng Hải.

Thật sự Hạ chẳng muốn xa mẹ lúc này dù nằng rất yêu Hải. Ba thì đang còn bị cái tạo. Kinh tế gia đình chỉ nhờ vào mẹ và Hạ phụ giúp. Buổi sáng trước giờ đi học, nằng phải phụ mẹ gánh hàng rau ra chợ. Sau giờ tan học, nằng lại phải phụ mẹ gánh hàng về nhà. Đoạn đường từ nhà ra chợ dễ cũng gần cả cây số. Có một lần ngã bệnh nằm nhà đợi mẹ, nhìn mẹ oằn vai gánh hàng về nhà, Hạ thấy xót xa đến ứa nước mắt.

Bởi thế hôm qua ở nhà Hải, nằng đã không cảm thấy háo hức như chàng. Hạ đã trả lời với mẹ:

- Con chẳng thích đi mẹ ạ!

Mẹ có vẻ ngạc nhiên và trở mắt nhìn nằng:

- Sao vậy? Con không thích đi với Hải à?

- Dạ không phải vậy, nhưng...

- Nhưng thế nào?

Mẹ hỏi gặng sau cái nhìn nhú mày. Mới chị có ba năm sau ngày ba đi cái tạo, những tất bật cơm áo đã làm mẹ già đi thấy rõ, những nếp nhăn đã hằn sâu trên mặt và tóc mẹ đã bắt đầu điểm trắng. Mấy lần Hạ nài nỉ xin nghỉ học để phụ mẹ, nhưng mẹ vẫn khăng khăng từ chối. Nằng ghen ngào trả lời mẹ:

- Con không thích xa mẹ. Con sợ...

- Con sợ gì?

Hạ ngã vào lòng mẹ và òa lên nức nở:

- Rồi mẹ sẽ như thế nào khi không có con? Ai chăm sóc lúc mẹ đau bệnh?

Mẹ nâng mặt Hạ lên và lần tay vuốt tóc nằng. Những ngón tay run rẩy chừng tỏ mẹ cũng rất đau lòng. Dầu vậy, mẹ cũng dần lòng cười! Con gái sắp lấy chồng rồi còn khóc. Không sợ Hải cười cho à?

Mẹ nói tiếp:

- Đừng bận tâm cho mẹ. Mẹ phải khỏi để đợi ba về chu

- Nhưng ai sẽ phụ mẹ? Mẹ sẽ cực nhọc hơn nhiều.

Mẹ cười và nói:

- Không sao. Mẹ sẽ chịu được mà. Và lại nếu con đi được, vài năm sau mẹ chẳng cần phải bận tâm nữa. Con sẽ lo được cho mẹ, mẹ an tâm hưởng già rồi. Nếu con chẳng đi, mẹ còn cực cả đời. Rồi còn lo nể cho Ba con không nữa?

Thấy Hạ còn chán chừ, mẹ hỏi tiếp:

- Con không yêu Hải à?

- Dạ có, nhưng...

- Có là được rồi. Còn nhưng gì nữa. Mẹ nói đùa tiếp:

- Con yêu Hải thì con phải về với biển chứ. Phải vậy không nào?

Cuối cùng Hạ đã quyết định cho chuyến ra đi của mình.

Căn nhà của Hải nằm tận cuối phố. Theo lời của người tổ chức, sáng sớm hôm nay họ sẽ đến đón Hạ và Hải tới điểm hẹn để đi. Mẹ Hạ đã đến nhà Hải từ sáng sớm và đang đợi nằng. Hạ bước vào nhà. Mẹ nằng, mẹ Hải và Hải đang ngồi trò chuyện ở phòng khách cùng người đàn ông lạ mặt. Hạ gật đầu chào mọi người. Người đàn ông ngược lên nhìn nằng và nói:

- Thôi được. Giờ chúng ta lên đường.

Hạ liếc nhìn mẹ. Quảng mắt mẹ hình như trứng sâu. Có lẽ đến hôm qua mẹ không ngủ. Hạ nuốt ghen ngào và vội vã quay người ra cửa như trốn chạy. Chợt có tiếng mẹ gọi ngược sau lưng:

- Hạ. Đợi mẹ chút.

Mẹ nắm tay Hạ và lần tay đeo chiếc nhẫn vàng vào tay nằng. Cái vốn liếng cuối cùng còn lại của mẹ dành để thăm nuôi Ba trong những lần tới. Mẹ hôn lên tóc nằng và thì thầm:

- Con cất hộ thân. Nhớ cẩn thận và giữ gìn sức khỏe. Đừng bận tâm cho mẹ.

Hạ bật khóc. Những dòn nén bấy giờ được dịp tuôn trào. Hải nắm tay nằng kéo vội ra cửa.

Trời đã sáng hẳn. Mặt trời đã bắt đầu lên. Bến xe miền tây nhộn nhịp người qua lại. Tiếng lơ xe vọng lên ời ời. Hải nắm tay Hạ đi theo người đàn ông dẫn đường bước lên chuyến xe đi rạch Giá. Xe đã đông đặc người.

Xe bắt đầu lăn bánh. Hai bên đường, những đồng lúa èo uột cạn khô nước. Thành phố lùi dần sau lưng. Hạ cố chớp mắt. Căn nhà nằng, ngôi trường học, bạn bè, dãy nhà lồng nuôi sống mẹ con nằng đi lần vào trong trí. Hạ thiếp ngủ trong vòng tay của Hải.

Tiếng bánh xe dừng lại. Hải lay nằng dậy. Trời đã qua chiều và nắng hơi dịu lại. Hải và Hạ bước xuống theo dấu hiệu của người đàn ông dẫn đường và đi theo sau. Con đường đất đỏ chạy dài vào làng với những hàng dừa cao vút. Xóm nhỏ lưa thưa vài chục căn nhà nằm xa nhau rời rạc.

Khoảng chừng mười phút đi bộ, qua thêm một khúc rẽ vắng vẻ, Người đàn ông dẫn đường đưa Hải và Hạ vào một căn nhà nằm khuất sau một rặng dừa. Cả một chặng đường dài, bây giờ người đàn ông dẫn đường mới bắt đầu lên tiếng:

- Cô cậu tạm nghỉ ngơi nơi đây cho đến tối. Tôi sẽ mang cơm cho hai người.

Một mỗi lần lo âu, chẳng ai nuốt nổi miếng cơm nào. Ngồi dựa lưng trên chiếc sạp tre đan giữa nhà, cả hai chỉ mong cho trời mau tối. Hạ có cảm giác hình như lúc này thời gian trôi rất chậm. Hạ lại thiếp đi lần nữa.

Hạ tỉnh dậy khi bên ngoài đã tối hẳn. Trời tối đen như đêm ba mươi. Hải đang đứng bên góc nhà nhìn mông lung ra màn đêm bên cửa. Người đàn ông dẫn đường quay lại với chiếc đèn pin trên tay. Sau khi dặn dò hai người vài điều cần thiết, ông ta mở cửa phía sau nhà và cả ba cùng bước ra ngoài.

Hải nắm tay Hạ và bước theo vệt đèn pin của người đàn ông chiếu xuống đường. Con bờ đất dài tròn trọt. Mấy lần Hạ suýt té. Vài tiếng ềnh ưong kêu đêm nghe não ruột. Len lỏi trong rạch dừa và những bờ đất gập ghềnh hơn cả cây số, cuối cùng cả ba đã đến bãi cát chạy dài theo mé biển. Những đợt sóng nhẹ liên tục vỗ vào bờ. Hạ thấy thấp thoáng có vài nhóm người ngồi sau những rặng dương. Người đàn ông dẫn Hải và Hạ nhập vào trong nhóm ấy và ngồi đợi tàu đến.

Hạ thả mắt nhìn ra biển. Ở tận xa leo lét vài chiếc đèn của những ghe đánh cá đang nhấp nhô trên biển. Sương đêm bắt đầu xuống. Hải kéo nằng vào lòng. Hơi ấm từ người chàng tạo cho Hạ một cảm giác ấm áp, êm đềm. Hải thì thào bên tai nằng :

- Chẳng biết còn phải đợi bao lâu nữa. Em có mệt lắm không?

- Chút xíu thôi. Em chỉ nhớ mẹ.

Hải nhìn nằng mỉm cười. Mới chỉ có hôm qua Hạ đã mất đi vẻ hồn nhiên cố hữu của nằng và thay vào đó là những nét suy tư, buồn bã. Hải thấy thương nằng vô cùng. Chàng lần tay vuốt tóc Hạ và nhìn ra trời đêm.

Chợt có ánh đèn chớp tắt chạy dài trên biển chiếu vào bờ. Có ánh đèn từ bờ đáp trả. Vài tiếng xôn xao nổi lên. Có tiếng một người đàn ông lên tiếng:

- Tất cả giữ yên lặng và trật tự. Tàu đang đến.

Cũng chừng mười phút hơn, âm thanh xình xịch của chiếc ghe máy mỗi lúc một gần. Tiếng máy ghe tắt và tàu đang dừng lại ở mé biển. Tiếng người đàn ông khí này lại cất lên:

- Giữ yên lặng và theo hàng một đi xuống biển.

Hải kéo tay Hạ đứng dậy. Nhóm người bây giờ ào ạt đi vội xuống biển. Ai cũng muốn chen chân đi trước. Đến đầu mé nước, Hải bồng Hạ trên tay và lội đến ghe. Lội nước đến đâu gối thì đến mạn tàu. Hạ lên trước theo đám phụ nữ và con nít. Nhóm đàn ông lên sau. Tiếng động cơ của máy nổi lên. tàu quay đầu từ từ tách bến kéo thành vạch nước dài trên biển. Chợt có tiếng la hét trên bờ vọng đến. Theo sau liên tục những tràng súng nổ. Đạn xé gió nghe chéo chéo. Người chủ ghe hét lên:

- Tất hết đèn trên ghe. Tăng hết tốc lực.

Trên ghe tối đen không còn soi rõ mặt người. Tiếng máy rú to. Tàu rung mạnh và vọt bắn tới trước. Âm thanh trên bờ từ từ xa và chiếc ghe vẫn gầm gừ xé nước lao trên mặt biển. Cũng dễ gần hơn ba giờ chạy. Không nghe âm thanh tiếng ghe nào khác đuổi theo, mọi người bây giờ mới thở phào nhẹ nhõm. Con tàu vẫn tiếp tục lao nhanh trên mặt biển.

Đã qua một đêm. Bóng đen đã bắt đầu nhạt và trời dần dần sáng. Con tàu hạ bớt tốc độ chạy bình thường. Tiếng người bắt đầu trò chuyện. Hạ vẫn còn mệt lả trong vòng tay của Hải ở cuối hầm tàu. Diện tích chiếc ghe vừa đủ năm mười người ngồi chen chúc nhau.

Thức ăn nòn mửa đầy trên ghe làm nằng cảm thấy lợm giọng. Hải đưa nằng chút sữa nóng. Hạ uống từng ngụm và cố nuốt trôi chén cháo đặc. Hải thì đang gặm lát bánh mì khô một cách ngon lành. Có lẽ đêm qua tới giờ quá lo lắng chàng chẳng ăn chút gì vào bụng. Ăn xong, Hạ thấm chút nước lạnh trên chiếc khăn tay nhỏ lau mặt. Bây giờ thì Hạ đã cảm thấy khoẻ đôi chút. Trong hầm tàu đã bắt đầu nóng. Có vài tiếng cãi vã nhau. Nắng lên cao trên biển. Con tàu vẫn tiếp tục tiến về hướng đông chạy. Tàu lắc lư. Hải cũng bắt đầu thấm mệt và thiếp đi theo nằng.

Nắng tắt. Chiều xuống. Đêm về. Gần ba ngày tàu chạy mà bến bờ vẫn còn xa tắp. Đêm ngày thứ ba trên biển, Hải làm quen được người chủ tàu và đưa Hạ lên boong. Có vài vì sao lấp lánh và mảnh trăng non trên cao. Hai người ngồi dựa vào be thành tàu nghe sóng biển vỗ vào mạn thuyền. Hải thì thào bên tai nằng:

- Biển quyền rũ thật em ạ! Anh có một ước mơ...

Hạ ngược mặt nhìn chàng và hỏi:

- Anh có ước mơ gì?

Hải phóng tầm mắt nhìn ra xa, ánh mắt thoáng lên nét mơ mộng:

- Nếu mọi chuyện tốt đẹp và bình yên, sau này có tiền để dành chúng ta sẽ mua một căn nhà nơi biển. Mình sẽ được ngắm trời chiều trên biển mỗi ngày và nghe tiếng sóng vỗ về đêm thì thật thú vị em ạ!

Hạ cười. Nàng thực tế hơn không có lãng mạn như Hải. Nàng sẽ dành tiền gửi về cho mẹ để mẹ khỏi phải ngược xuôi tất bật cơm áo. Cha mẹ sẽ thành thoi hơn ở tuổi già. Hạ dấu suy nghĩ đó không nói cho Hải, sợ Hải lại nghĩ đến mẹ chàng và làm chàng mất vui.

Trời chợt găm chuyển như báo hiệu một cơn mưa sắp tới. Hai người bước xuống lại hầm tàu. Hải còn cố đặt vôi nụ hôn trên má nàng.

Con tàu trôi bập bênh trên sóng không còn định hướng. Trận mưa buổi tối kéo theo trận bão dữ dội đã làm hư máy, gãy luôn bánh lái và làm vỡ một mảnh thành tàu. Vài người trên ghe còn khỏe mạnh thay nhau tát nước. Con tàu vẫn trôi. Xa xa, ở gần đường chân trời ẩn hiện thuyền bè qua lại. Hình như tàu đã vượt ra ngoài hải phận quốc tế. Người chủ tàu treo những mảnh vải trắng trên đầu cột tàu. Lửa được đốt lên làm tín hiệu cấp cứu. Thêm hai ngày trôi qua nhưng vẫn vô vọng. Hạ và nhóm người trên tàu dường như kiệt sức. Hải vẫn bên cạnh an ủi nàng. Hạ liên tục mê man và thiếp đi trong giấc mơ trở về bên mẹ.

Hạ choàng tỉnh khi nghe có tiếng reo hò trên boong tàu. Hình như đang có tàu đến cứu. Âm thanh của tiếng máy ghe nổ nghe mỗi lúc một gần. Hình dáng của một chiếc ghe đánh cá đã đến gần và cập sát vào ghe nàng. Có khoảng mười tên lực lưỡng tay cầm giáo mác, mình trần trụi chỉ có chiếc quần cụt nhảy lên ghe nàng. Có tiếng xô xát. Có vài người trên ghe kẻ cả chủ tàu đã bị đánh văng xuống biển. Hải kéo Hạ lùi ra sau lưng chàng nói nhỏ:

- Hình như cướp biển. Em nằm úp xuống và đừng cử động. Hạ nghe lời Hải và làm theo lời chàng.

Có tiếng bước chân đi lẩn đến hầm tàu. Một người đàn ông râu ria xồm xoàm đang bước xuống hầm tàu. Hắn xô ra một chàng tiếng bản xứ ra dấu cho mọi người lên hết boong tàu. Hạ vẫn không tránh khỏi. Chúng dồn nhóm đàn ông trên ghe vào cuối đuôi tàu. Phụ nữ, trẻ con ở đầu boong lái. Có năm tên đứng gác và năm tên còn lại bắt đầu lục soát vòng vàng tiền bạc.

Chiếc nhẫn vàng trên tay Hạ mẹ cho để phòng thân cũng bị tháo ra. Xong xuôi, chúng nhìn quanh. Trên ghe chỉ độ khoảng năm cô gái suýt soát tuổi nàng. Những hình dáng tả tơi bệnh hoạn của những ngày lao đao trên biển chẳng còn chút sinh khí. Chúng dồn năm cô gái vào một góc trống ở đầu tàu. Trong đó có Hạ. Tiếng quần áo xé toạc. Những tiếng cười man sợ nổi lên. Và chúng thay nhau giở trò hãm hiếp. Hạ bị đẩy nằm dài xuống sàn tàu trong tầm nhìn của Hải. Tên râu ria khi này đè lên người nàng. Mùi hôi da thịt nồng nặc của hắn làm Hạ phát ói. Nàng thét lên và chưa kịp thiếp đi đã nhìn thấy dáng Hải lao tới. Một nhát búa của tên đứng gác loé lên và Hải đã ngã gục nằm bất động trên sàn tàu.

Hạ tỉnh lại với cảm giác lạnh khi những giọt mưa nhỏ xuống trên người của nàng. Chung quanh đã hoàn toàn yên lặng. Chỉ còn nghe tiếng sóng vỗ. Nàng đã tắt và trời đang chuyển tối. Hạ nhìn chung quanh. Những thân người nằm la liệt bất động. Hải thì úp mặt trên sàn tàu. Nàng cố lết dần đến cạnh Hải và lật ngửa chàng lên. Một dòng máu đã khô chảy dài trên trán. Đôi mắt mở trợn trừng. Nàng ôm chầm lấy Hải. Thân thể đã lạnh toát. Hạ đưa tay vuốt mắt chàng. Đôi mắt nhắm lại. Nàng nhìn Hải. Cũng khuôn mặt mới đây còn còn thủ thi bên Hạ những ước mơ sau này của chàng. Một căn nhà trên biển. Nghe tiếng sóng, ngắm trời chiều. Tất cả chỉ còn là mộng tưởng. Bây giờ Hải nằm yên lặng bất động. Nàng thoáng thấy dây lên nổi hận. Giả như chuyến đi này không có nàng. Hải sẽ không đau lòng kháng cự để nhận cái chết thê thảm như thế vậy. Hạ nuốt nghẹn vào lòng. Những giọt nước mắt của nàng ứa ra chảy xuống trên người Hải. Hạ lần tay vuốt lại mái tóc chàng. Mái tóc bồng bênh nghệ sĩ giờ khô cứng những máu. Hạ đặt một nụ hôn nghẹn ngào trên môi chàng. Mùi khô tanh của máu quện lẫn trong miệng nàng vẫn thấy ngọt ngào. Hạ nhìn Hải lần nữa. Bằng hết sức còn lại, Hạ nâng đầu chàng lên và đẩy dần đến thành tàu. Hạ thoáng nghĩ như một an bài của Hải như tiếng tên gọi. Hải phải trả về lại với biển. Nàng nhắm mắt đẩy mạnh. Mặt biển dậy động và nước bắn lên tung toé. Hạ gục luôn trên sàn tàu.

Hạ thả bộ dọc theo mé biển. Ở một khúc quanh, sóng vỗ mạnh vào những thành đá liên tục và nhịp nhàng học theo tiếng rì rào của sóng biển. Những bọt nước bắn lên từng chuỗi trắng xóa. Nàng đi qua đi lại nhiều lần và không biết đã đếm được bao nhiêu lần dấu chân trên cát. Nỗi đau đớn trong lòng Hạ vẫn chưa nguôi. Chuyến tàu năm mươi người chỉ còn lại không quá mười người. Hạ vẫn tưởng như một phép lạ đến với nàng. Trong tận cùng nỗi tuyệt vọng đợi chết, không còn chút tàn lực để nhảy xuống biển chết theo Hải, Nàng may mắn được cứu thoát nhờ một chiếc thuyền vượt biển khác đi ngang trông thấy. Cuối cùng thì chiếc tàu này cũng đến được một hòn đảo vùng Mã Lai.

Hạ phải nằm bệnh viện điều trị mất mười ngày. Sau khi xuất viện, nàng được chuyển đến một căn trại dành cho những người tỵ nạn. Có khoảng hơn hai trăm người đang tạm trú tại đây. Hạ may mắn có cha là sĩ quan chế độ cũ, và là nạn nhân của hải tặc nên được phái đoàn Hoa Kỳ nhận. Những ngày nằm đợi lên đường định cư, nàng hay có thói quen thả bộ dọc trên biển mỗi buổi chiều.

Với nàng biển vẫn quyến rũ, vẫn nồng nàn nhưng tận trong cùng tiềm thức là nỗi đau dầy xé trong hồn. Nàng phải đánh đổi một giá quá đắt trên biển và luôn cả người tình duy nhất đầu đời. Hạ chỉ báo tin cho mẹ với vài lời ngắn

gọn là nàng đã đến nơi bình yên. Và nhờ Mẹ báo tin cho gia đình Hải biết rằng chàng không may mắn đã chết trên biển, và không nói rõ lý do.

Một năm sau Hạ được định cư tại Mỹ. Nàng ghi danh học tiếp tục và kiếm được chân phụ nhà hàng buổi tối. Tháng lương đầu tiên nàng đã gửi hết cho mẹ. Cái tin mẹ nhận tiền đi sau cái tin Ba qua đời. Ba đã chết trong tù vì không chịu đựng được sự đầy ải. Tiền của Hạ gửi về đủ cho mẹ làm giỗ và ra Bắc tìm xác cha về.

Rồi ba năm sau mẹ cũng qua đời vì sự nhớ con và nỗi cô đơn của mẹ. Hạ bây giờ chỉ còn lại một mình với hành trình đơn độc.

Hạ đã ra trường, nàng dồn hết vào công việc để tìm quên với cánh cửa lòng luôn khép kín và không đón nhận bất cứ một thứ tình cảm nào khác đến với nàng.

Cuối cùng rồi Hạ cũng mua được một căn nhà trên biển. Nàng cố gắng thực hiện ước mơ của Hải cho dù chàng đã chết. Hạ vẫn dành thời gian ngắm biển mỗi buổi chiều cùng lắng nghe tiếng sóng vỗ hăng đêm của biển. Và tự trong tiềm thức Hạ cho đến bây giờ, nàng vẫn tưởng tượng Hải mãi luôn ở bên cạnh nàng.

::: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh:::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Người Con Gái Không Nịt Ngực

Amy Phuong Lê

Sau khi được tàu Mỹ vớt, chúng tôi nằm la liệt trên sàn tàu. Mười sáu ngày vui dập bởi sóng biển, đói khát, rét lạnh làm mọi người tôi tã. Một em bé sanh ra trên tàu được cấp tốc đưa vô phòng cấp cứu. Chiếc tàu nhỏ loại đánh cá chở chúng tôi đi buộc dây kéo theo sau, nhỏ bé như con kiến đi cạnh con voi. Chỉ một thời gian ngắn sau, các miếng gỗ của tàu cũng sút ra từng mảnh, trôi lênh đênh...

Ồi! Chiếc tàu nhỏ, quá nhỏ, chỉ ba mươi ba người mà đã chật không còn chỗ ngồi hay đứng. Chỉ mới qua đêm thôi, khi ngồi bó gối trong thân tàu, bị sóng biển nhận chìm, đưa lên rồi lại bị nhận chìm sâu hơn nữa vào trong lòng biển lạnh, rồi nghe tiếng kêu rảng rặc của những mảnh gỗ bắt đầu bị lòi ra những cây đinh thì chúng tôi hiểu rằng chiếc tàu thân yêu không còn có thể gánh vác mạng sống của chúng tôi xa hơn được nữa.

Tôi đưa mắt nhìn những thủy thủ trên tàu Mỹ, lòng tràn ngập niềm vui và niềm biết ơn khó diễn tả. Và lon Cola mà tôi được phát, chao ôi sao mà nó ngon! Trôi tuột vào cổ họng khô khát... Có lẽ đó là lon coca ngon nhất trên đời tôi được uống. Chỉ mới hôm qua thôi, ngày thứ mười lăm, khi một em nhỏ trên tàu thoi thóp khóc vì quá khát thì mẹ em đã gieo cho em chút hy vọng: "Ráng đi con, khi nào có tàu vớt thì con sẽ được uống nhiều nước. Có khi lại có Coca!". Lúc ấy chúng tôi mới chỉ nghĩ đó như một giấc mơ. Hai đứa em tôi nằm bên cạnh, rên lên khi nghe nói tới nước... Từ cả hơn mười mấy ngày trước, khi đói và khát quá thì thằng nhỏ nhất bắt đầu mơ tưởng đến đồ ăn thức uống: "Chị ơi! Em đói quá! Em thèm một tô phở. Và một ly trà đá thật bự! Hay cái gì cũng được! Một tô mì, bánh xèo, hay bún bò..." Một bà trên tàu gất lên: "Trời ơi! Đói khát thế này mà cứ kể ra mấy món ấy có chết không cơ chứ?". Rồi bà lâm râm đọc kinh, cả tàu cũng đọc kinh... Em tôi không dám nói lớn nữa, nhưng ráng thì thảo bên tai tôi: "Chị ơi! Hay chị cho em một chén cơm nguội cũng được!". Tội nghiệp! Nó quá nhỏ để hiểu cuộc hành trình này không có quyền chọn lựa. Rồi nó không thì thảo được nữa, mà bắt đầu khóc, và chỉ vào hạ bộ của nó đang sưng đỏ vù. Tàu nhỏ, không có chỗ ngồi hướng chỉ chỗ đi tiêu, đi cầu... Lúc đầu mọi người còn ráng ra ngoài để tìm chỗ đi, nhưng khi say sóng và đuối sức thì ai ngồi chỗ nào đi chỗ nấy. Sau những ngày không được chùi rửa vệ sinh, hạ bộ đỏ u lên. Em tôi không hiểu tại sao hạ bộ nó sưng phồng, đỏ lôm và to gấp hai, ba lần bình thường. Mỗi lần nước biển tạt vào, nước muối mặn sát vào da thịt rất quá làm mọi người kêu la, oằn oại như thấu trời xanh. Rồi cộng thêm với những đêm bão lạnh kinh hoàng mà mỗi giọt nước rơi vào người là như mũi dao xẻ thịt xẻ da, thì em tôi cảm giác như có những mũi dao cắt đứt đi cái phần cơ thể riêng tư quý báu đang bị sưng vù nên vênh lên cao nơi hạ bộ của nó. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn hình dung thấy hình ảnh những em trai nhỏ và những người con trai cúi cong người che hai chân lại rên xiết mỗi lần những cơn sóng biển ập xuống.

Trên tàu Mỹ, vì không đủ phòng tắm cho mọi người cùng vào, chúng tôi được chia làm hai hàng nam và nữ. Hai thủy thủ cầm hai ống nước gấp rút xịt nước tắm cho mọi người, tất cả quần áo được cởi ra để đem khử trùng giặt sấy. Các thủy thủ gom góp áo quần của mình phân phát cho mọi người mặc tạm. Những bộ quần áo Mỹ rộng lớn bao che thân thể Việt gầy nhỏ, chúng tôi bơi lội trong đó như bơi lội trong niềm hạnh phúc và lòng tri ân được vượt thoát bình an.

Ngày hôm sau quần áo giặt sấy xong được trả về cho mọi người. Vì ở rải rác trên boong tàu không có mặt lúc phát lại quần áo, hoặc có những người nhận lộn đồ, chúng tôi đa số người lạc áo kẻ lạt quần, giày dép không còn. Tôi còn lạc mất chiếc nịt ngực. Ngày đặt chân lên trại tị nạn, đôi chân trần bước trên đất nóng, tôi vẫn không thấy ngại bằng cảm thấy bộ ngực vô cùng trống trải. Thừa ấy tôi mới vừa mười tám tuổi, sinh ra và lớn lên trên cao nguyên Đà Lạt. Ở thành phố nhỏ hoa anh đào đỏ, đời sống là áo trắng hiền ngoan, má đỏ môi hồng, thẹn thùng e ấp. Vậy mà bỗng chốc lẫn vào đời, chân không giày dép, người không nịt ngực. Cái nịt ngực đối với tôi, nhất là ở xứ lạnh, là một vật dụng thân thiết ít khi rời. Nó vừa giữ ấm cho người, vừa che đậy nâng đỡ một phần cơ thể kín đáo. Ở phần dưới nịt ngực thường có một viên sắt mỏng hay viên vải chấn ngang, và một lớp vải dày với miếng mút ôm gọn hai bầu vú để giữ cho phần ngực không rung rinh di chuyển theo mỗi bước đi và không lộ rõ núm vú. Khi sinh hoạt, dù trong nhà, cũng nên mang. Thế mà bây giờ, ở chốn đông người, giữa ban ngày ban mặt, tôi đi đứng chạy nhảy mà chẳng mang nịt ngực. Cái cảm giác trống trải không kín đáo này đối với tôi, một người con gái Á Đông lần đầu bước vào đời là cái cảm giác không an toàn, hở hang, bất an...

Tôi lên trại xin cấp nhưng chưa có. Trại chuyển tiếp có những nhu cầu cần thiết hơn phải được giải quyết trước. Miếng ăn, nước uống, thuốc men, nhà vệ sinh, tất cả còn thiếu mà người tị nạn đổ về mỗi lúc một đông. Lúc bấy giờ ở Việt Nam mà đa số là đàn ông thanh niên bị kêu gọi tham gia "thanh niên xung phong" hoặc bị gởi qua chiến trường Cam Bốt khốc liệt. Mọi người vội vã tìm đường vượt biên, trại rất đông đàn ông con trai. Và đủ mọi hạng người. Mỗi lần sáng chiều đi lãnh cơm, đi tắm, đi hứng nước hay có loa gọi gấp lên làm giấy tờ, tôi đi giữa những hàng chờ lá và dãy nhà tập thể, cảm nhận có những cặp mắt nhìn theo bộ ngực vô tình nhấp nhô theo từng bước chân chạy...

Tôi vừa mất cha nên có miếng tang đeo trước ngực, không biết người ta nhìn miếng tang cảm thông với tôi hay nhìn vào ngực và biết tôi thiếu cái nịt ngực... Có những cái nhìn rất soi mói, như lột trần mình ra. Con gái mới lớn,

bộ ngực nở nang không làm tôi hãnh diện mà chỉ làm tôi thêm ngại ngùng khổ sở. Ở lứa tuổi học trò ngây thơ thừa đó, cảm giác nhận được là nhột nhạt, khó chịu, bất an. Tôi bỏ luôn thói quen mỗi sáng tập thể dục ngoài trời, vì khi không có nịt ngực thì những động tác nhún nhảy có thể tạo sự chú ý. Ngay cả những ngày hè nóng nực ở trại tị nạn cũng không thoải mái thả mình theo sóng biển, bởi quần áo càng dính chặt vào người, núm vú càng hiện rõ, lộ liễu. Ở cái tuổi con gái tươi trẻ tung tăng mà tôi không hề dám tung tăng. Có hôm đang đi, nghe tiếng huýt sáo trên ghẹo đuôi theo, tôi ngại và mắc cỡ quá lỉnh quĩnh đi như chạy, vấp té làm áo bị sút khuy nút. Hai tay vội vã cố gài khuy áo, tôi đi tiếp trong những tiếng cười tinh nghịch nham nhở. Có lần vừa sắp hàng đi hứng nước tắm về, thì nhạc quốc ca của trại nổi lên, mọi người đang đi đường đứng nghiêm lại hát chào quốc kỳ. Tôi đang đứng nghiêm chỉnh bỗng nghe tiếng cười chỉ trỏ về phía mình, Một vài thanh niên đang ngồi trên tầng trên của chòi lá thò đầu ra nhìn tôi rồi một người chột nói: "Chắc tắm về để quên cái nịt ngực!" Rồi họ cười hô hô. Một người khác tiếp theo: "Tên gì thế em! Tối nay đi chơi trọn đêm với anh nhá?" Một người lớn tuổi đang đứng chào cờ không xa, tỏ vẻ khó chịu. Ông ta nói vừa đủ tôi nghe: "Lần sau có ra đường hay chào quốc kỳ thì nhớ mặc nịt ngực! Con gái lớn ra đường ăn mặc đàng hoàng một chút!"

Tôi còn đang ngờ ngác thì tiếng quốc ca và mặc niệm chấm dứt, mọi người tiếp tục đi. Tôi cúi xuống cầm xô nước, ngỡ ngàng. Trời ơi! Thì ra có người tưởng tôi cố tình không mặc đồ đàng hoàng. Đây là lần đầu tiên tôi biết điều này. Tôi cảm thấy ghen không thể nói thành lời, muốn chạy đến người đàn ông khi này để nói rằng là tôi không phải cố ý như thế, mà hai chân tôi cứ bước như người không hồn, xô nước sóng sánh đổ ra mà không biết.

Dường như có giọt lệ nào, không chảy xuống mà chảy ngược vào tim tôi, lẫn mãi, và lẫn mãi...

Chiều chiều trong chòi lá nghe từ loa vọng lại bài hát "Người Di Tản Buồn", tôi thấy như bóng dáng mình trong đó..." Chiều nay có một người đôi mắt buồn, ngày ra đi lặng câm trong đau đớn..." Tôi ngồi bên song cửa, thấy chiều rơi rất chậm, rồi "rưng rưng lệ vương mắt lệ nhòa"...

Rồi tôi cũng được chuyển sang một trại tị nạn chính thức khá hơn một chút, và xin được cái nịt ngực cũ. Cái cảm giác đầu tiên khi được mang lại vật dụng thân thiết ấy của người nữ làm tôi thật an toàn, yên ổn. Dù không vừa vặn nhưng thế là quá đủ!

Rồi tôi liên lạc được với người chị từ một trại khác vừa sang Mỹ. Ngày được báo lãnh, khi chị đón ở phi trường, tôi nhìn chị, rồi như bị ám ảnh bởi hình ảnh của chính mình trong những ngày đầu tị nạn, tôi len lén nhìn vào ngực chị, trong phút chốc chợt mũi lòng, nhớ cha nhớ mẹ, nước mắt âm thầm lăn dài trên má. Chị cũng khóc, nhưng có lẽ lúc ấy chị không hiểu đích xác cái tủi buồn thâm kín của em mình.

Ngày hôm sau, vì trùng ngày thi cuối khóa nên chị nhờ người bạn trai là hôn phu chờ chúng tôi đi làm giấy tờ và mua ít vật dụng cần thiết. Tôi đi trong thương xót rộng lớn, rồi bỗng sáng mắt khi nhìn thấy quầy bán nịt ngực, Chao ơi nhiều! đủ màu đủ số. Tôi mân mê vuốt nhẹ lên từng phiến vải mềm, như muốn cảm nhận được tất cả sự dịu êm của từng miếng ren vải lụa, thấy lòng hạnh phúc reo vui như thể được cái gì quý giá lắm. Tôi chọn lấy một cái vừa vặn và một quần lót nhỏ cùng màu. Thế nhưng đến lúc ra quầy tính tiền, nhìn thấy người bạn trai của chị đang đứng chờ, tôi chợt thấy ngại. Tưởng tượng phải thả cái nịt ngực và cái quần lót nhỏ xuống trước mặt anh, tôi đã thấy ngượng. Tôi len lén bỏ lại, mơ hồ một cảm giác luyến tiếc sâu kín...

Hai em tôi đã chọn được cặp tã, vở học, và một ít quần áo. Còn tôi, tôi đã dành trọn thời giờ bên quầy nịt ngực...

Bây giờ tôi đã có nhiều chiếc nịt ngực, khác màu, khác kiểu. Nhưng trong một góc ngăn kéo, tôi vẫn còn giữ lại cái chiếc chật cũ của những ngày tị nạn. Và trong một góc ngăn kéo rất sâu thẳm của ký ức vẫn như còn đọng lại hình dáng một chiếc nịt ngực ao ước mãi của ngày xưa...

Sau này, khi các con tôi khôn lớn, sẽ có một lúc nào đó tôi dẫn vào thương xá, rồi như vô tình, đi ngang quầy bán nịt ngực, tôi sẽ kể các con nghe về chút kỷ niệm của thời mới lớn. Đơn giản thôi các con! Chỉ là một chiếc nịt ngực, mà đã từng là niềm mơ ước, nỗi ám ảnh của mẹ trong một khoảng đời con gái.

Giờ đây, tuổi trẻ các con lớn lên trong mem ấm chắn êm. Thấy những gì đang có sẵn là tự nhiên, là bình thường. Đôi khi còn than thở, so sánh... Có biết đâu có những không gian và thời gian mà ở đó, ngay cả những cái nhỏ bé bình thường nhất cũng có thể là nỗi tủi nhục, niềm ao ước cháy bỏng. Đừng nói chỉ đến cái bầu trời tự do để thờ như ở đây thì đã là quá tuyệt diệu và đã từng đánh đổi bằng biết bao là đau khổ chồng chất.

Có một thời gian, những câu chuyện vượt biên thống khổ như những vết thương mà người ta muốn quên đi để bớt nhức nhối trong một cuộc sống mới xa lạ và tất bật. Thế nhưng khi có dịp ôn lại và tìm về những kỷ vật cũ ấy, tôi chợt nhận ra rằng những đề tài cũ và đầy dấu tích đau khổ ấy, lại là những bài học tiêu biểu vô cùng cho những thế hệ sau...

Và tôi hiểu ra rằng đó còn chính là bài học cho chính tôi...

Ôi thảm nạn của những cuộc hành trình vượt chết vô tiền khoáng hậu! Ôi những chiếc tàu nhỏ bé một bloc chỉ có thể chạy trên sông mà đã băng biển vượt sóng rồi giông tố biển khơi, hải tặc tàn bạo, và nhục nhằn của bao người trong cuộc hành trình vượt chết... Thế mà bây giờ, tôi ngồi đây, trong cuộc sống có thể gọi là đầy đủ, nhiều lúc lại cho rằng đời sống sao mà khổ! Nào con cái, việc làm, nhà cửa, sao mà bận bịu! Nào "bill", nào "Job", nào chứng khoán trời sụt... nhưng nghĩ cho cùng, thì có phải là những ngày đêm dài thăm thẳm trôi dạt trên thân tàu sắp vỡ, lúc gần chôn thân trong biển lạnh, lúc cận kề cái chết trong gang tấc, tôi chỉ ước mơ đứng trên đất liền, được sống... Có phải là khi ra đi tôi chỉ mong một bầu trời tự do hơn để thờ, có phải là tôi đã ngu quên cái hạnh phúc lớn lao mà

biết bao người không may mắn có được... và, nhìn lại tủ áo, có phải là một lúc nào đó trong đời tôi chỉ ao ước một cái nịt ngực...

Có nghe, có đọc, có nhớ, có hình dung lại những cuộc hành trình biển đông năm xưa thì dường như ta mới cảm nhận được thấm thía hơn tất cả cái may mắn và hạnh phúc mình đang có.

Những thống kê về di dân đã cho thấy thế hệ di dân đầu tiên, như chúng ta, là thế hệ làm cầu nối cho các thế hệ kế tiếp vốn không có chút kỷ niệm và ấn tượng gì về quê hương mà cha mẹ đã phải bỏ lại. Đó là những thế hệ rất dễ ngày càng xa nguồn gốc nếu không được học hỏi giá thích.

Tôi tự nhủ, tôi sẽ không nhất thiết phải đi làm cho thật nhiều để các con có cuộc sống dư thừa, rồi để lại cho các con gia tài tiền của. Nhưng, đại dương sóng sau dồn sóng trước, tôi sẽ góp phần làm gạch nối giữa các con với những giá trị muôn đời của cội nguồn dân tộc. Các con sẽ được chia xẻ, rút tỉa những kinh nghiệm quý báu của cha ông đồng thời học hỏi những cái hay cái lạ của xứ người. Cái đó mới là cái đẹp riêng, là gia tài hành trang của các con, khi một lúc nào đó nhìn màu da khác người bản xứ, sẽ tự hỏi: "Tôi là ai? từ đâu đến, vì sao tôi ở chốn này?" Các con sẽ được giải thích dễ hiểu rõ, dễ tự tin, hãnh diện, và sẽ có lúc giải thích cho các con của mình hiểu. Những lúc yếu mềm, không nghị lực, không lối thoát, hãy lăn bành một chút về dĩ vãng, học ở đó những bài học xương máu. Khi tìm hiểu về những chiến trận anh hùng, những hành trình thống khổ đầy gương can đảm, các con sẽ thấy rằng ở đời có muôn ngàn cái khổ, nhưng có những cái khổ và cái can đảm làm rung chuyển lương tâm nhân loại. Máu, mồ hôi, nước mắt nhiều khi liên tiếp đổ ra mà chưa chắc đánh đổi được những gì chúng ta đang có. Rồi hãy hít thở đi cho ngập tràn khí quản cái tự do hạnh phúc quý báu vô vàn, rồi can đảm tiếp bước đi trên đường đời ngang dọc.

Đừng quên rằng chung quanh chúng ta, có những không gian và thời gian mà ở đó có những điều cần thiết, tuy nhỏ bé và bình thường, nhưng chỉ một chiếc nịt ngực thôi, cũng có thể là nỗi ước ao triền miên của những khoảng đời cơ cực...

:::Amy Phương Lê :::

Họ Tên: Amy Phương Lê

Nghề Nghiệp: Computer Programmer/Real Estate Broker

Hiện đang nghĩ làm để học xong Teacher Credential/Master of Science of Education.

Suy nghĩ về cuộc thi viết "Chuyện Kể Hành Trình Biển Đông ":

Xin hoan hô và ủng hộ hết mình! This is for a great cause! Khi các con mình đi học ở trường, các thầy cô thường bảo các cháu kể và viết essay về "How your Dad and Mom came to America". Và các cháu cần làm thuyết trình, research...Các cháu và bạn bè thường thắc mắc hỏi về về những đề tài như thế. Có thêm những tài liệu và chuyện kể về cuộc hành trình này thì thế hệ mai sau và những người ngoại quốc sẽ càng hiểu được nguyên do chúng ta phải ra đi, ra đi bi thảm như thế nào, cùng với biết bao hoàn cảnh nghiệt ngã, oan khiên khác. Người American Indians năm 1838 có cuộc hành trình thống khổ, out of their ancestral homeland to over 1000 miles away to Indian Territory. They called it "Trail of Tears" (Trail Where They Cried). To me, our stories have no less tears...Even more..not only trails of tear but also rivers of bloods. Our journeys were thousands, thousands of miles away, and we crossed no just land but also seas - overseas..

And thus we cried...

And now we speak

So that you know...

Bà Bảy Vượt Biển

Ngọc Đẹp

Chuyến đi vượt biển để tìm tự do của tôi rất là may mắn, không gặp cướp biển mà chỉ bị sóng biển và mưa gió nhưng cũng đủ để làm tôi hoảng hốt không dám vượt biển lần nữa. Dần dần tôi quen với mọi người chung quanh, tôi mới biết được là mọi người đến đảo đều mang theo một câu chuyện vượt biển khác nhau mà nơi dừng chân lại giống nhau, đó là tìm tự do.

Tôi ở lại “khu C” là nơi trung tâm sinh hoạt của đảo Pulau Bidong bây giờ, gần bãi biển, chợ, trường học, thông tin văn hóa, gần cả nhà thờ, chùa v.v... Buổi chiều ở đảo cuối năm sao mà mưa thật lớn, mưa ngập cả lối đi, cơn mưa kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ, có thông báo trên đài phát thanh, có tiếng nghe được có tiếng nghe không. Nhưng chúng tôi vẫn đoán được là có người mới đến đảo. Một số người cùng xóm đã mặc áo mưa đến hội trường để đi tìm người thân, nhưng lúc về họ bảo rằng chẳng thấy ai quen cả. Nghe nói đầu toàn là đàn bà con nít, điểm khởi hành là vùng miền Tây sông Hậu Giang. Chẳng có ai là dân xứ khác cả, tôi nghe đến đây thì vội mừng, lát nữa trời tạnh mưa tôi sẽ đến hội trường tìm người thân hay bạn bè gì đó, biết đâu sẽ tìm được người quen, đem về ở cùng nhà cho vui. Cùng người bản xứ thì lúc nào cũng vui hơn.

Trời vừa dứt cơn mưa, tôi đang loay hoay với bữa cơm chiều nấu chưa xong, thì có một anh chàng đến tìm tôi và bảo: “Nhà chị có hai người phải không?” Tôi đáp: “Dạ, đúng như vậy!” Anh nói tiếp: “Chị đón người mới nhập trại, chỉ có nhà chị chưa đủ 15 người, ngoài ra những nhà khác đông lắm, không thể ở được, đây là một gia đình xin chị đón tiếp giùm”.

Trong đầu tôi nghe loáng thoáng 15 người. Trời ơi? Sao mà đông thế. Qui định chỉ có 10 người cho một căn, mà bây giờ lên đến 17 người, không biết làm sao bây giờ. Anh ấy quay trở về phòng làm việc, và một lúc sau anh tay xách nách mang vài thứ gì đấy cùng với bà mẹ khá lớn tuổi ngoài 50, cùng với lũ trẻ 14 nhập chung nhà với tôi.

Tôi chỉ cho bà chỗ nghỉ, rồi phụ giúp má y đưa bé tắm rửa. Cơm chiều cũng đã xong, tôi mừng thầm, bà mẹ với 14 đứa trẻ thì vui mừng nhà lắm. Vài ngày sau, tôi mới biết bà không phải là mẹ của chúng nó, đứa gọi bằng bà nội, đứa gọi bằng bà ngoại, có đứa gọi bằng bà. Sao bà can đảm thế, dẫn cả lũ nít đi vượt biển, tôi khâm phục bà lắm. Tôi và em tôi tìm cách nói chuyện với bà, nhưng bà không nói chỉ gật đầu với lắc đầu, đưa tay làm hiệu thế là xong. Cứ mỗi lần ăn cơm với bà, bà chỉ để đôi đứa lên trên chén cơm rồi khấn nguyện điều gì khá lâu, xong bà để chén cơm xuống ngay miệng định ăn, thì nước mắt của bà cứ tuôn tràn, rồi bà ngưng không ăn được. Động tác như vậy, cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Hình như chén cơm của bà đã đầy cả nước mắt. Bà ăn được một phần chén cơm, rồi lại bỏ đi nằm. Bà luôn luôn nằm quay mặt vào vách, tiếng khóc nghe nức nở lắm. Tôi thông cảm cho bà, tình trạng những người mới tới đảo, ai cũng nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân. Suốt ba tuần lễ ở chung, bà chỉ nói câu “Cám ơn cháu”, vậy là xong. Những đứa trẻ đi theo bà, đứa lớn nhất 9 tuổi, còn nhỏ nhất là 2 tuổi. Tôi săn sóc hai đứa trẻ nhỏ nhất cho bà, còn những đứa khác có đứa tự lo lấy cũng được.

Ít lâu sau, tôi mới nấu cơm đãi bà. Bà trông khỏe hơn trước, nhưng nỗi buồn niềm tâm sự ảo não. Trong buổi cơm, chẳng có gì đặc biệt, toàn bộ thực phẩm được cấp. Nhưng tôi làm rất nhiều món, trước khi ăn cơm, tôi cẩn thận nói với bà: “Thưa bác, ngày mai hai chị em con sẽ rời trại, để trại chuyển tiếp. Bữa cơm hôm nay là bữa cơm chia tay với bác”. Tôi mới nói đến đây, bà ôm chầm lấy hai chị em tôi, lại khóc nữa, sao bà nhiều nước mắt thế! Tôi cầm tay bà, tay bà lạnh khô cứng, có lẽ vì làm việc quá nhiều.

Ăn cơm xong, hai chị em tôi bận rộn với việc rời đảo ngày mai, bà đến bên cạnh tôi ngồi xuống và nói: “Cám ơn hai cháu nhiều lắm, nếu không có hai cháu bà không thể nào chăm sóc cho đám trẻ này được”. Và bà tự giới thiệu bà là bà Bảy rồi nói: “Cháu cứ gọi bác như thế!” Tôi ở với bà gần một tháng mới biết được tên bà.

Xong bà nói tiếp:

“Con gái của bác, nếu nó còn sống thì nó cũng cỡ tuổi cháu, hình dáng bề ngoài và giọng nói cũng giống như cháu. Mỗi lần nhìn cháu bác lại nhớ đến nó. Nay tụi cháu đi rồi, thì nhà này buồn lắm”. Tôi an ủi bà, càng an ủi bà càng khóc, tôi không biết phải làm sao? Có lẽ bà muốn gắn chặt tôi với bà hay bà muốn nói với tôi điều gì đó. Tôi nói với bà: “Sau này bác có đến trại chuyển tiếp, bác tìm con”. Tôi đưa tên họ và địa chỉ cho bà. Bà bảo bà không biết đọc chữ. Tôi hỏi quê quán bà, mới biết bà ở ngay đầu xóm quê ngoại tôi. Bây giờ tôi nhìn rõ, bà đã đến nhà ngoại tôi vài lần, trong lúc nghỉ hè, tôi có ở đó chơi. Còn nhớ bà đem biếu ngoại tôi nhánh cau giòn mới hái. Đến thăm nhau hàng ngày, mà sao bây giờ bà đến đây rồi. Bà vui mừng ôm chầm lấy tôi, hình như bà đã tìm được an ủi và nỗi nhớ thương. Lúc này, bà mới cẩn thận kể lại chuyện vượt biển của bà cho tôi nghe. Câu chuyện chưa kết thúc, thì đêm cũng tàn, bà quá mệt mỏi và sang mai tôi lại rời đảo. Bà kể:

“Chuyến đi của tôi rất nhiều tổn kém. Tàu lớn, máy móc đem theo nhiều, vì tàu đa số là đàn bà và trẻ em, cùng với mấy đứa con của bà, rể, dâu, cháu nội và cháu ngoại gọi bà bằng cô, bằng dì. Để bảo đảm không bị công an bắt,

ba đứa con của bà vừa cải tạo xong chúng nó muốn đi an toàn, chúng tôi phải tốn 10 cây vàng để che mắt tụi công an đưa chúng tôi ra khỏi hải phận.

Ra tới hải phận quốc tế trên tàu là 74 người cùng chúc mừng nhau vượt khỏi hiểm nghèo, đi biển không như mình tưởng tượng được. Trải qua một đêm rồi đến ngày hôm sau, khoảng 4 giờ chiều, tàu chúng tôi gặp một tàu mà chúng tôi tưởng là tàu cứu người ngoài khơi, mọi người đều náo nức vui mừng vì có tàu cứu giúp. Không ngờ, tàu ấy cặp vào tàu chúng tôi, một số người nhảy vọt lên, người cầm dao, người cầm cây. Tất cả 9 người, ai cũng có vũ khí đe dọa, chúng ra dấu bảo đưa tiền, vàng. Chúng tôi trên tàu ai cũng đưa cho để được thoát nạn. Xong, chúng bỏ đi, khoảng hai tiếng đồng hồ sau, lại có một nhóm khác nữa đến, cứ thế cho đến ngày thứ hai, tổng cộng bọn cướp tàu chúng tôi là năm lần. Chúng tôi bàn với nhau, tất cả tài sản mà mình mang theo hãy bỏ chung với nhau, mỗi lần gặp cướp lại chia ra một ít, như thế hay hơn để bảo đảm an toàn.

Mọi người đồng ý với nhau, thêm hai chiếc tàu cướp tới nữa, chúng tôi lại đưa tiền cho họ. Có lẽ chê ít hay sao đó, họ tách rời phụ nữ ra, dẫn sang tàu chúng, tất cả 17 cô gái, xong họ hăm hiếp, mặc cho tiếng kêu cầu cứu gào thét của phụ nữ, xong họ trả phụ nữ lại tàu. Chúng nó bàn tính với nhau rất lâu rồi quyết định đục thủng thuyền của chúng tôi, phá cho hư mấy, tất cả lương thực nước uống mang theo đều bị chúng quăng xuống biển. Thuyền của chúng tôi bị nước ngập tràn phân nửa, mọi người bắt đầu lo sợ, và hì hục tát nước ra. Đến nửa đêm, ai nấy đều mệt và cứ để cho thuyền trôi. Phần vì bị say sóng, phần thì đói lạnh, khát nước, nên đã ngủ thiếp đi. Vào lúc nửa đêm, sóng to bắt đầu nổi dậy, ai cũng lo sợ thuyền của mình bị chìm, phụ nữ thì lo ôm con vào lòng, thanh niên thì lo tát nước, tiếng khóc của trẻ em tiếng to tiếng nhỏ, phụ nữ bị hăm hiếp thì chỉ biết ôm gối ngồi khóc thút thít, hình như tiếng khóc đó không ngưng được. Trên tàu, trẻ em đòi mẹ cho ăn, rồi tiếng chửi thề của ai đó trên tàu “Cướp gì thì cướp, tại sao còn quăng hết đồ ăn xuống biển, bây giờ trẻ em đói lấy cái gì mà ăn”. Hình như lúc nào trên tàu cũng có tiếng phản nản tụi cướp quá dã man.

Mờ mờ sang hôm sau, chúng tôi lại thấy xuất hiện thêm hai tàu trước mặt, không ai đoán sai cả, đó là tàu cướp. Chúng cướp gì nữa bây giờ, trên tàu đâu còn gì để cướp, đồ quý giá, đồ ăn, đồ dụng, phương tiện vượt biên đã chìm cả dưới lòng đại dương. Đàn bà, con gái đã bị chúng hành hạ, bây giờ còn đến làm gì? Thôi thì cứ xuôi theo định mệnh là xong. Thuyền chúng cặp hai bên thuyền của chúng tôi, sau vài phút quan sát, tất cả bọn chúng độ khoảng 20 người, đến từng người lục soát. Hỏi han la lối, mọi người trên tàu không ai trả lời. Không hiểu họ nói gì, nhưng chúng tôi cũng thừa biết rằng họ muốn vàng và đồ quý giá, tiếng trẻ con càng khóc lớn hơn nữa. Trên tàu bọn cướp không còn tìm ra thứ gì đáng giá nữa, chúng bèn kéo tất cả phụ nữ lên đăng trước mũi tàu, những đứa bé khóc la đòi mẹ, bọn cướp vẫn không màng quan tâm đến. Chúng xô đẩy chị em phụ nữ qua hai tàu của chúng, còn lại năm phụ nữ chúng lấy dây trói lại hết, lột quần áo quăng xuống biển và chúng đe dọa hăm hiếp trước mũi tàu, trước cặp mắt của mọi người, tiếng la hét của những người bị hiếp, tiếng cầu cứu của những người bị bắt đi, nghe sao mà thê thảm quá! Trên tàu, phụ nữ chỉ còn lại có tôi, có lẽ bọn cướp chê tôi quá già, xấu xí, nhờ vậy tôi thoát được cảnh này.

Đau đớn hơn nữa là con dâu tôi, ôi sao mà tội quá! Con dâu tôi vừa mới cưới đầu năm, cuối năm tôi dẫn đi vượt biên với cái bụng đã căng tròn, hình dáng bên ngoài rất là mệt mỏi, phần vì đói, không quen đi biển lại mang thai lớn. Mà bọn cướp cũng không tha cho nó. Giờ đây nằm giống như người chết trên mũi tàu, toàn thân nó không có thứ gì để che, con trai của tôi (chồng nó) không thể chịu được cảnh vợ mình mang bầu mà lại bị hăm hiếp, nó đứng dậy chạy tới, xô tên cướp sang một bên. Tên cướp lao đao té xuống thuyền, xong nó vùng dậy và nói gì đó với đồng bọn, lập tức chúng nó xuất hiện trên tay mỗi đứa đều có một con dao mũi dài và cong, chúng nhảy sang tàu chúng tôi chém. Tất cả mọi người còn sống sót. Có một thằng đưa tay cao chém thật mạnh vào cổ thằng con trai tôi, đầu rớt xuống biển, máu phọt ra, thân thể ngã rầm xuống tàu, tôi nhào tới ôm lấy con, tay chân nó còn run, tim của nó vẫn còn đập, tôi áp mặt vào ngực nó, ôm chặt nó vào lòng. Máu của nó thêm một lần nữa hòa tan vào người tôi và lúc ấy tôi đã chết cùng với con trai tôi, mặc cho chung quanh tiếng la hét, tiếng khóc lóc, tiếng kêu của trẻ em, tất cả cùng tôi chìm vào biển sâu.”

Vừa lúc này, trời ở đảo Bidong có gió lạnh từ biển thổi vào, tôi biết đêm đã khuya, tiếng nói cùng tiếng khóc của bà thì thoảng bên tai tôi nhỏ dần, nhỏ dần rồi tan biến trong đêm tối. Tôi nghĩ bà đã ngủ hoặc vì thương nhớ con mà không thể kể tiếp được giờ phút hải hung ấy mà bà đã chứng kiến.

Câu chuyện của bà kể cho tôi nghe đến đây coi như kết thúc. Nhưng tại sao bà còn sống và nằm cạnh tôi như bây giờ, tôi thật có nhiều câu hỏi cho bà, nhưng lại không dám đánh thức bà dậy. Sáng mai tôi rời đảo rồi, hoàn cảnh của bà làm tôi rung động, suốt đêm tôi cứ nghĩ lung tung, gia đình bà đã tan nát, không còn nữa, phần máu thịt bà đã tan trong lòng đại dương, mang theo cả linh hồn và sự sống của bà. Bây giờ bà chỉ còn có cái xác gầy gò khô héo, cùng với trách nhiệm nặng nề là đám trẻ mồ côi của bà. Bây giờ tôi mới hiểu thái độ thờ ơ, lạnh lùng của bà lúc bà mới đến ở với tôi. Tôi lại thấy thương bà hơn bất cứ một ai và tôi cũng không muốn rời bà, tôi muốn ở lại thêm với bà một ít lâu nữa. Nhưng chuyện đó tôi không quyết định được.

Chúng tôi chia tay bà, thông thường mọi người rời trại vui vẻ, hăng hái ra đi mà sao trong lòng tôi còn quặn luyến sâu đậm. Tôi rời trại cứ suy nghĩ mãi ...Bà đã chết cùng với con bà trên biển mà tại sao ngày hôm nay bà lại còn kể câu chuyện của bà cho tôi nghe. Thật là một sự huyền bí! chứa trong lòng tôi bao nhiêu câu hỏi mà không sao trả lời được.

Một tháng sau, tôi gặp lại bà tại trại chuyển tiếp của Mã Lai (trại Sangei Besi), bà lại ôm lấy tôi vừa cười vừa khóc, thế là bao nhiêu câu hỏi ám ức lâu nay đều mang ra nhờ bà giải đáp.

Bà bảo rằng bà đã chết trên con thuyền đầy máu ấy. Rồi cơn mưa buổi tối ấy rất lớn, nước ngập lên cả tàu nữa, ngập đến chỗ của bà nằm, bà cố gắng ngồi dậy, nhưng không sao ngồi được, cả một khối nặng đè lên người bà, bà cố gắng hết sức cũng không lay chuyển được, đó là những người trên tàu chết và đè lên người của bà. Một lúc khá lâu, một cơn sóng biển thật mạnh đánh vào mạn thuyền, hất tung khối đè nặng trên người bà. Bà lật đật ngẩng đầu lên để mà thở trong bóng tối dày đặc của biển, bà cũng không biết được bà đang ở đâu. Bà sờ soạng trong bóng tối, bà không nhớ được chuyện gì đã xảy ra cho bà. Bà đưa tay mò mẫm chung quanh để tìm phương hướng, đụng phải mạn thuyền rồi bà lần mò đến đó, để hai tay lên mạn thuyền, hai chân bà đứng trên những xác chết nằm ngổn ngang trên thuyền, bà nhắm mắt lại, không nghe một cử động nào hay tiếng người nào đó chung quanh, mà chỉ còn tiếng thì thầm của sóng biển, lúc này bà mới nhớ ra tàu đã bị cướp và tất cả đã chết. Bà nhắm mắt lại, nguyện cầu cho những linh hồn đã ra đi, và nguyện cầu cho có một cơn sóng lớn tới để mang bà đi cùng với thân nhân của bà. Đến sáng hôm sau, mặt trời đã lên cao, bà tỉnh dậy bằng tiếng khóc của trẻ em. Không phải một tiếng mà rất nhiều tiếng. Bà quay lại nhìn đằng sau khoang tàu, nơi mà phần dưới ghế máy chạy, phần trên được che một cái mui để ngồi lái, không to lắm, khoảng bằng một cái giường để ngủ. Bà run rẩy đi về hướng ấy, thì ra những đứa trẻ trên tàu đều tập chung ở đó. Không có ai là người lớn cả, toàn là trẻ em, bà nhìn lại trên tàu, khoảng ba mươi xác chết nằm ngổn ngang, trôi bồng bềnh qua lại, nước đã vào hơn nửa thuyền, nước mưa, nước biển và máu trộn chung với nhau. Có những xác chết không đầu, bà biết trong đó có cả con của mình, dâu, rể và cháu của bà. Bà không dám nhìn nữa chỉ biết ôm chặt những đứa bé còn lại trên tàu, nước mắt của bà cứ trào ra. Bây giờ bà chỉ còn có một ước mơ duy nhất là cho sóng biển nổi lên, mưa thật lớn để tàu bà được chìm trong biển cả, và tất cả sẽ đoàn tụ bên kia thế giới.

Qua thêm một ngày nữa, tàu bà lênh đênh trên biển đã là ngày thứ năm. Đến trưa hôm ấy bà thấy một chiếc máy bay. Bay tới, bay lui trên đầu bà rồi họ phóng thanh nói gì bà chẳng hiểu, rồi lại bay mất. Vài tiếng đồng hồ sau, cũng chiếc máy bay đó dẫn đến hai con thuyền thật lớn, họ cặp vào tàu bà, rồi lần lượt đưa bà cùng lũ trẻ sang tàu họ. Ngày hôm sau bà đến Bidong cùng 14 đứa trẻ mồ côi, người cứu bà đã phát hiện nhiều xác chết trôi trên biển. Khi tôi gặp lại bà trên trại chuyển tiếp, bà rất vui mừng vì đoàn tàu của bà được trực tiếp sang Mỹ trong thời gian sắp tới. Hiện nay tôi không biết bà đang ở đâu trên đất nước này. Những đứa bé đó bây giờ thực sự đã trưởng thành, không biết chúng còn nhớ lại chuyện vượt biển đau thương ngày nào không? Lúc ấy là cuối năm 1985 và đang bước vào mùa xuân năm 1986.

Tôi nhớ tàu của tôi đến Bidong trước tàu bà. Tàu của tôi là MB- 464, Nhóm tàu của bà lên đảo cách đó ba tuần. ..được gọi là MB-474 hay MB-477 Tôi không nhớ rõ lắm

:::Ngọc Đẹp:::

* Tên: Phan Ngọc Đẹp

* Tên thật: Nguyễn Ngọc Đẹp

* Tên thường gọi: Lê Trinh

* Sinh năm: 1961 tại Huyện Kế Sách. Thị xã Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang (lớn lên và vượt biên tại đây)

* Học lực: Tốt nghiệp lớp 12 năm 1980.

* Vượt biên: Năm 1985

* Đến Mỹ năm 1986, học College ra trường năm 1990, đi làm và lập gia đình.

* Gia cảnh: Chồng (Phan Phương) và một bé trai (Phan Khoa Jonathan)

* Cha và anh đều phục vụ cho chế độ VNCH trước 1975. Cha và mẹ hiện sống ở Mỹ. Có bốn chị em gái cũng sống ở Mỹ. Còn một người chị và một người anh kẹt lại Việt Nam sẽ định cư ở Mỹ vào mùa hè 2003. Hiện đang sống tại Portland, Oregon.

S.O.S

Dạ Châu

Đã hơn mười mấy năm im lặng bây giờ tôi mới viết về một đề tài mà mỗi khi hồi tưởng, không riêng tôi mà cả đồng hành, đồng cảnh, đồng bào tôi, vẫn thấy xúc động bàng hoàng.

Viết lên đề loài người trên trái đất này biết được một chuyện tưởng như hoang đường nhưng lại có thật ở thế kỷ 21 này. Để những ai còn có tình quê hương, tình người, tình yêu, tự do phải đọc, phải biết lưu truyền cho hậu thế. Tôi không hề viết cho những kẻ không tim, thủ phạm đã gây ra cảnh này, mà từ lâu không ai coi họ là người.

Phải tự hào rằng dân tộc Việt nam có tinh thần tự do cao nhất. Vì mấy ai dám lìa bỏ quê hương, đánh đổi mạng sống của mình trên đại dương mệnh mông, nguy hiểm để không biết được bến bờ xa lạ nghìn trùng và chẳng mấy may hy vọng được gặp lại người thân yêu.

Sau nhiều năm ở trại tù cải tạo về, tôi bị thôi thúc đi vùng kinh tế mới dù địa phương này là nơi tôi đã sống mấy chục năm qua. Tôi trở thành một kẻ vô thừa nhận, không có quyền công dân, không hộ khẩu, và buộc lòng phải về Bà Rịa sinh sống.

Một chòi tranh nhỏ, một cây đàn guitar cũ, và một chiếc võng đong đưa tôi hướng về rừng sâu và nghe bạn xưa thì thảo: Phục quốc! Thế là tôi ngược xuôi xạo như con sói cô đơn muốn tìm về bầy để mong cầm lại súng gươm xưa mà chùng tôi đã bị ép uống buồng bỏ một cách tức tưởi nghiệt ngã. Tôi dò mắt tìm không thấy một mặt trận nào, ngoại trừ vài chiến hữu tuyệt vọng trở về.

"Tự Do hay là Chết", ý tưởng này đưa tôi vào đường vượt biên. Tôi lần mò từ ngã ba Vũng Tàu, Ấp Mới, Ngọc Hà, Phú Mỹ, Ông Trính, Láng Cát, Phước Hòa, Chu Hải, Bến Súc, Rạch Dừa, Sao Mai, rồi Vũng Tàu, Long Hải, Phước Hải, Phước Tỉnh, Long Sơn. Với đủ các nghề: đập xích lô, công nhân lậu, đưa đồ, khuôn vác, chùi rửa ghe già cào... Tôi lần la, tiếp cận để tìm đường vượt thoát.

Suốt 8 năm trời rông rã, tôi tham dự 22 chuyến từ Nam ra Bắc, từ đường bộ đến đường biển, đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt, nguy hiểm tù đầy, mất trắng tiền bạc gom góp của gia đình vốn đã kiệt quệ. Mãi đến năm 1988, tôi vừa bề một chuyến tổ chức hết sức ngoạn mục tại bãi Sao Mai - Vũng Tàu, ngay trước mũi đồn công an biên phòng, làm chúng ngơ ngác và dân địa phương khâm phục sự can đảm cao độ, tính toán tinh vi của chúng tôi.

Được tin nhà nhắn ra, tôi vội vã về Sài Gòn để kịp chuyến thứ 23 do một đàn em của tôi tổ chức. Bàn doanh đặt ngay nhà tôi, một quán ăn ven xa lộ 1A. Chúng tôi thuê một chiếc ghe dài 13 m, ba máy lốc xanh của trường Thủy Sản thành phố Hồ Chí Minh ra Bà Rịa chờ khô mì khô về Sài Gòn. Thủy thủ đoàn gồm một áp tải trưởng ghe, một tái công, và một thợ máy. Phía chúng tôi gồm một áp tải và ba nhân công khuôn vác, tất cả đều có võ nghệ.

Ghe ra đến sông cái, chúng tôi rủ rê bày tiệc rượu trên cabin. Rượu được pha thuốc ngủ cho chúng uống nhưng vì mua nhầm thuốc dôm nên chúng tôi phải ra tay áp đảo và trối gô cả bọn lại trong khi chúng ngạc nhiên đến tức cười. Mỗi tên được ngậm một trái chanh, quần kín băng keo, và nhốt xuống khoang. Phe ta thanh thân lái đến điểm hẹn kịp đúng kế hoạch. Trong khi đó, trên bộ xe gắn máy gom khách từ nhiều điểm hẹn rải rác giao cho hai xe lớn của Công An Bộ Nội Vụ 2, hai xe hộ tống qua trạm xa lộ Đại Hàn và trạm ngã ba Vũng Tàu một cách an toàn, rồi đến bãi đáp là tại nông trường Bộ Nội Vụ 2 thuộc ấp Quảng Phú, xã Phú Mỹ. Toàn bộ khách hàng xuống êm thấm và đi hàng một ra bãi. Cùng lúc các xuống nhỏ chở hai hoặc ba người từ các ngã len lỏi qua rạch ngòi chằng chịt để đến điểm hẹn hội tụ.

Ghe xuất phát từ trùng điệp chà là, tràm, được của khu rừng Sát mệnh mông, khi nắng chiều nhạt dần về phía tây núi Thị Vải. Máy Ghe nổ êm đưa ghe đi chậm chậm, vượt từng thước nước như ngập ngừng e ngại trong sự hân hoan lẫn lo sợ của mọi người.

Chu Hải, Láng Cát chỉ còn là một vệt mờ dài nhạt nhòa rồi đen thẫm dần trước khi lẫn vào màn đêm đang nhàn nhả buông xuống. Hướng Long Sơn vài ánh đèn nhỏ nhoi, lẻ tẻ, từ các đàn đày hoặc từ các ghe xuống về muồn nhấp nháy làm thành một cảnh sắc rờn rợn đến lạnh người.

Tôi kéo cao cổ áo khoác khi hơi gió lạnh trườn đến từ cửa biển xa, miệng đắng nghét thêm hơi thuốc lá, định tìm bao thuốc Vĩnh Hảo thì chợt nhớ ra mình đang "hành quân"! Một sơ xuất nhỏ có thể dẫn đến tai họa to lớn vô cùng!

Con sông thì vãi như trải rộng ra khi thủy triều dâng lên. Đằng sau tàu sắt tuần duyên biên phòng đi áp tải yểm trợ vẫn lầm lì giữ một khoảng cách vừa phải.

Nhìn thấy ánh đèn quét dài của ngọn hải đăng từ núi lớn Vũng Tàu, tôi lâm râm khấn niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cầu mong ngài tế độ cho chúng tôi vượt thoát êm xuôi giây phút căng thẳng này: Ghe đang vượt trạm.

Tôi quay đầu lại nhìn ánh đèn hải đăng lần nữa để thầm nói lời giã biệt. Gió từ cửa biển càng lúc càng thổi mạnh vào, máy ghe gầm lên, phóng nhanh dẫn bỏ lại những hàng đày giăng giăng. Bỗng bên kia cửa biển, trạm kiểm soát nhấp nháy đèn pha gọi vào. Sóng đã quyết, chúng tôi tăng ga phóng đi xuyên vào đêm đen.

Đến gần cửa biển, tàu yểm trợ nhả ra một ca nô nhỏ chạy cặp sát ghe chúng tôi để đón tài công sông trở lại bờ. Tay lái được trao lại cho tài công biển...dòm.

Hai bên chúc nhau bao nhiêu lời tốt lành. Chúng tôi chút hết tiền Hồ vào gần đây chiếc nón lá tặng cho K...người tài công lão luyện đã tài tình lách đưa ghe ra đến đây.

Sóng gió bắt đầu nhồi xóc ghe. Tôi vào ca-bin nằm xuống, tự nhiên khoé mắt ứa ra hai dòng nước mắt. dù sung sướng đã vượt qua giai đoạn nguy hiểm, lòng chạnh nghĩ đến phải dứt áo giã biệt gia đình và quê hương thân yêu ra đi mà không biết bao giờ được gặp lại!

Tiếng máy ghe vẫn tiếp tục gầm rú, chúng tôi phải chạy nhanh tới đa.

Về người tài công biển, trước là sĩ quân hải quân nên được tuyển chọn nhưng không ngờ y không phải là hải hành nên vừa nhận tay lái là y nôn thốc nôn tháo rồi nằm lẩn ra một đồng! Do đó chúng tôi phải nhảy ra thay phiên nhau lèo lái chiếc ghe. Do thiếu kinh nghiệm nên gây ra tai họa về sau.

Ghe chạy miệt mài mấy ngày đêm thì một giàn khoan hiện lên từ xa xa. Mọi người hầu hết ới mưa, nằm ngồi la liệt. Chúng tôi hội ý khẩn cấp và đặt ống nhòm, không thấy hiệu kỳ nên đoán mò là giàn khoan....Mã Lai, bèn quyết định cho chĩa mũi ghe vào. Khi cột giây neo rồi mới tá hỏa là giàn khoan Việt Xô!

Ba tên VC được chúng tôi nhân đạo không giết và cho đi lại tự do trên ghe liền lớn tiếng kêu cứu. Tức thì họ thả xuống một thang dây có lưới, kéo ba tên VC kia và những ai muốn lên.

Một người nói tiếng Việt qua loa phóng thanh:" Ghe các người đã bị bắt. Chúng tôi đang liên hệ với Đặc Khu Vũng Tàu -Côn Đảo, tàu sát công an biên phòng sẽ ra dẫn độ tất cả về thụ lý "

Mọi người lại hội khẩn cấp, rồi quyết định: tìm cách chặt dây neo đi tiếp, chứ để sa vào tay chúng cũng như chết mà thôi. Nhưng ai là người dám làm công việc đầy nguy hiểm này?

Tôi khẳng khái lãnh nhận. Bất chấp những tiếng la vọng xuống từ trên giàn khoan hoặc khả năng có thể bị bắn chết, tôi từ từ bò ra, tay nắm chặt con dao inox nhỏ. May mà sợi dây neo bên bằng sợi dây cước chỉ cỡ cườm tay thế mà sau khi rắng hết sức cắt đứt nó, bàn tay tôi cũng chảy đầy máu.

Ghe đã nổ máy sẵn và chỉ đánh nhẹ một vòng cung hướng mũi ra khơi, mọi người đều vui mừng.

Chạy thêm một đêm, máy ghe bắt đầu khục khặc. Người hùng thứ hai xuất hiện là anh H, thợ máy...xay lúa! Anh và vài người lục lọi tìm nhưng thùng đồ nghề không cánh mà bay. Sau nhiều giờ loay hoay, anh H cũng cho máy nổ lại được trong tiếng reo hò vui mừng của cả ghe.

Chạy thêm vài giờ nữa thì ghe chết máy luôn. Do mũi khệt lết bốc ra chúng tôi lại đoán mò là hệ thống giải nhiệt hỏng nên máy nóng quá.

Thoạt đầu chúng tôi dự trù là sáu mươi người kể cả hải hành đoàn nhưng thực tế thì số khách bị gia tăng lên gần 130 người do phía công an gởi gấp đôi số giao ước, bãi gởi một số, các ghe nhỏ tải thấy ghe lớn nên nhảy đại lên đi, cộng số người canh me nhảy lên, dù đã bỏ bớt một số ở giàn khoan, ghe vẫn còn khẳm nen khi chết máy chúng tôi phải cắt đặt cho những người khoẻ mạnh luân phiên nhau tát nước.

Lúc này ghe đang ở hải phận quốc tế, chúng tôi có thể nhìn rõ cả hàng rìa mếp, chùm lông ngực vàng hoe của thủy thủ những tàu chạy sát ghe của chúng tôi. Tàu gồm ký hiệu của những quốc gia khác nhau, chỉ không thấy cờ Mỹ và Pháp. Khi nhìn thấy chúng tôi, họ liền đổi hướng dù chúng tôi kêu cứu bằng mọi hình thức như phát cờ S.O.S...đốt khói, hoặc đàn bà con nít nằm la liệt trên boong vậy gọi kêu cứu để đánh động tình thương của họ nhưng đều không hiệu quả. Sau này chúng tôi được biết việc cứu trợ vớt ghe vượt biên gây ra phiền hà cho quốc gia của họ vì họ phải cư mang, cho định cư. Ôi thật bất hạnh! Lòng nhân đạo của con người đã đến ranh giới cuối cùng rồi!

Sang tuần thứ nhì, nước uống và thức ăn được chia ít dần. Chúng tôi bắt đầu lâm cảnh đói khát. Lúc đầu là đói, rồi càng về sau chỉ thấy khát. Bầu không khí trong ghe im lặng đến rợn người

Chỉ còn tiếng sóng đập vào mạn ghe và đêm đêm có tiếng cầu kinh vọng từ dưới khoang lên đều đều, buồn bã. Thỉnh thoảng ai đó la hét hải hùng trong cơn ác mộng.

Tôi chập chờn trong giấc ngủ nhọc nhằn trên cabin chật chội hôi hám, nghe rõ tiếng nhạc trôi lên từ biển chen lẫn tiếng hát vọng về từ cõi ma quái nào đó. Âm thanh của những oan hồn uống tử bỏ mình trong lòng đại dương hay ảo giác chập chờn của đầu óc một con người vật vờ trôi dạt giữa hai cõi âm dương?

Nhiều đêm khát quá, tôi len lỏi lách ra nằm ở bìa khoang để hưởng chút hơi sương mát lạnh. Ban ngày thì nhảy xuống nước bơi lội. Song về sau tôi không còn đủ sức nên chỉ nhìn ra trùng dương vờ vợi, ước mơ giống bão mang nước mưa đến cứu nguy.

Một hôm tôi bỗng nảy ra sáng kiến lấy nước biển cất lên như cất rượu để làm ra nước ngọt. Chúng tôi thừa dầu cặn vì máy ghe không hoạt động, cho nhóm bếp trên nóc cabin 24/24 giờ chia nhau luân phiên làm việc. Những giọt nước cứu tinh bắt đầu được phân phối trước sự vui mừng của những đôi mắt mệt mỏi, thần thờ. Mỗi ngày cất được non một lít nước, chia cho mỗi người hai lần, mỗi lần một nắp khoén nhỏ nhoi. Song nhờ đó cầm cự, chưa xảy ra chết chóc.

Con đói khát dày vò ngày đêm, nhiều người bị mê sảng, bị ới mưa, hoặc bị nứt môi, chảy máu cam, máu mũi và cả máu răng, máu lỗ tai. Có người còn bị giật lể cả mắt.

Người chết đầu tiên là một em bé! Chúng tôi đặt thi hài bé trên boong, xúm xít cầu kinh, rồi thủy táng. Xác bé trôi bập bênh theo mạn ghe một lúc rồi mất tăm khi ánh nắng chiều nhạt nhòa cuối chân mây.

Khuya hôm đó, biển chuyển mình. Mưa thoát đầu lắt rắc sau lớn dần. Cả ghe choàng tỉnh khi cơn mưa ào ạt đổ tới xối xả. Mọi người gọi nhau ơi ới, căng vải bạt nylon ra hứng nước mưa chia nhau uống thỏa thích, và chừa vào các can nhựa đựng dầu cần đã được xúc vôi vàng sơ xịa.

Như một phép lạ. Mọi người xầm xì hay là hồn oan em bé chết lúc ban chiều đã linh ứng gọi mưa về giúp đỡ chúng tôi chẳng?

Đêm đêm từng nhóm cầu kinh tùy theo tôn giáo của mình. Tất cả các vị thần, Chúa, Phật...đều được thiết tha rêu gọi.

Có đêm trong mộng mị, tôi mơ thấy một hàng ly nước cam, màu vàng rộm, hơi lạnh rịn thành dòng đọng ở thành ly vô cùng hấp dẫn. Tôi ham hồ uống từng ly một cho đến hết sạch, rồi thoải mái nhảy ùm xuống lòng đại dương mát lạnh!

Có đêm tôi mơ thấy ghe dạt vào một hoang đảo, bèn nhảy ùm xuống nước, bơi vào bờ cát, trườn lết đến một cánh rừng thưa. Như phép lạ, cơ thể tôi hồi sinh nhanh chóng, tôi vươn vai đứng dậy, chạy nhanh vào rừng sâu. Tìm được lạch nước trong veo chảy ra từ khe núi, tôi kê miệng uống, uống một cách thỏa thích, rồi ăn trái cây rừng ngọt lịm do chim nhả xuống cho đến khi bụng căng cứng. Tôi gối tay ngủ một cách ngon lành trong cỏ hòng còn đọng đầy chất ngọt, đến khi tỉnh giấc thì cỏ hòng nóng rất lạ kỳ.

Chúng tôi cầu mong biển động mãi để chúng tôi chịu đựng hải hùng giông bão mà có nước uống, là cơ may sống còn, nhưng biển vẫn êm đềm một cách oan nghiệt, nỗi mong chờ được tàu khác cứu vớt hầu như tiêu tan trong tuyệt vọng.

Đêm đêm trong nhóm chúng tôi, nước mưa dự trữ do tôi phụ trách cất giữ được lén lút chia nhau một cách ích kỷ hèn mọn để duy trì sự sống cho riêng mình.

Chiếc ghe vẫn trôi hờ hững như một chiếc quan tài nổi! Chúng tôi bàn nhau kết một tấm buồn nhỏ bằng mọi vật liệu thu nhặt được trên ghe để tăng thêm sức đẩy của gió dù không biết sẽ trôi dạt về đâu.

Cứ thế, có nước thì sống, hết nước là xảy ra chết chóc. Nhất là sau khi tên H, và một số người trên ghe còn tương đối khỏe mạnh làm cuộc lật đổ ban tổ chức chúng tôi để dành lấy độc quyền nguồn nước cất, nhiều cái chết xảy ra dồn dập. H, là cha vợ người tổ chức chuyến đi, có nhiệm vụ lo khâu lương thực và nước uống, đã lén lút cất dấu dành riêng cho cả gia đình y, chỉ đem ra một ít để mua chuộc bọn người a dua kia.

Những lần thủy táng đầu còn có một số người xúm lại cầu kinh, về sau mọi người chỉ nằm, quá kiệt quệ không kinh kệ gì nữa. Không phải chúng tôi chai đá, nhưng chết chóc giờ đây xảy ra quá thường, ai cũng nghĩ trước sau rồi cũng đến lượt mình. Như cảnh tượng người cha với tay vớt con sứa trôi trên mặt nước biển, sô sây rớt xuống, vùng vẫy yếu ớt, rồi trôi xa dần trong cái nhìn hồ hững, vô hồn của vợ con. Chúng tôi có ném theo một can nhựa trống không xuống như một ân huệ sau cùng.

Một sớm bình minh, cơn giông bắt ngờ ập đến mang mây đen cuộn cuộn, sấm chớp và mưa gió. Mọi thân thể khô kiệt còm cõi lại bùng tỉnh, hồi sinh. Mọi người bật dậy sau những cơn đói khát rất cháy cổ họng lẫn ruột gan.

Ghe lâm nạn nhiều ngày trên biển thường xảy ra chuyện ăn thịt người! Ghe chúng tôi trôi 42 ngày đêm nhưng không tệ hại như vậy. Ngay từ đầu một bà đề nghị lấy tim gan người chết đầu tiên nấu cháo cứu đói cả ghe. Tôi cứng rắn từ chối và tuyên bố: "Ai còn nêu ý kiến như thế sẽ bị ném xuống biển ngay" (Khi lên đến đảo Palawan tôi mới biết hai ghe cùng xuất phát từ Bến Tre, một chiếc 31 ngày, một chiếc 33 ngày đều ăn thịt người cả. Họ không những ăn thịt xác chết mà ăn cả những người yếu đang còn sống. Họ đã dè xuống sàn ghe một thanh niên để làm thịt, giữa tiếng la hét cầu cứu trước mắt người em trai đồng hành. Hình ảnh kinh khiếp đó làm cho cậu thanh niên kia hóa điên khi đến đảo, thường đi lang lang không kể mưa nắng đói no. Sau này em được định cư ở Pháp.)

Thế rồi ngày thứ 42 đến! Ngày cứu tinh cho 85 sinh mạng còn sống sót sau chuỗi ngày tận cùng đau khổ.

Sáng đó biển êm như mặt hồ, mặt trời chiếu vàng rực vùng biển. Một tàu đánh cá lớn của Phi xuất hiện rồi chạy thẳng về hướng ghe chúng tôi cặp vào. Thủy thủ Phi mặc quần áo sặc sỡ nhanh nhẹn như thiên thần xuất hiện. Họ nhảy qua ghe, chớp nhoáng cột dính ghe vào tàu, và nói tiếng anh: "tất cả được cứu thoát." Mọi người từ từ qua tàu họ. Đàn bà, trẻ con được thủy thủ Phi dìu dắt, bông bế đưa sang. Riêng tôi quá kiệt lực không bước nổi qua dù hai mạn ghe và tàu đã cặp sát nhau. Tôi cố sức la: "Help me. Help me, please." Một thủy thủ nhẹ nhàng xốc nách dìu và đặt tôi xuống boong tàu. Nằm úp mặt xuống sàn tàu vững trải bằng an, tôi ôm đầu bật khóc nức nở như trẻ thơ.

Sau cơn chấn động sinh tử đó, tôi mở mắt ra, thấy bạn đồng hành kẻ năm người ngồi la liệt. Ai nấy gầy gò trơ xương, dơ bẩn hôi hám nhưng ánh mắt hân hoan tột độ. Các thủy thủ căng bạt che mưa nắng cho chúng tôi. Đúng là đã từ địa ngục lên thiên đàng.

Khi biết trước lúc được cứu chúng tôi đã vôi vàng thủy táng một nạn nhân cuối cùng, vị thuyền trưởng liền ra lệnh cho hai thủy thủ lao xuống nước vớt ngay xác chết lên khâm liệm rồi dùng ca nô đưa vào bờ, quản trong nhà thờ địa phương, có lễ nghi chôn cất đàng hoàng.

Thấy chúng tôi quá tả tơi, tất cả thủy thủ đoàn của con tàu cứu tinh kể cả thuyền trưởng gồm bảy người, đều cởi áo quần đang mặc cho chúng tôi, có vị chỉ còn mỗi quần đùi. Mọi người được vào phòng vệ sinh tắm rửa. Nhìn gương, tôi kinh hãi vì gương mặt mình xấu xí, dị hợm đến khôn cùng.

Rồi mỗi người được uống một ly sữa nóng và cứ vài tiếng được phát cháo loãng. Do đói khát lâu ngày nên ai cũng kéo nài xin thêm nhưng đều được nhã nhận từ chối. Sau này khi hiểu rằng ăn nhiều vào lúc đó sẽ nguy hiểm cho tính mạng, chúng tôi thật sự biết ơn họ, những người dày kinh nghiệm cứu người.

Trong toán thủy thủ trên tàu Phi, tôi làm quen với một cậu bé tên Boys mà lúc hai tàu cặp vào nhau, tôi đã gọi: "Boy, may help me!" không ngờ lại đúng tên cậu ta. Boys kể hai hôm trước họ thấy khói bốc lên từ ghe chúng tôi, họ nghĩ rằng ghe bình an và đang nấu nướng. Hôm nay lại thấy ghe, thuyền trưởng bèn đặt ống nhòm quan sát kỹ mới thấy một lá cờ là một áo thun trắng viết chữ S.O.S. Ông ra lệnh bỏ lưới giăng cá, cấp tốc đến cứu. Ông cho biết chúng tôi thật may mắn vì chỉ mỗi tàu ông đi về hướng này, vì đây là phía sau, còn mọi tàu bè khác đều ra phía trước đảo. Ngoài ra hơn hai ngàn đảo lớn nhỏ của Phi làm thành hình cánh cung, nếu ghe chúng tôi ra khỏi lãnh hải cánh cung kia thì sẽ ra ngoài đại dương bao la và không có cơ may sống sót.

Còn vùng san hô muôn sắc rực rỡ lộng lẫy mà ghe trôi vào là một vùng rộng lớn, ghe thuyền nào lỡ lạc vào đây thì coi như đã đi vào một tử địa. Lúc nước rút tàu ghe sẽ bị lật nghiêng hoặc úp mà chết kẹt trên đỉnh rừng san hô. San hô ở đây có cạnh sắc như lưỡi dao, nguy hại vô cùng.

Tàu tiếp tục ra khơi đánh cá, hai ngày sau họ mới đưa chúng tôi vào hải đảo Limiancong, vì thế chúng tôi mang ký danh "Group 84 limiancong". Hôm sau, tất cả được đưa xuống thuyền nhỏ do Cao Ủy thuê mướn, đưa chúng tôi về một đảo khác, có đường bộ để di chuyển về trại tị nạn chính thức Palawan Camp.

Đây là chuyến vượt thoát thứ 23 thành công của tôi, song đâu ngờ lại là chuyến đi gian nan, hải hùng đến vô cùng, bằng 42 ngày đói khát lê lết trên một chiếc ghe chết máy sau ba ngày đêm kể từ thời điểm xuất phát, trôi dạt đến bến bờ Phi Luật Tân.

Với cái giá phải đánh đổi quá đắt: 20 mạng rười người đắm mình vào lòng đại dương lạnh lẽo oan khiên. Sợ dĩ có chữ rười, vì có một thai nhi còn trong bụng chết theo người mẹ do thiếu nước uống trầm trọng rồi băng huyết qua đời.

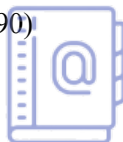
... Dạ Châu...

Tên thật: Nguyễn Tri Châu

Sinh ngày: 21- 03 - 1935 tại Huế, Việt Nam

Học lực: Trung học (lớp 12)

Tác phẩm đã in: Tập thơ "Mây Dạt Quê Người "(1990)



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lòng Nhân Ái

Tâm Hồng

* Chuyện kể như một nén hương chiêu niệm gửi đến linh hồn của gần nửa triệu đồng bào đã bỏ mình dưới đáy Biển Đông và trong rừng thẳm Campuchia, trên đường vượt thoát tìm tự do.

* Người viết xin thay mặt 262 thuyền nhân sống sót tri ân tòa đại sứ Mỹ ở Bangkok, vị thuyền trưởng và thủy thủ của tuần dương hạm US ROBINSON 12 đã cứu sống chúng tôi đêm 12-12-1980 trên Biển Đông.

Vào một buổi tối đầu tháng 12 năm 1980, gia đình chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn tròn giữa nhà trong một chung cư ở Sài Gòn. Nét mặt mọi người lúc đó thật u buồn, hiện hữu nét trầm uất đọng lại từ bao ngày. Tôi nói cho các con tôi biết cái quyết định vượt biên của tôi và đưa con trai út duy nhất 15 tuổi mà tôi và mẹ chúng đã suy nghĩ, toan tính từ lâu. Chúng tôi bàn với nhau về hậu quả có thể có của chuyến đi.

Những giọt nước mắt bắt đầu ứa ra, giọng nói của vợ tôi ngắt quãng, nghẹn ngào. Tôi hỏi thằng út: " Con bằng lòng đi với ba không?". Nó gật đầu cả quyết, nét ngây thơ biến hẳn, đưa tay gạt nhanh giọt nước mắt đang đọng. Tôi nói tiếp: " Trên đường đi nếu ba chết, con phải tiếp tục đi với mấy người cùng nhóm của mình. Nếu con chết, ba sẽ cùng chết với con ".

Đó là lời cuối của một cuộc họp mặt gia đình hiếm có, bi thảm như một lời trăng trối. Chúng tôi chỉ có ba đứa con, 2 gái, 1 trai. Giây phút đó, đứa con gái lớn và chồng của nó đang ngồi gục đầu trên bàn, đứa con gái kế vòng tay trước ngực, ngược mặt lên trần nhà, bất động. Trời Sài Gòn nóng bức. Tôi nghe buốt cả lòng. Tôi bước ra hiên trong khi vợ tôi đang ôm thằng út. Tang thương đến thế là cùng. Trên cao hãy còn đôi vì sao sáng. Thuyền chưa tách bến mà những gian truân nội tại đã bắt đầu.

Một chuyến tuần, chuyến đi xa thật sự xảy ra. Tổ chức có xe đưa đón từ tụ điểm. Phải đi tới, đi lui nhiều lần mới thoát. Lần nào vợ con tôi cũng đưa chúng tôi đến nơi lúc trời chưa sáng, đứng núp ở đâu đó mà khóc thầm. Trong số người đưa tiễn đứng bất động trên đường nhìn chiếc xe lăn bánh có một người cha tuổi trung niên tiễn hai đứa con ở tuổi vị thành niên. Lần nào ông cũng cỡi xe vespa chạy theo xe quá Phú Lâm, đến khi xe khuất dạng mới ngừng lại ngơ ngác đứng nhìn. Ôi hành trình biển đông! Đây mới chỉ là những bước đi trên bộ mà sao đã đầm đìa nước mắt. Rồi đến một hôm, từ 8 giờ sáng xe đưa chúng tôi đi suôn sẻ, qua bắc, qua phà, vượt những dặm dài trên quê mẹ. Ở mỗi chặng dừng chân, số người đi hồi cũng không ít. Trời tối dần, trăng lên thật sáng. Xe lướt qua những cánh đồng mênh mang, vắng lặng. Đây là những lúc kẻ đi "hồi" bị đập xuống đường. Xe băng băng để lại đằng sau tiếng la hét, chửi rủa nhỏ dần. Đồng ruộng miền nam cò bay thẳng cánh. Nghĩ đến quê hương bỏ lại, nghĩ đến vợ con, tôi ôm chặt thằng út vào lòng, thương quá đi thôi!

Xe bỗng nhiên dừng lại giữa đồng cạnh một xe tải bít bùng. Cánh cửa nhỏ nguy trang bên hông xa tải mở ra, họ đẩy chúng tôi chui vào như bầy gia súc vào chuồng. Cửa đóng lại, xe chạy đi. Trong xe tối đen như mực. Sàn xe và đám người lổn nhổn như bầy thú. Xe tải lớn chạy trên đường ruộng hẹp, lồi lõm, hất chúng tôi lên xuống như những quả banh. Những đứa trẻ mới đáng thương làm sao! Xe chạy đèn quá khuya, họ đưa chúng tôi xuống một cái ghe chài khá lớn. Từ bờ sông bò xuống ghe y như đang đột kích vào đất địch. Ngồi trong ghe tối như bưng. Biết là trong ghe đang có đông người nhưng nhìn không rõ mặt. Một quá chúng tôi thiếp đi. Sáng ra nhìn quanh trong ghe, số người đi quá đông, già trẻ ước chừng trên 300 người như là đi "bán chính thức"! Sau này biết ra là họ mua bãi, mua bến. Chúng tôi là đợt chót được tiếp nhận. Đây là bến nước Cần Thơ, ghe sẽ đi trên sông này đưa chúng tôi xuống Cà Mau để lên tàu ra biển. Ghe đi chậm chậm trên sông. Nắng nung lửa trên đầu. Ghe thường chui qua các cây vắt ngang, sợ lộ, họ dùng bạt che kín chúng tôi lại. Một số đông bị ngộp thở, nhất là trẻ nít. May là một ngày trên sông rồi cũng qua nhanh.

Chiều lại trời mát, mọi người có vẻ hồi sinh. Họ cho ăn trưa và tối. Khẩu phần là tô cơm với chút mắm dưa. Tôi và anh Th tình nguyện chia phần ăn đến mọi người. Được biết anh Th trước đây du học Mỹ, có bằng BS. Anh vượt biên với vợ và đưa con trai độc nhất 9 tuổi. Cùng đi với người chị và ba con nhỏ, với hai cháu gọi chị bằng cô, ở tuổi vị thành niên, con của người đàn ông cỡi vespa nói ở trên. Ngoài số thuyền nhân trên 300 người, trong ghe còn có vài ba người mặc sắc phục công an, bộ đội, có vũ trang, đi qua đi lại nhằm gây cảm giác sợ hãi để dễ bề uy hiếp. Tôi linh cảm có cái gì không ổn trong tổ chức. Đưa người vượt biên lúc đó là một thực tế đầy bầy rập. Họ chỉ cần thu đủ vàng rồi đẩy con thuyền ra biển, sống chết mặc bay. Tôi và nhiều người đã nhận ra điều đó nhưng trễ rồi, đành phó mặc cho số mạng, cầu xin một may mắn tình cờ. Mặt trời đang xuống thấp. Ghe đi trong hoàng hôn đỏ ra cửa biển. Hai bên bờ sông lúc ấy vắng lặng. Những tấm bạt được cuộn lại. Bầu trời thật sâu với cả một vòm sao. Trăng sáng nhàn nhạt. Giờ ra khơi sắp điểm. Tôi nắm chặt tay con tôi trong một tâm trạng lo âu, trí óc chai cứng. Th và tôi nhìn nhau thăm khuyển khích và chúc lành.

Khoảng hai giờ sáng ghe ngừng, cập vào một ghe khác nhỏ hơn. Họ nói đó là tàu đi biển. Tên chỉ huy lên cò súng, ra lệnh tất cả bỏ hành lý tại chỗ kể cả giày dép đang mang, xếp hàng một, lần lượt sang tàu. Tàu dài khoảng 14 m, rộng 4 m. Họ ghép thêm một căn gác lửng để chứa cho được nhiều người. Họ bắt chúng tôi ngồi xôm sát vào nhau. Một lớp trên gác, một lớp trên sàn tàu, họ đẩy 300 người chúng tôi ra biển trên con tàu mong manh đó, không

lượng khô, không nước uống. Trên tàu có một số thanh niên đi theo phân làm ba tốp, chia nhau án ngữ lối ra mũi tàu, lối ra buồng lái và vuông cửa thoát hơi trên mũi tàu. Tất cả chúng tôi thật sự đã bị nhốt kín trong khoang tàu. Nhìn ra bên ngoài, chiếc ghe chài hơn gấp bốn lần chiếc ghe vượt biên, đèn điện sáng choang, đang quay mũi vào bờ. Thuyền chúng tôi nổ máy ra khơi, bắt đầu chuyến hải hành mà biên giới sanh tử mong manh như tơ tóc. Đất mũi lùi xa dần, những gì thân thiết nhất đã bỏ lại sau lưng. Tàu đi với tốc độ hai mươi dặm một giờ. Cửa biển rộng thênh thang, trời nước mênh mông, tiếng máy tàu nổ nghe nhỏ mà vang thật xa. Cả tàu im lặng như nín thở. Tôi chợt bất gặp cái cảm giác trong một đêm khuya khoắt của năm năm về trước khi tôi cùng cả ngàn sĩ quan bạn ngồi trên những chiếc Molotova bít bùng, có bộ đội ghim súng canh chừng, rồi trường Nguyễn Bá Tòng (nơi tập trung) lên Trảng Lớn để cải tạo! Tiếng máy nổ trên biển, trong rừng, đồng vọng trong đêm nghe thật giống nhau, rờn rợn như đi vào cõi chết.

Tàu đi vài giờ thì mắc cạn. Trai tráng nhảy xuống đây rồi đi tiếp. Bỗng: "Rầm!! một tiếng! Cẩn gác lưng chứa cả trăm người sập xuống làm bị thương một số và đè chết hai em bé. Máu đã chảy. Nhiều tiếng la thất thanh. Khủng khiếp quá! Tai nạn, chết chóc, sự thật đã đổ ập lên đầu chúng tôi rồi. Hoàn cảnh bắt mọi người phải xử trí nhanh. Không dừng lại để than khóc. phải vượt sóng dành sự sống. Những tấm ván từ căn gác đó được dựng vào hai bên hông tàu thành hình chữ V như hai sườn núi. Giải quyết được chỗ ngồi cho một số người nhưng lại gây ngộp thở cho một số người ngồi bên dưới sàn tàu. Số phận chúng tôi bị kẻ cướp an bài. Phải ngồi yên tại chỗ. Nếu xê dịch tạo hỗn loạn tàu sẽ chìm xuống biển sâu. Nổi hốt hoảng lắng xuống. Con tàu dập dềnh đi, với tốc độ lười biếng. mỗi một, ngược với sự nôn nóng của mọi người. "Đi thế này thì bao giờ mới tới hải phận quốc tế?" Người ta nhìn nhau chán nản. Đã gần trưa rồi, từ khi đi chưa có chút gì lọt lòng. Nhiều người khát nước là ra.

Bỗng đằng xa có tàu đi tới. Tưởng là tàu ngoại quốc, nhiều người vẫy tay kêu cứu. Tàu lạ phẳng phẵng chạy về hướng chúng tôi. Hy vọng được cứu tất ngấm khi một loạt đại liên nổ giòn thị uy, đảo một vòng quanh tàu chúng tôi rồi quăng dây kéo giữ lại. Mọi người kêu trời sừng sốt. Đó là tàu tuần duyên của Việt Cộng. Tháp buồng lái được sơn lá cờ đỏ sao vàng thật lớn. Đỉnh tháp đặt một khẩu đại liên. Có khoảng bảy, tám quân nhân sắc phục võ trang. Dưới vành nón cối, vẻ mặt họ lạnh lùng. Một vài người nhanh trí liền nhảy qua tàu họ thương lượng. trong lúc đó mọi giấy tờ chúng tôi mang theo đều vo tròn ném xuống biển. Cái thứ tục "đầu tiên" đã được đặt ra. Hai cái nón bật ngựa được chuyển tay nhau. Vàng bạc, đồ lặt vặt rồi đem nạp. Chưa đủ! Một vòng góp thứ hai được mang sang. Hai người đại diện đã quay về. Tất cả chúng tôi hồi hộp đợi. Thành linh con tàu đỏ nổ máy chạy xa bỏ chúng tôi lại trong nỗi vui mừng vừa trải qua cơn ác mộng. Niềm hy vọng lúc ra đi vẫn còn.

Tàu lại tiếp tục nhảy sóng. Tôi thờ phào, siết chặt con tôi vào lòng, mừng thấy con còn khoẻ. Mặt trời xuống sâu ở chân trời. Đêm đến thật nhanh. Hoàng hôn trên biển buồn nả ruột. Ngọn đèn điện treo giữa khoang tàu tỏa ánh sáng vàng vọt. Con người trở thành những bóng đen chập chờn. Tôi nghĩ đến hình ảnh con tàu ma đang đi trên vùng biển chết. Hy vọng sống sót thật mong manh. Đói khát, ngộ, lả, lo sợ, hoảng hốt, tinh thần suy sụp, đã có người mất trí, điên loạn. Những lời nói vô nghĩa thốt ra. Các bà nữu nhau đòi nợ, đòi góp hụi, đòi chồng, đòi con. Người ta dẫm lên nhau. Có người cố lách hàng rào người để ra khỏi khoang thuyền nhưng bị đạp trở lại. Khoang tàu bây giờ là một địa ngục. Dưới sâu của sàn tàu chắc có người chết ngộp hoặc đè lên nhau mà chết. Có những thanh niên lực lưỡng lách mình ra ngoài rồi nhảy xuống biển tự nhiên như đi tắm. Chưa sót bị thảm quá! Họ đánh mất sinh mạng trong cơn mê sáng.

22 năm trôi qua tôi nhớ lại mà ngập ngừng muốn khóc. Con trai tôi cũng bị khủng hoảng tinh thần, nó vùng đứng lên vùng tay nói thao thao bất tuyệt. Tôi hoảng hốt điếng người, ôm lấy con rồi van xin những thanh niên cho tôi đem con ra ngoài năm phút cho nó tỉnh. Họ cho, tôi kéo con tôi ra, một chân ôm cột neo thuyền, tay và chân kia cuốn chặt lấy con tôi, sợ nó nhảy xuống biển. Chiếc lon guigoz ở đâu lẫn tới, tôi chộp lấy mức nước biển tưới lên người. Tôi nói cho con tôi nghe về mẹ và các chị nó ở nhà "đang cầu nguyện cho con và ba. Gắng lên nghe con!"

Từ đó đến sáng, tôi không biết gì về cảnh điên loạn trong khoang tàu. Mặt trời đã lên, bình minh trên biển rạng rỡ và êm ả. Những thanh niên không còn án ngữ khoang tàu. Họ khiêng các xác chết thả nhẹ xuống biển. Trong lúc đó có một thanh niên tên D từ khoang tàu bước ra, mỉm cười, vươn vai rồi nhảy tòm xuống biển. Hoảng quá, chúng tôi chỉ kịp ném theo cho D mấy cái can nhựa. Sát chỗ tôi ngồi có 5 xác chết, không biết họ đưa ra từ lúc nào. Ước lượng số người chết đã gần 40 người! Một số nữa đang còn thoi thóp. Tàu đi không gặp hải tặc, thời tiết tốt, chỉ vì điều kiện sống trên tàu quá tồi tệ, chờ quá đông, chỉ một ngày trên biển mà số người chết nhiều đến như vậy. Tàu bắt đầu rộng và thoáng. Hải phận quốc tế có nhiều tàu đi lại. Chúng tôi vẫy gọi mà chẳng ai buồn nghe. Lúc hai giờ chiều có chiếc máy bay từ đâu bay lượn nhiều vòng trên không rồi bay đi. Có nhiều hy vọng được cứu.

Vài giờ sau, từ xa trực chỉ một con tàu đánh cá Thái Lan, tiến sát vào tàu chúng tôi quăng dây kéo. Phong cách họ rất hải tặc: đóng khố, mình trần, tay cầm búa, nhưng họ có vẻ thân thiện, đến cứu hơn là đến cướp! Trong lúc đó, anh chàng D cũng được một tàu khác vớt ở đâu đó, được một sà lan chở đến nhập bọn. Thật là một chuyện lạ! Tàu chúng tôi ép sát tàu đánh cá Thái, mọi người nhảy sang tìm thức ăn, nước uống, nói cười rôm rả, tàu đùa sóng rào rạt, nước biển và khói sóng sánh lên dưới ánh đèn, toàn cảnh linh hoạt lạ thường. Vừa chập choạng tối thì tàu chúng tôi được kéo đến một chiến hạm Mỹ đèn giăng sáng choang, thủy thủ đứng trên tàu nhìn xuống rất đông. "Sống rồi! Được cứu rồi!", mọi người hét lên mừng rỡ (sau này tôi được biết là phi cơ sau khi phát hiện tàu chúng tôi, họ đã điện về tòa đại sứ Mỹ ở Bangkok. Nơi đây thuê tàu đánh cá Thái Lan đi kéo, cùng lúc điện cho tuần dương hạm đón chúng tôi)

Một chiếc thang sắt được thả xuống, hai thủy thủ Mỹ đứng ở cuối thang, diu chúng tôi từng người lên chiến hạm. Họ đưa chúng tôi xuống sàn tàu bên dưới, trút bỏ quần áo, chỉ giữ lại tiền của, nữ trang. Tất cả được tắm rửa và nhận mỗi người một cái mền rồi lên bong tàu tập hợp. Tuần Dương Hạm US ROBINSON 12 quá lớn. 262 người chúng tôi chiếm một diện tích lớn đủ rộng để nằm. Mỗi người được phát một phần ăn như đang picnic! Thoát chết, trước mặt là cuộc sống tự do, cái mà chúng tôi vừa đổi mạng sống để có được. Làm sao mà tả hết được nỗi vui trong lòng. Bộ chỉ huy cần vài người lên may giúp áo quần cho hai em bé vì người trong gia đình cháu đã chết hết. Thì ra đó là hai cháu nhỏ nhất trong nhóm 9 người của anh Th...tôi hết sức bàng hoàng, chợt nghĩ đến người đàn ông chạy xe vespa, làm sao ông sống được khi biết tin buồn này.

Nghe nói ngay đêm tàu chúng tôi được vớt, đài VOA đã loan tin, và mãi tháng sau gia đình bên nhà mới biết ai còn, ai mất...Gần 40 người đã nằm lại dưới biển sâu, 262 người đã được cứu. Họ đang ở trên boong tàu, sững sờ trong những bộ quần áo quá cỡ của thủy thủ trên tàu cho mặc tạm, trông thật ngô nghĩnh. Về khuya, tất cả nằm la liệt. Tôi cũng thiếp đi. Khi tỉnh dậy nhìn quanh chỗ chúng tôi nằm là những sĩ quan thủy thủ. Họ đang ngồi canh thức, nhìn chúng tôi về mặt đăm chiêu, xót thương, pha lẫn chút ngạc nhiên. Họ sợ chúng tôi mê sảng rồi nhảy xuống biển. Có tiếng la ú ớ, có kẻ đập tung mền...là có anh hải quân chạy đến vực dậy, cho uống nước rồi kéo chăn đắp lại.

Cảnh tượng đó không có gì để kể cho dài, đơn sơ mà đầy áp tình người, xúc động làm rơi nước mắt. Sáng hôm sau, vị thuyền trưởng cho biết là tất cả sẽ được gửi ở trại tị nạn Leamsing, Thái Lan 40 ngày, Ở Trại Galang, Indonesia 3 tháng, rồi đi định cư ở Mỹ. Vì tàu đang thực tập hành quân. Chúng tôi được ở trên tàu 4 ngày, sống thật thoải mái. Ngoại trừ đêm thứ hai sau đêm được vớt, cả tàu làm lễ thủy táng cho ba phụ nữ bị thương quá nặng không cứu được. Mọi người trên tàu đứng nghiêm, tiễn ba thuyền nhân đi vào lòng biển lạnh trong tiếng kèn buồn não ruột.

Từ đó, 262 người chúng tôi trở thành cái tên gọi "Boat 262 P" của con tàu bất hạnh. Cái tên mãi mãi nằm sâu trong ký ức tôi. Chập chờn những nét mặt u buồn lảng đãng như sương khói. Chiều ngày thứ tư, chúng tôi búi ngủ từ giữa con tàu cứu mạng, từ biệt những tấm lòng vàng. Đi chân đất đặt chân trên đất liền, chúng tôi bắt đầu cuộc sống người tị nạn thất quốc, ở trong các trại tị nạn theo đúng lịch trình đã qui định. Đời sống ở các trại tị nạn hồi đó thật bình thường, được Cao Ủy Tị Nạn nuôi ăn, ngày hai buổi lo học Anh Văn, làm vệ sinh trại giữ gìn sức khỏe. Ngày 27-4-1981, tất cả được định cư ở nhiều nước. Bỏ con tôi và một số nữa được định cư ở Mỹ.

Giờ đây sau gần 22 năm ngồi ghi lại chuyến hàng hải tang tóc, tôi nhớ đến những người bạn đồng thuyền năm nào vừa mới quen đã mất. Ôi! sinh mạng con người sao mà tiêu tan dễ dàng quá. Tôi nghĩ đến gần nửa triệu đồng bào vượt biên đã chết bằng đủ cách, đủ nghiệp. Chết phơi xác trong rừng sâu, chết âm thầm trên đảo vắng. Chết khô, chết rữa. Chết đói, chết khát. Chết vì điện, chết vì bọn tham vãng đày người ra biển. Chết vì bị bắn để phi tang, chết ngay trên cửa biển, trong lòng sông của đất nước mình. Và còn biết bao nhiêu cô gái đang bị bọn hải tặc nhốt trên hoang đảo, hoặc đang bị bọn buôn người đẩy ải. Thương quá! Đau đớn quá! Buồn nát ruột! Trên đường vượt biên, quả không có cái chết nào yên lành dành cho họ.

Tôi lại nghĩ đến thân nhân của họ đang ở quê nhà. Người ra đi nếu rủi ro chết thì cũng đã xong, nhưng thân nhân của họ ở nhà đang nửa điên nửa tỉnh. Họ là cha, mẹ ông, bà. là chồng, là vợ, là anh, là chị, là con của những người đã oan thác. Họ là những người đàn ông cỡi xe vespa tiễn con đi mà đứt từng đoạn ruột. Họ là hai cháu bé 5 và 6 tuổi còn sống sót trong nhóm 9 người của anh Th...hai cháu đã mất mẹ, mất em, mồ côi ngay trên biển, phải ở lại trên tàu Mỹ kiếm người bảo trợ. Hai cháu đã bơ vơ, lạc loài trong nỗi mất mát tận cùng. Ở bên nhà, có ai đó thường ra đứng bên bờ Thái Bình Dương dõi mắt ra khơi...

Bút mực nào tả cho hết niềm đau dằng dặc đó. Cái giá của tự do thật sự đã quý hơn sinh mạng. Trang thâm sử của người vượt biên đã đóng lại nhưng ánh sáng của tự do luôn lấp lánh hào quang. Những ai đã từng là THUYỀN NHÂN, BỘ NHÂN xin hãy làm người giữ lửa.

Tâm Hồng

*Tên: Ngô Văn Ba

*Bút hiệu: Tâm Hồng

*Sinh năm: 1932

*1958-1963: Dạy học

*1963- 1968: Nhập ngũ khóa 6 Thủ Đức, sĩ quan QL/VNCH

*1968-1975: Biệt phái dạy học lại.

*1975-1978: Tù cải tạo.

*1981 đến nay: Định cư ở Mỹ, nghỉ hưu năm 2002.

Biển Đông Lục Bình Trôi

Trương Ngọc Bảo Xuân

Sau ngày 30 tháng tư 1975 tôi bị ở tù như mọi người cựu quân nhân Cộng Hòa. Ở tù ra, đói khát, lang thang, tới giai đoạn mà " cái đèn đường có chùn nó cũng muốn kiếm đường mà đi" Đi khỏi quê hương đất tổ mồ mả ông cha, còn cái gì khổ cho bằng? Vậy mà phải đi. Nhứt định đi. Nếu được tới bến bờ tự do thì nhờ phúc đức ông bà kiếm sống rồi tìm cách đem thân nhân còn lại không thì chết cũng lẹ làng hơn là chết đói chết khát tại quê hương.

Tù vượt ngục về còn có cái mình không với cái quần xà lỏn. Tiền bạc có đâu???, vàng cây để vượt biên là chuyện ngoài chân mây.

May mắn hết sức là tôi liên lạc được thằng bạn đồng ngũ đã qua Mỹ, má nó mua chiếc ghe bầu tính chuyện vượt biên đang cần người lái tàu mà tôi là cựu hải quân ngành Rada truyền tin. Bà cho tôi giữ ghe một năm để chuẩn bị. Muốn đánh lạc hướng đám công an vùng, tôi làm dân buôn theo hàng từ Cần Thơ lên Vũng Tàu, ra vô cửa biển thường xuyên cũng như biết rãnh con nước biển khi lớn khi ròng để khi vượt biên biết chỗ nào chạy ven biển chỗ nào phải xê ra xa. Lâu lâu cúng cho công an một hai lít xăng, một hai chai bia cho quen mặt mình ra vô nó không để ý.

Cả năm trời như vậy cho tới ngày có đầy đủ dầu nhớt thức ăn cơm gạo nước uống và khách hàng mua chỗ vượt biên. Mỗi đầu người là hai cây vàng. Tôi đi chẳng tốn gì hết vì làm phụ tài công.

Ngày 24 tháng 6 năm 1982

Từ Cần Thơ khuya đêm đó khoảng nửa đêm mọi người xuống ghe xong hết rồi từ từ rời bến. Trời không trăng sao tối mịt mùng là điểm then chốt thuận tiện hết cỡ cho đám vượt biên. Vừa ra khỏi Cửa Đại cập theo ven biển nhắm hướng Vũng Tàu được cỡ 15 phút bỗng thấy bên trái một chiếc tàu biên phòng của hải quan từ Côn Đảo đổi ca về bến, mình thấy nó thì nó cũng thấy mình. Sợ đứng tim. Nó rọi đèn ngoắc mình vô. Không vừa mình cũng sang số ngưng ghe rồi đèn ngoắc nó lại. Ý của tụi này là có giới muốn xét thì cứ lại đây. Như vậy đó cứ ngoắc qua ngoắc lại cả buổi. Thấy nó cũng không có ý muốn rượt theo, nên sang số đâm thẳng ra ngoài khơi luôn. Chạy song song với nó như ngược chiều. Tôi định liệu theo kiểu tọa độ này thì càng chạy hai đàng càng xa nhau.

Đổi cặp nhắm hướng Bắc tha hồ mà chạy. Chạy hoài càng lúc càng xa nó cho tới khi hết thấy nó thì chắc nó cũng hết thấy mình. Thoát chiếc tàu biên phòng mới trở về tìm hướng Côn đảo đang biết đường đi Mã Lai.

Gần sáng

Từ Việt Nam qua Mã Lai nếu thuận buồm xuôi gió thì cỡ bốn ngày là tới nơi. Chẳng dè, vừa đổi hướng, bị sóng ngược. Gió từ đâu kéo tới. Trời đang trong, ửng ửng, mây đen bắt thần đùa tới như bức tường thành, bao phủ cả chiếc ghe bầu. Rồi sấm chớp rầm rầm, sét xẹt ngang đầu hải hùng.

Sóng nhồi một hơi là cả ghe từ lớn tới nhỏ đàn ông đàn bà gì cũng ới mưa thả cửa.

Tại chỗ. Nhảy nhụa. Hôi thúi. Nước tạt ướt từ đầu tới chân. Mặt mày mặn chát nước biển. Cặp mắt cay xè mắt nhắm mắt mở.

Chịu trận. Có lèo lái gì được đâu! Mặc cho chiếc ghe lác lư theo đầu sóng. Sóng cấp 6 cấp 7 vừa gì? (nghĩa là dưới ghe ngó lên đầu sóng dâng cao có ngọn như dóm lên cái lầu 6, 7 tầng). Nước cứ tràn vô tàu, hô hào anh em mạnh ai nấy tát bằng tay, bằng lon, bằng bất cứ cái gì hùng hùng là cứ tát tát tát...Tay tát nước, miệng lầm rầm cầu nguyện. Ai đạo gì cầu theo đạo đó. Phật. Chúa cùng chung một ghe chung một số phận. Thương để cho chết thì chết chum. Thành hòa đồng tôn giáo.

Ông chủ lái ghe nằm liệt, tôi phải nhảy lên cầm cần lái.

Trời tối đen.

Xung quanh đen thui,

Giữa biển cả mình mông dóm không thấy bàn tay giơ trước mặt. Nước mấp mé mạn ghe, giới đâu còn cỡ nửa bàn tay là mặt biển nhô lên hụp xuống. Tôi thấy rồi! Tưởng đầu tiêu luôn.

Rồi sóng gió cũng ngưng. Ngưng ngang cũng như bão nổi sóng cuồng ngang xương. Ai nấy nằm ngời chổng lên nhau bất kể nam hay nữ.

Có vài người chịu không nổi bò lên khoang ghe, cởi quần chìa mông ra ngoài đi tui bụi. Dưới thì xịt re re, trên thì ới mưa, ới ra mặt xanh mặt vàng. Đán bà con gái hết biết mắc cỡ, có khi xong khỏi kéo quần lên tại vì trong bụng còn còn cào nếu kéo lên sợ chút nữa kéo xuống không kịp. Mạnh ai nấy để ảy ra.

Vậy đó. Cả ngày. Hết người này tới người kia.

Ai nấy cùng xài chung một mùi dầu thơm. Hiệu Thanh Rinh.

Thân thể cùng ướt nhoi. La lét.

Áo quần cùng một màu nhày nhụa.

Có người thều thào trần trối:

- Hư hư huuuuu...nếu có bề nào, ai gặp vợ con tui làm ơn nhấn dùm...

-...Đi có gặp ba má con nói dùm...

-...
 Mặt trời lên
 Áo quần cùng bốc khói dòn rụm.
 Da dẻ khô, đỏ như Quan Công
 Mắt đỏ hào quang. Nhìn thấy hai ba mặt trời.
 Đồng hồ ướt nước biển đồng hồ chết ngất.
 Linh đình
 Chông chênh
 Lắc như đưa võng.
 Linh đình. Linh đình.
 Ngó cùng khắp. Bốn phương tám hướng. Chỉ có đường chân trời đọng mặt nước.
 Bốn ngày
 Không biết mọi người ăn uống ra làm sao chớ tôi thì ôm cứng tay lái. Ai đó lâu lâu đưa miếng sắn cho ngậm.
 Nhắm nhắm nước cầm hơi cho có sức.
 Coi bản đồ thì biết ghe mình đang đi qua Dump Mine (bãi mìn)
 Đi ngang khu bộ 7 thấy đèn sáng. Biết là ghe mình đã ra ngoài hải phận quốc tế rồi...Mừng thấy bà! Chừng tới gần
 mới biết chỉ là giàn khoan dầu mà thôi. Sáng trưng mà không một bóng người.
 Sợ. Chạy xa xa.
 Lại thấy một chiếc tàu. Mừng nữa! Dở bản đồ ra coi lá cờ của nó cũng không biết cờ nước nào. Ghe mình ráng xấn
 tới. Mạnh ai nấy cời áo cầm khăn vừa vẩy vừa réo:
 - Ê ê ê..A aaaa...cứu tôi...Cứu tôi... Cứu tôi...
 Mặc mình gào thét
 Mặc mình vẫy bay luôn khăn luôn áo.
 Tàu chạy luôn.
 Linh đình
 Lại thấy thêm một chiếc tàu khác. Cờ ba màu. Đúng là tàu Pháp. Ông chủ tàu mừng rỡ nói:
 - Rồi. Gặp tàu Pháp. Tụi nó lịch sự. Để tui thay đồ cho sạch sẽ một chút. Ráng ngoắc nó lại cứu mình. Tui biết chút
 đỉnh tiếng Tây.
 Ông moi đầu được cái áo còn tốt bện vô đứng trước mũi ghe hai cánh tay quơ lia quơ lĩa
 Tàu cập lại, tụi trên tàu chỉ đứng ngó ngó xi xạo gì đó rồi chạy luôn.
 Hai chiếc không vớt mình.
 Tuôn nước mắt
 Nước nôi gần hết.
 Trời nước mình mờ.
 Biết hướng nào mà đi?
 Mất phương hướng hết trơn.
 Mấy bà vừa khóc vừa than rên hết lên:
 - Trời cao đất dày ơi là Trời cao đất dày. Người ta vô nhân đạo. Người ta không theo luật hàng hải. Thấy mình gần
 chết mà nỡ bỏ đi luôn. Rồi đây chắc bỏ mạng trong miệng cá hết rồi. Trời đất Phật ơi...Lạy Chúa tôi...
 Người ta lằm thắm cầu nguyện rân rân lên.
 Chạy một hồi nữa.
 Có phải ông trời có mắt? Bỗng thấy một chiếc một chiếc tàu hiện ra trước mặt. Tui tỉnh táo hẳn lên, mở hết tốc lực
 rượt theo. Càng lúc càng thấy chiếc tàu lớn ra. Có lẽ nó cũng thấy mình rồi. Chắc nó chạy chậm lại hay ngừng lại vì
 ghe mình cập gần tàu nó.

Đây là chiếc tàu Nhứt. Chiếc tàu khổng lồ.
 Tên Asia Barge.
 Rồi tự dưng nó chạy đi. Lăn lăn nó càng xa mình.
 Ba chiếc đi luôn.
 Thôi rồi. Hết hy vọng ai cứu mình.
 Nước nôi gạo củi gì cũng cạn. Cái điệu này chỉ linh đình thêm một hai ngày nữa là chết hết. Giải pháp cuối cùng là
 phải tìm đường trở về nhà. Mà làm sao trở về? Muốn quanh mũi lại, bị sóng ngược, lật ghe là tiêu luôn.
 Ráng rượt theo chiếc tàu Nhứt.
 Chạy hết ga một chập.
 Hộp số bẻ.
 Cột buồm gãy ngang.
 Dàn cái sau bể hoàn toàn.
 Hết nghe tiếng máy xình xịch xình xịch xịch...
 Cứ vẩy xà quần xà quần.

Có lúc sóng chồm lên chiếc ghe. Tưởng lật. Mắt vĩa đứng tim.
Giữa mạng sống con người với tử thần cách nhau bằng miếng ván ghe.
Không biết lung giờ phút nào.
Tuyệt vọng. Tôi thẳm vái trong bụng. Ông trời còn thương xin cho tôi chết trước khi lọt vô bụng cá...
Qua một ngày một đêm.
Không ai mở miệng. Không ai dòm mắt ai.
Mà cái khổ hận cùng cực chẳng giống nhau!
Mặt trời lên.
Ai nói biển xanh?
Biển ở đây đen thui.
Ngó vòng vòng cũng chỉ thấy chân trời chỉ mặt nước.
Mà rồi... ráng nhướng hai con mắt khô cứng mà nhìn...cho kỹ...kìa kìa...Có phải ông trời còn thương đám người tã toi? Từ chân trời bỗng xuất hiện dáng chiếc tàu. Nó chạy tới càng ngày càng thấy lớn ra. Aaaa...Ai nấy cùng la lên mừng tuôn nước mắt. Người ngồi dựa ngát ngáp cũng đáng gờng dậy nhồm lên. Chiếc tàu Nhứt hôm qua.
Chiếc Asia Barge.
Nó trở lại cứu mình! Nó cập lại. Dây thả xuống. Lưới bung ra. Thấy dây cho mình cột mũi đầu trâu (Mũi ghe giống cái Sừng trâu). Vừa cột xong mũi gầy cái rắc. Bê mũi. Trên tàu mới cho kéo hai người đàn ông lên trước rồi thông hai tay xuống để giúp kéo từng người dưới ghe lên tàu.
Đàn bà con nít cho lên trước. Một người đàn ông với tôi quì trên ghe công từng người đạp đứng lên lưng đưa hai cánh tay lên cho người trên tàu chụp, kéo lên. Chụp hụp lên hụp xuống. Nước nhồi sóng dậy chớ đâu có yên cho mình. Đã vậy mình còn sợ chụp hụp lọt xuống biển thì vô phương! Mà phải cho lẹ. Nước đang tràn vô ghe. Cứ kiểu đó cả buổi trời. Tất cả 74 người lên được hết trên tàu. Ghe chìm hết phân nửa rồi. Tôi là người cuối cùng được kéo lên.
Vậy mà tội nghiệp hết sức. Khi xa xa chiếc ghe bầu, chiếc ghe đã đem tụi tôi rời khỏi địa ngục từ từ chìm lút dưới nước thì tôi thấy con chó nhỏ. Con chó của người nào đó bỏ quên. Nó đứng trên mũi ghe, dòm theo...!!! Tôi rớt nước mắt.
Lên tàu rồi họ lừa đàn ông một bên đàn bà con nít một bên, phát mỗi người một tấm khăn trắng lừa ra trước mũi tàu. Biểu cời hết quần áo luôn cả đồ lót rồi họ xịt thuốc sát trùng, cho tắm sạch sẽ. Xong rồi họ phát thức ăn cho ăn. Tôi ngã xiu. Tôi chết giấc ngủ qua tới ngày hôm sau.
Tàu ghé bên Singapore. Trời ơi. Lúc chiếc ghe bầu con luồn quần ngoài khơi, mình đâu có biết ghe mình cũng đã gần hải phận của Phi. Chắc cũng có ghe tàu giống trường hợp của mình mà không được ai cứu, chết chìm mà không hay mình đã đến gần bến bờ tự do.
Ở trại tị nạn ba tháng tôi được đưa qua trại Galang học ESL trên một năm rồi được bảo lãnh qua Mỹ.
Trong lúc ở trại tôi được thư riêng của thuyền trưởng tàu Nhứt. Trong thư ngoài những lời khen tặng, cảm phục sức chịu đựng và lòng can đảm của thuyền nhân (Lý do làm cho chính phủ của họ phải ra lệnh bỏ công tác, trở lại cứu mình); có kèm theo tấm hình chụp chiếc ghe bầu đang chìm xuống nước, thấy rõ ràng con chó bị sót lại, và tôi mới hiểu rõ trường hợp nào mình được cứu vớt.
Thì ra, khi thấy ghe của mình ông thuyền trưởng đánh điện về Nhứt hỏi lệnh về vụ vớt thuyền nhân. Chính phủ cho biết ghe mình cũng gần hải phận Phi rồi. Tàu Nhứt đang trên đường đi công tác không thể ngừng được. Lệnh kêu phải đi luôn cho xong công tác.
Họ đi. Nhưng trời còn thương người Việt Nam cho nên ông phó thuyền trưởng đã phản đối gây lại với ông thuyền trưởng, Nói theo luật hàng hải thế giới thấy tàu ghe trong cảnh nguy khốn phải cứu. Ông trưởng không bằng lòng nói phải tuân lệnh trên. Ông phó theo dõi trên Rada thấy cả ngày đêm mà chiếc ghe bầu cứ xà quần xà quần xoay vòng tròn, cứ hiện lên trong Rada mà chẳng đi tới đâu. Biết nguy khốn ông phó lại yêu cầu ông trưởng. Ông trưởng lại hỏi lệnh trung ương. Lệnh cho biết hãy trở lại cứu người. Họ đã điều đình với chính phủ Singapore gởi những người trên ghe này vô trại tị nạn, chính phủ Nhứt sẽ trả cho chính phủ Mã Lai 10,000 (mười ngàn Mỹ kim) chôn mỗi đầu người.
Tôi may mắn qua Mỹ sớm. Những người nào không may mắn thì ở lại trại một hai năm rồi qua Nhứt, qua Phi.
Vậy mới biết, thế giới còn có lòng nhân đạo. Họ lãnh mình, chính phủ của họ phải chịu tốn kém mọi thứ.
Trong những năm đó, ghe thuyền Việt Nam như đám lục bình trôi trên biển đông.
Chiếc ghe mình tới nơi an toàn không chết một người dù trải qua bao cơn sóng gió khủng khiếp kinh hoàng mà có trong cảnh mới biết rõ.
Còn bao nhiêu ghe tàu vô phước? Không được cứu vớt? Bão tố đánh chìm? Vô bụng cá? Cướp bóc giết chết? Hăm hiếp vô nhân đạo?
Tôi cầu nguyện cho những người đó.
Cầu cho linh hồn tự do của những thuyền nhân bạc phước được ngậm cười dưới đáy Biển Đông.
Ngày 18 tháng 1 năm 2003
::Trương Ngọc Bảo Xuân ::
* Họ tên: Xuân Abbott

- * Bút hiệu: Trương Ngọc Bảo Xuân
- * Tuổi: Mậu Tý (1948). Sinh tại Cần Thơ.
- * Nghề Nghiệp: Giám khảo chấm thi ngành Thẩm Mỹ. Làm việc tại Board of Barbering & Cosmetology, Los Angeles Facility.
- * Hiện cư ngụ tại Boat City. Marina Del Rey.
- * Bài "Biển Đông Lục Bình Trôi" là truyện viết theo lời kể của người thân.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Những Cánh Chim Không Mỏi

Tony Dương

Đây là lần thất bại thứ mấy rồi, tôi không còn nhớ được – nhưng thất bại bị ở tù thì đây là lần thứ hai.

- Lần thứ nhất: Cùng ông anh rể, xuống tuốt mãi Trà Vinh: Họ dụ khi dễ bán vé, rồi bắt bỏ tù 10 tháng, đòi đem tiền chuộc mạng, mới tha!!! (có đáng nổi loạn chưa?)

- Lần thứ hai: Tham gia cướp tàu có vũ khí (đã nổi loạn thật rồi!!!); tù 15 tháng!...

Các cụ bảo: “Cùng tắc biển, biển tắc thông” xem ra chẳng đúng một ly ông cụ nào trong trường hợp của tôi cả!...Cái cảnh “cùng đường” của tôi đã được bọn chúng tôi “khuấy lên thành BIỂN “!...Thế nhưng cái “tắc biển” đó lại dẫn tôi đến nơi “tắc tị”... Tôi vừa suy ngẫm như thế, vừa thất thểu trên đường chẳng biết đi về đâu. Với nước da bạc thềch lốm đốm những nốt ghê ruồi và muỗi đốt, nhất là cái đầu trọc lóc dễ gây chú ý cho những người qua lại, và không đâu được hành tung của một tên tù, hay ít ra là của một tên tù vừa được thả, thì bỗng nghe có tiếng gọi tên tôi...Một cô gái cũng khá tiêu tụy, từ bên kia đường đang hăm hở lách dòng xe cộ băng qua. Hóa ra là Ngọc Bảo, một sinh viên trước năm 1975 và cũng là vị hôn thê của tôi. Chúng tôi đưa nhau vào một quán cóc ven đường. Ngọc Bảo cho biết nàng cũng vừa được thả từ huyện Duyên Hải về tuần trước. Về chuyện của tôi cả hai bên Cha Mẹ đều đã biết. Các vị buồn chứ không lo lắng lắm. Riêng Ông Già Vợ của tôi thì “phán” thêm một câu: “ Ngựa non háu đá!” và nói với Bảo rằng ông muốn gặp tôi chừng nào tôi được tha về.

Ông già vợ tôi là người có khuynh hướng thực dụng, làm việc cần cù và rất thận trọng. Phân tích những lần thất bại của tôi và của các ông – ông thường dựa vào 3 yếu tố Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa... nhưng luôn nhấn mạnh “chính mình phải luôn luôn nắm lấy lấy thế chủ động “. Việc gì cũng vậy, nếu chưa chuẩn bị chu đáo thì hãy chờ thời.

Từ đó tôi ở hẳn nhà bố mẹ vợ tôi. Từ thân phụ mẫu đã cùng lo tổ chức hôn lễ cho chúng tôi. Sau đó nhờ sự quen biết rộng rãi ông xin nhập hộ khẩu cho tôi. Dịp này chị tôi từ Mỹ gởi về mừng chúng tôi một số vốn kha khá. Vợ tôi sang được một sạp bán đường, đậu, bột tại chợ Hòa Bình. Còn tôi học được một lớp máy nổ tại Trường Kỹ Thuật Cơ Khí trên đường Vườn Chuối Sài Gòn.

Năm 1984 chúng tôi có một cháu trai, ba năm sau nữa vợ tôi sinh thêm một cháu gái. Vợ chồng tôi tâm sự với ông: “ Chúng con thấy trách nhiệm ngày càng thêm nặng...Chúng con không thể để các cháu lớn lên trong cái xã hội mỗi ngày thêm một thoái hóa này được được...”

Ông nhìn tôi thích thú: “ Tôi tưởng những cánh chim bằng đã mỏi rồi chứ!” – Rồi ông cười ha hả...

Có lần ông kể cho tôi nghe như một lời gợi ý: Một lần ông đến liên hệ công tác với công ty Hải Sản quận 6, Giám đốc công ty này thấy ông nói tiếng Bắc, lại than sắp về hưu, ngỡ ông là cán bộ, nên vốn vã: “ Lo gì đồng chí cứ xuống đây “...

Chúng tôi bèn nhờ ông mở hồ sơ tại đó và lấy những thông tin cần thiết. Sau đó chúng tôi chính thức đến phường xin thị thực chữ ký và đem đơn đến Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố nộp ở Sở Thủy sản để xin phép đóng thuyền đánh cá ven biển. Được giấy phép, chúng tôi đến Hợp Tác Xã Sao Vàng tại quận 8 ký hợp đồng đóng thuyền. Ngày thuyền đóng xong, khánh thành hạ thủy, chúng tôi cũng mời thầy cúng Tổ Nghiệp. Tiệc khánh thành chúng tôi mời công nhân hợp tác xã và hai anh công an địa phương tham dự. Rượu nửa chừng, anh công an trưởng nửa đùa nửa thật:

“ Này, chừng nào cậu vượt biên nhớ rủ tớ với nhé!”

Vợ tôi tái mặt, tôi vội bỏ đùa đùa lại: “ Dạ, nếu anh chịu thì nhất định em sẽ đến tận nhà mời cả chị và các cháu nữa!”

Anh công an khu vực cũng thêm vào: “ Các cậu cứ ngồi lai rai, tớ phải đi rồi, chiều nay tớ sẽ tóm một lũ vượt biên cho coi!”

Lúc đó đã quá 3 giờ 30 chiều. Tiệc tan, chúng tôi cũng dọn dẹp xong, sau đó tôi đi tìm được anh công nhân để nhờ giới thiệu một người thợ máy. Chuyện vẫn một lúc lâu, tôi chờ vợ tôi trên chiếc xe Lambretta sport cổ điển rời khỏi bến sông. Đi vào trong xóm, còn xa mới ra đến đường Phạm Thế Hiển, đã thấy phía trước một đoàn người bị trói thành một giầy đang bị dẫn đi. Thấy tôi, anh công an khu vực khi nãy hất hàm kênh kiệu:

- Thấy chưa?

Tôi đùa lại:

- Anh phát tài rồi!

Vỏ thuyền có rồi, bây giờ đến giai đoạn làm máy. Công đoạn này, và trong giai đoạn 1987 này mới thật vất vả. Tôi còn nhớ hồi đầu phong trào vượt biên, người ta tìm kiếm vỏ tàu phải là dài hơn 20m, 19 là bị chê rồi. Máy thì chọn Yanmar 8 lốc đầu bạc, hèn cũng phải 6 lốc, 4 lốc là bị chê, đầu xanh cũng chê... Còn bây giờ thì bói cũng không mua nổi một máy hai lốc được cho là tạm ổn. Cuối cùng chúng tôi chọn mua trong đồng phế liệu một thân máy hai lốc thật cũ xì hiệu Kiloska sản xuất tại Ấn Độ - anh thợ máy, người tôi nhờ đi mua giải thích:

- Cái thân máy này có thể cải tiến được;

- 1 – Thân máy rất dày, các máy dẫn nước giải nhiệt còn nguyên chưa bị nước biển bào mòn gầy rò rỉ
- 2 – Trục máy rất lớn có thể mài mà không sợ yếu.
- 3 – Phần thân đặt cylinder rất dày tha hồ xoay, để thay cặp cylinder to nhất.
- 4 – Cả bộ phận khác ta còn có thể kiểm tra...

Khi đem về tái tạo, chúng tôi thay vào bằng một cặp cylinder Yanmar và một cặp Piton Kubota mới toanh, chỉ còn thiếu một cây lap cốt cam. Anh thợ máy lại một phen vất vả mất mấy ngày mới vác về một cây lap, hình như được tháo ra từ một cái máy điện nào đó, sau khi anh hi hục chế biến, rồi cũng lắp vào được.

Tiện, xoay, đục, đẽo, cắt, mài thôi thì đủ cả...Các công đoạn giờ đã hoàn thành. Chúng tôi cho nổ máy thử, tiếng nổ âm vang, từ dòn tan như bập khi ga thấp, cho đến rền êm khi tăng ga lên tối đa. Chiếc thủy động cơ của chúng tôi giờ đây như mới, tôi bảo đảm ngay đến ông chủ hãng Kiloska Ấn Độ có thấy cũng không dám nghĩ đó lại là từ sản phẩm của mình.

Máy được lắp đặt vào vỏ thuyền xong xuôi, chúng tôi chuẩn bị cho bữa tiệc khao quân trên sông nước. Thức ăn đã được bày ra ở khoang trên, rượu, thuốc lá đã sẵn sàng. Tôi mừng tượng chút nữa đây, vừa cầm lái cho thuyền vùn vút trên sông, vừa nâng ly chúc tụng nhau cho bỏ những ngày mò hôi chầy...

Đến giờ hoàng đạo, anh thợ máy lệnh cho tài công quay máy. Tôi đứng cạnh anh, chờ sai bảo khi cần. Máy nổ rộ rầm rập tiếng vỗ tay chào mừng của một đám đông. Anh thợ máy ra lệnh tiếp cho tài công gài số tới và kéo ga...rời bến. Thuyền giật lên chuyển mình. Tất cả mọi người hoảng hốt! Thay vì thuyền tiến lên rời bến, thì nó lại thụt lui thật mạnh...suýt gây tai nạn phía sau...Anh thợ máy hoang mang suy tính...Tôi trấn an;

- Thôi thì...ta vừa bàn vừa nhậu...Thịt rượu sẵn sàng rồi...

Kiểm tra thật kỹ từng động cơ qua hộp số đến chân vịt...không có gì sai sót. Vậy nguyên nhân từ đâu? Máy vẫn nổ nhẹ nhàng khi khởi động...Tất máy để kiểm tra thật kỹ vẫn không thấy gì bề gầy...Thôi đây rồi...Tôi chợt hiểu; Tất cả chỉ tại cây cốt cam...Một thứ: “Râu ông nọ cắm cằm bà kia “

Từ những kiểm tra thực tế đó, tôi đi mua ngay một cái chân vịt trái chiều. Cuối cùng thuyền của chúng tôi: Lui tới ngon lành như bao thuyền khác. Nhưng khi kiểm tra về tốc độ...mới thật là số Dách!...Mấy mạnh thuyền chạy nhanh là chuyện rất bình thường. Trong trường hợp thuyền của tôi chỉ có chúng tôi mới biết: nó mạnh nhờ cặp cylinder và piston quá khổ!...

Chúng tôi đăng ký vào Hợp Tác Xã Đánh Cá Nhà Bè. Từ một người mất chỗ đứng trong xã hội “xhcnvn” giờ đây tôi đã trở thành Thuyền Trưởng kiêm Thợ Máy và “chỗ đứng của tôi nhất định là trên con thuyền “ này rồi!... Vợ tôi là chủ phương tiện đánh cá này, hay nói cho oai là Chủ Tàu đánh cá! Lương, em trai vợ tôi là tài công, cô vợ tôi, chị gái tôi, em gái vợ tôi là thuyền viên...Thành lập một danh sách như thế để đi đăng ký hành nghề đánh cá, tôi mới thấy một khoảng trống không thể nào chấp nhận được! Bạn đi đánh cá ven biển thì có thể là đàn ông, đàn bà, già trẻ gì đều được rảo...Nhưng chỉ có hai mống đàn ông là không thể được!!! Khi ra khơi lỡ một người ốm đau thì sao? Cuối cùng chúng tôi phải rủ thêm anh Bình, một bạn hàng xóm tham gia, với điều kiện anh phải góp vào năm chỉ vàng. Đây chỉ là điều kiện chúng tôi cảm chân anh mà thôi. Cho đến lúc đó, thông thường vượt biên vẫn phải là 3 “cây” trở lên, điều kiện chúng tôi đưa ra làm anh ngỡ ngàng...Dĩ nhiên là anh mừng hóm, bắt ngay.

Kể từ lúc đó chúng tôi chăm chỉ hành nghề! Nếu ai tinh ý sẽ thấy chúng tôi xuất bến ra khơi kể cả các ngày giông gió lớn. Đi đi về về đến độ sập đường, đậu, bột của vợ tôi tại chợ Hòa Bình cứ mỗi ngày một teo lại. Thực ra những ngày ra khơi là tập cho quen để không say sóng, tập nhảy sóng ra sao, tập đoán thời tiết bằng cách nhìn rắng trời, mây, nước, và cũng là quan sát địa hình cũng như thực trạng hoạt động của biên phòng và của các tàu đánh cá quốc doanh. Buổi tối, tôi thường neo thuyền và đăng ký tạm trú tại bến công an biên phòng cửa sông Rinh. Mỗi lần được phép đi đánh cá là phải mua cá để khi về có cá bán cho Hợp Tác Xã, hay ít nhất cũng phải có chút đỉnh làm quà cho biên phòng và công an dọc bờ sông. Năm 1986, Tường Vân em gái của vợ tôi được người anh họ đưa đi đã đến bến tự do. Từ đảo Galang cô gửi thư về, ngầm chỉ đường cho tôi tìm gặp người taxi chở cô.

Nắm rõ tình hình, tôi ra bến xe mua vé đi Bà Rịa, đem theo xe đạp. Còn cách Bà Rịa 18 cây số, tôi xuống xe, đạp khoảng hai cây số, tôi thấy một xe nước mía bên đường, ghé vào nghỉ chân, kêu một ly nhâm nhi giải khát, nhìn sang bên kia đường...Tôi tìm thấy một căn nhà tranh vách đất, trên vách gần cửa có treo một cửa sổ tròn, nhìn qua bên phải có một trạm sửa xe màu xanh dương. Bỗng qua đường tôi đi thẳng đến căn nhà tranh. Từ sân nhìn xuyên qua nhà vào tận bếp, tôi thấy một người đàn bà và một đứa nhỏ, tôi mạnh dạn lên tiếng như một người quen:

- Chị Cang ơi! Anh Cang có nhà không?

Người đàn bà bế con ra ngó tôi lom lom:

- Anh...mà xin lỗi..Anh là ai?

- Tôi là anh của cô Vân

- Cô Vân nào cả?...Mà anh tìm anh Cang có chuyện gì không?

Tôi nghĩ người đàn bà này thật khôn ngoan, kín đáo, biết rõ việc của chồng mà chị ta vẫn vờ như không biết.

- Cũng có chút việc muốn nói với anh ấy, chị có biết bao giờ anh ấy về không?

- Mọi khi giờ này về rồi, còn hôm nay thì tôi không biết.

- Thôi được! Tôi ra ngoài một lát, chút nữa tôi quay lại vậy!

- Tôi vừa quay ra thì chị vợ reo lên;

- kìa, anh ấy về rồi.

- Tôi thấy một anh chàng thanh niên khoảng gần 30 tuổi từ ngõ bước vào sân, dáng đi vững vàng chắc nịch, khổ người cao to cân đối, nước da nâu bóng nhẫy, rõ ra một người suốt ngày sống với sóng gió thiên nhiên. Nét phong trần phóng khoáng của anh khiến tôi có tình cảm ngay khi gặp mặt.

Thấy tôi, đôi lông mày Cang hơi nhíu lại, thì chị vợ lên tiếng:

- Anh đây là anh của cô Vân
- Làm sao anh biết mà ra đây?
- Em tôi viết về giới thiệu cho tôi, mấy tháng trước cô ấy đã ở đây vài ngày, nên tôi ra đây để cảm ơn anh chị.

Hình như Cang còn do dự, chưa đủ tin, tôi tung thêm đòn tối hậu:

- Lúc mới đến đây nhìn thấy chị Cang, tôi đã hoàn toàn tin là tôi đã đến đúng nhà và tìm đúng người, vì chiếc áo sơ mi mà chị đang mặc, chính là chiếc áo quen thuộc mà ở nhà em Vân thường mặc.
- Đến lúc ấy Cang mới chịu đưa tay ra bắt tay tôi và vui vẻ mời tôi ngồi uống nước.

Lúc đó đã quá trưa, chị Cang nhanh nhẩu dọn cơm và mời tôi cùng ăn với anh chị. Xong bữa thì chúng tôi đã thực sự thân tình. Anh pha hai ly cà phê rồi kéo tôi ra sau nhà ngồi dưới gốc điều (đào lộn hột) xum xuê rợp bóng. Tôi hỏi anh:

- Bữa trước cá lớn của anh Diệm nằm có xa không?
- Khoảng một giờ taxi thôi.
- Từ đây ra biển bao xa?
- Gặp lúc nước ròng cũng chỉ khoảng một giờ đồng hồ
- Có thể tìm được bến khác tốt như thế không
- Ăn thua là cá lớn, lớn hay nhỏ thôi, nếu chỉ bằng của anh Diệm thì vùng này thiếu gì vũng có thể làm bến.

Tôi đề nghị anh Cang cho tôi đi chơi một vòng, nhân tiện thăm cho biết bến của anh Diệm ra sao. Cang lấy đưa tôi một bộ quần áo của anh để tôi “ giả dạng thường dân”, mặc dù bộ quần áo của tôi đang mặc trên người chẳng đáng giá gì.

Trên chiếc Tam bản, tôi ngồi đằng mũi, cũng hờ hững cầm theo một mái chèo. Cang ngồi lái, con thuyền uốn lượn đưa tôi đi như đi trong một mê hồn trận. Thật là một vùng trời nước mênh mông luồn lách dọc ngang chằng chịt, nếu không phải là người địa phương, đã vào đây cảm chắc sẽ lạc lối, khó tìm được đường về. Ấy thế mà Cang luôn miệng giải thích chỗ này là gó ếch, chỗ kia là vũng cua...

Lúc này nước đang dâng lên và bóng tôi bắt đầu phủ xuống. Chúng tôi ra về, đêm đó tôi nghỉ lại nhà Cang.

Sáng sớm hôm sau, theo đề nghị của tôi, Cang đưa tôi ra biển. Cũng may lúc đó nước vẫn còn ròng, nên khoảng hai tiếng sau thì tôi đã nghe tiếng sóng biển rì rào. Cửa rạch mỗi lúc thêm mở rộng... Trước hình như có một cái đảo chặn ngang tầm mắt. Cang bảo chúng tôi đã ra đến biển – Vì lúc này nước đã hết ròng, mép nước biển cũng đã rút ra xa, nên mới thấy được trọn vẹn cả bãi bùn lẫn cồn đất đang bồi. Lúc nước lớn mặc còn hoàn toàn chìm dưới mặt nước sâu khoảng ngang thất lung – Tuy nhiên các lùm cây vẫn xanh um. Chúng tôi bơi xuống vòng ra phía ngoài mặt cồn cạn. Quả thật chúng tôi đã hoàn toàn ra khơi, nhấp nhô đây đó những con thuyền đánh cá. Xa xa về bên trái là một dốc đá, trên đó thấp thoáng có một ngôi chùa, Cang cho biết ngôi chùa bỏ hoang từ lâu, bây giờ chỉ là chỗ nghỉ trưa, ăn cơm của những người mò cua bắt ốc. Ngay bên dưới chỉ là vũng bùn, nên tất cả những ghe cào cũng lánh xa. Xa hơn nữa là cửa sông Rinh, mà bên kia là đồn công an biên phòng nằm gần như dựa vào chân núi lớn Vũng Tàu. Về bên mặt chúng tôi, lác đác những hàng cột đáy, càng xa về huyện Duyên Hải và Vam Láng cột đáy càng thêm dày đặc.

Lúc trở về, vì là nước dừng và cạn nên chúng tôi phải chèo thuyền rất vất vả, phải mất một thời gian dài gấp hai lần chuyến đi, mới về đến nhà. Tuy vậy có một cái lợi là tôi quan sát được độ nông sâu của con rạch, căn cứ vào các thân cây để lại vết bùn rêu bám vào khi nước lớn. Trước khi rời nhà Cang, tôi hỏi:

- Sao anh không tự lực làm một mình mà phải dựa vào người khác? Tôi thấy anh cũng tháo vát lắm mà!
- Chúng tôi chỉ mới đến đây được vài năm thôi nên không quen biết nhiều.

Về lại Sài Gòn tôi tìm mua được một bản photocopy bản đồ hải hành thuộc vùng cửa sông Rinh để nhận định được rõ vị trí mà tôi và Cang đã đi suốt một ngày rưỡi trên thực địa. Tôi thấy có thể chọn vùng này làm nơi xuất phát. Tôi đem dự kiến của tôi bàn lại với ông già vợ và trình bày khái quát; Buổi đi biển chót, không về bến, đợi đến tối khuya khi nước lên, dẫn thuyền vào lạch mất một giờ, bốc dầu, bốc lương thực, bốc người tôi đa một giờ, quay thuyền trở ra biển thêm độ một giờ nữa, là khoảng độ 3 tiếng đồng hồ tất cả. Như vậy khoảng 3 giờ 30 sáng thuyền sẽ thông thả ra khơi, như bất kỳ một thuyền đánh cá nào khác. Nghe xong ông già vợ tôi phản bác ngay:

- Vẫn hoàn toàn bị động! Này nhé, từ lúc bắt đầu vào lạch là lúc thuyền trở nên bất hợp pháp, ba giờ là tối thiểu, lúc nào thuyền cũng bị lệ thuộc vào con nước, ba giờ đây bất chắc cho thuyền không phải là ngán ngủ. Nếu thuyền không gặp rủi ro, nhưng nhóm taxi gặp phải thì thuyền vẫn bị vạ lây, không có cách nào gỡ ra được! Tại sao ta không đem điểm xuất phát ra tuốt bên ngoài?

Tôi chột hiểu:

- Như vậy con có thể chọn điểm ở gần cồn cạn?
- Tại sao không chính là cồn cạn?
- Lúc nước lên cồn cạn bị ngập nước.
- Càng tốt, nhóm taxi càng không thể lên đồ người lên đó rồi rút trước, mà sẽ ẩn kỹ trong các lùm cây trên đó.

Tôi hiểu ý ông già vợ, lúc nào cũng muốn bảo vệ thuyền, và còn muốn nhóm taxi tham dự vào công việc để bảo đảm sự thành công. Tôi kể cho ông nghe về chuyện gặp gỡ của tôi với Cang – và ý muốn của tôi sẽ nhờ Cang...Sau khi hỏi tôi về tính tình, gia cảnh của anh, ông đồng ý với tôi nên nhờ Cang là phải.

Tôi bèn nhờ ông hôm sau đi gặp Cang để bàn chi tiết, kể cả tiền bạc. Kết quả ông mang về thật hợp lý và tốt đẹp.

Nhằm làm cho Cang lên tinh thần bằng cách tạo cho anh ta một hy vọng “Bắt được cái mối lâu dài”, khi gặp Cang ông đóng vai Người Chuyên Tổ Chức. Ông hỏi Cang có dám đưa nguyên một nhóm taxi ra hẳn ngoài biển không? Cang nhận và nói đến số đầu không quá 20, bởi lẽ chỉ riêng anh chị em ruột của anh ta có tới 5, thêm vào là ông bố vợ với hai người em vợ. Về phần giá cả Cang chỉ xin 2 chỉ mỗi đầu. Ông đồng ý với điều kiện là không được đổ khách xuống bãi. Ông còn tố thêm là sẽ thưởng thêm 1 chỉ cho mỗi đầu khách nếu “ráp nối” thành công. Ngoài ra nếu chẳng may không ráp nối được, taxi phải cố gắng đưa khách về an toàn sẽ được hưởng 2 chỉ tiền công lần về. Công lần đi thanh toán ngay khởi sự.

Chúng tôi cũng thỏa thuận nhờ Cang mang dầu ra dầu ngoài biển, mỗi can 30 lít với giá 1 chỉ. Trong khi giá bình thường trong đất liền một chỉ mua được gần ba chục can.

Nước ngọt để uống cũng vậy: 1 chỉ cho mỗi can 30 lít. Cang lý luận: Gánh dầu hay nước ngọt ra biển bị bắt cũng tù như tội tổ chức vượt biên...Để tiết kiệm tiền về vụ nước, tôi lập tức ngăn phần mũi nhọn của thuyền thành một hầm nhỏ chứa nước. Ốp hai lần gỗ, ở giữa chèn chấu khô cho nước không thấm, vách ngăn với khoang thuyền tôi đặt một vôi nước cho tiện. Phía trên bên ngoài tôi cũng mở ra một nắp như các hầm thuyền khác. Trong hầm này từ đó lưu trữ thường xuyên 5 cây nước đá 50 ký (5x50=250 lít). Đó là tiêu chuẩn nước đá được đem theo cho các thuyền đánh cá. Thể tích của hầm trên 400 lít, ngày khởi sự chúng tôi sẽ đổ thêm nước cho đầy. Như vậy cộng với một phuy 200 lít được phép có trên thuyền, chúng tôi có trên 600 lít nước ngọt, dư cho cả 20 người trong cuộc hành trình.

Nhờ sự quen biết của gia đình, chúng tôi mời được một Trung úy hải quân xưa kia phục vụ trong đơn vị tuần duyên VNCH dạy cho chúng tôi cách đi biển. Tất cả thân nhân trong gia đình chúng tôi, dù trai hay gái đều quây quần ngồi nghe ông chỉ. Từ cách đo toa độ trên bản đồ, cách bố trí vật dụng trước mặt tài công, và lái thuyền theo hải bản – cho đến cách lái thuyền khi không có hải bản hay hải bản bị hư bể...Nếu trời trong, học cách nhận định đi theo hướng trăng sao. Nếu trời tối mây mù, ta có thể lái theo hướng gió. Ông nhắc chúng tôi: “Vùng biển Việt Nam có gió mùa, gió nồm thổi từ tây nam qua đông bắc, gió bắc thổi từ đông bắc xuống tây nam”.

Tìm phương hướng bằng cách nghe tiếng gió: Quay mặt về hướng gió thổi tới, nhẹ nghiêng mặt qua phải, rồi qua trái để nghe tiếng gió thổi ù ù vào tai bên này hay bên kia, nhẹ nhàng điều chỉnh sao cho tiếng ù ù ở hai bên tai cân bằng. Lúc đó, hướng mặt ta đang đi chính là hướng tây nam hay đông bắc. Từ vị trí hướng vừa tìm được, điều chỉnh mũi thuyền lên hay xuống bao nhiêu độ cho đúng với hướng đi là chuyện quá dễ dàng. Dĩ nhiên theo cách này còn cần đến một dụng cụ chia góc số theo hải bản được phóng lớn cho dễ nhìn và dễ lái. Chúng tôi bèn lấy cái mâm nhôm cũ đang dùng trên thuyền, lật úp xuống khắc vào đây, đoạn bờ bên trong nhô ra để ngụy trang, khi cần chỉ một miếng giấy nhám chà sạch, đáy mâm sẽ hiện rõ ràng nét khắc màu đen. Khi sử dụng, nó sẽ được đặt úp dưới một sợi dây căng thẳng dọc theo chiều từ mũi xuống đuôi thuyền.

Khi nói về bão, ông cho chúng tôi biết đa số các trận bão thổi vào bờ biển Việt Nam thường xuất phát từ Thái Bình Dương thổi qua đảo Midanao – Phi Luật Tân. Vì nước ta ở bắc bán cầu nên chiều xoáy của chúng theo kim đồng hồ, vì vậy hướng chúng lúc đầu như sẽ chạy thẳng vào Sài Gòn Vũng Tàu nhưng rồi thường chệch hướng dần dần thổi vào miền Trung, có khi vào miền Bắc, và có khi sang hẳn tới miền miền Nam Trung Hoa. Tránh bão tốt nhất là càng ra xa bờ càng tốt, vì gần bờ, bị sóng dội ngược rất cao. Xa bờ sóng dù cao nhưng khoảng cách từng đợt này đến đợt khác rất xa, nên độ dốc của nó trở thành thoải hơn, không đáng sợ...

Chúng tôi được đặt câu hỏi;

- Khi gặp bão nên lái thế nào.

- Bình thường ta có thể cưỡi sóng đi, đi ngược sóng, nhưng gặp bão sóng quá lớn thì không thể đi được, đành phải xuôi theo sóng gió. Có điều cấm kỵ cần nhớ để giữ cho thuyền không bị lật úp chớ bao giờ đưa sườn thuyền ra hứng một đợt sóng lớn.

- Đó là trường hợp máy thuyền còn chạy, còn sử dụng được bánh lái. Trường hợp máy thuyền chết thì sao?

- Phải thả dù thôi...Vài trường hợp máy bay phản lực phải tung dù ra sau dưới khi đáp xuống một phi trường có phi đạo ngắn, để giảm bớt tốc độ của máy bay. Vậy ta cũng phải áp dụng một động tác tương tự. Trên thuyền có vài cần xé đựng hải sản là chuyện bình thường, ta nên mua sẵn ba cái mới cho chắc ăn. Dùng ba hay bốn đoạn dây thừng bằng nhau, buộc vào miệng cần xé, những đầu kia cột chung lại, thế là ta có được một cái dù rồi. Khi hữu sự kết chung ba cái lại thành từng một chùm, cột thật chắc những đầu dây dù kia vào đuôi thuyền, rồi thả cả chùm dù xuống nước. Dù cần xé bằng tre tươi nhưng bao giờ cũng nổi mà chỉ nổi lờ lờ dưới mặt nước. Bây giờ thuyền của ta là vật nổi trên mặt nước, hứng gió như những cánh buồm, bị sóng gió đẩy trôi đi nhưng đuôi thuyền phải kéo ba cái cần xé nên sức trôi của thuyền bị giảm đáng kể. Cái lợi quan trọng ở đây là mũi thuyền luôn đi trước, đuôi thuyền đi sau, và không bao giờ có trường hợp thuyền đưa sườn ra hứng sóng.

Một câu hỏi về vấn đề khác;

- Thuyền đang chạy trên đại dương, chung quanh có những tàu thuyền khác, làm sao để biết cái nào đang đuổi bắt mình?

- Ta đổi hướng một góc độ nào đó, thuyền đuổi bắt tất cũng đổi hướng theo.
- Gặp trường ho8p. Bị đuổi bắt, phải làm sao
- Tất nhiên phải tăng tốc tối đa, lúc này tốc độ là điều ăn thua nhất. Ở ngoài biển ta có nhiều ưu điểm hơn họ, thuyền ta càng chạy nhanh ta càng bỏ xa bờ, hiểm họa bị bắt càng giảm đi. Ngược lại phía đuổi càng lâu càng bất lợi, bởi lẽ lượng dầu chạy máy của họ rất ít không thể so với ta. Mặt khác 100 toán đi tuần thì đủ 100% toán bắt dầu để ăn nhậu hay chia chác...Nên lúc nào họ cũng sợ không đủ dầu để trở về, thế nên họ không dám đuổi xa đâu!
- Nếu bị đuổi trong khi thuyền còn đang trong sông rạch?
- Ta phải bắt chước lối chạy của kẻ cướp giựt. Đang chạy nó bỗng quay ngoắt vào một con hẻm, đợi cho cảnh sát đuổi quá trốn nó quay ra chạy ngược lại hướng cũ. Ở đây nếu bị biên phòng đuổi ta phải cố chạy ra biển, lỡ bị đuổi rât, nhắm một con lạch nhỏ, một lùm cây rậm rạp, tắt máy ngay rồi lao vào ẩn kín. Khi biên phòng vượt qua cho máy nổ lại tìm đường khác cố chạy ra biển...

Ngoài ra ông nhắc chúng tôi: Tại Đông Nam Á, các trại tiếp nhận thuyền nhân đều đã tuyên bố đóng cửa, nhiều thuyền đến sau ngày đóng cửa đang gặp khó khăn – Tuy nhiên vẫn còn hai nơi; Một là Nhật Bản từng tuyên bố cho 10,000 thuyền nhân đến định cư tại Nhật, nhưng mới có 3,500 người nên chắc họ sẽ tiếp đón dễ dãi. Hai là tại PhiLippine, tuy cũng đã tuyên bố đóng cửa, nhưng vẫn còn căn cứ Không Quân Mỹ Clack và căn cứ Hải Quân Mỹ tại Vịnh Subic, đó là những ngọn hải đăng!

Chúng tôi muốn tới Mỹ nên chọn Philippine khi chấm tọa độ ông Trung úy nhắc:

- Cứ nhắm thẳng theo cánh tay tượng Đức Chúa Giê-Su đang dang tay tại núi hải đăng Vũng Tàu cho thuyền ra khơi, ta sẽ đụng Côn Đảo. Để tránh vùng hành nghề của các vùng đánh cá quốc doanh dù muốn đến mục đích nào cũng nên đi ngược lên phía bắc Côn Đảo, ra đến đường hàng hải quốc tế rồi hãy bẻ góc đi về hướng muốn tới. Ví dụ bẻ góc Tây Nam để Singapore, Malaysia, v v...Muốn đi Philippine cũng vậy, từ phía bắc Côn Đảo đến Philippine theo đường gần nhất phải chui qua hai nhóm đảo của Trường Sa. Giữa hai nhóm đảo này có một hành lang rộng rãi. Lúc này bộ đội Việt Nam đã chiếm đóng một đảo tại phía bắc hành lang này. Đối diện, về phía Nam hành lang cũng có một đảo bị Quân đội Trung Cộng chiếm đóng. Hai bên này vẫn hầm hè nhau nhưng không bên nào muốn nổ súng trước. Muốn đến Philippine qua ngã này phải canh cho thuyền đi ngang qua hành lang vào ban ngày để cả hai bên đều nhìn thấy rõ “đây chỉ là thuyền vượt biên”. Tuy nhiên cứ theo đường hàng hải quốc tế về phía tây nam, sẽ gặp nhiều dàn khoan dầu của các nước dọc theo lối đi. Hơn nữa đi lối này trên một chặng đường dài như thế, sẽ gặp rất nhiều tàu thuyền qua lại, có nhiều hy vọng được tiếp cứu và tương đối an toàn. Ông Trung úy còn nhắc chúng tôi nên đem theo một cái Radio chạy pin, chủ yếu để nghe tin tức thời tiết.

Dĩ nhiên còn rất nhiều điều hữu ích cho những người đi biển mà ông trung úy đã dạy cho chúng tôi suốt hai ngày. Trên đây tôi chỉ kể một số vấn đề thật đặc biệt cần thiết cho cuộc vượt thoát thành công, và cho cả sự an nguy của chính mạng sống bản thân chúng tôi.

Cho đến lúc đó tôi mới kịp nhìn lại bao lần thất bại trước đây của tôi, của vợ tôi và của tất các người tôi quen biết mới thấy; Quả thật chúng tôi đã nhắm mắt làm liều một cách thật ngây thơ, khờ khạo...

Cuối tháng 8 năm 1988 tôi dự định già biệt quê hương, nên xin xuất bến vào ngày 27 – Nhưng không được nhà cầm quyền địa phương cho phép, họ bảo:Nghỉ ăn lễ độc lập xong hẳn đi. Ai cũng nhắm vào dịp lễ tết, các cơ quan, cán bộ say sưa, lơ là để thừa cơ trốn chạy. Thực ra tôi cũng nhắm vào dịp 2 tháng 9. Cuối cùng đành chọn vào đêm 7 rạng ngày 8 tháng 9, một đêm tối trời...

Cuộc “Hành Quân Đêm” của chúng tôi xuất phát vô cùng thuận lợi – diễn ra từng bước đúng như tính toán trước. Thuyền của tôi chiều ngày 7 tháng 9 vẫn về cửa bến sông Rinh như thường lệ, vẫn vui đùa ăn nhậu như mọi ngày, nhưng mọi thứ cần thiết cho chuyến đi vẫn được kín đáo, sắp xếp, kiểm soát...Sáng hôm sau, thuyền của tôi vẫn ra khơi ngay từ đợt đầu tiên trong lúc trời còn chưa sáng rõ. Từ ngoài xa, ngồi trong khoang tôi dùng ống nhòm kín đáo quan sát “Những hoạt động tại điểm” trong khi thuyền thả cào chằm chằm đi chuyển vào cồn cạn...Khi nhận được tín hiệu của nhóm taxi đã đầy đủ và sẵn sàng, thuyền liền gác cào, nhanh chóng áp sát và quay ngang để ẩn ngư tầm nhìn từ biển vào. Chỉ trong vòng 15 phút vội vàng, căng thẳng, nhưng rất trật tự...Tất cả số lượng dầu, lương thực, và 18 người lớn nhỏ đã nằm gọn ghẽ trong khoang thuyền, và nhóm taxi cũng lần lượt phân tán khuất sâu trong các con lạch.

Tôi thở ra một hơi thật dài nhẹ nhõm...trong lúc con thuyền tiến ra xa...xa...xa mãi.

Vào lúc 7 giờ sáng hôm đó trong một bãi kios tại bãi Vũng Tàu, gần đồn biên phòng, mũi hải đăng với tờ giấy vừa xuất viện (nằm bệnh viện) trong túi, và cuốn “Bố Già” mới phát hành tại Sài Gòn trên tay, ông già vợ tôi ung dung ngồi trước một cái phin cà phê thơm thả nhỏ giọt. Người ta tưởng ông đang say sưa với cuốn truyện, thỉnh thoảng lật từng trang... Nhưng thực ra ông đang để hết tinh thần vào thính giác và thị giác quan sát ngoài biển, và nhất là những động tĩnh của đồn biên phòng...

Mười giờ ông vui vẻ ra về...Tìm gặp Cang để bác cháu hàn huyên. Sau này Cang còn có dịp tìm ông vài lần để cảm ơn ông đã giới thiệu cho anh vài người bạn của tôi tại bãi sông quận 8.

Chúng tôi đã vượt qua Côn Đảo an toàn, đã gặp đường Hàng Hải Quốc Tế và vẫn đang theo con đường đã chấm tọa độ đi tới Philippine thì khoảng 11 giờ sáng hôm sau , trong bản tin thời tiết loan báo một trận bão xuất phát từ ngoài biển Trung Hoa Lục Địa tiến về hướng tây nam. Nếu ít giờ sau bão tràn tới mà thuyền của tôi vẫn còn giữ

hướng đang đi, thì sóng gió gần như đập thẳng vào hông thuyền “ Gặp điều cấm kỵ đây rồi!!!”...Tôi quyết định tức khắc phải đổi Hướng: bẻ góc cho thuyền đi xéo dần dần về gặp lại (và đi theo) đường hàng hải quốc tế để hy vọng:

a) – Lúc đó gió bão sẽ đẩy thuyền đi nhanh hơn

b) – Tránh tình trạng sóng đập vào hông thuyền (nếu theo hải trình cũ)

c) – Trên đường hàng hải quốc tế có hy vọng nhận được sự tiếp cứu của các tàu lớn.

Chiều hôm ấy quả nhiên bão đã tràn tới sau lưng, đẩy thuyền chúng tôi chạy như tên bắn...Tiếp theo tức thì, sóng biển dềnh lên cuộn cuộn...Thuyền bị nâng lên thật cao...cao ngất....rồi từ độ cao chót vót ấy...lao ào....xuống thung lũng đen ngòm phía dưới khoang...Riêng tôi, lúc này chỉ mong sao cho máy thuyền đứng chết...Bóng tối cũng mau chóng trùm kín, sấm chớp giăng giăng ngang dọc...chúng tôi đã thấy thấp thoáng ánh sáng lửa bập bùng xa xa, hình như từ một dàn khoan nào đó. Khoảng nửa đêm, sóng gió quay cuồng, mưa đổ như trút...sấm chớp liên hồi...Đĩ nhiên thuyền của chúng tôi phải đổi hướng xoay chiều theo sóng gió...Suốt ba ngày đêm bị vùi dập, thuyền của chúng tôi trôi tới trôi lui, hình như vẫn đứng nguyên tại vị trí cũ, đó m lửa dàn khoan vẫn lúc thấy lúc không. Có vài lần chúng tôi đã toan tính thử cho thuyền sắp gần về phía ánh lửa dàn khoan...nhưng không thể được...12 giờ trưa ngày thứ 55 kể từ khi chúng tôi rời bỏ quê hương, và là ngày thứ 3 khi gặp bão gió, gió mới dịu lại! Từ lúc ra đến đường Hàng Hải Quốc Tế, chúng tôi đã gặp không dưới 10 chiếc tàu dân sự to lớn, mang cờ hiệu của nhiều quốc gia ngược xuôi, chúng tôi đều ra dấu cứu vớt, nhưng họ cố ý làm ngơ. Khoảng 4 giờ chiều, đột nhiên tôi nghe Lương La lên;

- Cái tàu đằng sau hình như đã dừng lại!

Tôi nhìn lại, quả thật một ngọn núi sắt sừng sững hiện ra trước mặt tôi:

- Chúng ta được cứu rồi!!!

Suốt ba ngày đêm bị bão táp vùi dập, trừ những đứa trẻ vẫn ăn ngủ, bú sữa bình thường, còn hầu hết hành khách của tôi đều mệt mỏi, say sóng, không ăn và nằm bẹp dí...Bây giờ mới chỉ nghe được tiếng “ Có tàu cứu” là tất cả đều nhồm dậy và leo lên boong. Các chị, các cô bé ngay mấy đứa trẻ, nâng cao để những người trên tàu trông thấy. Tôi thấy thủy thủ trên tàu ra dấu cho thuyền tôi tới gần đồng thời họ thả thang sắt xuống...

Sóng lúc đó vẫn còn khá lớn, con thuyền dềnh lên thụt xuống, khi vừa áp sát đã đụng nhẹ vào thành tàu kêu lên răng rắc như muốn bể toang. Cho thuyền lui giạt ra tôi cố ghì giữ cho thuyền chỉ tiếp xúc với tàu bằng mũi. Trước đó chúng tôi đã căng sẵn một dây thừng lớn từ khoang ra đến cọc mũi làm chỗ vin và móc dây an toàn. Nhờ đó sự di chuyển bây giờ tương đối an toàn. Theo lệnh từ trên tàu đưa xuống: Người ít tuổi sẽ ưu tiên lên tàu trước. Do đó, con gái tôi mới 7 tháng tuổi được cậu Lương và chú Bình, người bế kẻ diu, thận trọng từ khoang thuyền ra mũi, đợi đúng lúc thuyền dềnh lên mới chuyển cháu cho hai thủy thủ, đứng sẵn ở bậc cuối thang sắt, cùng đưa tay đỡ lấy cháu...Tôi nghe một loạt pháo tay rộ lên...của những người trên tàu đón mừng cháu...mà chảy nước mắt dài...Tôi khóc..Quả thật cho đến lúc ấy tôi mới khóc, khóc, vì...mừng vui!!! Đến lượt thằng con trai của tôi gần 4 tuổi, vùng vằng không chịu lên tàu, khóc lóc la hoảng đòi về nhà bà ngoại. Người thứ ba là một cháu gái tên Thủy (hiện là sinh viên của đại học UCL). Lương và Bình cố móc dây an toàn lần lượt dẫn từng người từ khoang ra mũi để rời thuyền. Người khách cuối cùng là bà Chín, cũng là người lớn tuổi nhất trong chuyến đi, run rẩy sợ hãi vì thuyền dềnh lên thụt xuống, ra đến mũi sắp được kéo lên thang...loạng quạng sao đó, té lăn xuống biển...Nhanh như vượn Lương phóng xuống theo túm được, Bình cũng lao đến tiếp cứu, vớt lên được. Lên tàu bà Chín phải nằm bệnh viện săn sóc 5 ngày mới khỏi (Ông bà Chín hiện định cư tại Bôt-n – Massachussets). Lệnh thuyền trưởng yêu cầu chúng tôi đem lên boong tất cả các dụng cụ hải hành, cũng như tất cả các loại lương thực có trên thuyền.

Sau Lương và Bình, tôi là người cuối cùng, tất máy, rời thuyền với một tâm trạng băng khuâng, dào dạt. Đặt chân lên boong tàu, lúc đó là 5 giờ 30 chiều ngày 12 tháng 9 năm 1988. Tôi nhìn xuống lượt 21 người “ cùng hội cùng thuyền” với tôi, Bà Chín, cô Lan và cháu gái 5 tuổi tên Thủy, Tôi chỉ gặp từ lúc lên thuyền (vì là người của Càng đưa taxi, anh đã năn ni vợ tôi cho đi để anh có thêm sở hụi), Anh Bình là bạn hàng xóm, còn lại đều là thân thuộc trong gia đình chúng tôi (Sau này lúc Lương lập gia đình, ông bà Chín nhân dịp này tặng Lương một kỷ vật trân quý. Cô Lan đã nhận bố mẹ vợ tôi làm bố mẹ nuôi và cô đã kết hôn với anh Bình. Chúng tôi đều được định cư tại Mỹ, và hầu hết ở Cali. Chúng tôi thương đi lại gặp nhau như một nhóm gọi là “ Nhóm Golar Freeze”, lấy tên của con tàu đã cứu vớt chúng tôi trên Biển Đông.

Khi tôi đến chào và trình diện ông thuyền trưởng, ông tỏ ra rất lịch sự và ân cần, ông cho tôi biết ông là người Tây Đức, ông rất thông cảm chẳng những với thuyền nhân, mà còn với tất cả mọi người ở Miền Nam Việt Nam nữa. Ông nói ông đã nhìn thấy thuyền của chúng tôi từ xa 9 – 10 cây số. Từ đằng sau ông quan sát thuyền của chúng tôi rất lâu. Vừa rồi ông đã xem xét cái Mâm Nhôm, một dụng cụ thô sơ nhất của người đi biển, rồi đến cái hải bàn cổ quái “không có kim” (nó đã bị bão vùi dập lẫn lóc, nên kim đã gãy và tấm bản đồ Hải Hành vẽ bằng tay (Thực ra là can bằng tay theo kiểu học trò), ông hoàn toàn kinh ngạc và hỏi tôi làm cách nào dẫn thuyền đi đúng hướng, đúng đường và an toàn qua cơn bão vừa rồi. Tôi đã trình bày cho ông rõ là: “ Chúng tôi đã được một Trung úy Hải quân Việt Nam Cộng Hòa huấn luyện trong một khóa đặc biệt...thật kỹ...và lâu đến cả...hai ngày lận!!!”

Lúc đó tất cả chúng tôi đã được an toàn trên con tàu Golar-Freeze, một tàu chở dầu, trọng tải 80 ngàn tấn của một đại công ty hỗn hợp Nhật Bản - Phần Lan – Anh Quốc. Chúng tôi được từ chối chết trở về!

Anh chị em chúng tôi, từ trên boong, nhìn xuống con thuyền bé bỏng, thân thương, hiện không còn người lái đang quay cuồng trên sóng đại dương, va đập vào hông tàu bể vỡ...và từ từ chìm xuống. Không ai bảo ai, chúng tôi cùng im lặng cúi đầu, cúi đầu như mặc niệm.

Sóng nước đã hoàn toàn phủ kín nó...Như phủ kín cả một thời trai trẻ, thanh xuân của thế hệ chúng tôi!

Lake Forest,

Ngày trọng đông năm Nhâm Ngọ

∴ Tony Dương ∴



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trên Đường Tìm Tự Do

Nguyễn Hữu Bào

Sau ngày mất nước, 30-4-1975, tôi cũng như đa số dân Sài Gòn thường xuyên theo dõi đài phát thanh Việt Ngữ của đài BBC và VOA. Hôm nào thời tiết xấu, nghe không rõ, tôi cảm thấy bức tức khó chịu. Nhưng không lo, trong số bạn hữu, bà con nghe lén đài ngoại quốc thế nào cũng có người nghe được phần phát thanh Việt Ngữ của đài BBC và VOA. Tôi cũng không mất công đi dò hỏi. Nếu có tin gì phần khởi hoặc liên quan tới Việt Nam thì thế nào cũng có người kể lại cho nghe. Những tin hay ít nhất tôi cũng được nghe hàng chục người kể lại. Nhiều tin tôi biết rồi, nhưng nghe bà con kể đi kể lại nhiều lần mà tôi vẫn thích thú, chăm chú nghe thực sự chứ không phải vì xã giao lịch sự.

Trong một bài bình luận về vấn đề “boat people” đài BBC có một câu như sau: “Trong số những người Việt Nam vượt biển 50% bị Cộng Sản bắt cầm tù, 25% chết trên biển cả, 24% bị hải tặc cướp của, đánh đập, hãm hiếp...chỉ có 1% hoàn toàn may mắn đến bờ bến tự do bình an”. Mặc dầu tìm tự do vô cùng nguy hiểm, đến đất tự do phải trả một giá quá đắt như vậy nhưng đồng bào kẹt lại vẫn liều lĩnh phiêu lưu. Đồng bào quan niệm: “Thà chết trên biển cả còn mát mẻ sung sướng hơn sống trong ngục tù Cộng Sản”.

Đúng lắm. Kể từ khi Việt Nam hoàn toàn bị nhuộm đỏ, các trại cải tạo là nhà tù nhỏ, còn toàn quốc là nhà tù lớn. Người có khả năng phiêu lưu dù có bỏ mình trên biển cả cũng còn sung sướng hơn những con chim trong lồng chạy quần chạy quanh.

Sau nhiều lần tổ chức vượt biên không thành, cuối cùng tôi được anh Nguyễn Duy Chính giới thiệu tôi với anh Đỗ Thanh Tròn. Gặp được người cùng tư tưởng anh Tròn mừng lắm. Anh Tròn mua được chiếc thuyền chạy trên sông của một dân chài tên Sáu Lá. Chiếc thuyền này dài 9m, rộng 2m50. Tôi không hiểu ai giới thiệu anh Tròn quen một xưởng mộc chuyên đóng tàu, xưởng trên bờ kinh xã Lương Hòa thuộc tỉnh Long An.

Chiếc thuyền được đưa đến xưởng mộc này nhờ tu bổ. Nhóm của chúng tôi gồm có gia đình anh Đỗ Thanh Tròn, hai vợ chồng và năm đứa con nhỏ, anh Nguyễn Duy Chính và tôi. Năm đứa con nhỏ của anh Tròn tôi không nhớ rõ tên, tôi chỉ biết chị Tròn tên Phó Thị Gương. Như vậy nhóm chúng tôi gồm có 9 người. Gần đến ngày khởi hành thêm anh Nguyễn Duy Xuân, chú ruột anh Nguyễn Duy Chính, vượt ngục từ trại cải tạo về tham dự. Như vậy nhóm của chúng tôi vừa tròn 10 người, bốn đàn ông, một đàn bà và năm trẻ nhỏ.

Chúng tôi đều cư ngụ tại Sài Gòn. Ngoài chiếc thuyền mua của anh Sáu Lá. Anh Tròn còn có một chiếc thuyền nhỏ gọi là taxi. Chiếc taxi này dùng để chạy đi chạy lại liên lạc từ bến Hàm Tử đến Lương Hòa, chuẩn bị xăng, dầu, dụng cụ, lương thực...cho cuộc ra đi. Trong thời gian di chuyển trên sông chúng tôi đều dùng giấy tờ giả.

Ngày 11 -6-1979, anh Tròn cùng anh Sáu Lá và tôi dùng chiếc thuyền taxi giả dạng dân chài đi đánh cá để tìm đường ra biển. Hồi 6 giờ chiều cùng ngày chúng tôi ra đến Cửa Đại thuộc Vàm Láng, gặp công an biên phòng vẫy vào. Trong lúc đó tụi công an đang bắt giữ một chiếc tàu lớn, trên tàu lõ nhỏ đàn bà con nít rất đông. Chúng tôi bị công an hỏi giấy tờ, khám xét thuyền, hạnh hộc đủ điều rồi sau đó cho chúng tôi đi. Thoát nạn, chúng tôi mở máy cho thuyền chạy ra biển đánh cá. Quay đầu lại nhìn lá cờ đỏ màu máu tôi không khỏi rung mình.

Ra khơi, chúng tôi tập sự quăng lưới đánh cá. Mấy tiếng đồng hồ chúng tôi kéo lưới mệch phờ người mà không được con cá nào. Hôm sau chúng tôi trở về. Tránh đồn công an bên bờ này, chúng tôi đi sát bờ bên kia. Nhưng bên bờ kia cũng như bên bờ này đều có đồn công an kiểm soát. Trở về, chúng tôi chỉ bị xét giấy qua loa chứ không bị hạch hỏi lời thôi lắm. Nắm vững tình hình hai bên bờ Cửa Đại đều có tụi chó săn canh phòng, anh Tròn khoát trí nói “Đêm tối, ra biển chúng ta cứ đi ra giữa biển cả là yên chí và chắc ăn nhất”

Về Sài Gòn, chúng tôi họp nhau quyết định khởi hành từ Lương Hòa hồi 5 giờ chiều ngày 15-6-1979. chúng tôi không có thì giờ theo dõi tin tức khí tượng. Chúng tôi, người là công chức, người là giáo chức, người là quân nhân. Không ai có một chút gì về kinh nghiệm đi biển, không ai có chút gì hiểu biết về máy tàu. Chúng tôi là bọn người điếc không sợ súng.

Buổi sáng ngày khởi hành, mười người trong bọn chúng tôi có mặt đông đủ trên chiếc thuyền định mệnh. Thuyền của chúng tôi chạy bằng máy Yamaha F10 và trang bị thêm một máy đuôi tôm. Suốt cả buổi sáng bận rộn nhưng chỉnh lại các hệ thống máy móc, hệ thống bơm nước, trữ nước ngọt trên thuyền, bơm máy cái ruột xe làm phao...Chương trình khởi hành hồi 5 giờ chiều. Nửa đêm thuyền tới cửa biển là tốt nhất. Đúng giờ khởi hành, anh Tròn mở máy không chạy. Cả bốn người đàn ông cùng xúm lại hết tháo cái nọ mở cái kia, nhưng máy vẫn không nhúc nhích. Cầu cứu mấy người thợ mộc cũng chẳng ai biết gì về máy tàu. Trời tối. Anh Chính đành phải về Sài Gòn đón thợ máy xuống. Ông thợ máy, chúng tôi thường gọi là ông Thà, chú họ anh Chính, đối với chúng tôi rất tốt. Chúng tôi chờ thợ máy chà khác nào bệnh nhân đang cơn ngặt nghèo chờ thầy thuốc. Mãi đến 9 giờ đêm anh Chính với ông Thà mới đến. Ông Thà mở con heo dầu, lau sạch sẽ, rồi ráp vô. Công việc rất giản dị, dễ dàng, chỉ vài phút là xong. Sau đó máy nổ ròn. Nghe tiếng máy nổ chúng tôi vui mừng còn hơn nghe pháo Tết.

Đúng 12 giờ đêm thuyền nhỏ sào. Hai bên bờ rạch dừa nước mọc um tùm. Thuyền của chúng tôi như con cá sấu lượn trong bụi cây rập rập từ rạch ra sông. Chúng tôi dự tính đi lòng vòng đánh cá trên sông, chờ nửa đêm 16-6 ra

biển. Suốt ngày anh Tròn cho thuyền chạy trên nhiều con sông tôi không nhớ hết tên. Gặp những khúc sông vắng chúng tôi quăng lưới đánh cá. Chúng tôi bơi lội cho thỏa thích. Anh Chính và tôi lặn xuống lòng sông bốc được mấy nắm đất bùn. Chúng tôi lấy bao nylon gói nắm đất quê hương mang theo đến chân trời xa lạ.

Hồi 4 giờ chiều ngày 16-6, chúng tôi đi trên Vàm Kỳ Ôn. Gặp chiếc ghe bán đồ ăn chúng tôi vẫy lại. Trên ghe có nhiều đồ ăn như dừa tươi, lap xường, khô mực, bánh kẹo, thuốc lá... Có bao nhiêu chúng tôi mua hết. Chúng tôi muốn xài hết những đồng tiền của chế độ mà chúng tôi ghê tởm. Trúng mỗi, cô bán hàng cười như hoa. Bất thần, cô hỏi:

- Các anh đi bao giờ về?

Chúng tôi chột dạ nhìn nhau. Anh Tròn nhanh trí trả lời:

- Chúng tôi đi đánh cá ít ngày rồi trở về.

Nói rồi, anh Tròn nháy mắt nhắc anh em:

- Chúng ta đi là vừa.

Con thuyền của chúng tôi vừa đi được một phút thì thuyền công an đuổi theo. Anh Xuân cầm lái. Anh Tròn hối thúc:

- Mở hết ga! Chạy hết tốc lực!

Thuyền của chúng tôi lao vun vút trên Vàm Kỳ Ôn. Thuyền công an phóng vun vút đuổi theo. Gặp những ghe nhỏ tròng trành muốn đắm. Bà con văng tục chửi thề om xòm. Ra đến sông Tiền thay vì quẹo trái ra biển, chúng tôi chạy thẳng lên Mỹ Tho đánh lạc hướng bọn chó săn. Tiền giang rộng mênh mông, thuyền xuôi ngược khá nhiều. Trời nhá nhem tối. Thế là chúng tôi thoát khỏi cuộc rượt đuổi. Hú vía! Nếu chúng tôi bị bắt trên Vàm Kỳ Ôn thật là lãng nhách.

Chừng 8 giờ tối, Anh Tròn bảo anh Xuân cho thuyền rẽ về trái, tìm đường ra biển. Vào khoảng 10 giờ đêm chúng tôi thả neo gần Cồn Phụng, miền đất của ông đạo Dừa. Anh Tròn bàn tính:

- Ra cửa biển chúng ta phải phóng hết tốc lực mới thoát được.

Anh Chính góp ý:

- Như vậy chúng ta phải cho máy đuôi tôm chạy phụ với máy lớn.

- Đứng lăm.

Nói rồi anh Tròn lấy tay quay mở máy đuôi tôm. Anh quay cả chục lần máy không nổ. Mở máy ra thấy bên trong đầy bùn đất. Anh Tròn cần nhả bọt thợ mộc làm ầu, đánh rớt máy xuống sông rồi cứ để y nguyên như vậy ráp lên thuyền. Anh Tròn cũng tự trách mình ý i máy mới không chịu chạy thử. Chúng tôi rọi đèn pin, mở máy lau bùn đất. Trong khi chúng tôi sửa máy, tàu công an tuần tiễu đi qua. Chúng tôi chỉ liếc nhìn chứ không ngừng lại. Hú vía! Lau máy sạch rồi, hết anh Tròn đến anh Xuân, anh chính quay máy vẫn không nổ. Máy đuôi tôm loại lớn nên quay khá nặng. Tôi nín thở, dùng hết sức quay, máy nổ được vài cái rồi tắt. Thấy tôi có sức khỏe tương đối hơn anh em một chút nên anh em khuyến khích tôi cố gắng thêm lần nữa xem sao. Nghỉ vài phút lấy lại sức, tôi cố gắng quay lần nữa. Máy nổ Bịch...Bịch...!...vài cái rồi im lặng. Tôi cố gắng quay thêm vài lần nữa không kết quả. Máy đuôi tôm đánh bỏ không sử dụng.

Sông nước đen ngòm. Xa xa vài ánh đèn leo lét của ghe thuyền qua lại. Thuyền của chúng tôi đậu gần bờ, bên cạnh những bụi cây đen thẫm bí hiểm. Đặc biệt có vài bụi cây rất nhiều đom đóm, tưởng như mỗi cái lá có một hai con đom đóm khiến cây rực sáng. Những cây này giống như những cây thông khổng lồ trang trí đèn màu trong đêm Noel.

Máy đuôi tôm không chạy. Chúng tôi chỉ có một máy Yamaha F10. Theo kinh nghiệm trong chuyến đi dò đường, anh Tròn bảo anh Xuân lái thuyền giữa sông và chạy thẳng ra giữa bờ biển

Thuyền không đốt đèn. Máy nổ khá lớn. Đêm khuya thanh vắng tiếng máy nổ càng lớn hơn. Trông ngược chúng tôi cũng hòa nhịp cùng với máy nổ. Thuyền đang chạy ngon trớn, bất thần khựng lại. Anh Tròn hét lên:

- Tắt máy! Thuyền mắc cạn!

- Nguy rồi!

Anh Xuân kêu lên, đồng thời tắt máy. Mọi người ngơ ngác, nhón nhác.

Tôi nhảy xuống mực nước chưa tới bụng. Trăng hạ tuần nhô lên, tuy ánh trăng không sáng lắm nhưng cũng soi rõ chiếc thuyền của chúng tôi đậu lù lù giữa biển rộng mênh mông. Đèn pha từ đồn công an phóng ra, nhưng không nghe tiếng máy nổ nên không lo lắng. Anh Tròn bảo tắt cả mọi người nhảy xuống đẩy thuyền. Còn anh đứng ở mũi thuyền dùng sào đẩy phụ.

Còn cát mịn, cứng phẳng như xa lộ. Chúng tôi ghé chân chèo dùng hết sức đẩy thuyền. Tay đẩy thuyền nhưng mắt vẫn không rời ngọn đèn pha từ đồn công an. Đẩy thuyền đi đến hơn 500m mới thấy mực nước sâu dần. Anh Tròn kêu mọi người lên thuyền và nổ máy tiếp tục chạy. gió biển đêm khuya mát rượi, mọi người khoan khoái hít căng lồng ngực.

Yêu quê hương nhưng tôi mong xa quê hương, xa bờ biển sớm chừng nào đỡ lo chừng ấy. Hai tư tưởng trái ngược trong ý nghĩ khiến tôi buồn ray rứt. Nhìn những bụi cây cứ nhỏ dần, mờ dần, tôi không khỏi nghẹn ngào rơi lệ. Gạt nước mắt, tôi thì thầm “ Quê hương ơi! Xin chào tạm biệt!” Tôi không dám nghĩ đến hai chữ “Vĩnh Biệt”. Hai chữ “tạm biệt” vừa thốt ra khiến cho tim tôi se lại, lòng tôi thổn thức, hai hàng nước mắt rùng rùng.

Đến 12 giờ trưa, thuyền đã đi được một đoạn đường khá dài. Nhìn lại, tôi không thấy bến bờ quê hương đâu nữa. Chúng tôi thả neo, thuyền tạm ngừng để thay chân vịt. Vì dụng cụ cùn nên chân vịt bị cong bắt buộc phải thay. Việc làm này nếu ở trên sông hay trên bờ biển có đất đứng thì dễ. Còn chỗ biển sâu tôi phải vừa bơi vừa ôm chân vịt ráp vô nên hết sức khó khăn. Loay hoay hơn tiếng đồng hồ không ráp xong chân vịt tôi đâm lo. Lúc ráp được chân vịt tôi thở phào. Mừng quá! Chúng tôi gói cái ống nhôm và cái hải bàn trong mấy lớp bao nylon rồi giấu dưới hầm máy, giờ mới dám lấy ra. Gói kỹ như vậy không ngờ nước vẫn vô. Ống nhôm hư hoàn toàn. Hải bàn còn dùng được. Dưới hầm máy nước lên đến bụng. Anh Tròn mở máy bơm nước nhưng máy bị hư. Anh Tròn phân công anh Xuân và anh Tròn thay nhau lái thuyền. Anh Chín coi hải bàn, hải đồ nhắm hướng. Còn tôi tát nước. Gàu múc nước là cái mũ sắt nhà binh cũ. Còn chị Tròn trông nom lũ con nhỏ ở caibin. Việc tát nước vô cùng vất vả, cứ tát cạn thì hai phút sau mực nước phòng máy lại đầy như cũ.

Suốt ngày nắng đẹp. Biển tốt.

Sáu giờ chiều. Bỗng nhiên bầu trời mây kéo đến bao phủ phút chốc tối đen. Gió nổi lên mỗi lúc mỗi mạnh hơn rồi biến thành bão. Trời tối thật nhanh. Nhìn chung quanh không một ánh đèn. Anh Tròn bảo anh Xuân cho thuyền chạy theo sóng. Tôi thăm phục anh Tròn. Thuyền quá nhỏ nếu chạy ngược song sẽ bị lật mất.

Tôi tát nước mỏi rời cả tay. Tôi kêu một bạn nào xuống hầm máy thay tôi. Nhưng anh Tròn, Xuân và Chính cả ba đều không chịu được mùi dầu máy, các anh cứ xuống hầm máy là khó chịu nôn mửa. Công việc tát nước của tôi không ai thay thế. Để quên mệt nhọc tôi vừa tát vừa nhắm đếm. Mỗi tay múc 50 gàu rồi lại đổi tay kia. Dần dần quá mỏi mệt mỗi tay tôi chỉ múc được 30 gàu rồi 20 gàu đã phải đổi.

Đêm hải hùng bão tố trôi qua. Ngày hôm sau gió vẫn tiếp tục thổi mạnh. Màu nước tím đen. Biển chỗ đó chắc là sâu lắm. Thuyền vẫn tiếp tục lướt theo sóng. Khi thuyền leo lên đỉnh sóng tôi thấy bốn bề như những dãy núi trùng trùng điệp điệp đến chân trời vô tận. Thuyền lao xuống chân sóng, tôi có cảm tưởng đang trong thung lũng nước tím đen.

Bất thần thuyền nghiêng. Hải bàn bị ném xuống. Từ đó chúng tôi không định được hướng nữa.

Bão cứ thổi liên tiếp hết ngày đến đêm, hết đêm sang ngày. Sau này tôi mới hiểu thuyền đi theo sóng là đuổi theo cơn bão. Nếu thuyền đi ngược song hoặc chéo song thì gió sẽ nhẹ dần.

Tôi tát nước suốt ngày đêm không dám nghỉ đến một phút. Hai cánh tay tôi mỏi rời, hai bàn tay tôi sưng mà vẫn phải làm việc như cái máy.

Thuyền thử thách với bão tố ba ngày đêm. Mãi đến đêm 18 tháng 6 chúng tôi mới gặp một tàu lớn. Tàu dài như dãy nhà lầu, Tàu ba, bốn tầng đèn sáng trưng. Thấy tàu đậu, chúng tôi mừng khôn xiết, con tàu khổng lồ ngăn sóng. Hai bên sườn tàu mặt biển phẳng lặng như mặt hồ. Chúng tôi chớp đèn, kêu cứu. Con tàu phớt tỉnh rồi từ từ rẽ song ra đi. Thất vọng, chúng tôi buồn chán vô cùng.

Sáng ngày 19 tháng 6 các thùng xăng trong hầm máy đổ ngổn ngang. Vì quá mệt mỏi và tuyệt vọng nên không ai lái tàu nữa. Chín bạn đồng hành nằm ngủ mê mệt. Tôi cố cảm tưởng mọi người nằm ngủ để chờ chết. Tôi cũng quá mệt nhưng không dám ngủ, vì tôi chỉ ngừng tay tát nước là phòng máy ngập liền. Trong lúc chờ đợi sự chết tôi không sợ hãi chút nào. Điều ao ước cuối cùng của tôi là được mặc một bộ quần áo khô ráo, nằm trên giường, nhìn thân nhân một lần cuối trước khi từ giả cõi đời, thế là tôi hài lòng, mãn nguyện lắm rồi. Mọi người ngủ ngon lành, say sưa. Chỉ có một mình tôi cảm cái lạnh của việc. Tôi cố gắng kéo dài sự sống của con thuyền được giờ nào quý giờ đó. Đau lưng vô cùng, tay mỏi rã rời, tôi thả cái nón sắt xuống khoang thuyền, đứng thẳng người vươn vai cho giãn cốt. Phóng tầm mắt nhìn chung quanh tôi vô cùng sung sướng thất vọng buồn nhô lên đằng xa. Tôi hét lên đánh thức mọi người “Dậy mau lên! Có tàu lớn tới! Có tàu lớn tới!” Mọi người lồm cồm ngồi dậy, mắt nhắm mắt mở, hỏi dồn:

- Đâu? Tàu đâu? Tàu đâu?

- Kia kia !

Nhìn theo tay tôi chỉ, ai nấy đều mừng hơn hờ. Anh Tròn cầm áo trắng vẩy lia lia. Anh Xuân đề máy rồi thẳng hướng cột buồm phóng tới. Tôi lại tiếp tục công việc cố định tát nước và tát nước. Bây giờ tôi làm việc hào hứng và quên cả mệt mỏi. Tuy cặm cụi làm việc nhưng tôi không quên ngắm cái cột buồm đáng yêu cứ mỗi lúc lại gần con thuyền của chúng tôi. Rõ ràng là tàu đang đậu. Nửa giờ sau chúng tôi đã đến con tàu đáng yêu. Con tàu rất lớn. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau tin tưởng, mừng rỡ. Nhưng hỡi ơi! Khi thuyền chúng tôi đến bên hông con thuyền vĩ đại thì nó từ từ rẽ sóng phóng đi. Họ cố tình làm lơ, mặc dù chúng tôi kêu cứu đến khan cả tiếng. Thất vọng ê chề, ai nấy buồn rầu. Không còn hứng thú làm việc, tôi buông rơi cái mũ sắt xuống khoang thuyền.

Đang thất vọng chán nản bỗng có con tàu khác lừng lững tiến đến gần chúng tôi. Rút kinh nghiệm, Chúng tôi bàn nhau lái thuyền chặn đầu con tàu. Khi tới gần, thuyền chúng tôi ngừng hẳn. Thủy thủ đứng lỗ nhỏ trên boong. Chúng tôi gào thét kêu cứu. Một thủy thủ dùng loa phóng thanh nói gì chúng tôi nghe không rõ. Sợ bị bỏ rơi lần nữa chúng tôi bàn nhau đâm thuyền vào sườn tàu. Thuyền vỡ, thế nào họ cũng phải cứu. Chúng tôi tin luật hàng hải như vậy. Chả hiểu có đúng không? Anh Xuân bẻ lái hỏi ý

- Tôi cho mình đâm chéo vào sườn tàu thì mình đỡ nguy hiểm hơn là đâm vào thẳng góc.

- Đúng! Đúng lắm! Ba bốn người đồng thanh nói như vậy.

Anh Tròn, anh Chính cùng đêm “Một! Hai! Ba!” Rầm! Đầu tôi gần đập vào cái mỏ neo vĩ đại! Hoàng hốt tôi nhảy xuống biển giữa sườn tàu và thuyền. Tôi lặn sâu xuống nước qua đáy con thuyền và nhô lên ở sườn bên kia. Rất

may tôi lặn sâu, nếu lặn sát đáy thuyền tôi đã bị chân vịt chém làm nhiều khúc. Lồm bồm bơi quanh thuyền, mãi tôi mới vớ được cái đuôi tôm nắm lấy leo lên. Mũi thuyền bễ nát. Đúng là trúng chọi với đá. Phòng lái bay xuống biển, ván nổi lênh bênh. Tôi không có thì giờ nhìn kỹ con thuyền tang thương thê thảm. Trên tàu thả Thang dây xuống, chúng tôi kẻ trước người sau bám lấy leo lên. Năn cháu nhỏ không đủ sức leo, được ngồi trong lười kéo lên như kéo vỏ bắt cá. Bọn chúng tôi được cứu sống đầy đủ mười người. Lên boong tàu tôi nhìn xuống con thuyền đã đầy nước, đang từ từ chìm. Hành trang mất hết, tôi rất tiếc. Tôi tiếc nhất nắm đất quê hương.

Chúng tôi được các thủy thủ tiếp đãi niềm nở, lịch sự, săn sóc chu đáo. Chúng tôi được uống cà phê, ăn bánh. Chúng tôi được tắm nước ấm và được tặng quần áo thay. Mấy cháu nhỏ bị trầy sát được băng bó cẩn thận.

Tắm xong, mặc quần áo khô ráo thơm tho tôi vô cùng khoan khoái dễ chịu. Anh em thủy thủ mời chúng tôi vào phòng ăn. Chúng tôi được ăn cơm với những món ăn quen thuộc như cánh miến, đậu xào, thịt kho, cá chiên. Bữa cơm thật ngon. Trong khi ăn, bốn người đàn ông còn được uống bia, đàn bà trẻ con được uống nước ngọt. Ăn xong chúng tôi ngồi nhâm nhi tách cà phê. Hút thuốc lá thơm.

Sau một đêm ngủ ngon lành, sáng dậy tinh thần tỉnh táo, sảng khoái. Chờ chúng tôi ăn điểm tâm xong, thuyền trưởng mới cho mời hai người đại diện nhóm chúng tôi lên văn phòng nói chuyện. Chúng tôi cử anh Xuân và anh Chính lên tiếp xúc với vị thuyền trưởng. Chừng một giờ sau hai anh trở về, nét mặt lo lắng, thông thả tường thuật cho chúng tôi nghe. Thuyền trưởng cho biết tàu của ông trở hàng từ Hồng Kông đi Thái Lan rồi đến Singapore. Hãng tàu ra lệnh cấm cứu người vượt biển. Trái lệnh tất cả thủy thủ đoàn sẽ bị sa thải hết. Ông nói nếu thuyền không bị vỡ, nếu không có đàn bà con nít thì mọi người không được cứu. Thuyền trưởng Yêu cầu chúng tôi đừng tiết lộ tên con tàu của ông. Hai anh đại diện năn nỉ thuyền trưởng cho chúng tôi đến bất cứ quốc gia nào trên thế giới tự do. Nguyên vọng của chúng tôi bị từ chối. Ông khẳng định không thể đưa chúng tôi đến đất liền được. Lý do tàu của ông sợ bị lộ việc cứu người vượt biển. Thuyền trưởng chỉ giúp chúng tôi bằng cách tặng một cái bè và thả chúng tôi trên Vịnh Thái Lan. Chúng tôi miễn cưỡng đồng ý. Hiểu chuyện, chị Tròn cần nhắc anh Xuân, anh Chính.

- Tại sao hai chú nhận cái bè? Đi như vậy nguy hiểm lắm. Tôi sợ biển lắm rồi!

Anh Xuân phân trần:

- Người ta đã nói rõ lý do không thể đưa mình tới đất liền được, mình không nên làm phiền người ta quá nhiều.

Chị Tròn không chịu:

- Tại sao chúng ta không ở lì trên tàu? Không có lý do họ quăng chúng ta xuống biển – Chị Tròn dẫn mạnh từng tiếng – Cứ ở lì trên tàu, họ phải đưa chúng ta vào bờ.

Anh Xuân lắc đầu thở dài. Anh Chính dịu dàng giải thích:

- Người ta là ân nhân của chúng ta. Chúng ta nên lịch sự, biết điều và thông cảm cho sự bất đắc dĩ họ mới phải làm thế.

Anh Tròn không có ý kiến gì. Từ lúc trên tàu anh Tròn lừ đừ ít nói và ít ăn uống. Thấy mọi người im lặng, lo lắng, anh Chính trấn an:

- Tôi đã được xem cái bè rồi. Bè vô cùng vững chắc và rất tốt.

Trong lúc nói chuyện với anh em thủy thủ, chúng tôi mới biết nơi chúng tôi được cứu cách Vũng Tàu 50 hải lý. Tàu chạy nhanh như vậy mà hai ngày mới tới vịnh Thái Lan. Từ lúc biết tin chúng tôi sẽ phiêu lưu trên cái bè ai nấy đều lo lắng, hồi hộp, ăn không ngon, ngủ không được. Chúng tôi sống trên tàu được hai ngày. Đến 2 giờ sáng ngày 21 tháng 6 các thủy thủ nhắc chúng tôi sửa soạn hành lý. Đến 4 giờ sáng tàu tới Vịnh Thái Lan và chúng tôi sẽ xuống bè tự bơi vào bờ.

Giờ phút thử thách sắp tới. Chúng tôi vô cùng hồi hộp. Hành trang của chúng tôi đã theo thuyền chìm xuống đáy biển. Chúng tôi hoàn toàn trắng tay, sống nhờ lòng tốt của thiên hạ. Tùy anh em thủy thủ nhắc chúng tôi sửa soạn hành lý, nhưng thực ra anh em đã sắp sẵn cho chúng tôi đủ rồi. Một gói gạo chừng 5 ký, một cái xô sắt trắng men chứa lưng xô sữa đặc, mấy hộp thịt, mấy hộp cá, hai ổ bánh mì, một lọ thuốc cảm, một gói quần áo, một Cái đèn pin, một cây thuốc lá và mấy bao diêm. Anh bếp lén tặng chúng tôi một con dao có bao da rất đẹp. Đúng 4 giờ sáng thì phúc phận đã điểm. Tàu ngừng hẳn, chúng tôi được dẫn lên boong. Cái bè từ từ hạ thủy. Một thủy thủ chỉ tay về phía đèn sáng và bảo chúng tôi: “Đó là ngọn hải đăng. Còn đây là Vịnh Thái Lan. Các anh cứ bơi thẳng tới nơi có đèn là tới bờ.” Chúng tôi cảm ơn ông thuyền trưởng Và thủy thủ đoàn đã cứu giúp chúng tôi. Giây phút từ giã, anh em còn căn dặn thêm: “từ giờ phút này các anh hãy quên chúng tôi đi nhé!”

Ánh mắt anh em thủy thủ ai cũng có vẻ ái ngại, băn khoăn, lo lắng cho số phận của chúng tôi. Sau khi bắt tay chào từng người, chúng tôi rụt rè lần bước từng bậc thang xuống cái bè định mệnh.

Chúng tôi vừa bước xuống bè, con tàu từ từ rẽ sóng tiến thẳng. Bè do 4 thùng phuy hàn dính với nhau, kích thước lớn bằng cái chiếu. Trên 4 thùng phuy có một khung sắt. Tấm ván ép đặt lên khung sắt. Bè làm khá vững chắc. Dây cáp cột rất cẩn thận. Trên bè có sẵn bốn cái bơi chèo và một thùng nước ngọt. Đêm tối ánh sáng hải đăng rất rõ. Bốn cái bơi chèo nhịp nhàng khuấy nước. Chúng tôi vững tâm. Trời sáng dần. Hải đăng mờ dần. Khi vùng đông ló dạng, chúng tôi mới biết ngọn núi hải đăng xa lắm, bé tí teo. Ban ngày chúng tôi mới rõ cái bè tuy vững chắc nhưng thất cách. Vì nó hình vuông nên di chuyển rất khó. Cứ bơi ngược ba thước thì sóng đẩy lui lại 2 thước. Chúng tôi luôn tay bơi từ sáng đến chiều mà ngọn núi trước mặt vẫn còn xa mờ mịt.

Trời tối hẳn. Hải đăng lại tỏa sáng. Cái bè của chúng tôi cứ dập dềnh như đùa giỡn cùng sóng biển. Bất thần gặp luồng hải lưu cuốn cái bè trôi băng băng về bên tay trái. Ngọn hải đăng cứ lùi dần về bên phải. Một lúc sau chúng tôi không thấy ngọn hải đăng đâu nữa. Chán nản mỗi mết, chúng tôi kẻ nằm người ngồi bó gối ngủ gục.

Sáng hôm sau, chúng tôi gặp đoàn tàu đánh cá. Có lẽ thấy lạ nên họ đậu quanh chúng tôi. Họ ngắm nhìn hồi lâu rồi bỏ đi. Cùng lúc đó sóng gió đẩy bè trôi gần vào bờ. Chúng tôi lên tinh thần ráng sức bơi. Nhưng khi cách bờ chừng 300 mét sóng gió lại kéo bè ra không sao cưỡng lại được.

Bánh mì, đồ hộp sữa đã ăn hết, thùng nước ngọt 20 lít uống chỉ còn phân nửa. Đã hai ngày chúng tôi sống trôi nổi trên cái bè kỳ cục. Chiều 23 tháng 6 có một chiếc tàu Thái Lan đánh cá cứu chúng tôi bằng cách họ kéo cái bè vào hoang đảo. Sau này chúng tôi mới biết lúc bấy giờ chính phủ Thái Lan ban hành cấm cứu tàu tị nạn. Vì vậy nên tàu đánh cá không dám cho chúng tôi vào đất liền. Trước khi lên hoang đảo, chúng tôi được chủ tàu cho ăn cơm với cá kho.

Chúng tôi đặt chân lên hoang đảo lúc trời vừa tối. Nằm đất, nằm cát chúng tôi ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau mọi người tỉnh dậy mới biết hòn đảo nhỏ xíu, chiều dài chừng 300m chiều rộng chừng 200m. Trên đảo chỉ có cây cỏ dại. May mắn lúc đó vào mùa mưa. Khát, chúng tôi kiếm những tảng đá chũm đựng nước mưa, cúi xuống uống. Cái xô sắt trước đựng sữa đặc, giờ dùng làm nồi cũng tạm được. Gỏi gạo nấu cháo mười người ăn được hai ngày. Hết gạo chúng tôi xuống bờ biển kiếm những con hào bám vào đá đập lấy ruột ăn.

Sau đó những con hào không còn, chúng tôi không biết lấy gì ăn. Những cây rau dại hoa vàng mọc trên đảo rất nhiều. Anh Xuân bảo đó là rau cúc tần, ăn được. Tôi chả biết rau cúc tần ra sao, nghe anh Xuân nói tôi tin và ra hái liền. Rau cúc tần nấu cháo đắng nghét, nhưng tôi cũng như mọi người cố gắng nuốt. Đêm nào tôi cũng bị đau bụng, tiêu chảy, nhưng ban ngày vẫn phải ăn cháo cúc tần.

Tàu Thái Lan qua lại đánh cá rất nhiều, nhưng không ai thèm để ý đến chúng tôi. Có một đêm hải tặc viếng hoang đảo. Bọn hải tặc lỗ nhố tới hơn mười tên. Một tên có súng. Còn các tên khác cầm dao, cầm búa. Bọn cướp bắt chúng tôi ngồi tập chung một chỗ. Chúng đốt đuốt sáng rực. Lục soát không có gì đáng lấy. Chả hiểu nghĩ sao bọn cướp lại cho chúng tôi một gói cơm và một con cá nướng khá lớn. Trước khi rút lui, một tên cướp ngửa tay bắn lủng mấy cái thùng phuy dùng làm bè.

Chúng tôi sống trên hoang đảo đã mười ngày. Thấy chờ đợi mỏi mòn, vô vọng, anh Tròn bàn tính:

- Anh Xuân, anh Bào, chú Chính, ba người hãy tìm cách bơi vào đất liền. Đến nơi các anh báo cho chính quyền địa phương cứu gia đình tôi. Nếu tất cả chúng ta đều ở lại chờ đợi hão huyền thì chúng ta sẽ chết đói hết.

Anh Xuân gật đầu, lập lại lời anh tròn:

- Đúng. Chờ đợi hão huyền chúng ta sẽ chết đói hết.

Anh Chính cũng đồng ý và khen anh tròn tính như vậy là phải lắm.

Từ hoang đảo tới đất liền tôi thấy khá xa, ước chừng đến mười cây số. Thấy anh Xuân và anh Chính đồng ý với anh Tròn nên tôi nghe theo. Riêng tâm tư tôi không khỏi ngại ngùng. Tôi sợ biển lắm rồi.

Kiểm được hai cây tre khô, chúng tôi cột lại làm phao. Sáng sớm ngày 23-6-79, Xuân, Chính, Bào từ già gia đình anh Tròn rồi vác dao hạ thủy. Trước khi chia tay, anh Tròn dặn đi dặn lại: “Tới đất liền các anh nhớ phát cái áo lên cho chúng tôi biết nhé”. Ba người bám vào hai cây tre, tay bơi, chân đạp. Có lúc chúng tôi bơi trong vùng biển san hô cửa đứt cả chân. Có lúc gặp luồng nước biển lạnh ngắt khác thường làm tôi rợn cả người. Trong khi bơi tôi cứ hay nghĩ đại, nếu vô phúc gặp cá mập nó tấp cho một miếng là đi đứt cặp giò. Tưởng tượng tôi không khỏi rùng mình lo sợ.

Đến xế chiều quay lại nhìn hòn đảo nhỏ như một đốt ngón tay. Đất liền vẫn còn xa mù mịt. Ước chừng chúng tôi mới bơi được nửa đoạn đường. Bụng đói, lại vận động không ngừng suốt từ sáng đến chiều nên ba anh em mệt lả. Mệt đến nỗi tay chân không còn sức cử động nữa. Nước cuốn chúng tôi trôi sang bên phải. Nhìn những cây xuất hiện xa xa, anh Xuân bảo đó là cây thốt nốt. Tôi hoảng sợ nếu lạc vào đất Miên thì coi như lao đầu vào chỗ chết. Biển nguy hiểm như thế chúng tôi cũng đành mặc cho nước cuốn đi. Sức tàn lực kiệt, chúng tôi như ba con cá ngáp ngáp trên mặt nước chờ chết. Sắp sửa vĩnh biệt cõi đời, tôi tinh tảo và bình tĩnh niệm Phật. Tôi chỉ ân hận là không được chết trên quê hương, không được nhìn những người thân yêu cuối cùng trước khi đi vào giấc ngủ ngàn thu.

Trong giây phút tuyệt vọng đó, bỗng có tàu đánh cá xuất hiện, khi tàu đến bên cạnh chúng tôi mới biết. Trên tàu quảng giầy xuống cho chúng tôi bám lấy. Chúng tôi vận dụng hết sức mới leo lên được sàn tàu. Lên đến nơi cả ba người nằm mệt thiếp đi.

Tỉnh dậy tôi thấy trời gần tối và tàu đang vào bến đậu. Thoát chết! Chúng tôi mừng khôn xiết. Tôi tưởng tượng ba người sẽ được chính quyền tiếp đón nồng hậu, săn sóc chu đáo, tử tế. Ngờ đâu chừng nửa giờ sau cảnh sát Thái Lan đến điệu chúng tôi và chủ tàu về bót thẩm vấn. Trong khi cảnh sát thẩm vấn chúng tôi báo ngoài hoang đảo còn một gia đình gồm 7 người. Chúng tôi yêu cầu họ cho tàu ra cứu.

Nghe chúng tôi báo cáo, họ im lặng. Sau một tiếng đồng hồ thẩm vấn, họ đưa bốn người từ bót về chỉ nhánh cảnh sát tỉnh Ryon. Nơi đó chúng tôi bị tổng giam vì tội nhập cảnh bất hợp pháp. Còn chủ tàu bị giam vì tội cứu người vượt biển và khi bị giam tôi thấy anh chủ tàu không tỏ vẻ gì oán trách tội tôi, ngược lại anh còn có vẻ hải lòng vì vừa làm được một việc thiện. Đêm hôm đó, bốn người chúng tôi bị nhốt trong cũi sắt với sáu phạm nhân khác. Trong lòng cũi sắt rộng bằng cái chiếu mà chứa đến mười người nên nghẹt bụng, phải ngồi bó gối thu hẹp lại mới đủ chỗ.

Sáng hôm sau chúng tôi bị còng tay dẫn xuống phòng thẩm vấn. Sau đó, ba tên nhập cảnh bất hợp pháp được giam riêng trong một cũi sắt. Còn chủ tàu, ân nhân của chúng tôi, được thả về. Anh ta vô tội vì khai thấy ba người sắp chết đuối đều ở trần nên anh ta tưởng là người Thái. Chúng tôi ra dấu cảm ơn anh chủ tàu. Anh ta cũng làm dấu diễn tả cảm tưởng anh ta rất sung sướng vì làm được một việc thiện. Bị giam cầm, chúng tôi còn phải chịu đói nữa. Bữa ăn, mỗi người được phát một chén cơm. Hàng ngày mỗi người được phát hai chén cơm. Đói rồi! Đói thêm! Đêm nào cũng mơ được ăn cơm no bụng. Tỉnh dậy, tôi thấy miệng đang nhai nước miếng tóp tép. Chúng tôi bị nhốt trong bốn cảnh sát tinh Ryon vừa tròn một tuần. Sau đó chúng tôi bị còng tay dẫn lên xe chuyên đến nhà tù lớn thuộc tỉnh Chantaburi.

Chúng tôi bị nhốt chung với các can phạm thuộc nhiều nước khác như Miến Điện, Miên, Lào...

Đến giờ ăn, thấy mỗi người bung một đĩa cơm, tụi tôi cũng lấy mỗi người một đĩa. Anh Xuân vừa ăn được một miếng thì bị tên cai ngục giật lại. Hắn đặt luôn cả đĩa cơm trên tay anh Chính và tay tôi. Hắn giải thích chúng tôi là tù mới chưa có phiếu ăn. Hắn bảo tụi tôi đưa tiền hắn đi mua giùm. Chúng tôi làm gì có tiền, cũng chẳng có cái gì để bán được. Chúng tôi phải nhịn đói hai ngày mới được lãnh phần ăn đầu tiên. Xuất cơm của nhà tù Chantaburi cho ăn cũng không hơn gì nhà tù Ryon. Chúng tôi vẫn đói liên miên thêm. Sau bữa ăn vẫn đói tôi gầy đến nỗi ngồi không vững. Tôi bị đi kiết lỵ nặng, mỗi lần đi cầu mất đến nửa lon máu tươi. Bệnh nặng như vậy mà không có thuốc. Tôi tưởng đã chết trong nhà tù Thái Lan. Trong nhà tù chỉ có ba người Việt Nam là đói nhất. Còn các phạm nhân khác một là họ có tiền mua cơm, mua quà bánh ăn thêm, hai là họ có thân nhân tiếp tế.

Tôi nhớ có một buổi đẹp trời, anh bạn tù người Cam Pốt tặng chúng tôi một gói cơm và mấy muỗng đường. Ăn cơm nguội với đường ngon vô cùng. Tưởng như từ thửa chào đời đến giờ chưa được ăn món nào ngon như vậy.

Không khí trong nhà tù Chantaburi làm tinh thần tôi luôn bị khủng bố, đang nằm ngủ, nghe tiếng xích sắt loảng xoảng là tôi giật mình tỉnh dậy. Khi thì họ tổng thêm tù nhân vào, khi thì họ kêu tên và còng tay một vài người dẫn đi. Nhất là lúc 2, 3 giờ sáng, cảnh sát đến kêu tên tù nhân làm ai nấy nhón nhác lo sợ. Riêng tôi, mỗi lần diễn ra cảnh như vậy tôi sợ đến lạnh cả người.

Hồi 8 giờ sáng 25-7- 1979 Cai tù đứng ngoài xong sắt kêu tên:

- Nguyễn Duy Xuân
- Nguyễn Duy Chính
- Nguyễn Hữu Bào

Chúng tôi hồi hộp nửa mừng nửa lo. Thấy họ dẫn đến văn phòng và chỉ ghế ngồi tôi mới yên tâm phần nào. Thợ ký văn phòng bảo chúng tôi ký tên vào sổ và cho chúng tôi biết chúng tôi được trả tự do. Chúng tôi đi tìm tự do kể từ ngày 15-6 79, mãi đến 25-7 -79 chúng tôi mới được hưởng tự do, mới biết tự do quý như thế nào.

Chúng tôi được ngồi xe hơi và được cảnh sát chở đến trại tị nạn Leamsing, chúng tôi nhập trại hồi 4 giờ chiều 25-7 -79. Hơn 40 ngày xa quê hương, nay chúng tôi mới gặp lại đồng hương, mới được nghe tiếng mẹ đẻ yêu quen thuộc. Chân tôi bước vào trại mà tưởng chừng như không chạm đất.

Ngày hôm sau chúng tôi được phái đoàn Liên Hiệp Quốc phỏng vấn. Chúng tôi khai với phái đoàn là còn một gia đình gồm hai vợ chồng và năm đứa con nhỏ hiện còn trên hoang đảo. Hai ngày sau phái đoàn Liên Hiệp Quốc cho biết tin gia đình anh Đỗ Thanh Tròn chỉ có hai người sống sót là vợ và con gái anh Tròn. Mấy ngày sau mẹ con chị Tròn cũng được đưa đến trại Leamsing. Gặp chúng tôi chị Tròn meo mếu kể chuyện:

- Sau khi mấy chú đi rồi, chúng tôi chờ hoài không thấy tàu nào đến cứu. Anh Tròn quyết định kiếm tre khô làm bè đưa vợ con vào bờ...

Lau nước mắt chị Tròn kể tiếp:

- Anh Tròn ghép nhiều đoạn tre làm thành cái bè hình chữ nhật. Ảnh cho tôi cùng các cháu ngồi trên bè. Còn ảnh lội dưới nước vừa bơi vừa đẩy bè đi.

Chúng tôi im lặng chăm chú nghe. Giọng chị Tròn nghẹn ngào đầm lệt:

- Tôi nghiệp! Ảnh sợ tụi nhỏ rớt xuống biển nên phải cột từng đứa dính liền với bè tre. Chờ thủy triều lên ảnh mới thả bè xuống nước. Nhờ nước triều lên bè trôi khá nhanh...

Kể đến đây chị Tròn nghẹn ngào không nói nên lời. Tôi cũng không ngăn được những dòng nước mắt thương cảm. Tôn trọng sự đau khổ của người vợ mất chồng, người mẹ một lần mất bốn đứa con, chúng tôi ngồi yên lặng.

- Thảm lắm! Các chú có biết không? Trên mặt biển các con tôi cứ chết dần...chết dần từng đứa

- Chị Tròn vừa khóc vừa nói - Tôi nghiệp! Thằng Doãn nó nói "Ba giết tụi con rồi. Ba ơi!"

Chị Tròn khóc hu hu. Chúng tôi không biết nói sao an ủi chị. Hy vọng những giọt nước mắt khiến nỗi đau khổ lắng xuống, những giọt nước mắt sẽ xoa dịu dần vết thương lòng.

- Đầy được cái bè đến gần bờ, ảnh đứng mực nước tới ngực rồi. Nhưng vì kiệt lực nên anh xỉu rồi chết luôn.

Từ nãy đến giờ chúng tôi không dám hỏi một câu.

- Xác năm cha con đưa vào nhà thiêu. Còn tôi với cháu Trinh được xe cứu thương đưa vào bệnh viện.

Kết thúc câu chuyện quá đau thương, chị Tròn căn dặn chúng tôi:

- Mấy chú có viết thư về Sài Gòn xin đừng nhắc đến gia đình tôi. Coi như chúng tôi mất tích.

(Kỷ niệm hai mươi ba năm xa quê hương)

10 Tháng 10 Năm 2002

::: Nguyễn Hữu Bào :::

Nguyễn Hữu Bào sinh ngày 16 tháng 6 năm 1936 tại làng Đông Lao, tỉnh Hà Đông, miền Bắc Việt Nam. Di cư vào miền nam và sinh sống ở thủ đô Sài Gòn từ năm 1955. Nhà giáo Nguyễn Hữu Bào dạy học từ năm 1960. Ngoài thời giờ dạy học ông còn soạn sách giáo khoa, viết văn, làm thơ.

Vượt biên ngày 16 tháng 6 năm 1979. Sau hơn 9 tháng tạm trú tại trại tị nạn Leamsing, Thái Lan, ông được định cư tại Hoa Kỳ ngày 8 tháng 4 năm 1980. Hiện cư ngụ tại thành phố Westminster, tiểu bang California.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sống Sót Trên Biển

Huy Nguyên

Chiếc ghe vượt biển chở khoảng 150 thuyền nhân bị lạc đường, hư máy nằm bênh bồng trên song nước bao la đã hơn ba tuần lễ nay.

Là một chiếc ghe được đăng ký, có thời gian là phương tiện để chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu, lương thực, nước uống trong hai tuần lễ cho cuộc hành trình ngắn ngủi quá lắm là hai hôm khởi hành từ cửa Đại đi tới Thái Lan. Ghe lại được công an hộ tống an toàn ra biển. Trong khi đó các trại tị nạn Á Châu mới được dựng nên còn vắng hoe, đang mở rộng cửa, ân cần đón khách thuyền nhân. Vượt biển như thế thì chắc ăn quá, có khác gì đi du lịch đâu. Vậy mà bóng dáng thân chết vẫn đến viếng thăm họ. Đúng là con người sống, chết đều có số.

Cũng bởi chiếc hải bàn của chiếc ghe này bị hư, người tài công đành phải nhắm hướng sao mà tiến cho nên chiếc ghe đi không chính xác, bị lạc, cứ thế mãi cho đến khi hết cả nhiên liệu, thực phẩm, nước uống cũng chưa thấy bến bờ nào cả. Trong cuộc hành trình lạc đường, chiếc ghe đã ba lần gặp bão, nhưng là ghe vượt biển của nhà giàu nên được đại tu bổ công khai trước khi khởi hành tại bên nên chắc kinh khủng. Ghe cũng đã hai lần gặp hải tặc, nhưng nhờ đám thuyền nhân có mang theo của cải, vàng bạc, đồ lả, lên tiếng điều đình vì thế đám cướp biển tối mắt, chỉ lấy của cải rồi bỏ đi, nên đám phụ nữ trên ghe thoát màn hãm hiếp hay bị bắt đi.

Thoát được bão tố, hải tặc, đoàn người lâm vào cảnh cạn hết lương thực, nước uống, và hư máy tàu. Niềm hy vọng được tàu buôn, hay chiến hạm của Mỹ đi ngang đây cứu vớt họ cũng tan thành mây khói khi mọi người bị kiệt sức vì đói sau bốn ngày không còn gì để ăn. Cũng may nhờ những cơn mưa, nên họ đã hứng được nước để mà sống cầm hơi. Trong hoàn cảnh này, những cây vàng lá Kim Thành, những cục bột xoàn sang lấp lánh đã chẳng còn giá trị so với miếng bánh mì tổ phơi khô, củ khoai lùi, hay bát bọ bọ nhai như ăn phải sạn.

Tội nghiệp nhất là những người già và đám trẻ con chết vì đói, được thủy táng trong lòng biển. Qua mấy hôm trời nắng, số nước uống dự trữ lại cạn khô.

Chiều nay, lại thêm ba mạng đàn ông nữa qua đời vì sẵn đau yếu trong người. Người ta không đủ sức để làm thủy tang nữa. Mọi trách nhiệm dọn xác đều phó thác cho người tài công lái ghe là ông Thới, và người chủ thầu tổ chức chuyến đi là ông Phán.

Tối đến, đám thuyền nhân còn sống nằm rạp hết trong khoang ghe, thoi thóp. Trên buồng lái, ông tài công Thới cũng đến hồi kiệt sức, nằm ẹp xuống sàn, miệng khô ran chẳng còn chút miếng nước. Chỉ còn ông Phán nhờ thân thể mập mạp, khoẻ mạnh nên chỉ bị gầy đi chút đỉnh chứ chưa bị quỵ lụy. Ông Phán đổ dầu cặn ra chiếc thau nhôm nhúng cái giẻ lau máy tàu đen nhem vào, rồi đốt lên. Đây là công việc mà ông vẫn làm mỗi đêm để hy vọng có chiếc tàu nào đó đi ngang thấy được ánh lửa mà tới tiếp cứu chiếc ghe này.

Ba cái xác chết chưa thủy tang vẫn còn nằm phơi mình trên sàn ghe. Ông Phán kéo lại rồi lấy lưới phủ lên. Gió bắt đầu thổi mạnh. Ông Phán mừng rỡ chạy vào phòng lái gọi ông Thới và nói:

- Có cơn giông đang kéo tới đây, anh Thới à.

Ông Thới chợt ngồi nhồm dậy:

- Vậy mình lo lấy đồ hứng nước đi.

Hai ông xục xạo một hồi tìm được một tấm bạt nylon khá to, hì hục căng thành một cái vũng. Cơn gió thổi càng lúc càng mạnh. Ông Thới mừng rỡ nói:

- Trời thương chúng mình rồi, mưa lớn lắm.

Những ánh chớp loé liên hồi, rồi những bụi nước nhỏ tạt vào mặt hai người. Ông Thới vội chạy xuống khoang la lớn:

- Có mưa rồi bà con ơi!

Đám đàn ông còn chút sức lực cố ngồi trỗi dậy để chia xẻ tin vui. Ông Thới lấy cái can nhựa và tất cả những gì có thể hứng được nước đem lên. Vài người đàn ông đã bò lên được phía trên. Họ nằm ngửa trên sàn ghe chờ đợi.

Rồi mưa đổ ập xuống như một phép nhiệm mầu. Đám người sắp chết khát la to lên mừng rỡ. Những hạt mưa lớn tạt vào mặt mọi người đau rát. Đám đàn ông há miệng hứng những giọt mưa rồi nuốt một cách sung sướng. Mưa tạt xuống khoang. Đám người ở dưới cố lết tới miệng hầm để đón những giọt nước trong mát tưới lên cơ thể khô héo của họ. Những người còn sức lực kéo cả lên trên boong, nằm xuống sàn ghe. Đám trẻ con cũng được chuyển lên trên nằm hứng nước. Mưa thật lớn. Nước cứ tuôn xuống như thác. Đám người vượt biển như được hồi sinh. Chưa bao giờ trong đời họ lại được nuốt những ngụm nước ngon đến như vậy. Tấm bạt nylon đã căng trĩu đầy nước. Chiếc can nhựa cùng với đám nồi niêu cũng đã đầy tràn nước. Người ta hăm hở lấy nước. Tất cả những túi, bịch, lon và những cái gì có thể đựng được nước, đều được đem ra trưng dụng hết.

Mưa một lúc lâu lại tạnh. Nước mưa hắt xuống cửa hầm khá nhiều nên đáy ghe cũng lấp xấp nước, nhưng chưa ngập đến tấm ván lót để mọi người ngồi. Gió biển bắt đầu lành lạnh. Mọi người lại lục tục rút xuống khoang nằm nghỉ. Bây giờ họ không còn khát nhưng cái đói vẫn tiếp tục hành hạ mọi người.

Tối hôm sau, ông Phán lại tiếp tục đốt lửa lên làm hiệu cầu cứu. Ông Thới cố ngồi được một lúc rồi chịu đựng không nổi cái mệt của cơn đói hành hạ nên ông đứng dậy nói với ông Phán:

- Tôi nằm xuống một chút để cho nó dịu cơn đói rồi lên đây canh tiếp với anh.

Nói xong, ông bước xuống khoang. Đám người bên dưới lại nằm lả đi. Cơn đói cứ tới rồi biến đi không biết bao nhiêu lần, bây giờ lại trở về hành hạ họ dữ dội hơn.

Ông Thới nằm thiếp đi cho tới nửa đêm thì chợt tỉnh lại. Sực nhớ tới ông Phán, ông bèn gắng trỗi dậy leo lên để canh thế ông Phán. Vừa chui lên khỏi miệng hầm, ông Thới chợt ngửi thấy mùi thịt nướng. Ông Phán vẫn còn ngồi canh bên đồng lửa đốt dầu cặn, đang cầm cần ngon lành một món gì trên tay. Mặt ông Thới sáng rỡ, ông lướt nhanh tới, cất tiếng hỏi:

- Anh ăn gì đó?

Ông Phán vừa nhai, vừa đáp;

- Cá nướng.

Ông Thới ngồi xề xuống;

- Cho tôi một miếng.

Ông Phán đưa cho ông Thới một xiên thịt đang nướng trên đám lửa đốt bằng dầu chạy máy tàu khét lẹt. Ông Thới cặp một miếng thịt nóng phồng lưỡi, nhai ngon lành. Thịt ngọt và thơm ngon, nhưng mùi oi khói. Ông Thới ăn một loáng đã hết xiên thịt. Có thức ăn vào bụng, cơ thể ông tỉnh táo hẳn ra. Ông Phán vẫn thong thả nhai, vừa ăn vừa nhìn nét mặt sung sướng của ông Thới. Năm xâu thịt nướng được hai ông chia nhau ăn sạch. Ông Thới quệt miệng nói;

- Phải chi có xị để như mọi lần mình đi đánh cá thì tuyệt quá!

- Anh ăn thấy làm sao?

- Còn gì ngon hơn trong lúc này. Đói mà có ăn như vậy là tiên rồi.

Rồi chợt nhớ ra điều gì, ông Thới hỏi ông Phán;

- Cá gì mà sao mùi vị nó giống thịt vậy anh?

Ông Phán bình thản đáp;

- Vì muốn cho anh ăn, tôi đã nói dối là cá, chứ thiệt ra là...thịt người đó!

Ông Thới chợt ré lên một tiếng, rồi cổ mọc họng khạc nhổ, nhưng chẳng có gì khạc nhổ ra ngoài được. Mặt ông chợt xanh mét:

- Anh cho tôi ăn thịt ai vậy?

- Một trong ba xác chết tôi dấu dưới đồng lương!

Ông Thới nằm bật ngửa ra, thờ dốc. Trời ơi, ông đâu có ngờ, mấy miếng ông ăn ngon lành lúc nãy là thịt người. Cảm giác tội lỗi chợt kéo đến tâm hồn ông. Nước mắt ông chợt trào ra. Ông Phán lên tiếng;

- Mình cần phải ăn để mà sống anh Thới ạ. Sở dĩ tôi chưa liệng mấy cái xác đi là biết trước, sau gì chúng ta cũng phải cần đến nó. Lấy thịt của người chết để nuôi người sống cũng chẳng có gì là tội lỗi cả, bởi chúng ta đã kiệt lực vì đói. Không ăn nó thì ăn cái gì nay?

Ông Thới nằm yên, mắt nhìn trừng trừng lên trời đêm. Dù ông biết lời ông Phán rất chí lý trong trường hợp này, nhưng ông vẫn thấy nó ghê rợn làm sao ấy. Ông không trách ông Phán, bởi vì ông cũng nhờ mấy miếng thịt vừa rồi mà lấy lại sức sống.

Thế rồi, thịt của ba người chết được hai ông già bí mật lóc ra từng mảnh nhỏ, xương cốt, ruột gan của ba xác chết được thả xuống biển khơi. Số thịt được ướp nước muối, phơi khô, và số nước hứng được trong trận mưa đã kéo dài sự sống của đám người trên chiếc ghe bất hạnh được thêm mấy ngày nữa. Họ cứ đinh ninh đó là thịt một loài cá mập con như lời hai ông nói. Chưa có ai hân hạnh được ăn thịt cá mập bao giờ nên họ cũng không thắc mắc đến cái mùi vị khác lạ của miếng thịt họ được ăn, và cũng không thắc mắc làm sao mà hai ông lưới được cá mập.

Khi mớ thịt muối đã hết, đoàn người lại lâm vào cảnh đói, khát thì may mắn thay, họ được một chiếc thương thuyền mang cờ Mỹ đi ngang qua, tiếp cứu, cho tất cả lên tàu.

Chuyện ăn thịt người đã được hai ông già giữ kín. Sau này, khi được định cư tại Hoa Kỳ, lúc gặp lại nhau trong bàn tiệc nhậu hai ông vui miệng kể lại chuyện đi khủng khiếp đó và thú thật đã cho thuyền nhân ăn thịt người, nhưng chẳng ai tin. Còn những người đi cùng chuyến ghe định mệnh đó thì cứ nhất định khoe với hàng xóm là họ đã được ăn thử thịt cá mập.

:: Huy Nguyên ::

Một Chứng Nhân Của Một Dân Tộc Yêu Chuộng Tự Do

Nguyễn Thanh Phong

(Viết thay cho người cháu)

Đã hơn hai mươi năm trôi qua, hình ảnh hãi hùng, khủng khiếp xảy ra đến với sáu mươi hai mạng người trên một con thuyền mong manh đang trên đường vượt thoát khỏi quê hương để tìm đến bến bờ tự do, vẫn còn ám ảnh tôi hoài, và có lẽ chẳng bao giờ phai nhòa được !

Cũng như hàng vạn người miền Nam Việt Nam, không ai có thể ngờ được rằng đất nước của chúng tôi lại có thể rơi vào tay Cộng Sản miền Bắc dễ dàng như thế, và cũng không ai ngờ rằng mình phải bỏ hai lần bỏ cả mồ mả tổ tiên, bỏ quê cha đất tổ để tránh xa những người cùng giòng giống, cùng chung tổ quốc Mẹ Việt Nam, con Lạc, cháu Rồng, ra đi chấp nhận chín chết, một sống để tìm hai chữ : “Tự Do”

Năm 1954, nỗi bất hạnh thứ nhất xảy ra đến cho dân tộc tôi, đất nước bị chia đôi, phần phía Bắc do chế độ Cộng Sản cai trị, phần phía Nam được sống dưới chế độ tự do. Gần một triệu người miền Bắc chúng tôi đã liều mạng, tìm đường ra cảng Hải Phòng để được “tàu há mồm” của quốc tế đưa vào Nam, một số phải dùng thuyền bè làm phương tiện trốn thoát. Những tưởng lần di cư ấy là lần di cư khủng khiếp nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam, không ngờ đến năm 1975, nỗi bất hạnh thứ hai lại xảy ra, lần này mới thực sự là một cuộc di cư vĩ đại vô tiền khoáng hậu và khủng khiếp gấp ngàn lần cuộc di cư 1954. Cuộc di cư vào Nam năm 1954 được quốc tế can thiệp và giúp đỡ, cuộc hành trình chỉ kéo dài vài ngày trên biển cả. Không có cảnh hãi hùng của hải tặc tấn công, hãm hiếp, giết người một cách man rợ, không có cảnh phải lạc lõng bơ vơ, đói khát hàng tháng trên biển cả mênh mông, không có cảnh người mẹ phải cắt da thịt mình cho con uống máu thay nước, không có cảnh người sống phải ăn dờ thịt người chết cho khỏi chết vì đói. Tất cả những cảnh hãi hùng trên đều đã xảy ra trong cuộc di cư lần thứ hai, sau tháng 4 năm 1975.

Một điều lạ lùng là ai cũng biết ra đi là chấp nhận chín chết, một sống, nhưng ai cũng chỉ mong thoát khỏi cái chế độ Cộng Sản bằng bất cứ giá nào, đến nỗi có người đã nói; “Nếu cây cột đèn biết đi, nó cũng sẽ đi khỏi Việt Nam”. Người ta tìm đủ mọi cách khôn ngoan, đủ mọi phương tiện để ra đi, nhiều nhất là dùng tàu đánh cá làm phương tiện vượt biên, và một trong những chiếc tàu không may nhất xảy ra cho chúng tôi, mang theo sáu mươi hai mạng người lớn nhỏ cùng với con thuyền vào lòng biển cả mênh mông. Hôm đó là một đêm cuối tháng 3 năm 1977.

Trên một chiếc tàu đánh cá chỉ dài khoảng mười sáu mét, ngang độ ba mét, sáu mươi ba người, vừa đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ và gần mười trẻ em. Tất cả đều là bà con, họ hàng từ một làng quê ngoài Bắc di cư vào Nam năm 1954 và định cư tại các kênh 7, kênh 2, kênh 4, kênh Thầy Ký...Cái Sắn, Rạch Giá. Để bảo toàn cho chuyến vượt biển bí mật, các người lớn đã bàn nhau kỹ, không nhận bất cứ người lạ mặt nào đi theo, cũng không hở ra điều gì cho ai biết. Việc phân công người nào làm phân vụ nào cứ bí mật mà làm. Nhờ thế, số lượng xăng, dầu cũng như lương thực mang theo tương đối bảo đảm. Hơn mười giờ đêm, mọi người đã lên đủ trên tàu. Hai ba thanh niên dùng sào đẩy chiếc thuyền tách khỏi bến một cách nhẹ nhàng, êm thấm. Con tàu bắt đầu nổ máy khi đã ra khá xa bờ và cứ thế rẽ sóng lướt tới. Mọi người trên tàu vui mừng cảm tạ Thượng Đế đã gìn giữ không để bọn công an Việt Cộng phát giác. Chỉ vì một sơ suất nhỏ, một tính toán sai lầm, toàn bộ những người trên tàu sẽ bị bắt đưa vào trại cải tạo không cần xét xử. Chẳng những thế, nhà cửa, tài sản còn để lại cũng bị trưng dụng.

Tàu đi được hơn hai ngày đêm, bốn bề chỉ toàn một bể nước mênh mông, bát ngát, không biết đâu là bờ bến. Con tàu vẫn tiếp tục cời trên các ngọn sóng lướt tới. Nhiều người trên thuyền, nhất là đàn bà và trẻ con bị say sóng. Có người đang ói mửa, có người nằm thiếp đi vì mệt mỏi. Bỗng mấy thanh niên ngồi trên mũi thuyền reo lên; “ Có thêm thuyền của đồng bào vượt biên đi cùng với chúng ta rồi !” Mọi người vội tỉnh cơn say, ngồi nhòm dậy với nét mặt thật vui mừng, hớn hở, vì có thêm bạn đồng hành giữa trời nước bao la.

Nhưng niềm vui vừa đến đã vội tắt ngay, khi chiếc tàu từ xa đang dần dần tiến đến, không phải là tàu vượt biên mà là một chiếc tàu đánh cá Thái Lan. Khi mọi người nhận ra tàu đánh cá Thái đang tiến lại gần tàu mình, trong lòng ai cũng hết sức lo âu, sợ hãi. Mấy ông bà già miệng lầm bầm đọc kinh. Các thanh niên thì nhìn nhau bối rối, không biết phải đối phó thế nào, nếu bọn trên tàu là hải tặc. Chiếc tàu to gấp rưỡi thuyền chúng tôi với những chữ ngoằn ngoèo viết bằng sơn đen ngay dưới mũi cứ nhắm thẳng thuyền chúng tôi đâm vào. Nhưng đến gần, chiếc tàu Thái bẻ lái, áp sát mạn tàu, rồi một, hai, ba bốn tên to con lực lưỡng, nhảy bổ sang thuyền chúng tôi, tay tên nào cũng cầm sẵn một cây mã tấu sáng loáng. Không thể diễn tả hết nỗi lo sợ của mọi người vào lúc này. Tiếng khóc, tiếng van lạy, tiếng cầu kinh át hẳn những tiếng sóng đang vỗ vào hai mạn thuyền gỗ xấu số ! Một tên hải tặc dùng sợi dây thừng to tướng cột chặt hai chiếc tàu lại với nhau, rồi từ trong tàu của bọn hải tặc thêm hai ba tên nữa, tất cả đều cời trần, chỉ mặc mỗi tên một chiếc quần đùi. Tên nào tên ấy để hai hàng ria mép trông thật gớm ghiếc, nước da ngăm đen và bóng lờng, tướng như chúng có thoa trên người một lớp mỡ.

Một tên, ý chừng là trưởng toán, nói một câu gì đó bằng tiếng Thái, cả bọn túm cổ những người đàn ông, thanh niên và trẻ em dôn hết lên mấy khoang phía mũi thuyền, còn đám đàn bà, con gái chúng bắt ngồi ở mấy khoang

phía sau lái. Một số cầm mã tấu đứng canh, mấy tên khác đi lục soát từng người. Chúng lấy đi tất cả những thứ gì mọi người cất giấu. Sau khi đã lục lọi kỹ mọi nơi trên tàu. Với vẻ mặt đằng đằng sát khí, bọn hải tặc bắt tất cả đàn ông và trẻ con nằm sấp xuống và ra hiệu, ai ngồi hay đứng lên, chúng sẽ chém ngay. Để mấy tên cầm mã tấu đứng coi chừng, năm tên hải tặc ra hiệu bắt tất cả đàn bà con gái phải cởi hết áo quần ra, nhiều người xấu hổ, không chịu cởi hết. Một tên hải tặc với cái mặt đầy sẹo đưa ngay mũi mã tấu vào lưng quần, sẵn sàng ấn mạnh xuống. Rồi cả năm tên bắt từng người đè ngay xuống khoang thuyền dờ trò hăm hiếp, mặc cho những tiếng van xin, khóc lóc, mặc cho những tiếng chửi rủa. Bọn chúng như những con thú đói mồi, vồ lấy những thân hình mảnh mai ngầu ngời ! Thực hiện xong trò dã man bỉ ổi, năm tên hải tặc đổi chỗ cho những tên này giờ đứng gác, tiếp tục hăm hiếp những phụ nữ còn lại. Không một ai thoát !

Thật không còn ngôn từ nào diễn tả hết nỗi cay đắng, tức giận của những người đàn bà, con gái vừa bị làm nhục trước mắt chồng, cha, anh em, con cháu mình mà không thể phản ứng được gì !

Sau khi đã lấy hết được tài sản và thỏa mãn được thú tính, bọn hải tặc cười hả hê và mở giầy thùng cho hai chiếc tàu tách ra, chúng nổ máy chạy khuất dạng. Rất may bọn này không phá hỏng máy tàu, cũng không lấy đi số xăng, dầu trên thuyền, nhưng đám đàn bà, con gái không ai thiết sống nữa. Nhiều người đòi nhảy xuống biển tự vẫn. Tuy nhiên nhờ một số đàn ông lớn tuổi can ngăn, không ai thực hiện ý định tự vẫn nữa. Nhưng sau lần bị hăm hiếp tàn bạo này. Các bà, các cô đã nặng lời với đám thanh niên; “ Mẹ kiếp, trên thuyền năm sáu thằng thanh niên, đứa nào cũng mang tiếng có đại nọ, đại kia mà khi gặp hải tặc, co dúm vào như đĩa phải vôi, để chúng tao bị làm nhục ! Chết đi cho rồi !”

Con tàu lại rẽ sóng, tiếp tục đi tìm đến bến bờ tự do. Ba tiếng đồng hồ sau. Từ phía trái, lại một con tàu lạ đang lao tới. Nổi kinh hoàng vừa trải qua, giờ đây tiếp tục kéo đến. Chiếc tàu lạ càng đến gần mọi người càng nhận ra nó cùng một kiểu với chiếc tàu tấn công mình. Y như lần trước, bọn hải tặc trên tàu cặp sát vào thuyền chúng tôi và một tên nhảy sang.

Trước các lời oán trách của các bà, các cô. Đám thanh niên bị chạm tự ái, và cũng cảm thấy bị lương tâm dày vò, vì mang tiếng có võ nghệ mà đành thủ không dám ra tay. Do đó khi tên hải tặc vừa nhảy qua đã bị ngay một quả đấm như trời giáng vào mặt. Hấn lão đảo và rơi tõm xuống biển. Thấy đồng bọn bị tấn công bất ngờ, hai tên cầm mã tấu nhảy qua. Một màn đánh nhau kịch liệt xảy ra ngay trên thuyền chúng tôi. Biết gặp phải những tay không vừa, bọn hải tặc nhảy trở lại tàu của nó và chạy kè sát tàu chúng tôi. Rất may bọn này không có súng. Nhưng không đầy 30 phút sau, chúng gọi thêm hai chiếc tàu khác, đồng bọn chúng đến tiếp cứu.

Cả ba chiếc tàu hải tặc ép tàu chúng tôi vào giữa, và hơn mười tên hải tặc hùng hổ cầm mã tấu nhảy qua, chúng không cần biết đàn bà, trẻ em, cứ giờ cao mã tấu mà chém. Không còn ai kêu nổi một tiếng. Tôi ngã sấp xuống khoang thuyền, hai ba người khác bị chém chết nằm đè lên, máu chảy ra lênh láng. Tôi nhắm mắt lại và ngất đi vì quá sợ hãi.

Không biết là bao lâu sau, khi tôi tỉnh dậy, trên thuyền hoàn toàn yên lặng, không một tiếng động, trừ tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền phành phạch. Tôi mở mắt ra. Một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp, vô cùng kinh hãi. Mọi người đã bị giết chết hết, không một ai sống sót, ngoại trừ tôi. Tôi phải cố gắng lắm mới bò ra khỏi mấy thầy người đè lên. Cả một khoang thuyền ngập tràn máu, toàn thân tôi cũng đầy máu và máu. Tôi cố lấy hết can đảm, nhìn lại từng người thân. Đa số đàn ông, thanh niên đã không thấy xác trên tàu. Chắc hẳn họ đã bị bọn hải tặc ném xác xuống biển. Số người còn lại, thật ghê rợn, người mất đầu, người bị chém cổ chỉ còn dính với mình bằng một miếng da mỏng. Sợ hãi quá tôi lại ngất đi lần nữa.

Khi tỉnh lại tôi thấy mình ở trên con tàu lạ, xung quanh toàn những người mũi cao mắt xanh, cười nói líu lo. Tôi không biết mình đang tỉnh hay mơ, hay đang ở một thế giới nào xa lạ lắm. Rồi một bàn tay nắm lấy tay tôi, hơi ấm từ bàn tay lạ truyền vào người tôi, làm tôi tỉnh hẳn lên. Tôi ngồi nhồm dậy, ngơ ngác và sợ hãi. Như hiểu được tâm trạng của tôi. Họ chỉ cho tôi lá cờ Mỹ nhỏ xíu may trên cầu vai họ. Rồi họ đem đến cho tôi một ly sữa, một ổ bánh mì bảo tôi ăn. Ngó lại bộ quần áo đang mặc rộng thùng thình. Tôi biết mình đã được cứu thoát.

Tôi ở trên tàu Mỹ vài ngày thì tàu cập bến. Họ đưa tôi lên bờ, giao lại cho một số người Mỹ khác, và không quên tặng tôi một số đồ vật cùng những lời, mà tôi nghĩ là những lời chúc mừng tôi gặp may mắn.

Tôi ở đảo không bao lâu thì được gọi đi định cư ở Mỹ, do một gia đình Công Giáo thuộc tiểu bang Iowa bảo trợ. Tôi đã sống và coi hai ông bà này như người cha mẹ thứ hai của tôi. Từ đó đến nay, không tới nào tôi không cầu nguyện cho những người thân đã mất của tôi được sống. Tôi cảm tạ Thượng Đế đã cho tôi còn sống để làm nhân chứng cho thế hệ mai sau, biết rõ nỗi bất hạnh của dân tộc tôi, nỗi kinh hoàng và sự tủ nhục của thân phận thuyền nhân trên đường trốn chạy khỏi quê hương, chỉ vì mong muốn được sống tự do.

Tôi cảm tạ Thượng Đế đã cho tôi còn sống sót, để làm nhân chứng cho cả thế giới thấy tấm lòng hào hiệp, bao dung của nước Mỹ, người Mỹ, của những dân tộc khác trên khắp trái đất đã giang rộng bàn tay, đón nhận người Việt Nam đau khổ, chấp nhận mọi nguy nan, khốn khó chỉ để đổi lấy hai chữ “ TỰ DO”

... Nguyễn Thanh Phong ...

Tác giả: Thanh Phong

Tuổi: 57

Gia cảnh: Có vợ, 8 con, 14 cháu nội, ngoại

Trước 1975: Sĩ Quan Cảnh Sát Quốc Gia VNCH

Đến Mỹ: 1990

Đã mất 6 người cháu, 14 thân nhân họ hàng và người cùng làng Quang Rực, Ninh Giang trên chuyến tàu vượt biên bị hải tặc tấn công và giết chết, được thuật lại trong chuyện kể Hành Trình Biển Đông: “Một Nhân Chứng Của Dân Tộc Yêu Chuộng Tự Do”.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đôi Bông

Nguyễn Sương

Một hai ba, nhút nhut quá tam, đã hai lần rồi ra đi không thoát, lần thứ ba này không thoát có nước về nhà đi ăn mày, rồi đời sống sẽ ra sao, ngủ đình ngủ chợ, tương lai của đám con về đâu, bạn bè ngoảnh mặt người thân lánh xa, sống vô gia cư như vậy một ngày sẽ bị ruồng bỏ, không may mà bị bắt trở lại đưa về vùng kinh tế mới thì sẽ làm ma mới rừng thiêng nước độc đó mà thôi.

Đã nhiều người lăm tiền nhiều của năm bảy lần ra đi thất bại còn tiền về mua chuộc phường ấp cho dù hồn ma cũng sống lại như chơi, còn bốn mẹ con chúng tôi kể từ ngày trở về thành phố, sống coi như đã chết bởi vì không còn hậu khẩu, tên tuổi đã bị cướp đi vào một đêm tối trời áp giải lên xe đưa đến một không thể sống được, đào tẩu trở về không nơi nương tựa, tôi đã cấm lều che vải sống như kẻ du mục rày đây mai đó trong cảnh màn trời chiếu đất làm bạn với đám cô hồn uống tử trong các bãi tha ma, đêm nào mưa gió nhiều tạt ướt đành phải ôm con ngồi chờ đến sáng. Rồi không biết từ đâu đổ về càng ngày càng nhiều người đến ở, cho nên đêm đêm thấy chập chờn thấp thoáng ở bãi tha ma nhiều oan hồn sống lang thang giữa đêm trường đối rét.

Hồi chiều, người chủ tàu báo cho tôi biết không còn chờ đợi được nữa, phải ra đi trước Tết sẽ khởi hành vào đêm ba mươi mà hôm nay đã là hai mươi tám Tết rồi, vòn vẹn chỉ còn hai ngày nữa là tôi sẽ rời bỏ nơi này, tự nhiên tôi cảm thấy buồn như những lần ra đi trước kia, lòng nôn nao man mác không biết nên buồn hay vui, mười phần chết chỉ còn một phần sống, giao sinh mạng cả bốn mẹ con cho biển cả hỏi sao không hồi hộp, phần lo đi không suông bị bắt nhưng thôi đến nước này thì đành phải đưa chân, biết đâu trong cái chết tìm ra con đường sống.

Ông ta nói vợ chồng tôi thương hoàn cảnh lam lũ của chị cho mẹ con chị theo chúng tôi, nhưng lương thực chị phải lo phụ với chúng tôi, chúng tôi cũng đã hết sạch bởi những lần đi thất bại, chúng đã nhớ mặt, nếu không may cho chuyến đi này tôi bị bắt lại thì tôi chỉ có con đường chết, cho nên mọi việc chị phải cẩn thận, ngày mai thực phẩm và con trai lớn của chị theo tôi nằm dưới ghe trước, còn vợ tôi sẽ đón chị theo điểm hẹn, nói xong ông ta vội lẫn nhanh vào bóng đêm. Còn lại mình tôi tần ngần giữa trời tối. Mùi rong biển theo gió thoảng đưa vào bờ, tôi hít vô lòng phổi để nghe mát rượi ngọt ngào yêu thương, nơi đây là quê hương nơi tôi đã được sinh ra và lớn lên với những hàng tre già cao ngất, thân thương những buổi hẹn hò đầu đời khi vừa tuổi trăng tròn 16, bao dấu yêu với kỷ niệm thời thơ ấu, yêu đương nồng thắm người chồng mà hằng đêm thương thức ghim ta súng đôi mắt với quân thù, bao nhiêu thương nhớ có lúc xót xa với kỷ niệm, mà ngày mai tôi sẽ rời xa, trong một chuyến ra đi vô định chỉ có trời xanh mây nước, trong sự sống chết may rủi để tìm một con đường sống cho bốn mẹ con chúng tôi.

Sống dưới chế độ Cộng Sản không có con đường nào khác hơn để lựa chọn biết rằng cầm chín phần chết trong tay nhưng cũng phải ra đi, nước mất nhà tan, bao nhiêu con rồng cháu tiên phải bồng bềnh chạy ngược xuôi để tìm con đường sống trong cái chết, mà loài vô thần đang chực vây quanh để thu hồi nó đi, nghĩ đến điều đau thương đó tôi lần thân khẩn nguyện xin ơn trên hãy che chở cho chúng con, Chúa hãy ban phúc lành nâng đỡ chúng con qua vùng bóng tối đau thương này, tôi là người ngoại đạo nhưng tôi xin có Chúa hằng cứu giúp, Chúa là đấng toàn năng, nêu trên con đường con đi chẳng may có mệnh hệ nào, xin Chúa hãy ra ơn diu dắt những đứa con của con được bình yên đến bến bờ tự do.

Người bán hàng rong khuya đánh thức tôi trở về thực tế, thì ra tôi ngồi nơi này đã lâu, đứng dậy phui hết lớp đất cát dính trên người, trở về túp lều mà bốn mẹ con tôi tạm sống, đứa con trai lớn vẫn còn thao thức chờ tôi, nó nói hôm nay con không bán được hết vé số nên không có tiền cho mẹ mua gạo, con đã nấu mấy củ khoai ngay qua còn lại mẹ hãy ăn đi, tôi nức nở, tội nghiệp con tôi, ôm nó vào lòng nghe mùi khét nồng trong tóc, đôi chân nhỏ bé của nó đã phải lang thang khắp trong cùng ngõ hẻm để kiếm sống, tuổi thơ của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa đây sao? Đâu đâu cũng giăng đầy biển ngừ nào hòa bình tự do hạnh phúc mà con tôi, đứa con đầu đời với tình yêu tuyệt vời của tôi, nó đã khô sở như thế này đây ! Tôi thầm nói, không nhất định là không, ngày mai con sẽ không khô nữa, mẹ phải tranh đấu để không thể lùi bước cho dù sự sống ra đi là rất mong manh, nhưng cũng phải đi.

Nhớ người chủ tàu nói lại lấy tiền đâu ra mua thực phẩm đây, tất cả có cái gì cũng đã bán hết rồi từ hai đợt đi kỳ trước, chỉ ngoại trừ đôi bông còn sót lại là chưa bán, đã có nhiều lần định bán để cho đám con no lòng trong những ngày đói kém, nhưng tôi đã cố giữ nó lại không bán đi, bởi lẽ tình yêu kỷ niệm của người chồng thân yêu, mà mãi sau ngày cưới anh mới kể cho tôi nghe rằng gia đình anh nghèo cưới em anh phải bán chiếc xe đạp cộng thêm tiền dạy kèm mỗi đêm mới đủ mua đôi bông cho tôi trong ngày cưới, cho nên đã bao nhiêu năm tháng với đời sống khó khăn tôi cũng không nỡ bán nó, tôi trân trọng tấm tình yêu của anh đã chắt chiu cho tôi, nhưng đến hôm nay tôi không thể giữ nó được nữa, phải bán nó đi để cho cục diện ngày mai, ít nhiều gì có còn hơn không, đám con anh cần sống, em phải bán nó đi, kỷ niệm của tình anh, làm sao em không khỏi đau lòng xót xa nhớ đến ngày anh phải cuộc bộ nhiều cây số để làm thêm mới đủ . Bởi vì vườn hồng vừa hé nụ vương hoa kết trái, rồi thời gian thấm thoát chưa được bao lâu, đứa con đầu lòng chưa ra đời, thì có lệnh tổng động viên, anh phải lên đường nhập ngũ. Tình yêu của chúng mình ngày ấy chưa thấm mầu thì đã phải chia xa, anh vào Thủ Đức, tình yêu cũng xa dần từ dạo đó.

Rồi sau đó một năm họa hoằn về phép được vài ngày lại vội vã ra đi khi mà cuộc chiến ngày càng khốc liệt. Anh nói anh không thể bỏ bạn bè chiến đấu cho dù ngày mai anh không biết sự sống còn ra sao, cho nên anh vội vã.

Rồi những đứa con tình yêu của chúng tôi cũng vội vã theo thời gian lần lượt ra đời. Anh nhớ ngày đó chỉ còn kỷ niệm đôi bông ngày cưới và cuối cùng là chiếc áo, với tấm thẻ bài mà người bạn cùng khóa mang về, ngày ấy tôi đã khóc ngất lên ngất xuống. Thế là hết ! Anh đã chối bỏ cuộc sống xa lìa tình yêu của tôi, của người vợ trẻ đang độ tuổi thanh xuân đương độ, mà đêm đêm với giấc ngủ chập chờn khi nghe tiếng súng xa vọng về .

Ngày đó tôi còn nhớ lần về phép cuối cùng như một điều chẳng lành báo trước, đêm cuối cùng của ngày phép . Tay gối đầu, hai đứa tôi yên lặng bên nhau, qua khung cửa ánh trăng buồn treo lơ lửng soi xuống trần thế đau thương như cuộc tình sắp chia xa của chúng tôi, chiến tranh thật là tàn ác, nó làm chia lìa và ly tan, tang thương dày xéo đổ lên đầu người dân Việt từ đời này qua đời khác. Nằm trong vòng tay êm ấm của anh tôi âm ỉ, anh khẽ dành nói chiến tranh là vậy, mình phải hy sinh không thể sống riêng tư cho mình được, rồi tiếp tục nói ; “ Lỡ mai anh không về, em hãy đem con về quê nhờ mẹ mà nuôi con cho khôn lớn”. Đó là lời cuối cùng anh để lại cho tôi. Nhưng anh biết không lời của anh khi miền Nam vẫn còn là miền Nam, chứ Cộng Sản chiếm cứ rồi thì thôn quê hay thành thị đều giống nhau.

Rồi không như anh tưởng, miền Nam thật sự thất thủ. Người dân biết được mặt thật của Cộng Sản thì đã quá trễ vì cá đã vào rọ. Đêm đêm loa phóng thanh hội họp người dân rời thành phố để đi xây dựng vùng đất hứa hẹn. Mang danh là vợ Ngụy quân cộng thêm tội buôn bán trái phép, tên tôi đứng đầu sổ để ra đi đến vùng kinh tế mới mà thời gian ở đó tôi còn nhớ là một vùng khô cằn sỏi đá cây còn mọc không được thì làm sao khoai có củ. Nhà ở thì không ra nhà, lá thì không ra lá, tôi còn nhớ tôi chấp vá bất cứ thứ gì có thể chắn gió che mưa, đêm nào trời giống gió nhiều, thổi lạnh buốt xương không tài nào chịu được. Phần bụng đói, nhìn con trong giấc ngủ hồn nhiên, lòng tôi quặn thắt, tôi muốn khóc nhưng không sao khóc được, mà nếu có khóc có lẽ sẽ là máu trong nước mắt. Tôi thấy mình nhỏ bé và cô thế quá, biết về đâu, biết ai đây, không ai. Tôi nghĩ đến Chúa, chỉ có Chúa mới có quyền năng dắt mẹ con chúng tôi ra khỏi địa ngục đau đáu này, cho nên ngày ấy tôi đã cầu nguyện hàng giờ khi ảnh vật im lìm chìm vào giấc ngủ, chỉ còn nghe xa xa tiếng chim rừng vọng đến trong đêm trường cô tịch nào nung cho những kẻ đang đói lòng.

Rồi ngày ấy, trời bắt đầu chuyển sang mùa đông, mưa phun lất phất, tôi nhớ đã đếm đầu ngón tay gần một tháng hơn chờ tiếp tế lương thực nhưng vẫn chưa thấy, như lời hứa suông, không khác nào đem con bỏ chợ. Tôi suy nghĩ mãi làm cách nào đây, bốn mẹ con chúng tôi không thể chết nơi rừng núi hoang vu này, rồi tôi tự nói với chính mình phải can đảm rời bỏ nơi này cho dù lưỡi lê hay búa rìu cũng không sợ, và không thể để yếu hèn mà ngã quỵ thì không bao giờ có cơ hội mà đứng dậy. Cho nên tôi rất cần tinh thần mình mãi trong lúc này và tôi gọi thầm tên người chồng thân yêu nơi nào đó một góc trời hoang vu của núi đồi ; “ Nếu hồn thiêng anh còn hiển linh hãy giúp em nhiều nghị lực để vượt qua cơn sóng dữ này ” Và tôi gọi tên anh với những lời thân thương nhất : “ Anh biết không . Vì tình yêu của anh, em phải sống.”

Tôi nhớ lúc đó thật là đau thương, tôi ôm tấm áo của chồng tôi, chiếc áo cũ rách, rách nhiều chỗ chàm vá và đã bạc màu cùng với ngày tháng cực khổ, tôi đã mặc nó trong những ngày trời đông rét mướt, nó đã theo tôi khắp nông trường đó.

Rồi ngày đó trong sự chờ đợi, càng ngày càng tuyệt vọng, lương thực nhhuu một cái bóng mờ trong sa mạc mà chúng đã hứa cả mấy tháng hơn rồi, không thể ngồi chờ trong một đêm kiên quyết tôi phải rời bỏ nơi này nhanh chừng nào hay chừng nấy, vẫn biết ngày mai rời sẽ ra sao, có ra sao cũng mặc, khuya đêm nay phải ra đi tôi không hề chớp mắt, cầu nguyện và cầu nguyện, Chúa hãy giúp con, kẻo vừa đổ canh tư là tôi lặng lẽ dắt con tôi xuống đồi. May mắn làm sao, đêm nay, sương khuya vẫn còn dày đặc cho nên mẹ con tôi qua cổng trại mà đám lính canh không ai hay biết gì, có lẽ nhờ ơn chúa nên hôm nay sương khuya mới dày đặc hơn mọi khi, nghĩ đến điều được ơn Chúa, nước mắt tôi tuôn rơi mà những ngày đó tôi lại không có giọt nước mắt để mà khóc.

Thế là thoát nạn, người dân ngày đó biết được bốn mẹ con chúng tôi từ kinh tế mới trở về, họ thương cảm nên cũng no lòng. Để rồi về đến quê nhà, tường mẹ già ra đón nào ngờ cửa đóng then cài, nhà đã bị tịch biên sang chủ mới. Người hàng xóm nhanh miệng cho tôi biết, mẹ già không chống chọi được. Ruộng vườn chia cắt, bao nỗi ưu phiền, mẹ đã nằm xuống không người thân bên cạnh, khi những chiếc lá vàng cuối sắp sửa lìa cành là lúc mẹ lìa đời. Mộ mẹ bên đồi hoang vắng, hàng xóm đắp sơ sài. Lúc đó tôi còn nhớ đã khóc như một đứa trẻ ngày nào còn nhỏ cần mẹ, đắp thêm mộ phần mẹ khắc chữ dựng bia để thương nhớ. Tường đầu tuổi già bóng xế được nương cậy, nhờ thời son trẻ mẹ đã một đời lặn lội lên non, xuống đồi, nuôi con không lớn quên mẹ, vút tuổi xuân bên đường chồng chất đôi vai không một ngày vui hạnh phúc. Chiến tranh như hung thần, tôi thù ghét nó, nó đã giết đi bao cuộc đời son trẻ của người đàn bà Việt nam. Nhìn đám con tử phạm cho mình, niềm hy vọng cuối cùng đã tan về đâu đêm nay, con sáo trên cành như cảm cảnh tiếng hót như thương xót cho đời người sao lắm đau thương.

Thế rồi sau ngày đó, ngày mới bắt đầu. Ngày ngày lội sâu bới từng đồng rác tìm bao bì nylon, mùi hôi thối xông lên nồng nặc nhưng biết làm sao hơn. Những đứa con cần sống rồi tôi đã không nan từ với công việc gì buồn bán mảnh mung giành giật với những tên quản lý thị trường, mà ngày đó tôi còn nhớ không còn sợ bóng súng là gì.

Những ngày đêm mưa nắng, đêm về thì ngủ dưới gầm cầu mai thì bãi tha ma, đêm nào nghe động tĩnh thì ba hồn bảy vía chạy cho nhanh để chúng bắt được trả về kinh tế mới thì có nước chết. Cho nên tôi phải tranh đấu, tôi lúc đó như con hổ đói, lúc nào cũng chực sẵn dành mồi, để sau đó rồi một mình trong đêm vắng, tôi thẫn thẫn, tôi

không còn ngày xưa của anh nữa, của người chồng thân yêu, của những lúc hẹn hò...anh thường vuốt tóc tôi rồi khen mái tóc tôi dài như bóng dừa quê anh. “ Anh biết không, mái tóc ngày xưa anh yêu quý không còn nữa, em đã cắt mái tóc đó kể từ ngày Cộng Sản chiếm miền Nam, thay vào đó em đã cột từ trước ra sau gây nhiều khi nhìn gương em không còn nghĩ là em nữa. Tại thời thế tạo em như vậy. Tình của em đã theo anh chết từ ngày hay tin anh nằm xuống, không một lời từ giã với em, với người mẹ già hằng đêm cầu kinh khi hỏa châu rơi. Ai đã vuốt mắt cho anh, bạn bè có còn không hay họ đã vội vã chạy để giữ mạng sống, để dành từng tấc đất hơi thở cho miền Nam thân yêu trong lửa bỏng dầu sôi, nên họ không còn nhớ đã bỏ quên anh nơi nào đó trong chốn rừng thiêng mà chỉ có tiếng chim buồn tiễn đưa anh. Cho nên em phải sống, sống cho những đứa con tình yêu của chúng mình ắt đến bờ Tự Do”. Nhìn con trong giấc ngủ mê say, chúng đâu biết rằng mẹ chúng ngày mai bán đôi bông kỷ niệm, để dọn cho chúng một lối đi đầy hứa hẹn.

Thế rồi ngày ra đi đã đến. Từ chiều giờ nằm ở điểm hẹn vẫn không thấy động tĩnh gì cả, chẳng lẽ có chuyện gì không may xảy ra? Canh một qua rồi, bụng nghe còn cào cào bởi lúc chiều lo quá nên quên ăn, phần thì bị muỗi cắn. Đêm ba mươi sao tối đen như vậy, đưa ta không thấy xa xa nghe sóng vỗ vô bờ lóng nồn nao, rồi tôi lại bắt đầu cầu nguyện để lấy lại tinh thần. Tôi rất hy vọng ở một đẳng tối cao, ngài sẽ không bỏ rơi mẹ con tôi. Đang miên man suy nghĩ chợt nghe tiếng chim rú ba lần, tôi biết giờ đi đã đến, mạnh dạn công đưa con nhỏ trên lưng với chiếc đai cột từ sau ra trước thật chặt, và tôi thầm nói với chính mình, phải bảo vệ đứa con, kỷ niệm tình yêu cuối cùng này của tôi. Con hãy ngủ yên nhé, ngày mai bình minh sẽ đến với con, đưa con về nhà như hiểu biết lặng lẽ đi xuống tàu. Mọi việc êm xuôi, đúng ngày mai có bình minh nhưng bên bờ là mệnh mông, nhưng dầu sao cũng đã thoát khi đã định thân lại mới biết tàu dài độ 20 m, người thì lố nhố khoảng bảy tám chục nhiều là đàn bà và con nít, có những người chưa bao giờ biết biển là gì nên say sóng nằm như chết, riêng mẹ con chúng tôi tuy ốm nhưng dai sức bởi vì năm tháng dãi dầu lặn lội với cuộc sống sương gió nên tôi cũng khỏe hơn mấy người đàn bà cùng chuyến tàu.

Đi đã ba ngày hai đêm, tàu nhẹ nhàng lướt theo ánh trăng im lìm mà đi. Biển êm trời êm sương lạnh rồi tôi nghe mằn ở bờ môi thì ra tôi đã khóc mà những ngày gian khổ với bọn vô thần tôi đã khô cạn chai lì để bây giờ nước mắt cứ trào dâng. Tôi không buồn lâu, thương người chồng xấu số, thương cho dân Việt đau thương muôn đời bị trị trong thống khổ đành bỏ nước lìa xứ xa quê, nơi chôn nhau cắt rốn bao giờ trở về được hát khúc hoan ca.

Thuyền vẫn êm đềm trôi đi hy vọng được tàu vớt. Trong niềm hy vọng mong manh bất chợt từ xa nhón lên một chấm đen tiến dần dần lại chúng tôi. Chúng tôi mừng quá đổi hy vọng gặp được tàu vớt bởi vì trên tàu của chúng tôi vài người bắt đầu yếu sức vì thiếu nước, lúc đó chúng tôi dùng hết khả năng để báo hiệu. Dần dần sự báo hiệu đó tiến lại gần, thì ra lũ đầu trâu mặt ngựa, hai tàu chúng ép thuyền chúng tôi vào giữa và bắt đầu lục soát. Sau là đến đàn bà con gái, khi chúng tra những người đàn bà về chỉ còn nằm là đi vì phần bị sóng, bị đói mấy ngày qua. Tôi may mắn không bị chúng để ý đến, có lẽ mặt mày tôi bôi đầy dầu mỡ, tóc tai rối bù. Sau khi chúng nhổ neo không quên mang theo 3 em gái khoảng 14 đến 17. Tôi ứa nước mắt không biết các em có còn sống để rồi biệt mù tăm cá, tội nghiệp các em quá hay sau con đục vọng chúng xuống biển để làm mồi cho cá.

Tàu lại tiếp tục đi độ nửa ngày đường nữa thì gặp thêm một bọn quỷ dạ xoa, lần này không còn gì nữa thì chúng hung dữ dã man hơn hết. Bắt đàn bà con gái sang tàu chúng hãm hiếp hơn nửa ngày, có người đàn ông nóng lòng cho vợ, chúng đập đầu ngay và liệng xuống biển. Nên sau đó không ai còn dám hó hé tụi nó muốn làm gì thì làm. Thực ra đói quá còn hơi sức đâu nữa mà chống cự nổi những tên hải tặc dã man cầm thú.

Sao trời lại để cho những tên gian ác sống, còn những người vô tội phải chết oan trong đau đớn. Khi chúng thả neo trong đó có người đàn bà về đến tàu chỉ thều thào mấy câu nhờ giúp đỡ con của chị, chị nắm tay tôi gửi gắm nhẹ nhàng ra đi. Dù không quen biết nhưng mấy ngày qua nằm gần bên nhau trên tàu sống chết này tôi cũng buồn rưng rức thương cho số phận không may của chị trên bước đường tìm tự do chưa tới đích thì chị đã nằm xuống.

Bây giờ thì lòng biển cả tiếp nhận chị, chúng tôi cầu nguyện và đưa xác chị xuống lòng biển, tôi thầm khấn vái hồn chị linh thiêng hãy giúp chúng tôi đến được bến bờ tự do. Đã hai lần tàu bị cướp tôi đều thoát nạn như lời cầu xin của tôi được chúa ban ơn, tôi nghĩ như vậy dù tôi có dơ dáy cỡ nào cũng khó lòng thoát với lũ man rợ. Đêm lại xuống, tàu chúng tôi bây giờ như bóng con tàu ma, tất cả nằm như chết muốn ra sao thì ra, tàu bây giờ thả trôi theo sóng biển chỉ còn tôi và một vài người đàn bà là còn chút sức vì vậy chúng tôi mới giúp đỡ cho những người bên cạnh.

Nhìn những vì sao đêm rời rạc cũng như chúng tôi đang lạc loài cô đơn trong đêm đen, chưa thấy đâu bến bờ. Lần này chúng tôi không còn hơi sức đâu làm hiệu nữa, hai lần tín hiệu hai mất mát, may mắn lắm mới được từ cõi chết trở về, cho nên lần này phó mặc cho trời đất.

Rồi lần thứ ba lại đến, thằng đầu xỏ không qua nó sai đàn em bắt hết đàn bà con gái lớn nhỏ qua tàu hấn, lần này coi như chết nắm phần chắc trong tay. Những bước chân đi xiêu vẹo đến từng người một bước qua, lúc này tâm trí tôi không còn nghĩ gì hơn tại sao có loại người dã man vô cùng tận giống như loài quỷ, không phải con người vừa thoát khỏi loài vô thần quỷ đồ thì lại gặp phải những con thú dữ không còn tánh người, những đứa nhỏ đáng con chúng cũng không từ. Đứng trước mặt nó lúc đó tôi không biết một động cơ nào thúc đẩy. Tôi quắc mắt nhìn nó một cách không sợ hãi hầu như thách thức tụi nó.

Và tôi cũng không còn nghĩ điều gì hơn thiệt nữa, ba bảy cũng phải liều. Nhìn đứa con gái mà tôi vuốt mắt cho mẹ nó lúc sáng hứa sẽ bảo vệ...đành lòng nào để cho nó rơi vào tay ác quỷ. Nghĩ đến điều đó tôi bước mạnh dạn ra khỏi hàng như người hùng xiên áo sẵn sàng lâm trận. Tôi giơ tay dùng hết mọi khả năng để cho nó biết rằng không

còn ai có thể cầm cự nếu nó tiếp tục cướp và hãm hiếp. Tôi chỉ trời đất nguyên rửa nó chứ không van xin, mà những ngày sống với Cộng Sản ở nông trường đói quá đâm liều mới đủ gạo buổi chiều đó cho bốn mẹ con, cho nên lúc đó tôi không còn đếm xỉa đến hẳn. Biết chống là chết nhưng tôi nghĩ lúc đó có chết cũng phải vùng lên dù là một khoảng khắc để rồi sau đó tắt lịm còn hơn cứ để chúng vờn chơi như mèo vờn chuột, trước sau gì cũng chết. Nghĩ đến điều đó tôi quỳ xuống trong thư thái bình thản, mặc cho bọn chúng reo hò, tôi bắt đầu cầu nguyện. Tôi gọi Chúa, chỉ có Chúa mới cứu được chúng con trong lúc này thôi, bởi cái chết như sợi chỉ treo, lương thực đã hết, nước khô cạn. Hôm qua có người đàn ông không chịu nổi khát uống chai dầu gió bứt ruột mà chết, khi con đói khát làm hoa mắt chẳng còn biết cái gì nữa.

Nếu một người như tôi có chết đi mà cứ hết đoàn tàu trong đó có những đứa con thân yêu của tôi được đến bến bờ, được quỳ dưới chân Nữ Thần Tự Do thì cái hy này không còn gì sung sướng bằng, tôi cứ nghĩ miên man và điềm tĩnh nhắm mắt cầu nguyện không còn sợ hãi nữa, đón nhận những gì đưa đến cho mình

Rồi trong khoảng khắc không biết bao nhiêu lâu đứa con tôi lay vai tôi gọi: “ Mẹ, chúng nó cho nước rồi thả hết người rồi mẹ, mẹ đứng dậy đi nó không bắt mẹ đâu.” Tôi như từ một vùng cơn mơ bước ra, không thể nào tin được những tên hải tặc bốn ba khắp vùng biển cả để sẵn mồi lã nào bỏ qua con mồi ở trong tay chúng. Về đến tàu, tôi vẫn chưa hoàn hồn, Chúa đã giúp chúng tôi, tôi ôm đứa con nhỏ nước mắt ràn rụa . Chúa đã cứu mẹ mặc dù mẹ chưa sức dầu là con chiên của Chúa. Chỉ có Chúa tôi cao mới có quyền năng từ một con sư tử, trở thành một con nai hiền lành, cho nên tàu chúng tôi mới thoát nạn

Bây giờ cả tàu lấy lại được chút niềm tin và sức sống nhờ có chút nước cầm hơi. Một ngày sau chúng tôi được tàu Đức vớt. Thế là cuộc hành trình trong nổi kinh hoàng biển đông mà người Việt đi tìm tự do phải gánh chịu mọi gian nan trong cái chết tìm con đường sống, bao nỗi dằn vò đói khát cướp bóc hãm hiếp, làm mồi cho cá trời nước mệnh mông không thấy đâu là bờ bến mà ngày ấy đã mang may mắn cho tôi gió lặng sóng êm, những cơn sóng ngủ vùi dưới lòng biển cả nên đã bỏ quên chúng tôi.

Nhiều khi trong giấc ngủ chợt giật mình nhớ lại ngày ấy tại sao mà có thể can đảm liều mạng đem sinh mạng mấy mẹ con mà giỡn với tử thần.

Bây giờ nơi miền đất tự do, năm đứa con, hai đứa của người đàn bà xấu số, cũng đã nên người . Mùa xuân lại về, đêm ba mươi ngời một mình trong căn nhà vắng vẻ ôn lại chuyện cũ đã qua, mỗi ngày nào thoáng chốc đã hai mươi năm, tóc bây giờ đã ngả màu, có biết bao điều thay đổi nhưng quê nhà vẫn lắm than. Bao giờ người dân Việt mới được hưởng mùa xuân thật sự không bị trị và kềm kẹp, để cùng nhau hát khúc thanh bình trong những đêm trăng sáng quê nhà...

::: Nguyên Sương :::

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trước Ngưỡng Cửa Thiên Đường

Nguyễn Thị Thanh Hằng

Tôi bỏ xứ ra đi giữa một chiều thu Tháng bảy. Tôi cũng không nghĩ rằng có thể vượt thoát được ở lần cuối cùng này. Bao nhiêu lần ở trong nước, những miền duyên hải của Việt Nam gần như tôi đi qua hầu hết. Thời điểm gần cuối năm 1987. Những trại tị nạn ở các vùng Đông Nam Á chuẩn bị rục rịch đóng cửa. Những vùng biển của các tỉnh lại bị kiểm soát chặt chẽ. Tôi những người tưởng mình gần như chấp nhận cái định số của mình buông xuôi ở lại. Tình cờ một người bạn của đứa em tôi rủ rê hẳn đi.

Lộ trình đi theo ngõ Campuchia. Ban đầu tôi cứ tưởng lộ trình đường bộ, vượt Trường Sơn qua đất Thái như nhiều người thường nói. Tôi cần hẳn. Và thật sự em tôi cũng chẳng tha thiết mấy trong những toan tính này, Tôi tìm hiểu kỹ lại từ đứa bạn của em mình. Thật ra, lộ trình đường bộ là đi xe lên Châu Đốc, đến bến Hồng Ngự thuộc sông Mê Kông, ranh giới giữa Việt Nam và Cam Bốt, rồi đi tàu sang Nam Vang. Lộ trình kế tiếp sẽ đi lên tỉnh Battambang, một tỉnh của Cam Bốt ở gần biên giới cách gần đất Thái. Cảng Kompungsom sẽ là nơi cuối cùng lên ghe vượt biên sang đất Thái.

Thú thật ban đầu tôi cũng cảm thấy lo sợ với lộ trình này. Nhưng nghĩ lại thời gian không cho phép mình còn những lựa chọn trước khi quá muộn. Và lại tôi cũng muốn thử thời vận lần cuối trước lúc chấp nhận thua cuộc. Bao nhiêu lần đi chẳng thoát, biết đâu lần này lại được. Coi như một cuộc thăm viếng nước ngoài. Biết thêm một nơi mới lạ cũng vui. Tôi quyết định điền thay em tôi vào chuyến đi này. Nếu tính thật chính xác, ngày rời Việt Nam và đặt chân lên đất Thái vừa đúng ba đêm hai ngày. Cho đến giờ này tôi vẫn còn nhớ như in. Cả một hệ thống hỏi lộ từ Việt Nam sang Nam Vang trải khắp lộ trình từ đường bộ cho tới bãi biển chẳng có gì trở ngại. Tôi cũng không tưởng tượng nổi bãi biển nơi ngồi đợi tàu, tôi đã chứng kiến ba chiếc ghe cập bến cùng một lúc dưới sự bảo vệ của du kích Cam Bốt tiến lên tàu. Giống như một cuộc du lịch. Còn chưa kể những thủy thủ trẻ người nhưng già dặn trên biển. Cả một chuyến ghe hơn ba mươi mạng người chúng tôi chỉ có hai can nước uống loại hai mươi lít, và hai giỏ cam khoảng chừng trăm trái. Sau ngày trên tàu tôi mới hiểu chuyện. Một tháng có hơn mười ngày họ tổ chức vượt biển mướn chèo người như vậy rồi lái tàu về. Lộ trình trên biển các thủy thủ nắm lòng như lộ trình trên bộ. 12 giờ đêm khởi hành từ cảng Kompungsom, 12 giờ trưa tàu đã bỏ neo trên hải phận Thái Lan. Họ chờ tới tối trời mới thả người vào đất liền. Nhìn các thủy thủ né tránh các tàu đánh cá, các tàu tuần dương của Thái Lan mới thăm phục cho sự lành nghề trên biển của nhóm thủy thủ trẻ này.

Trời vừa sụp tối và cũng mất hai giờ chạy, tàu thả chúng tôi vào bờ. Bãi đỗ người là một bãi lầy nên không thấy bất cứ chiếc ghe nào lảng vảng ở khu vực này. Như một bãi hoang. Ghe vừa mực nước ở ngang bụng, các thủy thủ đã hối thúc đám người chúng tôi nhảy xuống. Vài người còn có vẻ sợ sệt đã bị họ đẩy xuống lẹ làng rồi phóng ghe rú mất dạng.

Cả nhóm người chúng tôi nhắm hướng rừng tràm và ánh đèn trước mặt tiến tới. Khoảng hai cây số. Chúng tôi cứ thi nhau bước vội trên bãi lầy cho đến khi có cảm giác chẳng bước được nữa. Nước thủy triều đã rút hết chỉ còn tro bãi. Bùn lầy bám lên quần áo càng lúc càng nặng. Vài người đàn ông đã cởi hết quần áo chỉ còn tro chiếc quần cụt cho nhẹ di chuyển. Bây giờ chúng tôi chỉ còn nhắc chân từng chút một. Đám phụ nữ chúng tôi vì quá mệt mỏi dưới sức nặng của bùn lầy bám vào quần áo, vài người quên hết cả xấu hổ cũng đã cởi bỏ hết quần áo chỉ còn lại đồ lót để cho dễ di chuyển. Mưa bắt đầu lất phất, gió rét thổi mạnh thấu xương, cộng thêm nước biển thấm lặn vào người. Khu rừng tràm cách chúng tôi chưa quá hai cây số mà lết mãi còn thấy xa thẳm. Đến lúc quá mệt mỏi chẳng còn ai đủ sức di chuyển được nữa, đám phụ nữ chúng tôi tụm lại gần ôm nhau nằm luôn trên bãi lầy, cố tạo hơi ấm để chống chọi với cái rét cho đến sáng.

May mắn cho chúng tôi, có vài người đàn ông cùng ghe đã lên được trên làng và tìm ra trại lính cách đây không xa. Gần sáng, một toán lính người Thái dưới sự hướng dẫn của vài người đàn ông ra đến. Chúng tôi vẫn còn ngủ mê mệt trên bãi lầy. Chúng tôi được đưa vào trại lính bên cạnh con suối nhỏ để tắm rửa. Mặt mũi đầy bùn đất, hai tay có che đầy thân thể chỉ còn mỗi đồ lót trên người. Dầu vậy cái thoát chết đã làm cho tụi tôi quên đi sự xấu hổ. Chúng tôi chỉ biết nhìn nhau cười. Mỗi người chúng tôi được phát một bộ quần áo rộng thùng thình quá khổ người, và sau đó được chuyển đến một trại tạm trú cách trại lính không xa mấy.

Trại tên Klongjai giáp ranh phần biên giới đất Thái. Ở đây còn lại những dấu tích của những hố bom trong chiến tranh. Chúng tôi bị kiểm tra sơ khởi phân lý lịch. Sau đó mỗi người được cấp phát chăn màn. Căn trại tạm bợ trong một diện tích nhỏ khoảng chừng năm mươi thước vuông, chỉ một mái che và bên trong ngăn thành hai gian: một quán cà phê và một quán tạp hóa nhỏ. Ở đây những người tị nạn có thể đổi đồ la hay vàng ra tiền Thái và mua tem thư liên lạc gia đình. Ngoài ra không có bất cứ một phương tiện thông tin nào khác. Buổi tối, mỗi người chúng tôi tự tìm một chỗ nghỉ lưng cho mình. Hầu như tất cả phải nằm ngoài trời.

Tôi ở đây được hai ngày và chứng kiến cả một làn sóng người ồ ạt đến. Gần như khoảng năm đến mười chiếc ghe mỗi ngày. Chúng tôi thường đứng trước cửa trại nhìn người, hy vọng trong số mới đến có người quen của mình. Trại hẹp và sức chứa tăng nhanh mỗi ngày đến khủng khiếp. Những chuyến xe tải người đến trại không đủ đáp

ứng. Đến nỗi chính phủ Thái đảm hoàng phải tìm cách ngăn chặn bớt làn sóng thuyền nhân vào đất Thái mà họ gọi là những tổ chức buôn người này.

Trại thứ hai tôi được chuyển đến là trại Panat Nikhom và cũng là trại cuối cùng quyết định vận mạng chúng tôi. Ở đây là một trại tập trung người tị nạn và đúng tiêu chuẩn nhất so với các trại nhỏ trên đất Thái. Phái đoàn các nước thường xuyên đến đây để phỏng vấn thuyền nhân và qui chế tị nạn. Diện tích trại hơn nửa cây số vuông, có trường học nhà thờ, chùa chiền, chợ quán, bưu điện, bệnh viện... được bao bọc bởi một hàng rào tôn cao hơn ba thước ngăn cách bên ngoài trại. Trại phân biệt ra nhiều lô xếp theo thứ tự A, B, C... và đánh số. Mỗi lô chừng hai mươi mét vuông, chỉ có mái tôn che, không vách. Mỗi người tự tìm phương tiện ngăn chia cho mình một chỗ ngủ dựa theo tiêu chuẩn; Độc thân sẽ là 1mx3, và được giám sát bởi một trưởng lô là thuyền nhân do trại trưởng Thái Lan chỉ định. Trách nhiệm của lô trưởng là phát thức ăn, nước uống, nước tắm rửa và chia phiên các thuyền nhân làm vệ sinh nhà cầu và khu vực quanh lô của mình. Vấn đề an ninh thì được một nhóm thuyền nhân khác là những người đã ở lâu trong trại (Có người ở đây gần mười năm) dưới sự chọn lựa từ ban chỉ huy trại, gọi là trật tự viên theo dõi mọi sinh hoạt của thuyền nhân. Ai đã từng ở qua trại này chắc chắn thấy cái tàn bạo, sự lạm dụng uy quyền và dữ dằn của những thuyền nhân đội lốt mang danh là trật tự viên này.

Tôi được chia về lô mang mẫu tự L9 và xếp chỗ ngủ chung với chị Nguyệt, một chị độc thân lớn hơn tôi khoảng vài tuổi. Tôi gọi đây là một ổ ngủ của chúng tôi. Chị đã ở đây hơn năm năm và đã bị phái đoàn các nước bác đơn qui chế tị nạn nhiều lần. Những người cùng chuyển ghe tôi ai nấy tạm yên, bây giờ mỗi người tự kết nhóm, ăn uống và sinh hoạt chung dựa theo điều kiện kinh tế mỗi người. Tôi chẳng dám ra nhập vào nhóm nào. Tôi tự biết thân phận mình. Bao nhiêu lần vượt biển không thành tiền mất tật mang. Chuyển đi cuối cùng này gia đình cũng phải mượn bà con để thanh toán lệ phí. Tôi lại chẳng có bất cứ người bà con nào ở nước ngoài để nhờ viện trợ. Chỉ còn cầu may vào vài người bạn học cũ mà đến nay vẫn chưa bắt được liên lạc. Năm phân vàng cuối cùng của tôi mang theo đã đổi ra từ trại Klongjai, một ít dùng vào việc báo tin cho gia đình, liên lạc bạn bè, một ít mua những linh tinh cần thiết... Số tiền còn lại quá ít ỏi lúc ấy lại phải mua thêm các vật dụng nấu nướng, mà tôi cũng lo lắng cho những ngày sắp tới không biết phải xoay xở làm sao nữa.

Tôi nhập trại đúng vào ngày đầu tuần và cũng là ngày lãnh thực phẩm. Tiêu chuẩn lương thực cho một đầu người trong một tuần gồm 4 kg gạo, 3 kg chất đốt làm bằng than đá, vài bó rau và khoảng chừng 1 kg cá khô, thêm một ít muối. Thực phẩm chỉ có chừng ấy, chỉ đủ ăn một ngày. Những ngày còn lại các thuyền nhân phải tự lo liệu lấy. Thật ra sau này tôi được biết, Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cấp tiêu chuẩn cho mỗi người tị nạn giá trị 50 đô la mỗi tháng. Việc cắt xén tài khoản này không biết đi vào chính phủ Thái Lan hay ban điều hành trại. Chỉ biết là với tiêu chuẩn này, các người tị nạn nếu không có thân nhân nước ngoài viện trợ sẽ dễ rơi vào hoàn cảnh khốn nạn nhất.

Thái Lan được xếp loại là một trại tồi tệ nhất trong vùng Đông Nam Á thật chẳng sai tí nào. Tiêu chuẩn thực phẩm một đầu người của tôi quá ít ỏi nếu phân chia đơn lẻ. Trưởng ban đề nghị tôi lãnh chung luôn phần của chị Nguyệt cho tiện việc phân chia. Vô hình chung chị và tôi trở thành một nhóm nhỏ xếp vào loại nghèo trong trại. Buổi trưa, nắng chiều xuống mái tôn nhà gây sức nóng hùng hực. Cái nóng như nung người của đất Thái không khác thua gì ở Việt Nam. Chị Nguyệt vẫn chưa thấy về. Chị đã đi đâu từ mờ sáng. Tôi ngồi bên góc bếp riêng của chị đã có sẵn, chọn một ít cá khô và lật một mớ rau để chuẩn bị làm canh. Loại rau của Thái trông giống như rau dền xứ mình nhưng có mùi vị hơi chát. Tôi nêm thêm một ít muối vào canh rồi nhấc xuống và bắt đầu thổi cơm. Cơm vừa chín tới thì tôi thấy dáng chị Nguyệt đang gánh nước trở về. Chị đặt đôi gánh đầy nước bên góc nhà nơi làm chỗ tắm rửa và nhìn quanh. Có lẽ chị muốn tìm thực phẩm của chị. Tôi lên tiếng:

- Chị tìm thực phẩm của chị à? Trưởng lô đã chia phần em và chị ở đây rồi.

Hai tay vừa lau những giọt mồ hôi còn đọng trên má, chị bước vào ổ ngủ và ngồi xuống bên cạnh tôi:

- Cảm ơn em ! Em đã nấu cơm rồi à?

Tôi trả lời:

- Dạ vâng ! Chị rửa mặt rồi dùng cơm luôn thể. Đã trưa rồi mà chẳng thấy chị về, đành mượn bếp chị nấu đại cho hai người. Xin lỗi chị nhé !

Chị nhìn tôi và cười. Cái cười trông đôn hậu và dịu dàng. Chị nói:

- Có sao đâu em ! Em cứ tự nhiên. Chị bận quá ! Em giúp chị như vậy là tốt rồi. Chị phải cảm ơn em mới đúng.

Chúng tôi ngồi ăn cơm, thức ăn đã được bày trên tấm nylon vụn bên góc bếp. Thực ra chỉ có món canh rau cá khô duy nhất. Bữa ăn nghèo và đạm bạc của hai kẻ mồ côi. Không thấy một chút thịt hay cá tươi như những nhóm khác cùng lô. Ăn xong chị Nguyệt dành phần rửa chén. Tôi quét dọn ổ ngủ và trải tấm nhựa xanh làm chiếu cho hai chị em nghỉ lưng. Trời vẫn còn nóng. Bên hàng rào tôn, vài người thập thò canh nhóm trật tự để rình mua đá lạnh hay những vật dụng khác từ bên ngoài vòng rào. Luật lệ trại cấm ngặt sự mua bán qua cách này. Ai vi phạm bắt được sẽ bị cạo đầu và giam tù ba ngày không phân biệt nam nữ. Đôi khi còn bị đánh đập nữa là đằng khác. Nhưng vài người vẫn cứ tiếp tục. Họ cắt những miếng tôn nhỏ thành góc vuông để tiện việc mở ra và gấp lại khi mua bán hàng hóa. Nhóm tay sai ban trật tự thỉnh thoảng vẫn bắt gặp và bắt giam. Nhưng người ta vẫn liều lĩnh. Bởi có lẽ dễ hiểu, giá bên ngoài trại rẻ gấp hai lần so với bên trong. Ban quản lý trại cố tình làm như vậy để bán giá cắt cổ từ cửa hàng bên trong trại, có lẽ là của thân nhân hay gia đình họ.

Trời bắt đầu kéo từng cụm mây xám cuộn về bao quanh trại. Gió hiu hiu. Đã dịu bớt đi cái nóng và trời đang chuẩn bị chuyển mưa. Tôi nhìn sang bên chị Nguyệt. Chị đã ngủ từ bao giờ. Vài hàng nút áo của chị bật ra. Một vòng

ngực trắng căng đầy và no tròn đang phập phồng theo nhịp thở. Khuôn mặt trái xoan, sống mũi cao và hàng lông mi cong vút. Phải nhìn nhận chị có một vẻ đẹp đến man dại, ngoại trừ làn da mặt hơi đen có thể do dãi dầu mưa nắng. Tôi nhìn ra ngoài sân, vài người chạy vội đi gom những quần áo phơi bên ngoài trên các hàng dây quanh trại. Mưa càng lúc càng nặng hạt. Tiếng mưa gõ trên mái tôn những âm thanh lộp độp và đều đặn nghe đến buồn phiền. Mưa kéo dài hết cả buổi chiều. Tôi chuẩn bị cho bữa cơm tối. Chị Nguyệt cũng đã thức dậy và lấy một ít gạo ra vo. Mưa đã bớt nặng hạt. Tôi mồi lửa và đốt than đá. Tôi lấy thức ăn lạnh buổi sáng treo lên vách bếp đem xuống. Cúng vẫn bộn cũ xoạn lại. Nhưng có chút ít thay đổi. Bó rau còn lại để dành cho ngày mai, chỉ nướng thêm vài con cá khô nữa cho bữa tối. Ăn uống và dọn dẹp xong thì quanh trại cũng đã lên đèn. Chị Nguyệt lấy chiếc đèn dầu con khời lại tiêm và đốt lên. Mưa lúc này đã dứt hẳn. Trời dễ chịu hơn. Hai đứa tôi nằm bên nhau và nhìn ra ngoài trời đêm. Chị gợi chuyện trong đôi mắt chớp buồn :

- Lâu lắm rồi chị mới có một bữa ăn chung như thế này. Mình nghèo quá chẳng có thân nhân viện trợ, chẳng ai muốn kết bạn. Đi về và mỗi bữa ăn cũng chỉ thui thui một mình. Hôm nay có Hằng ở chung chị có bạn tâm sự đỡ buồn.

Tôi hiểu cảm giác và tâm trạng chị. Giống như suy nghĩ của tôi bây giờ. Tôi quay qua nhìn chị và thắc mắc hỏi:

- Chị ở đây lâu quá rồi sao chưa có nước nào nhận chị? Chị không có cách gì để xin đi định cư nhân đạo à?

Chị nhìn lên trần nhà và nén tiếng thở dài trả lời tôi:

- Đã hết cách Hằng ạ ! Phái đoàn Hoa Kỳ không nhận vì gia đình chị không phải diện có làm việc với chế độ cũ và bản thân chị cũng vậy. Còn các nước nhân đạo khác thì năm ba tháng họ mới đến đây một lần, mà mỗi lần họ chỉ nhận có năm bảy chục người là hết mức. Trước chị thì còn gần cả ngàn người chưa được gọi tới thì làm sao đến mình.

Ngưng một chút chị Nguyệt nói tiếp:

- Hằng biết không! Hơn năm năm nằm ở đây, chị cứ đếm thời gian qua dần. Bao nhiêu người đến rồi đi, chị chẳng nhớ hết. Mà riêng mình thì vẫn nằm tại chỗ. Chị chán nản cùng cực. Chị cũng đã tìm hiểu xem có thể trở về Việt Nam hay không nhưng nghe chừng chưa có chính sách này. Gia đình chị ở tận trong quê, miệt Cái Răng, Cần Thơ. Chị chỉ có mẹ và một đứa em trai. Buồn bán cực khổ quá mà vẫn thiếu trước hụt sau. Cố gắng dành dụm lắm mới đi thoát được, hy vọng là ra được nước ngoài còn có thể cứu cả gia đình. Ai ngờ lại như thế này. Biết trước như vậy chị thà chẳng đi còn hơn.

Tôi chạnh lòng xót xa dùm chị và liên tưởng đến mình. Chưa biết sẽ ra làm sao. Ba tôi là sĩ quan chế độ cũ, còn chút hy vọng. Tôi nhìn kỹ lại chị. Năm năm trước lúc đến đây chị cũng ở tuổi tôi bây giờ. Không biết chị còn chôn vùi tuổi thanh xuân của chị ở đây cho đến bao giờ. Tôi tò mò hỏi chị:

- Em thấy chị có nhan sắc. Sao không tìm xem ai thích hợp có thể thành hôn rồi đi theo họ. Em cũng nghe có nhiều trường hợp như vậy mà !

Chị cười, trong cái cười đó tôi thấy chứa đựng nhiều xót xa. Chị nói với tôi:

- Chị cũng đã. Trước đây chị cũng biết điều đó. Chị cũng đã tìm hiểu vài ba người, nhưng cuối cùng chẳng ra gì. Họ chỉ lừa dối để lợi dụng xác thịt của mình. Khi được rồi thì họ chẳng giúp gì mình. Họ sợ rắc rối trong vấn đề định cư của họ. bây giờ chị đã chán và chẳng dám tin ai nữa. Chỉ đánh phỏ mặc cho trời !

Tôi hỏi thêm chị:

- Rồi chị có liên lạc với gia đình không?

Chị trả lời :

- Có liên lạc nhưng không thường xuyên lắm. :

- Gia đình chị như thế nào? :

- Cũng vẫn vậy nhưng đời sống càng lúc càng khó khăn. Chị cũng chẳng dám kể cho mẹ chị nghe mọi chuyện ở đây. Lâu lâu chị cũng cố để dành chút tiền gọi về cho mẹ. :

Tôi trở mắt ngạc nhiên nhìn chị và hỏi:

- Sao chị có tiền? Bạn chị cho à?

- Làm gì có ! Chị làm gì có may mắn ấy. Chị gánh nước thuê và giặt quần áo cho mấy người vượt biên giàu có quanh trại đó mà ! Em không thấy buổi sáng chị mất xác đến trưa rồi sao?

Chị trả lời tôi như thế sau cái cười. Thảo nào tôi chả thấy chị ngay cả lúc lãnh thực phẩm. :

Mỗi một đánh đổi đều có cái giá phải trả. Ai cũng có nỗi khổ riêng. Tôi phục cho ý chí chịu đựng và lòng hy sinh của chị. Tôi nằm suy nghĩ miên man và ngủ đi lúc nào chẳng hay.... :

Tôi ở trại thẩm thoát đã gần sáu tháng. May mắn cho tôi, tháng thứ hai tôi đã bắt liên lạc với một chị bạn. Chị ấy hứa giúp tôi mỗi tháng 50 đô la chi đúng trong thời gian ở trại. Và tôi cũng hứa sau này định cư được tôi sẽ trả lại cho chị. Tôi đã được làm "Form", chuyển sang cơ quan JVA của Hoa kỳ phỏng vấn, và đã chuyển sang INS tuyên thệ. Chỉ còn chờ danh sách ngày lên đường. Tôi và chị Nguyệt vẫn còn ăn chung với nhau. Tất cả cũng nhờ chị ấy. Nếu thời gian đầu không có chị ấy mình không biết phải xoay xở đời sống bằng cách nào. Chị đã lo cho đời sống của hai chúng tôi trên những giọt mồ hôi của chị. Hôm nhận được tiền của chị bạn hứa gửi cho, thú thật tôi đã mừng như bắt được vàng. Tôi chưa có dịp trả ân tình của chị Nguyệt. Sau khi đổi tiền, tôi ghé chợ và mua một cân thịt heo quay, món chị Nguyệt ưa thích mà từ khi đến trại này chị chưa được nếm qua. Mua hai ổ bánh mì và thêm một cân thịt heo, vài cân cá tươi, một ít bột ngọt, mắm muối, đường linh tinh...và một chai nước ngọt. Cũng vừa

gần hết 20 đô la. Tôi quay về ổ ngủ của chúng tôi và chuẩn bị nấu nướng. Chị Nguyệt còn bận đi gánh nước và giặt quần áo thuê chưa về.

Tôi cắt hết tất cả thịt heo quay. Cá tươi thì kho chung với thịt heo tươi. Nêm nếm vừa đủ để ngon hơn thường ngày. Mọi khi, nếu chị nguyệt làm công có tiền cũng mua về chút ít thịt tươi, tôi thì tiết kiệm để dành cho những ngày thiếu thốn thức ăn, chỉ dám bỏ nhiều nước và thêm muối vào. Nước ăn thì cạn mà thịt thì chẳng dám ăn nên ăn hoài không hết thịt. Chị Nguyệt thường trêu tôi “ bà tiên bán kẹo phính”. :

Đến trưa chị Nguyệt đi làm về. Chị vô cùng ngạc nhiên trước bữa ăn quá ư thịnh soạn chưa bao giờ có của chúng tôi. Tôi kể chị nghe, hai đứa tôi vui lây và ăn một cách ngon lành đến ứ cả bụng. Chúng tôi đã có một ngày thật là vui vẻ để bỏ quên hết mọi phiền toái và lo nghĩ sau lưng.

Tôi đã ở đến tháng thứ chín vẫn chưa có danh sách lên đường. Đời sống chúng tôi đã tương đối đầy đủ nhờ vào số tiền chị bạn viện trợ mỗi tháng. Tôi dành chị nguyệt phần lo ăn uống hàng ngày để chị nhẹ gánh lo cho mẹ. Nhưng chị vẫn cứ tất bật. Làm như đời sống phải có công việc. Tôi vẫn thường xuyên ra bưu điện mỗi ngày để dò danh sách và ngày lên đường. Và cũng không quên dò tìm tên chị. Hy vọng có một quốc gia nhận đạo nào đó gọi chị để phỏng vấn. Cũng có nhiều người được gọi tên nhưng chị thì vẫn mù mịt. Chị Nguyệt vẫn bận bịu với công việc của chị. Tôi thấy hình như chị làm nhiều việc hơn trước. Chị ít có mặt bên cạnh tôi như trước đây. Có nhiều đêm cũng chẳng thấy chị về. Lắm khi tò mò tôi muốn hỏi chị nhưng thấy chị có vẻ lo nghĩ nên lại thôi.

Một sáng ngày cuối tuần không có danh sách mới nên tôi không ra bưu điện dò “list”. Chị Nguyệt vẫn còn nằm ngủ vui bên cạnh. Mọi khi vào giờ đó chị đã thức dậy lao vào công việc. Tôi nghĩ chị ngã bệnh. Mấy hôm tối cứ thấy chị nôn mửa liên tục. Tôi khuyên chị nên nghỉ làm việc và đi bệnh viện khám bệnh. Chị cứ ậm ừ cho qua rồi thôi. Tôi muốn đưa chị đi nhưng chị lại từ chối. Tôi chẳng biết chị có tự đi hay không nữa ...Sau đó tôi ra chợ mua một ít thịt, vài viên thuốc cầm và về nấu cháo cho chị. Tôi đánh thức chị dậy, ép chị ăn cháo và uống thuốc. Chị vẫn còn thấy mệt mỏi và không muốn nuốt nổi. Buổi trưa rồi chiều tôi lại ăn cơm một mình. Chị Nguyệt chẳng ngồi dậy nổi ngoại trừ lúc chị cần uống nước. Tôi bước ra sân đi một vòng và đứng nhìn trăng. Trời không sáng mây. Một cặp tình nhân đang ngồi bên nhau tâm sự dưới góc cột đèn. Tôi quay vào ổ ngủ và nằm xuống cạnh chị Nguyệt. Chị vẫn trăn trở. Tôi nghe tiếng chị thở dài. :

Giữa khuya, tôi giật mình thức dậy bởi tiếng la náo động bên hướng nhà vệ sinh. Có người tự tử. Tôi nhìn sang bên cạnh. Không thấy chị nguyệt đâu, có lẽ chị đã đi ra ngoài để xem rồi. Tôi xỏ dép và bước lần theo hướng có tiếng la. Xe cấp cứu đang tới và vài người đang cắt dây gỡ một phụ nữ treo cổ trên nóc nhà vệ sinh xuống, đặt nằm trên một chiếc băng ca. Tò mò, tôi cố lách đám đông và len lỏi vào tận bên trong để nhìn. Tôi suýt rú lên. Người nằm trên chiếc băng ca không ai khác hơn là chị Nguyệt của tôi. Đôi mắt chị nhắm nghiền và thân thể dường như cứng đờ. Chiếc xe cấp cứu chở chị đi rồi mà tôi vẫn còn đứng bất động như trời trồng.

Tôi quay về lại nơi ở và thần thờ ngồi xuống. Gội mền bên chỗ của chị đã xô lệch. Tôi xếp gọn lại. Vô tình một góc của một bì thư lộ ra trong bao gói. Không nên nổi tò mò tôi mở ra đọc. Hai lá thư nắm xếp gọn và thời gian cách nhau ba tháng. Một lá thư với ngày tháng cũ của người em trai viết cho chị báo tin mẹ bệnh nặng và đang cần tiền thuốc men, bệnh viện. Lá thư thứ hai mới nhận chỉ một tuần, báo tin đã nhận đủ 1000 Đô la của chị gửi về. Tôi chợt hiểu ra lý do chị thường xuyên vắng mặt nhiều lúc sau này. Chị đi làm kiếm tiền gửi về cho mẹ. Chị hy sinh đến nỗi quên cả giữ gìn sức khỏe của mình. Tôi cảm động và bất giác nước mắt trào quanh trên mặt. Tôi đặt những tờ thư lại chỗ cũ nằm xuống trăng trọc cho đến sáng.:

Trời còn tờ mờ tôi đã vội thức dậy và tìm lên bệnh viện. Thật lâu tôi mới biết tin chị từ một người y tá Việt Nam cũng là một người tị nạn trong trại. Chị y tá cho biết không cứu được chị Nguyệt vì chị yếu quá, hình như chị đang có thai trong bụng. Thêm một ngõ ngách đến với tôi. Tôi không tin là như vậy được, bởi nếu chị có quan hệ tình cảm với ai chị đã chẳng giấu giếm tôi. Tôi cũng đã thường xuyên khuyến khích chị điều này mà. Và nếu có thật như vậy thì đây cũng không phải là cách giải quyết. Bất giác tôi liên tưởng đến những người lính Thái trong trại thường đến gặp chị sau này. Tôi cũng nghĩ chỉ là những quan hệ bình thường. Thêm vào số tiền quá lớn trong trại mà chị đã gửi về cho mẹ. Không ngờ chị đã xa lây. Đâu có ai ngờ rằng...Chị có trường hợp này mới có thể đưa chị đến quyền sinh sai lầm như vậy. Tương lai chị quá mờ mịt. Cả một gánh nặng gia đình trên vai. Chị đã đến trước ngưỡng cửa thiên đường nhưng cánh cửa không rộng mở để chấp nhận cho chị vào. Chị lại vấp thêm một lần lần nữa. Còn tôi, tôi đã có may mắn hơn chị. Cửa thiên đường đã chấp nhận tôi bước vào. Cả một tương lai đang đợi tôi trước mặt. Riêng chị, chị đã quyết định quay lưng lại ngưỡng cửa thiên đường đã từ chối mình để chọn một lối rẽ khác. Ở đó không có sự lừa dối, những lo lắng, ưu tư hay buồn phiền. Chị đã dùng phần đời còn lại của chị để hy sinh cho gia đình trước lúc làm một cuộc buông xuôi.

Tôi thần thờ quay ra khỏi bệnh viện. Sương mai tan dần. Nắng bắt đầu lên. Tôi nghe âm thanh vụn vỡ của tiếng guốc khua gỗ đều nhịp buồn trên đất. Những ngày còn lại chờ đợi lên đường, tôi không còn có ai bên cạnh. Tôi đã tìm cho mình một lý giải đúng nghĩa về chị. Dẫu chưa biết chị quyết định đúng hay sai. Chỉ có một điều cuối cùng an ủi chị theo một triết lý xưa cũ : “ Có lẽ tất cả do số mạng.” Và có thể sẽ có một thiên đường nào khác ngoài thiên đường nhân gian sẽ đón nhận chị bước vào chẳng? Thấp thoáng dáng chị đâu đây trong trí tưởng tượng của tôi. Tôi thấy khoẻ mắt mình cay và chùng như nhạt nhòa...

::: Nguyễn Thị Thanh Hằng :::

Nỗi Bất Hạnh Đời Tôi

Thùy Nhiên

Đôi lời vào truyện:

Tôi tên Nguyễn Bá Quang, là một sĩ quan QLVNCH cấp bậc Đại Úy thuộc đơn vị 101 P2/Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Ở tù CSVN tại trại tù Tiên Lãnh, Quảng Nam, Đà Nẵng suốt hơn 12 năm. Qua Mỹ với diện H.O.5 năm 1991. Hiện cư ngụ tại Réda, California. Trong thời gian tôi ở tù chưa được thả, gia đình vợ con tôi vượt biển tìm tự do tại Cà Mau tỉnh Minh Hải. Trong chuyến vượt biển hải hùng ngày 22-2-1985 vợ và sáu người con trai của tôi đã bỏ xác trên biển cả vì bọn hải tặc làm đắm thuyền. Ngoài ra còn có cả nhạc phụ của tôi và các em vợ cùng các cháu đã chết một cách tức tưởi trên chuyến tàu đau thương ấy. Chỉ còn sống sót người con gái yêu thương của tôi tên Thùy Nhiên và di ruột của cháu là Phạm Thị Sa. Năm 1975 mất nước con gái tôi mới có tám tuổi, khi CS Bắc Việt chiếm miền Nam chúng dọa nạt, đẩy ải gia đình của các sĩ quan QLVNCH đi cải tạo tại các trại lao động khổ sai. Vợ con tôi phải đi kinh tế mới tại Cà Mau, Minh Hải, việc học hành khó khăn, cháu chỉ học tới lớp bảy rồi phải bỏ dở đi buôn cá tại vùng ven sông thuộc Cà Mau để kiếm tiền nuôi gia đình và các em trai còn nhỏ tiếp tục đi học, vì thế nên cháu chỉ có thể thuật lại “Nỗi bất hạnh của đời tôi” một cách trung thực. Là ba của cháu tôi cũng chỉ sửa những lỗi văm phạm, chính tả. Qua sự thúc bách của tôi, cháu mới có thể thuật lại câu chuyện thương tâm, vì mỗi lần nhớ lại những cảnh đau thương tang tóc của gia đình thì cháu đâm thần thờ, ngơ ngẩn hết mấy ngày, và lòng tôi cũng quặn đau vô vãn. Hiện cháu đã lập gia đình và sống với chồng con tại Úc.

* Viết để kính dâng linh hồn mẹ Phạm Thị Khanh, Ông ngoại Phạm Văn Đình, Cậu Phạm Văn Tiếng, các Anh: Nguyễn Bá Liêm, Nguyễn Bá Chương, Nguyễn Bá Long, cá em, Nguyễn Bá Phú, Nguyễn Bá Đạt, Nguyễn Bá Hoài, Chú Nguyễn Văn Đậu, các em con dì Nguyễn thị Minh Châu, Nguyễn thị Minh Xuân, Nguyễn Minh Toàn, và Linh mục Hồ Quang Liêm, chú Hồ Quang Lập và các anh bà con với cha Liêm mà tôi không nhớ tên.

* Viết cho Ba là Nguyễn Bá Quang, ba và con cùng NỖI BẤT HẠNH trên cuộc đời này.

Sau bao tháng ngày mẹ và các anh chuẩn bị ghe thuyền, từng can dầu, tom góp từng gói lương khô như gạo sấy, thuốc men v. V...một cách bí mật. Ông ngoại, gia đình bà di ruột, gia đình của cha Liêm, từng tốp, từng tốp len lỏi trong đêm tối lần lượt đến điểm tập trung tại bãi Đá Bạc Cà Mau thuộc tỉnh Minh Hải.

Tất cả chúng tôi yên lặng lên thuyền, gồm có 22 người đã có mặt đầy đủ. Tiếng nổ dòn của máy lướt sóng ra khơi, mọi người chúng tôi nín thở hồi hộp.

Qua mấy giờ lăm lũi chạy trong đêm, trời đã sáng, ánh nắng chan hòa, chúng tôi đã rời khỏi hải phận Việt Nam, mọi người thở ra nhẹ nhõm, vui mừng, bồi hồi xúc động vì đã thoát qua được chặng đường đầy nguy hiểm và bất trắc nhất, vì nếu chẳng may mà bị VC bắt lại, thì bị tù tội, tịch thu tài sản, tất cả đều mất sạch. Niềm vui thoát được khỏi bọn công an VC đang miên man trong đầu óc mọi người, bỗng nhìn đằng xa có chiếc tàu lớn hiện ra, tìm tôi đánh thành thạch, tàu của ai đây? Của CS hay của thế giới tự do? Càng lại gần thì càng hồi hộp, một thoáng chán nản và sợ sệt hiện rõ trên nét mặt mọi người khi nhìn rõ màu cờ máu Liên Xô, Thuyền của chúng tôi cố ý lái chệch hướng chiếc tàu lớn, cứ thế tiến thẳng, đã qua thêm một sự nguy hiểm, và cũng vì thế thuyền đã chệch hướng đi như ban đầu đã định trước của mình. Chạy thêm vài giờ nữa thì đằng trước hiện lên một chiếc thuyền đánh cá treo cờ VC (cờ đỏ sao vàng), bên hông tàu thấy hai chữ Kiên Giang, giây phút trọng đại, mọi người như nín thở, từ thuyền bên kia phát loa yêu cầu thuyền chúng tôi ngừng lại để cho họ kiểm soát.

Không thể để bị bắt, rồi phải ngồi tù, tài sản bị mất sạch, nên thuyền chúng tôi quyết định mở hết tốc lực. Một loạt đạn AK nổ dòn bắn về phía chúng tôi, tãi công lúc đó là anh Hai Liêm của tôi bị thương ở cánh tay, Mẹ bị thương ở bả vai, ông Ngoại bị thương nhẹ ở đầu. Thuyền bắt buộc phải ngừng lại. Tất cả bàng hoàng chờ đợi những gì xấu nhất sắp xảy ra. Thuyền Kiên Giang là thuyền đánh cá nhưng có cán bộ VC, công an mang theo súng, bọn chúng bước qua thuyền chúng tôi lục soát từng người một kể cả những em bé 3, 4 tuổi, tịch thu một số vàng và tiền bạc (đô la) mà mọi người mang theo, chúng lấy một máy lớn của thuyền chúng tôi và dọa sẽ đưa trở lại vào bờ giao công an địa phương “xử lý”. Ông ngoại tôi là người lớn tuổi nhất trong thuyền, ôm vết thương còn chảy máu trên đầu loang xuống mặt, cố gắng năn nỉ giải thích: “Các anh cho chúng tôi đi, nếu đưa chúng tôi trở lại bờ Việt Nam thì các anh chẳng có lợi gì cả, chúng tôi bị tù tội, tiền, vàng của các anh vừa tịch thu thì cũng phải giao nộp cho công an thôi.” Sau đó bọn họ cho chúng tôi đi, và chỉ hướng cho tàu chạy.

Còn lại một máy nhỏ, thuyền tiếp tục chạy một cách nặng nhọc, chạm chạp lướt sóng tiến về vùng biển Thái Lan. Chạy được một giờ đồng hồ nữa thấy có một chiếc thuyền giống thuyền đánh cá xuất hiện, khi chiếc thuyền này tiến lại gần không thấy treo cờ nước nào cả, nhưng dấu hiệu trên mạn thuyền được bôi lem, chạy với tốc độ nhanh rồi quay đầu chặn ngang thuyền chúng tôi. Đã trải qua nhiều hiểm nguy, lần này tôi hồi hộp và lo sợ, tất cả như nín thở, những đứa nhỏ cũng biết được những gì quan trọng sắp xảy ra nên chúng ngồi thu mình vào thành ghe im re trông thật tội nghiệp. Tất cả không một tiếng động.

Tiếng nói ở thuyền bên kia là một tiếng lạ không ai hiểu gì, lúc đó cha Liêm là người biết tiếng Anh nói xin họ giúp đỡ. Toán người kia như không nghe biết, với cử chỉ hung hăng dữ tợn, cặp vào thuyền chúng tôi la hét lục soát từng

người một. Một lần nữa vợ vết sạch những gì tàu Kiên Giang VC vợ vết còn sót lại. Thấy kết quả lục soát chúng chẳng được là bao, chúng đi tìm những bộ mặt một, nhất là nhìn chăm chăm vào những người đàn bà con gái. Mẹ tôi còn trẻ đẹp nhưng vừa bị thương mất máu co ro, mặt mày tái mét nên chúng bỏ qua không để ý tới. Chúng đến gần tôi và chị H, bạn gái của anh Hai, chúng liền nắm áo chúng tôi kéo qua thuyền chúng nó.

Trước cảnh dã man này mấy anh tôi không kiềm hãm được nên đã có phản ứng bình vực em mình (tôi lúc đó mới được 18 tuổi, cô kia xấp xỉ tuổi tôi hoặc lớn hơn một tuổi) Nên đã la ó phản đối. Mẹ tôi cúi lạy xin chúng tha. Ông ngoại, cha Liêm năn nỉ nài nỉ chúng chẳng nghe. Chúng đẩy chúng tôi qua thuyền chúng. Phần uất trước hành động tàn bạo này, mấy anh tôi đánh trả lại chúng. Chúng rút súng lục ra uy hiếp và chế ngự mấy anh. Lúc đó chúng lôi chúng tôi xuống nhốt dưới hầm tàu tối đen. Từ đó không hay biết chỉ nữa những việc xảy ra bên ngoài.

Sau khi bắt chúng tôi, chúng nổ máy cho tàu chạy, sau đó quay trở lại đâm vào thuyền chúng tôi làm vỡ thuyền, thuyền chìm, chuyện xảy ra tôi sẽ kể tiếp phần sau khi tôi gặp lại người di ruột tại trại SongLa.

Ngồi trong hầm tàu tối đen mà lòng tan nát, tôi chần tỉnh mình bằng lời cầu nguyện với Đức Trinh Nữ Maria, hiện ra trước mặt tôi là hình ảnh của mẹ, các anh, em tôi và ba tôi. Ba mẹ, các anh em tôi giờ đây trên biển cả mênh mông đã trôi dạt về đâu rồi? Đã được tàu của thể giới tự do vớt chưa? Ba tôi trong trại tù CS tại trại Tiên Lãnh, Quảng Nam Đà Nẵng, ba là sĩ quan QLVNCH ở tù 10 năm rồi tương lai sẽ ra sao đây. Tôi nhớ hết những người thân thương, đầu óc tôi rối bời như có trăm ngàn mũi kim nhọn đâm vào quả tim bé nhỏ của tôi tan nát. Chưa bao giờ tôi nghĩ đến hoặc tưởng tượng ra hoàn cảnh mà tôi phải gánh chịu như hôm nay. Nước mắt tràn đầy ra má mà chẳng hay biết gì, nước mắt đã làm dịu cơn khủng hoảng của tôi. Một niềm hy vọng loé lên trong đầu, chắc mẹ và các anh em của mình còn sống sẽ được tàu vớt, sẽ vượt qua nguy hiểm để đến bến bờ tự do và mình sẽ được gặp lại.

Ở trên tàu của bọn cướp được vài hôm, chúng chuyển tôi qua tàu đánh cá thứ hai, còn chị H. thì ở lại trên tàu của chúng nói tiếng Thái coi nhau tôi không hiểu một tí giờ cả chỉ biết cảm nhận theo linh tính của mình, thấy tàu này chuyên lo đánh cá, chắc là họ vừa đánh cá vừa làm hải tặc ăn cướp chẳng? Một tuần sau chúng lại chuyển tôi qua tàu khác, cứ thế lênh đênh trên biển cả qua ngày thứ 51, ngày này chúng chuyển qua một tàu khác nữa, người trên tàu có vẻ hung tợn dữ dằn hơn những chiếc tàu trước đây.

Vào khoảng nửa đêm một tên đàn ông vào kéo tôi dậy, nhìn cặp mắt nó, thấy dễ sợ như muốn ăn tươi nuốt sống tôi. Người tôi run bần bật, miệng thầm đọc kinh xin ơn trên phù hộ cứu giúp. Chúng nó sờ mó và bắt cởi hết quần áo, chúng nói gì với nhau tôi không hiểu, chỉ biết kẹp hai chân cứng lại, hai tay ôm chặt lấy ngực, và nhìn vào vết sẹo nổi đỏ trên cánh tay tôi. Lúc nhỏ khoảng hai tuổi bị tai nạn phỏng dầu làm đường đến 50% khi chữa lành vẫn còn vết sẹo luôn ứng đỏ. Không biết ai xúi khiến cho tôi cứ nhìn vào vết sẹo ấy và kêu la thảm thiết. Bọn chúng nói với nhau những điều gì, tôi cảm nhận như chúng e ngại về vết sẹo của tôi là bị bệnh phong cùi gì chẳng? Sau khi bàn bạc chúng đã xô tôi xuống biển không cho một vật gì có thể trôi nổi trên mặt biển.

Nước lạnh làm tỉnh hẳn người, tôi đã thoát qua những bàn tay con quỷ dữ, cố gắng vờ hai chân để người mình nổi lên trên mặt nước (ở Cà Mau tôi sống bên sông nên bơi lội cũng khá giỏi. Trên biển giữa đêm đen, có gì ghe rợn bâng. Tôi cố sức mình chống chọi với bao ý nghĩ bi thương, bản năng sinh tồn lại đến với tôi mãnh liệt, tôi kêu xin mẹ Maria bốn mạng hãy cứu giúp tôi. Một lần nữa hình ảnh của mẹ, anh, em và Ba tôi ở trại cải tạo lại hiện ra như khuyến khích tôi hãy ra sức cố gắng chống chọi với tử thần để ráng sống may đâu có người cứu vớt. Vì thế mà đã qua được năm tiếng đồng hồ dưới biển lạnh.

Trời đã hùng đông, một tia hy vọng đến với tôi, nhưng người càng ngày càng bị lạnh cóng, sắp sửa không chịu đựng nổi nữa rồi, thì may thay, nghe có tiếng động cơ của thuyền chạy đến. Tôi cố gượng tay lên nhưng thân hoàn toàn cóng cứng, tất may trên thuyền nhìn thấy, dùng thuyền lại và vớt tôi lên. Nguyên xin đây là một chiếc thuyền làm ăn lương thiện để tôi còn được sống an bình. Thật quả như lòng mong ước, tôi được những người này săn sóc tận tình, cho quần áo để mặc, cho ăn uống đàng hoàng và dùng máy vô tuyến gọi police (cảnh sát) Thái cho tàu ra đón tôi vào bờ và đưa đến trại Song La và đến trại Sikiw.

Hằng ngày ở trại, cô đơn lạc lõng, thân gái dặm trường, hằng đêm nguyện cầu cho lòng vui đi ít niềm đau. Mong chờ mẹ, anh em sẽ đến với mình, nhưng càng ngày càng thấy bất tâm vô âm tín, lòng buồn rười rượi. Mỗi khi có người mới nhập trại tôi thường đến để cầu mong gặp người thân. Hôm nay bất thần tôi thấy dì Sa em mẹ thất thểu bước vào trại, dì cháu gặp lại nhau, nước mắt tuôn trào như mưa, và Dì đã kể lại những gì xảy ra kể tiếp khi tôi bị hải tặc bắt qua tàu của chúng.

"Sau khi bọn hải tặc bắt con và H qua tàu của chúng. Vì không chịu nổi những uất ức các anh con đã phản ứng mãnh liệt đánh lại chúng nó. Nhưng chúng có súng, nên các anh con đánh thúc thủ. Chúng lồng lộn lên lục soát nát bét trên tàu, bắt mọi người cởi bỏ hết quần áo chỉ cho mặc một quần lót mỏng, lấy hết những gì còn lại trên tàu, rồi rú máy cho tàu chạy.

Mọi người chur kịp hoàn hồn thì thấy tàu hải tặc quay đầu trở lại, và chạy rất nhanh đâm thẳng vào hông thuyền của mình đánh rầm, thuyền vỡ làm đôi, một số người văng xuống biển. Đồ vật nặng chìm xuống nước, những vật nhẹ nổi lênh bênh. Trong lúc hỗn loạn, mỗi người đều bơi lội, vớ lấy can đựng dầu, đựng nước làm phao. Các anh con, Chương, Long bơi vớt những tấm ván để kết làm bè, kèm lên phần thuyền còn lại nổi trên mặt nước. Phần bè và thuyền nổi cho mẹ, dì, con của dì và Đạt, Hoài, hai em con. Ông ngoại và anh Liêm đã ra đi trong lúc thuyền bị đánh chìm vì cả hai đều bị thương.

Trời bắt đầu sập tối, nỗi kinh hoàng xâm chiếm lòng người. Màn đêm đem đến sự sợ hãi cho mọi người trong cảnh thập tử nhất sinh, lạnh đói và khát, nhưng vẫn cố gắng bu lấy bên nhau, cùng nhau sống chết. Thấy các em con vì đói khát và lạnh, quá tội nghiệp nên Chương liều bơi, lặn xuống lòng thuyền may ra tìm được nước uống hoặc thức ăn. Nhưng đã lâu không thấy Chương trở lại, mẹ và Di kêu gào thật lâu chẳng có tiếng trả lời. Hễ người nào chịu không nổi buông tay ra là đi vĩnh viễn. Thấy những người thân lần lượt ra đi, lòng mẹ và Di tan nát nhưng biết làm sao đây hồi trời, chỉ biết đọc kinh cầu nguyện Chúa, Mẹ cứu giúp, hộ phù. Phía bên kia có Linh mục Hồ Quang Liêm và người em Hồ Quang lập cùng mấy người bà con của cha trong đêm đó cũng ra đi.

Ngày thứ hai kể từ ngày đắm thuyền chỉ còn có Di, mẹ và mấy đứa nhỏ vì được ngồi trên bè, nên chống được sự lạnh cóng. Mẹ con bị thương máu ra nhiều, không ăn, không uống nên người mệt lả đi, hơi thở yếu dần, Di gọi mẹ không trả lời nổi, mẹ tức tưởi ra đi. Đạt, Hoài hai em của con ôm mẹ khóc thảm thiết, Di đứt cả ruột gan. Các cháu cứ muốn giữ mẹ lại bên cạnh không xa rời, Di khuyên nhiều lần các cháu mới chịu để mẹ con xuống lòng đại dương. Còn lại con Châu, con Xuân của Di mềm người vì đói khát lặng lẽ ra đi. Di như người mất hồn, không còn biết gì nữa, đặt con mình xuống nước cho dòng nước trôi xuôi, đau đớn vô cùng.

Ngày thứ ba chỉ còn lại Di, Em Đạt của con, mệt quá gục trên tấm ván, bỗng nó ngồi nhồm dậy nói: “Để con lấy nước cho di, con thấy có dòng suối trong xanh, nước ngọt lắm di ơi” nó định bước xuống nước để đi Di cầm tay nó kéo lại: “Con ơi không có đâu, đó chỉ là ảo ảnh mà thôi, con ngồi xuống đây đọc kinh với di xin ngài ban phước”. Sau khi kinh nguyện, yên tĩnh được một lúc, nó lại kêu lên khát nước quá di ơi con chịu hết nổi rồi. Di nói trong vô thức hay con uống đại một hớp nước biển xem có chống chọi được không? Sau khi uống một miếng nước vào bụng, tức thì cháu ôm bụng rên la khủng khiếp, nước bọt trào ra nơi, nước bọt giống như bọt xà phòng trào ra, trào ra, cháu lịm người dần và nằm bất động, người cuối cùng ở bên cạnh di cũng ra đi.

Còn lại một mình đang nằm chờ chết dưới ánh nắng như thiêu như đốt bỗng thấy có đám mây đen kéo đến trời đột nhiên dịu xuống, một vài giọt mưa rơi trên mặt di, di liếm từng giọt nước, nhưng người di đã kiệt sức không còn hay biết gì nữa cả. Khi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên thuyền đánh cá của người Thái Land. Theo tàu họ trên biển, 15 ngày sau thì được đưa vào trại Batani, qua trại SongLa và đi gặp con tại đây.

Ôi ! Những biến cố đó trong đời tôi làm tôi điên dại, sống dưới ánh nắng mặt trời mà như trong hang âm u. Tôi đã mất mẹ, mất anh, mất em, mất ông ngoại, cậu, cháu và những người thân yêu 18 người đã chết tức tưởi, bỏ mình trên biển cả đó là tất cả NỖI BẤT HẠNH CỦA ĐỜI TÔI.

Mẹ ơi ! Sao mẹ nhớ xa lìa con, xa lìa ba, ba đã chịu bao nhiêu điều cay đắng tủi nhục trong ngục tù Cộng Sản. Các anh ơi ! Các em ơi ! Tất cả đã xa lìa tôi, vĩnh viễn li biệt tôi một cách tức tưởi: Khổ đau tột đỉnh, hận thành non cao, “Biển xa sóng lớn dạt dào, nhớ anh, em, mẹ có ngày nào nguôi”

Australia 12-2002

::: Thùy Nhiên :::

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bỏ Nước Ra Đi

Diễm Kiều

Bỏ nước ra đi lòng buồn làm chết cả hồn tôi. Xa mái ấm gia đình. Xa giếng nòi, tiếng cười bạn bè thân thiết. Những hình ảnh gần gũi nhất trong những ngày qua. Quê hương ơi ! Việt Nam nước tôi, tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm êm đềm từ thuở thơ ấu, cũng như lúc trưởng Thành . Người Việt nam chúng ta vốn đã sẵn giàu tình cảm, lia xa quê hương có mấy ai không đau buồn, nhớ thương, mong đợi và hy vọng có ngày trở về cố hương. Làm sao tôi quên được cuộc hành trình vượt biển đông năm xưa. Thăm thoat1 đã hơn 20 năm, mà tôi cứ tưởng chừng vừa xảy ra hôm qua...

Ngồi trên chiếc xích lô máy, nhìn qua những xóm nhỏ và con đường quen thuộc, tôi thấy những trụ đèn như chạy theo sau. Hành trang của ba mẹ con tôi chỉ vồn vện có một túi vải nhỏ gồm có thuốc ngừa thai, một ít thuốc cảm, một hũ đường, chanh khô, hai hộp sữa bò và bảy trăm đồng tiền mới. Đêm đó chúng tôi đến ngã tư Bảy Hiền để ngủ qua đêm với gia đình ông sáu. Rồi gặp thêm ba gia đình nhựa ở Long Xuyên trong một căn biệt thự sang trọng. Trời vừa rạng đông, mọi thứ tự kể trước người sau, gặp nhau trên chuyến xe Rạch Giá. Những ánh mắt nhìn nhau như kẻ xa lạ. Mọi chặng đường công an xét rất gắt gao. Dừng tại Rạch Giá, tôi giữ khoảng cách xa ông Sáu đủ để nghe và thấy. Một cô gái mặc chiếc áo bà ba trắng, quần đen vừa bước xuống xe lôi, đến hỏi ông. Gia đình ông Sáu lên xe, tôi cũng theo ngồi ghế phía sau. Mặt trời vừa rựng ở chân mây. Nhìn những con chim bay mà tưởng chừng chúng bay về Sài Gòn.

Xe ngừng lại, cô gái bước xuống xe trả tiền. Cô đưa chúng tôi qua những cánh đồng ruộng, rạ khô vàng cháy, như sắp bốc lửa dưới ánh nắng thẳng tưng. Vào một căn nhà lá vách đất. Cô gái gọi hai ông bà độ tuổi tứ tuần bằng ba má. Người đàn bà đưa chúng tôi vào căn buồng chật hẹp chỉ đủ ngồi chen chúc, che bên ngoài bằng tấm màn vải. Tôi nghe nhột nhột trong bụng như kiến bò . Mâm cơm tôi được đưa vào, mấy bát cơm gạo đỏ và đĩa khô sặc sượng. Lúc đang ăn, tai tôi nghe rõ từng tiếng nói của mấy người hàng xóm tới chơi. Tôi run. Tim đập mạnh, sợ người ta khám phá mình. Càng lo sợ, tôi càng muốn “pi pi” Tiếng chó sủa đêm xen lẫn tiếng chó tru, tạo thành một âm thanh nghe ớn lạnh tóc gáy. Tôi cố gắng bò ra sau hè, tè cho nhẹ cái bụng. Những hạt sương rơi lạnh lạnh làm tôi nổi da gà.

Gà gáy hiệp nhất, chúng tôi bắt đầu đi xuống ghe. Dẫn đường là ông gánh dầu . Tôi phải băng qua ven rạch, bò qua lộ, lội qua ruộng. Chân tôi sụp xuống lỗ chân trâu đầy bùn nước. Kinh tâm, táng đờm, làm tim tôi muốn ngừng đập. Như có phép lạ nào giúp đỡ hai con tôi. Chúng chạy nhanh hơn mẹ, để bắt kịp những người đi trước .

Dân quê đêm đêm thường đi cắm câu, đặt bẫy. Mỗi lần nhìn thấy ánh đèn dầu thấp thoáng xa xa là tôi chui nhanh vào bụi rậm. Bất kể kiến bu nhột hay rắn hổ mang cắn đưa tôi về châu Diễm Vương . Có lúc phải ráng căn răng chịu đau vì gặp gai nhọn đâm xuyên qua da thịt. Cũng có lần chui nằm vào đồng rom khô, thò đầu ra, nhìn trên trời có muôn ngàn vì sao và thấy rõ chị Hằng.

Có một đứa bé sáu tháng cứ khóc hoài. Mỗi lần khóc là có người phát hiện. Chủ ghe phải lo lót vàng để được yên. Tôi nghiệp biết mấy ! Đứa bé nhiều lần tưởng đã chết ngộp vì cha mẹ nó dùng khăn để bịt chặt miệng nó không cho phát ra tiếng khóc. Trọn một ngày chúng tôi phải nằm dưới ruộng sâu. Không sao chịu nổi cái nắng quái ác, thấy rất đau trên mặt. Tôi chịu đói, chịu khát, chịu đau đớn, nhức nhối với mấy ổ kiến vàng. Chúng tôi không dám ở trên bờ nữa, lội ven rạch, chạy dài những hàng dừa nước xanh để lẩn trốn, thỉnh thoảng hàng dừa bị gió lay làm tôi muốn nín thở. Trời chưa tối nhưng bóng cây hai bên bờ đổ ập xuống dòng sông, nên có vẻ như tối. Bỗng một chim li ti đen, như bị động xao xác bay qua đầu tôi.

Xa xa những chiếc thúng đen đang nổi lênh bênh trên mặt nước. Sông Hậu Giang như một giòng nước chết. Ngồi trên thúng chèo ra đến ghe. Mọi người lên được trên ghe, gian nan cũng lắm mà đoạn trường cũng nhiều. Chiếc ghe một máy bị trở quá nhiều nên chạy ì ạch. Bình minh không nắng ở xứ nhiệt đới cho tôi cảm giác buồn vu vơ chợt Len lén vào hồn của kẻ ra đi nhưng đang đầy theo sóng . Bỗng nghe tiếng súng đùng đùng đầu đây...Gặp tàu đánh cá quốc doanh bắt lại, khám xét tứ tung. Tịch thu hải bản và ống nhòm. Rồi họ bỏ ra một cái thùng nhựa, bảo chúng tôi tự nguyện ai còn gì giấu cất nên bỏ hết vào thì được tha cho đi.

Sau đó mưa bão đánh dồn dập hai thân ghe. Có những nhát như chém vào khoảng không, làm cho ghe lắc lư, trời lên ngợp xuống như nhảy sóng. Thuyền nhân như hạt bụi trong cuồng phong. Tiếng nguyện cầu, kinh Chúa cũng như kinh Phật liên tục vang lên từ đó.

Mới có hai ngày đường mà lương thực khô gần hết. Nước uống chỉ đủ nhỏ giọt từng muỗng cà phê. Đến được hải phận quốc tế, thấy tàu qua lại chúng tôi dùng áo trắng hay đốt đuốc sáng lên làm hiệu. Cùng la to S.O.S, nhưng họ đành lòng ngoảnh mặt làm ngơ bỏ chạy luôn ! Trên nét mặt những thuyền nhân đầy vẻ ưu tư lẫn nét buồn vẩn vơ theo chiếc ghe định mệnh qua sóng nọ biển kia, tưởng chừng như vô tận.

Tổng cộng tám lần ghe bị hải tặc tấn công. Mỗi lần gặp là mỗi lần phải leo trèo qua tàu chúng để bị khám xét. Mấy ai còn lành lặn, bầm chân, trầy da, rướm máu...là chuyện không đáng kể. Chân một cậu bị ép chặt giữa hai vành tàu, gãy xương, phải xé vạt áo lại băng bó lại vết thương, vẫn không được tha. Dễ mấy ai mà không sống đi chết lại

với những bộ mặt ác quỷ, người cầm búa, kẻ cầm súng, tên cầm dao to tiếng vào chiếc ghe nhỏ bé mong manh của đoàn người đói khát đi tìm tự do.

Có lần gặp tên hải tặc xé toạc áo của hai chị em gái tuổi khoảng 18, đôi mươi. Hai tay của mỗi tên xục xạo thân thể các cô một cách thô bỉ, chúng cười nhe răng trông già man, ghê tởm làm sao. Rồi kéo lôi xềnh xệnh hai chị em với những dòng nước mắt là chả. Đàn bà, con gái trên ghe đều chấp tay cúi lạy. Mạng sống con người chỉ còn biết buông trôi theo dòng . Ra đi âm thầm. Mà chết cũng lặng lẽ. Đã có hàng trăm ngàn người Việt Nam chấp nhận cái chết, vùi chôn vục sâu. Biển Đông là nghĩa địa, nơi an nghỉ cuối cùng của thuyền nhân kém may mắn.

Có một lần hải tặc xách bông con trai tôi lên, chân cháu chồi lia lịa mà khóc không ra tiếng, hấn định quăng cháu xuống biển. Tôi chạy tới ôm chầm lấy hấn khóc rống lên, la thật to: “ Con tôi! Con tôi !” Hấn quăng trở lại sàn nghe cái bịch. Tôi ôm chầm lấy con mà khóc như chưa bao giờ được khóc. Dù bị hành hạ nhưng nếu ở lại Việt Nam, con sẽ trách mẹ suốt đời. Nghĩ vậy tôi tự tìm lấy sự yên ổn trong tâm hồn.

Lần cướp biển thứ tám, không còn gì nữa để chúng vơ vét. Chúng bèn đục gỡ máy tàu. Mạng sống con người như chỉ là mảnh treo chuông . Chiếc ghe chỉ còn trôi dạt theo chiều gió biển đầy dứa. Bỗng tôi nghe có tiếng con gọi: "Mẹ ơi ! Có ông già râu dài kéo chiếc ghe đi". Tiếp theo là một tiếng “rầm!”. Chiếc ghe trông trắng suýt lật ngang. Mọi người nhón nháo. Nhìn thấy trước mũi ghe là một hòn đảo nhỏ. Mọi người diu nhau lên tảng đá lớn. Suốt đêm ai nấy đều run lập cập, nhìn lại chiếc ghe từ từ chìm xuống, như biết mình đã làm tròn phận sự.

Bình minh vừa ló dạng, có người khám phá bên trên là đất liền. Chúng tôi may mắn gặp được đôi vợ chồng trẻ người Thái Lan đang hưởng tuần trăng mật. Họ nấu cho một nồi cháo lớn với một chai nước mắm hiệu con mực. Nhờ chút cháo, hai con tôi từ từ tỉnh lại. Cậu người Thái đưa chúng tôi đến chính quyền địa phương làm nhiều chuyện bằng chiếc ca nô. Chính quyền địa phương lấy những chiếc xe dùng chở heo đưa chúng tôi đến trại tị nạn Cong –Sa Mui. Chung quanh trại này được rào bằng dây kẽm gai. Cảnh sát Thái rất ác độc, đánh đập thuyền nhân đến u đầu, chảy máu... mỗi khi khám xét, bắt bé là làm vệ sinh trại không sạch. Chúng tôi ăn cơm gạo sâu mọt, hôi mốc với khô mực. Mỗi khi tắm giặt chờ mọi người đi ngủ hết mới dám thoát y . Trại này có rất nhiều muỗi. Đêm ngủ mà để tay chân lộ ra vành móng, muỗi đeo đến cắn cổ tay như đeo râu chuối đen.

Rồi một ngày xe bus chuyển thuyền nhân đến trại tị nạn Songkla. Đến nơi nhưng chưa được vào ngay. Chúng tôi phải ngủ qua đêm trên sạp gỗ chợ Thái ngay bờ biển. Nhìn biển gần, tôi nhớ biển xa. Chiều tàn trên bờ biển lơ trôi. Chim bay về chân núi xa với mà cứ tưởng bay về quê hương tôi . Nghe những làn sóng vỗ vào bờ rì rào âm vang như điệu nhạc buồn ! “ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !” . Sau khi làm xong tất cả mọi thủ tục giấy tờ, chúng tôi được gọi lên nhập trại.

Tôi tình nguyện làm trong nhà bếp của “Children Center” do cha Joe đảm trách. Trung tâm này gồm có một trăm bốn mươi ba trẻ em. Đa số là mồ côi, cha mẹ chết trên đường vượt biển. Tôi nấu cơm bằng bếp than cho từng ấy cháu ăn, món ăn thay đổi mỗi ngày. Rồi rửa chén, dọn dẹp linh tinh. Làm vệ sinh sạch sẽ trong nhà bếp. Tình yêu trẻ trong hoàn cảnh đau thương này giúp tôi làm việc không biết mệt mỏi mà vui.

Sau bốn tháng được chuyển trại đi Bangkok để khám sức khỏe. Tôi không phải là người sanh ở đảo, cuộc đời lại trôi nổi từ đảo này sang đảo khác. Songkla, Panat Nikhom, Ga Lang II (Indonesia)...Những dây ba-rắc cắt đứt tự bên nhau, phần trên để ngủ, phía dưới làm nhà bếp, bàn ăn, họp bàn chuyện trò cho đỡ nhớ nhà. Ngoài giờ học tiếng Anh tôi tình nguyện làm ở bệnh xá, giúp đỡ bệnh nhân. Cuối tuần thưởng rủ nhau hai ba gia đình đi cắm trại ven bờ biển. Tuy không có món ngon vật lạ, tôi cũng biết chế biến những đồ hộp được lãnh thành món ăn họp khẩu. Đó là niềm hạnh phúc của tôi.

Tình đồng hương biết yêu thương lẫn nhau, chia xẻ từng bó rau muống chính tay cuốc đất trồng. Trồng trọt tưới nước. Biểu nhau những con cá tươi bé nhỏ vừa mới bắt được. Tổ chức tiệc nhỏ để tiễn đưa những ai có tên định cư ở các nước tự do. Tại sân tàu để chuyển người sang phi trường Singapore, tiễn người đi chưa bao giờ buồn thế, kẻ ở người đi lưu luyến, vui buồn lẫn lộn.

Mỗi kỷ niệm là một bức ảnh, làm thành một quyển “Album”, lưu lại tất cả sinh hoạt của tôi trên khắp nẻo đường tị nạn. Mà ngày nay bạn Việt cũng như bạn Mỹ được xem qua, ai cũng đều nói giống như người “tourist”, không giống dân tị nạn tí nào.

Vận nước tôi rủi mất tự do, những cũng may cho nước tôi trong thế kỷ thứ hai mươi mốt này có thêm biết bao nhân tài làm vẻ vang dân tộc. Nhờ trời thương ba đứa con tôi cũng đã tốt nghiệp, với một mảnh bằng MD, PhD, và hai cháu đã có bằng MD, đều tốt nghiệp Đại Học Harvard.

Tôi tin tưởng hầu hết nhân tài sẽ trở về cố hương, góp phần xây dựng lại một nước Việt Nam tự do, dân chủ, và phú cường.

::: Diễm Kiều :::

Một Chuyến Đi

Văn Thơ

Chuyến đi của tôi là chuyến cuối cùng tại cửa biển Qui Nhơn. Rất nhiều người ra đi trước đây tại bờ biển khu một hay khu hai này đều trót lọt. Có lẽ tại vì nhờ có Ông phù trợ, vì ở tại khu hai có một lăng Ông (cá voi), dân đánh cá ở đây đã lập lên lăng này đã lâu, thờ cúng rất sùng bái và thường xuyên nên được ông phù hộ. Người ta nói thế, tôi cũng tin tưởng cho nên tôi đã được tới bên bờ.

Chiếc ghe chở chúng tôi ra đi trong một đêm tối trời, đã khuya, không có ai chú ý gì cả. Đi ra khỏi vùng kiểm soát của cửa biển Qui Nhơn cũng rất êm thấm. Có lẽ công an biên phòng không ngờ ngày giờ ấy lại còn có kẻ tìm đường ra đi. Ngày 14-3-1989 Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đã quyết định đóng cửa các trại tị nạn rồi, mà năm 1990 chúng tôi còn dám ra đi thì kể cũng gan thật. Đúng là điếc không sợ súng. Mặc kệ ai suy nghĩ sao cũng được, riêng tôi nghĩ mình chẳng có gan góc gì đâu, chẳng qua tại vì hôm đó có chút hơn men gấp dịp cũng quá giang đại thời, chứ trước đó tôi và người bạn cũng đều xác định không thể đi được. Chiếc ghe có tí xíu. Ra khơi giống như chiếc lá giữa dòng.

Trời yên mát, thuyền cứ lướt sóng băng băng, nhắm hướng đông thẳng tiến. Ba anh em tài công là con của dân đánh cá chuyên nghiệp nên rất thành thạo. Tối đó vì hơi men còn nhiều nên tôi ngủ không còn biết trời trăng gì cả. Đến sáng mặt trời lên rõ, mọi người xôn xao tôi mới thức dậy. Cảm giác đầu tiên của tôi là thầy biển rộng bao la quá! Nhìn quanh chỉ toàn thấy một màu xanh biếc, xa xa là muôn ngàn đợt sóng nhấp nhô, đường chân trời thì mù tít xa.

Suốt ngày dài quanh tôi lúc nào cũng là trời mây nước. Đến chiều, mặt trời lặn sau chân trời xa, màu nước loang loáng ánh vàng của mặt trời đã dịu cũng như phản chiếu từ những đám mây cao tạo cho trời mây nước thành một cảnh sắc rất đẹp. Xa nhà mới chưa được một ngày nên tôi chưa thấy gì buồn nhớ, tâm hồn vẫn còn thương Thức bóng hoàng hôn chung quanh thật tuyệt diệu. Bỗng trước mặt tôi xuất hiện từng đàn cá chuồn từ biển vọt lên bay là là trên mặt nước một khoảng dài. Từng đám hàng trăm con cứ bay về một hướng nào đó một khoảng cách nhất định rồi lại rơi xuống biển, rồi đám khác lại bay là là trên mặt nước, cách xa một chút, hay chung quanh chiếc thuyền làm thành âm thanh nghe rào rào vui tai. Đến lúc trời tối mịt chúng vẫn còn bay lè tè.

Chúng tôi ăn uống đại khái rồi nằm xuống sàn để ngủ. Giấc ngủ trong đêm không nhiều mộng mị nhưng cũng không êm thấm, cứ chập chờn như những đợt sóng nhỏ xô vào mạn thuyền, cũng bay bổng lâng lâng như những đàn cá chuồn. Ngày thứ hai cũng đến bình thường, chân trời vẫn xa xăm, sóng nước êm, con tàu vẫn lướt nhanh từ sáng đến chiều tôi làm tôi hơi lo, thầm nghĩ con tàu cứ đi về một nơi vô định nào đó. Ban ngày chúng tôi gặp nhiều tàu lớn đi qua, có lẽ là tàu buôn của các nước. Chúng tôi đã nhiều lần vẫy tay, phất cờ trắng làm hiệu, nhưng chẳng có chiếc tàu nào chịu ngừng cả. Tất cả vẫn hững hờ lướt qua, như hàng trăm ngàn lần trước đây đối với những người ra đi trước kia. Tôi nghĩ tất cả đã lạnh lùng hờ hững để biểu hiện sự mệt mỏi, chán ngán vì quá nhiều cơn mang đến những người khốn khổ này rồi.

Chiều lại xuống, từng đàn cá chuồn vẫn bay, hoàng hôn trên sóng nước vẫn đẹp, nhưng tôi không còn thương thức nổi như chiều hôm qua. Rồi những cơn gió Nam thổi đến, ban đầu còn dịu mát nhưng đến nửa đêm về sáng thì thành gió lớn, người ta gọi là “gió nam cò”. Gió thổi mạnh bên hông thuyền nhỏ thấp của chúng tôi. Sóng lớn quá tạt nước lên chỗ tôi nằm ướt lạnh vì tôi mặc chiếc áo mỏng, tôi lấy tấm vải bạt che đỡ và không thể nào ngủ được. Cầm cự cho đến trời sáng, tôi thầm nghĩ đây mới chỉ là Gió Nam Cò mà đã như thế này, rồi mưa bão ập đến thì sao. Nhưng rất may cho chúng tôi là không có mưa bão xảy ra trong tháng này. Trời dần dần sáng rõ, tôi ngồi dậy, nói với tài công nên cho máy ngừng để nghỉ vì sợ máy nóng, và một phần nữa gió nhiều thuyền chạy không được nhanh. Tài công tắt máy, chiếc thuyền trôi trên sóng nước.

Bỗng tôi thấy từ hướng đông đằng xa một chiếc tàu lớn chạy đến. Tôi đánh thức mọi người dậy, đàn bà trẻ em nằm la liệt trên sàn ghe, các thanh niên vẫy tay và phất sào ngắn có cột áo trắng. Nhưng chiếc tàu như không trông thấy, vẫn cứ chạy qua luôn. Chúng tôi chán nản đành ngồi xuống sàn để nghỉ và nhìn theo chiếc tàu.

Đột ngột chiếc tàu chuyển về hướng Nam của một vòng rộng xa tít. Một lúc sau nó trở lại từ hướng đông đằng xa, nơi mà chúng tôi thấy nó xuất hiện lúc ban đầu. Sau này nói chuyện với viên hoa tiêu, tôi được biết lúc ấy thuyền chúng tôi, anh ta đánh thức thuyền trưởng dậy để xin lệnh, và viên thuyền trưởng đã ra lệnh cho chiếc tàu quay lại. Chiếc tàu từ từ đến, to dần, lúc còn cách chúng tôi khoảng 50 mét thì ngừng hẳn lại. Mọi người trên tàu đó đều ra bao lon đứng nhìn về chúng tôi rất lâu mà không nói gì, cũng không tỏ dấu hiệu gì là sẽ cứu giúp cả. Tôi nghĩ chắc là họ chờ đợi mình phải nói lời cầu cứu thì họ mới giúp, chứ mình cứ yên lặng họ không biết mình đi đâu, làm gì, muốn gì...Nghĩ như thế tôi bèn ôn lại thật nhanh vốn liếng chữ nghĩa của mình đã quá lâu không dùng tới. Tôi bèn la to một câu ngắn gọn vì không biết nói gì hơn để nói: “Help me please!”

Tôi lập đi lập lại câu này đến lần thứ ba thì thấy họ quăng dây xuống. Mấy anh em tài công lập tức bơi đến lấy hai đầu sợi dây về thuyền cột thật chặt vào hai đầu và đuôi thuyền xong thì họ kéo chiếc thuyền của chúng tôi đến sát

bên hông tàu lớn. Rồi từ trên tàu ấy, một người thò đầu xuống nói vài câu, tôi hiểu đại khái họ hỏi lên tàu một người biết nói tiếng Anh mà thôi, và họ thông thang dây xuống.

Mọi người phải tôi lên tàu, tôi ái ngại một phần vì tiếng Anh ít ỏi và một phần vì leo lên thang dây một khoảng cách cao quá, ước chừng leo lên một nhà lầu năm tầng vì tàu quá lớn. Sau này tôi được biết chiều dài chiếc tàu là hơn 280 m và chiều ngang là 80 m. Nhưng vì sinh mạng những người đồng hành nên tôi leo lên, tôi phải nghỉ vài ba lần vì hơi mệt. Lúc tôi bước xuống sàn tàu lớn vừa vững thì đích thân viên thuyền trưởng đến hỏi tôi ngay: “What are you looking for?” (Anh muốn đi đâu?). Tôi trả lời ngắn gọn: “We are looking for the freedom” (Chúng tôi đi tìm tự do).

Sau khi vài người bàn bạc với nhau, thuyền trưởng ra lệnh cho hạ những cầu thang lớn bậc tam cấp xuống, các thủy thủ xuống dìu từng người bước lên tàu. Thuyền trưởng bảo tôi nói với tất cả mọi người đứng quay mặt vô bao lon tàu để họ lục soát xem có vũ khí gì không...

Tôi thực sự vui mừng không thể nói hết trong giây phút ấy. Sau đó chúng tôi được tắm rửa, ăn uống...Tôi đến những anh thủy thủ người Phi rất dễ thương đem đến phòng chúng tôi nào là bia, rượu, bánh ngọt, nước ngọt, thuốc lá, nào là đàn guitar. Họ và những người trẻ tuổi trong bọn chúng tôi ăn uống la hét đàn ca đến nửa đêm mới dứt, vì theo họ đây là dịp hi hữu để ăn mừng cùng với chúng tôi – những người đi tìm tự do – ít khi nào có được.

Tiếp theo là những ngày lo lắng ít nhất cũng cho riêng tôi, những người khác thì hình như rất vô tư không lo nghĩ gì mấy, muốn ra sao thì ra. Ngày nào thuyền trưởng cũng gặp tôi vài lần, nói chuyện sơ sơ. Chiếc tàu cứ chạy, khi đi qua những nước Đông Nam Á từ Philippine, Mã Lai Á, rồi đến Singappore, Nam Dương. Thuyền trưởng đều gọi điện thoại xin cho tàu ghé lại để bỏ bọn của nợ này xuống, nhưng không một nơi nào chịu nhận.

Ngày nào thuyền trưởng cũng nói với tôi “No News!”. Ông cũng liên lạc được với Cao Ủy Tị Nạn gần Vịnh Ấn Độ cũng không giải quyết gì được. Rồi tàu lại cứ ra đi, theo lộ trình sẽ đi vòng Đại Tây Dương, ghé vài ba nước ở Châu Âu rồi đến Hoa Kỳ. Nhưng thuyền trưởng có nói với tôi rằng không chắc gì các nước ghé qua sẽ nhận, nhất là khi đến Hoa Kỳ sẽ bị trục xuất về Việt Nam vì nhập cảnh bất hợp pháp. Mọi thủ tục đều phải qua Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc giải quyết. Chúng tôi đã lên tàu lớn thời gian được mười ngày và thật là thất vọng, không biết số phận sẽ đi về đâu...

Có một lần thuyền trưởng và các sĩ quan nói chuyện với nhau, tôi tình cờ đứng gần đó nghe lôm bôm. Không biết buồn phiền gì mà vị thuyền trưởng khà kính ấy lại dùng chữ “Okies” để ám chỉ chúng tôi. Trước kia tôi có dịp đọc bộ truyện “Chùm Nho Phấn Nộ” (The Grapes of Wrath) Của Jonh Steinbeck nên biết được chữ “Okies” để chỉ những người bỏ xứ ra đi, những người tha phương cầu thực, đi đâu cũng bị coi khinh và bạc đãi. Thế là đêm đó tôi nằm gác tay lên trán suy nghĩ vẩn vơ, không biết chúng tôi sau này có giống như hình ảnh những người Okies kia không...Hình ảnh của những người ra đi vì miếng ăn mấy thập niên về trước. Tôi cho rằng chúng tôi khác với họ. Hành trình của chúng tôi gian khổ hơn họ rất nhiều. Bao nhiêu là người đã chết trên rừng sâu hay dưới biển đông, bao nhiêu là người đã bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp, giết chết. Chúng tôi vẫn cứ lao vào chỗ chết, có lẽ vì một nhu cầu bức thiết hơn là vì miếng cơm manh áo nhiều lắm.

Một buổi sáng đẹp trời, thuyền trưởng và một phụ tá đến gặp tôi đem theo một tấm bản đồ. Ông ta nói rằng có tin vui cho chúng tôi. Nhân viên truyền tin của tàu có liên lạc được với hội Hồng Thập Tự của Pháp, chi nhánh đặt tại đảo Réunion, họ đã chấp nhận chúng tôi vì họ có ngân khoản, vừa nói, viên thuyền trưởng vừa chỉ vào một điểm nhỏ trên bản đồ. Tôi thấy hòn đảo nhỏ nằm gần Mã Đảo (Madagascar), tôi vẫn còn mơ hồ lắm về vị trí này, nhưng chúng tôi thật sự vui mừng vì ít nhất có một bến bờ nào đó để cho chúng tôi dừng chân rồi sau đó hẵng hay. Chúng tôi cảm ơn thuyền trưởng và vị phụ tá.

Thế là con tàu chuyển hướng, trực chỉ đảo Réunion, trong tâm trí tôi bỗng hiện ra những bài học sử ký hồi còn tiểu học và trung học. Tôi nhớ ra rằng chính tại đảo này, thực dân Pháp đã đầy an trí hai vị Hoàng Đế của ta là Vua Thành Thái và Duy Tân cho đến cuối đời. Khi tôi nói cho mọi người biết ai cũng vui mừng vì ít nhất mình cũng có được một chút liên hệ nào đó tại nơi xứ lạ kia.

Mất bảy ngày đêm tàu mới đến ngoài khơi của đảo, vì cảng nhỏ, sóng lớn tàu không vào được, nên Hội Hồng Thập Tự đã mượn tàu nhỏ và mấy chiếc ca nô ra để đón chúng tôi vào. Nếu tôi là người lên chiếc tàu này đầu tiên thì bây giờ họ bảo tôi phải xuống sau cùng, tôi không hiểu điều đó có ý nghĩa gì, nhưng không sao, và tôi vừa bước xuống tàu nhỏ thì bị ngay một nhóm 4 kỹ giả của đảo phỏng vấn. Họ hỏi nhiều chuyện nhưng vì không chuẩn bị trước nên tôi chỉ trả lời cầm chừng.

Họ vừa nói chuyện với tôi xong thì con tàu cũng vào tới bờ, nhân viên hội Hồng Thập Tự đưa chúng tôi lên xe bus đi đến một khách sạn sang trọng nhất của đảo. Đầu tiên họ đưa chúng tôi đến hội trường của khách sạn trước, vì họ mở cuộc họp báo ở đó. Có rất nhiều người Pháp đón tiếp chúng tôi, nhưng tôi cũng thấy có khoảng vài chục người Việt Nam cũng có mặt ở đó.

Đầu tiên là vị đại diện của Việt Kiều ở đảo cảm ơn tất cả mọi người đã giúp đỡ và dành nhiều cảm tình với các đồng hương của ông, rồi ông ta chào mừng chúng tôi và nói sơ qua tình hình của đảo. Phải có người thông dịch cho chúng tôi hiểu vì ông ta mặc dù là Chủ tịch Hội Việt Kiều ở đó, nhưng là người Việt lai Ấn Độ, và không nói được tiếng Việt nhiều. Tiếp đến, Hội Hồng Thập Tự chào mừng chúng tôi và vị đại diện trao ngay cho tôi 22 chiếc vé máy bay để ngày hôm sau bay đến Paris gặp Phủ Cao Ủy Tị Nạn ở đó. Chúng tôi đã được cảnh sát làm thủ tục quá cảnh (Sauf –conduit) để vào nước Pháp.

Sau đó chúng tôi được tiếp đãi ở nhà hàng khách sạn. Trong lúc ăn uống chuyện trò với người Việt ở đó – phần nhiều các vị đã lớn tuổi, được biết họ là những thân nhân của những gia đình làm việc hoặc đi lính cho Pháp trước kia rồi sang Pháp sau hiệp định Genever 1954. Hầu hết đã thành đạt cơ nghiệp. Họ nói chuyện thân mật với chúng tôi, coi chúng tôi như con cháu, anh em, họ rơm nước mắt nghe chúng tôi kể sơ về hoàn cảnh của mỗi người và những khó khăn ở quê nhà, họ an ủi khi biết tôi ra đi có một mình. Các vị đã biểu lộ những tình cảm dạt dào nồng hậu nhất vì tôi đã đọc được những cái nhìn ưu ái trong đôi mắt của họ. Tôi cảm thấy thật nhiều an ủi pha lẫn đôi chút tủi thân.

Tôi thật sự cảm động khi biết có những người lái xe nhiều tiếng đồng hồ về đây để gặp chúng tôi. Tất cả đều bồi hồi thương cảm, vì trong đầu óc họ những người ra đi như chúng tôi mang ít nhiều hiểm nguy, nhìn thấy trên gương mặt chúng tôi những dấu ấn hải hùng của biết bao số phận không may, mà cả thế giới đã thu thập được qua truyền thông.

::: Văn Thơ :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chuyến Vượt Biển Hải Hùng

Hoàng Định

Đoàn người chúng tôi vượt biển bằng chiếc ghe với chiều dài khoảng 10 thước, ngang 2 thước, kéo bằng chiếc máy đầu tám ngựa khỏi Bãi Giá, Đại Ngãi, Hậu Giang, Sóc Trăng chở 78 con người đủ lứa tuổi, riêng trẻ em khoảng 20 cả trai lẫn gái, hầu hết thuộc về làng ven biển, mà tôi chỉ biết một số người.

Chúng tôi rời quê hương tháng 2 năm 1990, thời tiết êm dịu, mọi việc kể như trôi lợt, nhưng đồ ăn nước uống rất thiếu thốn, vì thế sau bảy ngày chịu đựng một em bé sáu tuổi khóc mãi và chết trong tư thế đang khóc, mọi người lấy ván có sẵn trong ghe làm tạm chiếc hòm với hy vọng ngày mai mang lên bờ chôn cất, tối đó có rất nhiều người nằm mơ nhiều chi tiết liên quan đến cái chết của cháu bé, riêng tôi thấy rất nhiều trẻ em kêu khóc, níu kéo ghe chìm xuống, thế là mọi người đều đồng ý cúng vái với một ít mì gói vụn và thả hòm xuống biển, mấy đêm sau đó mọi người không còn những giấc mơ kinh hoàng nữa.

Vài giờ sau chiếc ghe máy bị hỏng không ai sửa chữa được, thế là thuyền lênh đênh trên biển thêm bảy ngày đêm, đói thì ăn cả kem đánh răng, khát thì uống nước biển hoặc nước tiểu, cứ tối đến thì thỉnh thoảng đốt lửa kêu cứu bằng quần áo tẩm dầu.

Một đêm khoảng 2 giờ 30 sáng, trong lúc người ta đốt lửa làm hiệu thì nhận ra một chiếc tàu chạy đến và dừng lại trao cho chúng tôi chuối, nước, rồi tự động cột dây kéo đi. Người trên chiếc tàu đó không biết là người nước nào. Chúng tôi rất mừng vì được cứu. Khoảng mười phút sau đó, tàu dừng lại song song với ghe và ra dấu chỉ vào tai, vào ngón tay, cổ tay chúng tôi, mấy tiếng giọng lơ lớ “US đô la”. Vì quá vui mừng nên chủ ghe Năm Be vội lấy mũ ni gom góp nữ trang của những người trên ghe, họ đứng nhìn và thấy nữ trang được bỏ đầy vào chiếc mũ thì nhảy qua ôm chiếc mũ sang tàu họ. Một người có vẻ là chủ tàu ra dấu như không đủ vào đâu nên ra dấu bảo đưa thêm hoặc chính họ sang đề lục soát. Rồi họ tự động cột giây từ bánh lái đến mũi ghe và cột vào tàu họ. Tôi và một số thanh niên khác cảm thấy lo sợ và nghi ngờ hành động này thì tức thời họ ra dấu chỉ đám đàn ông đu dây xuống nước dọc thành ghe. Tôi và mọi người cùng biết đây là bọn hải tặc đang tìm cách hãm hại những người trên ghe, đang do dự không tuân lệnh nhưng chủ ghe Năm Be lại giải thích vì của cải chúng tôi nộp cho họ quá ít ỏi không đủ cho chuyến đánh cá của họ. Và vì họ ít người nên ngại chúng tôi đông người đó thôi. Thấy chúng tôi vẫn đứng yên, Năm Be vung tay nói; “Đ.M! có thằng nào chịu nổi cú đâm của tao không mà bày đặt chống cự?”, thế là chúng tôi hậm hực đu xuống, bọn họ chỉ tay ra dấu cho Năm Be đu xuống luôn. Cả đám đàn ông thanh niên đu dây trong biển dọc thành ghe mà nhìn họ.

Trời lơ mờ sáng và với đóm lửa cấp cứu mà chúng tôi đã đốt lên, nhận ra bọn họ khoảng năm tên, tay xách búa chặt cây bước sang lục soát những phụ nữ, trẻ em trên ghe, sau đó tên lái tàu lái ghe chạy làm lệch ghe. Đàn ông thanh niên dưới nước ôm chặt dây sắt vào ghe, cố ngoi đầu lên thở còn thân mình và đôi chân trôi trong nước theo tốc độ của ghe bị kéo. Chúng tôi còn đang kinh hoàng thì những chiếc búa vun vút chém vào đầu, vào mình đám đàn ông thanh niên đang đu dây.

Cảnh tượng thật kinh hoàng, tiếng la ó từ trên ghe của phụ nữ, trẻ con, tiếng hét chỉ một lần rồi tắt lịm của những nhát búa trúng đích vào đầu, tiếng la thất thnh của những ai bị chém trúng tay, cổ, vai hoặc lưng. Tôi kinh hãi buông tay lúc nào không hay và lặn ngụp qua bên kia của ghe. Tên lái tàu rọi đèn pha đảo qua đảo lại để nhìn cho rõ ràng mà chém, chợt nhận ra tôi, một tên trong bọn lấy mỏ neo liệng theo nhưng may không trúng, thế là tôi lặn tiếp một hơi.

Rời xa ghe một khoảng, tôi nhìn lên ghe, đèn sáng choang từ dưới mặt nước nhìn rất rõ, tôi thấy họ tách một đứa bé ra khỏi tay một bà nào đó liệng xuống biển, tôi tiếp tục bơi xa và nhìn thấy tàu đã húc cho ghe chìm hẳn. Tôi quá kinh hãi không biết chuyện gì đã xảy ra sau đó nữa, mãi qua đến trại Sikew qua một bé gái 13 tuổi tôi mới biết là trẻ em quá nhỏ thì bị liệng xuống biển, còn bé gái đang lớn và tất cả phụ nữ thì họ lừa lên tàu và ngày đêm thay nhau hãm hiếp.

Tôi vẫn tiếp tục bơi mà chẳng biết đi về đâu, mãi gần sáng gặp được tài công Thời (còn gọi là Chết Lác) lưng bị chém một nhát búa, và ông Hùng bị một nhát búa ngang mang tai máu me còn rỉ ra. Cả hai đng ôm một thùng nhựa đựng dầu 20 lít làm phao, tôi mệt quá ghé tay vịn vào nhưng cả hai năn nỉ tôi rời xa đi vì thùng dầu quá bé không đủ sức nổi cho ba người, tôi thông cảm họ và chợt nhớ ra vết thương của hai người máu rỉ ra rất dễ làm mồi cho cá mập. Thế là tôi bơi đi và chợt nảy ra sáng kiến cời chiếc quần dài thất ống, lộn ngược làm phao, tôi dựa cổ vào đáy quần và cứ thế một vài giờ lập lại cách làm như vậy cho đến khoảng gần giữa ngọ ngày hôm sau. Nhìn xa xa thấy một vật màu đen đen nhấp nhô, thế là tôi cố gắng lội đến và rất may vớ được thùng dầu từ chiếc ghe của chúng tôi. Tôi vội ôm ngay vào ngực và thấy sung sướng lạ thường như vừa trút được một khối nặng nề mệt mỏi ra khỏi con người vậy. Nhìn quanh thấy kẻ ôm thùng, người bơi, người ôm ván, không biết ai là ai nhưng nhắm đếm những điểm di động có vào khoảng 30 người. Tôi rất mừng vì còn được nhiều người sống sót, hoạt cảnh xảy ra như thế chúng tôi đang chia từng nhóm bơi lội vậy. Có khá nhiều tàu đánh cá khoảng hơn mười chiếc không biết của nước nào đi ngang, nhưng họ tình bơ nhìn chúng tôi như đang tắm biển vậy, có thể nói từng chiếc tàu đó nghe thấy

tiếng kêu cứu nào nề tuyệt vọng của chúng tôi trên mặt biển đều khoát tay từ chối. (Khi đến trại chúng tôi được biết nếu họ cứu thì sẽ phiên đến họ vì phải khai báo, chụp hình chung với nhau theo luật Cao Ủy Tị Nạn để điều tra, và nhất là họ sợ bọn hải tặc nhận ra sẽ trả thù)

Chúng tôi cứ lêu bêu ngày đêm trên biển đến ngày thứ ba đã thấy lơ dờ vài ba xác chết và nhiều người bất động còn ôm thùng, ván, có một cái xác ngay sát gần bên tôi. Đến trưa, chợt một tàu đánh cá chạy lại gần lại một cặp vợ chồng. Họ vớt vội người đàn bà, đó là chị Liên đang là người bám vào ván, anh Vũ vội bám vào thành tàu để họ vớt lên thì bọn họ gỡ tay đẩy xô ra, nhìn xuống trông thấy tôi chị Liên vội la lên; “Hoàng ơi, giúp anh Vũ với !”, tôi chẳng giúp được gì, tôi cũng như anh ấy lêu bêu trên mặt nước, anh Vũ chỉ biết nhìn theo như cái xác không hồn. Chiều đến sóng bắt đầu lớn, cha con ông Ba Vạn và cháu Hồng ôm thùng dầu bị dập vùi trong cơn biển động trông quá kiệt sức, đột ngột ông Ba Vạn thốt lên “Hồng ơi! Tao bỏ mày!”, thế là ông buông tay mất tăm. Chẳng mấy ai còn để ý đến nữa, tôi cũng như mọi người đều mê sảng, hoa mắt, có người thốt lên thấy cồn cát trước mặt, có kẻ thấy hàng dừa xanh mướt, kẻ thì thấy núi xanh thăm thẳm, người thấy cồn đất, còn tôi thì thấy bờ dừa và người đàn bà ngoắc tay như bảo tôi bơi vào, tôi bơi theo hướng tôi thấy, mạnh ai nấy lội theo hướng riêng. Tôi bơi rất lâu mà chẳng thấy đến gần, rồi người đàn bà hiện ra bảo tôi bỏ thùng mà bơi cho nhanh, tôi buông ra và ra sức bơi bằng tay, được vài phút cũng chẳng thấy bờ dừa. Chợt ôi như bừng tỉnh và cầu nguyện thì thấy cát biển, cây dưới nước, tôi đứng xuống rồi người tôi chìm hẳn và mê sảng, thấy như người nào cho ăn, tự nhiên tỉnh táo, mở mắt nhìn lại thấy mình đang chìm dần nên tôi hoảng hồn lội lên, một hồi mới nổi khỏi mặt nước. Nhìn chung quanh toàn biển là biển, thì ra tôi đang mê man hoang tưởng, và kỳ lạ là không cảm đói khát chi, đêm hôm đó trải qua một đêm quả là kinh hãi.

Đến sáng tôi gặp được ba người lớn và ba trẻ em còn lại trên biển gồm người cha có đứa con sáu tuổi bị tách rời mẹ quăng xuống biển và vợ thì chúng bắt hãm hiếp, đứa bé chín tuổi con của anh ta, cô bé 13 tuổi có mẹ bị chúng bắt sang tàu hãm hiếp và hai người em nhỏ bị tách ra liệng xuống biển, cháu Hồng con ông Ba Vạn bị sóng dập kiệt sức buông tay, Từ Minh Tường, Thời (Chết Lắc). Qua 5 ngày 4 đêm trên biển chúng tôi gặp một tàu sắt và một tàu đánh cá, họ dừng lại, chúng tôi cũng chẳng màng đến vì hàng trăm chiếc cũng đã qua đi như vậy. Thế nhưng họ đang vớt chúng tôi, tuy có muộn màng vì quá nhiều người kiệt sức trên biển, nhưng vẫn còn sống sót bảy người lớn nhỏ, tôi nhìn đồng hồ tay là 6 giờ 58 chiều. Nhìn họ nước da ngăm đen, quần xà rồng tôi không đoán được họ là người nước nào, họ đang loay hoay nấu cháo cho chúng tôi ăn, uống từng chút như họ đã có kinh nghiệm cho những người vượt biển đói khát này rồi. Họ chờ chúng tôi và tiếp tục đi đánh cá, hơn một giờ sau đánh bắt được một con cá mập họ đem bỏ xuống hầm tàu, nó quẫy âm âm, họ chỉ tay xuống hầm rồi chỉ chúng tôi như muốn nói sẽ bị cá ăn thịt nếu tụi tôi còn lêu bêu trên nước.

Tàu chở chúng tôi vào bờ khoảng 5 giờ sáng, họ ra dấu sẽ có cảnh sát tới giúp nhưng đừng nói số tàu của họ cứu, rồi họ vội quay tàu ra khơi (Sau này tôi mới biết vùng biển đó thuộc mã Lại Á cạnh Thái Lan) Khoảng nửa giờ sau, có cảnh sát đến, chúng tôi vẫn chưa rõ là người nước nào, một cảnh sát biết tiếng Việt chỉ vào một chiếc xe pick up truck và bảo chúng tôi “Lên xe đi”. Trên đường đi họ hỏi chúng tôi có biết cô gái nào tên N. 13 tuổi không? Một anh nhận là cháu vợ, thế là họ trở về trạm cảnh sát và anh đã gặp được cô cháu gái thân xác ốm yếu, và nhất là đôi chân bước đi hai hàng trông đau đớn lắm. Gặp lại chúng tôi, cháu khóc nức nở kèm theo nỗi kinh hoàng ghê gớm trên khuôn mặt, chúng tôi cùng im lặng trong nỗi đau đớn chung. Một chập sau đó cháu kể lại đã bị nhốt trên tàu 3 ngày đêm và bọn hải tặc liệng hết quần áo em mà dè ra thay nhau hãm hiếp, cháu khóc la hét đau đớn mà bọn chúng thì cứ hết đứa nọ đến đứa kia cho đến khi cháu không còn biết gì thì chúng xách liệng xuống biển cháu mới bừng tỉnh dậy. Cũng may mắn là chỉ vài phút sau đó được tàu cảnh sát vớt. Anh ta hỏi thăm về vợ mình (là dì của cháu N), cháu cho biết là vẫn còn sống nhưng đi la hét suốt ngày đêm vì bọn họ hãm hiếp dì nhiều quá! thế là trong số 78 người ra đi, chỉ còn lại 8 người sống sót.

Sáng hôm sau một số người trong Cao Ủy Tị Nạn đến đích ngửa, chăm sóc cho bé N... Còn 7 người chúng tôi thì hình dáng gần như nhau, ai cũng lở loét khắp mình và mặt mũi, da sưng từng mảng, được thoa và uống thuốc trị liệu.

8 người chúng tôi ở đó ba tháng rồi được làm hồ sơ đi trại Sekew, 30 ngày sau được thanh lọc và tất cả chúng tôi được chấp thuận đi diện nhân đạo. Ở lại trại thêm 6 tháng nữa, riêng tôi định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ anh chị em ngày 20 tháng 10 năm 1992. Mong rằng những câu chuyện đau thương này sẽ tạo khối đoàn kết mạnh hơn trong cộng đồng người Việt hải ngoại khắp thế giới.

... Hoàng Định ...

Không Biết Mình Còn Sống

Trần Đông Thành

Một người đàn ông ngồi rung đùi hai chun bỏ thông vắt qua bờ của bộ ván ngựa gỗ, tay se điều thuốc rê vắn giấy báo nhứt trình, nhìn chăm chăm ra phía cửa cái, tay cầm sẵn cái hộp quẹt diêm để mỗi lửa. Còn người đàn bà ngồi ở chiếc ghế đầu kéo ống quần dài tới về phía tay gầy bắp thịt sần sột, mắt đảo tứ phía, liếc nhìn chung quanh như sợ có người rình rập bên ngoài. Không nghe động tĩnh người đàn ông liền bước xuống đất lộn dây ruột tượng lòi ra sắp vàng cây mỏng vánh lên dứt nhanh qua tay người đàn bà và ra đầu gối lại ràng thun thật kỹ.

Có tiếng chó sủa rất xa, một người xề tới cạnh bàn kê miệng định thổi tắt ngọn đèn dầu tranh tối tranh sáng. Người đàn bà đưa tay ngăn lại:

- Đứng. Anh cứ để tự nhiên.
- Phải đó, tắt đèn ở ngoài để thấy bên trong.
- Chị coi chừng vợ chồng thằng cha tổ trưởng an ninh tối hay rình nhà người khác để báo cáo.
- Thì đừng có hành vi gì lộ bịch để thiên hạ khỏi nghi. Thôi anh đừng xì xào nữa.

Vàng bạc là manh mối câu chuyện. Vừa nói người đàn bà tên Bảy Bét liếm tay thấm nước miếng lảm nhảm đếm từng cây vàng, soi qua loa trước bóng sáng ngọn đèn dầu nửa trong nửa đục quan sát giả thiết rồi nhét từng lá vào chiếc áo cót-sê, phần còn lại dứt lòn qua tay chồng, nháy mắt cho Bảy Bét lòn đi ra cửa sau phi tang phòng khi bắt ngờ công an xô cửa ập vào khám xét kiểm tra hộ khẩu.

Tiền trao cháo mủ, anh Vỹ tiếc tiền đưa ra mua giấy tàu đi vượt biên:

- Tui có bao nhiêu tài sản chừng đó tin tưởng đem giao hết cho anh chị thì cố gắng lo cho vợ chồng tui và hai đứa con tui rất tội nghiệp. Có gì không xuôi là chắc tui tự vẫn.

Nghe chồng than vợ không dẫn được xúc động nước mắt chảy ròng ròng hai khoé :

- Đi quả nhiên là được. Quê thầy bói coi rất tốt. Minh ăn ở hiền lành Trời Phật dùm xuống phù hộ vợ chồng mình tai qua nạn khỏi. Anh đừng nói xui quấy không nên đâu.

Thấy vợ khóc anh Bảy xót xa:

- Em sao kỳ quá ! Nói được rồi còn khóc lóc làm gì ! Việc gì rồi cũng tai qua nạn khỏi hết.

Chị Bảy Bét là người môi giới, an ủi:

- Anh Tư đừng lo. Tụi tui làm ăn đàng hoàng mà ! Đã mười mấy hai mươi chuyến, chuyến nào cũng trót lọt . Nhảm nhò gì tụi công an đối với tụi tôi. Chuyến đi thành công anh qua bên làm ăn khá giả nhớ gọi về cho vợ chồng tui thêm đô la .

Qua giây phút mọi người nín thinh, chị Bảy tiếp lời nửa nạc nửa mỡ:

- Thì anh chị Tư cứ nghĩ lại đi nếu sợ thì thôi, tôi thôi lại. Tôi về. Đi vượt biên ai dám ép.
- Anh Vỹ sợ mất cứu tinh tay ngoắt lia ngoắt lịa cầm chị Bảy ở lại:
- Nói là nói vậy thôi. Chớ tôi nhất quyết đi thì đi. Ở với tụi này rồi cũng sẽ chết. Không chết trước thì cũng chết sau. Thà đi !
- Ủ ! Phải thẳng thừng như ruột ngựa như vậy thì tốt.

- Tụi tôi có cần đem thuốc uống say sòng gì không? Sao tui lo quá ! Con Út nhà tui hay ọc sữa.

- Úi chà ! Nói chuyện với anh riết rồi tui cũng lây cái bệnh truyền nhiễm nhất như thổ đề . Chủ tàu, tài công họ lo đầy đủ hết rồi. Cụ bị hoàn chinh lảm rồi ông cụ non à ! Họ còn lo hơn anh nữa đó. Chuyến này đánh chuyến chót tài công đem theo vợ con đi luôn . Như vậy đủ lo cho anh chưa?

Chập tối thành phố lên đèn. Dây cột đèn đường treo lủng lẳng các bóng đèn cái bị cháy dít, cái còn sót một hai chỉ đồng loe ngoe lảm rớt vài tia sáng hấp hối xuống mặt đường như thắm hoa. Trong khi đó tại một hẻm cụt, vô trong một đường mòn liên tổ của “Thành phố Hồ Chí Minh”, trong căn nhà lá nhỏ một bên chủ bên khách chụm đầu vào nhau bàn bạc vừa mặc cả tổng số cây vàng để mua một chuyến vượt biên. 3 cây vàng cho một đầu người. Luật giang hồ nếu “Đóng hụi” sông phẳng tại Sài Gòn thì được hồi “nửa” cây.

Bàn chuyện xong xuôi, đánh nhanh rút lẹ, Anh Vỹ tiễn chân khách ra cửa còn xầm xì hỏi với:

- Tui mặc quần áo gì cho không bị khả nghi?
- Ủ ! Cứ bận đồ làm mướn như ở nhà. Giản dị thôi. Một bộ trong mình đủ rồi. Qua Mỹ có tiền mặc sức mà mua sắm. À, nhớ là đứng đội nón lười trai, dân Rạch Giá họ sẽ biết ngay mình ở thành phố xuống. Anh phải chịu khó đan nắng chút xíu cho nước da đen đen như dân biển thì việc gì mà không xong.

Vỹ lóng tai nghe lời chị Bảy đây, búng tay một tiếng chóc:

- Chị Bảy Bét mới thật là một chuyên viên vượt biên !

Nói rồi ray qua hôn lên má vợ một cái ngọt sớt. Bị chị Bảy đẩy ra :

- Cái ông khỉ này ! Cứ mỗi lần vui chuyện gì là lại đè tôi ra bắt tôi vui lây !

Tại bờ biển Rạch Giá, điểm vượt biên.

Bắt đầu từ 11 giờ đêm, từng nhón 5,3 người len lỏi trong vườn mía từ từ chui ra có mặt tại tụ điểm. Đủ hạng người Nam, Trung, Bắc, đàn ông, đàn bà, nam nữ, ông già bà cả. Người cù bị áo quần, người xách túi xách hoặc giỏ đi chợ đựng đồ ăn giống như người đi chợ. Cả bọn không ai bảo ai đều im thin thít.

Một hồi lâu lại có tiếng người đàn bà rầy con:

- Đi ia lại không đi trước bị giò phải làm sao đây? Khổ cho tui quá ! Đồ quý !

Một người bực mình giọng nói pha nguyền rủa lẽ nhè:

- Làm gì mà quát tháo âm ỉ lên thế ? Muốn bị cùm cã tộc đấy à? Cứ cho nó đùn trong quần thì có sao ư? Để xú uế thế còn hơn đi ra ngoài cho công an thộp cổ. Rõ ngợm !

Lại thêm một tín đồ dị đoan:

- Đồ cô hồn các đảng ! Bữa nay đi không đốt vàng bạc trám họng cho nên bây giờ gặp đám cô hồn đây nè !

Nghe nạt một cô gái âm ỉ, bị người la:

- Muốn chết hay sao cơ ? Bịt miệng nó lại đi các bố các mẹ ! Khờ !

- Đi vượt biên sao chị lại khóc ?

- Em sợ quá ! Em nhớ má quá ! Ở đây người ta dữ quá ! Xin cho em về !

- Trời !

Trong bóng tối mờ trắng, Vỹ thấy ông bạn vừa kêu trời mang khẩu súng K-54 thả xệ hông. Vỹ đoán biết chính gã là công an làm việc cho quận huyện gì đây nhưng đã thông đồng “bán bãi” làm lơ cho đám vượt biên trốn ra khơi.

Tới giờ nhất định có đám người lạ mặc một thứ vải kaki đen mới tới trong đó có anh chị Bảy Bét, có lẽ họ ở trong ban tổ chức, đến từng người nhận diện và thu lại thẻ mua giấy tàu của khách hàng, dấu hiệu là hộp lười lam hiệu Bà Đầm. Ở đằng xa, con tàu lù lù xuất hiện tức thì đám đông như ong vỡ tổ, tủa ra chạy vụt tới để leo được lên tàu mới chắc ăn là “Hàng vượt biên thứ thiệt”

Chiếc tàu từ từ rời bến ai nấy đều mừng nhưng không dám thở mạnh vì còn phập phồng sợ đám công an biên phòng ăn không đồng chia không đủ trở mặt. Không ai bảo ai tất cả mọi người đều nằm sát trên ván tàu để mục tiêu thu nhỏ đằng xa khó nhận dạng. Có người thúc dục:

- Thêm ga cho tàu máy chạy lẹ coi !

- Đồ ngu ! Chưa ra hải phận cho máy hú để mà tự tử à?

- Câm miệng lại được không các cha !

- Ủ, ai không phận sự xin giữ im lặng cho. Đầu phải đi ăn giỗ.

Vỹ lo sợ không tưởng tượng được đây là con tàu vượt biên vì nó nhỏ thó dài chỉ độ 13 thước. Không mui. Không thuyền trưởng. Không lương thực. Không thuốc men. Vậy mà chuyên chở trên 50 mạng người, vách tàu khảm chỉ còn cách mặt biển không hơn một gang tay.

Đêm ở biển màn trời tối đen như tiền tới gần trùm sát với mặt đại dương. Người người mở mắt thao láo hải hùng trước sự yên lặng mênh mông đến lạnh lùng của cửa vực sâu biển cả. Đang lặng thính bỗng có tiếng người đàn ông khàn giọng chửi thề :

- Đ.mẹ ! Chết hết một máy xăng rồi.

Có tiếng chân trần dẫm lên bề tàu cây lệt xệt chạy về hướng đuôi tàu, nói xen vớ:

- Liệng mẹ nó mấy can xăng đi.

- Ủ, còn lại cái máy dầu liệu đi nổi không?

- Nổi hay không nổi thì sao chứ? Còn cách nào hơn nữa?

- Ủ !

Vỹ thắc mắc:

- Sao anh không giữ lại can xăng để khi nào sửa lại được máy thì có xăng dùng?

- Máy vô nước rồi còn giữ xăng lại làm gì cho nặng ghe.

Bây giờ Vỹ sáng mắt ra, đây là chiếc ghe máy chứ không phải là chiếc tàu lớn như thường thấy ở bến Bạch Đằng.

Dù thất vọng nhưng còn nước còn tát:

- Tôi là thợ máy xăng hai thì, đầu anh đưa tôi dụng cụ để tôi sửa chữa thử coi. Họa may.

Anh tài công loay hoay lấy một vật bằng sắt nhét dưới khoang ghe lẹ làng đưa qua tay Vỹ:

- Có cái kèm mũi nhọn được không?

- Trời ! Cái kèm loại này thì làm được khi gì. Đồ nghề đơn giản như vậy thì vượt biên nổi gì?

Lúc đó trời mờ sáng, Vỹ thấy rõ viên tài công là một người đàn ông tuổi khoảng 30, ốm nhom, tóc dài quá mép tai. Hắn mặc cái áo thun màu xám nhà binh để lòi cánh tay xương xẩu suông đuột như que củi chấp nối với một cán cây điều khiển bánh lái chân vịt. Vỹ nhìn mà thương hại cho anh tài công, thân xác bé nhỏ, tài năng thấp kém lại đảm đương việc quá sức mình. Vỹ một mình cười lớn, đám người trên ghe nhìn sang Vỹ tưởng rằng ông này tuyệt vọng đến cuồng trí chứ đâu có biết rằng họ bị Vỹ cười chê, mọi người tại đây, kể cả Vỹ, đều ngu xi giao tính mệnh cho một gã tài công “dòm”

Mạng người có số. Lũ khù có ông Cù độ mạng. Ghe chạy cả xẹt cả lui cuối cùng cũng ra được hải phận quốc tế.

Lúc này quang cảnh ở đại dương như một buổi tiếp rước náo nhiệt tại khải hoàn môn. Họ vui cười la ó mừng chiến thắng.

- Ba má ơi con sống rồi ! Sống rồi !

- Tui sẽ gửi thư về báo tin cho anh chị tui mừng ! Lo đi chuyển nữa.

- Hết lượm bịch ny-lông bán va cahi rồi các con ơi !

- Việt Cộng không còn làm gì được tui mình rồi bà con ơi !

Giữa biển trời bao la bầy chim hải âu bay lượn trên mặt biển như múa hát hòa với lời ca của đoàn người vượt biên:

- Tung cánh chim tìm về tổ ấm...

Một cảnh nhộn nhịp lao xao chưa từng có trên mặt biển như thế này. 53 người là 53 tổng đài ra-dô nào ca hát, nào tiểu ngao, nào thời sự. Ôi thôi ! Cả bầu trời trên trời dưới nước nô tung với lời ca tiếng hát, chen lẫn lời kinh kệ Nam mô A di đà Phật, Chúa cứu thế Amen!

Vui tới đó rồi ngưng tại đó vì chuyển đi còn tiếp tục .

Biển rộng bao la bao trùm chiếc ghe còn con. Có khác nào con kiến vàng nhỏ nhí đeo chiếc lá hoang trôi trên sông cái . Xa thăm thẳm. Ghe vẫn trôi theo giờ khắc định mệnh, đùng đùng lần hồi đo từng gang tấc của lãnh thổ đại dương . Bắt đầu có người trên ghe bị say sóng ụa mưa, tay móc họng cho nôn ọe. Ở đây tiếng người rên như bị cúm. Kia, tiếng khóc của trẻ con đói bụng. Từng cơn đói giày vò, già trẻ trai gái mệt lả đi và thiếp dần. Một lớp cá mòi người đóng hộp, nằm sát bên nhau, ôm ấp nhau tìm hơi ấm. Lâu lâu một cơn sóng tạt qua sút nước rửa ráy lớp người hôi thúi vì sự đóng cặn của bụi cát, mồ hôi, bã ối và tổng hợp của cứt đái gia vị trên thân thể da thịt của lớp cá mòi gần như sinh thúi.

Họ lại thức dậy. Người mắt trộm lơ . Kẻ tóc tai rũ rượi . Trưa, biển nóng như người phóng hỏa. Đàn ông cởi trần chỉ giữ lại quần đùi. Đán bà con gái bị nóng hành hạ bứt rứt giựt đứt nút áo lúc nào không hay dễ thích hợp với tiết trời lửa đốt . Rõ ràng đây là khu người điên có mặt trên biển, chỉ có mặt trời chứng kiến.

Giống tổ chưa tới nhưng tàu cướp đã ào tới gần.

Từ đằng xa một con tàu đầu rồng chạy xồng xộc tới, gia tăng tốc lực gây tiếng máy nổ chát tai diên cuồng. Một đám đực rựa lũ khù đứng trước mũi tàu la hét chí chèo như bầy khi đột ở sở thú Sài Gòn. Tới gần mới thấy thẳng nào thẳng nấy mình mẩy đen thui như quét lọ, tay chân kạch cồm, dân đánh cá nên tên nào cũng lực lưỡng, sức lực mạnh bạo dị thường, chúng chỉ mặc cái quần xì, có đũa đâm ở còi trường bệ vệ như pho tượng đồng đen, trên tàu ai thấy cũng kinh hồn vì biết chắc chắn rằng sẽ bắt lực trước bọn cướp biển.

Thấy cướp có người trên ghe sợ quá nhảy đại xuống biển lội ra xa chìm mất dạng. Còn lại những người trên ghe người này hỏi người kia tìm cứu tinh:

- Cướp Thái Lan ! Cướp ! Anh ơi ! Làm sao bây giờ...ờ?

- Vô dầu cho tóc rối bù lên. Mau lên !

- Nè, tui có đem thủ chai hũ trầu quết vô quần đại đi để chúng tưởng mình có kinh nguyệt mà không hiếp. Tui sợ quá ! Xin Trời Phật Cứu con ! Nam mô a di đà Phật ! Đại từ bi !

- Mẹ ơi chúng nhảy qua xuống mình rồi kia kia !

Đám cướp biển rần rần nhảy phóng qua ghe vượt biên làm cho chiếc ghe trông trắng nước biển đổ vào tràn đầy như cơn nước dẫn thủy nhập diên . Tiếng khóc. Tiếng kêu trời. Van xin. Cầu nguyện. Không được năm phút tất cả đàn ông đàn bà Việt trên ghe đều bị chúng ra lệnh cởi trần truồng để chúng khám vớ vét đồng hồ, vàng bạc nữ trang. Có một tiếng khóc ré kinh hãi, nhìn lại ở trên ván đầu ghe một tên hải tặc Thái xé quần xé áo một cô gái Việt Nam hai tay bốt hốt làm điều tội tệt. 5 tên, 10 tên. 20 tên, cả lũ như kiến tấn công thay phiên nhau làm việc đâm ô tảo bạo trên ghe. Đám người Việt không ai dám trở tay. Một người đàn ông Việt lui cui tìm vật gì dưới khoang liền bị một tên Thái nghi ngờ có hành vi kháng cự liền lại gần bụng bồng anh lên và quăng dưng xuống biển. Có tiếng người la thất thanh quay lại là người đàn bà vừa bị hãm hiếp xong chưa hết khiếp đảm lại nổi tiếp kinh hoàng khi thấy cảnh chồng mình run lập cập bị quăng xuống biển, đang lóp ngóp. Không lâu xác chồng chị bị chìm sâu dưới lòng đáy biển, nhấp nhô.

Một ông già Việt nam tuổi ngoài 50 có cái bít răng vàng ở hàm trên bị một tên cướp bắt ông nhe răng, nó lấy cái búa vô vào hàm để bươi chiếc răng vàng. Chúng reo hò khi lấy được cái răng vàng trong khi không còn ai nhận ra ông già đó nữa mà chỉ nhìn thấy trên cổ của ông là một cái tơ vụn máu hơn là mặt người. Một đứa bé 2, 3 tuổi đang ôm bú sữa mẹ, cuối cùng cũng bị một tên hải tặc kéo lôi xềnh xệch đứa bé ra khỏi vú mẹ liệng xuống biển như trò chơi ném đĩa bay vèo trên mặt nước, rồi quay lại ôm thân thể người đàn bà xé tẹt chiếc quần xì líp để hành lạc trước mặt mọi người. Một cô gái lỏa lồ vừa mới bị chúng hiếp xong còn quá khiếp sợ vội ôm một cậu thanh niên đứng gần nhờ che chở, sợ bị chúng bẻ hội đồng tập thể . Nhưng chúng không tha, chúng bày trò ra lệnh cho cặp trai gái làm tình trước mặt mọi người. Cậu thanh niên thi hành ạch đụi bị chúng đập bể đầu rồi quăng xác xuống biển mất dấu. Hải hùng như vậy mà chúng lại cười thỏa thích. Gom góp vàng bạc, đồng hồ cả rá. Đứa nào còn tiếc rẻ thì kéo các cô gái trẻ lại hãm hiếp đợt hai, đợt ba, đợt bốn.

Tàu cướp Thái Lan đi xa để lại trên khúc biển: Khóc lóc. Rên xiết. Kêu trời. Kêu Phật. Gọi cha, gọi mẹ. Có người bị lên cơn điên. Thêm người nhảy biển tự tử . Đám người Việt là nạn nhân. Không ai can gián, không ai tiếc thương ai. Số người còn lại trên ghe là dấu vết nhơ bẩn trong cảnh người hiếp người còn sót lại trên mặt biển .

Chiếc ghe mất hướng trôi theo dòng nước chảy xuôi chung chung với mây tấm ván lở và các bộ quần áo trôi theo dòng nước tiến tới trước tiếp nối định mệnh.

Một chiếc tàu khác màu mè như rắn biển từ xa bay lượn tới.

Lần này tàu cướp không lỗ, quái vật. Bọn hải tặc đông đảo tên nào tên nấy mừng rỡ trông giỡn cười hớ hớ đói khát dục vọng như đàn chó sói bắt được mồi. Người trên chiếc ghe vượt biên đã kiệt sức. Mọi người bị bầm dập bởi cướp biển, bị hành hạ bởi sóng gió, bị cơn bão đói khát. Một cô gái quần áo bị xé rách lổ lổ thân thể đứng ở mũi tàu ra dấu hiệu bọn chúng thấy qua tàu vượt biên hai can nước ngọt thì cô tình nguyện nạp mạng cho chúng. Trước mắt mọi người một đàn chó sói bu quanh vùi dập thân xác một cô gái đẹp đẽ nhưng yếu đuối, biết trước không thể nào chống cự được với bọn quỷ dữ ra điều kiện lấy nước để cứu đám người đang chết khát.

Trên mặt biển bao la và thanh thiên bạch nhật tiếp tục xảy ra cảnh tượng dã man, thô tục: Hăm hiếp đàn bà con gái. Búa rìu đập đầu đàn ông. Bầy tổ dùng người làm trò chơi qua cách thắt thòng lọng qua cổ người xô xuống biển, kéo xác trôi theo chiếc tàu lướt sóng làm tàu kéo. Sau đó là trận cười hả hê dội lên không trung của đám người mất lương tri.

Thỏa mãn thú tính, trước khi buông mồi, bọn hải tặc đập phá chiếc ghe tan nát, ván ghe bành bồng trong đám người vượt biên đó đây trên mặt biển, ngói ngóp sắc súa và lần lượt chìm sâu trong vực thẳm. Sau đó, vài đợt sóng thân đi ngang qua bào mặt biển thành một bàn thủy tinh tạo sức quyến rũ cho thế giới đại dương. Màn đêm với muôn sao lóng lánh trở lại trùm lên mặt biển, tất cả đều phẳng lặng chìm đắm như không có biến cố gì xảy ra.

Nơi đây California, một tiểu bang của nước Mỹ, xứ của Nữ Thần Tự Do.

Một người còn sống sót trong đám 53 người vượt biên ra khơi ngày 13 tháng 7 năm 1981 có tên trong giấy an sinh xã hội của Mỹ ghi là Nguyễn Cảnh Vỹ. Hồ sơ lý lịch tại sở di trú ISN ghi rõ hơn, ông chính là thuyền nhân “boat people” bị tai nạn đi tàu vượt biên bị chìm tàu, may mắn bám được vào tấm ván trôi nên sống sót và được một tàu Mỹ làm việc ở khoan dầu ngoài khơi cấp cứu. Tại Department of Social Security thì ghi hồ sơ tên Vỹ bằng tiếng Mỹ.

::: Trần Đông Thành :::

Chuyện thật xảy ra như thế nào không còn ai biết đến, biến cố chìm sâu trong quên lãng. Lịch sử của chuyến vượt biên chỉ còn lại một chứng nhân 1/53 người trong một vụ hải tặc, không ai khác hơn là ông Nguyễn Cảnh Vỹ, giờ đây chỉ còn lại là một cái xác mất hồn vía, với các báo cáo trên đủ Là hội chứng cho người Mỹ, họ có lòng nhân đạo chấp thuận cho ông Vỹ, quốc tịch Việt Nam, lãnh tiền bệnh Social Security Income, từ lúc bước vào đất Mỹ tìm “Tự Do”.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Vượt Biên

Trần Thị Huyền

Đôi dòng về tác giả:

Tôi đến Hoa Kỳ năm 1986 và định cư ở thành phố Oakland. Hiện nay tôi vẫn đang sống tại thành phố này.

Khi tôi đến đất nước Hoa Kỳ này tôi đi làm và ở nhà trông con, nhưng hiện nay con tôi đã lớn, tôi vừa đi làm vừa đi học. Tôi đang theo học ngành y tá có thể giúp đỡ được nhiều người.

Năm 1982. Đó là năm mà mọi người xôn xao để đi tìm tự do, bởi vì họ không thể chịu đựng dưới sự đàn áp của Cộng Sản. Gia đình tôi cũng nằm trong hoàn cảnh này, và cha tôi cũng chạy ngược, chạy xuôi để tìm chỗ cho vợ chồng tôi đi.

Một hôm cha tôi gọi vợ chồng tôi tới và bảo “Thầy thấy tình cảnh này không ổn, cho nên thầy muốn gia đình mình có người sống ở một nước tự do để còn có thể giúp ích cho gia đình và các em con sau này. Thầy tin tưởng ở nơi con vì chỉ có con mới có thể đương đầu với những gì xảy ra (Tôi là con lớn và còn năm em nhỏ). Thầy đã có chỗ để cho vợ chồng con đi, và là đi đường bộ, với giá là ba cây vàng cho một người. Vậy ngày 23 tháng 9 chúng con phải có mặt tại điểm hẹn, ở đó sẽ có người hướng dẫn chúng con đi.”

Tôi rất lo lắng vì tôi phải xa cha mẹ và các em. Hơn nữa tôi mới lấy chồng được một tháng và mới có 18 tuổi, nhưng tôi cũng nghe theo lời cha tôi. Đúng hai hôm là ngày 23 tháng 9 năm 1982. Mẹ tôi khăn gói cho vợ chồng tôi ra đi, bà bó cho tôi 5 bộ quần áo, hai chỉ vàng vào gấu áo tôi và một ít đồ ăn đi dọc đường. Sáng sớm cùng ngày, cô tôi dẫn vợ chồng tôi đi Biên Hòa (nhà tôi ở Hồ Nai), sau đó đi Sài Gòn rồi lên Cần Thơ để không có ai nghi ngờ. Chúng tôi đến Cần Thơ và rồi đi Châu Đốc, đó là lúc sáu giờ chiều cùng ngày. Cô tôi giao chúng tôi cho một người đàn ông, rồi cô quay về. Trong nhóm chúng tôi có tất cả năm người.

Đúng 7 giờ tối, chúng tôi qua phà Bắc Mỹ Thuận, sau đó đi theo con đường mòn, đi miết tới 11 giờ đêm thì tới cánh đồng nhỏ, ở đó có người chờ sẵn chúng tôi, ông ta cho chúng tôi mỗi người nửa ổ bánh mì rồi đưa chúng tôi qua Campuchia, chúng tôi phải giả dạng là người Campuchia, tôi quần xà rồng đầu đội khăn rồi học nói tiếng campuchia bằng cách tào. Nói chuyện với người bản xứ. Chúng tôi phải ở đó ít lâu để chờ có đợt rồi người ta dẫn chúng tôi đi tiếp, sau đó ông ta dẫn chúng tôi ra đường bờ ruộng, lội bùn tới đầu gối, với một con đường bùn rất là xa. Tôi mệt quá nên đi được có nửa đường bùn, thì tôi không thể đi được nữa. Chồng tôi làm một cái dây để kéo tôi đi. Lúc đó cũng là lúc mà chúng tôi phải bỏ cái giỏ trên vai đi, bởi vì mệt quá không thể đeo nó được.

Đi tới một cánh rừng có một người Miên chờ sẵn để đưa chúng tôi đi tiếp. Ông ta cho chúng tôi một nắm xôi và một ít mắm bô hóc, tôi chưa bao giờ nhìn thấy mắm bô hóc, cái mùi khó nghĩ làm sao, nhưng vì đói quá cũng phải ăn để mà sống, sau đó ông dẫn chúng tôi băng qua rừng già, chúng tôi đi suốt đêm, thân xác rã rời quần áo rách nát, có lúc tôi dẫm lên cả xương người, khi tôi để ý đến dọc đường đi, thì ôi thôi toàn là xương người, xương người lớn xương trẻ con rất nhiều, lẫn cả tiếng thú rừng hú ban đêm nghe sợ hãi, rồi những con muỗi mòng, những con bọ rừng bò lên người mà chích mà cắn, cứ thế tha hồ mà gãi. Đến gần sáng chúng tôi nghỉ trong bụi rậm, mỗi người một bụi, cho tới tối thì chui ra lại đi tiếp, khi chui ra tay chân mặt mũi bị cào xây xước bởi cỏ dại và gai, có những lúc rất nhức nhối bởi vết trầy bị rỉ máu, thuốc thang thì không có. Mỗi ngày chỉ có một nắm xôi và một ít mắm bô hóc vào buổi tối trước khi đi, còn ban ngày phải nhịn đói chờ đến tối.

Chúng tôi đến trại, họ lục xét từng người vì họ biết những người vượt biên có tiền và vàng, khi họ khám đến tôi đã lấy đi hai chỉ vàng. Họ tưởng tôi còn dấu ở đâu đó nên cần vặn hỏi, tôi nói không còn nữa họ không tin nên bắt tôi uống nước thuốc của tụi nó để đi tiêu ra xem có vàng không. Trong suốt gần hai năm ở đó chúng tôi đã phải chạy giặc luôn bởi vì cứ đến mùa khô thì chúng đánh (Giặc có nghĩa là bộ đội Việt Nam bởi họ muốn lấn chiếm phần đất Campuchia). Mỗi lần chạy như thế rất là dễ chết bởi vì chúng bắn loạn xạ.

Thời gian sống ở Campuchia, tôi luôn luôn hóa trang là một người đàn ông, trên mặt thì lợp nghệ đen đúa, quần áo dơ dáy, tóc cắt ngắn đi. Ở trong trại người ta phân công đàn ông thì chặt cây hay gánh nước, còn đàn bà thì nấu cơm và làm những việc khác, đến bữa ăn thì mỗi người cầm một cái khay xếp hàng, rồi người ta múc cho mỗi người một phần cứ như nhà tù, mặc dù phần ăn trong trại phát mỗi ngày nhưng không đủ, nên tôi thường xuyên trốn ra ngoài đi làm chui như gánh nước chẻ củi, v v...

Mỗi một công việc như thế làm từ sáng đến tối người ta chỉ trả cho nửa chén gạo. Quần áo thì chỉ có một bộ trên người mặc sáu tháng trời, mỗi khi tắm phải đứng chỗ nắng cho thật lâu, để chờ khô quần áo. Lương thực bữa đói bữa no. Tôi đói quá, trong lúc đi làm bên ngoài tôi thấy có mấy vỏ dừa hầu như bỏ ngoài đường liền lượm về nấu canh ăn. Sau bữa đó tôi lên cơn sốt nặng, không có thuốc để chữa bệnh. Tôi tưởng không qua khỏi, may quá có người chỉ cho tôi biết một thứ lá ở trong rừng có thể chữa khỏi bệnh. Tức thì chồng tôi đi tìm lá cho tôi uống, thế là tôi khỏi bệnh. Tại trại tôi nào cũng như tôi nào, tụi Miên vào từng lều khám, nếu thấy đàn bà con gái là chúng hăm hiếp. Nên tôi lúc nào cũng phải hóa trang là đàn ông kể cả ngày lẫn đêm để tránh tụi nó. Nhiều lúc tôi muốn chết đi được. Khoảng mấy tháng sau tôi có thai đứa con đầu lòng. Thiếu đồ ăn, thịt thà thì không có, nên tôi thường xuyên trốn ra khỏi trại đến những nơi có đám cưới hoặc tiệc tùng xin rửa chén và dọn dẹp, thì họ cho được một

miếng thịt bằng bốn đốt ngón tay. Tôi mang về trại kho mẫn để ăn. Ngày qua ngày thân tôi chỉ còn là cái xác không hồn.

Một hôm, vào khoảng nửa đêm có tiếng báo động giặc đến. Chúng tôi phải khăn gói chạy. Chồng tôi gánh một gánh những vật dụng cần thiết, còn tôi thì xách hai cái giỏ đồ cần thiết cho tôi và em bé, cộng với cái thai 6 tháng. Tụi Miên bắn súng, mình thì chạy bán sống bán chết.

Tôi mệt quá bỏ cả cái giỏ mà chạy, chồng tôi cũng thế. Được khá xa tôi không lê nổi nữa, chồng tôi lấy dây lá trong rừng bện lại rồi kéo tôi đi. Cứ như thế ban đêm thì chạy, ban ngày thì nghỉ trong rừng. Ăn thì hái lá hái trái trong rừng, uống thì nước suối. Cho đến khi chúng tôi đến Thái Lan và dừng chân ở đó.

Trong thời gian sống ở Thái Lan, cuộc sống thì cũng không khác gì ở Campuchia, nhưng người Thái đối xử với mình cũng tạm được, tôi amg bầu đi làm tôi mọi cho người ta từ sáng đến tối cũng được ăn hai bữa cơm thừa, và thêm chút xiu gạo mang về.

Sống ở Thái Lan được hai tháng thì tôi sanh cháu, bà mụ người Thái lại đỡ đẻ cho tôi tại trại, sau đó bà cho tôi đồ ăn để lấy lại sức. Khi con tôi vừa tròn được 1 tuổi, chúng tôi lại phải qua một trại khác lần nữa. Chồng tôi thì xách đồ đạc của con, nhiều lúc tôi tưởng chết dọc đường vì tôi hết hy vọng đến Mỹ, nhưng nghĩ đến chồng con tôi lại phải quên đi ý tưởng đó. Lương thực thì thiếu thốn không có chất dinh dưỡng cho con. Chồng tôi kiếm được mấy trái dừa liền chặt ra lấy nước cho con uống và hái trái rừng ăn tạm qua ngày. Khi chúng tôi đến trại mới ở đó mất 5 tháng để chờ nhận định cư. Đó cũng là lúc tôi mang bầu cháu thứ hai, và tôi vẫn trốn trại đi làm chui bên ngoài bởi vì đói quá làm liều, ai mướn gì làm nấy. Có lần con tôi nhìn thấy đứa bé người Thái ăn cây cà rem, cháu ao ước có được cây cà rem ăn. Đối với người ta thì cây cà rem không đáng gì nhưng đối với gia đình tôi thì nó rất lớn, bởi vì những gì tôi kiếm được trong ngày đó là củ khoai củ sắn hoặc chén cơm thừa, v v... Còn tiền bạc thì chúng tôi không có đến một đồng từ khi rời mái ấm gia đình tại Việt Nam, hai chỉ vàng mẹ tôi cho thì tụi Miên lấy từ lâu. Tôi thấy con tôi thèm cây cà rem mà lòng đau xót, không biết nói sao cho con hiểu. Tôi chỉ biết ôm con vào lòng mà khóc.

Mấy tháng sau thì chúng tôi nhận được giấy gọi phỏng vấn. Chúng tôi vừa mừng vừa run chỉ sợ rớt, khi chúng tôi bỗng con lên gặp phái đoàn thì họ có tình cảm với gia đình tôi và hỏi chúng tôi nếu có thân nhân ở Mỹ thì họ sẽ chấp nhận cho gia đình tôi đi. May quá có anh chồng tôi sống ở Mỹ đã lâu, nên họ chấp thuận. Tôi cảm thấy cuộc đời tôi chết đi sống lại sau đó gia đình tôi được chuyển tiếp qua Philippine để học tiếng Anh trước khi vào Mỹ. Chúng tôi sống ở Philippine được sáu tháng thì đi Mỹ.

Chúng tôi đến Mỹ vào ngày 20 tháng 11 năm 1986 và sống tại thành phố Oakland, bắc California, định cư và lập nghiệp ở đây cho đến nay.

Khi gia đình tôi nhận được tin chúng tôi tới Mỹ, cha mẹ tôi rất là vui mừng và khóc hết nước mắt vì tưởng chúng tôi đã chết từ lâu. Tôi luôn luôn cảm ơn bệ trên đã cứu sống gia đình mình trong thời gia vượt biên. Cuộc sống bây giờ đã ổn định, vợ chồng đều đi làm và hai con đang học đại học.

::: Trần Thị Huyền :::

Tự Do Hành Trình Gian Nan

Phạm Tiến Nam

Tác giả tự bạch:

Tôi tên Phạm Hùng, bút hiệu Phạm Tiến Nam (trở về nước Nam, hoài bão lớn nhất trong đời tôi). Sinh quán Bắc Ninh, vào Nam khi đất nước bị chia cắt, bỏ nước ra đi đến bến bờ tự do năm 1980, sau nhiều lần bị tù tội. Đến năm 12 tuổi tôi vẫn còn bị mù chữ (sinh năm 1941, đến tuổi đi học thì quê huogn chinh chiến! Theo gia đình chạy giặc đến gần biên giới Hoa Việt. Trước năm 1975 tôi là giám đốc ngân hàng, giảng sư đại học.

Định cư tại quận Cam từ năm 1981 đến nay, làm nghề tự do, tự học lấy bằng Master Of Business Administration, và sau đó hoàn tất học vị tiến sĩ Quản Trị Hành Chánh (Doctor Of Business Administration). Suốt tuổi trẻ, mò cua bắt ốc, mù chữ, những kinh nghiệm tránh pháo rất già dặn, hai lần bỏ xứ ra đi, tôi nhấn mạnh trong vài dòng tiểu sử này như một thông điệp đến những người trẻ sau tôi.

Đến hải phận rồi, anh “nái” đi. Người tài công, cũng là chủ tàu – một thuyền đánh cá chưa đầy 12m chiều dài, chòng chành, ọp ẹp – niềm hãnh diện của hân: Ghe ba “đầu bạc” (máy mạnh, có khả năng đi xa). Hân lui ra sau, tôi ra hiệu bảo hân tiếp tục lái, “lấy 23 độ tây nam”, tôi nói. Tôi rùng mình nghe rờn rợn luồn vào sau gáy, chạy dọc sống lưng! Lần đầu tiên trong đời điều khiển Con thuyền, gần trăm sinh mạng nương tựa vào tôi.

Từ Phước Tỉnh, hân vào Sài Gòn cưới vợ thành thị. Do người bạn tù vượt biên môi giới, tôi quen được hân, tôi loè hân nói không ngưng mồm, rằng tôi học giỏi, nói tiếng Anh giỏi, giỏi nghề đi biển, hân chỉ lái tới hải phận, sau đó mình tôi “bao đàn”, tới Mã ngay chóc. Tôi cố thuyết phục hân cho chuyến đi này, vì đã nhiều lần tanh bành tù tội, hân tin tôi lắm, còn cho bớt nửa cây vàng nữa, mỗi đầu người hân lấy 3 cây. Hân mười mấy năm “đi chã” (đánh cá ngoài khơi), kinh nghiệm dày dặn, còn tôi vừa mới học lõm được vài điều sơ đẳng từ đứa cháu học trường Hàng Hải Thương Thuyền, cháu dặn: “Cậu lấy 23 độ tây nam khi tới hải phận quốc tế để đến Mã nếu đi từ Vũng Tàu, biển mình sâu chừng 60 fathom, tháng tư tây có gió Monsoon (gió nồm), trời tháng ba bà già đi biển mà cậu!”

Hành trang mang theo của tôi còn cuộn dây dài gần 60 sải, có một cục sắt nhỏ ở đầu dây để dò nông sâu đáy biển, một ít lương khô, sắn cái ống nhôm và hai viên hòa pháo.

Đi hơn một ngày đường, người tài công reo lên: “Đến rồi, đến rồi”. Sao mà mau thế, tôi không tin hỏi hân: “tàu em chạy mấy hải lý một giờ?”. Hân nhún nhún đầu cười hì hì. Tôi móc trong túi ra cuộn dây, thả xuống biển, hết cả cuộn dây mà có cục sắt vẫn chưa đụng đáy. Tôi la lên thuyền quay lại hướng cũ.

Vài tiếng đồng hồ sau, cũng chính hân hốt ha hốt hải la to, bảo rằng thuyền đang đi ngang qua Côn Đảo, mọi người nằm rạp xuống. Mấy thanh niên vội giăng lưới lên, giả làm thuyền đi đánh cá. Phải vài tiếng sau, núi đồi Côn Đảo mới mờ dần trong tầm mắt. Giã từ quê hương yêu dấu!

Lúc ở nhà tôi vô đầu suy tính, đi Thái Lan thì gần, nhưng sợ hải tặc, bọn chúng tàn ác, qua Phi hay Nam Dương, phải vượt đại dương, đi Mã, chọn lựa sau cùng. Bốn ngày đêm đã qua, mịt mờ bờ bên, chỉ toàn nước trời mênh mông. Dầu đã cạn cùng với lương khô và nước uống. Đàn bà, trẻ con, người già yếu, rũ rượi la liệt ngang nằm trên mạn thuyền, vài ngày nữa mà không đến là chết cả thuyền. Vì công an theo dõi ngặt nghèo, sợ hờ một tí là bị tóm ngay, nhiều người phải mang dầu đi chôn. Riêng tôi dặn hân lấy ruột tượng đựng lương khô, bỏ dầu vào bao nylon, quần ngang người, tải từ từ lên ghe, rờn rã nhiều thàng trời mới mang được chừng năm ngày dầu. Biển lặng, có gió nồm thổi xuôi Nam.

Xa xa có một con tàu, lấy ống nhôm ra chỉ thấy được một khoảng cách vài thước, bèn bắn pháo báo nguy, pháo xít cả hai viên! Tàu lại gần hơn, mọi người vẫy tay khẩn nài. Những cánh tay rã rời buông xuống, tiếng kêu tuyệt vọng dâng lên, tàu hải tặc đụng vào mạn thuyền chúng tôi, mấy tên đen ngòm, tóc xoăn, mặt trắng dã, mặt như quỷ dữ man rợ rợn người, quần loại sà rông sắp tụt, lâm râm van vái, có tên còn lằn trắng hạt! Sau màn cầu nguyện, chúng la hét, sấn sổ nhảy qua ghe chúng tôi, mã tấu, súng dài bắn loạn xạ.

Chúng lừa trai tráng vào góc thuyền, phụ nữ người già lừa vào một nơi. Chung nắn, bóp, xé quần xé áo, lột cả nịt ngực quần lót ra xem! Tháo nhản dứt giây chuyền, bứt bông tai, miệng hét, tay nắn, chân đạp, đồng bọn đứng gác lăm le nổ đạn. Chúng dùng dao rạch các túi hành lý, lục lọi tung toé, chọn những thứ gì có giá bỏ vào những túi lớn chúng mang theo. Sau đó quay sang đánh đập, khảo tra đám trai tráng. Không ai dám chống, trẻ nhỏ cũng im thin thít, ai nấy im lặng chờ những nhát chém lạnh như thép phạm vào sau gáy.

Bỗng có chiếc thương thuyền đang tiến lại gần, bọn hải tặc lơ lảo vội rút đi. Thương thuyền lướt qua, nhiều người quỳ xuống van lạy, xì xụp kêu gào, té như té sao! Chiếc thương thuyền vẫn lặng lẽ rẽ sóng, để lại sau lưng nhiều lộn sóng cao, thuyền con chúng tôi như muốn lật nhào, tiếng khóc òa lên, vật vã kêu gào, thần chết chấp chờn lớn vồn!

Gần năm ngày đêm rờn rã, chỉ toàn mênh mông biển rộng, biển xanh liền với chân trời. Mây vàng đỏ ối nơi cuối chân trời, có bầy hải âu bay lượn, người tài công reo lên, nói rằng thuyền đã gần đến bờ, hân bỏ tay lái để chỉ cho mọi người nhìn rác rến trôi lênh bênh trên mặt biển. Tôi lấy cuộn dây trong túi thả xuống nước, một nắm dây vẫn nằm trong lòng bàn tay, mà đầu dây đã chạm đến đáy biển. Tôi lẩm bầm “ba mươi fathom, đến thật rồi!”

Tôi cho thuyền chạy hướng chính tây để đâm vào bờ, gần nửa đêm nhìn bằng mắt thường cũng thấy đất liền, ánh đèn lập loè, từ thần đã đi qua ! Không kịp thẳng bờ, tôi cho thuyền xuôi nam song song bờ biển, lánh xa vùng Bắc Mã có du kích Mã Cộng. Dự định vào đến bờ phải gặp ngay các cơ quan thiện nguyện và giới truyền thông, lọt vào tay bọn lính biên phòng, trước khi truyền thông biết là đại họa: Thuyền bị đục thủng, hút cạn hết dầu, cho tàu chiến kéo thuyền tị nạn ra khơi, chặt đứt dây. Nhiều thuyền đầy ắp người, bị kéo ra giữa khơi mùa biển động, rồi sau đó chẳng ai nghe gì về những con thuyền bạc mệnh ấy !

Trời đã sáng nhìn rõ mặt người, dầu cũng hết, tôi cho thuyền vào bờ, thuyền cập bãi cát của thành phố nghỉ mát Kuantan một buổi sáng đầu tháng 6 năm 1980, bãi vắng hoe, thành phố còn thiu thiu ngủ. Mọi người chạy ủa lên bãi cát, gặp ngay anh Mỹ đen, tôi khẩn nài nhờ anh giúp. Một lát sau anh quay trở lại cười báo tin vui rằng anh đã gọi được nhiều nhà báo, báo với cả Liên Hiệp Quốc, anh còn cho một cây thuốc lá Mã Stuf, ân cần dặn dò và chúc may mắn. Tôi ngậm ngùi xiết chặt tay anh .

Chiếc thuyền cu ru mang chúng tôi đã chìm hẳn, nếu không thì tôi cũng phải đục thủng nó, mọi người yên lòng: thuyền đã chìm, đã gặp được nhiều nhà báo, bọn Mã không dám đẩy chúng ta ra lại ngoài khơi. Mãi quá trưa quân đội mới tới, bốn tên lính Mã quân phục xộc xệch, đi dép nhựa, đeo súng sẵn, tay cầm gậy dài, hỏi chúng tôi ai là người trưởng đoàn, đập vào đầu tôi mấy hèo dằn mặt ! Không đau đòn, nhưng đau lòng, tủi phận. Sau này trên đường đi định cư Hoa Kỳ, tôi được ghé Hồng Kông để đổi máy bay, bọn chúng tôi rách rưới. Mấy tên cảnh sát phi trường dùng dùi cui xua đuổi, hăm dọa đánh đập những ai đi ra khỏi chỗ ngồi qui định . Ai đã đưa dân tộc Việt nam đến tình cảnh khổ nhục này ?

Pulau Bidong là một hoang đảo ở giữa đại dương, rộng vài cây số vương, lờm chờm núi đá, mấy chục ngàn người chen chúc, dựng lều ven vách núi chui rúc, lúc cao điểm gần 60 ngàn người. Trước ngày tôi đến đảo vài tháng, thế giới đã phải kêu lên rằng “ có phép màu, bệnh dịch mới không xảy ra”.

Ban ngày người ta chen nhau đi như buổi chợ phiên, bụi mù mắt, nắng cháy da, tiếng ồn ào như vỡ chợ. Có những vùng đất trống, phân người và nước tiểu lầy lội lên đến mắt cá, ruồi nhặng vù vù bay kín trời, mùi hôi thối nồng nặc, nắng trưa khắc nghiệt tăng độ nồng, cơn gió nóng thổi qua, đẩy đội ngược lại đằng sau, những ai hít phải sặc sụa cúi gập người xuống ôm ngực. Chuột từng bầy, to bằng bắp chân trẻ con, trụi lông, thân mình đỏ lờm lờm, hai cục hạch to bằng hai viên sỏi, khệnh khạng di chuyển chậm chạp lên khên, nhìn thấy lần đầu nhiều người nôn mửa ! Dọc theo con suối cạn, xác chuột nằm rải rác kín hai bên bờ, đi hứng nước tắm phải khéo lắm mới không dẫm phải xác chuột đã sưng vù. Hằng ngày nhiều thanh niên đi nhặt xác chuột bốn năm căn xé bự đầy vun tới bốn năm thanh niên lực lưỡng khiêng mới nổi.

Trong trại, những băng đảng nổi lên cướp bóc, hãm hiếp, mãi sau nhờ lính Mã tăng viện mới dẹp được. Những tranh giành lều chiếu, nơi ở tiện nghi, rồi nào tham ô, những lạm với những đổi chác để mong sớm được rời đảo. Có chợ mọc lên buôn bán, hàng hóa lính Mỹ đem qua từ đất liền, tiệm ăn, quán cà phê mọc lên ven bãi cát. Những máy tàu cải chế thành máy phát điện, gạo tẻ và khí đã chế thành rượu để uống say mềm quên đời lưu vong .

Thời gian tạm trú trên đảo thường thì trên dưới một năm, một năm cũng là dài đằng đẳng ! Những cuộc tình vội vàng, chớp nổi nở rộ. Lòng ngôn mới gọi đó là những cuộc tình, thật ra chỉ là những chung đụng thân xác, được vài ba tháng thì lại chia tay nhau, mỗi người đều có phận riêng. Thuốc ngừa thai được Liên Hiệp Quốc phát không rộng rãi. Thế nhưng vẫn có tiếng khóc chào đời, tiếng khóc dư thừa ngoài mong đợi. Chưa kể những thai nhi bị xóa đi dấu vết sau “những cuộc tình trên đảo”...

Ở Bidong tôi làm việc trong phòng điều tra tội ác hải tặc, tôi thường phỏng vấn đồng bào tị nạn khắp nơi dạt vào đảo, xin kể ra đây những cảnh Kinh hoàng, tất cả là sự thật, vì trí tưởng tượng của loài người không thể nào có thể dựng lên, dù chỉ bằng phần nhỏ, những chuyện tôi sắp kể...

Có thuyền trôi dạt, đập vào bờ cát Bidong, thuyền gần trăm người, chết còn mười mạng, chết vì đói, chết vì khát, bị hải tặc chém đầu ném xác xuống biển cho cá dữ ria thây. Có thuyền bị cháy nám, lờ đờ trôi gần đảo, con thuyền ma không còn ai cầm lái, thanh niên Bidong chèo ghe ra kéo thuyền vào bờ cát, thuyền còn lại mười người thoi thóp, nằm la liệt trên mạn thuyền, xác người ngổn ngang bốc mùi, có những bé thơ chết hồn nhiên nằm ôm vú mẹ. Có bà mẹ được diu xuống bến, vẫn ôm chặt đứa bé trong tay, bỗng òa lên khóc, đứa bé đã chết từ lâu, bà vật vã gào thét không ra tiếng khóc, bà vẫn mớm con bằng chính nước dãi của mình, bà vẫn lấy nước tiểu của con, vàng khè quánh đặc, để rửa kính trong những ngày có tháng !

Có mấy em gái khệnh khạng, áo quần tả tơi, bết vết máu đã khô đen, lờ đờ lảo đảo lên bờ trên cát, em chột ngồi xuống ôm mặt thều thào gọi mẹ ơ, em khóc không ra nước mắt. Lúc sau tỉnh lại, em gặp được mẹ được cha, được cả anh và cả thằng em trong đồng xác người vừa mới được chuyển từ thuyền lên bãi cát, những cái xác tồ hù nằm trên cát nắng thiêu người, không manh chiếc rách để liệm ! Có mấy bé trai, vùng dậy sau khi được mớm sữa, bé chạy tung tăng đi tìm cha mẹ, những người từ tâm ôm em vào lòng dỗ dành bảo rằng em sẽ được gặp lại cha mẹ !

Vài người sống sót chẳng hiểu vì sao mình hãy còn sống, ghen ngào kể lại chuyện đau buồn, hải tặc bắn xối xả vào thuyền, nhiều người đã bị chết ngay lúc đó, nhiều người hốt hoảng nhảy xuống biển, mùa biển động cá dữ đói ăn, nghe mùi máu tanh kéo đến từng bầy, vây vùng giành nhau phanh thây xé xác, thịt xương, áo quần, ruột gan lóng thòng, nổi lên bềnh trong vũng nước đỏ ngầu, chỉ trong khoảng khắc bấy cả dữ tha đi hết thịt xương, để lại đại dương một vùng nước đỏ ngòm . Bắn xong chúng nhảy qua thuyền, chém loạn cuông, mã tấu bừa xuống đầu, chẻ lên vai, phạm ngang lưng, đâm vào bụng, ruột lòi ra lóng thòng trắng hếu ! Máu đỏ từng vòi phun tung toé.

Tay chém, miệng gầm, áp đảo xong chúng bắt đầu cướp, lừa đàn bà con gái xuống khoang thuyền, những thân gái bị quăng quật, xé nát áo quần. Bọn chúng dành nhau những thân gái yếu đuối ! Những xác thân trần truồng quì xuống van lạy, chúng vẫn cười đùa chẳng tha, nhiều cô nằm thoi thóp, chúng lấy dao chích máu, rạch đùi, cắt đầu nhũ hoa, đâm vào hạ bộ cười hô hố . Trước khi bỏ đi còn mang theo vài người nhan sắc, đem bán cho những thanh lâu, hay đem đến một cái hải đảo hoang vu nơi có sào huyệt của bọn chúng, nhốt ở đó để thỉnh thoảng ghé vào hành hạ, chán chường thì đem đi bán, hoặc bỏ trôi trên biển, khi chúng cướp thêm được gái mới.

Báo chí có loan tin, vài cô trốn được kể lại những chuyện thương tâm. Hải tặc thường đâm thủng thuyền, đốt phá, tạo kinh hoàng rồi cướp bóc, cướp tất cả giết nhiều người dù không chống cự, hiếp cả người già...Sau đó cho đánh đắm thuyền để phi tang, nhiều người may mắn dạt được vào bờ thác loạn thần kinh, ngập ngừng không trả lời câu hỏi rằng đã có ăn thịt người chết để sống không? Không chắc...vì trong cơn thoi thóp có người mớm cho ăn, cũng chả hiểu tại sao còn sống được !

Có những thiếu phụ mất tất cả chồng con, ôm trong lòng cái thai oan nghiệt. Có những ông chồng còn lại một mình làm lủi. Những em nhỏ côi cút nước mắt chưa khô không còn ược sống hồn nhiên, có những bé trai khôi ngô mất sáng sống đời ám ảnh cảnh mẹ, cảnh chi bị dày vò, có những em gái đẹp hiền dễ thương, sớm bị dọa dầy sống đời buồn thảm. Ít có gia đình còn được đầy đủ, dọc đường mất mát . Hay lúc ra đi không thể đi chung phải phân tán nhỏ để lỡ có bề nào còn chỗ nương tựa. Bên cạnh những buồn thảm cuồng loạn, cũng còn những thủy chung,mực thước, đời sống đơn sơ đạm bạc, nhìn về tương lai.

Bidong được chia ra làm nhiều nơi cư trú. Khu C có bãi cát vàng, nổi lên những quán cà phê, cuối bãi có ngọn núi trọc, nơi an nghỉ sau cùng của những người chưa tìm được tự do đã vùi đi vào lòng đất, nơi đây cũng là nơi an nghỉ của những cái chết đau thương. Bidong trước ngày đóng cửa vĩnh viễn đã là nơi xảy ra những cuộc biểu tình đẫm máu của những người bị cướp đi quyền tự do, có nhiều người đã tự mổ bụng mình hoặc tẩm dầu thiêu rụi xác thân cháy như ngọn đuốc tự do, quyết không trở lại quê hương ngục tù.

Có nhiều trăm ngàn người đã bỏ xác trên biển đông, cũng có hàng trăm ngàn người đã chịu nhục nhằn, nhưng cả triệu người không chùn bước lũ lượt ra đi, triệu người muôn đời không phủ nhận quê hương, muôn đời hãnh diện tổ quốc, tự hào dân tộc. Chúng tôi chỉ phủ định chế độ nên chúng tôi ra đi, coi nhẹ nguy hiểm, khinh thường cái chết, lánh xa bạo quyền .

Mảnh đất tạm dung sẽ đến nếu là hoang vu cần cỗi, nếu là sa mạc buồn tênh, liệu có triệu người bất kể sinh mạng liều chết ra đi? Tự do chất chứa cái quyền được sống là người, nhân quyền áp ủ cuộc sống no lành.

Đường đi tới tự do gian nan, phủ đầy máu lệ, thịt xương vương vãi dọc đường. Những gì thuyền nhân Việt nam đã trải qua chưa một lần xảy ra trong nhiều nghìn năm lịch sử loài người .

::: Phạm Tiến Nam :::

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Con Đường Tìm Tự Do

Trần Văn Khanh

Cũng như mọi người Việt Nam sống ở phần đất tự do sau khi phần đất miền Nam rơi vào tay Cộng sản, BĐQ T.K xin đóng góp một vài điều chứng kiến vui, buồn, khổ sở, và chết chóc trên bước đường tìm tự do.

Ba con đường vượt thoát khỏi Việt nam: đường máy bay bay vào trước 30-4-1975 có ghi lại nhiều người ai cũng thấy trên ti vi, con đường bộ sau 30-4-1974 từ Việt Nam vượt qua Campuchia để đến Thái Lan thì đối với các SQ/BĐQ thì đang bị cầm tù không thể thực hiện được. Chỉ còn lại con đường vượt đại dương sau khi ra tù có vẻ thích hợp với hoàn cảnh của mình hơn.

Đầu năm 1981, sau khi rời khỏi ngục tù Cộng Sản ở trại 3 Nghệ Tĩnh về đến quê nhà, lúc ấy phong trào vượt biên bằng tàu qua các nước Thái Lan, Mã Lai, Indo, Phillipines...rất nhộn nhịp. Ý định nhen nhúm rời khỏi Việt Nam sau khi ra tù đã ăn sâu vào đầu óc tôi khi còn ở trong trại tù cho nên tôi không bỏ lỡ cơ hội này, về đến Sài Gòn vào một ngày hè nóng bức tôi tạt qua người bà con để sửa xe honda và uống nước, dịp may đã gặp lại người bà con quen, đánh hơi được thái độ và ý định của họ nên tôi không dấu diếm điều mình mơ ước rời khỏi Việt Nam để tìm tự do. Người bà con ấy đang tổ chức chuyến đi vượt biên cuối cùng với bà con và gia đình bằng lòng cho tôi theo, vì nghĩ rằng tôi mới ra tù cho nên họ không ngăn ngại.

Trước hết tôi nghĩ rằng mình phải nhúng tay vào việc mới có thể định đoạt được một phần nào số mệnh của mình chứ ? Do đó mình xin theo và đóng góp công sức cũng như tiền bạc vào chuyến đi chung. Giai đoạn một, tôi và hai người chủ tàu cùng họp bàn mua một ghe nhỏ rồi xin sửa để hợp thức hóa đi đánh cá ngoài biển. Mọi việc chuẩn bị trong ba tháng diễn tiến thuận tiện. Giai đoạn hai, tức là chuẩn bị đánh (danh từ vượt thoát). Giai đoạn ba, mua chuộc bến bãi, lương thực, dầu chạy ghe được chuẩn bị hoàn tất và đem chôn dấu nơi bí mật . Còn thành phần lái tàu và tài công tôi không có cơ hội lựa chọn và tiếp xúc (đó là lý do sau này phải đánh đổi không biết bao nhiêu sinh mạng)

Đầu tháng 6 năm 1981 mọi việc đã chuẩn bị xong xuôi. Ngày hẹn đã đến, cứ năm người hợp thành một nhóm nhỏ đi theo một chủ hướng dẫn viên tí hon (cỡ 10 hay 11 tuổi) đến Sài Gòn nơi điểm hẹn, rồi đến Bà Rịa ém quân. Bãi lên ghe là cây số 85 ở xã Ông Trịnh. Vì đây là lần tổ chức cuối cùng, nên chủ ghe đã dùng hai chiếc để đánh một lượt cho nên số người lên ghe đông hơn dự tính. Dưới sự hướng dẫn của ban tổ chức từng người theo thứ tự được lên ghe. Sau một lúc sắp xếp bắt chợt số người canh me bên ngoài tràn đến và leo lên ghe, cảnh tượng lúc ấy hỗn loạn, chen lấn, xô đẩy làm muốn chìm ghe. Sợ bị lộ nên chiếc ghe thứ nhất chở 35 người gồm bà con dòng họ của chủ ghe cho nổ máy ra khơi trước. Chiếc thứ hai, gồm hai gia đình tôi và gia đình chủ ghe cùng bao nhiêu người khác cũng bỏ chạy ra khơi không một người hướng dẫn viên đi cùng vì họ lừa cơ hội lộn xộn đã bỏ xuống ghe nhỏ chạy vào bờ.

Tối hôm đó trời mưa tầm tã, màn đêm dày đặc, nước lớn vì thế thuận tiện cho ghe ra khơi. Chúng tôi cố gắng bám theo chiếc ghe thứ nhất vì nghĩ rằng họ rành đường ra biển. Ghe của tôi chở đông người, ghe trước có ít người nên chạy nhanh hơn và biến mất dần trong bóng đêm bao trùm trên sông.

Nhắm hướng đèn trắng cửa Vũng tàu mà chạy, hơn nửa đêm nước xuống vì thế ghe bị mắc cạn, cũng hên là vừa mới bị cạn chúng tôi rồ máy chạy tới chạy lui nên ra được. Nhắm hướng khác mà tiếp tục chạy ra biển Đông. Tờ mờ sáng ghe chúng tôi chạy vượt khỏi cửa Vũng Tàu, lúc đó có nhiều ghe hoạt động phía trước nhưng không biết ghe đó là ai ? Họ là ghe đánh cá hay công an biên phòng? Cứ tiếp tục mở máy chạy hết tốc lực (ghe chúng tôi đặt máy 2 lock nên chạy cũng nhanh và mạnh) vài giờ sau chúng tôi xa dần không ghe nào đuổi kịp nữa lúc đó mới lấy hướng lại mà xuôi về Mã Lai. Mọi người ai nấy đều vui mừng vì thoát nạn, không bị công an hay lực lượng biên phòng bắt lại. Riêng tôi thì tâm hồn giờ đây thực sự lo lắng và bùi ngùi vô tả. Thuyền tiếp tục xuôi Nam. Hôm sau trên hải hành thỉnh thoảng thấy một vài chiếc tàu chở hàng chạy xa xa. Mọi người có làm ám hiệu nhưng không thấy có chuyện gì xảy ra. Ngày thứ hai trôi qua êm ả. Rạng ngày thứ ba thì máy tàu ngưng hoạt động vì người tài công đi ngủ giao lại cho một người không biết xử dụng và điều khiển máy trực. Sau đó vẫn không thể cho máy chạy lại được tuy người thợ máy đã cố gắng hết sức. Sửa mãi đến cả ngày hôm sau, hai bình điện mới đã hết hơi sau nhiều lần đề máy, lúc này bình điện không dùng được nữa cho nên phải dùng dây kéo máy. Cứ mỗi phút là một tuyệt vọng. Thế rồi thợ máy và tài công buông xuôi . Tôi kiểm tra lại lương thực và nước uống còn đủ trong vòng bảy ngày, dầu cặn còn nhiều dùng để đốt lửa làm ám hiệu cứu vớt.

Ghe bây giờ bắt đầu trôi về hướng Bắc, trôi giạt ngang không lái được và cứ trôi, trôi mãi không biết về đâu. Ngày ngày thấy khoảng năm đến 10 chiếc tàu lớn chạy xa xa, tôi dùng bảng hiệu S.O.S trương lên mỗi khi thấy tàu, nhưng hy vọng đến lại thành tuyệt vọng. Hằng ngày mỗi người được một nắp mì khô và nước uống để cầm hơi. Mọi người đều cầu nguyện cho ghe mình được tàu lớn vớt lên. Bảy ngày trôi qua, theo tôi đếm khoảng trên dưới 40 tàu chạy ngang, cũng có một vài tàu chạy đến rất gần nhưng rồi họ chạy luôn. Nỗi thất vọng ê chề đến với mọi người. Đến ngày thứ chín...thứ mười chúng tôi không thấy tàu lớn nữa, tôi đoán chắc mình trôi giạt ra ngoài hải trình rồi !

Thức ăn, nước uống đã cạn, dầu máy cũng đã đốt hết, bây giờ phải làm sao đây? ĐÓI ! KHÁT ! Cái chết sẽ đến gần kề. Ghe không có cần câu nên không sao bắt được cá để nuôi sống? Tôi tìm được cây kim cúc nên uốn được một lưỡi câu, dây thì tháo ra từ dàn lưới kéo. Kết quả cũng khỉnh khè là câu được một vài con cá nhỏ tuy không có mỡ. Mọi người trên ghe cũng làm theo nhưng không thành công. Nước uống: có vấn đề cấp bách của con người cho nên tôi có đem theo một áo mưa bằng nylon, chờ lúc trời mưa hứng nước cho vào bình để dành uống. Nếu hai hoặc ba ngày trời không mưa thì có người khát gần chết. Những người còn nước chia sẻ cho những người cần nước nên thoát chết.

Hơn mười ngày sau (đến đây tôi không nhớ ngày thứ bao nhiêu nữa???) Trên thuyền trông về phía xa xa có một vài đốm đen nho nhỏ như là phiến đá nhô lên. Nhiều người cho rằng đó là vùng đảo Trường Sa . Đến chiều thì ghe trôi ngang cho nên thấy được mực nước biển cạn và ghe đã trôi ngang một vùng cạn. Lập tức trên ghe có nhiều người nôn nao muốn xuống đảo để tìm thức ăn. Sau đó có bốn thanh niên cởi trần mỗi người dùng một cái bình nhựa làm phao nhảy xuống biển để lội vào đảo kiếm thức ăn. Tai họa đã đến với họ, ghe tiếp tục trôi đi rất nhanh, xa dần, xa dần...xa dần rồi mất hẳn bốn người đó. Màn đêm đến mọi người còn lại trên ghe không biết bốn thanh niên đó đã trôi trên biển đói lạnh, kiệt sức rồi chìm sâu trong lòng biển hay không?

Có lẽ hai tuần đã trôi qua, bốn người đã ra đi, trên ghe mọi người giờ đây ngày đêm chỉ biết cầu nguyện mà thôi. Lương thực, nước uống cạn kiệt, một vài người nữa đã ra đi. Kể đó có mưa nên cuộc sống trên ghe được tiếp tục. Rồi mỗi ngày lại thình thoảng nghe mọi người hô lên có người chết. Ông tài công phải làm việc thủy táng ngay nếu có người chết.

Đêm hôm sau vào lúc 3 hay 4 giờ sáng tôi thình lình nghe tiếng ồn ào phía sau ghe ở dưới hầm, có người nói họ ăn thịt người chết. Tôi bèn bật dậy và bò trên ghe . Một cảnh rợn người diễn ra, tôi thấy có 5, 6 người bao quanh một xác chết đã mổ bong máu me tùm lum. Họ đã mổ xác chết để lấy lá gan ăn sống, mồm miệng bê bết máu tươi.

Họ chia nhau lá gan để ăn sống và chuyền tay cho những người khác cùng ăn. Tôi bò lại gần và nói: “Các anh đang làm gì vậy?” Tất cả mọi người đều im lặng, mặt mày ai nấy đều đen như xác chết . Tôi nói lớn lên: “ Các anh đừng làm như vậy, những người không chịu đựng nổi cảnh này thì họ đi để cho toàn vẹn thân thể . Chúng ta đừng làm những chuyện kinh khủng đó nữa, hãy tự an tâm và cầu nguyện chắc chắn sẽ có người đến cứu chúng ta mà thôi ”. Tôi nói với ông tài công rằng: “ anh nên làm công việc của anh đối với những người vừa chết để tránh cảnh hãi hùng và kinh hoàng vừa qua, tôi và một số nữa sẽ phụ anh, nếu người nào chết thì phải thủy táng ngay”. Những ngày sau trôi qua vì có mưa rải rác cho nên không có ai chết.

Rồi một buổi chiều có người báo là ở đằng trước có đảo san hô, mà ghe chúng tôi thì cứ nhắm hướng đấy trôi đến. Tôi thất thần, hoảng hốt...Thôi thế là tất cả phải chôn vùi nơi đây rồi...không cách nào ghe có thể tránh được bức tường đá ngầm này rồi (đá này nước lớn thì che lấp, nước ròng thì nhô lên vài thước). Mọi người đều tuyệt vọng, thất sắc, bây giờ chỉ biết ngồi chờ cái chết mà thôi. Tôi ôm chặt tất cả mọi người thân thuộc trong gia đình lại để chờ chết . Nhưng may mắn thay, thuyền tiến lại bức tường đá ngầm rồi tự dừng vài con sóng đánh làm ghe trôi giạt vào một vịnh sâu nên ghe không bị bể hay bị lật ngang, ghe chỉ bị chạm vào đá nghe rào rạt nhưng không bị vỡ hay vô nước. Thế thì ghe được nằm vào vịnh là an toàn . Mọi người mừng rỡ vì đã thoát chết ít nhất là hiện tại. Bây giờ làm sao ghe ra khỏi nơi đây? Tất cả đều nhìn nhau. Đêm lại đến, dần dà nước lên, sóng đánh làm ghe trôi lần ra khỏi đảo, sáng hôm sau ghe đã trôi xa không còn thấy đảo nữa.

Ngày tiếp tục trôi qua, đêm đến lạnh lẽo một số người không còn chịu đựng nổi nữa nên từ từ ra đi vĩnh viễn. Có người lên đồng lên bóng nói chuyện vắn vớ, có người tuyệt vọng vì quá khát nên uống nước biển nên cũng chết luôn. Trên ghe bây giờ cơ thể con người chỉ còn bằng phân nửa trọng lượng của chính mình thôi. Quần áo bị nước biển phá hủy, nên rách rưới thật thảm hại vô cùng. Hồi mới lên ghe tôi nhớ không có chỗ ngồi, giờ thì có chỗ nằm.

Thế rồi một đêm mưa to gió lớn tôi chợt thiếp đi, trong cơn mê mớ màng thấy sáng mai có hai chiếc trực thăng màu đen kịt bay đến bay đến và rước mọi người trên ghe vào đất liền, nơi đó có người ở và nhiều loại trái cây giống như ở Việt Nam. Thức dậy tôi nói cho gia đình nghe về giấc mơ của tôi mọi người đều thờ dài im lặng.

Tờ mờ sáng hôm sau, lúc ấy tôi nằm ở khoang ghe, một vài người nằm ở trên boong nói ghe sắp trôi vào đảo san hô nữa. Tôi bật dậy thì thấy sự thật ghe đang trôi dạt vào một đảo san hô lớn có nước lấp xấp . Nhìn phía xa xa lại thấy có hai chấm đen nho nhỏ. Có người nói: “ Ô ! Ghe ở phía trước ông Tám ơi !” (vì lúc đó râu tôi rất dài). Tôi nhìn về phía đó thấy hai chấm đen nho nhỏ . Tôi chợt reo lên: “ Có ghe đánh cá ở phía trước kia, mau mau làm dấu hiệu cấp cứu.” Tôi cởi áo ra và đứng trước mũi ghe vẫy tay làm ám hiệu. Sau vài phút tôi thấy chấm đen lớn và tiến về phía ghe mình, phía sau có đốm lửa to . Tôi vui mừng và la lên cho mọi người nghe: “ có ghe đánh cá đến cứu chúng ta”... “Có ghe đánh cá đến cứu chúng ta”... Mọi người nhón nhao lên, ghe của họ đã tiến sát đến nhưng không đến gần được vì ghe này đã kề sát đảo san hô. Một cơn sóng mạnh đập vào đây chiếc ghe của chúng tôi lật ngang trên đảo san hô. Hai chiếc ghe đánh cá đậu xa chừng 50 mét và cho sáu chiếc xuống nhỏ chèo lại gần chiếc ghe lật ngang của chúng tôi, họ xưng là người Phillipines, rồi họ đỡ từng người qua chiếc xuống nhỏ và cho lên ghe lớn của họ . Mọi người mừng rỡ vô hạn, chỉ biết nhìn nhau mà không nói lên lời !!? Tôi còn tỉnh táo nên nói vài lời với ông thuyền trưởng người Phi.

Nhìn lên tờ lịch treo trên tàu thấy hôm ấy là ngày 7/7/1981, tính ra chúng tôi đã trôi hết 37 ngày trên biển cả. Tôi cảm ơn ông thuyền trưởng và tất cả thủy thủ đã cứu vớt chúng tôi, tôi có đôi lời giải thích với họ là chúng tôi bị đói tới 37 ngày nếu có sữa và nước thì cho chúng tôi uống. Chúng tôi không ăn cơm được, vì ăn cơm vào sẽ bị đau bao

tử rất nguy hiểm. Tôi cũng đã dặn với mọi người nên cẩn thận đừng ăn vội, nhờ thủy thủ nấu cháo để mọi người cùng ăn. Tất cả đều kiệt lực. Ông thuyền trưởng nói chuyện với chúng tôi rằng: “ Tôi thật cảm động thấy cảnh chết chóc của người Việt bỏ nước ra đi tìm tự do”. Ông nói: “ Thật là huyền diệu” vì từ trước đến giờ ông chưa hề đến nơi này để đánh cá, bỗng dưng đêm hôm qua cái gì xui khiến ông lại có ý định đến nơi này để đánh cá . Đến nơi, thấy cảnh tượng này nên lập tức cấp cứu ngay. Ông nói bây giờ thật là cấp bách vì mọi người gần như chết nên ông phải bỏ dở chuyến đánh cá quay vào đảo. Ông đưa bản đồ ra và chỉ từ đây về đảo Mangsee khoảng 10 dặm. Ghe chạy mất một ngày và một đêm mới đến.

Chiều hôm sau ghe đã đến được đảo Mangsee. Đảo này nhỏ và có khoảng 100 nóc nhà và vài chục ghe đánh cá, ở đó có một trung đội thủy quân lục chiến Phi trấn đóng. Tàu cập bến, họ xuống ghe khiêng từng người lên đảo, chỉ có một vài người còn chống gậy đi liễng xiễng. Trong đó có tôi. Tất cả như còn da bọc xương mà thôi, riêng tôi trông như ông cụ 70 tuổi vì râu dài không cạo và ốm còn khoảng 30 kg. Lên đảo tôi gặp ông thủy quân lục chiến Phi và nói rõ về thuyền bị nạn nhờ họ giúp đỡ. Vài giờ sau cả đảo đến tập trung giúp mọi người. Chúng tôi tạm ở tại ngôi trường để chờ tàu của chính phủ đưa vào trại tỵ nạn Palawan. Kiểm điểm lại còn 64 người sống sót, trên 50 người ra đi vĩnh viễn. Chúng tôi phải nhập viện khẩn cấp toàn ghe để cấp cứu khi vừa đến trại Palawan . Sau ba tháng mọi người đều bình phục, bây giờ mỗi người mỗi ngả như ở Pháp, Canada, Mỹ, Úc, v.v...

Đầu năm 1983 tôi định cư ở Úc và cũng như mọi thuyền nhân khác để tạo lại cuộc sống mới trên xứ sở tự do này. Hy vọng mẩu chuyện vượt biên này cũng góp phần nói lên thảm cảnh thuyền nhân Việt nam trên 25 năm qua.

... Trần Văn Khanh ...



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Vượt Thoát

Phạm Kim

Đăng Phúc Hòa

Tôi có lẽ cũng giống như các bạn đều không nghĩ rằng trong cuộc đời có một ngày nào đó phải rời bỏ quê hương đất nước của mình một cách lén lút và hết sức nguy hiểm. Có khi phải hy sinh chính mạng sống của mình cho đủ mọi lý do của cuộc vượt thoát như : bị bọn công an Việt Cộng bắn chết hay bị giam và chết trong tù...Sau đó lại bị bọn hải tặc cướp, giết và chết chìm ngoài biển cả, hay bị bệnh dịch mà chết khi đã được lên các đảo trong vùng Đông Nam Á. Tất cả những nguy hiểm đó, nếu ai chưa từng trải qua thì khó hình dung được hết nỗi khổ sở, đắng cay, tủi nhục và đau buồn của những người đã phải từng chịu đựng những cảnh ngộ đau thương đó.

Tôi giả từ cuộc đời áo trắng học sinh để khoác lên người áo lính và ba lô khi tuổi đời còn rất trẻ, vừa tròn mười bảy tuổi đời. Do sự đánh phá của Việt Cộng ngày càng gia tăng tại Miền Nam, đặc biệt là cuộc tổng tấn công tại miền Trung vào mùa hè đỏ lửa năm 1972, hàng đoàn lớp thanh niên học sinh và sinh viên đã tạm gác bút nghiên theo tiếng gọi của non sông để lên đường bảo vệ tự do và bình yên cho quê hương.

Năm vừa tròn hai mươi tuổi, tôi lại phải chứng kiến cuộc chiến tại miền Nam bị kết thúc một cách bức tử vào ngày 30/4/75, làm lòng tôi uất nghẹn, nước mắt tuôn trào và thương cho đất nước đã rơi vào vòng cai trị của bọn người theo chủ nghĩa độc tài và vong bản. Đó cũng là nỗi lòng và tâm tình chung của tập thể chiến sĩ quân đội Việt Nam Cộng Hòa, của nhân dân miền Nam và của cả nước.

Biết nói thế nào khi cuộc chiến tại Việt Nam lúc đó do các thế lực ngoại lai chi phối và quyết định chiến thắng đã ngã về phía kẻ xấu, và hậu quả của nó đã đưa đến tình trạng đất nước gần ba mươi năm sau chiến tranh còn tiếp tục bị nghèo và lạc hậu về nhiều mặt so với các nước trong vùng Đông Nam Á hiện nay (Mã Lai, Nam Dương, Thái Lan, Singapore, Nam Hàn, Phi Luật Tân...), so sánh trước năm 1975, miền Nam đã không bị thua kém xa về trình độ phát triển kinh tế và xã hội so với các nước trên. Cho nên một điều chắc chắn là cho đến nay, không một người nào có đầu óc bình thường lại còn có thể tin tưởng, ủng hộ và muốn sống trong một xã hội được gọi là xã hội chủ nghĩa và chẳng có một nhà học giả nào có thể tìm được những lý lẽ hợp lý để bênh vực cho cái gọi là sự yêu việt và tuyệt với của chủ nghĩa cộng sản để tồn tại trên quả đất này nữa. Tuy nhiên, có thể còn hai loại hạng người muốn theo cái xã hội đó : Thứ nhất là những kẻ mộng du, và loại thứ hai là những kẻ điếm đảng muốn có quyền lực độc tài để sống trên mồ hôi, máu và nước mắt của người dân lành.

Chính sự mất thấy và tai nghe những khủng bố và trả thù tàn bạo về mặt chính trị, các thảm họa về mặt kinh tế, sự lụn bại về văn hóa, sự suy sụp về đạo đức xã hội đã xảy ra trên quê hương Việt Nam khi Việt Cộng cai trị cả nước sau năm 1975, đặc biệt vào năm 1978, thời điểm mà Việt Cộng đã thi hành cái gọi là cuộc cải tạo thành phần tư sản, tiểu tư sản và hợp tác xã nông nghiệp trên khắp miền Nam, đã tạo ra cơn khủng hoảng về kinh tế, xã hội và đời sống của mọi người dân, và làm phát sinh nên hiện tượng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử di dân của nước ta là làn sóng hàng triệu người đã tìm đường vượt thoát bằng mọi cách, mọi phương tiện sẵn có để ra đi và từ bỏ một thiên đàng mù hay còn gọi thiên đàng bánh vẽ trên mặt đất. Công cuộc vượt thoát kéo dài trong hơn mười năm trời ròng rã, có biết bao đau thương và khổ nhục đã xảy ra trên những chuyến đi bằng đường biển cũng như đường bộ.

Chuyến ghe vượt biển của chúng tôi cũng là một trong hàng loạt những chuyến ghe tàu vượt biên trong thời điểm của những năm 1979 và 1980. Chuyến đi vừa có nhiều gian nan, nguy hiểm vì đã gặp những chướng trở và tai nạn chết người trên đường đi, có lúc tưởng chừng như không đến được bờ, và may mắn là đa số người đi cùng chiếc ghe đều được định cư ở một nước thứ ba, chỉ trừ vài người không may mắn bị mất tích hoặc chết trên sông và trên biển.

Chuyến ghe vượt biên đã được chuẩn bị gần hai tháng mới xong mọi thứ cần thiết : như chiếc ghe dài khoảng 14 mét, xăng dầu, các dụng cụ, thuốc trị bệnh, thực phẩm, nước uống. Anh của bạn tôi là người đứng ra tổ chức chuyến vượt biên này, anh là một sĩ quan hải quân cấp úy vừa mới ra khỏi nhà tù mà Việt Cộng gọi là trại học tập cải tạo, với hơn ba năm bị giam cầm.

Tôi và bạn tôi được giao trách nhiệm lo xăng dầu cho chuyến đi, khoảng 400 lít dầu cặn diesel, chúng tôi đi hỏi mua dầu lẻ từ các bác tài xế xe hàng ở các bãi đậu xe dọc theo bến tàu cảng Sài Gòn và cầu Tân Thuận. Dầu được vận chuyển bằng các phương tiện xe xích lô, xe đạp và được ngụy trang như những bình đựng nước mắm, nước tương.

Sau khi đã có đủ mọi thứ cần thiết, chúng tôi bắt đầu di chuyển từng nhóm nhỏ về thị xã Mỹ Tho từ vài ba ngày trước đó. Để tránh sự dòm ngó của bọn công an, chúng tôi chia thành từng nhóm nhỏ vào nhà người quen, giống như là bà con đến thăm viếng nhau. Buổi tối đúng giờ đã hẹn, khoảng mười một giờ đêm, chúng tôi bắt đầu gom người lại từ bốn chiếc xuồng nhỏ, mỗi chiếc chở từ bốn đến sáu người, để đưa ra chiếc ghe lớn đã đậu chờ sẵn cách các chiếc xuồng nhỏ khoảng một cây số. Chúng tôi đã quy ước ám hiệu để khi muốn gọi và nhận ra nhau là gọi " Anh Hai oi!" Đáp " Rượu đế đây !" Nếu lời đáp không theo như định ước thì tìm đường thoát cho nhanh.

Mặc dầu đã được chuẩn bị trước khá chu đáo, chuyến đi này cuối cùng đã bị thất bại vì có một nhóm đã bị công an theo dõi và chúng bắt buộc vài người trong nhóm phải đi ra bên đầu của các xuồng nhỏ để chúng có thể gom bắt nhiều người khác trong chuyến đi. Khi nhóm chúng tôi đến gần điểm hẹn thì đã nghe từ xa hàng trăm mét tiếng sột soạt vào các cành lá cây như là một sự cố ý, chúng tôi đã cử một thanh niên nhanh nhẹn lên phía trước, khi đến khoảng cách an toàn thì thanh niên này đã gọi ám hiệu "Anh hai ơi!" Chợt bên kia có tiếng động phát ra khá lớn : "Xong rồi !".

Biết đã bị động, anh thanh niên vội vã đi ngược nhanh về phía chúng tôi và nói nhỏ : "Bê rồi các anh ơi !" Không nói thêm một lời, mọi người đều di chuyển thật nhẹ và nhanh ra khỏi vùng đất nguy hiểm đó ngay lập tức. Rất may mắn là người bạn đó đã trả lời sai ám hiệu đó thật hay làm cho bọn công an tưởng rằng đúng ám hiệu nên có phản ứng hơi chậm và chủ quan, do đó nhóm chúng tôi có đủ thời gian trong gang tấc để rời bỏ địa điểm đó. Liên sau đó, chúng tôi cử ra một người cấp tốc liên lạc với hai nhóm người còn lại để báo hoãn chuyến đi, những người còn lại vội vã trở lại căn nhà nơi đang ở tạm để làm như đang ngủ bình thường tại nhà.

Ngày hôm sau chúng tôi ra chợ Mỹ Tho để liên lạc với nhau thì được biết một chiếc xuồng của anh bạn cùng xóm đã không kịp biết tin báo hoãn chuyến đi, nên chiếc xuồng của anh đã ra giữa dòng sông. Sau đó vì nghe tiếng rượt bắt người vượt biên nên mọi người trên xuồng cuống quýt, lo sợ và muốn vào bờ thật nhanh để chạy thoát, nhưng do hấp tấp lúc quay đầu ghé vào bờ, chiếc ghe đã bị lật giữa dòng sông trong đêm tối đen như mực.

Mọi người đã quẳng mọi thứ vật dụng mang theo để bơi vào bờ, có điều không may là đứa em trai khoảng mười một tuổi của anh bạn cùng xóm đã bị chết chìm dưới lòng sông, mặc dù anh và vài thanh niên đi cùng đã bơi vòng quanh một hồi lâu để ráng cứu em. Đây là sự mất mát đầu tiên của chuyến vượt biên, tôi và vài người cùng nhóm đã gặp anh bạn đó với đôi mắt đỏ hoe, buồn bã và đau xót vô cùng. Trong đôi mắt anh có một sự nức nở và ân hận vô vàn vì không bảo vệ an toàn cho người em thân yêu của mình mà mẹ anh đã giao cho anh trước lúc từ biệt mẹ và gia đình để đi vượt biên. Tôi hình dung ra sự bàng hoàng đau đớn và những dòng nước mắt tuôn trào thương xót tột cùng của người mẹ khi biết tin người con trai nhỏ bé của mình đã bị mất tích trên đường vượt biên .

Chuyến vượt biên đầu tiên đã thất bại. Trở về lại Sài Gòn, nơi mà bọn Việt Cộng đã đổi thành tên cho một kẻ tội đồ của đất nước đã đi theo chủ nghĩa yong bản và ảo tưởng, để cùng băng đảng đưa dân tộc Việt Nam vào vòng máu lửa chiến tranh hơn ba mươi năm, tạo ra sự thù hận và sự lụn bại về mọi mặt trong đời sống của xã hội nước ta cho đến ngày hôm nay, chúng tôi bắt tay ngay vào việc chuẩn bị lại mọi thứ cần dùng cho chuyến đi mới.

Trước khi tôi và các bạn lên đường vượt biên lần thứ hai, chúng tôi đã họp mặt và ăn một bữa cơm chia tay tại nhà tôi, các bạn tôi đã kể chuyện buồn vui cho mẹ tôi nghe về chuyến vượt biên vừa qua . Chúng tôi cũng đã nói để an ủi mẹ tôi rằng nếu ai đi vượt biên thì có ba con đường phải chấp nhận: một là Má nuôi (do bị bắt vào tù Việt Cộng nên má phải đi thăm nuôi), hai là nuôi cá (do chết ngoài biển hay vì bất cứ lý do gì như chìm tàu, hải tặc giết, bệnh dịch hoặc đói mà chết), và ba là nuôi Má (đi được tị nạn thì sau khi đi làm sẽ có tiền để gửi về nuôi Má và cả gia đình). Cả ba trường hợp trên thì nuôi má là hạnh phúc nhất mà ai cũng mong muốn được như thế.

Chuyến ghe vượt biên lần thứ hai lên đường vào khoảng sau Tết Kỷ Mùi năm 1979 một tuần lễ, chiếc ghe của chúng tôi đã chạy thoát ra vùng biển của Việt Nam, ra đến hải phận quốc tế thì bị hư chân vịt quạt nước, may mắn là trên ghe đã có sẵn một cái để thay, tuy nhiên việc sửa chữa cũng kéo dài chừng hai ngày mới hoàn chỉnh được máy móc. Sau đó chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình của ngày thứ tư trên biển, mọi người đều có dấu hiệu mệt mỏi, hốc hác thấy rõ vì không được ngủ, một số người đã bị bệnh cảm cúm, say sóng và tiêu chảy, thực phẩm và nước uống bắt đầu cạn dần . Chúng tôi đã lạc vào vùng biển không có tàu hàng hải lớn đi ngang qua. Chúng tôi đang bàn tính phải đổi hướng đi, thay vì sang Thái Lan thì nên chuyển hướng sang Nam Dương, mặc dù xa hơn nhưng sẽ an toàn hơn.

Chưa kịp đổi hướng đi thì chiếc ghe của chúng tôi đã bị hải tặc Thái Lan gồm khoảng hơn mười chiếc tàu đánh cá lớn nhỏ đến bủa vây để trấn lột và cướp phá dã man. Trận cướp đầu tiên bị bọn hải tặc tấn công là lần thiệt hại nặng nề nhất về tài sản và nhân mạng. Hai chiếc ghe lớn của hải tặc ép sát hai bên hông chiếc ghe nhỏ của chúng tôi, mặc dầu đã rất mệt mỏi sau 4 ngày vượt biển, nhưng chúng tôi cũng cố lấy hết hơi tàn để cùng nhau dùng các cây chèo đẩy hai chiếc ghe hải tặc ra xa chiếc ghe của chúng tôi. Tình trạng đó không kéo dài hơn vài phút, bọn hải tặc có súng trường loại Cạc-bin đã bắn vài ba phát chỉ thiên hăm dọa, đồng thời trên tay những tên khác còn cầm các loại dao mã tấu và dao phay. Tiếp theo đó, khoảng bốn tên đã nhảy qua ghe nhỏ của chúng tôi, không nói câu nào tên trong bọn đã chém ngay vào tay và chân của hai thanh niên còn tương đối khoẻ trên ghe để dẫn dắt mọi người chúng tôi không nên chống cự lại bọn chúng, vết thương của hai anh này bị khá sâu nên cả hai đều phải chịu ôm vết thương ngồi tại chỗ, sau đó bọn hải tặc bắt đầu lục soát khắp nơi trên ghe, các túi đựng quần áo, các giỏ đựng thực phẩm và thuốc men còn lại ít ỏi, kể cả quần áo trên người chúng tôi đang mặc để tìm các quý kim, nhẫn vàng, dây chuyền, đồng hồ...

Cho đến lúc đó, trên chiếc ghe của chúng tôi có khoảng hai mươi người, gồm bảy trẻ em dưới 15 tuổi, và 9 nam, tuy nhiên đa số trẻ con và phụ nữ đã bị bệnh, hai người nam bị bệnh sốt đang nằm trên sàn ghe, chỉ còn khoảng Tám người là tương đối khoẻ để có thể giúp đỡ cho các bệnh nhân trên ghe . Trong số hai người nữ còn tương đối khoẻ mạnh là một chị đã ngoài ba mươi tuổi nhưng trông già và ốm yếu, một cô gái chừng ngoài hai mươi tuổi, là em ruột anh bạn cùng ghe với chúng tôi. Sau khi lục soát và cướp đi hết đồng hồ và nhẫn đeo tay ít ỏi của những người trên ghe thì một tên trong bọn thỉnh thoảng lấy tay của cô gái lôi kéo đi qua ghe của bọn chúng, anh bạn của tôi

mặc dù đang bị bọn hải tặc cầm dao khống chế, nhưng anh vẫn can đảm nhào ra cứu em gái và miệng luôn la lớn lên nhiều lần, trong giọng nói của anh có pha lẫn nỗi sợ hãi: “ No, please don’t. No, no, please don’t”...

Đường như bọn hải tặc chẳng để ý lời kêu gào của anh, một tên trong bọn đã xả dao chém vào lưng anh một nhát mạnh khiến anh ngã quỵ trên sàn ghe, sau đó tên này lôi cô gái lên bờ thành ghe của chiếc ghe để kéo về ghe bọn chúng, tuy nhiên với sức lực tuyệt vọng còn lại, cô gái đã vẫy vùng mãnh liệt để thoát khỏi bàn tay độc ác của tên này và bị rơi xuống biển cùng tên hải tặc đang nắm chặt tay cô. Tức giận vì bị té xuống biển, tên hải tặc đã đâm mạnh vào đầu và vai cô gái khiến cô chìm dần vào lòng biển, sau đó tên này ung dung bơi trở lại ghe của bọn chúng. Khi cô gái rơi xuống biển, bọn hải tặc đã vội gom mọi thứ cướp được và nhảy trở lại ghe của bọn chúng.

Ngay khi chúng rời chiếc ghe của chúng tôi, lập tức ba người thanh niên của ghe chúng tôi đã nhảy xuống biển ngay vào nơi tên hải tặc vừa đâm cô gái để có thể cứu cô trở lên. Nhưng không may, sau hơn mười phút cố gắng lặn hụp tìm kiếm, cả ba người đều không thấy cô gái đâu cả, có lẽ do bị tên hải tặc đánh mạnh vào đầu, cô gái bất tỉnh nên đã chìm sâu vào lòng đại dương. Trong lúc đó, mọi người trên ghe đã dùng vài cái áo cũ nằm rải rác trên ghe do bọn hải tặc lục soát làm văng tung toé để dùng làm băng cứu thương buộc lại các vết thương cho ba thanh niên vừa bị bọn hải tặc chém, mọi người đều thương xót cho anh thanh niên nằm bất tỉnh trên ghe mà không biết em gái mình bị mất tích.

Trong những giây phút hỗn loạn đó, tất cả chúng tôi đều bị khống chế bằng dao và mã tấu, cho nên việc chống cự không hiệu quả sẽ bị thiệt hại nhiều hơn nữa. Chúng tôi có cảm giác hết sức căm giận và hổ thẹn cho sự bất lực của chính mình khi thấy cảnh tượng đau lòng xảy ra cho những người xung quanh, đặc biệt là trường hợp của cô gái và anh trai của cô đang bị thương nằm trên sàn ghe. Sau trận cướp phá đầu tiên, trong vòng năm giờ đồng hồ tiếp theo sau của buổi chiều hôm đó, chiếc ghe của chúng tôi phải gánh chịu thêm ít nhất ba đợt tấn công khác nữa hết nhóm hải tặc này thì lại đến nhóm khác đến cướp bóc và trấn lột. Các lần sau này, khi bọn hải tặc đến cướp thì hầu như không còn gặp kháng cự nào của chúng tôi nữa vì mọi người đã mệt lả và không còn vật quý giá gì để cướp nữa, bọn hải tặc đã vét cạn hết mọi thứ có được trên ghe, thậm chí đến đôi giày của em bé tám tuổi cũng bị bọn chúng lột khỏi đôi chân bé nhỏ của em để cướp lấy, sự việc rất đau lòng nhưng đó lại là sự thật hiển nhiên đã xảy ra trên đường vượt biên của chúng tôi.

Sau các đợt bị bọn hải tặc cướp, mọi người trên ghe chỉ còn dính duy nhất một bộ quần áo trên người mà thôi, có anh chỉ còn quần xà lỏn che thân. Ngày thứ năm trên biển với thực phẩm đã hết, nước uống và dầu cạn dần. Trong ba ngày còn lại, trước khi trôi vào một hoang đảo mà sau này chúng tôi được biết là của Nam Dương, ghe chúng tôi đã gặp một vài tàu lớn đi ngang, nhưng họ đã quay mũi tàu bỏ đi từ xa, không vớt chúng tôi lên tàu, chỉ có một chiếc tàu do thấy cảnh đói khát, bệnh dịch thể thảm của chúng tôi nên đã quăng xuống ghe một ít thực phẩm và nước uống, vừa cho xong là họ rồ máy đi ngay bỏ lại chiếc ghe nhỏ của chúng tôi lênh đênh trên vùng biển vắng. Khi chúng tôi lên được một đảo hoang, chúng tôi đã chôn cất anh trai của cô gái mất tích trên biển vì vết thương làm mất nhiều máu nên anh đã chết hai ngày sau đó, chúng tôi không nỡ bỏ anh xuống lòng biển cả mà cố đợi vào đất liền để có thể chôn cất anh. Điều rất may là lúc anh vừa mất, chúng tôi thấy hy vọng lấp ló đâu đó bóng dáng của vài hoang đảo.

Khi vào được đảo hoang thì số thực phẩm ít ỏi còn lại đều bị lên men chua nên không ai ăn được nữa, chúng tôi phải leo hái các trái dừa tươi trên đảo để ăn cho đỡ đói hết hơn một ngày. Sau đó nhờ có tàu của phủ Cao Ủy Liên Hợp Quốc đi ngang đã vào đón chúng tôi về đảo Galang I cách đó khoảng một chục cây số.

Đa số người đi trên ghe của chúng tôi đều ở lại tị nạn không quá sáu tháng, vì mọi người đều là gia đình thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa hay đã có sẵn thân nhân ở các nước Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Anh, Úc...nên đều được đi định cư sớm. Những ngày chúng tôi sống trong trại tị nạn của đảo Galang I đi qua thật nhanh và thường vào những đêm ngủ, chúng tôi đều gặp ác mộng về chuyến đi vừa rồi và chờ đến sáng hôm sau mọi người đem ra kể lại cho nhau nghe những giấc mơ hãi hùng và kinh dị, ai nấy cũng đều thương cảm cho những người không may mắn tử nạn trên đường vượt sông, vượt biển vừa qua. Một tháng đúng, sau khi ghe chúng tôi cập vào hoang đảo, nhóm chúng tôi đã họp mặt để làm lễ cúng tưởng niệm cho ba người đã chết trong hai lần vượt biên gồm một em bé mười một tuổi, cô gái và anh trai của cô. Chúng tôi đã đồng cầu nguyện cho những người không may mắn đến đến được bến bờ tự do, đã chết trên sông trên biển, hoang đảo hay đất liền đều được siêu thoát về cõi vĩnh hằng. Chúng tôi cũng sẽ nguyện cố gắng sống xứng đáng nơi xứ người để góp phần vào xây dựng cộng đồng nơi mình sinh sống, và lúc nào cũng quyết tâm và nỗ lực không mệt mỏi để góp phần nhỏ vào việc đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài Cộng Sản nhằm đem lại tự do và thịnh vượng cho đất nước Việt Nam của chúng ta trong tương lai không xa.

Phạm Kim

Đặng Phúc Hòa

Cường Bức Hồi Hương

T.H.V

Sáu lần vượt biên thất bại vào những năm 80-88, từ Bà Rịa –Vũng Tàu đến Sóc Trăng –Bạc Liêu, Cà Mau. Lốp bị lủng, lốp bị bắt, và dù tán gia bại sản tôi vẫn quyết một lòng ra đi vì không thể nào sống dưới chế độ Cộng Sản.

Đến lần vượt biên thứ bảy vào năm 1989 tôi mới thành công, đến được bến bờ tự do sau bao cam go, gian khổ, bỏ lại người mẹ già, vợ và bốn đứa con còn nhỏ dại.

Ban tổ chức bao một xe đò chở khách vượt biên Sài Gòn. Vừa rời khỏi bến xe miền tây Bình Chánh bọn vô lại ào theo xe hăm dọa khai báo công an để đòi tiền mãi lộ. Chúng tôi lo sợ nhìn nhau rồi gom góp tiền đưa cho chúng. Đến Ngã Ba Trung Lương bọn chúng xuống xe, chúng tôi tiếp tục hành trình xuống Cai Lậy lúc 2 giờ sáng. Người dẫn đường đưa cả nhóm đến một nhà máy chà lúa sát bờ sông, có một tàu đã đậu sẵn. Chúng tôi xuống tàu và chui vào hầm. Đây là ghe buôn chuyến dài 11m, ngang 3m. Bên trên được nguy trang toàn mía và chuối. Rời bến một ngày, tàu đã qua khỏi các trạm kiểm soát đường sông. Đi thêm hai ngày nữa đã ra đến hải phận quốc tế, mọi người được phép lên boong. Bấy giờ chúng tôi mới biết tất cả có 35 người trên ghe, kể cả chủ ghe, tài công, và thợ máy. Do đó cả gia đình chủ ghe đi nên việc tổ chức tương đối chu đáo, lương thực đầy đủ, bến bãi và các trạm kiểm soát đã được chủ ghe thu xếp trước. Đi thêm một ngày nữa ghe ra khỏi hải phận Việt Nam, mọi người đang vui mừng thì giông bão nổi lên. Mưa như trút nước kéo theo sấm chớp ầm ầm, trong biển cả bao la, chiếc ghe nhỏ bé trôi tròng trành như sắp lật úp. Người lớn, trẻ em ai nấy đều say sóng, nôn mửa, mệt lả, và chỉ còn biết chấp tay cầu khẩn Trời Phật cho giông bão qua đi. Tài công đã phải cố gắng, vất vả điều khiển ghe cho khỏi bị lật. Sau gần một ngày giông bão, trời bỗng trở lại bình thường như có phép lạ.

Đi thêm một ngày nữa, chúng tôi thấy xác người bỗng bèo trôi trên mặt biển, cảnh tượng trông thật hãi hùng! Chúng tôi đều cảm tạ Trời Đất đã che chở cho ghe vượt qua giông bão và cùng cầu nguyện cho những người xấu số.

Ngày hôm sau chúng tôi nhìn thấy những đóm nhỏ từ xa. Khi đến gần hơn, mọi người nhận ra ba chiếc ghe đánh cá Thái Lan. Lập tức đàn bà, con gái và trẻ em chui xuống hầm cầu nguyện. Kê cầu xin Chúa Mẹ, kê cầu khẩn Trời Phật. Đàn ông thanh niên chia nhau đứng hai bên thành ghe, tay cầm vũ khí như dao, búa, rựa. Chúng tôi đã bàn trước, chiến đấu tới chết chứ không để hải tặc nhảy qua cướp bóc. Ba ghe Thái bao vây chúng tôi từ ba hướng. Trên mỗi ghe cũng có hai ba tên cũng cầm dao búa. Khi thấy chúng tôi mặt đờ đờ sắc khí, vũ khí trong tay, lại có cả một cây súng giả mà chúng tưởng là thật nên đã xì xồ vài tràng tiếng Thái rồi tự động rút lui. Chúng khuất bóng rồi anh tài công mới xem hải bản định hướng trực chỉ Mã Lai.

Sau một ngày lênh đênh, không thấy một chiếc tàu ghe nào thì chúng tôi nhìn thấy những ánh đèn khi ẩn khi hiện từ đằng xa. Khi đến gần chúng tôi nhận ra một giàn khoan dầu. Tiếng loa phát ra từ giàn khoan bảo chúng tôi neo lại tại chỗ chờ sáng sớm sẽ có người hướng dẫn vào. Ai cũng hồi hộp chờ đợi, mỗi một với giấc ngủ chập chờn. Từ mờ sáng có hai người đi trên một chiếc ca nô đến hỏi chúng tôi là ai, từ đâu tới. Chúng tôi nói là người Việt Nam, đi vượt biên. Họ điệm đàm về giàn khoan rồi hướng dẫn ghe theo ca nô vào cặp sát giàn khoan. Rất nhiều người ngoại quốc trên giàn khoan vẫy tay chào chúng tôi. Vị chỉ huy mời người biết tiếng Anh làm đại diện lên nói chuyện với ông. Sau khi biết chúng tôi là những người vượt biên ông hỏi chúng tôi cần giúp đỡ gì không, ông cho người xem lại thuyền, thấy còn tốt vẫn sử dụng được, ông đã cho chúng tôi dầu, lương thức ăn, nước uống và thuốc men, chỉ đường cho chúng tôi đến bờ biển Mã Lai, theo sự hướng dẫn của ông sau khi cho thuyền chạy đến khoảng sáu giờ chiều thì chúng tôi đến được bờ biển của tỉnh Trengganu Malaysia, tại đây chúng tôi đã bỏ thuyền lại và lội lên bờ đến một ngôi làng gần đó. Cảnh sát Mã Lai đã đến gặp chúng tôi và đưa tất cả về trạm tạm trú ở Marang, nơi đây đã có những người vượt biên đến từ các thuyền khác ở các nơi đều được đưa về đây.

Thế là sau sáu ngày lênh đênh trên biển cả vượt qua cái chết chúng tôi đã đến được bờ tự do, ở Marang được một tuần, chúng tôi được cảnh sát Mã Lai đưa xuống tàu chở đến đảo Pulau Bidong, gần đảo Bidong từ đằng xa chúng tôi đã nhìn thấy đồng bào Việt Nam vẫy tay đón chào. Tàu cập vào cầu Jetty, chúng tôi được đưa lên đảo để làm thủ tục nhập trại, tất cả những người đến đảo đều được mang số hiệu từng thuyền, chúng tôi được mang số MC. Trên đảo tôi thấy có nhiều người mang bảng MB họ đã ở đảo hơn hai năm rồi đang chờ để đi định cư. Đảo Bidong thật thơ mộng, với những hàng dừa cao vút, vài quán nước gần bãi biển, các hàng quán ăn, shop may do người Việt tị nạn làm chủ, sinh hoạt buôn bán thật sầm uất. Trên đồi tôn giáo có nhà thờ, chùa và trường học, mọi người ở đảo được Cao Ủy Tị Nạn lo cho đời sống từ nơi ăn chốn ở, đến việc học hành thật chu đáo.

Cuộc sống ở đảo thật lý tưởng nếu như không có cái quyết định ngày 14 tháng 3 năm 1989 của Cao Ủy Liên Hợp Quốc đóng cửa tất cả các trại tị nạn trong vùng Đông Nam Á. Thế giới tự do bắt đầu mòn mỏi về những người tị nạn, họ đã bắt đầu quay lưng ngoảnh mặt đối với những người tị nạn Việt Nam, có những người đã đến được bến bờ tự do nhưng thuyền của họ đã bị chính quyền các nước sở tại kéo đi ra giữa biển thả trôi mặc cho giông bão, hải tặc cướp bóc, không biết sống chết ra sao. Còn những người đã đến được các trại tị nạn, sau ngày 14 tháng 3 năm 1989 đều bị trải qua một cuộc thanh lọc bắt công. Ở Mã Lai bắt đầu từ MC 327 đến tàu MC 612 tỉ lệ lúc đầu được

nhận là 17% sau này xuống còn 10% , những sĩ quan , quân nhân , công chức của Việt Nam Cộng hòa cũng bị đánh rớt qua cuộc thanh lọc , chỉ có những người thuộc diện đoàn tụ gia đình như vợ chồng con cái , và một số rất ít người được công nhận quyền tị nạn , còn đại đa số bị ghép vào di dân kinh tế , phải trả về Việt Nam. Chính sách nhận người của các nước bắt đầu khép lại , những người tị nạn đến sau ngày 14-3-89 đều sống trong cảnh lo âu hồi hộp , chờ đợi được một tương lai đen tối với những đau khổ đầy dẫy nước mắt cũng khắp Bidong.

Sau khi nhận phong thư oan nghiệt của Cao Ủy Tị Nạn , một thuyền nhân tên LVH đã nhảy trên mỏm đá cao xuống biển tự tử chết , và hai người khác HVT và NVK đã dùng dao tự đâm vào bụng mình tự sát. Cảnh tang tóc đã diễn ra nơi hòn đảo thơ mộng , tất cả đồng bào trên đảo đều ngậm ngùi tiễn đưa anh LVH đến nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa trang đồi khu F , và sau đó đã tự động tổ chức cuộc biểu tình trước văn phòng khu cao ủy để đòi quyền tị nạn , nói lên những tiếng nói uất nghẹn của mình.

Những người đến trước ngày 14-3-89 , và những người được qua thanh lọc đều được chuyển qua trại Sungei Besi để chờ đi định cư. Sinh hoạt trên đảo Bidong trở nên ảm đạm mỗi khi nghe thông báo rời đảo , với cảnh tiễn đưa chia tay hàng ngày nơi chân cầu Jetty , mừng cho người đi buồn cho kẻ ở lại và người trở về Việt Nam vì không qua được cuộc thanh lọc. “ Vượt biên có số , định cư có phần” , câu này y như để an ủi cho những người tị nạn đã rớt thanh lọc kém may mắn như chúng tôi. Đến đầu năm 1991 vì ngân sách dành cho người tị nạn ngày càng eo hẹp chính quyền Mã Lai đã quyết định đóng cửa trại Bidong và di chuyển tất cả những người tị nạn sang trại Sungei Besi gần Kula Lumpur. Trại Sungei được chia làm bốn khu A, B, C và thanh nữ. Khu A dành cho những người rớt thanh lọc , khu B dành cho những người đầu thanh lọc , khu C dành cho những đồng bào Campuchia đi tị nạn chiến tranh và khu thanh nữ dành cho nữ độc thân , vì số người tị nạn còn ở lại quá đông nên Cao Ủy đã cho xây dựng thêm bốn khu nhà cao tầng như chung cư cho đồng bào ở , được chia làm nhiều căn , mỗi căn 8m vuông cho 10 người ở.

Trại Sungei Besi lúc đầu cũng có đầy đủ các lớp sinh ngữ và trường dạy huấn nghệ cho người tị nạn nhưng về sau các lớp học này đều bị đóng cửa. Các cha , cá sơ người nước ngoài đến làm việc thiện nguyện giúp đồng bào tị nạn không được phép vào trại nữa , chỉ còn một số cố vấn người Mã Lai. Đời sống người tị nạn ngày càng khó khăn , bị bóp nghẹt khẩu phần ăn đều bị rút bớt , thư từ liên lạc đều bị cấm , mọi sinh hoạt đều bị hạn chế tối đa. Cao Ủy và chính quyền Mã Lai cố tình gây ra cảnh khó khăn cho đồng bào tị nạn để mọi người nản lòng , phải xin hồi hương trở về Việt nam . Nhiều phái đoàn đã vào trại kêu gọi mọi người hãy ghi danh trở về. Các đoàn thể trong trại tị nạn đã cùng hợp lực với nhau đứng lên tranh đấu đòi quyền tị nạn , bằng những cuộc biểu tình tuyệt thực trước văn phòng Cao Ủy Tị Nạn , đồng bào đã phá hàng rào ra đường đứng biểu tình , cảnh sát Mã Lai được điều động tới để dẹp cuộc biểu tình , họ đã bắt đi một số người đem ra trại giam ở ngoài Kula Lumpur. Để đối phó với người tị nạn Cao Ủy và Chính quyền Mã Lai đã dùng đủ mọi cách , mọi hình thức để đàn áp người tị nạn , họ cài người vào các đoàn thể tranh đấu để gây chia rẽ tạo ra những hiềm khích giữa các đoàn thể , và đã để mặc cho những băng đảng , “bò tặc” trong trại chém giết lẫn nhau. Một đoàn thể lớn trong trại vì nghe lời khuyến dụ của Cao Ủy và chính quyền Mã Lai đã tự động tách rời khỏi cuộc đấu tranh để di chuyển sang một trại khác , họ tưởng rằng sẽ được cho đi định cư , nhưng nào ngờ sau này cũng bị cho trở về Việt Nam.

Trước những cảnh sống xô bồ đó , một số rất đông người tị nạn đã nản lòng xin hồi hương trở về VN. Những người còn lại ở trại vẫn đoàn kết với nhau để tranh đấu , chính quyền Mã Lai cho rào lại các khu , đồng bào không còn qua lại với nhau , sống như trại tù , chung quanh là những hàng rào kẽm gai nhiều lớp , có cảnh sát ngày đêm đi canh tuần , đồng bào các khu vẫn tiếp tục tranh đấu biểu tình không nhận thực phẩm cả tháng trời. Lực lượng cảnh sát đặc biệt của Mã Lai huy động được cả ngàn người do một vị tướng chỉ huy đã vào trại để dẹp biểu tình , họ đã tàn nhẫn dùng súng bắn lựu đạn khói cay vào thẳng đồng bào. Những tiếng khóc than của trẻ thơ và phụ nữ đã vang vọng toàn trại. Nhưng cũng không lọt ra ngoài , mọi tin tức về cuộc đàn áp này đã bị cảnh sát Mã Lai bưng bít. Sau đó cảnh sát đã vào trại lừa hết đồng bào ra ngoài trường A. Tất cả đàn ông thanh niên đều bị cảnh sát đánh đập bằng rùi cui và roi điện , họ đã bắt đi hàng trăm người mà họ cho là những người cầm đầu biểu tình nhốt vào “monkey house” , những người này bị đánh đập tàn nhẫn không còn đi đứng được , họ được diu ra cho đồng bào thấy , không còn cảnh nào thương tâm hơn , khi nhìn thấy những đồng bào mình bị cảnh sát Mã Lai đánh đập mang thương tích đầy mình. Hơn hai ngàn người tị nạn bị lừa ra ngoài trường A và nhà bếp sống khốn khổ như những người tù , phải nằm đất , ăn bốc , đi làm vệ sinh , tắm rửa từ người lớn đến trẻ em , nam cũng như nữ , phải ngồi xếp hàng dài chờ đợi cảnh sát cho đi vệ sinh , từng năm người một , bọn cảnh sát Mã Lai đã đi thẳng vào phòng tắm nữ để xem khi họ đang tắm , thật là tởm bại cho một đất nước trước đây đã từng được tiếng là nhân đạo , đã từng cứu mang hàng mấy trăm ngàn người tị nạn , sau này lại có những hành động mọi rợ làm mất đi tiếng tốt của họ.

Sống ở ngoài trường A gần 3 tháng chúng tôi hơn 300 người được chuyển đến khu C để chờ cường bức về Việt nam , và chúng tôi đã bị cảnh sát Mã Lai áp giải lên trên tàu đầu tiên về lại Việt Nam. Thế là sau hơn 7 năm sống tại trại tị nạn Mã Lai từ năm 1989 đến năm 1996 chúng tôi đã phải trở về Việt nam . Mọi hy vọng đến được đất nước tự do đã bị tắt ngấm trong tôi. Về đến Việt Nam thời gian đầu , tôi và những người trở về đã phải đi trình diện công an phường , quận , đến thành phố. Bọn công an đã tra hỏi chúng tôi đủ thứ , nhưng vì có Cao Ủy Tị Nạn đang còn ở VN giám sát , nên bọn công an đã tạm để cho chúng tôi yên.

::: T.H.V :::

Hành Trình 200 Dặm Trên Biển Đông

Jimmy Le

Trước khi vào chuyện tôi tự giới thiệu, tôi là Jimmy Le, tóm tắt tiểu sử sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo ở thành phố Cần Thơ. Thừa nhỏ yêu nghề máy thích cuộc sống phiêu lưu, tốt nghiệp trung cấp kỹ thuật, năm 17 tuổi với nghề chuyên môn về động cơ (Diesl) và gia nhập gia đình mũ xanh TQLC. Năm 1968 chưa tròn 18 tuổi, được phục vụ ở đơn vị YTTV/ ĐVT / SDTQLC chức vụ tài xế quân xa. Năm 1971 làm đơn xin về nguyên quán của cha tôi được bộ quốc phòng chấp thuận và chuyển về lữ đoàn 4/VT/vùng 4/Chiến thuật, chức vụ hạ sĩ tài xế quân xa. Phục vụ đến ngày 30/4/75.

Tôi cưới vợ năm 1971. Sau 7 năm góp mặt yểm trợ khắp các chiến trường kể cả chiến trường ngoại biên. Sau miền Nam đổi chủ - những người chủ mới từ bắc vĩ tuyến 17 cho rằng tôi loại ác ôn, có nợ máu với nhân dân nên đưa đi cải tạo ở núi Trầu (Kiên Lương) Hà Tiên, sau 2 năm trả tôi về địa phương. Khi trở về nhà cũ, thì mới hay vì sợ áp lực và theo đường lối mới của “nhà nước” mà cha tôi phải đi về quê tăng gia sản xuất. Vì thương cha già, tôi cho vợ con tôi cùng về quê để hôm sớm có người chăm lo, còn một mình tôi ở lại Cần Thơ đi tìm việc làm nhưng đến đâu cũng bị từ chối. Vì là thành phần “tàn dư của chế độ cũ”. Sau cùng tôi mua chiếc xe ba gác đạp để hàng đêm xuống bên Ninh Kiều chở rau cải, ngày thì ai gọi thuê chở cái gì thì lãnh chở để kiếm sống và còn để dành tiền để gửi về quê lo cho gia đình. Tôi cũng bằng lòng với số phận nên những lúc rảnh rỗi đã làm mấy câu thơ, để đọc mà an ủi cuộc đời từ một tài xế mà bây giờ đây chiếc xe ba gác.

“ Rồi từ đó anh đi làm ba gác

Khoác lên mình chiếc áo rách vai

Trong đêm xuân anh mơ được những gì

Đời ba gác người yêu là ra cái.”

Nếu thời gian bình thân trôi đi thì chắc không có hồi ký của chú Sáu ba gác, mà giờ này chắc chú Sáu còn tiếp tục đẩy xe. Qua thời gian sống xa tôi, vợ tôi quan hệ với tên tập đoàn trưởng ở ấp. Sau khi thăng con trai lớn bắt gặp mẹ nó dạn dít, tôi hay tin bán xe ba gác về quê làm đơn thừa kiện, bây giờ nhớ lại tôi làm việc đó hết sức là đại dốt. Như bạn đọc cũng hiểu chánh quyền mới, người dân gọi đơn phải châu chực có khi gần nửa tháng để ngâm cứu, mà chung quanh công an ấp xã đều là vây cánh của tên tập đoàn trưởng. Cuối cùng, công an xã ra lệnh công an ấp và du kích bắt tôi với tội trạng là tôi cáo gian và tình nghi tôi là CIA làm mất thể diện cán bộ ở địa phương và đánh lệnh tầm nã, may mắn, người du kích sai đi bắt tôi lại cho tin cháu tôi đưa đi trốn.

Trở về Cần Thơ thì phương tiện làm ăn đã bán rồi, chỉ còn ít tiền, tôi sắm chiếc xe đạp chở khách để sống qua ngày. Ngày ngày chỉ đủ lon gạo bó rau và bịch tương, và không biết bị bắt lúc nào vì được mang tên là CIA. Dịp may đến với tôi, người chị thứ năm của tôi từ Cà Mau về Cần Thơ. Người chị tôi nghèo, nhà chỉ có hai chiếc xuống tam bản chở mỗi kiếm sống, sau khi nghe hoàn cảnh, chị tôi dắt tôi xuống Cà Mau. Tôi cầm chiếc xe đạp được 800 đồng để làm lộ phí. Sau khi xuống Cà Mau, chị tôi giới thiệu với bà Tám chủ ghe, sau khi nhìn qua tôi và qua sự giới thiệu tôi biết nghề máy, tôi được làm công cho bà, điều kiện không có trả tiền, chỉ cho ăn cơm, nửa tháng cho một bánh thuốc Gò Vấp và một sấp giấy báo cũ vắn hút. Công việc mỗi ngày lái ghe ra bờ biển xúc cá lúc nước ròng vô ghe, và sau đó lái ghe về quận Năm Căn vác đồ lên bờ, chiếc 1ghe dài hơn 20 mét, rộng 7,8 mét, trọng tải ước chừng 5 tấn. Ngày ngày, tôi phải làm công việc đó và quan sát cửa biển Hòn Khoai, nó nổi lên cồn cạn, để đến ngày ra đi không bị mắc cạn. Cái vấn đề khó khăn của tôi là lúc đi tôi chỉ mặc có bộ đồ và cái quần đùi, cũng may, cái quần đùi bằng vải kaki nên chịu đựng hơn ba tháng trời. Nhiều lần tôi nói với bà Tám có ra chợ mua cho tôi cái quần đùi nhưng rồi bà cứ khất lần cho đến ngày ra đi.

Bạn đọc cũng hiểu địa danh U Minh nổi tiếng là muỗi, cái khổ của tôi lúc đó là mỗi ngày lao động chiều tắm nước mặn, xách một gầu nước ngọt và cái nùi giẻ chạy vô sâu trong rừng tìm một gốc cây đứng rừ, sỏ cái chân cời quần vắt cho ráo nước và dùng nùi giẻ thấm nước ngọt để lau qua cái body. Eo ơi, mỗi lần như vậy các bạn có tưởng tượng không biết bao nhiêu là muỗi và bù mắc thì nhau tấn công, tôi không hiểu ngày nào được ra đi. Rồi sự mong đợi đã đến với tôi chiều ngày 22/12/87. Cuộc hành trình 200 dặm trên biển Đông bắt đầu.

Ba giờ chiều ngày 22/12/87, bà Tám cho tôi biết hành khách đã ém rải rác xung quanh huyện Năm Căn đủ rồi. Lệnh sáu giờ chiều, tôi lái ghe qua đỗi nước lấy 10 can nước ngọt, còn lương thực, xăng do hai xuống tam bản chở ra điểm hẹn gần cửa biển Kinh Năm. Tôi nhận đèn pin, ám hiệu “hỏi 2 ngắn đáp 1 dài” , mật khẩu tổng số là 9. Thí dụ từ xa thấy xuống đến tôi bấm 2 đèn là bên chiếc xuống kia trả lời bấm lại một đèn hỏi lâu. Để ngăn ngừa công an thì hỏi tiếp mật khẩu “Mạnh giỏi anh Sáu?” bên kia trả lời: “Dạ khỏe anh Ba”, sáu cộng ba chung là chín thì đúng là phe ta, còn nếu sai thì lo chạy trốn. Phần tôi đến điểm hẹn, tôi chợt nghĩ ra rằng đi với hai cái máy đuôi tôm chắc không ổn, nên tôi vác búa lên bìa rừng đốn một cây đước thật suông dặt theo bên ghe để có gì làm buồm. Và tôi đốn thêm một ít củi, trời tối muỗi cắn dữ quá, tôi đốn được một ôm củi dài non một mét để sau lái ghe khỏi có thiếu củi chẻ mà dùng, sau đó canh chừng từng chiếc xuống đến. Tất cả những ám hiệu đều tốt.

Gần tới giờ xuất phát, ông và bà chủ ghe đi vô lải ra lấy giấy của hành khách để sau này thanh toán với người nhà. Ông chủ ghe bắt tay tôi lần chót chúc may mắn, trao cho tôi một hải bàn và một bản đồ vùng biển Cà Mau, Malaysia, Thái Lan. Nói hải bàn nghe cho oai, thực ra nó chỉ là cái đĩa bàn ở bên Mỹ auto part nào cũng có bán để trang trí trên xe. Có kinh nghiệm sau nhiều tháng ra vô, vấn đề là phải né ngọn hải đăng suốt đêm quét vệt sáng dài bao quanh vùng biển Hòn Khoai. Để né tránh Cồn Cạn đầu tiên, tôi phải bắt hướng West đi về Thái Lan và chạy hai máy để thoát nhanh, chỉ sợ tàu ở đồn công an biên phòng Hòn Khoai. Vừa ra chừng 30 phút thì đa số là phụ nữ bắt đầu nôn ói từ 12 giờ khuya đến rạng sáng ngày 23/12/87. Tám giờ sáng thì bỏ Hòn Khoai đằng sau lưng chỉ còn nhìn thấy bằng cái bàn ăn cơm. Từng đoàn cá nước lội theo hai bên hông ghe rất lâu như muốn đưa tiễn chúng tôi. Tổng số người trên ghe là 26 người. Lúc này, tôi nhờ những cậu trai trẻ phụ dọn sạch sẽ trên ghe do các cô nôn ói và tát nước ghe còn tôi châm thêm nhiên liệu và kiểm soát hải bàn, tôi kẻ đường biểu diễn từ mũi Cà Mau đi Pulau Bidong. Lúc này, tôi bắt đầu qua hướng South East và đi phuon góc 110. Mọi việc xong xuôi mọi người còn tỉnh táo nấu mì gói ăn, lúc đó mới có dịp hỏi tên nhau. 3 giờ chiều 23/12/87 thì hết thấy Hòn Khoai, tôi cắt giảm một động cơ để hy vọng luân phiên sử dụng được lâu hơn.

Đêm 24/12/87 phải nói là đêm giáng sinh tuyệt vời, mặt biển yên như trong hồ, ghe đi nhanh nhưng rồi chiều ngày 25/12/87 thì hai cái máy lần lượt ra đi và bị tôi quăng xuống biển. Đúng như dự đoán, tôi nhờ mấy cậu thanh niên dựng cây cột buồm và lấy cái mền rách ra làm buồm. Tôi nhờ một cậu gờ cái khăn lên ước lượng gió thổi 10km/giờ. Bây giờ mọi người trên ghe hết sức hoang mang vì sợ trôi về Việt Nam sẽ đi tù. Lúc này chiếc ghe không còn điều khiển theo ý muốn, nhìn hải bàn lệch về hướng South West. Tôi cầm bản đồ, tính toán và mạnh dạn trả lời với bà con trên ghe chắc chắn không bị trôi về Việt Nam vì đã đi huốt Hòn Sơn Rạch Giá và định mệnh đã đưa chúng ta vào vùng biển Thái Lan, lành dữ ra sao thì chưa biết và bao lâu đến bờ thì không hiểu. Trước mắt phải giới hạn nước uống, một ngày một người chỉ được uống một cốc nước nhỏ, chỉ có hai đứa nhỏ thì lúc nào khát sẽ uống nửa cốc riêng. Riêng tôi vì ở quân đội, chiều tôi dùng tấm nylon trải mui ghe hứng những giọt sương đêm để sáng thấm giọng.

Tối đêm 26/12/87 thì gặp tàu đánh cá Thái Lan loại nhỏ nhưng chiếc tàu này hiền, tuy nhiên không cứu cũng không đá động đến chiếc ghe của chúng tôi. Mọi người đều đặt niềm tin vào tôi vì thấy tôi đã nói đúng: đã thực sự đi vào Thái Lan. Sáng ngày 27/12/87, chúng tôi bắt gặp một tàu đánh cá Thái Lan loại to, vị thuyền trưởng đã nhân đạo cho chúng tôi ăn một bữa sáng trên boong tàu và cho thêm nước, thực phẩm. Trên ghe tôi có một cậu biết tiếng Anh trao đổi thì người thuyền trưởng nói theo luật Hoàng Gia, tất cả tàu Thái Lan không được kéo giúp ghe vượt biên, nếu hải quân Hoàng Gia bắt gặp sẽ bị phạt, vì lẽ đó sau khi giúp nhân đạo tàu này xô ghe chúng tôi ra và ra đi. Trưa ngày 27/12/87 tôi nghe có tiếng phi cơ trên nền trời, lập tức tôi lấy cái bếp ra mũi ghe nhóm ít lửa bỏ tí vô cây được, lấy cái áo trùm lại rồi dỡ ra làm ám hiệu cầu cứu theo bài mưu sinh thoát hiểm, lấy khăn trắng vãi mui ghe và lấy cục than kẻ chữ S.O.S nhưng rồi chiếc máy bay bay đi luôn. Buổi chiều, nước biển đang trong, từng đám cá lội nhợt nhợt bồng dung biển mặt, tôi lo sợ vì báo hiệu biển có sóng lớn. Đó là kinh nghiệm của một cư dân truyền lại cho tôi trong những ngày hành quân vùng duyên hải. Tôi thương hai đứa nhỏ trên ghe, đứa 7 tuổi thì cha mẹ luôn bị say sóng, có chuyện chắc không lo được gì nên tôi lấy can không cột lại làm sẵn cho hai vợ chồng này rằng nếu có chuyện gì bất trắc thì lấy cái phao và ôm hai đứa con mà còn hy vọng. Tôi không dám nói vì chưa hiểu có đúng vậy không.

Khoảng 7 giờ tối, những hiện tượng bắt đầu xuất hiện, mưa nhẹ biển gầm lên, những ngọn sóng ước chừng như quả đồi sần sần chụp bao phủ chiếc ghe như là tấm lá nhỏ. Cũng may là sóng thưa, chiếc ghe bị nhấc lên cao rồi lại bị hụp xuống, chạy dài ra rồi nhấc lên. Bây giờ, đa số mọi người đều ói dữ tợn, còn rất tỉnh táo, người ói nằm rũ ra ghe, người nằm như cá hộp, vấn đề tát nước thật là chật vật, một người tát, một người phải lôi người ói sang một bên. Dỡ ván sán ghe đến không có, cái đèn pin bị lỏng khi tắt khi cháy.

Sáng ngày 28/12/87, sóng bắt đầu hơi dịu lại, cho đến bốn giờ chiều tôi thấy một chiếc tàu đánh cá chạy nhanh về hướng chúng tôi. Tôi nói chiếc tàu này có ý tấn công, lập tức tôi bố trí cậu Hiền ở mũi ghe, cậu này ở sứ Vĩnh Châu và Út Bà Bồng ở phía sau lái, tôi ngồi giữa ghe lấy mấy cây củi dài phất và phân công, vừa xong thì chiếc tàu đó đâm vào gần đằng mũi ghe, cậu Hiền dùng cây đánh ngang ống quyển tên Thái Lan nhảy qua như tôi đã dặn dò. Trước khi đánh, tôi áp dụng bài học đánh cận chiến nhưng rồi thay mũi ghe thì tròn trĩnh, phần thì sóng, phần thì do con tàu bị hút vào, sau khi đánh thì nghe hai tiếng “á”, rồi tên Thái Lan và cậu Hiền bị văng xuống biển, chiếc tàu Thái vòng lại vớt người, còn cậu Hiền trôi ra xa, sóng và gió đưa ghe tôi ra xa rồi mất hút trong màn sương chiều, một người bạn vừa mới quen vài ngày đã vĩnh viễn ra đi.

Đêm đó vì lo và buồn và cái hậu quả chiếc tàu đụng vào, chiếc ghe bị rêm, nước vào nhiều quá, tôi lo tập chung bốn người thức suốt đêm ở 4 khoang trên ghe để lo mà tát nước, ai nấy đều cầu nguyện, chúng tôi vẫn thuộc rê hát suốt đêm chống buồn ngủ và tát nước nghe tay rã rời. Sáng lại tôi bàn kế hoạch bây giờ cứu vẫn tình huống chỉ còn có cách lấy tấm nylon dài che dọc chiếc ghe, và nhổ những cây đinh trên kèo mui đóng phủ bên ngoài vết nứt do chiếc tàu gây ra thì mới giảm được nước vào ghe. Công việc này cần 4 người, 3 người chia đều căng nylon, một người cầm búa đóng. Tất cả được cột vòng một bên vách cọng dây dính trên ghe để không bị nước cuốn trôi và cán của cây búa cũng được buộc một cọng dây để có vượt còn níu kéo được.

Phân công xong, biển lúc đó tương đối êm, bây giờ chỉ còn sợ bầy cá mập nhỏ, tôi dặn kỹ rủi ro mà có đóng dập tay, lập tức la lên để kéo lên ghe nếu không cá mập con sẽ tấn công. Một con rĩa một tí thì chết. Sau một tiếng thì

công việc ồn cả cả, bây giờ nước bột vô, chừng ba tiếng tắt một lần. Vắn thuốc ngồi ăn bánh bía, bỗng tôi thấy dề rác trôi nhìn kỹ có vỏ chai nước tương, tôi la lớn mừng rỡ: “Gần tới bờ rồi bà con ơi vì tôi thấy vỏ chai nước tương trong đám rác”. Năm giờ chiều, nhiều bầy chim biển bay lượn trước mũi ghe, ai cũng mừng rỡ nhưng rồi tai biến lại đến với chiếc ghe tôi nữa. Lúc đó trước sáu giờ từ trong bờ có chiếc ghe nhỏ chỉ lớn hơn chiếc ghe tôi có tí chút chạy vòng xung quanh chiếc ghe tôi, có ba tên Thái Lan mặt mày dữ tợn. Trên ghe có cô Hoàng, sau này đi Canada, học lõm đầu được tiếng Thái chữ ăn cơm là “kinh khảo”, bọn Thái lan thấy có con gái lập tức tấn công, một tên Thái lan nhảy qua sau lái ghe, một tên cầm búa bị Út Bà Bóng lấy cái leng xúc cát vớt trúng ngang ba sườn la thất thanh và văng xuống biển. Chiếc ghe Thái Lan vòng qua vớt tên Thái xong và chạy hết ga lên khỏi đèn.

Nói về tôi sau khi đụng vào lái súc và văng bánh lái xuống biển, bây giờ tình trạng chiếc ghe trôi quay ngang mà không còn điều khiển được. Để đối phó, tôi nói với Út Bà Bóng: 2 Cậu mạnh tay khi nào nó tấn công nữa cậu lấy can xăng 20 lít ném qua, cần nhất trúng ngay chỗ thẳng lái ghe, tôi sẽ phóng lửa qua, bây giờ chỉ còn đánh đón hy sinh”. Vừa nói, tôi kéo can xăng giao cho Út, lập tức tôi bẻ nẹp tre xé áo trên ghe quần vào đầu nẹp tre làm bụi nhụi tẩm chút xăng và thủ cái quẹt ga. Chuẩn bị vừa xong, ghe Thái Lan sau khi cứu người đâm thẳng vào giữa ghe và một tên nhảy qua, vì mũi ghe lợp lá mỏng, tên nhảy qua lọt chân, nhân cơ hội tên Thái Lan mất thăng bằng, tôi lấy cây đước dài từ dưới lòng ghe chọt thẳng xuyên qua lớp lá mũi ghe trúng ngay ngực, tên này la một tiếng rồi văng xuống biển. Hạ được hai tên, lên tinh thần, chiếc ghe Thái vòng qua hông bên phải để vớt, bọn chúng vừa vòng qua ngang hông, tôi la to ném can xăng qua, Út Bà Bóng lập tức ném qua liền, may mà trúng ngay góc chỗ tên Thái Lan điều khiển ghe, can dòn do tái sinh nhiều lần đã dễ xăng chảy ra, tôi phóng nẹp tre đốt lửa và gây ra một đám cháy trên ghe Thái Lan, tiếp tục Út ném bồi thêm một can nữa để tăng sự cháy. Sau đó gió thổi mạnh đưa chiếc ghe tôi vào thị trấn Songkhla.

Nói về cuộc chiến lần này, các cô gái trên ghe sợ quá giựt can không nhảy xuống biển và hai chú người Việt gốc Hoa sợ quá cũng giựt hai cái can to ôm nhảy xuống biển và trôi nguyên đêm vô bờ cách chúng tôi chừng hai cây số. Còn phần con gái trên ghe, cô Nguyệt sứ Sài Gòn làm nghề bán hàng rong gom ít tiền đi vượt biên, ôm trúng cái can bẻ sau đó đã chết. Hai ngày sau khi nhập trại, xác cô ta trôi vào bờ, police Thái Lan gọi bọn tôi có phải người đồng hành trên ghe không rồi tiêu hủy hải cốt ở Songkhla, cô này khoảng Trên hai mươi tuổi, nghe kể chuyện còn độc thân, không hiểu sau này có ai biết chính xác địa chỉ ở đâu báo tử cho gia đình cô ta không.

Bây giờ trở lại chiếc ghe, sau khi tạo được đám cháy, gió thổi chiếc ghe tôi vào bờ vào khang? 10 giờ 30 đêm, trên bãi biển Văng, thỉnh thoảng trên con đường lộ ở xa có những vệt đèn xa chạy lưu thông, tôi yêu cầu những người còn khoẻ dìu những người say sóng lên bờ và đào hai cái hố lớn để trốn gió, nhất là các cô nhảy xuống biển quần áo ướt sũng nước, còn tôi lập tức phá vỡ hông ghe và quăng búa xuống biển phi tang vì sợ ghe còn lành Thái Lan sẽ kéo ra biển, mọi việc xong, tôi trở lại hố và chưa biết việc gì đến nữa, khoảng vài phút sau nhóm tuần tra bờ biển TQLC Hoàng Gia Thái Lan bắt gặp chúng tôi, họ ăn mặc và mang cấp bậc giống như VNCH trước năm 1975, Lập tức súng M16 lên đạn chĩa thẳng vào chúng tôi, mọi người đều thất kinh, trong nhóm có một tên hạ sĩ quan gọi máy truyền tin PCR25, khoảng 15 phút sau, một xe jeep quân sự đến pha đèn thẳng vào chúng tôi, người chỉ huy mang cấp bậc trung tá, vì ngày xưa tôi ở TQLC nên biết, một phút im lặng, mấy người đàn bà con gái nói: “Chú Sáu đại diện đứng lên nói đi”, tôi trả lời: “Tiếng Anh tôi đâu biết, tiếng Thái thì ngọng luôn, có cậu kia biết tiếng Anh sao không nói.”

Cậu ta thấy súng ống run lập cập, bí quá tôi làm gan đứng dậy trên miệng hố, hai tay chấp và xá vị trung tá vì Thái Lan họ theo đạo Phật và tôi nói xin kính chào Trung Tá, may thay hồi chiến tranh Việt Nam tên này có tham chiến nên ông ta nghe và hiểu chút ít tiếng Việt, ông trả lời với giọng lơ lớ như người Thượng. Ông ta hỏi: “Sao anh biết tôi là Trung tá?” Tôi mừng quá vì lâu ngày ông ấy không nói tiếng Việt nên ông nói rất chậm, tôi liền trả lời: “Dạ thưa Trung tá, sở dĩ tôi biết ông là Trung tá vì trước năm 75 tôi là lính TQLC, và nếu tôi không lầm thì Trung tá đã từng tham chiến ở Việt Nam?” Ông ta trả lời: “Hồi lúc còn thiếu tá có sang Việt Nam hơn một năm, do đó tôi biết ít tiếng Việt, bây giờ tôi tin anh là lính TQLC nhưng những người kia thì sao?”

Tôi trả lời họ trước đây cũng thuộc gia đình binh lính của chế độ trước. Sau 75, cũng vì chế độ mới khắc nghiệt và cùng ra đi với tôi, mong chờ trung tá thương tình mà giúp cho chúng tôi. Ông ta gật gù, tôi mừng quá, sau đó ông gọi police đến giữ bọn chúng tôi tới sáng và có báo chí Thái lan đến chụp hình chúng tôi với chiếc ghe, hai chiếc xe truck chở bọn tôi nhập trại bên bờ biển giao cho một ông police già giữ bọn chúng tôi. Khoảng 10 giờ sáng hôm đó thì xe Cao Ủy tị Nạn đến phát lương thực, chăn mền quần áo xà bông, kem đánh răng và có xe Hồng Thập Tự đến khám bệnh và cấp thuốc. Tôi thấy xe police chở hai người bạn đồng hành đi chung ghe người Hoa đã ôm can nhảy xuống biển trong lúc chúng tôi chống cự với chiếc ghe Thái Lan.

Lúc này tôi cảm thấy sung sướng nhất là có quần áo để mặc, có khăn lông lau mình, lại có xà bông thơm. Bữa đầu tắm gội tôi thấy mình tôi sao nhẹ quá tưởng chừng như bay bổng và tôi không quên giặt bộ quần áo cũ phơi phóng và gói cất đến tận bây giờ làm kỷ niệm. Sau bữa cơm đầu tiên mọi người ăn uống vui vẻ, tôi đề nghị “chiều nay bọn mình ra bờ biển quí xuống cầu nguyện tùy theo tôn giáo để cảm tạ ơn lành may mắn chúng ta còn sống và cầu nguyện cho linh hồn của hai bạn đồng hành với chúng ta chẳng may đã bỏ mình dưới biển”, mọi người tán thành ý kiến và sau đó tôi cạo trọc đầu vì tôi có lời nguyện hồi mấy hừ, nếu ơn trời che chở cho ghe con tới bến bờ thì con sẽ cạo đầu.

Sau khi cầu nguyện chúng tôi ăn bữa cơm chiều và mọi người tự kiếm chỗ nghỉ ngơi. Vì cái trại này đã bỏ hoang từ lâu không có người ở và cũng không có điện nên Cao Ủy có cho đèn dầu và ít đèn cầy để thắp sáng trong đêm, tôi ngủ một giấc ngon lành. Nửa khuya, vì theo thói quen thức dậy xem nước có vô ghe không, thức dậy biết mình đang ở trên bờ Songkha Thái Lan, nhớ đến hai người cùng đi mới quen được vài hôm đã mất, nghe sóng biển gầm tôi buồn quá, đốt đèn cầy, hút thuốc suy nghĩ cuộc đời qua ánh nến chập chờn, cảm hứng lấy cục than ở bếp hồi chiều nấu ăn, viết mấy câu thơ trên vách để nhớ người đồng hành chẳng may đã mất

Hồn ai siêu thoát ở nơi đâu
Biển mặn ai đi để kẻ sầu
Ngọn nến nung hoài hơi gió lộng
Hỡi người dưới biển có buồn không
Viết thư đêm vắng sầu trăm ngả
Thôi đành phải xa cách
Lặng lẽ mầu tang thương với nhớ
Nghìn thu ai biết chuyện Song Kha

Kết thúc câu chuyện hồi ký "cuộc hành trình 200 dặm trên biển Đông", tôi nghĩ rằng sau khi được định cư, mọi người lo làm ăn đâu có dịp mà kể lại, may thay nhờ có cuộc thi viết bài kể lại cuộc hành trình trên biển Đông nên mới có dịp kể lại cuộc hành trình để các vị gần xa hiểu thêm hoàn cảnh thuyền nhân chúng tôi. Bây giờ thì Chúa thương tôi đã có được mái ấm gia đình, tôi có người vợ hiền và đã bảo lãnh được hai đứa con đang sống chung nhưng mỗi lần đông về tết đến, tôi lại nhớ kỷ niệm Songkha .

Cuối thu 2002

::: Jimmy Le :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Người Ở Lại Biển Đông

Hoàng Quân Trí Nô

Như một nén hương muộn màng, để tưởng niệm hương hồn anh Sáu Hoàng, người đã bị bỏ lại một cách tình cờ, tức tưởi trong vùng biển Phi Luật Tân, chỉ một ngày trước khi cả đoàn ghe đánh cá người Phi cứu vớt an toàn! Anh đã bị bỏ lại trong khi cố tìm một tia hy vọng cho đoàn tàu đang bị trôi giạt một cách tuyệt vọng hơn 1 tháng trên vùng biển kinh hoàng này...

Biển Đông ngày thứ ba mươi tám...

Buổi sáng hôm đó, cả nhóm chúng tôi gồm hơn ba mươi người còn lại, gồm cả đàn ông đàn bà và cả con nít, đang nằm, ngồi la liệt, đói khát, mệt lả trong khoang của chiếc ghe cào rách nát, tả tơi.

Sau hơn một tháng trời trôi dạt trên vùng biển mênh mông, vô định, chiếc máy “ấn độ” đã chết tiệt chỉ sau hơn ba ngày gầm gừ, thi gan cùng bão gió, bây giờ nằm thù lù giữa lòng ghe như một vật vô tri vô giác, chỉ dùng làm chỗ dựa lưng cho vài người ngồi nhìn ra biển một cách tuyệt vọng, hai chiếc máy đuôi tôm loại Khá lớn đã lần lượt bị đẩy xuống biển sau chỉ hơn một vài lần nổ máy mà không đẩy được chiếc ghe đi được bao xa, vì sóng biển cứ liên tục lên xuống bập bênh, khiến không cách nào giữ cho chiếc chong chóng chìm dưới mặt nước được...

Tất cả “động cơ” (!) còn lại trên ghe chỉ là một chiếc buồm tự tạo bằng một tấm vải bạt khá lớn trước đây dùng dầy máy, được cột chằng chịt vào một cây “tầm vông” dài khoảng năm thước, được dựng lên hạ xuống tùy theo mức gió. Có ai đó đã có sáng kiến dùng dầu nhớt máy, phết lên mấy chữ S.O.S lên “chiếc buồm hộ mệnh”, đã bị nước mưa làm lem luốc, chảy dài, làm tăng thêm vẻ thê lương của con “tàu định mệnh”. Mặt biển bây giờ thật yên lặng, không một chút gió nào, chiếc ghe dường như đứng yên, không nhúc nhích. Tôi nghe rõ từng tiếng vỗ lách bạch, thừa thớt của nước biển vỗ vào thành ghe. Không ai nói một lời nào, tất cả mọi người dường như còn bàng hoàng, ngạc nhiên vì sự ra đi, hay đúng là sự “ở lại” thật vô lý, thật bi thảm của anh Sáu Hoàng mới chiều hôm qua. Anh chàng này là một cựu Sĩ Quan Hải Quân, mới ra tù được vài năm, được người chủ ghe móc nối đi theo để làm tải công cho chuyến đi, vì biết anh ta trước đây đã từng nhiều lần lái tàu đi về trên vùng biển này. Cho đến ngày hôm đó, anh là người tương đối còn khỏe mạnh, năng động nhất trên tàu, anh vẫn thường dùng những kinh nghiệm đi biển của mình để tính toán, đoán mò là theo sức gió thế này, đi theo hướng này thì bây giờ phải đi qua khỏi vĩ tuyến số mấy, và nếu cứ tiếp tục với tốc độ này, thì bao nhiêu ngày sẽ đến vùng biển nào, và ta có thể tấp vào vùng đảo nào, v.v...

Mọi người, ai cũng thích nghe anh nói, đặt cho anh những câu hỏi ngây ngô: bây giờ đi tới đâu rồi? Còn bao xa nữa? Chờng nào tới? Mình sẽ đi tới đâu?...Mặc dù không mấy ai tin tưởng lắm, vì chưa có gì thật sự xảy ra đúng như lời anh tiên đoán!

Tôi còn nhớ rõ như in, buổi chiều hôm đó, anh ngồi tựa lưng bên thành ghe, chân tựa vào bánh lái đã được buộc hờ vào khoang ghe, anh chỉ cho tôi và một vài người kẻ đó xem: Mặt nước biển bây giờ có vẻ đục hơn, không còn màu đen đậm như khoảng một tuần trước đây, có nghĩa là mình đã qua khỏi vùng biển sâu, nước biển như có lẫn cát, và thỉnh thoảng có những mảnh Rác nổi trên mặt, hy vọng là mình đã tới gần bờ hơn, và nếu như anh không tính toán sai thì có lẽ đây là vùng biển Philippines. Dù không tin tưởng lắm, nhưng ai nấy đều có thoáng một chút hy vọng mong manh, biết đâu lần này anh ta nói đúng...

Và rồi, kia kia, có một vật gì trắng trắng nổi lên mặt nước biển, trôi từ từ về phía bên hông ghe, anh nhào người ra nhìn và chỉ cho chúng tôi, có lẽ là một vỏ nhựa của bình sữa, hoặc một loại nước uống nào đó từ đất liền trôi ra. Và đột nhiên, không nói một lời nào, anh ta nhào xuống biển, để vớt lấy bình nhựa lên may ra thấy nhãn hiệu mà có thể xác định xuất xứ của chúng, để biết mình gần đến đâu, tôi chỉ thầm đoán như thế. Nghe tiếng động, mọi người quay lại nhìn theo. Chiếc bình nhựa cách thành ghe không xa, khoảng mười thước, anh sải tay bơi về phía đó, với lấy chiếc bình, lặn hụp vài cái để nhìn rõ hơn, vài người trên ghe nhao nhao hỏi có thấy gì không? Đến đâu rồi?...

Anh vẫy tay, ra dấu hiệu không ai biết gì, rồi ôm chiếc bình, bơi ngược trở lại ghe. Mặt biển vẫn yên lặng, sóng chỉ gợn gợn nhẹ, sức gió yếu ớt không căng nổi chiếc buồm. Chiếc ghe vẫn vô tình lướt tới, dường như không biết đến chuyện gì xảy ra. Anh Sáu Hoàng một tay ôm chiếc bình nhựa, một tay sải nước cố bơi theo chiếc ghe, mọi người trên ghe đứng cả dậy, nhìn về phía anh, không có gì nguy hiểm lắm...Mọi người hớn hờ, chờ đợi tin vui.

Một phút...hai phút...rồi năm phút trôi qua, anh vẫn chưa theo kịp chiếc ghe, vài người trên ghe vớ lấy thanh gỗ, áo quần nhào người đưa xuống cho anh với lấy, có người la lên – Anh ấy đuối sức rồi! Tôi vội vàng nắm lấy cần lái, cố đẩy hết mức về phía phải mong cho chiếc ghe vòng lại. Hay ít ra cũng giảm tốc độ...nhưng không hiểu sao bánh lái không hoạt động, tôi cố kéo ngược về bên trái, chiếc ghe vẫn ù lì tiến tới...Chết rồi!! Làm sao bây giờ?... Khoảng cách chiếc ghe và anh Sáu càng lúc càng xa hơn, tôi nhìn thấy tay anh đập chậm hơn, tay kia đã buông trôi bình nhựa, chân đập yếu dần...Không có cách nào khác cho ghe dừng lại, hoặc giảm đi tốc độ, vài người trên ghe hi hục tháo dây cột buồm, cố sức lấy dây, hoặc cả cột buồm mong đưa xuống cho anh bám, nhưng đã trễ...

Anh Sáu mỗi lúc một trôi lùi lại phía sau, chiếc ghe vẫn tiến về phía trước, khoảng cách mỗi lúc một xa dần, mấy người trên ghe cố quăng xuống cho anh bất cứ thứ gì có thể bám được...cuối cùng anh vớ được một tấm ván khá to,

vẫn dùng để đẩy nắp hầm sau ghe, tôi thấy anh cố nhào người cười lên tấm ván, nằm sấp người, ôm chặt lấy nó, và rồi anh cùng tấm ván trôi ngược dần về phía sau.

Tôi đứng chết lặng nhìn theo anh đang cố vẫy vùng, trôi lên hụp xuống, tay vùng vẫy một cách tuyệt vọng, càng lúc càng xa dần, xa dần cho đến khi chỉ còn là một chấm nhỏ lay động ở chân trời. Hình như anh đang còn cố vẫy gọi chúng tôi một cách tuyệt vọng...Trời ơi! Dễ dàng thế sao? Tại sao anh ta nhảy xuống vớt cái bình quý quái ấy...làm gì? Sao trước khi nhảy, không tìm sợi dây, hay vật gì để buộc vào cho chắc?

Thôi đành vĩnh biệt anh...Số phận anh đã vậy!!! Cầu xin Thượng Đế phù hộ cho anh. Xin biển, trời nâng đỡ thân xác anh, hoặc xin cho phép lạ nào dun rùi....Tôi không dám nghĩ tiếp nữa, bất giác tôi từ từ đưa tay ngang trán, chào anh lần cuối, một vài người đưa tay chào theo. Không ai thốt được một lời nào.

Màn đêm dần dần buông xuống, theo thói quen của những ngày trước, tôi đưa mắt nhìn về phía chân trời để đoán mò thời tiết đêm nay. Theo kinh nghiệm của anh chàng vốn là dân chài trước đây, nếu chân trời trong là biển lặng, sóng êm, mà nếu có nhiều áng mây, đóng như vẩy cá là coi chừng có gió bão...Trời hôm nay có vẻ trong xanh, cầu xin cho anh không bị sóng gió dập vùi, cũng cầu xin cho những người còn lại trên tàu thêm một đêm nữa yên lành trên biển cả!

Tiếng hát cầu kinh của các anh em công giáo trầm buồn vang lên như thường lệ mỗi đêm, nhưng đêm nay có vẻ thiết hơn, ngậm ngùi hơn “Lạy Mẹ... Là ngôi sao sáng...Soi lối cho con, lúc vượt biển...thế gian...” Có người để nghị đọc thêm vài lời kinh cầu cho anh Sáu Hoàng được bình an!

Bóng tối đã hoàn toàn bao phủ vùng biển mênh mông, chiếc ghe vẫn bồng bênh trôi giạt, lằm lụi như một chiếc tàu ma. Không khí thật yên lặng, nhưng tôi biết rõ là không có người nào chợp mắt trong đêm nay.

Ngày thứ ba mươi chín...

Trời đã sáng hẳn, mặt trời lên khá cao, chiếu những tia nắng nóng xuyên vào trong lòng ghe, làm tôi tỉnh hẳn sau một đêm dài trần trọc. Như một phản ứng tự nhiên như đã có từ những ngày lệnh dềnh trên biển, tôi nhòm dậy nhìn quanh tứ phía, vẫn chưa thấy bến bờ, vẫn là biển cả mênh mông! Thêm một ngày lệnh dềnh trôi giạt!!! Nhìn về sau ghe, mặt biển phản chiếu ánh sáng mặt trời lấp lánh như một tấm thủy tinh khổng lồ loang lổ.

Hình ảnh anh Sáu Hoàng ôm mảnh ván vẫy vùng tuyệt vọng như còn ẩn hiện cuối chân mây. Anh có thể chịu đựng được bao nhiêu lâu trong hoàn cảnh bi thảm đó?! Tôi cố ghi ngày tháng, để sau này có dịp còn báo lại cho gia đình anh cúng giỗ, ma chay. Kiếp người sao quá mong manh! Biên giới của cái sống cái chết chỉ là một lần ranh thật nhỏ, một cái bình nhựa, một ý nghĩ vội vàng, một cái sẩy tay trong gang tấc...cũng có thể đổi lấy một mạng người...

Còn đang miên man với những ý nghĩ mơ hồ, lẫn lộn, thì đầu phía khoang có tiếng la lớn...Có tàu đến!!! có tàu đến!!! Tôi bật ngồi dậy, nhìn quanh thấy một vệt dài, xám đen, chưa rõ hình thù đang ẩn hiện ở phía trái của chiếc ghe. Không ai bảo ai, mọi người đều đứng lên, vớ lấy những gì có thể thấy được, quần áo, khăn giẻ, nón mũ....đưa lên cao, vẫy qua vẫy lại.

Một vài thanh niên còn có sức, đưa tay lên miệng làm la la lớn “Help!Help!”...Những động tác này, chúng tôi đã từng lặp đi lặp lại nhiều lần trong những ngày lệnh dềnh trên biển cả, mỗi khi thấy có bóng dáng một chiếc tàu xuất hiện từ xa, và cũng đã bao nhiêu lần chúng tôi thất vọng náo nức nhìn theo những chiếc thương thuyền đi qua một cách lạnh nhạt, không hề quay lại, hoặc có một dấu hiệu nào cứu vớt. Thậm chí còn có những chiếc tàu đã vội vã quay mũi chuyển hướng khi nhìn thấy chúng tôi vẫy gọi. Tôi đã từng nghe nói đến từ ngữ “Tình thương mệt mỏi...ngân sách không còn...trại tỵ nạn sắp đóng cửa...” Trong những ngày còn ở quê nhà. Nhưng tôi không ngờ họ có thể vô tình đến như vậy! Đành lòng đến như vậy!!!

Chiếc tàu lạ dần dần hiện rõ.Ồ, cũng không to lắm, có lẽ cũng xấp xỉ ghe chúng tôi thôi, hình thù trông có vẻ khác lạ, có nhiều màu xanh đỏ, lại có cái gì giống như hai cái “giàn cào” (?) đang rộng hai bên, trông vững chắc. Có lẽ là ghe đánh cá của dân địa phương chăng? Thì ra anh Sáu Hoàng đã tiên đoán rất đúng, đây quả là vùng biển Phi Luật Tân rồi! Hình như họ đã nghe thấy chúng tôi và đang tiến thẳng tới.

Mọi người vẫy tay hăng hơn, mấy thanh niên la lớn hơn. Tôi nhận ra được có mấy người trên chiếc ghe lạ, mặc quần áo kín mít. Đầu trùm thứ mũ vải che kín cả mặt, chỉ chừa hai lỗ mắt. Một người có vẻ vạm vỡ, đứng lom khom trước mũi ghe, tay cầm cuộn dây thừng cuộn vòng lại, nhìn chúng tôi, quan sát. Mấy người trên ghe chúng tôi càng la to hơn “Help!” “Help!”...

Chiếc ghe lạ tiến thẳng đến, quay mũi lại, cặp sát vào, người đứng trước mũi ghe lạ lảng truyền qua giàn cào, nhảy gọn lên ghe chúng tôi. Ông ta dùng sợi dây thừng cột vào chiếc cọc trước mũi ghe, rồi từ từ nhìn mọi người, nói ư a những tiếng gì không ai hiểu. Có lẽ ông ta đang đếm xem có bao nhiêu người. Chúng tôi thì nhau nói với ông ta bằng một thứ tiếng Anh cổ dẫn ra từng chữ “ Vietnamese refugee...boat people...no food...no water...help...please!!!” Có mấy người đàn bà chấp tay xá xá tỏ vẻ cầu khẩn...Ông ta vẫn nói ư a những tiếng gì khó hiểu, lần đi vào trong lòng ghe, nhìn vào chiếc máy chết tiệt rồi quay trở ra. Ông dùng tay ra hiệu cho mấy người ở bên kia ghe, họ liền nhanh chóng bê ra một tấm ván dài, chuyển tay bắc qua thành ghe chúng tôi, và ra hiệu cho chúng tôi bước qua. Mọi người reo hò, vui mừng khôn xiết, luôn miệng nói những tiếng “thank you, thank you...”

Tạ ơn Thượng Đế đã cứu mạng chúng con, đã cho chúng con đến được bến bờ! Thôi, hết rồi, những ngày lệnh dềnh, trôi giạt. Hết rồi, những cơn sóng gió hải hùng! Qua rồi những ngày đói khát triền miên!

Cảm ơn tấm lòng vàng của những người dân chài đơn sơ chơn chất! Cảm ơn một dân tộc tuy không giàu của cải, nhưng tràn đầy lòng nhân ái, đã dang tay đón nhận chúng tôi trong lúc mọi người chỉ muốn đóng cửa, phủi tay, vì..."tình thương đã mỗi một...!!!"

Kể từ buổi sáng nhiệm mầu đó, họ đã cư mang chúng tôi như những người anh em ruột thịt, họ đã chia sẻ cho chúng tôi từng mẩu bánh, chén cơm, từng manh quần, tấm áo, đến cả những viên thuốc hồi sinh. Họ đã giúp đỡ chúng tôi những điều kiện ban đầu trên bước đường tị nạn, trước cả những trợ giúp chậm chạp, đầy nguyên tắc, giấy tờ của Cao Ủy Tỵ Nạn! Dân tộc này, đất nước này đã đem lại cho chúng tôi những niềm tin yêu mới, những hình ảnh tốt đẹp nhất của một "NGUỒN CỬA TỰ DO"

Anh Sáu Hoàng ơi, chỉ một ngày nữa thôi, sao anh không nán lại để cùng chúng tôi hưởng nhờ những kết quả mầu nhiệm của một chuyến đi liều chết để tìm lẽ sống! Chính anh đã lèo lái con thuyền trong giông bão, đã cùng chúng tôi chia xẻ những nhọc nhằn, đói khát, mòn mỏi, tuyệt vọng...Trong những ngày lênh đênh trôi dạt trên vùng biển cả mênh mông. Anh đã đưa con thuyền đi đúng hướng. Anh đã đoán đúng khi con thuyền sắp đến bến bình yên, anh đã đoán đúng mà! Xin anh tha thứ cho những lời trêu chọc, bông đùa vì quá mòn mỏi, tuyệt vọng...Đâu có cần anh phải liều mình chứng minh cho những suy đoán của mình. Chúng tôi thật sự tin tưởng ở sự lèo lái của anh mà!!!

Hay là trong những lúc tận cùng khổ ải, anh linh của anh đã sáng suốt, thấy trước những nhọc nhằn của cuộc đời tị nạn, những nghiệt ngã của cuộc sống tha hương lưu đầy mà đã sớm ra đi về miền miền viễn...!!!??? Dù sao đi chăng nữa, chúng tôi – những người còn lại – thật sự mang ơn anh. Chúng tôi thật sự tiếc thương anh. Và mỗi lần có dịp gọi lại những kỷ niệm đau buồn đó, là hình ảnh anh ôm chặt tấm ván thuyền, tay vùng lên vẫy gọi, trôi tuột vào vùng giông bão mênh mông, lại trở về trong tâm tưởng chúng tôi.

Xin thắp một nén hương, để tưởng nhớ và ghi ơn anh Sáu Hoàng, người đã liều mình trong nỗi chết, để chứng minh cho niềm tin của mình, đã hy sinh chỉ một ngày trước khi con thuyền được tới bến bình yên.

Với lòng tin tưởng mãnh liệt đó, anh đã chọn làm...NGƯỜI Ở LẠI BIỂN ĐÔNG!

Cali mùa thu 2002

::: Hoàng Quân Trí Nô :::



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chờ Rác Biển

Nguyễn Tiến Đức

Trên đường vượt biển, nhiều khi người ta nhìn thấy dấu hiệu sự sống, dấu hiệu của đất liền trong rác rưởi. Tôi chờ rác biển còn hơn chờ người tình đến. Lần thứ nhất tôi thấy đám rác chỉ là những chiếc giấy cao gót của phụ nữ. Tôi vừa mừng vừa sợ. Sợ vì gần đây có thể có ghe đắm. Mừng vì đó cũng có thể là có một bãi cát nào rồi. Lần thứ hai thì cái đám rác đó lại có đủ thứ như giấy, lon, chai lọ, dừa khô, mấy tàu lá chuối còn tươi nữa thì cái niềm hy vọng nó càng lớn, nhưng cuối cùng cũng chỉ là mừng hụt...

Tôi đi tất cả ba lần. Hai lần trước tôi điếm hẹn thì ghe lớn không tới, lại phải trở về. Cứ chuẩn bị xong xuôi lại đình. Chờ đợi rất mệt mỏi. Tội du kích, công an địa phương chúng nó “căn me” dữ lắm. Để gì qua mắt tội chúng. Mua thịt về làm chà bông không đi được lại ăn hết. Ăn hết rồi làm lại, chờ họ báo để chuẩn bị đi.

Lần thứ ba họ chỉ báo trước có hai ngày thôi. Cũng như hai lần trước, tôi không mang nhiều đồ. Ba người chị cản trở tôi quá mà tôi vẫn đi. Tôi là con út trong gia đình. Mả tôi mất từ hồi tôi mới được chín tháng. Mả tôi có báo mộng cho bà chị thứ hai của tôi báo con út đừng có đi. Đi chuyến này khổ lắm. Nhưng tôi đã quyết định rồi. Chị Hai tôi có nhờ bà dì năm nỉ tôi ở lại nhưng tôi vẫn nhất định đi là đi. Tôi cũng thấy không có nao núng gì. Còn ba tôi thì mới mất. Thế là tôi không còn gì để luyến tiếc Sài Gòn nữa, mặc dù tôi rất khổ tâm bỏ ba người chị ở lại. Hơn nữa tôi lại có hai ông anh đang ở Mỹ rồi.

Cứ nghĩ tới đồng lương, tương lai tù túng, mịt mù, ngày hôm sau cũng như ngày hôm nay, chán nản vô cùng. Tôi làm kế toán cho Hợp Tác Xã Cơ Khí.

Trước khi đi tôi cũng nhờ ông thầy khá nổi tiếng chấm tử vi. Thấy bảo đến 52 tuổi tôi mới đi được. Không ngờ số 52 nó trùng với ngày sống dở chết dở của tôi trên biển thôi. Ông còn nói lấy chồng tôi sẽ bị trắc trở tình duyên. Lúc đó tôi chỉ nghĩ đến chuyện đi thôi, còn lòng dạ nào mà nghĩ tới duyên nợ. Nghe ông ấy “phán” về nhà nản quá, nhưng tôi đã nhất quyết đi rồi. Tôi thử cái số xem sao.

Tôi tình cờ gặp lại cô bạn cũ ở Trà Vinh đã lâu rồi không gặp. Cô này cũng quen một cô ở Trà Vinh bán vải. Cô ấy đang sửa soạn vượt biển. Tôi phải quyết định trong có ba ngày. Tôi không biết mặt cô ấy, và cô ấy cũng không biết mặt tôi. Cứ thỏa thuận và tin nhau thôi.

Tôi tìm đến nhà cô ấy vào một buổi chiều mưa tầm tã. Tôi mặc một chiếc quần đen và một chiếc sơ mi sọc. Tôi mang theo mì gói, củ sắn, sâm cao ly, hai hộp sữa đặc, và hai bốn viên thuốc chống say sóng.

Khoảng hơn một giờ đêm tháng 9 năm 1989, có hai chiếc Honda chở tôi, chị Nguyệt và một thằng bé. Lúc đó là đêm mưa. Trời tự nhiên tạnh mưa. Tôi rất mừng vì dù sao cũng là điểm lành.

Hai người thanh niên chở chúng tôi tới một cây cầu, rồi thả chúng tôi tại đó, và bảo sẽ có người liên lạc để đưa ra ghe lớn. Lúc đó tôi cũng thấy có bốn người đang chờ. Sợ kinh khủng. Chờ mà tìm cứ đập thùm thụp. Thình thoảng có xe hàng hoặc có người, mình lại phải nấp xuống gầm cầu gần đó.

Rồi cuối cùng tôi thấy có ánh đèn pin lia đi lia lại. Biết là “phe mình” mà vẫn cứ hồi hộp. Chúng tôi thấy một ông già và ông ấy đưa chúng tôi xuống ghe. Trên ghe tôi thấy có bó mía.

Tảng sáng thì tôi thấy có thêm ba chiếc ghe nữa cũng đang chờ ở đó. Chúng tôi lấy vải che kín cửa ghe. Ngồi chờ cả ngày rồi mới được bốc ra ghe lớn. Tôi thấy người ta cũng kéo lên ghe một cái xuống ba lá đựng mấy cần xé củi nữa. Tôi cũng chẳng biết họ mang theo xuống để làm gì. Thế là chiếc ghe lớn rời địa điểm đỗ người. Không có chuyện gì trục trặc. Tôi cũng mừng trong bụng.

Có một buổi tối tôi nghe thấy ông Tư, người chủ ghe nói với anh tài công là phải châm dầu đều đều không thì máy tắt liền, vì máy đã cũ rồi. Tôi nghe lén thôi, điều này làm tôi hơi ớn ớn.

Trên ghe có hai thanh niên tên Dũng. Một anh là Dũng quần, vì anh này có mái tóc xoắn tít. Còn anh Dũng kia là anh tài công.

Ngày thứ hai thì tôi để ý đến anh tài công để mắt đến một cô gái khá xinh. Hai người cứ quần quýt lấy nhau như “sam”, trò chuyện huyền huyền. Quả nhiên cái điều tôi ớn ớn vào ngày thứ ba nó là sự thật. Anh tài công mãi nói chuyện với cô gái nên quên châm dầu vào máy, thế là máy chết! Loay hoay mãi máy cũng không chạy. Mọi người lo sợ không thể tả được. Có một thanh niên còn đòi phải cho anh ta một gói mì thì anh ta mới sửa. Anh ta lấy con dao cùn và cái búa trên ghe, vện vện, đập đập lia lịa mà máy cũng chẳng nổ. Lúc đó vào khoảng ba giờ chiều của ngày thứ ba. Mới ba ngày mà đã có chuyện rủi! Cuối cùng chỉ có anh sửa máy là lới được gói mì.

Ngay lúc đó, có người nhìn thấy con một tàu từ xa tiến lại gần. Người thì la, người thì hét, người thì vẩy tay lia lịa. Rồi có thêm hai tàu nữa đến. Nó cứ đảo qua đảo lại rồi bỏ đi. Lúc đó tôi quá thất vọng. Cổ cứ khô lại, mà miệng thì đắng. Gặp tàu nó không vớt thì chừng nào mới vớt đây?

Đêm hôm đó họ lại hí hục sửa máy, nhưng cái máy cũ quá không thể chạy được nữa.

Sang ngày thứ tư, mọi người cứ nằm dài ra mà chờ tàu đi ngang qua để kêu cứu. Rất nhiều tàu, kể cả tàu có mang cờ Nhật đi ngang qua mà họ cũng không ngó ngang tới. Chúng tôi bắt đầu đói rồi.

Tôi luôn luôn ôm cái giỏ đồ ăn trong người. Lúc này tôi phải nhắm mắt để cảm hơi. Sức đã bắt đầu kiệt rồi. Tôi cũng mang theo cả củ thực địa nữa. Có đồ ăn mà không dám ăn. Phải giữ để thủ thân.

Tối ngày thứ chín, mệt quá tôi đánh lấy một hộp sữa bò rồi lấy đầu con dao cùn người ta sửa mấy hôm trước, đục hai lỗ nhỏ xiu, mút một hũm sữa. Cái nổi thèm khát nó dữ dội vô cùng. Ăn sữa xong thấy trong mình khỏe lên. Tôi cũng cho chị Nguyệt mút một hũm.

Đêm đó mệt là, tôi ngủ thiếp đi, chẳng biết trời trăng là gì. Lúc tỉnh dậy, giỏ đồ của tôi mất hết trơn. Chỉ còn lại có mấy gói mì gói. Tôi la lên rồi xin lỗi mọi người, đi tìm giỏ đồ ăn. Nhưng có lẽ đói quá, họ ăn mất tiêu rồi. Lúc đó tôi thấy mạng sống của mình bị đe dọa...

Đến ngày thứ 18, mọi người trên tàu đều sống ngặt nghèo. Không còn cái gì có thể ăn được nữa. Cuối cùng có anh Ba Phôi và một người nữa tình nguyện đi cái xuống ba lá chơ củi mà lúc đó xuống đã hờ rồi, để đi tìm tàu khác giúp.

Thế là ông chủ tàu và vài người nữa phải mất một ngày “xăm” lại cái xuống. Ông cũng yêu cầu ai còn vàng, còn thức ăn gì thì cho anh Phôi và người đi cùng. Tất cả thu được chín chỉ vàng. Có một người Miên tên là Si-Ba dẫu được nửa lít cốm dẹp và một ít gạo mốc đã sắp thành bột đem cho hai anh. Anh Ba Phôi nói anh đi để cứu hai đứa con trai không thì chúng sắp chết đói. Thằng anh rất đuối sức. Một đứa tên Trung, một đứa tên Kiệt.

À, tôi còn quên một chi tiết nữa. Cái con dao cùn mà tôi dùng để đục hộp sữa hôm nọ rất là được việc. Họ đã dùng con dao này để một cái bơi chèo lấy từ cái bẹ ván ghe. Hai ông tài công cũng cho họ được ba xị nước. Có một người còn cho hai anh một tấm nylon để hai anh làm mui che nắng. Nắng ở biển giống như dầu hắc trái đường.

Tảng sáng ngày thứ 18, chiếc xuống ba lá rời ghe đi tìm tàu để câu cứu. Lúc đó trăng sáng cả một vùng biển. Lúc hai người xuống chiếc xuống, tự nhiên nước mắt tôi cứ trào ra. Nhiều người khác cũng khóc như tôi. Tôi nghĩ giữa biển cả mênh mông, mưa gió như vậy, chiếc xuống chịu sao nổi.

Lạ một điều là chiếc xuống đi được một hồi là mặt biển lặng như tờ, như một cái hồ. Mặt biển im phăng phắc như một cái nhà mồ đến ba ngày như thế mà không thấy chiếc xuống của anh Ba Phôi và người bạn trở về. Chúng tôi đoán chắc là cả hai người đã làm mồi cho cá mập.

Trong ngày thứ 18, khát nước quá, ông chủ tàu đã dùng một cái nồi nhỏ và hai cần xé củi còn lại nấu nước biển để chung lấy nước uống. Họ tranh nhau lấy mấy giọt nước uống còn hơn giạt vàng nữa. Tôi liếm nước trên cái vung đồng hơi nước mà cũng đỡ khô họng. Một người đàn bà không tranh được nước, thức cả đêm nấu mà được có một chum nhỏ xiu.

Đến ngày 19 thì trên tàu còn dẫu, nhưng ông chủ tàu không cho ai đụng đến để nấu nước. Ông ta cũng có một cái vớt cá. Cái vớt mới được lắp cán. Ông giữ độc quyền vớt cá! Ông vớt được cá là lấy dầu nấu giữ cho bốn người ăn riêng.

Tối ngày thứ 21 có một tàu xuất hiện, nhưng nó cũng đi luôn. Qua ngày thứ 24, lại có một tàu ghe lưới từ xa đến. Chúng tôi lấy quần áo cũ đốt để có khói cho họ nhìn thấy. Thế là nó tấp lại gần. Nhưng nó lại sợ mình là cướp. Thật khổ. Mình cầu cứu người ta mà người ta lại sợ mình. Thuyền trưởng là người Mã Lai biết nói tiếng Tàu. May mà trên ghe có anh Thoại, anh ấy biết nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Tàu. Ông ta nói là chính phủ Mã Lai không cho tàu vượt biên vào. Ông ta quăng dây xuống biển để truyền nước và thực phẩm xuống ghe.

Dùng quần nhào ngay xuống nước, lẹ như một con rai cá. Anh ta kéo cái dây vào sát ghe, rồi truyền hai can nước 40 lít đổ ngay vào cái khạp làm bằng da bò để trên ghe. Mọi người tranh nhau uống. Tôi không được uống một giọt nào.

Họ cũng cho hai con cá, mỗi con đến 10 ký, hai thùng nước ngọt. Một thùng đựng 24 lon nước chanh. Họ cũng cho thêm một túi gạo nhỏ. Nhưng chủ tàu và Dũng quân giữ hết. Ai có đồng tiền cho hai người đi xuống ba lá hôm rồi thì mỗi người được một lon nước ngọt. Gạo thì chỉ phát cho mỗi người một chung thôi. Rang lên còn đúng một lòng bàn tay. Mấy bà có con nít thì cho gạo rang vào nước biển nấu thành cháo cho con húp. Cá thì họ khứa ra từng khúc phát cho mỗi người.

Qua ngày thứ 25, 26, họ mới mang nước ngọt ra bán. Năn phân vàng một lon. Ai không có vàng thì đành chết khát thôi. Bao nhiêu nhẩn dây chuyền bỏ ra đôi lấy nước hết. Bán nước ngọt xong họ bán tới nước trong hai cái can mà tàu Mã Lai cho. Thời gian này anh tài công cũng vớt được cá, anh ta bán hai con cá năm phân vàng. Tôi và Nguyệt đổi hết một chỉ ruồi để lấy cá ăn cảm hơi. Ai không có vàng thì mua chịu. Cứ ăn cảm cự như thế cho đến ngày thứ 44.

Có những ngày hứng nước mưa cũng rất hào hứng. Chúng tôi hứng nước bằng những mảnh áo mưa đã rách tả tơi. Tôi lấy ba mảnh áo mưa rách, xoi lỗ bằng cái đầu con dao cắt móng tay, rồi tước dây nylon khâu từng mũi, ba ngày mới xong.

Có những trận mưa nhỏ trên chộc mình. Có rất nhiều mây đen tụ, gió gào thét dữ dội, rồi mây đen bay đi hết. Chỉ rơi lác đác có vài giọt thế mà mình cũng phải liếm để mà sống sót. Con nít sáu bảy tuổi gì cũng lấy mảnh nylon bằng tờ giấy học trò đem ra hứng nước, trông như một cái lễ đón mưa, vừa ma quái vừa vui. Như một đám thầy ma đón mưa!....

Sáng ngày thứ 44, có một thằng bé xin ông chủ ghe cho nó một tí nước. Ông không cho và mắng; “mày làm biếng chết ráng chịu. Không chịu hứng nước như người ta. Mày mà lạng quạng tao đập mày xuống biển.”

Nó sợ lắm, vì ông ta đã từng đập vài người xuống biển rồi, may mà có người vớt lên.

Đến khoảng ba giờ chiều lúc đó , tôi đang lim dim ngủ phía sau buồng lái , chợt tôi bật dậy như cái lò xo , khi nghe thấy người ta la lên ; “ Thằng Hưng chết rồi !” Con bé Năm nó tưởng thằng Hưng ngủ , nhưng sao đầu nó chầm xuống nước , mà kêu hoài nó cũng không dậy. Nó đã tắt thở lúc nào cũng chẳng ai biết.

Cả ghe cùng khóc , tại vì người ta thấy cái số phận của họ rồi cũng như Hưng thôi. Ông chủ ghe kêu hai người đàn ông nữa khiêng Hưng lên phía trước khoang ghe. Thằng Hưng chỉ còn da bọc xương. Hai hồ mắt nó sâu hoắm. Trông nó như một khúc cây mục. Bây giờ tôi vẫn bị khuôn mặt nó ám ảnh.

Người ta xin một bộ quần áo cũ choàng cho nó. Ông chủ ghe đem một chung nước với một cái đười cá đã nấu chín để cúng Hưng. Tôi nghe ông khẩn vái; “ Hưng ơi ! Bây giờ mày đói mày khát , cũng là lỗi tại tao. Mày sống không thác thiêng phù hộ cho tui tao , đẩy chiếc ghe này vào bờ. Nếu mày không đẩy thì tui tao chết hết mất !”

Cúng xong ông kêu mọi người đến vuốt mắt cho Hưng. Mắt nó cứ mở trừng trừng. Tôi chỉ dám sờ nhẹ vào chân nó và lắc lắc. Tôi khấn nó trong bụng như thế này; “ Hưng ơi ! Lỗi cũng tại chị. Chị không cho em uống nước. Nhưng cũng vì sự sống mà chị phải thủ thân thôi. Em bỏ qua cho chị . nếu em phù hộ cho ghe này đến nơi an toàn , chị sẽ cúng em một mâm chị nguyện như thế !”

Rồi người ta khiêng xác Hưng ném tùm xuống biển . Nhưng thật rùng rợn ! Cái đầu nổi lên mặt biển cứ theo sát sau đười ghe hoài. Ông Tư bảo; “ Cái thằng Hưng này kỳ cục thật ! Nó sợ ở trên biển một mình chắc?” Cái xác cứ theo ghe đến mấy tiếng đồng hồ , cho đến lúc có một bầy cá heo nhào đến ghe , quần cái xác. Cá nhào lên nhào xuống. Tôi không biết nó có ăn thịt người không...Nhưng mấy tiếng đồng hồ sau cái xác cũng mất tiêu theo đàn cá heo. Có lúc tưởng ghe muốn lật vì đàn cá đó.

Trời tối sập xuống thật lẹ . Hết thấy đường rồi. Mặt biển như một màn sương dày đặc. Cũng đôi khi tôi lãng mạn là đăng khác. Đói khát như thế mà thấy trời sao thật thơ mộng . Lúc đó có cả vụn con cá tấp vào hai mạn ghe loang loáng bạc dưới ánh sao đêm , trông giống như cá rô biển lắm. Mỗi con đến nửa ký. Sao , nước biển , cá , cái đói khát , cái chết...đàn vào nhau thành một thứ ảo giác lạ.

Tôi cũng nghiệm thấy trong chuyến đi này , cứ có một cái rủi sau đó lại có một cái hên , như có một bàn tay nào trên cao sắp xếp mọi chuyện . Sau khi thằng Hưng chết ông Tư lại vớt được đến 40 con cá rô biển. Không chừng nó phù hộ cho mình !

Đêm đó trên ghe , người ta làm cá vui như ngày hội. Mọi người đều thức làm cá , chẳng ai ngủ . Cũng có lúc người ta hỏi thăm. Ông chủ ghe lấy ra 17 con cá làm thịt phát không. Mỗi người được một cục thịt cá. Ông cũng phát cho mỗi người một ít nước ngọt. Nhưng sau đó thì ông ta lại bắt đầu bán cá. Một chị vàng mua được hai con. Có một anh tên Thanh nhờ tôi bảo đảm mua cá chịu , khi nào lên đảo sẽ trả bằng đô la ! Ông chủ rất ghét anh này. Tôi có uy tín trên ghe lắm ông mới bán chịu.

Trên ghe có một cô tên Hồng. Cô này đi chung với chồng nhưng ghe lạc nên bị bỏ lại Việt Nam. Cô ấy mang giấy dếp quần áo của chồng đưa cho ông Tư đổi lấy cá ăn. Một đôi giấy chỉ được cái đầu cá !...

Đến ngày thứ 46 , trên ghe lại có thêm người chết nữa . Đó là một cô gái người Trung Hoa , tên cô là Lùng. Trước đó một tuần , cô ta mê sáng như người bị quỷ ám. Cô ấy có một cái áo lạnh cũng mang đổi cá để ăn. Lúc chết mình mẩy cô ta lạnh cóng và thâm tím. Trên ghe chúng tôi cũng bái cô rồi thả xác xuống biển như lần Hưng chết.

Sau khi cô Lùng chết thì thấy có một cái máy bay xuất hiện. Nó thả một thùng gì to lắm xuống biển. Mọi người đoán có lẽ nó tiếp tế thực phẩm. Ông Tư bảo ai tình nguyện bơi ra kéo cái thùng vào ghe , nhưng chẳng ai dám liều mạng , rồi thì chiếc máy bay cũng bỏ đi.

Sáng ngày thứ 48 , độ khoảng sáu giờ chiều , có một cái tàu tiến đến ghe. Chiếc tàu đó tấp vào ghe. Toàn công an Mã Lai. Họ kiểm soát ghe xem có vũ khí không rồi họ mới phát cơm , nước , tôm khô , trứng trắng. Lúc đó mừng quá chẳng thấy đói. Những người đói quá thì nằm liệt không ăn nổi .

Họ cột chiếc ghe vào tàu của họ rồi kéo đi đến sáng ngày thứ 49 , rồi họ ngừng lại tiếp tế nước , bắp cải , đậu xanh hộp , dưa leo ăn một ngày không đủ. Cuối cùng họ tháo dây ròng , bỏ ghe lại ở biển. Lại tiếp tục đói , lại tiếp tục chờ đợi , tiếp tục sống trong kinh hoàng đe dọa.

Sang ngày thứ 50 , trời mưa tầm tã. Lạnh khủng khiếp . Tôi mặc hai cái áo lạnh mà răng vẫn đánh bò cạp . Trên biển lúc đó có những đám rong to bằng cái nhà đang nổi lênh bênh. Thấy rong biển trôi ai cũng mừng . Ông Tư thấy một cái cây bám đầy hến. Ông vít lấy và dùng con dao cùn gạt một đồng xuống sàn ghe. Người ta vớt rong ăn. Tôi ăn thử nhưng nuốt không nổi.

Chợt có con bé tên Thoa la lớn: “Tàu đến ! Tàu đến!” Lúc ấy khoảng 10 giờ sáng. Nhưng ngay lúc trông thấy cái tàu thì một thằng bé trúng gió nặng. Người ta đánh gió cho nó. Cổ nó bầm đen. Nhưng muộn quá rồi , tôi thì cũng gần cạn dầu gió nên phải giữ để phòng thân. Thằng Taxi đã tắt thở khi tàu Hy lạp tới.

Mọi người quơ chân quơ tay lia lịa ra hiệu cho chiếc tàu. Lúc đó tôi vốc hai vốc đầy hến biển cho vào túi áo. Tôi cũng bóc một nắm ăn sống. Tanh mà ngọt không thể tả được . Ăn xong vốc hến , tôi như được truyền một sức sống kỳ ảo , một phép lạ. Vò hến mềm nên tôi nhai cả vỏ.

Lúc cái tàu Hy Lạp tiến đến gần cái ghe , ông Tư nảy ra một ý kiến. Ông bảo khiêng xác thằng Taxi và ông Long lúc đó đã kiệt sức lắm rồi lên sàn ghe để họ biết trên ghe có người sắp chết , may ra họ cứu chẳng...

Trên tàu họ chụp hình chiếc ghe lia lịa. Tàu đi vòng đến 30 phút mà cũng không động tĩnh gì. Mọi người lại thất vọng. Chắc nó lại bỏ đi như tàu của Mã thôi.

Cuối cùng chiếc tàu cứu chúng tôi thật ! Họ thả thang dây xuống cho những người khoẻ lên trước. Lại tranh nhau lên ! May mà không có ai rớt xuống biển.

Những người yếu như tôi lên sau. Tôi là người lên gần cuối chót. Những người không đứng dậy được thì phải nhờ vào mấy cái cần xé đưng củi rồi kéo lên sau cùng.

Xác thẳng Taxi và chiếc ghe bị chiếc tàu dùng cái cần cẩu cẩu lên rồi đập xuống. Lúc chiếc ghe chìm , tôi và nhiều người ứa nước mắt khóc không thành tiếng.

Lên tàu , Những người thủy thủ phải bế từng hai người như bế con nít đi tắm. Lúc đó đầu tóc tôi như rơm rạ. Tôi sụt còn 29 ký ! Mặt mũi cháy đen đúa như quỷ , đầu có trắng trẻo như bây giờ. Tắm xong họ phát cho phụ nữ những chiếc áo đầm rộng thùng thình , trông tức cười mà chẳng ai còn hơi để mà cười. Họ sát xà bông cho mình và kỳ lưng cho mình nữa ! May mà họ không nhìn thấy chí bò trên đầu mình . Mà có thấy thì chắc chẳng ai còn mắc cỡ gì. Một muốn chết.

Làm vệ sinh thân thể xong , họ phát cho mỗi người một cục xà bông , bánh kẹo , mà đâu có ăn nổi. Chỉ khát nước thôi. Khát đến khô họng. Mà bây giờ không cần có vàng mới có nước !

Khoảng 8 giờ đêm hôm đó , lại có một phụ nữ chết. Thật tội ! Chị mang theo hai đứa con 8 hoặc 9 tuổi gì đó. Bỏ chúng thì đang sống ở mỹ , chờ vợ con sang đoàn tụ. Thế mà lại có thêm một người nữa bị ném xuống biển. Hai đứa bé khóc mẹ trông thảm thương vô cùng. Tới nơi rồi mà còn chết.

Tối 10 giờ sáng ngày thứ 52 tàu cập bến Mã Lai. Nhưng tàu này nghèo quá không đủ tiền đóng cho chúng tôi. Lãng nhằng thủ tục giấy tờ mãi tới 7 giờ tối mới lên được bờ . May mà bà đại diện Cao Ủy Tị Nạn bảo lãnh nói sẽ đóng tiền sau. Tiền do chính phủ Thụy Điển cấp.

Lên đến đất liền chúng tôi mới biết là cái xuống ba lá của ông Ba Phối , bố của em Trung và em Kiệt cuối cùng đã trở về Việt Nam an toàn. Ông viết thư cho hai con nói họ phải lên đèn trên biển cả đến 9 ngày mới gặp tàu đánh cá ở Thuận Hải vớt. Có bao nhiêu vàng nộp hết lại còn phải theo tàu đánh cá hơn 10 ngày nữa mới được thả. Thế mà chúng tôi cứ tưởng cá mập ăn hai người rồi. Số không chết là không chết .

Bây giờ tới bến tự do , tôi lại phải vượt biển lần nữa. Cái biển ESL , cái biển công ăn việc làm , biển hôn nhân , biển nhớ gia đình , bạn bè , quê hương.

Nguyễn Tiến Đức

* Sinh ngày 9 tháng 3 năm 1937 tại Lạng Sơn.

* Tốt nghiệp đại học Sư Phạm Sài Gòn

* Giảng viên Anh Ngữ trường Sinh Ngữ Quân Đội

* Viết chuyện ngắn , phiếm luận và thơ trước năm 1975 tại Sài Gòn và sau năm 1990 tại Hoa Kỳ

* Đã xuất bản hai tập truyện ngắn và một tập thơ.



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhật Ký của T

Vũ Thị Thiên Thu

(Nhật Ký người vượt biển)

Ngày..tháng...

- Tàu về , sẽ khởi hành tối nay , đã chuẩn bị xong chưa?
- Chị đem mấy cái tập vở này theo làm gì ? Nặng nề chật chỗ , không lo xếp quần áo vào.
- Nhưng bỏ lại không đành , chỉ còn lại bấy nhiêu...
- Chị lắm cảm quá , mạng sống biết có giữ được không ở đó mà tiếc mớ giấy mong manh.

Tôi tự nhủ lòng thân còn chưa biết có giữ được hay không thì chữ nghĩa còn lại có gì mà tiếc rẻ , tất cả rồi cũng chỉ là cát bụi phù du , bao nhiêu là sách vở , bao nhiêu là bút mực...ngày qua ngày , đêm thâu đêm...Có gì thương tiếc nữa? Sống không có thấy ngày mai , chết chưa biết mồ mả...

Ngày..tháng...

Đêm tối đen như mực , xoè bàn tay không thấy ngón. Chân lảo đảo khắp khênh , tiếng chó sủa xa xa thật rộn người. Như bầy mù theo nhau , bước dậm bước chân dừng lại nghe ngóng. Đêm tĩnh lặng đến tê người...

Mảnh ván mỏng oằn oại theo bước chân , từ bờ xuống nghe như vạn dặm , chỉ có cây sào tre làm gậy chống , một tiếng động nhỏ vang trong đêm yên , như tiếng đại bác những ngày nằm trong căn gác ven đô , bao giờ còn nghe tiếng đạn réo ngang trên đầu là biết mình vừa thoát...

Tiếng người rơi bồm xuống nước , tiếng kêu nuột vội vào cô hòng , tiếng quần áo sào sạt , bàn tay ướt run rẩy nắm bàn tay , tiếng tim đập cuồn cuộn trong lồng ngực , tiếng nói thì thầm;

-Phải cởi áo ướt ra , mặc tạm cái áo len này cho đỡ lạnh.

-Khẽ thôi , tiếng động trên sông vang xa lắm.

Tôi nắm bàn tay em trấn an , hai đứa ngồi sát nhau trong khoang cố gắng chia cho chút hơi ấm. Tiếng sào chống xuống nước nhịp nhàng , cuối cùng rồi chiếc ghe cũng chuyển động , từ đây ra sông lớn còn bao xa ? Dù có bao xa thì cũng không còn đường trở lại , ghe đã tách bến rồi.

-Sợ quá , bao lâu nữa mới ra sông?

-Sắp ra sông rồi , khẽ thôi.

Cố gắng giữ lại tiếng hai hàm răng lạnh khua nhau , âm thanh nhỏ nhoi cũng đủ kinh động đất trời. Bên kia sông ánh đèn lập loè phía Tân Đông , Tân Tây , dưới nữa là O Môn , Bình Thủy , Trà Nóc , qua khỏi Cần Thơ trời chưa rạng sáng , thở được rồi , lồng ngực thôi thóp từ đêm qua , bao nhiêu dây thần kinh trong đầu đều căng cứng , chỉ cần một dao động nhỏ cũng đứt. Gần tới Cái Vồn , bên dòng nước xoáy , chiếc tam bản trong sông chèo ngang chặn đầu , cái nón lá che khuôn mặt , tiếng nói vội vàng;

- Về , phân tán mỏng , chia nhau các ngã , lên bến xe đò , tìm chuyến khác nhau mà đi .

- Tàu bẻ hộp số , đã kéo về ụ nằm , tất cả phải phân tán mỏng , chờ thời điểm khác.

Ngày..tháng...

Có lệnh công tác , sắp tết rồi mọi việc như dầu sôi. Làm sao đi được , hòng chuyện hết , lấy lý do gì để từ chối bây giờ ?

- Chị cứ đi , có gì về cũng kịp mà.

- Biết chị đang ở đâu mà nhắn.

- Tàu phải chờ sửa cho xong con heo dầu mới có thể chạy thử , phụ tùng vẫn chưa mua được , chưa biết đến bao giờ mới có thể ráp vào.

Ngày..tháng...

Đêm nằm ở bãi sau có tiếng nói thì thầm , xa xa ánh đèn như bóng ma chơi , nhớ những ngày nằm ở Bãi Dương, Phụ Tử , Hà Tiên...Cũng biển sóng thì trào , cũng gió khuya tê buốt , đem lửa trại với tiếng hát chất ngất trong tim.

- Chị vào đi chứ , lại bị kiểm thảo bây giờ , đôi mắt cú vọ cứ theo chị mãi.

- Chị biết , nhưng biển đêm nay thật bình yên , chị muốn uống tất cả...

Qua bao nhiêu là chặng đường , hãy cố mở mắt ra , hãy cố thu cho đầy những ngăn tim óc. Quê hương , như vết dao đâm , như vết thương muối xát , làm sao mà nhớ hết đồi núi trùng trùng , làm sao mà ghi đầy biển xanh ngát , bờ cát nổi bờ cát , ghềnh nổi ghềnh , núi tiếp núi , mỗi địa danh như một đóa hoa , mỗi con đường như một mạch máu , bao nhiêu bài hát , bấy nhiêu bài thơ , ngôn ngữ nào diễn đạt...??

Ơi Tuy Hòa , Ơi Hồng Lĩnh ! Non nước nào còn sống mãi trong những câu ca? Ơi Hải Vân mây ngàn , Ơi Tam Giang nước bạc ! Bóng hoàng thành rêu phong buồn ủ rũ , đài Nam Giao lặng lẽ một màu tang , tang khó đã bao lâu, nhớ thương ngọn cờ vàng ngày nào bao máu xương cố giữ.

Ngày..tháng...

Tất cả xếp hàng trang , gói đôi đòn bánh tét , ngồi chờ con đồ vô định , nắng lấp lánh theo nhau , nắng vàng vọt sắp tàn , như tượng đá trăm năm. Sao chưa thấy người dẫn đường đến đón? Từng giây phút trôi qua , như nghìn ngày mòn mỏi ...

Trở về ngôi nhà thân quen , mắt mẹ đỏ hoe , mấy chồng áo dài xếp lại phẳng phiu , sách vở nằm bên nhau lặng lẽ.

- Mẹ tưởng con đã đi rồi.

- Chờ mãi không thấy tàu lớn đến đón , sợ lộ con phải qua về .

Sáng ngày ra điếm hẹn , lại ngồi chờ miên man. Người xưa bảo nhất quá tam , bao nhiêu lần quá tam rồi , không còn can đảm đếm. Chiếc xuồng máy nhỏ như lá trúc , cái giỏ bàng chứa mấy trái quýt chín khô khốc , mấy đòn bánh tét cứng trên bàn thờ , bà cô theo ra tận bến đò , dúi vào tay chiếc nhẫn vàng mong manh;

- Con đi bình an , Bà cầu nguyện hằng đêm , hãy nhớ.

Nắng như thiêu , chiếc xuồng tam bản gắn mấy đuôi tôm ì ạch , lốc máy trơ trọi , tuổi đời chẳng biết đã sống đi chế lại bao nhiêu lần , nhìn xác xơ như con chó ốm , người chủ quán mấy vòng dây , giựt mãi mấy tiếng ho he không nổi , tôi ngồi căng mắt nhìn lại sau lưng , mấy khóm lục bình hồ hững trôi xuôi theo dòng , bóng bà cô đứng dưới trại lá bên bờ sông nhỏ dần , mờ dần.

Anh Tuấn không ngừng tay tát nước , hai cái lỗ một tí tí cũng đủ làm nước đầy khoang , cử động nhịp nhàng anh tát nước nổi xôn xao lo lắng? Mặt anh đỏ như rắng chiều , mấy đôi mắt e dè không dám nhìn nhau , nỗi sợ hãi mệnh mang...Đi nửa ngày đường vẫn chưa thấy bến đò , bóng tối chưa kịp về , phương đông đã thấy ánh trăng lấp ló.

Lại thêm một đêm nữa nằm trong lòng tàu nghe từng nhịp tim đập , chung quanh đầy người lạ , người quen , nhìn nhau lặng lẽ , không dám mở miệng chào nhau , từng ghe nhỏ đổ thêm người. Còn bao nhiêu nữa , trong hầm tàu chật như nêm , người ngồi bó gối sát bên nhau , nhịp thở lo âu ngột ngạt , tiếng tim đập sợ hãi , mặt đầy nỗi băng khuâng. Tiếng người thì thào , nước ròng , phải chờ con nước lên tàu mới ra cửa được , đã có bao nhiêu tàu đi không ước lượng được mực nước chưa lên cao , nằm mắc cạn chơ chơ trên cồn cát. Chín cửa sông Cửu Long , phía bên dòng sông Hậu luôn bồi đắp phù sa , chỉ cần đi lệch một chút thôi là vướng vào bãi cạn , chỉ sớm trễ một chút thôi là cõng lên cồn cát mới nổi . Trăng non nhảy múa trên mấy ngọn dừa dọc theo bờ sông , tiếng máy tàu dẫn đường khi xa khi gần , khi to khi nhỏ.

Trong bóng tối chập choạng , tiếng người nói trên buồng lái:

- Đèn báo đầu , có thấy ngọn đèn trước mặt không?

- Chẳng thấy bóng tàu dẫn đường đâu hết , đi lạc rồi , ở đây chờ hay đi tiếp tục.

- Cứ đi chậm chậm , hãm máy lại , khúc sông này cạn lắm , coi chừng vướng cồn.

Tàu ngừng lại , bao nhiêu đôi mắt mở to trong bóng tối , lo âu nhìn nhau , tiếng thở dài nhen ngào , thần kinh căng thẳng. Tiếng cầu nguyện thì thào , bàn tay lần chuỗi không ngừng , lườn tàu trườn lên bãi cát ngầm...

Lạy trời , xin cho cồn cát lặn đi , cho con nước mau lớn , Bảy Giã còn bao xa ? Không qua được thì phải trở về lần này , lại đối đầu với bao nhiêu là gian nan , chưa biết có vượt được đám công an đánh hơi lù lợt như ruồi nhặng vây quanh...Chưa biết giải thích thế nào với xếp ? Bao nhiêu ngày vắng mặt không lý do...Thôi không muốn nghĩ đến những điều không dám nghĩ.

Tiếng người trên boong lồng lộn , con tàu run rẩy , ì ạch , bên phải bên trái , có lúc nghiêng người , có lúc oằn oại , trăng non khuất dần , rặng ngày lấp ló , tiếng cầu kinh không ngừng , cầu cho nước lên , nỗi chờ đợi thấp thòm , chờ đợi thiết tha , sự sống chết treo trên ngọn thủy triều...

Ngày..tháng...

Nắng nhảy múa , nắng ca hát , nắng xôn xao...qua một ngày một đêm lênh đêngh , không thể diễn tả được , hơi thở nén lại trong lồng ngực suốt đêm , con tàu như chim sồ lồng , vừa ra khỏi cửa sông là chạy trốn chết , chạy bán mạng , chạy điên cuồng trên biển cả mệnh mang...

Lượn sóng đầu tiên vỗ vào thành tàu bấp bênh , tiếng nồn oẹ cùng lúc bao nhiêu người , ban đầu còn mấy cái bọc nylon , lần lượt cũng hết , trong hầm tàu nồng nực mùi bệnh hoạn , mùi mồ hôi người , mùi dầu chai trét vỏ tàu...tất cả như tử khí ám ảnh theo đuôi , ký ức mệt nhoài , tim khô cạn kiệt , bờ đầu , bên đầu?

Đôi môi khô mặn đắng , chỉ thấy bốn bề biển xanh ngút ngàn.

- Em khát nước.

- Cố gắng lên , thấm mấy giọt cho cổ họng bớt khô. Ngồi dựa lưng vào đây , thở một chút gió biển trong lành.

Nhìn em thiếp đi trong nắng sớm , khuôn mặt nhỏ ngây thơ , nhớ lại dáng mẹ đứng trước hiên nhà , dưới mấy hàng cau , trời sáng mờ mờ không nhìn được mấy giọt nước mắt long lanh...

Mẹ đã nguyện bao đêm??

Ngày ...tháng

Đêm ngày không còn ý nghĩa , sức cùng , lực kiệt , sự sống chết , lẽ vô thường...sao lại bậm tâm...?

Ngày..tháng...

Kula Trengganu , Malaysia , nỗi vui mừng đến bến bờ bình an chưa kịp nở , đêm trên bãi bó gối nhìn nhau , con tàu đã chìm dần khuất dạng từ lâu , một nửa đồng hành đoàn xe vận tải xúc đi đâu mất , con đường bụi mù quanh quẩn sau những rặng cây xanh , bóng đèn thấp thoáng của thành phố ẩn hiện xa xa , những bóng nhà thấp cao như bóng

ma chập chờn mời gọi , đêm với tiếng sóng vỗ như thét gào , như giận dữ , cổ ngồi gần lại với nhau , manh áo che chung , sương đêm thấm dần , muối bám vào môi , vào chân tóc , vào thịt da mặt đắng xót xa...

Ngày..tháng...

Merang , hàng chữ ngã nghiêng trên tấm bảng gỗ , mấy nóc gia thấp thoáng sau hàng dừa , tiếng sóng biển xa xa...Xe ngừng lại , đoàn người bước xuống như bầy cừu ngơ ngác theo nhau , qua con đường bụi mù , trên chiếc xe cam nhông như con ngựa hoang lồng lộn , đôi chân như treo đá nghìn cân , người đàn ông bên cạnh viên cảnh sát mặc sắc phục bước ra , cất tiếng Việt chào nhau ngọt ngào bờ ngỡ:

- Đây là Pulau Besar , xin chào tất cả quý vị .

Có phải đây là chặng cuối của con đường , qua những cánh rừng xanh ngút ngàn , qua những sợ hãi cuồng cuồng , qua những khắc khoải lo âu. Tên bây giờ là thuyền nhân , là dân tị nạn , không còn quốc gia không có sổ thông hành , chẳng còn chứng minh nhân dân...những tờ giấy úa vàng , tờ khai sinh tơi tả , cái thẻ sinh viên bèo nhèo , hay cái mặt ngơ ngác trong tờ căn cước bọc nhựa cũ...Trong sổ bộ của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc chỉ còn sổ tàu làm đơn vị , trong trại tạm cư chỉ có sổ lều cư ngụ và khu trại theo trình tự A,B,C...mưa nắng qua ngày...

Ngày..tháng...

- Bên kia sườn đồi cạnh bờ cát có mấy nấm mộ cầu ai vậy?

- Mộ của người vượt biên đắm tàu.

- Có biết thân nhân là ai không để báo tin?

- Trên nghĩa trang ở Trengganu cũng có chín ngôi mộ người bị đắm tàu chôn ở đó.

-Chuyện vượt biên chết sống khó lường , mồ yên đã là hạnh phúc.

Vượt biên đi tìm sự sống bằng con đường chết , xác nằm đây hay đại dương , còn có nghĩa lý gì?

Ngày..tháng...

Buổi sáng nắng chưa lên cao , bờ biển lác đác những người đi tắm sớm , tất cả khu trại chỉ có vài cái giếng nước , hàng ngày nối đuôi nhau để chờ nước nấu ăn đã là chuyện nhiều khê , tắm giặt chưa dám nghĩ , từ trại ra biển chỉ cách một đoạn đường , dù có ngại ngần cũng phải theo nhau sáng chiều ra bãi tắm.

Ngày..tháng...

Tháng giêng , con đường đi về giữa hội trường và căn lều tạm trú nắng mưa , nắng như thiêu đốt , nắng như ngọn đèn pha cực mạnh chiếu thẳng vào đôi mắt , mưa như xối nước lên đầu , đi một phút trong mưa ướt loi ngoi như rơi xuống nước . Túp lều dựng lên đơn sơ , mái lợp bằng lá dừa nước , mấy anh em theo nhau qua bên kia chiếc giường con , mấy góc cột tràm khăng khiu đóng thờ ơ xuống nền cát , những ngày mưa giông , mỗi đứa ra ngồi ôm một góc lều , cái sức mạnh trăm cân có là bao mà hông mang ra làm neo giữ lại ? Đêm mây chị em nằm sát vào nhau như cá hộp trên cái giường nằm mảnh ván tí teo , chỉ sợ trở mình rơi xuống cát , trời tối đen như mực , rần rết bò lang thang...Hàng ngày nắm nín nhau làm công tác vệ sinh ở bìa rừng nhấp nhô bước rón rén chỉ ngại vô tình kinh động rần rết , sâu bọ rừng Malaysia...

Ngọn hải đăng đứng bơ vơ trên đỉnh đồi , dưới chân là con đường mòn vòng quanh bờ cát dẫn vào làng đánh cá bên kia sông , thủy triều xuống phơi bãi cát vàng lóng lánh ánh mặt trời , hàng dừa cao như cổ thụ , lá reo vui với gió biển rì rào . Làng Merang chỉ có mấy nóc gia xơ xác dân cư hiền lành , phía đầu làng , có một khu đất trống nơi chợ phiên nhóm họp mỗi tuần hai lần , hàng hóa bày bán trên những sàn xe cũ kỹ , cạnh đó có mỗi gian hàng tạp hóa bán từ cây kim đến chiếc phi thuyền...và cũng là quán nước , nơi khách dừng chân , uống tách trà đường pha chút sữa dê , nhấm nháp miếng bán bột mì nướng trên chảo nóng , thức ăn đơn sơ , đời sống giản dị , cho đến khi những chuyến xe cam nhông chở đầy dân tị nạn đổ xuống bán đảo bên kia bờ sông...

Ngày..tháng...

- Chị chờ em một chút , em mượn nồi về cho chị nấu cơm.

- Mượn của ai bây giờ?

- Bên vợ chồng anh Trác chỗ hội trường , hay đằng bác Năm bên khu E cũng được.

Mấy đứa em chia nhau tất tả đi tìm phương tiện để sinh sống hàng ngày , từ cái nồi nấu cơm cho đến gạo , muối , thức ăn , dao rựa đi đốn củi , thùng chứa nước ăn...Nhất nhất đều trông cậy vào sự giúp đỡ của người đến trước. Cuối khu E , nằm lẻ loi ở bìa rừng , túp lều nhỏ thật khang trang , nơi cư trú của năm cụ già tóc bạc , họ là dân đánh cá vùng Rạch Sỏi , bị cướp tàu và chở tuốt sang đây. Họ Ở đây từ lâu , nhiều lần Cao Ủy đến phỏng vấn , họ chỉ muốn quay về quê nhà , bọn trẻ gọi đùa họ là chúa đảo. Bác Năm , người lớn tuổi nhất nhìn lũ chúng tôi như con mồi côi sống chung nhau lây lất , khi lưới được con cá , lúc bắt được con kỳ đà , cá sấu con...Cái thứ gì có thể làm thức ăn là mang sang cho bọn trẻ.

Bác Năm đan cho manh lưới nhỏ , dạy cách giăng lưới ở cuối gành , biển Malaysia đầy cá mập , cá thu , những con cá nhỏ bơi rất gần bờ , đó chính là nguồn thực phẩm của dân chài bên kia sông và luôn cầu chúng tôi , mấy bàn tay học trò , khi xưa còn ăn bám vào bố mẹ , sang đến đây vốn liếng đầu đời chỉ nằm trong bao nhiêu khóa huấn luyện thanh niên...những trò chơi lớn ngày cấp sách tới trường , bây giờ mới thực sự mang ra ứng dụng tranh đấu cho sự sống còn.

Chung quanh trại cách bờ sông nhỏ là khu rừng lá , tràm đước và cây mắm mọc tràn lan , nhờ vào những cây tạp này làm củi đốt để nấu nướng hàng ngày , ban đầu còn tìm được tràm con , cho đến lúc không còn thì cây mắm hay

bất cứ cây gì đốn được. Tháng tư , đầu mùa mưa dai dẳng , củi đốn hàng ngày , phơi gói đầu chưa kịp khô , mỗi lần nhóm lửa nấu cơm giọt nước mắt vẫn dài...

Ngày..tháng...

- Có phải đoàn Canada vào trại.

Cả trại xôn xao , hội trường dập dìu như Tết , mọi người xúng xính trong bộ quần áo xếp cẩn thận còn nguyên nếp , trẻ con tóc tai chải gọn gàng. Phái đoàn chỉ có hai người và chồng hồ sơ , họ đến làm thủ tục cho những gia đình có thân nhân thật sự đã định cư ở Canada muốn xin đoàn tụ , một số khác nạp đơn với hy vọng bị “xử”. Có những tin tức truyền miệng rất nhanh trong trại tị nạn , người hoang mang kẻ vô định. Những người muốn xin định cư trên đất Mỹ , nếu không có thân nhân bảo lãnh thường gọi nhau là con bà phước , muốn xin đi Mỹ ít nhất phải có hai quốc gia từ chối , những mẩu chuyện hàng ngày , bên lề chợ búa: phái đoàn Canada và Australia chỉ nhận những thanh thiếu niên nam nữ độc thân , hay gia đình nhỏ ít con. Phái đoàn Pháp nhận người có thân nhân , phái đoàn Thụy Sĩ nhận gia đình có người tàn tật , nhất là trẻ con , vì lý do nhân đạo...

Ngày..tháng...

- Cô nói với ông Mỹ tôi là Trung Tá Y Sĩ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

- Chú ơi ! Trung Sỹ Y Tá thì cháu nói được chứ Trung Tá Y i5 thì chú nói đi.

- Cô có nhiệm vụ thông dịch mà !

- Dạ , cháu chỉ tình nguyện điền đơn giúp mọi người thôi.

- Cô khai dùm tôi là lính Việt Nam Cộng Hòa .

- Chú còn nhớ số quân và đơn vị không?

- Lính kiềng mà !

- Làm sao cháu khai bây giờ

- Vợ chồng tôi không có hôn thú , đi trốn nhiều lần , đắm tàu nên không còn giấy tờ gì hết.

- Cháu chỉ ghi theo lời khai thôi.

Ngày..tháng...

Thêm một chuyến xe đổ người vào trại , mực ghi danh sách chưa kịp khô , ban y tế gọi bác sĩ trực lên hội trường băng dùm nạn nhân một vụ đánh ghen , người đàn ông hôm nọ và cô vợ hờ dất nhau đi , người vợ kéo cột và bầy con thơ vừa theo tới đảo , anh chồng chưa kịp phân trần thì đã đổ máu vì đòn ghen...

Ngày..tháng...

Ban đại diện , những người tình nguyện làm công tác tổ chức điều hành , nhân số lên ào ạt từ những chuyến tàu chở hàng trăm người. Trại phát sinh nhiều tệ nạn , đánh nhau , tranh giành quyền lợi vì chia xẻ không đồng đều , thanh toán nợ nần cũ mang theo từ quê nhà , hàng quán mọc lên chung quanh hội trường , nơi mọi người tụ tập nghe ngóng tin tức. Ban đêm cũng là nơi ca nhạc tụ họp. Cảnh sát Malaysia có một trạm gác nằm bên kia sông , chỉ liên lạc khi gặp những trường hợp cấp cứu , thương tích trầm trọng , sinh nở...

Ban y tế gồm nhiều bác sĩ làm việc với hội Hồng Thập Tự , nhưng phương tiện rất thô sơ , hầu hết những bệnh nặng đều phải đưa về bệnh viện lớn ở thành phố Trengganu.

Ban trật tự gồm những cựu quân nhân của các lực lượng đặc biệt , người nhái , hay những võ sư thuộc các võ đường , tổ chức tuần hành ban đêm. Giải tán các vụ đánh nhau , hay tranh giành quyền lợi , gìn giữ an ninh trật tự khi các phái đoàn vào trại...

Ban xã hội lo tiếp đón các thuyền nhân mới nhập trại , lập danh sách , khai báo nơi tạm trú , phân phát thực phẩm , hàng hóa , quần áo , do hội Hồng Thập Tự hay các phái đoàn mang vào.

Các phái đoàn vào phỏng vấn tị nạn thường mang theo quà cáp , thuốc men , giấy bút...để tặng cho thuyền nhân. Tháp tùng với phái đoàn của các quốc gia hay Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc còn có một vị linh mục , Cha vào làm lễ cho giáo dân trên đảo , và mang các thứ quà cáp , tiền bạc do thân nhân gửi vào từ các xứ tự do , đồng thời mang thư từ trong trại ra cho thân nhân , bạn bè bên ngoài , thông báo tin tức..

Ngày..tháng...

Bên cạnh những lo âu , những chờ đợi , trong cái khuôn viên bán đảo tí teo chứa hàng ngàn người , mỗi đơn vị gia đình là mái lều cất san sát nhau có những mảnh vườn con con , có những luống hoa nho nhỏ. Chuyện trong nhà không trình ngoài ngõ đã hay.

Ban trật tự tất tả chạy giảng hòa chuyện trong nhà khu C , chuyện đánh ghen khu E...Trưởng trại nửa đêm phải vào hội trường phóng loa sang đồn cảnh sát xin phương tiện cấp cứu...Ôi ! Đã chạy lấy mạng sống sang đây mà còn mang theo máu Hoạn Thư làm náo loạn đêm thâu , rung chuyển ngày dài...

Dân số trong trại tăng theo những chuyến đổ người ào ạt . Vào trại , không có những phương tiện truyền thông , có một số xin được cái radio của thân nhân bắt được làn sóng ngắn , tin tức giới hạn , thỉnh thoảng có đội viên cảnh sát người Malaysia nói tiếng Quảng Đông mang hàng hóa vò buôn bán , có được bản Anh ngữ của tờ nhật báo nào là xúm nhau đọc và thông tin cho cả trại.

Phái đoàn Hoa Kỳ vào trại mang theo máy phát điện nhỏ để xử dụng hệ thống loa phát thanh , làm cái đọc chút tin tức bên ngoài , đọc danh sách người được vào phỏng vấn và chạy mấy cái quạt nhỏ xua bớt cái nóng bức của mùa hè nhiệt đới Mã Lai , mấy anh Mỹ to cao kèn cà lau mồ hôi nhỏ giọt , làm việc cả ngày chưa thanh toán được một nửa chồng hồ sơ cao như đỉnh núi. Những khuôn mặt tị nạn buồn thiu chờ từ rạng sáng cho đến lúc mặt trời

ngã về tây , cái bóng cao ngả dài trên cát , bước liêu xiêu xuống tàu về bên kia sông , dáng bơ phờ mệt mỏi , bao nhiêu đôi mắt đợi chờ cả ngày thất vọng nhìn theo bóng chiều đổ xuống , mặt cát nóng sa mạc cũng lạnh tanh...

Ngày..tháng...

Luồng sóng tợn nạn như bão táp , dân số trong trại tăng nhanh hơn sức chứa đựng của bán đảo bé tí như bàn tay , thuyền nhân lần ra khu rừng thấp xung quanh phạm vi hội trường dựng lên những chòi lá thô sơ , từ khu A , B , C tăng lên D , E , F cùng với nhịp gia tăng , sự hỗn loạn không tránh được và sự phong tỏa của chính quyền Malaysia , sinh ra những chuyến vượt sông buồn lậu hàng hóa , cuộc sống hiền hòa của dân làng bên kia sông đảo lộn , hàng rào cô lập xiết chặt , lệnh cấm sang sông , nguồn thực phẩm và các thứ cần dùng chỉ chuyên chở bằng những chuyến tàu mỗi tuần , chỉ có bệnh nhân trầm trọng cần được cấp cứu và đưa đi bệnh viện được phép sang sông cùng đi với bác sĩ trong trại.

Giữa những bối rối đó , sự trông chờ càng dai dẳng , ngày qua ngày ...

Ngày..tháng...

Mỗi lần có danh sách đi định cư là một lần đưa nhau sang sông không trở lại , những thân quen thấp thoáng , những nỗi buồn chia ly. Rồi cũng đến lúc thực tế chia tay , mấy chị em đi cậ , một đôi đứa bạn bè...về nam bán cầu , Australia...chia tay nhau ở bờ sông , nước mắt đôi dòng. Thừa trốn chạy triền miên , thừa khó khăn cảm đoán , thoát được gông cùm thử được không khí tự do , cũng là lúc chia ly ngàn trùng.

Trở về mái lều trống trải , nhìn mấy mảnh khăn xếp lại , cái thân phận bị “xử” nằm chờ các phái đoàn vào phỏng vấn , nhớ câu hát ngày nào ...đời chia như nhánh sông...

Ngày..tháng...

- Chị , em vớt được mấy tên này.

- Em đang lang thang ngoài hội trường thì thấy thẳng cao giò , mừng quá ! biết chị đi lâu rồi mà không biết ở đảo nào , thấy nó là biết ngay , nó đứng ở trong đám đông cao hơn thiên hạ cả cái đầu.

- Tụi em đi mấy hôm rồi?

- Gần một tuần trên biển , Phương chỉ đưa em đi gặp Liêm , Nguyên kéo lên tàu luôn , giờ sang đây chỉ có bộ quần áo trên người...

- không cần phải lo , các em đã sang đến đây rồi , thôi cứ tạm trú với chị , Sơn ơi ! Em đi nhặt thêm một ít thứ cần dùng , còn quần áo cho Phương thì chị sẽ tìm cách

Ngày..tháng...

- Chị à , em chỉ còn một tháng nữa là tới ngày sinh.

- Lần trước em sinh bé Hoàng có gặp gì trở ngại không?

- Em có bà bác ở Bình Hòa giỏi lắm , bác hộ sinh cả bao nhiêu năm , con đầu mà em chỉ đau có một ngày thôi.

- Cầu trời cho em được bình an nhanh chóng như lần trước. Chị chẳng biết gì hơn để giúp em....Mai chị đưa em lên ban y tế xin khám bệnh và hỏi bác sĩ Tuyết Mai , chị ấy ở sản khoa , hy vọng sẽ giúp em.

Ngày..tháng...

- Em muốn đặt nó tên là Minh Tâm , chỉ mong sau này dù có định cư ở bất cứ quốc gia nào nó cũng không quên nguồn cội , luôn có một trái tim trong sáng dẫn dắt cho mọi hành động...

Ngày..tháng...

Những lần ra hội trường đón tìm người thân , đọc cái danh sách lê thê không có tên mình , lặng lẽ trở về lều , bao đêm chong đèn thức trắng. Trại hoàn toàn phong tỏa , nghe nói tất cả thuyền nhân vào lãnh hải Malaysia sẽ bị tập trung vào một hoang đảo ngoài khơi. Pulau Bidong , buồn bi đát...

Chờ đợi biết bao ngày , cầm tờ danh sách trên tay , như giấc mơ. Ngày mai , sang sông...

::: Vũ Thị Thiên Thư :::